

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

VĂN KIỆN ĐẢNG
TOÀN TẬP
TẬP 45
1984

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 2006

của Tổng Bí thư Lê Duẩn, bài phát biểu của đồng chí Trường Chinh tại Hội nghị lần thứ sáu và Lời khai mạc của Tổng Bí thư Lê Duẩn tại Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Mặc dù chúng tôi đã có cố gắng trong công tác sưu tầm tài liệu, biên tập, song không tránh khỏi những thiếu sót, mong bạn đọc góp ý.

Xin trân trọng giới thiệu tập 45, *Văn kiện Đảng toàn tập* cùng bạn đọc.

Tháng 3 năm 2006

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

LỜI GIỚI THIỆU TẬP 45

Văn kiện Đảng toàn tập, tập 45 phản ánh hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng trong năm 1984.

Các văn kiện trong tập 45 phản ánh sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, tập trung vào những nhiệm vụ quan trọng và cấp bách: kiện toàn tổ chức và phương thức làm việc của Đảng từ Trung ương đến cơ sở; tăng cường chỉ đạo công tác báo chí, xuất bản, văn học - nghệ thuật; bầu cử Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân các cấp; tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp ở Nam Bộ; khuyến khích phát triển kinh tế, nhất là kinh tế quốc doanh nhằm giải quyết khó khăn về lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng; cải tiến công tác quản lý kinh tế, tăng cường cấp huyện; bàn về cải tiến chế độ tiền lương, cân đối tiền - hàng và những biện pháp bảo đảm đời sống của lực lượng vũ trang, công nhân, viên chức.

Năm 1984 diễn ra hai Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương: Hội nghị lần thứ sáu (hợp từ ngày 3 đến ngày 10-7) bàn về *Những nhiệm vụ cấp bách trong công tác cải tiến quản lý kinh tế*; Hội nghị Trung ương lần thứ bảy (hợp từ ngày 11 đến ngày 17-12) bàn về *Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1985*; về *Công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện*.

Văn kiện Đảng toàn tập, tập 45 có 57 tài liệu gồm các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, thông tri, thông báo, báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, bài phát biểu

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 32-CT/TW, ngày 10 tháng 1 năm 1984

Về tăng cường công tác quản lý báo chí

Từ sau ngày đất nước thống nhất, sự nghiệp báo chí của ta có một bước phát triển cả về số lượng và chất lượng. Riêng về báo in, cả nước hiện có hơn 200 tờ báo và tạp chí xuất bản định kỳ. Ngoài ra, có mấy trăm tờ thông tin khoa học, kỹ thuật do các viện nghiên cứu, các trung tâm khoa học, kỹ thuật xuất bản. Thông tấn xã Việt Nam có đủ các phân xã ở khắp các tỉnh, thành phố trong nước và một số cơ sở thường trú ở nước ngoài, xuất bản nhiều loại tin đối nội và đối ngoại. Báo chí địa phương và báo chí các lực lượng vũ trang có một bước phát triển đáng kể.

Nhìn chung, lượng thông tin của báo chí được mở rộng; chất lượng từng bước có cải tiến. Báo chí cố gắng bám sát và phục vụ các nhiệm vụ chính trị, góp phần tích cực vào công tác tư tưởng và công tác tổ chức của Đảng. Tuy vậy, bên cạnh những ưu điểm và thành tích, báo chí của ta nội dung còn nghèo, tính tư tưởng, tính thực tiễn và tính chiến đấu chưa cao, hình thức kém hấp dẫn, sức thuyết phục và tác dụng giáo dục chưa mạnh. Số lượng phát hành thường quá thấp so với yêu cầu, khiến cho hiệu quả của báo chí bị hạn chế rõ rệt.

Công tác quản lý báo chí gần đây có cố gắng đi vào nền nếp. Nhưng do hệ thống báo chí chưa đáp ứng đầy đủ nhiệm vụ cách mạng, tình hình xã hội và yêu cầu của bạn đọc; bộ máy

quản lý báo chí lại chưa được kiện toàn, cho nên thời gian qua, đã có những việc làm không đúng, như một số địa phương hoặc ngành xuất bản báo không theo đúng luật lệ; một số báo ra phụ trương, phụ bản trái với quy định hiện hành; các báo chưa làm đầy đủ việc nộp lưu chiểu và báo cáo số lượng in; việc bổ nhiệm và điều động tổng biên tập, phó tổng biên tập các báo và tạp chí chưa làm đúng quy định của Trung ương, v.v..

Báo chí của ta là vũ khí sắc bén của Đảng để làm công tác tư tưởng và công tác tổ chức, là công cụ để thực hành chuyên chính vô sản, thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Để đưa công tác quản lý báo chí vào nền nếp, Ban Bí thư quy định thêm một số điểm cụ thể như sau:

- Trong điều kiện về giấy in, cơ sở vật chất, cán bộ cũng như tổ chức phát hành hiện nay chưa thể cho ra thêm nhiều tờ báo mới. Phương hướng chính là nâng cao chất lượng nội dung, cải tiến hình thức các tờ báo, tạp chí, tập san hiện có, tùy điều kiện mà tăng số lượng in và cải tiến việc phát hành cho đúng đối tượng và kịp thời, không để mất mát, không gây phiền hà cho người đọc, đồng thời tổ chức tốt việc sử dụng báo để nâng cao hiệu quả tuyên truyền.

Việc cho ra báo mới phải được xem xét, cân nhắc và quyết định từng trường hợp thật cần thiết và phù hợp với những quy định đã có. Cần xác định chức năng, nhiệm vụ, đối tượng, khuôn khổ, định kỳ, số lượng in, thể thức phát hành, tránh trùng với những tờ đã xuất bản. Soát lại những báo chí, tập san, nội san, bản tin đang lưu hành, tờ nào xét thấy cần thiết mà chưa làm đúng thủ tục thì cơ quan chức năng

phải hướng dẫn làm đầy đủ các thủ tục như luật lệ hiện quy định; tờ nào xét chưa cần thiết hoặc chức năng, nhiệm vụ trùng với một số tờ đã có thì đình bản.

Báo chí của các lực lượng vũ trang và an ninh, trừ những tờ lưu hành nội bộ, đều phải làm đầy đủ mọi quy định về quản lý báo chí. Báo, tạp san, bản tin lưu hành nội bộ thì không được phát hành ra ngoài cơ quan, tổ chức của ngành mình, không được trao đổi với các báo chí lưu hành rộng rãi. Các cơ quan khoa học, kỹ thuật chịu trách nhiệm toàn diện về các bản tin khoa học, kỹ thuật của ngành hoặc cơ quan mình. Nội dung bản tin và việc phát hành những bản tin ấy phải nhằm đúng đối tượng và có đăng ký tại cơ quan chức năng của Nhà nước (hiện nay là Cục Xuất bản và Báo chí thuộc Bộ Văn hóa). Trường hợp bản tin phát hành nhằm đối tượng là bạn đọc rộng rãi thì phải làm đầy đủ mọi thủ tục và tuân theo luật lệ như mọi tờ báo, tạp chí khác. Các bản tin của Thông tấn xã Việt Nam có nhiệm vụ phục vụ các báo, đài và các cơ quan là chính. Những bản tin phát hành rộng rãi phục vụ trực tiếp bạn đọc thì phải làm đầy đủ thủ tục như mọi tờ báo khác.

2. Báo chí là vũ khí để làm công tác tư tưởng. Không thể vì thị hiếu của người đọc, lợi ích kinh doanh hay một lý do nào khác mà coi nhẹ nhiệm vụ chính trị đó, hoặc làm trái với chức năng, nhiệm vụ đã quy định. Tuyệt đối không được chạy theo khuynh hướng thương mại. Trong hoàn cảnh Nhà nước chưa cung cấp đủ giấy in, các địa phương, các ngành có thể khai thác khả năng về giấy của địa phương hoặc ngành mình (như tổ chức những cơ sở nhỏ sản xuất bột giấy hoặc

giấy) để tăng số lượng in. Việc định giá bán mỗi tờ báo phải xuất phát từ yêu cầu chính trị đối với tờ báo đó, kết hợp với tính toán giá thành và khả năng tiêu thụ, nhằm tiến tới thực hiện báo lấy thu bù chi.

Các báo chí muốn ra phụ san phải có kế hoạch và xin phép trước. Nội dung những ấn phẩm này phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của tờ báo. Các địa phương, các ngành không được lạm dụng quyền cho phép xuất bản tạm thời để cho ra những ấn phẩm định kỳ hoặc phụ san của các báo. Các báo muốn đổi khuôn khổ, định kỳ, số trang, số lượng phát hành đều phải xin phép. Ban biên tập báo không được đứng làm trung gian trong việc ấn loát, xuất bản để thu lãi.

Các báo được đăng quảng cáo; nội dung chủ yếu của quảng cáo là thông tin kinh tế. Mục đích quảng cáo là phục vụ sản xuất và tiêu dùng, khuyến khích nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến lưu thông, tuyên truyền lối sống lành mạnh, phục vụ nhu cầu đời sống vật chất và văn hóa của xã hội.

3. Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước tổng hợp nhu cầu giấy của toàn xã hội; trên cơ sở hướng dẫn khai thác các nguồn giấy sản xuất trong nước và nhập của nước ngoài mà định chỉ tiêu giấy dành cho báo chí theo kiến nghị của Ban Tuyên huấn Trung ương. Các cơ quan không được dùng giấy dành cho báo chí để in việc khác.

4. Phát hành báo chí là một công tác chính trị, kinh tế và xã hội, do Nhà nước thống nhất tổ chức và quản lý theo phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa và chế độ hạch toán kinh tế. Cần cải tiến công tác phát hành báo chí và xem xét định

lại tỷ lệ phí, nhằm tăng hiệu quả của báo chí và tạo thêm điều kiện cho các báo chí từng bước thực hiện lấy thu bù chi. Những tờ báo và tạp chí hiện đang do tòa báo tự tổ chức việc phát hành thì cần có kế hoạch từng bước chuyển giao việc phát hành cho bưu điện. Cơ quan bưu điện phải bảo đảm đưa tờ báo đến đúng đối tượng và không để sụt số lượng so với trước. Trường hợp bưu điện chưa đảm nhiệm được thì có thể tạm thời hai bên cùng tổ chức việc phát hành hoặc tòa báo tự phát hành thêm một thời gian nữa.

Báo chí của địa phương nào chỉ phát hành ở địa phương ấy. Việc bán sang địa phương khác cần được cơ quan cho phép ra báo xem xét và quyết định, với một tỷ lệ nhất định so với tổng số lượng in của tờ báo đó.

5. Tổng biên tập là người chịu trách nhiệm chính và toàn diện về mọi công việc của tờ báo. Việc bổ nhiệm tổng biên tập và phó tổng biên tập báo do cấp ủy hoặc lãnh đạo ngành mà tờ báo trực thuộc quyết định sau khi có ý kiến chấp thuận của Ban Tuyên huấn Trung ương (đã được Ban Bí thư ủy nhiệm). Nhằm tạo điều kiện cho cán bộ lãnh đạo báo chí đi sâu vào nghiệp vụ, việc điều động các tổng biên tập, phó tổng biên tập đi công tác khác cần được các cấp ủy cân nhắc kỹ.

6. Các báo ra hằng ngày được có nhà in riêng. Đối với báo địa phương không ra hằng ngày, nếu xét thấy cần thiết, tỉnh ủy, thành ủy có thể quyết định cho phép lập một bộ phận in nhỏ, do ban biên tập báo trực tiếp quản lý, để in báo được kịp thời và giảm chi phí.

7. Chỉ có các báo chí xuất bản ở trung ương mới được phép trao đổi với cơ quan báo chí xuất bản ở nước ngoài. Đối với báo địa phương xuất bản ở Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh thì Ban Tuyên huấn Trung ương cân nhắc và quyết định cụ thể.

Việc phát hành báo chí ra nước ngoài do Tổng công ty xuất nhập khẩu sách báo đảm nhiệm.

8. Ban Bí thư ủy nhiệm Ban Tuyên huấn Trung ương:

Xem xét và quyết định việc cho ra báo mới, định rõ chức năng, nhiệm vụ, phạm vi, đối tượng, khuôn khổ và số lượng và thể thức phát hành của từng tờ báo. Xem xét toàn bộ các báo, tạp chí, tập san, bản tin hiện có và quyết định đình bản những tờ báo ra không đúng luật lệ hoặc xét thấy không cần thiết. Quyết định về việc cho các báo ra phụ san, phụ bản bất thường.

Tổng hợp các yêu cầu và kiến nghị với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước chỉ tiêu giấy in báo chí hằng năm, quyết định phương hướng phân bố số lượng giấy cho các báo.

Chỉ đạo phương hướng phát hành báo chí. Cùng với Tổng cục Bưu điện, Ban Phân phối lưu thông và Bộ Văn hóa nghiên cứu và trình Hội đồng Bộ trưởng quyết định về tỷ lệ phí phát hành.

Cùng với Ủy ban Vật giá Nhà nước và Bộ Văn hóa quyết định giá các báo chí. Đối với những tờ báo do Ban Bí thư trực tiếp quản lý thì phải có ý kiến Ban Bí thư.

Cùng với Bộ Văn hóa xây dựng quy chế báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng khác (bao gồm báo in, thông tấn xã, phát thanh, truyền hình, phim thời sự và tài liệu...) để đề nghị Hội đồng Bộ trưởng ban hành.

T/M BAN BÍ THƯ
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 34-QĐ/TW, ngày 10 tháng 1 năm 1984

Về quy chế làm việc của đảng uỷ, chi uỷ cơ quan

Thi hành Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V và
Điều lệ của Đảng,

Để đề cao chế độ trách nhiệm, tăng cường sức chiến đấu
của đảng bộ, chi bộ cơ quan, nâng cao chất lượng sinh hoạt
của Đảng và công tác của các tổ chức ở cơ quan,

Để thể hiện và phát huy đúng cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà
nước quản lý, nhân dân lao động làm chủ tập thể trong điều
kiện cụ thể của các cơ quan,

Ban Bí thư quyết định quy chế làm việc của đảng uỷ, chi uỷ
cơ quan như sau:

**I- VỀ CHỨC TRÁCH, NHIỆM VỤ CỦA ĐẢNG ỦY,
CHI ỦY CƠ QUAN**

Điều 1: Đảng uỷ, chi uỷ cơ quan căn cứ vào nhiệm vụ, chức
trách của tổ chức cơ sở đảng ở cơ quan được quy định ở các

Điều 35 và 36 của *Điều lệ Đảng* để tiến hành mọi công tác của mình.

Trong khi thực hiện nhiệm vụ, chức trách nói trên phải nắm vững nội dung các quy định dưới đây:

Điều 2: Về nhiệm vụ lãnh đạo tư tưởng trong cơ quan.

a) Đảng uỷ, chi uỷ cơ quan trước hết phải làm tốt nhiệm vụ lãnh đạo tư tưởng và làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, làm cho mọi đảng viên, cán bộ, nhân viên trong cơ quan thấu suốt đường lối của Đảng, vị trí, nhiệm vụ của cơ quan, nâng cao tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình cách mạng, ý thức bảo vệ và chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, nhằm bảo đảm hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ, kế hoạch công tác của cơ quan.

b) Lãnh đạo cán bộ, nhân viên thi đua phát huy sáng kiến, cải tiến công tác, trau dồi năng lực, nghiệp vụ, tích luỹ kinh nghiệm và góp phần xây dựng, kiện toàn cơ quan. Tích cực đấu tranh chống quan liêu và mọi biểu hiện tiêu cực khác trong cán bộ, nhân viên.

c) Lãnh đạo tăng cường kỷ luật công tác, đề cao ý thức chấp hành chức trách, chế độ và nội quy công tác đã được quy định; chấp hành bốn chế độ Nhà nước đã ban hành: chế độ trách nhiệm; chế độ kỷ luật; chế độ bảo vệ của công; chế độ phục vụ nhân dân. Tham gia và động viên cán bộ, nhân viên tham gia vào việc cải tiến công tác của cơ quan.

Điều 3: Về "Kiểm tra tình hình đảng viên trong cơ quan kể cả đảng viên là thủ trưởng, thực hiện đường lối, chính sách, các nghị quyết của Đảng và pháp luật Nhà nước".

Đảng uỷ, chi uỷ cơ quan phải:

- Nắm chắc ý kiến của đảng viên, quần chúng trong sinh hoạt chi bộ, trong hội nghị cán bộ, nhân viên, qua tự phê bình, phê bình, qua sơ kết, tổng kết công tác chuyên môn và

trực tiếp nghe thủ trưởng cơ quan hoặc cán bộ phụ trách bộ phận phản ánh tình hình đảng viên trong cơ quan thực hiện đường lối, chính sách, các nghị quyết của Đảng và pháp luật Nhà nước trong cơ quan hoặc ở bộ phận.

- Khi thấy đảng viên nào, kể cả đảng viên là thủ trưởng có vấn đề cần xem xét về quan điểm, ý thức chấp hành đường lối, chính sách, nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước thì đảng uỷ, chi uỷ cơ quan yêu cầu đảng viên đó báo cáo để có kết luận rõ, đúng sự việc. Qua đó đảng uỷ, chi uỷ tiến hành giáo dục chính trị, tư tưởng cho đảng viên và quần chúng, biểu dương người tốt việc tốt, phê bình, thi hành kỷ luật hoặc đề nghị cấp trên thi hành kỷ luật những người phạm khuyết điểm nặng, góp ý kiến với người thủ trưởng về những thiếu sót trong công tác của cơ quan và báo cáo những vấn đề cần thiết với cơ quan cấp trên.

Điều 4: Về "đóng góp ý kiến vào việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong cơ quan".

- Đối với các việc nói trên như: chấp hành các chính sách, chế độ đối với cán bộ, nhân viên; thực hiện chế độ làm nghĩa vụ quân sự; chỉ đạo công tác bảo mật, phòng gian; tổ chức cải thiện đời sống trong cơ quan; thực hiện chính sách tiết kiệm, v.v. thì đảng uỷ, chi uỷ, chi bộ cần chủ động đề xuất hoặc theo yêu cầu của thủ trưởng mà đóng góp ý kiến về các vấn đề mà mình thấy cần thiết để việc chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước trong cơ quan được tốt. Phải kiểm tra đảng viên có trách nhiệm chấp hành các chính sách, chế độ đối với cán bộ, bảo đảm việc chấp hành đó được đúng đắn, công bằng theo đúng quy định của Đảng, Nhà nước.

Đồng chí bí thư đảng uỷ cơ quan được dự các kỳ họp của hội đồng bộ (tổng cục) hoặc của tập thể giám đốc, phó giám đốc của sở (ở tỉnh, thành), trưởng, phó phòng ban (ở huyện, quận...) để nắm tình hình và đóng góp ý kiến với lãnh đạo cơ quan về mọi vấn đề được đưa ra bàn bạc.

Điều 5: Về phát huy vai trò làm chủ tập thể của cán bộ, nhân viên và việc đẩy mạnh phong trào thi đua ở cơ quan.

Thực hiện nhiệm vụ thứ hai này trong Điều 35 của *Điều lệ Đảng*, đảng uỷ, chi uỷ cơ quan phải chú trọng:

a) Giáo dục nâng cao tinh thần làm chủ tập thể, tính tích cực, chủ động, sáng tạo, tinh thần đoàn kết hợp tác xã hội chủ nghĩa cho cán bộ, nhân viên.

b) Bảo đảm thực hiện đúng chế độ thủ trưởng bằng việc phát huy vai trò trách nhiệm của người thủ trưởng, đoàn kết giúp đỡ thủ trưởng hoàn thành nhiệm vụ; giáo dục ý thức tổ chức và kỷ luật trong cơ quan, lãnh đạo cán bộ, nhân viên chấp hành nghiêm chỉnh mệnh lệnh, chỉ thị của thủ trưởng; khắc phục mọi biểu hiện tự do, vô kỷ luật. Đồng thời giáo dục và động viên để nâng cao tính chủ động sáng tạo của cán bộ nhân viên, phát huy dân chủ nội bộ, ngăn ngừa, khắc phục mọi hiện tượng gia trưởng, độc đoán.

c) Giáo dục cán bộ, nhân viên nâng cao giác ngộ chính trị, tinh thần cảnh giác cách mạng, ý thức giữ gìn bí mật của Đảng và Nhà nước, phòng ngừa và kiên quyết chống mọi hành động phá hoại của địch.

d) Lãnh đạo công đoàn (trong đó có nữ công), Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh nâng cao chất lượng hoạt động, động viên cán bộ, nhân viên tích cực đóng góp ý kiến với thủ trưởng và các bộ phận của cơ quan trên các mặt công tác. Phối hợp với thủ trưởng tổ chức tốt hội nghị cán bộ,

nhân viên trong cơ quan, chỉ đạo tốt các đợt tự phê bình và phê bình, động viên quần chúng tham gia xây dựng đảng, đóng góp ý kiến với cán bộ, đảng viên khi cần thiết và trong các dịp sơ kết, tổng kết công tác.

Coi trọng lãnh đạo phong trào thi đua cải tiến công tác, cải tiến tổ chức trong cơ quan. Giáo dục đoàn viên, hội viên phấn đấu nêu cao tinh thần trách nhiệm, làm tốt nhiệm vụ được giao và tham gia các phong trào quần chúng trong cơ quan và ở địa phương nơi ở.

Có kế hoạch và biện pháp lãnh đạo các đoàn thể quần chúng, nhất là công đoàn, chăm sóc, bảo đảm quyền lợi của đoàn viên, cán bộ, nhân viên. Tăng cường cải tiến điều kiện sinh hoạt, tổ chức các hoạt động văn hoá, nghỉ ngơi, giải trí, quan tâm xây dựng nếp sống văn hoá trong cơ quan. Chú trọng lãnh đạo đảng viên, quần chúng ở nhà ăn tập thể, cảng tin, hợp tác xã tiêu thụ... để cao ý thức phục vụ cán bộ, nhân viên trong cơ quan, kịp thời ngăn chặn mọi hành động vi phạm chính sách của Đảng và Nhà nước, xâm phạm lợi ích của cán bộ, nhân viên.

Điều 6: Về nhiệm vụ "chăm lo xây dựng tổ chức đảng về mọi mặt".

Đảng uỷ, chi uỷ cơ quan phải:

a) Đặt trọng tâm vào việc nâng cao sức chiến đấu của chi bộ, giáo dục tinh thần trách nhiệm và nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên theo yêu cầu xây dựng đảng bộ, chi bộ "vững mạnh trong sạch". Khắc phục các biểu hiện tiêu cực trong mọi cán bộ, đảng viên, ngăn ngừa đảng viên vi phạm kỷ luật, pháp luật, đạo đức cách mạng. Đầu tranh ngăn chặn tệ quan liêu.

b) Thường xuyên bồi dưỡng những người ưu tú, làm tốt công tác phát triển đảng. Giữ gìn kỷ luật nghiêm minh và bình đẳng đối với mọi đảng viên; kịp thời đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.

c) Thường xuyên giữ gìn và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ, tiến hành tự phê bình và phê bình. Tăng cường đoàn kết nhất trí trong cấp uỷ, chi bộ, đảng bộ trên cơ sở thấu suốt đường lối, nghị quyết, nguyên tắc tổ chức của Đảng, pháp luật Nhà nước. Kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện mất đoàn kết, chia rẽ bè phái.

Điều 7: Về "tham gia ý kiến vào việc lựa chọn, cát nhắc cán bộ trong cơ quan".

a) Các quyết định hoặc đề nghị về đề bạt cán bộ trong cơ quan đều phải làm đúng thủ tục, trong đó có việc lấy ý kiến của đảng uỷ, chi uỷ cơ quan. Ý kiến của đảng uỷ, chi uỷ nhất là về phẩm chất, đạo đức cách mạng phải được cơ quan quản lý cán bộ xem xét đầy đủ trước khi quyết định hoặc đề nghị cấp trên quyết định. Nếu lãnh đạo của cơ quan không nhất trí với đảng uỷ, chi uỷ cơ quan thì cần nói rõ lý do. Trường hợp xét cần thì đảng uỷ báo cáo ý kiến của tập thể đảng uỷ lên tổ chức đảng cấp trên.

b) Đảng uỷ, chi uỷ cơ quan phải nắm chắc kết quả tự phê bình của người đảng viên được đưa ra xem xét, ý kiến đóng góp của quần chúng, nhận xét của chi bộ đối với đảng viên làm cơ sở cho việc tham gia ý kiến một cách đúng đắn vào việc đề bạt cán bộ.

Khi lập quy hoạch cán bộ của cơ quan thì đảng uỷ, chi uỷ hoặc ban thường vụ đảng uỷ tham gia ý kiến về mục tiêu, phương hướng, biện pháp và có thể đề xuất cả các trường hợp mà mình thấy đã rõ là nên đưa vào diện cán bộ dự bị để cơ quan cân nhắc xem xét. Khi có quy chế của Trung ương về việc quản lý cán bộ thì theo đúng quy chế để thực hiện.

Điều 8: Về "đóng góp ý kiến với cấp trên".

Thực hiện nhiệm vụ thứ năm trong Điều 35 của *Điều lệ Đảng*, đảng uỷ, chi uỷ cơ quan phải:

- a) Lãnh đạo tốt việc thảo luận đóng góp ý kiến vào báo cáo, đề án của Trung ương hoặc cấp uỷ cấp trên đưa xuống.
- b) Báo cáo lên Trung ương hoặc cấp uỷ cấp trên những ý kiến của đảng viên, quần chúng đề nghị về đường lối, chính sách và kịp thời đề đạt với cơ quan có trách nhiệm ý kiến, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và quần chúng.

**II- PHÂN BIỆT RẠNH GIỚI TRÁCH NHIỆM
VÀ CÁC MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC GIỮA ĐẢNG UỶ, CHI UỶ
VỚI THỦ TRƯỞNG VÀ CÁC ĐOÀN THỂ TRONG CƠ QUAN**

Điều 9: Về quan hệ giữa đảng uỷ, chi uỷ với thủ trưởng, các đoàn thể trong cơ quan.

a) Quan hệ giữa đảng uỷ, chi uỷ cơ quan với thủ trưởng cơ quan là quan hệ hợp tác phối hợp, tạo điều kiện tốt để đảng uỷ, chi uỷ và thủ trưởng cơ quan làm tròn trách nhiệm theo chức trách, hướng vào mục tiêu chung là bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ của cơ quan. Đảng uỷ, chi uỷ cơ quan và thủ trưởng cùng định một chế độ sinh hoạt và làm việc để thông báo tình hình và trao đổi ý kiến với nhau về những vấn đề cần thiết.

b) Quan hệ giữa đảng uỷ, chi uỷ cơ quan với các đoàn thể và tổ chức quần chúng trong cơ quan là quan hệ lãnh đạo và bị lãnh đạo.

Đảng uỷ, chi uỷ cơ quan trực tiếp lãnh đạo các đoàn thể quần chúng làm tốt chức trách của từng tổ chức, nhất là những việc nêu ở Điều 5 và Điều 11 của quy định này về trách nhiệm của các đoàn thể.

Cần nắm vững ranh giới trách nhiệm của đảng uỷ, chi uỷ, thủ trưởng và đoàn thể quần chúng ở cơ quan trên một số mặt công tác được xác định ở các điều 10, 11, 12, 13 dưới đây:

Điều 10: Về quan hệ trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng.

Đảng uỷ, chi uỷ và thủ trưởng cơ quan theo chức trách của mình đều phải làm công tác giáo dục tư tưởng, chính trị trong cơ quan. Những vấn đề chung về thời sự chính sách và các nghị quyết của Đảng thì đảng uỷ, chi uỷ chủ trì tổ chức việc truyền đạt, thủ trưởng phối hợp. Đối với những nghị quyết, chỉ thị thuộc về đường lối, quan điểm chủ trương về công tác chuyên môn của ngành thì thủ trưởng chủ trì trong việc làm quán triệt. Đối với việc giáo dục cán bộ, đảng viên, nhân viên một cách thường xuyên qua công tác, sinh hoạt, giữa đảng uỷ với thủ trưởng cần có sự phối hợp chặt chẽ.

Điều 11: Về quan hệ trong công tác thi đua.

Thủ trưởng có trách nhiệm đề ra yêu cầu, mục tiêu các đợt thi đua có sự tham gia ý kiến của đảng uỷ, chi uỷ và các đoàn thể quần chúng; đảng uỷ, chi uỷ lãnh đạo các tổ chức đảng, các đoàn thể quần chúng vận động cán bộ, nhân viên xây dựng chỉ tiêu, biện pháp thực hiện. Ban hoặc hội đồng thi đua của cơ quan giúp thủ trưởng theo dõi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua và chuẩn bị những nhận xét về thành tích của các bộ phận và cá nhân trình thủ trưởng xét duyệt.

Thủ trưởng quyết định hoặc đề nghị cấp trên quyết định công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng sau khi có ý kiến nhất trí của đảng uỷ hoặc chi uỷ cơ quan.

Việc biểu dương, khen thưởng về Đảng và đoàn thể do đảng uỷ, chi uỷ và ban chấp hành đoàn thể xét, quyết định hoặc đề nghị cấp trên quyết định.

Điều 12: Về quan hệ trong việc tổ chức học tập ở cơ quan.

- Thủ trưởng chỉ đạo nội dung chương trình, kế hoạch và định chế độ học tập về văn hoá, nghiệp vụ chuyên môn, quản lý kinh tế, khoa học, kỹ thuật cho cán bộ, nhân viên.
- Đảng uỷ, chi uỷ lãnh đạo, động viên phong trào học tập trong cơ quan, đề cao kỷ luật học tập.
- Việc tổ chức học chính trị, thời sự, chính sách, học về Đảng cho đảng viên và quần chúng trong cơ quan do đảng uỷ, chi uỷ chỉ đạo, thủ trưởng phối hợp.

Điều 13: Về quan hệ trong việc chăm sóc đời sống vật chất và văn hoá của cán bộ nhân viên.

- Thủ trưởng có kế hoạch, biện pháp tích cực cải thiện đời sống vật chất và văn hoá của cán bộ, nhân viên, quản lý chặt chẽ việc thực hiện các chế độ, chính sách kinh tế trong cơ quan, thường xuyên kiểm tra, kịp thời xử lý nghiêm khắc những cán bộ, nhân viên tham ô, hối lộ, vi phạm chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước, xâm phạm lợi ích cán bộ nhân viên.
- Đảng uỷ, chi uỷ lãnh đạo công đoàn nắm chắc tình hình để tham gia ý kiến với thủ trưởng như đã quy định ở điều d, Điều 5 nói trên.

- Các đoàn thể quần chúng có trách nhiệm giáo dục, kiểm tra đoàn viên, hội viên thực hiện kế hoạch do thủ trưởng đề ra, giáo dục đức tính liêm khiết, đấu tranh chống làm ăn phi pháp, tham ô, bót xén, thiêu vị, làm sai chính sách, chế độ, v.v..

Ban chấp hành công đoàn của cơ quan phải nắm chắc tình hình đời sống của từng cán bộ, nhân viên trong cơ quan, kịp thời phát hiện những trường hợp quá khó khăn, thiếu thốn để giải quyết hoặc đề nghị thủ trưởng cơ quan giải quyết. Phải làm tốt việc tổ chức kiểm tra bảo đảm thực hiện đúng chính sách, chế độ.

Điều 14: Về quan hệ trong công tác quân sự, an ninh.

- Thủ trưởng phụ trách xây dựng, quản lý, chỉ huy lực lượng tự vệ và bảo vệ của cơ quan; chấp hành chỉ tiêu tuyển quân, giao quân theo quy định, chỉ đạo thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, chính sách đối với quân dự bị trong cơ quan.

- Đảng uỷ, chi uỷ chịu trách nhiệm giáo dục nâng cao cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu, động viên cán bộ, nhân viên gương mẫu hăng hái làm nghĩa vụ quân sự, phân công và kiểm tra đảng viên là tự vệ, bảo vệ cơ quan; xử lý nghiêm những đảng viên không chấp hành nghĩa vụ quân sự hoặc bao che cho con em trốn nghĩa vụ.

- Trong chiến đấu, đảng uỷ, chi uỷ phối hợp với thủ trưởng để lãnh đạo đơn vị tự vệ chiến đấu và công tác bảo vệ, phòng tránh của cơ quan.

- Các đoàn thể quần chúng có trách nhiệm vận động,

giám sát đoàn viên chấp hành nội quy, chế độ phòng gian, giữ bí mật, các chính sách và nghĩa vụ nói trên trong cơ quan. Lúc chiến đấu thì làm nhiệm vụ phục vụ cho lực lượng chiến đấu và bộ phận sơ tán của cơ quan theo chức năng của mỗi đoàn thể, chủ trương của thủ trưởng và của đảng uỷ cơ quan. Đoàn Thanh niên phải giáo dục, tổ chức đoàn viên làm nòng cốt, xung kích trong lực lượng chiến đấu, tổ chức phòng tránh, v.v..

III- CHẾ ĐỘ CÔNG TÁC CỦA ĐẢNG UỶ, CHI UỶ CƠ QUAN

Điều 15: Chế độ sinh hoạt.

- Đảng uỷ, chi uỷ phải định chế độ sinh hoạt và chỉ đạo chặt chẽ sinh hoạt chi bộ, tổ đảng, bảo đảm nâng cao tính chất lãnh đạo, giáo dục, chiến đấu, chống lối họp hình thức, chiều lệ không có mục đích, trọng tâm. Đảng uỷ, chi bộ ít nhất một tháng họp một lần, chi uỷ, tổ đảng ít nhất nửa tháng họp một lần.

- Đề cao kỷ luật sinh hoạt chi bộ đối với toàn thể đảng viên; đảng viên là cán bộ không đượcvin cớ bận việc để không dự sinh hoạt chi bộ.

Điều 16: Chế độ làm việc của đảng uỷ hoặc chi uỷ với thủ trưởng cơ quan.

- Từng thời gian ba tháng, sáu tháng, hàng năm và khi có công việc đột xuất, thủ trưởng cơ quan chịu trách nhiệm thông báo với đảng uỷ, chi uỷ cơ quan về tình hình và nhiệm vụ, chủ trương công tác của cơ quan, về kết quả thực hiện kế hoạch công tác và việc xây dựng cơ quan.

- Đảng uỷ, chi uỷ cơ quan có trách nhiệm thông báo,

phản ảnh với thủ trưởng cơ quan về công tác đảng, công tác quần chúng trong cơ quan và tình hình tư tưởng đảng viên, quần chúng, để thủ trưởng đóng góp ý kiến, phối hợp công tác.

- Đồng chí bí thư đảng uỷ hoặc chi uỷ cơ quan thay mặt cấp uỷ tham dự các cuộc hội nghị cần thiết của hội đồng bộ, tổng cục, hoặc hội nghị của tập thể giám đốc và phó giám đốc ở các sở, trưởng, phó phòng ở huyện, quận, thị xã.

Điều 17: Chế độ quản lý đảng viên.

Đảng uỷ, chi uỷ cơ quan thực hiện chế độ quản lý đảng viên về mọi mặt theo quy định của Trung ương; quan hệ với tổ chức đảng của địa phương nơi ở của đảng viên để nắm chắc đảng viên của cơ quan; có kế hoạch, biện pháp quản lý đảng viên đi công tác lẻ.

Đảng uỷ, chi uỷ cơ quan thực hiện chế độ phân công đảng viên làm công tác đảng, công tác đoàn thể quần chúng và công tác xã hội.

Mỗi năm một lần, chi uỷ, chi bộ nhận xét đảng viên, đảng uỷ cấp trên trực tiếp nhận xét chi bộ và phân loại chi bộ theo tiêu chuẩn chi bộ trong sạch, vững mạnh. Việc nhận xét cần bảo đảm tính chất dân chủ và trực tiếp, bảo đảm tính chính xác trên cơ sở tự phê bình và phê bình.

Điều 18: Chế độ tự phê bình và phê bình.

Đảng uỷ, chi uỷ cơ quan phải thực hiện chế độ tự phê bình và phê bình thường xuyên trong sinh hoạt của đảng uỷ, chi uỷ, chi bộ, tổ đảng.

Giáo dục đảng viên thành khẩn tự phê bình, tiếp thu phê bình và chỉ đạo kiểm tra việc sửa chữa khuyết điểm của

đảng viên. Giáo dục cho đảng viên và quần chúng có thái độ tự phê bình và phê bình đúng đắn với tinh thần xây dựng. Nghiêm cấm mọi hiện tượng lôi kéo vây cánh, bày đặt khuyết điểm, tô vẽ ưu điểm không có cho người khác.

Tổ chức và lãnh đạo tốt việc quần chúng phê bình đảng viên và tổ chức đảng. Cứ sáu tháng một lần, gắn với việc kiểm điểm công tác chuyên môn, đảng uỷ, chi uỷ tổ chức tự phê bình trước cấp dưới và tổ chức việc phê bình từ dưới lên, lấy ý kiến của quần chúng phê bình đảng viên, chi uỷ, đảng uỷ, chi bộ.

Kịp thời phát hiện, đấu tranh và báo cáo lên cấp trên mọi hành vi trấn áp, trả thù người phê bình để có thái độ xử lý nghiêm minh.

Điều 19: Chế độ học tập.

Đảng uỷ, chi uỷ ở cơ quan căn cứ vào trình độ đảng viên, tính chất công tác và tiêu chuẩn cán bộ của cơ quan để định chế độ học tập của đảng viên, bảo đảm thực hiện tốt chương trình giáo dục đảng viên, bồi dưỡng đối tượng kết nạp đảng và huấn luyện đảng viên dự bị theo quy định.

Chỉ đạo đảng viên xây dựng kế hoạch học tập (kể cả tự học); kiểm tra chặt chẽ việc học tập của đảng viên.

Tất cả đảng viên phải báo cáo kế hoạch và kết quả học tập với chi uỷ, chi bộ hoặc tổ đảng.

Điều 20: Chế độ kiểm tra và tổng kết công tác của đảng bộ, cấp uỷ.

a) Đảng uỷ, chi uỷ cơ quan phải định chế độ kiểm tra tổ chức đảng, tổ chức quần chúng về chấp hành nghị quyết; định chế độ và kiểm tra tình hình đảng viên theo quy định ở Điều 3 trên đây. Phải tuỳ theo tình hình thực tế tổ chức

kiểm tra từng việc như kết nạp đảng viên, tình hình đảng viên trong cơ quan giữ gìn đoàn kết, chấp hành kỷ luật công tác. Việc kiểm tra phải làm có tổ chức, có mục đích, yêu cầu rõ, có kết luận đúng, có chỉ đạo phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm kịp thời.

b) Chi bộ sơ kết công tác hằng tháng, ba tháng, sáu tháng, đảng uỷ tổng kết công tác hằng năm hoặc sau một công tác quan trọng của đảng bộ.

c) Đảng uỷ, chi uỷ phải chỉ đạo việc sơ kết, tổng kết công tác của các đoàn thể quân chung.

Điều 21: Chế độ báo cáo.

Đảng uỷ, chi uỷ cơ quan phải chấp hành chế độ báo cáo thường lệ và đột xuất với cấp uỷ cấp trên.

Hằng tháng báo cáo tóm tắt công tác đã làm, tình hình nổi lên trong đảng bộ, công việc chính định làm tháng sau.

Ba tháng một lần báo cáo tường đối toàn diện, có nhận xét tóm tắt tình hình và công tác của cấp uỷ, đảng bộ.

Hàng năm, báo cáo tổng kết tình hình mọi mặt của tổ chức đảng, đảng viên, hoạt động của cấp uỷ, mối quan hệ giữa cấp uỷ và thủ trưởng, tình hình tổ chức quân chung có đánh giá ưu điểm, khuyết điểm, tìm nguyên nhân và đề ra công tác chính cần làm năm tới.

Báo cáo phải ngắn gọn, bảo đảm tính chính xác và kịp thời, chống tư tưởng thành tích, che giấu khuyết điểm, nói sai sự thật.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22: Các đảng uỷ, chi uỷ, chi bộ cơ quan phải thảo luận nắm chắc các quy định trên đây và quán triệt sâu sắc toàn

bộ *Điều lệ Đảng*, nhất là các Điều 35, 36 của *Điều lệ Đảng* để chấp hành theo đúng chức năng.

Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, cơ quan chính trị các cấp trong quân đội, các huyện uỷ, quận uỷ, thị uỷ và đảng uỷ cấp trên của tổ chức cơ sở đảng ở cơ quan có trách nhiệm chỉ đạo các đảng uỷ, chi uỷ cơ quan trực thuộc thực hiện bản quy định này.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THU**

Số 35-QĐ/TW, ngày 16 tháng 1 năm 1984

**Về một số vấn đề cải tiến công tác đào tạo
và bồi dưỡng cán bộ tại Trường Đảng cao cấp
Nguyễn Ái Quốc**

Sau khi nghe báo cáo về tình hình hoạt động trong những năm qua của Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc, Ban Bí thư đã quyết định một số vấn đề nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục, bồi dưỡng tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 54-CT/TW và số 06-CT/TW của Ban Bí thư về những nhiệm vụ của Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn mới.

I- VỀ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ

Các loại lớp từ nay được xác định như sau:

1. Hệ đào tạo cơ bản cho cán bộ lãnh đạo

a) *Mục tiêu:* Đào tạo một cách cơ bản, có hệ thống về lý luận và chính trị cho những cán bộ trong quy hoạch của những cương vị chủ chốt sau đây:

- *Ở cấp tỉnh, thành:* Bí thư, phó bí thư, ủy viên thường vụ các tỉnh uỷ, thành uỷ; chủ tịch, các phó chủ tịch uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành; trưởng các ban của tỉnh uỷ, thành uỷ; bí thư tỉnh Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; thư ký công đoàn tỉnh; hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; tổng biên tập báo đảng của tỉnh.

- *Ở trung ương:* Cấp trưởng và phó các ban, bộ, tổng cục; các cục, vụ, viện trưởng và tương đương (chủ yếu là ở các cục, vụ, viện quản lý chính trị, tổ chức, tổng hợp); tổng biên tập các báo và tạp chí lớn; các bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên, các ủy viên thư ký Tổng Công đoàn, ủy viên Đảng đoàn Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ.

- *Ở các cơ sở lớn:* Giám đốc và bí thư đảng uỷ các xí nghiệp lớn, xí nghiệp liên hiệp, các liên hiệp xí nghiệp, bệnh viện, trường đại học lớn.

b) Tiêu chuẩn người đi học:

- Lựa chọn từ những cán bộ đương chức hoặc trong quy hoạch kế cận đã được tập thể thông qua nhằm những chức danh đã nêu ở trên.

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có kinh nghiệm thực tiễn lãnh đạo và quản lý.

- Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung học chuyên nghiệp trở lên. Đối với các tỉnh miền Nam, từ nay đến năm 1985, có thể lấy từ tốt nghiệp cấp II. Song, các tỉnh cần tích cực đẩy mạnh việc bổ túc văn hoá cho cán bộ để từ năm học 1986 - 1987 học viên đến Trường Đảng cao cấp, có trình độ văn hoá hết cấp III hoặc trung cấp chuyên nghiệp.

- Có sức khoẻ tốt.

- Tuổi đời: dưới 40 nếu là cán bộ thuộc diện kế cận; còn đối với cán bộ đương chức thì không quá 45 tuổi. Trường hợp đặc biệt có thể lấy đến số 50 tuổi.

- Tuổi đảng ít nhất là ba năm.

Chú trọng những cán bộ xuất thân từ công nhân, cán bộ nữ, cán bộ thuộc thành phần các dân tộc thiểu số.

c) Chương trình:

Cải tiến nội dung chương trình, bảo đảm quán triệt hơn nữa nguyên tắc thống nhất lý luận với thực tiễn, học kết hợp với hành. Phấn đấu đến 1986, ngay sau Đại hội Đảng lần thứ VI, có được bộ giáo trình đầy đủ với hệ kiến thức được mở rộng, có hệ thống, đồng thời có tính ứng dụng thực tiễn, định hướng cho hành động. Những thành tựu mới của khoa học xã hội, những bài học của những đơn vị điển hình tiên tiến cần được phản ánh trong giáo trình và bài giảng. Các giáo trình và bài giảng phải phân tích sâu sắc và làm nổi rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn của thời kỳ quá độ, của chặng đường đầu tiên, những quan điểm, đường lối và nghị quyết mới nhất của Đảng.

Tăng cường tính chiến đấu chống những trào lưu tư tưởng tư sản, tiểu tư sản...; chống mọi khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa xét lại và giáo điều; phê phán những quan điểm lệch lạc, sai trái trong cán bộ, đảng viên. Thời gian mỗi khoá: trước mắt là hai năm. Sau 1986, tăng lên ba năm để đủ cho một chương trình đổi mới với khối lượng kiến thức được tăng thêm.

d) Đào tạo cơ bản tại chức:

Bên cạnh hệ đào tạo tập trung, cần chú trọng hệ đào tạo cơ bản tại chức. Mục tiêu, đối tượng tuyển người đi học tại chức đều giống như các lớp tập trung. Chương trình, về cơ bản cũng giống nhau; chỉ khác về phương thức và thời gian đào tạo.

2. Hệ nâng cao trình độ

a) Những cán bộ đã học xong chương trình đào tạo cơ bản, cứ bốn đến năm năm một lần, trở lại trường để bồi dưỡng thêm về những vấn đề mới của lý luận, những vấn đề nóng hổi trong đường lối, chính sách và các nghị quyết của Đảng cũng như trong kinh nghiệm thực tiễn.

Việc nâng cao trình độ cho cán bộ cao cấp trong các lực lượng vũ trang, nhất là cấp tướng, do Trường Đảng cao cấp phụ

trách. Còn việc đào tạo cơ bản do hệ thống Trường Đảng trong quân đội đảm nhiệm.

b) Thời gian mỗi khoá: hai - ba tháng.

3. Hệ nghiên cứu sinh

Nhằm đào tạo những cán bộ lý luận có học vị phó tiến sĩ về các bộ môn khoa học Mác - Lê nin, cung cấp cho hệ thống Trường Đảng; cho các cơ quan làm công tác tư tưởng, nghiên cứu lý luận và khoa học xã hội; cho khoa Mác - Lê nin ở các trường đại học; cho các ban, ngành ở trung ương; cho một số cấp uỷ địa phương và tiến tới bổ sung cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo của Đảng ở những cương vị đòi hỏi trình độ lý luận cao.

Trong khi triển khai việc đào tạo nghiên cứu sinh theo quy chế chính quy, Trường Đảng cao cấp cần tổ chức cho những nghiên cứu sinh các khoá trước, nếu đủ khả năng và trình độ, hoàn chỉnh quá trình đào tạo bằng bảo vệ luận án phó tiến sĩ. Đồng thời, trường cần tiến tới mở những lớp nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ lý luận đã qua chương trình nghiên cứu sinh hoặc chuyên tu.

Ngoài các loại lớp kể trên, trong một số năm tới, Trường Đảng cao cấp tiếp tục mở **các lớp bồi dưỡng cơ bản ngắn hạn** cho cán bộ lãnh đạo và **các lớp chuyên tu** cho cán bộ lý luận với chương trình và thời gian thích hợp.

Cần cải tiến quy chế tuyển người đi học bảo đảm chất lượng.

II- VỀ CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Để nâng cao chất lượng giảng dạy và góp phần vào công tác nghiên cứu lý luận của Đảng, Trường Đảng cần đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học theo hướng gắn bó chặt chẽ lý luận với thực tiễn cách mạng.

Nhiệm vụ chủ yếu về nghiên cứu khoa học trong những năm 1983 - 1985 của trường là:

1. Khẩn trương hoàn thành việc biên soạn lại sách giáo khoa, giáo trình theo một chương trình đầy đủ, bao gồm cả việc đổi mới nội dung các môn học đã có và xây dựng nội dung các môn học mới.
2. Cân tiến hành tốt việc nghiên cứu các đề tài sau đây:
 - a) Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa trong chặng đầu thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội (Hội nghị khoa học có tính quốc tế, nhân kỷ niệm lần thứ 55 ngày thành lập Đảng ta).
 - b) Xây dựng và không ngừng hoàn thiện cơ chế của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa; Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ, Nhà nước quản lý.
 - c) Con đường từ sản xuất nhỏ tiến thẳng lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam.
 - d) Chuyên chính vô sản và đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trong chặng đầu thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

III- VỀ CÁC LỐP HỌC QUỐC TẾ

Tiến tới thành lập hệ quốc tế tại Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc. Trước mắt cần khẩn trương xây dựng cơ sở vật chất để đưa về Trường Đảng cao cấp một số lớp của trường chính trị đặc biệt cùng các lớp đào tạo cán bộ lý luận cao cấp cho Lào và Campuchia. Trường Đảng chịu trách nhiệm về nội dung giảng dạy; còn các chế độ, chính sách đối với học viên các đảng anh em, việc bảo đảm phục vụ hậu cần học viên, do Ban Đối ngoại và Ban Tài chính - Quản trị Trung ương chịu trách nhiệm.

Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc có trách nhiệm giúp Trường Đảng cao cấp Lào xây dựng chương trình, giáo trình, cung cấp tài liệu, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ giảng dạy theo

một kế hoạch hợp tác giữa hai trường được Trung ương hai Đảng thông qua.

IV- CÁC BAN, NGÀNH, CẤP UỶ ĐỊA PHƯƠNG CÓ TRÁCH NHIỆM GÓP SỨC VÀO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ CỦA TRƯỜNG ĐẢNG CAO CẤP NGUYỄN ÁI QUỐC

1. Các ban, ngành ở trung ương, các cấp uỷ địa phương cử những cán bộ có trách nhiệm, có trình độ đến báo cáo,

giảng bài, làm giảng viên kiêm chức, đáp ứng những yêu cầu giảng dạy của nhà trường, nhất là đối với phần đường lối và những chương trình chuyên ngành.

2. Ban Tổ chức Trung ương điều động cho Trường Đảng những cán bộ đã qua đào tạo ở trong và ngoài nước, những cán bộ có phẩm chất và năng lực làm công tác giảng dạy, nghiên cứu lý luận, đang công tác ở các ngành, các địa phương để bổ sung cho đội ngũ cán bộ giảng dạy ở trường.

3. Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương cùng Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng cần cải tiến các chế độ, chính sách đối với học viên và cán bộ giảng dạy ở Trường Đảng, tăng kinh phí nghiên cứu khoa học và tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật cho Trường. Cần cấp cho trường một quỹ đào tạo đủ để cải thiện việc ăn uống, học tập, giải trí của học viên. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương cùng Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Xây dựng và các ngành có liên quan tăng thêm trang bị các phương tiện vật chất - kỹ thuật cho công tác giáo dục (tập trung và tại chức) và công tác nghiên cứu khoa học của trường, đẩy nhanh tốc độ xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường, quy hoạch địa điểm và xây dựng nhà cho hệ quốc tế.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 33-CT/TW, ngày 16 tháng 1 năm 1984

**Tăng cường công tác bảo vệ Đảng
trong tình hình mới**

1. Hiện nay bọn... câu kết với đế quốc Mỹ đang tiến hành kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt chống nhân dân ta. Một mục tiêu quan trọng của chúng là phá hoại, làm suy yếu Đảng và Nhà nước ta, vì làm được điều đó, chúng sẽ gây những tổn thất nghiêm trọng nhất và nguy hiểm nhất cho toàn bộ sự nghiệp cách mạng của chúng ta, trước mắt cũng như lâu dài. Kẻ thù dùng nhiều âm mưu thủ đoạn thâm độc, như cài cắm tay sai, tiến hành chiến tranh tâm lý, gây hoài nghi đối với đường lối và sự lãnh đạo của Đảng, gây chia rẽ nội bộ, lôi kéo, mua chuộc, làm cho một số cán bộ, đảng viên hư hỏng, đi tới làm tay sai cho chúng.

Cuộc đấu tranh giữa địch và ta lại đang quyết liệt với cuộc đấu tranh giữa hai con đường. Bọn tư sản không chịu cải tạo, cũ cũng như mới, dùng mọi thủ đoạn mua chuộc cán

bộ ta hòng moi nguyên liệu, hàng hoá, bí mật kinh tế của Nhà nước ta, lũng đoạn thị trường và giá cả và nhằm làm thoái hoá, biến chất cán bộ, đảng viên.

Trong quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, Đảng ta đã được rèn luyện, thử thách và là một đảng vững mạnh, có đường lối đúng, có tổ chức chặt chẽ, luôn luôn đoàn kết thống nhất, đội ngũ cán bộ, đảng viên có phẩm chất cách mạng tốt đẹp. Tuy nhiên, tình trạng khá phổ biến hiện nay là mất cảnh giác đối với địch và phạm hussy khuynh trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường. Một bộ phận cán bộ, đảng viên giảm sút ý chí chiến đấu cách mạng, một số đã suy thoái về tư tưởng và phẩm chất, thậm chí có kẻ đã hoàn toàn biến chất, trở thành đồng minh của kẻ thù.

Nguyên nhân của những khuyết điểm trên là do công tác giáo dục về kẻ thù, nhất là kẻ thù mới, về đấu tranh giữa hai con đường, giáo dục tinh thần cảnh giác cách mạng và ý thức tổ chức kỷ luật cho cán bộ, đảng viên chưa thường xuyên và sâu sắc, do công tác quản lý cán bộ, đảng viên ở nhiều nơi còn lỏng lẻo, việc chấp hành các nguyên tắc, chế độ, thủ tục trong công tác kết nạp đảng viên, tuyển dụng, đào tạo, đề bạt cán bộ còn nhiều sơ hở, việc thi hành kỷ luật và khen thưởng không nghiêm minh, không kịp thời. Nhiều cấp uỷ và thủ trưởng cơ quan chưa quan tâm đúng mức đến công tác bảo vệ Đảng.

Trước cuộc đấu tranh cách mạng gay go, phức tạp của thời kỳ mới, để hoàn thành hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, phải chăm lo xây dựng Đảng và Nhà nước trong sạch, vững mạnh hơn bao giờ hết. Là một bộ phận quan trọng của công tác xây dựng Đảng, công tác bảo vệ Đảng càng phải được tăng cường hơn nữa trong giai đoạn cách mạng mới.

2. Trong giai đoạn mới, công tác bảo vệ Đảng có nhiệm vụ: góp phần tích cực xây dựng Đảng vững mạnh về chính

trị, tư tưởng, tổ chức, bảo vệ đường lối chính trị của Đảng, bảo vệ khối đoàn kết, thống nhất của Đảng, bảo vệ sự trong sạch về chính trị của đội ngũ cán bộ, đảng viên, giữ vững nguyên tắc tổ chức và kỷ luật của Đảng, ngăn chặn và đập tan mọi âm mưu của kẻ thù phá hoại nội bộ Đảng và Nhà nước ta cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Những yêu cầu chính là:

a) Giáo dục cán bộ, đảng viên nâng cao cảnh giác cách mạng, tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật, xác định lập trường vững vàng trong đấu tranh giữa địch và ta và đấu tranh giữa hai con đường. Chủ động đề phòng cán bộ, đảng viên bị sa ngã, ngăn ngừa không để cho kẻ địch và phần tử xấu móc nối, lôi kéo cán bộ, đảng viên hoặc tìm cách chui vào nội bộ Đảng, chính quyền, quân đội, công an và cơ quan lãnh đạo các cấp của các đoàn thể quần chúng.

b) Xây dựng hoàn chỉnh và thực hiện có nền nếp các nguyên tắc, chế độ, thủ tục, quy chế về quản lý cán bộ, đảng viên (bao gồm cả phát triển đảng, giới thiệu sinh hoạt đảng, điều động, đề bạt cán bộ) về bảo vệ cơ quan, giữ gìn bí mật của Đảng, Nhà nước, về kỷ luật phát ngôn, về quan hệ với người nước ngoài, v.v..

c) Phát hiện và xử lý kịp thời những phần tử địch chui vào nội bộ và những phần tử thoái hóa, biến chất đã bị địch mua chuộc, lôi kéo.

d) Tiếp tục phát hiện, thẩm tra để làm rõ những cán bộ, đảng viên có vấn đề lịch sử chính trị chưa rõ ràng.

Tiến hành bảo vệ Đảng phải tuân theo những phương châm sau:

- Bảo vệ Đảng phải gắn liền với toàn bộ công tác xây dựng Đảng, góp phần tích cực vào xây dựng Đảng, đồng thời phải trên cơ sở xây dựng Đảng vững mạnh về mọi mặt mà tăng cường công tác bảo vệ Đảng.
- Công tác bảo vệ Đảng nói riêng, công tác xây dựng Đảng nói chung phải gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, thúc đẩy hoàn thành nhiệm vụ chính trị của từng ngành, từng địa phương.
- Bảo vệ Đảng phải gắn liền với bảo vệ Nhà nước và hệ thống chuyên chính vô sản nói chung, kết hợp chặt chẽ với bảo vệ an ninh chính trị và an toàn xã hội.
- Cảnh giác, tinh táo với địch, bảo đảm sự trong sạch và chặt chẽ về chính trị, đồng thời phải luôn luôn khách quan, thận trọng, chính xác.
- Lấy việc tích cực xây dựng, chủ động phòng ngừa địch là chính, đồng thời coi trọng việc thẩm tra, rà soát nội bộ một cách chặt chẽ và có trọng điểm. Lắng nghe ý kiến phát hiện của quần chúng, kết hợp với công tác điều tra, nghiên cứu của cơ quan nghiệp vụ.

3. Những việc cần phải làm:

a) Việc phổ biến và làm quán triệt tinh thần chỉ thị này (cùng với "Một số điểm quy định đối với cán bộ, đảng viên để tăng cường bảo vệ nội bộ Đảng trong tình hình mới") cần kết hợp làm trong dịp sơ kết gần nhất về công tác xây dựng Đảng, công tác chuyên môn hoặc trong dịp làm tổng kết công tác bảo vệ Đảng đối với các tỉnh phía Nam. Những đơn vị, cơ quan nào đã tổ chức nghiên cứu Nghị quyết 03 của Bộ Chính trị rồi thì có thể kết hợp với dịp kiểm điểm một năm thực hiện Nghị quyết 03 ở đơn vị mình để làm quán triệt tinh thần chỉ thị này.

Qua việc thảo luận và kiểm điểm như trên, nếu có ai tự bao hoặc phát hiện gì về mặt chính trị của người khác, thì lãnh đạo của cơ quan, đơn vị đó phải ghi nhận để kịp thời đi sâu nghiên cứu, và nếu thấy cần, phải kịp thời báo cáo lên cấp trên.

b) Từ nay quy định thành nền nếp thường xuyên: các báo cáo và hội nghị kiểm điểm công tác sáu tháng và hàng năm của các cơ quan, đơn vị, ngoài phần công tác chuyên môn nghiệp vụ, nhất thiết phải có phần kiểm điểm về bảo vệ nội bộ Đảng, nội bộ cơ quan, đơn vị đó. Cấp uỷ các cấp và thủ trưởng các ngành lãnh đạo cán bộ, nhân viên thảo luận phần này của bản báo cáo để mọi người nhận thức rõ âm mưu, thủ đoạn của địch, liên hệ kiểm điểm những thành tích và sơ hở, thiếu sót trong công tác xây dựng đảng bộ, xây dựng cơ quan và quản lý cán bộ, đảng viên, nhân viên. Ban Tuyên huấn Trung ương và Bộ Nội vụ phải kịp thời thông báo tình hình chung về âm mưu và thủ đoạn hoạt động của địch để góp phần nâng cao ý thức cảnh giác cho anh chị em.

Giữ vững chế độ sinh hoạt của chi bộ như *Điều lệ Đảng* đã quy định. Nội dung sinh hoạt phải nhằm nâng cao lập trường giai cấp, ý thức đấu tranh xây dựng Đảng và bảo vệ Đảng của mọi đảng viên.

c) Ban Tổ chức Trung ương giúp Ban Bí thư Trung ương Đảng soát xét lại các chế độ về quản lý cán bộ, đảng viên, về sinh hoạt đảng, các nguyên tắc, tiêu chuẩn, thủ tục kết nạp đảng viên mới, tuyển chọn người vào cơ quan, đưa đi đào tạo, bố trí vào những cương vị lãnh đạo chủ chốt, những vị trí công tác quan trọng, cơ mật, v.v., nếu thấy chỗ nào chưa đầy đủ, chưa rõ ràng hoặc chưa chặt chẽ thì đề nghị bổ sung hoặc sửa đổi.

Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng giúp Trung ương Đảng và Hội đồng Bộ trưởng ban hành quy chế về sự quan hệ của cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng với người nước ngoài, cơ quan nước ngoài và người Việt Nam làm ăn sinh sống ở các nước ngoài (chủ yếu là ở các nước tư bản chủ nghĩa).

Các cấp, các ngành phải thường xuyên kiểm tra, xem xét nhằm bảo đảm chấp hành nghiêm túc các nguyên tắc, chế độ đã quy định.

d) Các tỉnh uỷ, thành uỷ và thủ trưởng của ngành trung ương phải trực tiếp chỉ đạo các ban (hoặc vụ) tổ chức cán bộ rà soát lại tình hình chính trị nội bộ, phân loại và lên danh sách những cán bộ, nhân viên có vấn đề chưa rõ về chính trị và quan hệ xã hội phức tạp để có kế hoạch xác minh, kết luận. Công tác rà soát phải làm chặt chẽ, nhưng không ồn ào, không đặt thành một cuộc vận động. Việc rà soát phải có trọng điểm, nhằm vào những cơ quan, đơn vị quan trọng, cơ mật hoặc có tình hình nội bộ phức tạp; không được làm tràn lan. Chú ý làm trước những trường hợp cần xem xét để phục vụ quy hoạch, bố trí, sắp xếp cán bộ.

Đối với những trường hợp nghi đang làm tay sai cho địch thì - dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ hoặc thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền, ngành công an có trách nhiệm thẩm tra bằng những biện pháp chuyên môn nghiệp vụ của mình, phối hợp với ngành tổ chức, cùng tiến hành xem xét, nghiên cứu và đề nghị kết luận. Việc tổ chức thẩm tra, kết luận và xét quyết định xử lý đều phải thực hiện theo đúng Chỉ thị 91 của Bộ Chính trị và các Chỉ thị 192, Chỉ thị 68 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Ban Tổ chức Trung ương phải có kế hoạch hướng dẫn cụ thể.

d) Các tỉnh, thành phía Nam, ngoài các công việc trên, cần tổng kết công tác bảo vệ Đảng đã làm từ khi giải phóng miền Nam đến nay để có kế hoạch tiếp tục phát hiện, thẩm tra những vấn đề trong thời kỳ Mỹ - ngụy và những vấn đề mới xảy ra từ khi giải phóng miền Nam đến nay.

- Đối với các lực lượng vũ trang, Tổng cục Chính trị có kế hoạch tổ chức thực hiện chỉ thị này cho sát hợp.

- Đối với cán bộ, đảng viên đang công tác, học tập dài hạn ở ngoài nước, Ban Cán sự Đảng ngoài nước cần có kế hoạch tổ chức thực hiện cho phù hợp với điều kiện cụ thể ở từng nước.

- Các tỉnh, thành uỷ và thủ trưởng các ngành trung ương phải trực tiếp lãnh đạo công tác bảo vệ Đảng, từng thời gian

phải nghe báo cáo, phải sử dụng các cơ quan chức năng như tổ chức, kiểm tra, công an, thanh tra để giúp làm công tác này. Phải củng cố bộ phận bảo vệ Đảng ở các tỉnh, thành và các ngành trung ương. Những đồng chí làm công tác bảo vệ Đảng phải là những cán bộ tin cậy về chính trị, có phẩm chất đạo đức tốt và được bồi dưỡng về công tác này.

Chỉ thị này được phổ biến toàn văn đến các tỉnh uỷ, thành uỷ và lãnh đạo các bộ, ban, ngành trung ương và tương đương.

Trừ phần nói về công tác rà soát nội bộ (ở điểm d thuộc mục 3), tinh thần của chỉ thị này và bản "Một số điểm quy

định..." thì được phổ biến cho tới các tổ chức cơ sở đảng và cán bộ, đảng viên.

Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 34-CT/TW, ngày 17 tháng 1 năm 1984

**Tăng cường kiểm tra việc thực hiện
các nghị quyết, chỉ thị của Đảng**

Thời gian qua công tác kiểm tra của các cấp uỷ đảng đã được tăng cường một bước, góp phần thúc đẩy việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị và giữ gìn kỷ luật, xây dựng tổ chức cơ sở đảng vững mạnh, phát huy tinh thần tích cực của cán bộ, đảng viên, khắc phục các hiện tượng tiêu cực, trì trệ.

Nhưng nhìn chung công tác kiểm tra của Đảng chưa được đẩy mạnh, nhất là kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, chưa được tổ chức tốt, chưa thành nền nếp. Nhiều cấp uỷ chưa quán triệt tinh thần Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ V về công tác kiểm tra, chưa nhận thức rõ "Công tác kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo chủ yếu của Đảng, là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng, nhất là trong hoàn cảnh Đảng lãnh đạo chính quyền". Các ban của cấp uỷ và Uỷ ban Kiểm tra các cấp, cơ quan thanh tra của Nhà nước chưa phối hợp tốt để giúp cấp uỷ chỉ đạo có hiệu quả công tác kiểm tra, chưa huy động được đông đảo đảng viên gương mẫu chấp hành và

lãnh đạo quần chúng thực hiện thắng lợi các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước.

Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ và đảng bộ các cấp tăng cường lãnh đạo và tổ chức tốt công tác *kiểm tra thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước*.

1. *Mục đích chung* của công tác kiểm tra thực hiện là: nâng cao hiệu lực lãnh đạo của Đảng; góp phần thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân lao động làm chủ tập thể; xây dựng đảng bộ vững mạnh, nâng cao sức chiến đấu của cán bộ, đảng viên. Phải tăng cường kiểm tra để các nghị quyết, chỉ thị đã đề ra được chấp hành nghiêm túc, đạt kết quả cao, đồng thời xây dựng tác phong lãnh đạo có kiểm tra, chỉ đạo sâu sát, nắm vững tình hình và kết quả thực tế của việc chấp hành từng nghị quyết, chỉ thị, kịp thời phát huy ưu điểm, phổ biến những kinh nghiệm tốt, khắc phục những thiếu sót, lệch lạc trong quá trình thực hiện.

Trong việc tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng phải rất coi trọng kiểm tra về tinh thần phấn đấu đưa đơn vị tiến lên, về xây dựng đảng bộ vững mạnh gắn với thực hiện các mục tiêu trọng yếu về kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Qua công tác kiểm tra, đề cao trách nhiệm lãnh đạo tổ chức thực hiện của cấp uỷ đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm, tính tiên phong gương mẫu của đảng viên, đồng thời phát huy chức năng quản lý của cơ quan nhà nước và vai trò, tác dụng động viên, giáo dục của các đoàn thể quần chúng, làm cho đảng viên ngày càng gắn bó với quần chúng.

2. Kiểm tra tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng là *trách nhiệm và thẩm quyền của cấp uỷ đảng, là nhiệm vụ của mỗi đảng viên*.

Khi có nghị quyết, chỉ thị của Đảng, cấp uỷ phải nghiên cứu kỹ, đề ra kế hoạch thi hành, giao nhiệm vụ và hướng dẫn cho các tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên nghiêm chỉnh chấp hành, phân công đảng viên vận động lãnh đạo quần chúng thực hiện đạt cho được các yêu cầu, mục tiêu đã đề ra trong

nghị quyết, chỉ thị. Công tác kiểm tra phải được xây dựng thành chế độ cụ thể ở từng cấp uỷ đảng, từng đảng bộ cơ sở.

Cấp uỷ phải có *chương trình kiểm tra*, căn cứ vào các nghị quyết của cấp trên và của đại hội đảng bộ, của cấp uỷ mà lựa chọn những vấn đề chính yếu nhất của địa phương làm trọng tâm của chương trình, quyết định cần tập trung kiểm tra những vấn đề gì, những đơn vị nào, phân công rõ từng ban, ngành, đoàn thể thường xuyên đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện ở các cấp, nhất là ở cơ sở.

Đồng chí bí thư và đồng chí thường trực cấp uỷ có trách nhiệm chính trong việc chỉ đạo kiểm tra tổ chức thực hiện. Các ban của Đảng giúp cấp uỷ chỉ đạo các ngành và cấp dưới theo chức năng của mình. Từng thời gian ba tháng hoặc sáu tháng, mỗi ban được cấp uỷ giao kiểm tra một hoặc hai chuyên đề, chủ động phối hợp với các ban, ngành có liên quan để tổ chức thực hiện kiểm tra theo các chuyên đề ấy.

Đảng bộ cơ sở là nơi trực tiếp tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị. Đảng viên, đảng bộ cơ sở phải thực sự tiên phong gương mẫu, tự giác thực hiện nghị quyết của Đảng, thể hiện phẩm chất cách mạng của đảng viên bằng sự nhất trí, thông suốt với nghị quyết và bằng hành động thực tế chấp hành nghị quyết.

Cấp uỷ đảng và cơ quan quản lý nhà nước ở huyện, quận, liên hiệp xí nghiệp, công ty phải chỉ đạo chặt chẽ công tác kiểm tra các đơn vị cơ sở, tổ chức công tác kiểm tra thực hiện ở tất cả các đảng bộ cơ sở sản xuất và kinh doanh nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp, lưu thông phân phối, dịch vụ, hành chính sự nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang. Đảng uỷ cơ sở phải có kế hoạch kiểm tra, đôn đốc sự hoạt động của từng tổ đảng, từng đảng viên trong việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

3. Các cấp uỷ đảng cấp trên phải hướng dẫn cụ thể các đảng bộ, chi bộ về *phương pháp và hình thức kiểm tra*, như Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương chỉ rõ: "Các cấp uỷ đảng phải trực tiếp chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết...", "tuỳ tình hình cụ thể từng ngành, từng địa phương, từng thời gian mà cấp uỷ định ra chương trình kiểm tra, chọn lấy một số việc quan trọng, một số địa bàn quan trọng để tiến hành kiểm tra và có biện pháp giải quyết đến nơi đến chốn". Về hình thức kiểm tra, phải "phát triển rộng rãi hình thức kiểm tra nhân dân trong tất cả các đơn vị hành chính, cơ sở và làm cho tổ chức này hoạt động tích cực, thường xuyên và có hiệu quả". Đi đôi với hình thức kiểm tra thường xuyên là chủ yếu, phải sử dụng hình thức kiểm tra định kỳ, kiểm tra chuyên đề và đột xuất.

Phải tổ chức bồi dưỡng về phương pháp và hình thức kiểm tra ở các cấp, các ngành, làm cho các đảng bộ và cán bộ, đảng viên nâng cao nhận thức về ý nghĩa, mục đích, yêu cầu, nội dung của công tác kiểm tra thực hiện.

Cấp uỷ cần xác định cụ thể sự *phân công và phối hợp* giữa Uỷ ban Kiểm tra và các ban của Đảng với các cơ quan thanh tra nhà nước và thanh tra nhân dân.

Mỗi cấp uỷ cần tổ chức *làm thí điểm* chế độ lãnh đạo có kiểm tra; kiểm tra có chương trình, kế hoạch, có hiệu quả. Những tỉnh, thành, huyện, quận vừa qua đã làm thí điểm thì cần sơ kết, rút kinh nghiệm.

4. Từ nay mỗi quý, các tỉnh uỷ, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc Trung ương báo cáo để Ban Bí thư biết tình hình và kết quả công tác kiểm tra thực hiện các nghị quyết, chỉ thị quan trọng của Đảng và Nhà nước ở địa phương và đơn vị.

T/M BAN BÍ THU
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THU**

Số 35-CT/TW, ngày 18 tháng 1 năm 1984

**Về việc khuyến khích và hướng dẫn phát triển
kinh tế gia đình**

**I- NHẬN THỨC ĐÚNG ĐÁN VỊ TRÍ VÀ NỘI DUNG
KINH TẾ GIA ĐÌNH**

Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng đã ghi: "Phải khuyến khích, hướng dẫn giúp đỡ kinh tế gia đình, bảo đảm kinh tế gia đình thực sự là bộ phận hợp thành của kinh tế xã hội chủ nghĩa".

Trong điều kiện nền kinh tế - xã hội đã được cải tạo, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đã được xác lập và ngày càng tăng cường thì kinh tế gia đình là một bộ phận của kinh tế xã hội chủ nghĩa, có tác dụng tích cực đối với việc khai thác mọi khả năng sản xuất, góp phần tăng sản phẩm xã hội, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Kinh tế gia đình phát triển gắn liền với kinh tế tập thể, kinh tế quốc doanh, góp phần thúc đẩy công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, làm ra

nhiều của cải đáp ứng nhu cầu nhiều mặt tiêu dùng của nhân dân, tăng thêm nguyên liệu cho công nghiệp và hàng hóa xuất khẩu.

Khu vực có kinh tế gia đình rộng lớn là nông thôn kể cả đồng bằng và miền núi. Ở những nơi đã căn bản hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp, phải khuyến khích kinh tế gia đình phát triển theo sự phân công của tập đoàn sản xuất hoặc hợp tác xã, làm cho kinh tế tập thể và kinh tế gia đình xã viên cùng phát triển. Ở những nơi phong trào hợp tác hóa chưa đủ mạnh thì chính quyền xã phải hướng dẫn kinh tế gia đình hoạt động đúng hướng lợi nhà, ích nước, phù hợp với quá trình cải tạo và xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa. Để mau chóng hình thành những vùng sản xuất hàng hóa tập trung cho công nghiệp chế biến trung ương và địa phương, kinh tế gia đình trồng trọt và chăn nuôi theo phương hướng sản xuất chủ yếu của hợp tác xã hoặc nông trường, lâm trường, có hướng dẫn về kỹ thuật, bảo đảm chất lượng sản phẩm làm ra. Có thể giao công cho kinh tế gia đình những công đoạn, những sản phẩm trung gian của kinh tế tập thể và quốc doanh.

Việc kế hoạch hóa kinh tế gia đình thực hiện gián tiếp thông qua các hợp đồng cung cấp vật tư, thu mua sản phẩm, các hợp đồng giao công nguyên liệu, cung cấp giống, thức ăn, bảo hiểm và thu mua sản phẩm; thông qua các chính sách giá cả, đầu tư, tín dụng, v.v..

Kinh tế gia đình hoạt động sản xuất đa dạng: trồng trọt, chăn nuôi, nghề rừng, thủ công nghiệp, công nghiệp nhỏ phù hợp với điều kiện của từng địa phương và đơn vị cơ sở.

Kinh tế gia đình ở các thành phố lớn, các khu công nghiệp cần đẩy mạnh sản xuất rau quả, thực phẩm; làm gia công những công đoạn đơn giản các chi tiết sản phẩm của các xí nghiệp quốc doanh, các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, hoặc

tận dụng phế liệu mở rộng ngành nghề tiểu công nghiệp hoặc thủ công nghiệp.

Đối với công nhân, viên chức cần tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện tăng gia sản xuất, chăn nuôi, làm nghề phụ, nhận làm gia công vừa tăng của cải cho xã hội, vừa cải thiện đời sống.

Kinh tế gia đình ở *miền núi và trung du*, cùng với kinh tế tập thể, kinh tế quốc doanh, phát huy thế mạnh phát triển nghề rừng, chăn nuôi gia súc lớn, trồng cây công nghiệp, cây đặc sản, cây được liệu có giá trị kinh tế cao, xây dựng tốt vườn rừng, đồi rừng, tạo ra nguồn hàng xuất khẩu ngày càng phong phú.

Ở các *nông trường, lâm trường*, ngoài việc khoán sản phẩm cho công nhân về sản xuất của Nhà nước, cần giao cho kinh tế gia đình tự bảo đảm nhu cầu rau quả, thực phẩm và từng bước cả một phần về lương thực; phát triển các ngành nghề thủ công và dịch vụ cho nhu cầu của công nhân.

Ở *vùng kinh tế mới*, việc xây dựng kinh tế gia đình phải được làm ngay từ đầu, tạo điều kiện cho các gia đình nhanh chóng ổn định đời sống, thúc đẩy kinh tế tập thể và kinh tế quốc doanh phát triển.

II- TỔ CHỨC TỐT VÀ CÓ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI KINH TẾ GIA ĐÌNH

1. *Đất gia đình*

Đối với đất vườn và đất "phân trăm" để lại khi tập thể hóa ruộng đất theo quy định thì không tăng, không giảm, hoặc chia lại, nhưng do tình hình thực tế có thay đổi, các địa phương cần xem xét nếu cần thiết thì điều chỉnh lại cho sát hợp. Có thể điều chỉnh trong các trường hợp: bổ sung cho những chiến sĩ quân đội, thương binh, công nhân, viên chức đã vãnh hữu, trở về quê cũ.

Ở những nơi trồng lúa, hợp tác xã chưa có điều kiện kinh doanh các cây màu vụ đông, hợp tác xã cho xã viên nông dân tăng vụ trên đất nhận khoán với lao động và vật tư của mình. Hợp tác xã hoặc công ty thương nghiệp hướng dẫn gia đình kế hoạch sản xuất; bán giống, phân bón; giúp sức kéo, phòng trừ sâu bệnh, tưới nước, tiêu nước... và ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm.

Đất thùng đào, thùng đấu, ao chuôm nhỏ phải tốn nhiều công sức mới sử dụng được, có thể hợp tác xã giao cho gia đình xã viên lập thành ruộng, thành ao, được sử dụng lâu dài, không tính vào ruộng khoán.

Đất đồi bãi, bờ mương, bờ hồ, suồn đê, cũng giao cho gia đình xã viên sử dụng trồng các loại cây thức ăn gia súc, chăn nuôi trâu bò...; phải theo đúng quy định về kỹ thuật thảm canh, bảo vệ đất, bảo vệ công trình.

Đất ở vùng đồi núi, giao đất, giao rừng cho hợp tác xã và gia đình xã viên, đưa kinh tế vườn xã viên lên đồi, thực hiện nông - lâm kết hợp, phát triển chăn nuôi gia súc.

Đất cát ven biển, đất đá ong hóa, phèn nặng sinh lầy trước nay không trồng trọt giao cho gia đình xã viên sử dụng lâu dài, có hướng dẫn, giúp đỡ của kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể trong việc cải tạo đất, bảo vệ đất.

Đất ở ven các thành phố lớn, các khu công nghiệp, trung du, miền núi nơi nào có điều kiện, nên cấp đất cho công nhân, viên chức làm nhà ở, có thêm mảnh vườn nhỏ cạnh nhà, và thực hiện Chỉ thị 29 của Ban Bí thư về giao đất, giao rừng cho cán bộ, công nhân viên.

Đất trong quy hoạch nông trường, lâm trường quốc doanh, có thể cấp cho gia đình công nhân, viên chức làm nhà ở và làm kinh tế gia đình theo quyết định của Nhà nước. Nông trường, lâm trường còn đất chưa sản xuất, có thể cho gia đình công nhân, viên chức mượn trồng cây công nghiệp ngắn ngày hoặc dài ngày theo quy hoạch của nông trường, lâm trường; người sử dụng được hưởng hoa lợi theo hợp đồng đã thỏa thuận.

Đất kinh tế gia đình ở Nam Bộ, thực hiện điều chỉnh ruộng đất và cải tạo xã hội chủ nghĩa theo đúng chính sách. Đối với vườn cây ăn trái, đìa nuôi cá của gia đình thực hiện theo chủ trương, chính sách hiện hành.

2. Chính sách tài chính

Thuế: chỉ đánh thuế ruộng đất, thuế sát sinh, thuế công thương nghiệp; không đánh thuế sản xuất của kinh tế gia đình.

Đầu tư: các hợp tác xã tín dụng có nhiệm vụ cho khu vực kinh tế gia đình xã viên nông nghiệp vay. Quỹ tiết kiệm xã hội chủ nghĩa cho kinh tế gia đình công nhân, viên chức vay. Nhà nước dành số vốn đầu tư cho cơ sở quốc doanh và các hợp tác xã để các cơ sở này tổ chức liên kết với kinh tế gia đình như cấp thêm vốn, cung cấp vật tư, kỹ thuật, xây dựng mạng lưới thu mua, chế biến...

3. Vật tư, kỹ thuật

Tùy khả năng thực tế, ủy ban nhân dân huyện cung ứng vật tư kỹ thuật, giống, công cụ lao động, v.v.. Kinh tế quốc doanh hoặc tập thể cần giúp đỡ, hướng dẫn, đào tạo tay nghề cho kinh tế gia đình.

4. Lưu thông, phân phối

Sản phẩm kinh tế gia đình không thuộc diện gia công, hợp đồng với quốc doanh hoặc tập thể thì người sản xuất được bán trực tiếp cho thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán và người tiêu dùng. Cần giúp đỡ, hướng dẫn và quy hoạch chợ nông thôn, chợ thị trấn thuận lợi cho người sản xuất, chống được bọn buôn bán đầu cơ.

Thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán cần phải nắm được nhiều hàng hóa nông sản, hàng thủ công từ kinh tế gia đình; việc mua bán được tiến hành theo giá thỏa thuận bảo đảm người sản xuất có lợi để tích lũy tái sản xuất; thực hiện việc ký hợp đồng kinh tế hai chiều. Tổ chức các điểm thu mua và tổ chức lực lượng thu gom. Hàng của thương nghiệp quốc doanh đưa về trao đổi với gia đình nông dân, công nhân, viên chức phải phù hợp với nhu cầu của nhân dân; tránh tình trạng dân không cần hoặc cần ít lại đưa về nhiều, biến nông dân và công nhân, viên chức thành người mua đi bán lại hàng công nghệ phẩm của Nhà nước, tạo ra kẽ hở bị thương nhân lợi dụng đầu cơ tích trữ, nâng giá, gây rối thị trường.

5. Tổ chức chỉ đạo

Hội đồng Bộ trưởng ban hành những quy định cụ thể về chính sách và về quan hệ kinh tế đối với kinh tế gia đình.

Ở các huyện, quận, xã, phường, dưới sự lãnh đạo của cấp

ủy đảng, ủy ban nhân dân là người tổ chức việc chỉ đạo thực hiện và phối hợp hoạt động giữa các cơ sở quốc doanh, tập thể và kinh tế gia đình nhằm những mục tiêu kinh tế - xã hội cụ thể và thiết thực từng năm.

Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân tập thể, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, tùy theo chức năng của mình mà làm tốt việc giáo dục vận động quần chúng làm tốt, làm đúng kinh tế gia đình và đề đạt nguyện vọng và ý kiến của quần chúng với các cơ quan nhà nước có trách nhiệm. Đặc biệt, phải thường xuyên giáo dục quần chúng về ý thức làm chủ đất nước, làm chủ ở từng đơn vị cơ sở, bảo vệ Tổ quốc, xây dựng hạnh phúc chung. Mỗi gia đình có trách nhiệm, có quyền lợi trong trách nhiệm và quyền lợi chung của đất nước, của tập thể; mỗi gia đình phải là một chỗ dựa của Nhà nước, của tập thể, cùng với Nhà nước đấu tranh xóa bỏ bóc lột, chống đầu cơ tích trữ, quản lý cho được thị trường, lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa trên mặt trận phân phôi, lưu thông.

Ngành nông nghiệp, các ban nông nghiệp (hoặc ban kinh tế) của cấp ủy đảng cùng các ban, ngành liên quan có trách nhiệm giúp cấp ủy tỉnh, thành, quận, huyện... nghiên cứu các chủ trương, chính sách, chỉ thị đối với kinh tế gia đình và giúp cấp ủy kiểm tra việc thực hiện.

T/M BAN Bí THU

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THU**
Số 36-CT/TW, ngày 6 tháng 2 năm 1984

**Về việc lãnh đạo cuộc bầu cử hội đồng nhân dân
và ủy ban nhân dân hai cấp huyện, xã
và tương đương**

Cuộc bầu cử hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân hai cấp huyện, xã và tương đương sẽ tiến hành từ tháng 3 đến tháng 5-1984. Để bảo đảm cho cuộc bầu cử tiến hành đạt được kết quả tốt, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy đảng lãnh đạo tốt việc bầu cử, như sau:

1. Về bầu cử hội đồng nhân dân

Các luật mới về tổ chức hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân, về bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân vừa ban hành là cơ sở pháp lý nhằm phát huy mạnh mẽ hơn nữa quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động thông qua Nhà nước.

Các cấp bộ đảng phải lãnh đạo cuộc bầu cử hội đồng nhân dân huyện, xã và tương đương theo đúng tinh thần của luật mới về bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân, bảo đảm chất lượng cao của cuộc bầu cử, tạo điều kiện để nhân dân thực

hiện đầy đủ quyền làm chủ, lựa chọn được những đại biểu xứng đáng của mình và qua cuộc bầu cử, nâng cao được trình độ chính trị, tăng thêm lòng tin tưởng đối với chế độ xã hội chủ nghĩa tốt đẹp của ta.

Cần phổ biến, tuyên truyền sâu rộng tinh thần của luật mới; tổ chức cho nhân dân bàn bạc, nắm vững tiêu chuẩn đại biểu và vận dụng tiêu chuẩn đại biểu cho phù hợp với đặc điểm của từng địa phương. Đại biểu hội đồng nhân dân phải là người trung thành với Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, có thành tích sản xuất, công tác hoặc chiến đấu, có nhiệt tình phục vụ nhân dân, tích cực chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước, gương mẫu trong sinh hoạt, có trình độ và năng lực thực hiện nhiệm vụ của người đại biểu và được nhân dân tín nhiệm.

Cấp ủy đảng phải lãnh đạo chặt chẽ việc lập danh sách người được giới thiệu ra ứng cử, bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân, thật sự lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các đoàn thể, của mặt trận và của nhân dân, không được gò ép vào dự kiến của cấp ủy đảng, hết sức tránh lối làm hình thức, chiêu lệ. Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ mới cần có số đại biểu thích đáng là công nhân ưu tú ở các khu công nghiệp tập trung, những người tiêu biểu cho lực lượng sản xuất mới ở các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, công trường, nông trường, những cán bộ khoa học - kỹ thuật ưu tú. Cần cứ tình hình cụ thể, cân có tỷ lệ thích đáng đại biểu là quần chúng, là người dân tộc ít người, nên có khoảng 30% đại biểu là nữ, là thanh niên trong các hội đồng nhân dân.

2. Về bầu cử ủy ban nhân dân

Để bảo đảm chất lượng bầu cử ủy ban nhân dân, sau bầu cử hội đồng nhân dân, cần tổ chức cho đại biểu hội đồng nhân dân nghiên cứu, quán triệt tinh thần của luật mới về tổ chức hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân. Đại biểu hội đồng nhân dân cần nhận thức rõ và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân; nắm vững phương thức bầu cử ủy ban nhân dân.

Thành viên ủy ban nhân dân mới phải là những người có năng lực quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội; chấp hành có hiệu quả nghị quyết của hội đồng nhân dân và pháp luật, chính sách của Nhà nước; vừa phát huy được tính chủ động của địa phương, vừa bảo đảm được sự quản lý tập trung, thống nhất của trung ương. Cần tăng cường thành phần công nhân, cán bộ khoa học - kỹ thuật, thành phần nữ vào ủy ban nhân dân.

3. Tăng cường hoạt động của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân sau bầu cử

Sau bầu cử, các cấp ủy đảng cần đề cao trách nhiệm lãnh đạo chính quyền. Ở mỗi cấp cần quy định quan hệ lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân cùng cấp, thường xuyên rút kinh nghiệm về lãnh đạo chính quyền. Phải tích cực khắc phục tình trạng hoạt động còn hình thức của hội đồng nhân dân và đề cao trách nhiệm của ủy ban nhân dân trước hội đồng nhân dân; phải củng cố, kiện toàn các ban và các tổ đại biểu hội đồng nhân dân.

*

* * *

Nhận được chỉ thị này, các cấp ủy đảng, địa phương cần nghiên cứu, quán triệt tinh thần mới của *Luật tổ chức hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân, Luật bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân* để lãnh đạo tốt cuộc bầu cử hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân sắp tới.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 17-NQ/TW, ngày 7 tháng 2 năm 1984

**Về tổ chức những ngày kỷ niệm lớn
trong hai năm 1984 - 1985**

Trong hai năm 1984 - 1985, nhân dân ta sẽ kỷ niệm những ngày lịch sử quan trọng sau đây:

- Lần thứ 40 Cách mạng Tháng Tám và ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ngày nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (19-8 và 2-9-1945 - 19-8 và 2-9-1985);
- Lần thứ 30 thắng lợi Điện Biên Phủ chấm dứt ách xâm lược của chủ nghĩa thực dân Pháp trên cả nước ta, Lào và Campuchia (7-5-1954 - 1984), giải phóng miền Bắc, đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, làm cơ sở vững chắc cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc;
- Lần thứ 10 ngày thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ (30-4-1975 - 1985), hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thống

nhất Tổ quốc, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội;

-
- Lần thứ 55 ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930 - 1985);
- Lần thứ 95 ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-1890 - 1985);
- Lần thứ 40 ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22-12-1944 - 1984);
- Lần thứ 55 ngày thành lập Công đoàn Việt Nam.

Cùng với nhân dân các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa và nhân dân thế giới, nhân dân ta cũng kỷ niệm lần thứ 115 ngày sinh của V.I. Lenin và lần thứ 40 ngày chiến thắng phátxít (9-5-1945 - 1985) dẫn tới sự ra đời của hệ thống thế giới của chủ nghĩa xã hội.

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Ba ngày lễ lớn nhất là kỷ niệm lần thứ 30 chiến thắng Điện Biên Phủ, kỷ niệm lần thứ 40 Cách mạng Tháng Tám và 2-9, và kỷ niệm lần thứ 10 thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

1. *Tổ chức trọng thể và có tính quần chúng rộng rãi các ngày kỷ niệm nói trên dưới khẩu hiệu chung:* "Tất cả vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân", "Kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ..., góp phần vào sự nghiệp bảo vệ hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới".

Chủ đề tuyên truyền, giáo dục chung cho các ngày kỷ niệm này là phát huy truyền thống yêu nước và chủ nghĩa

anh hùng cách mạng, kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản; nâng cao lòng tự hào về dân tộc anh hùng, về Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh, bồi dưỡng ý chí cách mạng, tự lực tự cường, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Mục đích công tác tuyên truyền, giáo dục là động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, nêu cao tinh thần làm chủ tập thể, đẩy lèn phong trào cách mạng sôi nổi rộng khắp, liên tục, thi đua sản xuất và thực hành tiết kiệm, tăng năng suất lao động và hiệu quả công tác; thực hiện cho được bốn mục tiêu kinh tế - xã hội của kế hoạch 5 năm lần thứ ba (1981 - 1985), chuẩn bị tốt cho kế hoạch 5 năm lần thứ tư (1986 - 1990); tăng cường nền quốc phòng toàn dân, nâng cao cảnh giác, làm thất bại cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức, xây dựng nếp sống văn minh, chống các hiện tượng tiêu cực trong xã hội.

2. *Mục đích công tác tuyên truyền đối ngoại* là tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân thế giới đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, tăng cường đoàn kết với nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, các nước dân tộc chủ nghĩa và phong trào hòa bình, độc lập dân tộc, chống âm mưu của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế hòng bao vây, cô lập nước ta.

3. Ban Bí thư sẽ có *chỉ thị tổ chức các ngày kỷ niệm nói trên*, nhất là ba ngày kỷ niệm lớn, và chỉ định một ban tổ chức chung các ngày kỷ niệm.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG CHINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

VI và chương IX của *Điều lệ Đảng*; đồng thời thực hiện những nhiệm vụ do Ban Chấp hành Trung ương giao và thực hiện những quy định trong quy chế làm việc của các ban của Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN Bí THƯ

Số 37-QĐ/TW, ngày 8 tháng 2 năm 1984

Quy chế làm việc của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương

Căn cứ vào Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, quy chế làm việc của các ban của Đảng và nhiệm vụ, quyền hạn của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương do *Điều lệ Đảng* quy định, Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định quy chế làm việc của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương như sau:

Phân I

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG

Điều 1: Uỷ ban Kiểm tra Trung ương thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Uỷ ban Kiểm tra các cấp quy định ở chương

Điều 2: Nhiệm vụ và quyền hạn của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương là:

a) Kiểm tra những vụ đảng viên (chủ yếu là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý, kể cả Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng) vi phạm *Điều lệ Đảng*, nhằm vào những vụ vi phạm về nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, về tư cách đảng viên, vi phạm kỷ luật của Đảng, vi phạm luật pháp Nhà nước.

Kiểm tra việc thi hành kỷ luật của tổ chức đảng cấp dưới, trước hết là của các cấp ủy tỉnh, thành phố và đảng uỷ trực thuộc Trung ương.

Kiểm tra tài chính của Đảng, trước hết là đối với cơ quan tài chính của Trung ương và của các cấp ủy tỉnh, thành phố và đảng uỷ trực thuộc Trung ương.

b) Giải quyết thư tố cáo đảng viên, trước hết là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý.

Giải quyết thư khiếu nại về kỷ luật trong Đảng thuộc diện Uỷ ban Kiểm tra Trung ương phải xem xét.

c) Xem xét những vụ đảng viên là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý vi phạm kỷ luật của Đảng để trình Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định kỷ luật những vụ thuộc thẩm quyền của Trung ương Đảng, hoặc quyết định kỷ luật những vụ thuộc thẩm quyền của Uỷ

ban Kiểm tra Trung ương.

Sau khi kỷ luật đã được quyết định, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương chịu trách nhiệm thông báo cho người và tổ chức bị thi hành kỷ luật biết và theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thi hành quyết định đó.

d) Kiểm tra và hướng dẫn các tổ chức đảng, Uỷ ban Kiểm tra cấp dưới và đảng viên (chủ yếu là tổ chức đảng và Uỷ ban Kiểm tra cấp trực thuộc Trung ương) thực hiện những quy định tại chương VI, chương IX của *Điều lệ Đảng*.

Qua kiểm tra, phát hiện những mặt tích cực cần phát huy, những mặt thiếu sót cần khắc phục và đề xuất những chủ trương, biện pháp thúc đẩy công tác kiểm tra và giữ gìn kỷ luật của Đảng.

đ) Phối hợp với các ban của Đảng thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng về công tác của Uỷ ban Kiểm tra và công tác xây dựng Đảng.

Cùng các ban của Đảng và Văn phòng Trung ương giúp Ban Bí thư xây dựng và thực hiện chương trình kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng ở các cấp, các ngành.

e) Chuẩn bị hoặc tham gia chuẩn bị các kỳ họp của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác của Uỷ ban Kiểm tra và công tác xây dựng Đảng có liên quan đến nhiệm vụ của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương.

g) Hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm tra, tổ chức trao đổi kinh nghiệm và góp ý kiến về công tác của Uỷ ban Kiểm tra, bồi dưỡng cán bộ cho Uỷ ban Kiểm tra các cấp.

Trong khi thực hiện nhiệm vụ, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương được yêu cầu các tổ chức đảng cấp dưới, các cơ quan có

liên quan và đảng viên báo cáo hoặc cung cấp tình hình và tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra.

Phân II

TỔ CHỨC VÀ MỘT SỐ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA UỶ BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG

Điều 3: Uỷ ban Kiểm tra Trung ương do hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương cử ra.

Uỷ ban Kiểm tra Trung ương có chủ nhiệm, các phó chủ nhiệm và một số uỷ viên.

Uỷ ban Kiểm tra Trung ương được phân công một số đồng chí trong uỷ ban, gồm chủ nhiệm và một hoặc hai phó chủ nhiệm làm nhiệm vụ thường trực để giải quyết công việc hàng ngày theo uỷ nhiệm của uỷ ban.

Điều 4: Uỷ ban Kiểm tra Trung ương làm việc theo chế độ tập thể. Mọi công việc trong phạm vi thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình phải được bàn bạc tập thể và quyết định theo đa số.

Chế độ làm việc và sự phân công trong uỷ ban phải bảo đảm cho mỗi thành viên trong uỷ ban phát huy hết trách nhiệm đóng góp vào việc thực hiện nhiệm vụ chung của uỷ ban và hoàn thành tốt trách nhiệm cá nhân được phân công.

Điều 5: Uỷ ban Kiểm tra Trung ương tổ chức ra bộ máy giúp việc của mình. Bộ máy này phải dựa trên cơ sở nhiệm vụ, quyền hạn của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương đã được quy định ở Điều 1 và Điều 2 của quy chế này để tổ chức cho phù hợp, theo hướng gọn nhẹ, tinh giản, có hiệu lực, bảo đảm được yêu cầu giúp uỷ ban tổ chức thực hiện có hiệu quả

nhiệm vụ và quyền hạn của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương. Biên chế bộ máy giúp việc Uỷ ban Kiểm tra Trung ương do Uỷ ban Kiểm tra Trung ương và Ban tổ chức Trung ương đề nghị, Ban Bí thư quyết định.

Điều 6: Cán bộ của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương phải được lựa chọn kỹ về lịch sử chính trị, có phẩm chất tốt và thực sự có năng lực theo yêu cầu công tác của cơ quan kiểm tra cấp trung ương và theo từng chức danh.

a) Theo tiêu chuẩn chung về cán bộ do Bộ Chính trị và Ban Bí thư đã quy định, cán bộ của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương cần bảo đảm những điểm chính sau đây:

- Hoàn toàn nhất trí với đường lối của Đảng.
- Trung thực, liêm khiết, chí công vô tư, có tinh thần bảo vệ nguyên tắc, chính sách của Đảng và đấu tranh chống tiêu cực trong Đảng và ngoài xã hội.
- Có tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật. Có tác phong và thái độ công tác khiêm tốn, thận trọng, được đảng viên và quần chúng tín nhiệm.
- Có kiến thức và kinh nghiệm về công tác xây dựng đảng và công tác kiểm tra, có khả năng thực hiện tốt nhiệm vụ được giao và đóng góp chung vào sự hoạt động của Uỷ ban Kiểm tra.

b) Uỷ ban Kiểm tra Trung ương có trách nhiệm xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ cơ quan mình theo quy hoạch; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện chuyên môn hoá cán bộ, chú trọng để bạt cán bộ trong ngành từ dưới lên, bảo đảm tính kế thừa, tính liên tục trong việc bố trí và sử dụng cán bộ.

Điều 7: Uỷ ban Kiểm tra Trung ương phải căn cứ vào quy chế làm việc của Trung ương, quy chế tổ chức làm việc của các ban của Trung ương Đảng và quy chế này để xây dựng các chế độ công tác cụ thể và cải tiến lề lối làm việc nhằm làm cho công tác kiểm tra được tiến hành có chương trình, có kế hoạch, bảo đảm kịp thời, chính xác và có hiệu quả cao.

Mỗi năm một lần (trừ hội nghị bất thường), Uỷ ban Kiểm tra Trung ương được mở hội nghị thường kỳ với các chủ nhiệm, phó chủ nhiệm hoặc ủy viên Uỷ ban Kiểm tra cấp trực thuộc Trung ương để kiểm điểm tình hình, thảo luận công tác, trao đổi kinh nghiệm và hướng dẫn nghiệp vụ công tác kiểm tra. Và, khi thật cần thiết, có thể mở hội nghị bất thường và hội nghị sơ kết, tổng kết các chuyên đề về nghiệp vụ công tác kiểm tra.

Phân III

SỰ CHỈ ĐẠO CỦA BAN Bí THƯ ĐỐI VỚI UỶ BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG VÀ MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA UỶ BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG

Điều 8: Uỷ ban Kiểm tra Trung ương làm việc dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, trực tiếp và thường xuyên là Ban Bí thư.

a) Mỗi nhiệm kỳ, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương phải báo cáo trước hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương hai lần (vào giữa và cuối nhiệm kỳ) về tình hình đảng viên và tổ chức đảng chấp hành kỷ luật của Đảng,

tình hình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương.

b) Mỗi năm một lần, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương phải báo cáo tình hình và xin ý kiến chỉ đạo của Ban Bí thư về công tác kiểm tra.

c) Định kỳ mỗi tháng một lần, Ban Bí thư nghe Uỷ ban Kiểm tra Trung ương trình duyệt các vụ kỷ luật hoặc đề xuất những vấn đề thuộc thẩm quyền của Trung ương Đảng giải quyết.

Nếu có việc bất thường cần Bộ Chính trị hoặc Ban Bí thư giải quyết thì Uỷ ban Kiểm tra Trung ương đề nghị (qua Văn phòng Trung ương) để Thường trực Ban Bí thư quyết định.

d) Chủ nhiệm, phó chủ nhiệm hoặc uỷ viên Uỷ ban Kiểm tra Trung ương được dự các kỳ họp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư bàn về những công việc thuộc phạm vi trách nhiệm (hay có liên quan mật thiết đến trách nhiệm) của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương.

Điều 9: Uỷ ban Kiểm tra Trung ương phải chủ động phối hợp công tác với các ban, các ngành của Đảng và Nhà nước, trước hết là với Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương, Ban Nội chính và Uỷ ban Thanh tra của Chính phủ để làm tốt công tác kiểm tra.

a) Uỷ ban Kiểm tra Trung ương phối hợp chặt chẽ với Ban Tổ chức Trung ương và các ban của Trung ương Đảng có liên quan trong việc xem xét, xử lý những vụ đảng viên là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý vi phạm kỷ luật.

Trong việc chuẩn bị nhân sự cấp uỷ hay đề bạt cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương tham gia ý kiến với Ban Tổ chức Trung ương và các ban có liên quan, giúp Trung ương kết luận về các trường hợp có vấn đề cần xem xét.

Uỷ ban Kiểm tra Trung ương phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương để giúp các cấp uỷ tỉnh, thành phố và đảng uỷ trực thuộc Trung ương chuẩn bị nhân sự Uỷ ban Kiểm tra của các cấp uỷ đó.

b) Uỷ ban Kiểm tra Trung ương phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời những yêu cầu về tình hình và tài liệu cần thiết cho Văn phòng Trung ương để phục vụ tốt cho sự lãnh đạo của Trung ương.

Văn phòng Trung ương có trách nhiệm cung cấp cho Uỷ ban Kiểm tra Trung ương tình hình, tài liệu và những thông tin cần thiết về các vấn đề thuộc trách nhiệm (hoặc có liên quan mật thiết đến trách nhiệm) của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương.

c) Uỷ ban Kiểm tra Trung ương và các cơ quan chính quyền, nhất là Uỷ ban Thanh tra của Chính phủ cần có sự phối hợp chặt chẽ trong việc kiểm tra, xử lý những vụ đảng viên vi phạm kỷ luật.

d) Đối với những vụ kỷ luật thuộc thẩm quyền của Trung ương Đảng hay của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương, trong quá trình xem xét, nếu các tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên thấy có vấn đề gì cần tham gia ý kiến thì trực tiếp trao đổi với Uỷ ban Kiểm tra Trung ương, không được can thiệp hoặc gây khó khăn trở ngại cho việc xử lý. Khi báo cáo với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Uỷ ban

Kiểm tra Trung ương cần trình bày rõ những ý kiến của các tổ chức đảng và cá nhân.

Điều 10: Uỷ ban Kiểm tra Trung ương phải thực hiện tốt mối quan hệ với các cấp uỷ trực thuộc Trung ương và Uỷ ban Kiểm tra cấp dưới.

a) Uỷ ban Kiểm tra Trung ương giúp Ban Bí thư theo dõi, kiểm tra và hướng dẫn các cấp uỷ tỉnh, thành phố, các đảng uỷ trực thuộc Trung ương và Uỷ ban Kiểm tra cấp dưới trong việc chấp hành chương VI, chương IX của *Điều lệ Đảng* và các quy định của Trung ương Đảng về công tác kiểm tra; giúp Ban Bí thư xử lý những công việc về kiểm tra do cấp uỷ trực thuộc Trung ương và Uỷ ban Kiểm tra cấp dưới kiến nghị lên Trung ương Đảng.

b) Các cấp uỷ trực thuộc Trung ương và Uỷ ban Kiểm tra cấp dưới cần phản ánh tình hình, thực hiện các yêu cầu của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương, bàn bạc với Uỷ ban Kiểm tra Trung ương những vấn đề cần giải quyết về công tác và nhân sự của Uỷ ban Kiểm tra ở địa phương. Các báo cáo chuyên đề về công tác kiểm tra, về xây dựng Đảng, về thực hiện nhiệm vụ chính trị của cấp uỷ gửi lên Trung ương Đảng, đồng gửi cho Uỷ ban Kiểm tra Trung ương nghiên cứu để thực hiện tốt công tác kiểm tra.

c) Đồng chí chủ nhiệm, các phó chủ nhiệm và uỷ viên Uỷ ban Kiểm tra Trung ương hoặc các cán bộ kiểm tra có trách nhiệm do Uỷ ban Kiểm tra Trung ương giới thiệu được dự các kỳ sinh hoạt của các cấp uỷ trực thuộc hay cấp ủy cấp

dưới bàn về công tác kiểm tra, công tác xây dựng Đảng và các vấn đề khác có liên quan mật thiết đến công tác kiểm tra.

Phân IV

CHẤP HÀNH QUY CHẾ

Điều 11: Uỷ ban Kiểm tra Trung ương căn cứ vào nhiệm vụ và quyền hạn do *Điều lệ Đảng* quy định, căn cứ vào quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, quy chế làm việc của các ban của Trung ương và quy chế này để tiến hành công tác, kiện toàn tổ chức, cải tiến lề lối làm việc, xây dựng nội quy công tác của Uỷ ban Kiểm tra nhằm bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Uỷ ban Kiểm tra Trung ương cùng Ban Tổ chức Trung ương và Văn phòng Trung ương giúp Trung ương theo dõi, đôn đốc thực hiện quy chế này. Từng thời gian, báo cáo với Ban Bí thư và đề nghị những sửa đổi, bổ sung cần thiết.

T/M BAN BÍ THƯ
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THU**

Số 37-CT/TW, ngày 9 tháng 2 năm 1984

**Về việc tổ chức thực hiện những thoả thuận
giữa hai Bộ Chính trị Việt Nam - Lào**

Cuối tháng 1-1984 vừa qua, Bộ Chính trị Đảng ta đã hội đàm với Bộ Chính trị Đảng Nhân dân cách mạng Lào. Hai bên đã trao đổi về tình hình thế giới và khu vực, đã thông báo cho nhau tình hình của mỗi nước và nhận định kết quả của việc hợp tác các mặt giữa hai đảng, hai nước trong thời gian qua.

Trong cuộc hội đàm lần này, hai Bộ Chính trị xuất phát từ tinh thần Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương, từ yêu cầu nhiệm vụ cách mạng hai nước trong giai đoạn hiện nay, đã hoàn toàn nhất trí về việc tăng cường và mở rộng việc hợp tác toàn diện giữa hai nước, nhất là hợp tác về kinh tế, văn hoá trong thời gian tới. Hai Bộ Chính trị đã xác định phương hướng, nội dung hợp tác mọi mặt giữa hai nước, đặc biệt là các vấn đề có tính chất chiến lược về kinh tế. Cuộc hội đàm lần này đánh dấu bước phát triển mới trong quan hệ giữa hai nước và sẽ có tác động lớn đến việc phát triển kinh tế của mỗi nước về lâu dài cũng như trong kế hoạch 5 năm (1986 - 1990) tới. Tinh thần hội đàm lần này cũng rất phù hợp với

tinh thần Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị ta "Về tăng cường đoàn kết, hợp tác toàn diện với Lào và Campuchia trong giai đoạn mới".

Để biến những thoả thuận mới giữa hai đảng thành kết quả thực tế, các ngành, các địa phương có trách nhiệm tiếp tục quán triệt tư tưởng chỉ đạo và tổ chức thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ công tác cụ thể đã đề ra trong Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị. Ban Bí thư nhấn mạnh một số điểm như sau:

1. Theo sự nhất trí giữa hai Bộ Chính trị thì phuơng thức hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau tốt nhất vẫn là *ngành hợp tác và giúp đỡ ngành, địa phuơng hợp tác và giúp đỡ địa phuơng*. Vì vậy lãnh đạo các ngành, các địa phuơng của ta với tinh thần coi công việc của bạn như công việc của mình, có trách nhiệm theo dõi, nghiên cứu tình hình và các chủ trương công tác của bạn để thông qua các cuộc gặp gỡ định kỳ và những dịp trao đổi kinh nghiệm, có thể giúp đỡ và hợp tác với ngành và địa phuơng của bạn một cách thiết thực và có hiệu quả.
2. Các tỉnh có kết nghĩa với tỉnh bạn cần coi việc giúp đỡ và hợp tác với bạn là một nhiệm vụ quan trọng thường xuyên của mình. Dưới sự quản lý thống nhất của Trung ương, các địa phuơng của ta cần có kế hoạch mở rộng hợp tác với các tỉnh của bạn, tiến lên liên kết chặt chẽ với nhau, nhất là về kinh tế, văn hoá trên tinh thần hợp lực cùng nhau tạo ra sức mạnh chung để cùng đi lên.
3. *Ban Công tác giúp Lào* có trách nhiệm phổ biến tinh thần hội đàm của hai Bộ Chính trị cho các ngành và địa phuơng, phối hợp với các ngành liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện các vấn đề hai Bộ Chính trị đã thoả thuận, tổ chức sự phối hợp, theo dõi, đôn đốc các ngành, các địa phuơng thực hiện kế hoạch ấy và báo cáo kết quả với Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng.

Uỷ ban Hợp tác kinh tế và văn hoá với Lào và Campuchia có trách nhiệm xem xét lại các vấn đề đã ký kết, bổ sung các điểm cần thiết cho phù hợp với tinh thần cuộc hội đàm, phối hợp với Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước, các ngành và các địa phương nghiên cứu các vấn đề hợp tác kinh tế và văn hoá, chuẩn bị cho việc ký kết về hợp tác kinh tế, văn hoá giữa ta và bạn; theo dõi, đôn đốc các ngành và các địa phương thực hiện tốt các vấn đề đã ký kết với bạn.

Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước có trách nhiệm cân đối mọi mặt để thực hiện nội dung, phương hướng hợp tác kinh tế mà hai Bộ Chính trị đã thoả thuận, tổ chức việc phối hợp kế hoạch giữa ta và bạn, chuẩn bị cho kế hoạch 5 năm 1986 -1990 và phối hợp chiến lược kinh tế lâu dài giữa hai nước.

Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ có trách nhiệm cùng Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ bạn nghiên cứu và triển khai các vấn đề hợp tác về an ninh, phòng thủ giữa hai nước bao gồm xây dựng kế hoạch bảo vệ đất nước, bảo vệ an ninh chung, xây dựng các tuyến phòng thủ, xây dựng hậu phương chiến lược, phối hợp cùng nhau đánh bại kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, xây dựng quy chế và giải quyết từng bước cơ sở vật chất bảo đảm cho sự hoạt động của quân tình nguyện Việt Nam.

Bộ Ngoại giao, ngoài việc phối hợp với bạn trên mặt trận đối ngoại, có trách nhiệm bàn bạc cụ thể với bạn xây dựng các chính sách đối với kiều dân, vấn đề đặt cơ quan lãnh sự ở các địa phương, vấn đề hôn nhân giữa công dân hai nước..., để trình hai Chính phủ quyết định.

Ban Biên giới Trung ương có trách nhiệm cùng các địa phương hữu quan phối hợp với bạn hoàn thành việc cắm mốc ở những nơi còn lại. Bộ Ngoại giao, Ban Biên giới phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Ban Công tác giúp Lào và một số ngành liên quan xây dựng bản quy chế biên giới hữu nghị giữa hai nước để trình hai Chính phủ quyết định.

Theo yêu cầu cụ thể của bạn do Ban Công tác giúp Lào đề xuất, *Ban Tổ chức Trung ương* bàn bạc với các ngành, các địa

phương điêu động chuyên gia sang giúp bạn bảo đảm chất lượng; Ban Công tác giúp Lào có trách nhiệm xây dựng quy chế quản lý chuyên gia và các đoàn cán bộ của ta sang công tác trên đất bạn.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

các cấp hội thi hành điều lệ của hội; bộ máy gọn, nhẹ, gồm cả một số cán bộ kiêm nhiệm của các ban, ngành. Hội chưa lập cơ quan báo chí riêng, trước mắt có thể ra tờ *Tin công tác hội*.

Đại hội đại biểu Hội Liên hiệp Nông dân tập thể toàn quốc lần thứ I sẽ tổ chức trong năm 1984 và được tiến hành dân chủ từ dưới lên. Qua việc tiến hành đại hội các cấp và chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc, cần kiện toàn tổ chức của hội, nhất là ở cấp cơ sở, xã, huyện; phát động phong trào quần chúng thi đua lao động, sản xuất, thực hành tiết kiệm ở nông thôn.

Ban Nông nghiệp Trung ương có trách nhiệm theo dõi, giúp Ban trù bị Đại hội tiến hành tốt các công việc về chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc. Các ban, ngành và các đoàn thể trung ương cần cộng tác chặt chẽ với Ban trù bị Đại hội trong các hoạt động tuyên truyền và chỉ đạo mở đại hội đại biểu Hội Liên hiệp Nông dân tập thể ở các cấp.

T/M BAN BÍ THU

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 32-TB/TW, ngày 13 tháng 2 năm 1984

Ý kiến của Ban Bí thư về việc mở Đại hội đại biểu Hội Liên hiệp Nông dân tập thể toàn quốc lần thứ I

Ngày 7-1-1984, Ban Bí thư đã nghe Ban trù bị Đại hội toàn quốc Hội Liên hiệp Nông dân tập thể báo cáo tình hình hoạt động của hội và có ý kiến như sau:

Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam là một tổ chức quần chúng nông dân xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Hội có nhiệm vụ cùng các đoàn thể khác giáo dục, vận động nông dân phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tiến hành ba cuộc cách mạng, xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa, góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong cả nước.

Địa bàn hoạt động chủ yếu của hội là ở cơ sở, huyện. Ban chấp hành các cấp do đại hội đại biểu của hội ở từng cấp bầu ra và chịu sự lãnh đạo ngang của cấp uỷ địa phương. Khác với các đoàn thể quần chúng khác, cơ quan trung ương của Hội Liên hiệp Nông dân tập thể có nhiệm vụ chủ yếu là hướng dẫn công tác, trao đổi kinh nghiệm công tác, chỉ đạo

Ban Bí thư thông báo để các cơ quan có trách nhiệm thi hành và các ban, các ngành, các tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ biết để liên hệ công tác.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN ĐỨC TÂM

THÔNG BÁO

Số 33-TB/TW, ngày 14 tháng 2 năm 1984

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Quyết định của Bộ Chính trị về việc thống nhất Ban Kinh tế Trung ương và Ban Phân phối lưu thông Trung ương

Xét tính chất và mối quan hệ công tác giữa các ngành hiện thuộc khối kinh tế kế hoạch và khối phân phối lưu thông, để hợp lý hoá tổ chức, bảo đảm giúp Trung ương làm tốt chức năng của một ban của Trung ương đối với công tác thuộc các ngành nói trên, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã quyết định:

- Thống nhất hai ban: Kinh tế Trung ương và Phân phối lưu thông Trung ương thành một ban gọi là Ban Kinh tế Trung ương.
- Phân công đồng chí Nguyễn Lam, Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng trực tiếp làm Trưởng ban Kinh tế Trung ương. Đồng chí Nguyễn Lam vẫn phụ trách Ban Công nghiệp Trung ương.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THU**

Số 38-CT/TW, ngày 20 tháng 2 năm 1984

**Về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với
công tác thanh tra**

Thi hành Nghị quyết của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ tư (khoá V) về việc chấn chỉnh tổ chức và hoạt động của các cơ quan thanh tra và phát triển rộng rãi các hình thức tổ chức kiểm tra nhân dân trong tất cả các đơn vị kinh tế, hành chính cơ sở, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy đảng, các đồng chí lãnh đạo chính quyền các cấp, các ngành thực hiện tốt những việc sau đây:

1. Mục đích của thanh tra là đánh giá chính xác những mặt làm đúng, những mặt làm sai trong việc chấp hành các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật, kế hoạch của Nhà nước; phát hiện những đơn vị và cá nhân có thành tích xuất sắc để biểu dương, khen thưởng, phát huy; phát hiện và ngăn ngừa những đơn vị và cá nhân mắc khuyết điểm, giúp đỡ sửa chữa và kiên quyết xử lý nghiêm minh đối với những trường hợp cố tình vi phạm chính sách, chế độ, nguyên tắc tổ chức của Đảng và Nhà nước; nhằm góp phần tích cực bảo đảm chấp hành nghiêm chỉnh và có hiệu lực đường lối, chính sách, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đồng thời giúp cơ

quan lãnh đạo kiểm tra lại sự đúng đắn của các chính sách, chủ trương.

Trước mắt cũng như lâu dài, công tác thanh tra có tác dụng quan trọng trực tiếp đối với việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, giữ gìn pháp luật Nhà nước, tăng cường trách nhiệm quản lý kinh tế, quản lý xã hội của bộ máy nhà nước, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

2. Phải tăng cường vai trò và trách nhiệm của các tổ chức thanh tra các cấp từ trung ương đến cơ sở và thanh tra các ngành, đi đôi với sự thu hút rộng rãi quần chúng nhân dân vào các hoạt động giám sát, thanh tra thường xuyên, tại chỗ; thực hiện sự thống nhất hoạt động thanh tra nhà nước và thanh tra nhân dân trong một hệ thống tổ chức thanh tra. Hội đồng Bộ trưởng đã có Nghị quyết số 26-HĐBT ngày 15-2-1984 quy định cụ thể về hệ thống tổ chức thanh tra nhà nước và thanh tra nhân dân ở cơ sở. Đây là một quyết định quan trọng thể hiện quan điểm của Đảng ta về tăng cường chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong công tác quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

Các cấp uỷ đảng, các đồng chí lãnh đạo chính quyền các cấp, các ngành cần nhận rõ các tổ chức thanh tra là công cụ đắc lực của Đảng, của chính quyền trong việc kiểm tra, thanh tra sự chấp hành đường lối, chính sách, chủ trương của Đảng, pháp luật, kế hoạch nhà nước, qua đó nắn nót tinh thần, đánh giá đúng phầm chất và năng lực đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng, cán bộ, nhân viên nhà nước; tăng cường chỉ đạo các tổ chức thanh tra của Nhà nước và làm cho cán bộ thanh tra nắm vững đường lối, chính sách của Đảng và tư tưởng chỉ đạo của cấp uỷ đảng, của chính quyền trong từng thời gian để lập chương trình kế hoạch hoạt động thanh tra; chỉ đạo chặt chẽ sự phối hợp giữa các tổ chức thanh tra của Nhà nước với các tổ chức kiểm tra của Đảng và các hoạt động của các đoàn thể quần chúng.

3. Vấn đề quan trọng hàng đầu là tăng cường và kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác thanh tra, trước hết là cán bộ lãnh đạo chủ chốt của các tổ chức thanh tra.

a) Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các tổ chức và hoạt động thanh tra, các cấp uỷ đảng cần lựa chọn những đồng chí có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực, có kinh nghiệm về công tác thanh tra, được cán bộ, đảng viên và quần chúng tín nhiệm để làm chủ nhiệm Uỷ ban Thanh tra Nhà nước ở các cấp.

b) Cân tăng cường cho các tổ chức thanh tra có đủ số lượng cán bộ thanh tra có phẩm chất, đạo đức tốt và có kiến thức, kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, theo tiêu chuẩn cán bộ của Đảng và theo quy định của Hội đồng Bộ trưởng; kết hợp với việc xây dựng một mạng lưới công tác viên thanh tra ở các cấp, tạo thành một lực lượng thanh tra đông đảo cả về số lượng và chất lượng, hoạt động có hiệu lực.

Các đoàn thể Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ cần cử một đồng chí trong Ban Chấp hành có năng lực và uy tín, tích cực hoạt động, để làm thành viên của Uỷ ban Thanh tra Nhà nước các cấp, như quy định trong Nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng.

c) Ban Thanh tra nhân dân ở cơ sở có vai trò rất quan trọng phát huy hiệu lực hoạt động thanh tra. Đảng uỷ cơ sở, chi bộ đảng có nhiệm vụ trực tiếp chỉ đạo các tổ chức thanh tra nhân dân, phân công một đồng chí uỷ viên thường vụ làm trưởng ban thanh tra nhân dân, nâng cao tinh thần trách nhiệm của các đảng viên được bầu vào tổ chức này, xem đây là một nhiệm vụ công tác đảng quan trọng. Đảng uỷ cơ sở, chi bộ đảng cần lãnh đạo các đoàn thể quần chúng lựa chọn giới thiệu những đoàn viên tích cực tham gia vào tổ chức thanh tra nhân dân.

*

* *

Các cấp uỷ đảng, các đồng chí lãnh đạo chính quyền các cấp, các ngành cần nghiên cứu chỉ thị này, và có kế hoạch, biện pháp cụ thể để chỉ đạo thực hiện nghiêm chỉnh Chỉ thị của Ban Bí thư và Nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng về công tác thanh tra.

Các tổ chức thanh tra từ trung ương đến cơ sở và thanh tra các ngành cần phát huy những kinh nghiệm đã tích luỹ được, khắc phục những mặt yếu kém đang gây trở ngại cho công tác thanh tra, nỗ lực phấn đấu làm tròn nhiệm vụ được giao.

Chỉ thị này được phổ biến đến đảng bộ cơ sở.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN ĐỨC TÂM

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THU**

Số 39-CT/TW, ngày 10 tháng 3 năm 1984

**Về việc tổ chức kỷ niệm lần thứ 55 ngày thành lập
Công đoàn Việt Nam**

Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã quyết định lấy ngày 28-7-1929, ngày thành lập Tổng Công hội đầu tiên ở miền Bắc do Đông Dương Cộng sản Đảng trực tiếp lãnh đạo làm ngày thành lập Công đoàn Việt Nam.

Năm nay, kỷ niệm lần thứ 55 ngày thành lập đoàn thể quần chúng của giai cấp công nhân ta nhằm những mục đích sau đây:

1. Tuyên truyền, giáo dục trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân về truyền thống cách mạng oanh liệt của giai cấp công nhân Việt Nam và Công đoàn trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, về vị trí của giai cấp công nhân và Công đoàn trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa.
2. Phát huy ý thức trách nhiệm làm chủ tập thể của công nhân, viên chức, đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất và tiết kiệm, tăng năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hiệu quả công tác.
3. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự phối hợp giữa chính quyền và đoàn thể các cấp đối với tổ chức Công đoàn. Kiện

toàn một bước về tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của Công đoàn.

4. Các ban của Đảng, các Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân tập thể, các đồng chí lãnh đạo các bộ, các ngành trung ương phối hợp với Đảng đoàn Tổng Công đoàn tổ chức kỷ niệm này.

T/M BAN BÍ THU
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**HƯỚNG DẪN
CỦA BAN Bí THU**

Số 39-QĐ/TW, ngày 12 tháng 3 năm 1984

**Quy chế làm việc của các cấp uỷ tỉnh, thành phố,
huyện, quận, thị**

Căn cứ các quy định của *Điều lệ Đảng*, quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương và rút kinh nghiệm về lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện của các cấp uỷ trong những năm qua, Ban Bí thư hướng dẫn quy chế làm việc của các cấp uỷ tỉnh, thành phố, huyện, quận và thị xã, nhằm nâng cao chất lượng lãnh đạo và chỉ đạo của các cấp uỷ đáp ứng các yêu cầu sau đây:

1. Quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách trong sinh hoạt và hoạt động của cấp uỷ; bảo đảm chặt chẽ tính tổ chức và kỷ luật, tính chủ động sáng tạo trong việc chấp hành các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên, của đại hội đảng bộ và của tập thể cấp uỷ ở từng cấp.
2. Thể hiện đúng cơ chế "Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ tập thể, Nhà nước quản lý", phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức trong hệ thống chuyên chính vô sản ở địa phương, khắc phục mọi biểu hiện buông lỏng lãnh đạo hoặc bao biện làm thay của cấp uỷ đối với chính quyền và các tổ chức quần chúng.

3. Xây dựng nền nếp làm việc cách mạng và khoa học; vừa thể hiện tinh thần phụ trách, dám nghĩ, dám làm, tính chiến đấu khẩn trương; vừa coi trọng hiệu quả của công việc, thực hiện lề lối làm việc có chương trình kế hoạch, có điều tra nghiên cứu; khắc phục bệnh quan liêu, bảo thủ, tác phong tuỳ tiện, bệnh thủ công, sự vụ và sự trì trệ trong bộ máy.

4. Củng cố và kiện toàn tổ chức của Đảng, Nhà nước, đoàn thể quần chúng ở địa phương, đề cao chế độ trách nhiệm, bảo đảm làm việc theo quy chế; làm cho bộ máy có hiệu lực cao, phục vụ một cách nhanh, nhạy kịp thời cho cơ sở, gắn chặt xây dựng cơ sở với xây dựng huyện, quận, thị xã, v.v..

Phần I
**TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA TẬP THỂ CẤP UỶ
VÀ CỦA CẤP UỶ VIÊN**

I- VỀ TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA TẬP THỂ

Điều 1: Các cấp uỷ phải thực hiện nghiêm chỉnh Điều 28 của *Điều lệ Đảng* về nhiệm vụ của ban chấp hành tỉnh, thành phố trực thuộc, huyện, quận, thị xã.

Mỗi cấp uỷ vừa chịu trách nhiệm trước Trung ương (và cấp uỷ cấp trên nếu là cấp uỷ huyện, quận, thị xã), vừa chịu trách nhiệm trước đảng bộ và nhân dân địa phương, kết hợp chặt chẽ lợi ích của Nhà nước với lợi ích địa phương, bảo đảm cho đường lối, chính sách của Đảng, kế hoạch nhà nước, các nghị quyết, chủ trương của cấp trên và của cấp mình được cụ thể hoá và thực hiện nghiêm chỉnh ở địa phương.

Một mặt phải lãnh đạo chính quyền làm tốt trách nhiệm quản lý trên lãnh thổ đối với các cơ sở của trung ương hoặc

cấp trên đóng ở địa phương (theo đúng quy định của Nhà nước), chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt mọi nghĩa vụ đối với Nhà nước. Mặt khác phải lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể ở địa phương xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch kinh tế - xã hội của địa phương, làm tốt trách nhiệm là người đại diện cho nhân dân địa phương, tổ chức tốt đời sống kinh tế, văn hoá, bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở địa phương.

Điều 2: Những vấn đề nhất thiết phải đưa ra *tập thể ban chấp hành* thảo luận và quyết định là:

- Chủ trương, biện pháp thi hành các nghị quyết của hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương (và của tỉnh uỷ, thành uỷ đối với cấp uỷ huyện, quận, thị) và những nghị quyết, chỉ thị quan trọng khác của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, của Nhà nước, của cấp uỷ cấp trên theo sự chỉ đạo của cấp trên hoặc do ban thường vụ xét thấy cần.
- Chủ trương biện pháp, kế hoạch thi hành nghị quyết của đại hội đảng bộ hoặc hội nghị đại biểu của đảng bộ, các vấn đề về quy hoạch, phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch dài hạn và hằng năm về kinh tế - xã hội.
- Chương trình toàn khoá (hoặc nửa nhiệm kỳ đối với cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) và chương trình hằng năm về các vấn đề cần đưa ra hội nghị toàn thể quyết định.
- Nội dung chuẩn bị tiến hành đại hội hoặc hội nghị đại biểu của đảng bộ: báo cáo, đề án; dự kiến nhân sự cấp uỷ khoá tới (hoặc bổ sung cấp uỷ viên); thời gian triệu tập đại hội và hội nghị đại biểu.
- Những vấn đề quan trọng và mới về kinh tế, về công tác tư tưởng, tổ chức, xây dựng đảng, về công tác quần chúng, v.v. mà ban thường vụ hoặc số đông cấp uỷ viên thấy cần đưa ra tập thể quyết định; những vấn đề phương hướng nhiệm vụ chung nhất về quốc phòng, an ninh.

- Các vấn đề nhân sự và các vấn đề khác mà *Điều lệ Đảng* quy định phải đưa ra hội nghị toàn thể ban chấp hành quyết định (như bầu cử ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, uỷ viên uỷ ban kiểm tra, thi hành kỷ luật cấp uỷ viên, giải tán một tổ chức đảng, v.v.).

- Nghe báo cáo về tình hình hoạt động của ban thường vụ và của uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ.

Điều 3: *Ban thường vụ* thay mặt ban chấp hành lãnh đạo và chỉ đạo mọi mặt công tác của đảng bộ giữa hai kỳ hội nghị toàn thể ban chấp hành. Nhiệm vụ cụ thể là:

- Chuẩn bị nội dung và triệu tập các hội nghị ban chấp hành, báo cáo tình hình chung và công việc đã làm trước ban chấp hành.
- Cụ thể hoá và có kế hoạch tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương (và của cấp trên đối với cấp uỷ huyện, thị...) thay mặt ban chấp hành lãnh đạo và kiểm tra toàn diện các công tác của Đảng và Nhà nước ở địa phương.

Ngoài các vấn đề đã quy định nhất thiết phải do hội nghị toàn thể ban chấp hành quyết định, ban thường vụ được thay mặt ban chấp hành quyết định mọi vấn đề xét cần thiết thuộc thẩm quyền của ban chấp hành và phải báo cáo tình hình chung và công việc đã làm trước ban chấp hành theo định kỳ, trong các phiên họp thường lệ của ban chấp hành và khi xét cần thiết theo quy định ở Điều 28 của *Điều lệ Đảng*.

- Quyết định việc điều động, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật, xếp lương, cho nghỉ hưu đối với cán bộ chủ chốt thuộc cấp mình quản lý.

Theo quy định về phân công, phân cấp quản lý cán bộ

của Trung ương (và các cấp uỷ cấp trên), để đạt ý kiến đối với cán bộ do cấp trên quản lý công tác ở địa phương, xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ, trước hết là cán bộ dự bị của các uỷ viên ban thường vụ cấp uỷ, các bí thư, phó bí thư của tổ chức đảng cấp dưới.

- Căn cứ hướng dẫn của cấp trên, và điều kiện cụ thể của địa phương, quyết định việc chia tách, sáp nhập, thành lập mới các ban của tỉnh uỷ, các sở, công ty, đơn vị liên hiệp sản xuất, các công trình trọng điểm của tỉnh, thành phố (đối với cấp tỉnh), các ban của cấp uỷ và ban, phòng thuộc uỷ ban nhân dân, các đơn vị cơ sở trực thuộc (đối với cấp huyện, thị...); quyết định danh sách đảng đoàn các đoàn thể.

- Thay mặt ban chấp hành báo cáo lên cấp trên tình hình của đảng bộ theo quy định của cấp trên; báo cáo tình hình chung, công việc đã làm cho tổ chức đảng cấp dưới (tỉnh uỷ đối với huyện uỷ, thị uỷ và các đảng uỷ trực thuộc và nếu cần đến cả đảng uỷ, chi uỷ, chi bộ; huyện uỷ đối với đảng uỷ cơ sở hoặc chi bộ) và nêu vấn đề cần thiết cho cấp dưới thảo luận để đạt ý kiến và phê bình sự lãnh đạo của cấp uỷ cấp mình theo Điều 28 của *Điều lệ Đảng*.

- Tổng kết, rút kinh nghiệm những vấn đề quan trọng về lý luận và thực tiễn trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo của địa phương, v.v.. Đề nghị với cấp trên các vấn đề xét cần nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi các chủ trương, chính sách thuộc thẩm quyền của cấp trên.

Điều 4: *Hội nghị bí thư và các phó bí thư có thể được ban thường vụ uỷ nhiệm giải quyết các việc sau đây:*

- Dự thảo chương trình hằng năm, sáu tháng, hằng

quý, hằng tháng của ban thường vụ; chuẩn bị kế hoạch tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị quan trọng của ban chấp hành, của ban thường vụ hoặc các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của cấp trên để đưa ra ban thường vụ quyết định.

- Nghe báo cáo kiểm tra việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị của cấp uỷ để uốn nắn cho nơi được kiểm tra và thông tri cho các nơi khác nếu xét cần. Nếu có những vấn đề quan trọng thì báo cáo để ban thường vụ ra các quyết định cần thiết.

Giải quyết một số công tác đảng vụ cụ thể theo uỷ nhiệm của ban thường vụ như xét điều động, cho đi học, nâng lương, cho nghỉ hưu đối với một số loại cán bộ thuộc diện ban thường vụ quản lý nhưng không phải là chức vụ chủ chốt nhất như trưởng ban, phó trưởng ban, giám đốc, phó giám đốc sở ở cấp tỉnh; trưởng phòng, phó trưởng phòng hoặc ban ở cấp huyện, v.v..

Khi giải quyết công việc có liên quan đến công tác của các uỷ viên thường vụ nào thì mời đồng chí đó đến dự để phát biểu ý kiến.

II- TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁ NHÂN TRONG BAN CHẤP HÀNH

Điều 5: Mỗi uỷ viên ban chấp hành (kể cả các đồng chí bí thư, phó bí thư, uỷ viên thường vụ) có trách nhiệm và quyền hạn như sau:

- Tham gia lãnh đạo tập thể của ban chấp hành, biểu quyết công việc của ban chấp hành nếu là uỷ viên chính thức.
- Quán triệt, gương mẫu và nghiêm chỉnh thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của cấp trên, của đại hội đảng

bộ và ban chấp hành cấp mình, luật pháp của Nhà nước và các quyết định của chính quyền địa phương.

- Thường xuyên liên hệ với thực tế, tiếp xúc với đảng viên, quần chúng, kịp thời phản ánh tình hình, đề xuất ý kiến xét cần với ban thường vụ và tham gia chuẩn bị các đề án đưa ra ban chấp hành, hoặc ban thường vụ quyết định theo chế độ của cấp uỷ.

- Mỗi đồng chí đều được phân công phụ trách giúp đỡ một hoặc vài tổ chức cơ sở đảng (nếu là đồng chí công tác ở cơ sở thì phải giúp chi bộ) qua đó và qua chỉ đạo công tác mình phụ trách, đề xuất với cấp uỷ cấp mình và cấp trên của cơ sở (nếu là cấp uỷ viên tỉnh, thành).

- Các cấp uỷ viên được ban thường vụ thông tin đầy đủ về tình hình chung của đảng bộ và những vấn đề cần thiết khác.

Được ban thường vụ trả lời về những ý kiến đề nghị của mình và được các ban của cấp uỷ trả lời những vấn đề thuộc trách nhiệm của ban mà mình thấy cần.

- Trong công việc hàng ngày, các cấp uỷ viên đứng trên cương vị chức vụ công tác của mình trong bộ máy của Nhà nước, của đoàn thể hoặc của Đảng để giải quyết công việc của chính quyền, của các đoàn thể hoặc các công việc khác mà mình có trách nhiệm. Chỉ thay mặt cấp uỷ để giải quyết công việc cụ thể khi được uỷ nhiệm của ban thường vụ.

Điều 6: Các uỷ viên thường vụ có trách nhiệm và quyền hạn như sau:

- Tham gia đầy đủ các kỳ họp của ban thường vụ và biểu quyết công việc.
- Phản ánh tình hình, đề xuất và chuẩn bị các vấn đề thuộc về trách nhiệm của mình (hoặc về các vấn đề khác nếu có ý kiến) để ban thường vụ giải quyết.

- Các uỷ viên thường vụ chuyên trách công tác đảng được thay mặt ban thường vụ để giải quyết công việc hàng ngày về lĩnh vực mình phụ trách trên cơ sở các quyết định đã có của ban thường vụ và của cấp trên. Những vấn đề cần thì trao đổi ý kiến với đồng chí phó bí thư trực, hoặc bí thư.

- Các uỷ viên thường vụ công tác trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể (như chủ tịch, phó chủ tịch) theo cương vị công tác của mình ở cơ quan nhà nước hoặc đoàn thể để giải quyết công việc của chính quyền, đoàn thể; không lấy danh nghĩa uỷ viên thường vụ.

- Các uỷ viên thường vụ có thể được ban thường vụ phân công phụ trách giúp đỡ một số tổ chức đảng cấp dưới (như uỷ viên thường vụ tỉnh uỷ giúp đỡ một huyện uỷ, quận uỷ; uỷ viên thường vụ huyện uỷ cùng với một số huyện uỷ viên phụ trách xã được phân công giúp đỡ theo cụm, vùng,...) và báo cáo với ban thường vụ ý kiến của mình về các tổ chức đảng đó.

Điều 7: Về chức trách của các đồng chí bí thư, phó bí thư:

a) **Bí thư** là người chủ trì công việc của ban chấp hành và ban thường vụ, có trách nhiệm và quyền hạn như sau:

- Nắm vững đường lối, quan điểm của Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và của cấp uỷ cấp trên để làm quán triệt trong ban chấp hành và ban thường vụ, và đề xuất các vấn đề cần chuẩn bị để ban chấp hành hoặc ban thường vụ giải quyết.

- Nắm vững các nhiệm vụ trọng tâm trong từng thời gian, các khâu khó khăn phức tạp nhất trong các nhiệm vụ của địa phương và trực tiếp phụ trách các vấn đề cơ mật về an ninh, quốc phòng.

- Chuẩn bị, chỉ đạo việc chuẩn bị và chủ trì các kỳ họp

của ban chấp hành và ban thường vụ; đưa ra ban thường vụ chuẩn bị kết luận các vấn đề được thảo luận ở hội nghị toàn thể ban chấp hành.

- Chỉ đạo việc tổng kết các mặt công tác trọng yếu, chăm lo việc tổ chức bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chủ chốt, nhất là ở hội nghị toàn thể ban chấp hành.

- Bảo đảm cho sinh hoạt của ban chấp hành, ban thường vụ được tiến hành đúng thời hạn, đúng nguyên tắc của Đảng, đúng chế độ do cấp uỷ quy định. Giữ vững đoàn kết nội bộ cấp uỷ, trước hết là trong ban thường vụ.

b) *Phó bí thư thường trực*, thay mặt bí thư khi bí thư đi vắng, phụ trách văn phòng cấp uỷ; cùng đồng chí bí thư điều hành bộ máy để giải quyết công việc hằng ngày của ban thường vụ, chỉ đạo sự phối hợp công tác giữa các tổ chức đảng, nhà nước và các đoàn thể quần chúng; giải quyết các công việc do bí thư uỷ nhiệm.

Phân II

SỰ LÃNH ĐẠO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐỐI VỚI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC VÀ CÁC ĐOÀN THỂ QUẦN CHÚNG

Điều 8: Đối với hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân:

- Dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ, hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thông qua thực hiện trách nhiệm của mình là quản lý toàn diện công tác của Nhà nước ở địa phương (kể cả trách nhiệm quản lý theo lãnh thổ đối với các cơ sở của trung ương đóng ở địa phương) theo đúng nghị quyết của Đảng, *Hiến pháp*, pháp luật, chính sách, chế độ của Nhà nước.

- Các vấn đề về nhiệm vụ, mục tiêu phuong hướng phát triển, các cân đối lớn của kế hoạch nhà nước về kinh tế - xã hội, các vấn đề quan trọng về vận dụng chính sách, các chủ trương, biện pháp quan trọng nhằm phát động các phong trào quần chúng, phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức trong hệ thống chuyên chính vô sản, có ảnh hưởng lớn đến tình hình chính trị, tư tưởng trong quần chúng ở địa phương, đều phải do cấp uỷ quyết định hoặc thông qua. Uỷ ban nhân dân có trách nhiệm đề xuất ý kiến với ban thường vụ cấp uỷ về các vấn đề nói trên thuộc công việc của chính quyền.

Các quyết định của cấp uỷ phải được uỷ ban nhân dân cụ thể hoá, thể chế hoá thành kế hoạch, chỉ thị, mệnh lệnh và biện pháp quản lý của chính quyền địa phương để tổ chức thực hiện. Các ban của cấp uỷ, giúp cấp uỷ kiểm tra việc thực hiện đó của uỷ ban nhân dân và các cơ quan nhà nước, qua đó đề xuất các vấn đề với cấp uỷ và làm tốt các mặt công tác cán bộ được phân công, như: phối hợp với ban tổ chức đánh giá nhận xét cán bộ chủ chốt ở cơ quan mình có trách nhiệm; theo dõi, kiểm tra đôn đốc các cơ quan đó làm công tác cán bộ; phối hợp chặt chẽ với ban tổ chức trong công tác cán bộ thuộc trách nhiệm của ban tổ chức.

- Cấp uỷ cần coi trọng phát huy hiệu lực công tác của hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân. Các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của hội đồng nhân dân phải do uỷ ban nhân dân chuẩn bị, xin ý kiến ban thường vụ cấp uỷ trên các vấn đề về chủ trương, nguyên tắc. Đối với các vấn đề mà hội đồng nhân dân có ý kiến khác với cấp uỷ thì các đồng chí trong uỷ ban nhân dân phải báo cáo để ban thường vụ nghiên cứu xem xét; nếu thấy ý kiến của các đại biểu hội đồng nhân dân là đúng thì sửa quyết định của mình.

- Đảng viên trong hội đồng nhân dân cần làm cho nghị quyết của cấp uỷ trở thành quyết định của hội đồng nhân dân,

bằng công tác vận động, thuyết phục. Khi chuẩn bị đề án đại hội đảng bộ, cấp uỷ có thể nêu các vấn đề để Hội đồng nhân dân thảo luận đóng góp ý kiến vào đề án và phê bình sự lãnh đạo của cấp uỷ. Trong quá trình thực hiện nghị quyết và sau kỳ họp hội đồng nhân dân, các đồng chí thường trực của uỷ ban nhân dân báo cáo kết quả với ban thường vụ.

Uỷ ban nhân dân cần tạo điều kiện để các ban của hội đồng nhân dân hoạt động theo đúng luật về tổ chức hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân các cấp, bảo đảm phát huy tối đa vai trò và tác dụng của các đại biểu hội đồng nhân dân.

- Ban thường vụ cấp uỷ cần quy định chế độ phối hợp chặt chẽ giữa thường trực uỷ ban nhân dân với đồng chí phó bí thư thường trực, giữa đồng chí bí thư cấp uỷ với đồng chí chủ tịch uỷ ban nhân dân để bảo đảm sự thống nhất về chương trình hành động và tránh trùng lắp công việc giữa cơ quan đảng và nhà nước.

Điều 9: Đối với các cơ quan trực thuộc uỷ ban nhân dân.

- Trong công tác hằng ngày, các sở, phòng, ban chịu sự chỉ đạo trực tiếp của uỷ ban nhân dân, làm việc với thường trực uỷ ban, và các đồng chí có trách nhiệm trong uỷ ban. Khi có vấn đề thuộc thẩm quyền của cấp uỷ, cần đề xuất ý kiến với cấp uỷ thì các giám đốc sở (ở tỉnh, thành phố) các trưởng phòng, trưởng ban (ở cấp huyện) tuỳ theo tính chất của công việc có thể đề xuất thẳng với cấp uỷ hoặc trao đổi ý kiến với các đồng chí thường trực uỷ ban để đưa ra cấp uỷ bàn. Cấp uỷ trực tiếp hoặc thông qua các ban, các cán bộ được giao trách nhiệm, tiến hành kiểm tra hoạt động của các sở, phòng, ban; chỉ rõ các ưu điểm, uốn nắn những việc làm thể hiện chưa quán triệt nghị quyết; đối với các vấn đề cụ thể thuộc thẩm quyền quyết định của uỷ ban nhân dân, nếu phát hiện có thiếu sót thì nêu vấn đề để uỷ ban xem

xét và giải quyết.

- Riêng đối với cơ quan quân sự địa phương, công an, thì ban thường vụ cấp uỷ lãnh đạo trực tiếp trên các vấn đề chung; đồng chí bí thư cần nắm các vấn đề trọng yếu, cơ mật. Uỷ ban nhân dân chỉ đạo công tác của cơ quan quân sự, công an trên các vấn đề cụ thể thuộc chức trách tổ chức thực hiện của uỷ ban nhân dân như tuyển quân, phục vụ quân đội, thi hành chính sách hậu phương, công tác giữ gìn trật tự an toàn xã hội, v.v..

Về công tác đối ngoại (nơi có công tác này), uỷ ban nhân dân thực hiện theo chủ trương của thường vụ cấp uỷ hoặc ý kiến chỉ đạo của thường trực cấp uỷ.

Điều 10: Đối với viện kiểm sát và tòa án.

Ban thường vụ cấp uỷ lãnh đạo trực tiếp viện kiểm sát và lanh đạo trực tiếp toà án nhân dân trên các vấn đề trọng yếu trong công tác xét xử; kiểm tra chặt chẽ công tác kiểm sát và xét xử bảo đảm đúng đùng lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Cấp uỷ cần rất coi trọng quán triệt quan điểm, đường lối, chính sách đối với việc truy tố, xét xử các tội phạm; chỉ rõ những phương hướng đúng đắn, những thiên hướng sai lệch, những yêu cầu cần đạt được trong công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật, việc đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ pháp luật cũng như công việc truy tố, xét xử. Cần lãnh đạo uỷ ban nhân dân trong việc thực hiện trách nhiệm của uỷ ban đối với toà án địa phương.

Ban thường vụ hoặc tập thể thường trực phân tích tính chất và cho chủ trương, phương hướng cụ thể về công tác xét xử, đối với các vụ án mà tội phạm là cán bộ thuộc diện do cấp uỷ quản lý, là nhân sĩ, trí thức mà vai trò của họ có ảnh hưởng đến nhiều địa phương, những người có chức vụ cao trong tôn

giáo như linh mục, mục sư, hoà thượng có ảnh hưởng lớn trong đồng đảo tín đồ, những vụ án chính trị, hình sự đặc biệt nghiêm trọng (ở cấp tỉnh) có ảnh hưởng lớn cần phải xử lý đến mức án chung thân, tử hình, hoặc tuy không thuộc loại đặc biệt nghiêm trọng nhưng nếu không chỉ đạo chặt chẽ có thể gây ảnh hưởng xấu về chính trị, những vụ án mà giữa các ngành công an, kiểm sát, tòa án ở địa phương có sự khác nhau về quan điểm, đường lối truy tố, xét xử.

Đối với các vụ án mà tội phạm là cán bộ thuộc diện cấp trên quản lý, hoặc nếu xét xử không đúng sẽ có ảnh hưởng chính trị lớn đối với cả nước hoặc trong phạm vi rộng lớn không những ở địa phương mình mà cả đến nhiều địa phương khác thì cấp uỷ cấp dưới cần xin ý kiến chỉ đạo của cơ quan có trách nhiệm ở trung ương hoặc cấp uỷ cấp trên có thẩm quyền.

Điều 11: Đối với các đoàn thể quần chúng.

- Ban chấp hành, ban thường vụ cấp uỷ lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp đảng đoàn các đoàn thể quần chúng (Công đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Mặt trận...) và Ban Thường vụ tỉnh đoàn (hoặc huyện, quận đoàn) Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tạo điều kiện cho các đoàn thể phát huy tốt vai trò của mình trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của quần chúng với Đảng và đại diện cho quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động bằng đoàn thể.

Các tổ chức nói trên có trách nhiệm cụ thể hoá các nghị quyết, chỉ thị của cấp uỷ, của ban thường vụ thành các chủ trương, biện pháp để tổ chức thực hiện có kết quả theo chức năng và phương thức công tác của đoàn thể.

- Ban thường vụ, các đồng chí bí thư, phó bí thư cấp uỷ

cần tổ chức kiểm tra các tổ chức cấp dưới trong việc lãnh đạo các đoàn thể quần chúng. Khi bàn về công tác đoàn thể và những vấn đề quan trọng có liên quan đến việc phát động phong trào quần chúng thì ban thường vụ triệu tập đồng chí phụ trách các đoàn thể có liên quan đến dự.

- Theo chế độ (hằng tháng, ba tháng, sáu tháng, một năm) và khi có đột xuất, đảng đoàn các đoàn thể và Ban Thường vụ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phải báo cáo tình hình công tác, chương trình hoạt động của mình cho ban thường vụ cấp uỷ và kịp thời phản ánh đề xuất những vấn đề cần thiết. Coi trọng phản ánh những ý kiến, những dư luận của quần chúng đối với các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Ban thường vụ cấp uỷ cần quy định ít nhất sáu tháng một lần và khi có việc bất thường làm việc với các đồng chí phụ trách các đoàn thể.

Phân III

XÂY DỰNG CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUẢN LÝ VIỆC THỰC HIỆN QUY CHẾ

Điều 12: Căn cứ vào những yêu cầu chung và các quy định trên đây, dựa theo các nghị quyết của đại hội toàn quốc của Đảng và của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ban chấp hành tỉnh, và thành phố trực thuộc Trung ương quy định cụ thể các chế độ công tác của cấp uỷ mình, đồng thời quy định và hướng dẫn cho các huyện uỷ, thị uỷ xây dựng các chế độ công tác của cấp uỷ huyện, quận, thị. Các ban chấp hành cần có các chế độ công tác sau đây: chế độ thông tin (cho các cấp uỷ viên, và cấp dưới); chế độ chuẩn bị và ra quyết định, chế độ tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quyết định; chế độ báo cáo và xin chỉ thị; chế độ liên hệ

thực tế, đi xuống dưới và cơ sở của các cấp uỷ viên; chế độ tự phê bình và phê bình; chế độ học tập của các cấp uỷ viên, v.v..

Điều 13: Các chế độ công tác phải thể hiện đầy đủ nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng, tính cách mạng và tính khoa học trong phương pháp công tác, đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện của cấp uỷ đảng, nâng cao phẩm chất và năng lực của các cấp uỷ viên, và tăng cường mối liên hệ giữa tổ chức đảng với quần chúng, bảo đảm chất lượng và hiệu quả lãnh đạo và chỉ đạo của cấp uỷ.

Các chế độ công tác cần bảo đảm tốt năm phương thức công tác đã được Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng đề ra.

Ban Tổ chức Trung ương cần hướng dẫn để các cấp uỷ xây dựng các chế độ công tác đó.

Điều 14: Mỗi cấp uỷ viên, cán bộ, đảng viên phải thực hiện đúng những điều minh có trách nhiệm thực hiện và thường xuyên góp ý kiến với ban thường vụ cấp uỷ sửa chữa các khuyết điểm trong việc thực hiện quy chế làm việc của cấp uỷ.

Ban thường vụ mà thường xuyên là đồng chí bí thư và

phó bí thư thường trực có trách nhiệm quản lý việc thực hiện quy chế của cấp uỷ. Văn phòng và ban tổ chức của cấp uỷ có trách nhiệm giúp ban thường vụ và đồng chí phó bí thư thường trực trong việc này.

Các cấp uỷ tỉnh, thành phố, huyện, quận, thị cần nghiên cứu để cụ thể hoá và thực hiện tốt bản hướng dẫn quy chế này.

T/M BAN BÍ THU

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THU**

Số 40-CT/TW, ngày 13 tháng 3 năm 1984

**Kỷ niệm lần thứ 30 ngày chiến thắng
Điện Biên Phủ và lần thứ 40 ngày thành lập
Quân đội nhân dân Việt Nam**

Ngày 7-5-1984 là kỷ niệm lần thứ 30 chiến thắng Điện Biên Phủ và ngày 22-12-1984 là kỷ niệm lần thứ 40 ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam.

Hai ngày kỷ niệm lớn đó là những sự kiện lịch sử quan trọng của nhân dân ta cần được tổ chức tốt nhằm mục đích động viên toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta thi đua lập thành tích thực hiện thắng lợi các Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng, thúc đẩy sự nghiệp xây dựng nền quốc phòng toàn dân và các lực lượng vũ trang nhân dân phát huy bản chất, truyền thống cách mạng, nâng cao sức mạnh chiến đấu, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

Ban Bí thư Trung ương quyết định tổ chức kỷ niệm trọng thể lần thứ 30 ngày chiến thắng Điện Biên Phủ và lần thứ 40 ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, nhằm mục đích:

1. Tuyên truyền, giáo dục sâu rộng trong nhân dân và các lực lượng vũ trang cả nước về truyền thống chống ngoại xâm, tinh thần quyết chiến quyết thắng, tự lực tự cường, tinh thần cách mạng tiến công của dân tộc và của các lực lượng vũ trang nhân dân; động viên tinh thần yêu nước, thi đua đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, tăng cường nền quốc phòng toàn dân, nâng cao chất lượng xây dựng lực lượng vũ trang, tăng cường đoàn kết quân dân, nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, làm thất bại kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch.

2. Biểu dương sự trưởng thành, chiến thắng vẻ vang, bản chất, truyền thống quý báu của Quân đội nhân dân Việt Nam trong bốn mươi năm qua.

3. Đẩy mạnh việc thực hiện cuộc vận động "Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu" trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ở tất cả các địa phương, các cơ quan, đơn vị, thực hiện thắng lợi cuộc vận động từ nay đến hết năm 1985. Các ngành, các cấp, các đơn vị, nhất là các tổ chức cơ sở, cần làm tốt những việc sau đây:

1- Mở đợt tuyên truyền, giáo dục trong toàn dân, toàn quân, các ngành, các giới, nhất là trong thế hệ trẻ về lịch sử, bản chất, truyền thống của quân đội ta, về nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, về nghĩa vụ quân sự, về ý thức kết hợp kinh tế với quốc phòng, chăm lo xây dựng quân đội, về mối quan hệ đoàn kết quân dân, về sức mạnh của chế độ làm chủ tập thể trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2- Các cấp uỷ đảng, chính quyền trong và ngoài quân đội phối hợp chặt chẽ, tiến hành những việc có ý nghĩa thiết thực, đạt hiệu quả cao trong mọi hoạt động.

- Mở các hội nghị đoàn kết quân dân, thực hiện tự phê bình và phê bình, giải quyết kịp thời những vấn đề cụ thể về sự phối hợp hành động trong các nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chấp hành pháp luật Nhà nước và kỷ luật quân đội, chăm sóc đời sống các lực

lượng vũ trang, tăng cường quan hệ đoàn kết giữa nhân dân với quân đội.

- Khen thưởng, động viên các đơn vị, các địa phương và cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, bảo vệ Tổ quốc, các cán bộ, chiến sĩ đang làm nhiệm vụ lâu năm trong quân đội. Giải quyết tốt những vấn đề về hậu cần và hậu phương quân đội, giúp đỡ các gia đình liệt sĩ, các thương binh và quân nhân.

- Tổ chức các hoạt động có tính quần chúng nhằm nâng cao ý thức quốc phòng toàn dân, ý thức sẵn sàng tham gia quân đội bảo vệ Tổ quốc, nêu gương các chiến sĩ quân đội nhân dân như: tổ chức nói chuyện ở các địa phương, tổ chức triển lãm, bảo tàng truyền thống, đại hội khoẻ, luyện tập thể thao, đại hội tòng quân, đăng ký gia nhập các lực lượng vũ trang, đăng ký quân dự nhiệm, tổ chức các hoạt động của hội mẹ chiến sĩ, hội phụ nữ tình nguyện động viên chồng con đi làm nghĩa vụ quân sự, các hoạt động văn hoá, nghệ thuật.

3- Các cấp uỷ, cơ quan, các ngành, các đoàn thể và từng lực lượng vũ trang tổ chức kiểm điểm đánh giá kết quả năm 1983 thực hiện cuộc vận động "Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu" và quyết định các biện pháp đẩy mạnh cuộc vận động trong năm 1984.

4- Ban Tuyên huấn Trung ương có đề cương tuyên truyền, giáo dục trong nhân dân và chỉ đạo tổ chức kỷ niệm ở các ngành và các địa phương. Bộ Quốc phòng có đề cương tuyên truyền, giáo dục và có kế hoạch chỉ đạo, hướng dẫn các hoạt động tuyên truyền, giáo dục trong quân đội.

Ban Tuyên huấn Trung ương và Tổng cục Chính trị có kế hoạch tuyên truyền đối ngoại về ý nghĩa lịch sử và chiến thắng Điện Biên Phủ, về bản chất, truyền thống của quân đội và nhân dân ta.

5- Tổ chức một số cuộc hội thảo khoa học về thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

6- Tổ chức mítinh trọng thể ở Hà Nội trong dịp kỷ niệm Chiến thắng Điện Biên Phủ (7-5-1984) và kỷ niệm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22-12-1984).

Các cấp uỷ, cán bộ lãnh đạo các ngành, các cơ quan, đoàn thể, các địa phương có nhiệm vụ tổ chức thực hiện những ngày lễ lớn trong năm 1984 nhằm đạt yêu cầu thiết thực, gắn chặt với việc thực hiện nhiệm vụ của địa phương, đơn vị.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Thực hiện cơ chế lãnh đạo mới của Đảng đối với
quân đội và chế độ một người chỉ huy**

Chấp hành Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 15 tháng 12 năm 1982 của Bộ Chính trị,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

1. Từ ngày 1-4-1984, bắt đầu thực hiện Nghị quyết 07-NQ/TW, ngày 15-12-1982 của Bộ Chính trị về việc đổi mới, hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội nhân dân Việt Nam và sự nghiệp quốc phòng, về chế độ một người chỉ huy trong quân đội.
2. Các đồng chí Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị và Ban Bí thư theo chế độ quy định.

T/M BAN BÍ THƯ
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 36-TB/TW, ngày 3 tháng 4 năm 1984

Ý kiến của Ban Bí thư về việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về rà soát cán bộ

Trong phiên họp ngày 27-3-1984, Ban Bí thư đã nghe Ban Tổ chức Trung ương báo cáo về tình hình rà soát cán bộ theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Ban Bí thư có những nhận xét và ý kiến sau đây:

I- Đến nay phần lớn cán bộ lãnh đạo các bộ, ban, ngành trung ương và các tỉnh uỷ, thành uỷ, huyện uỷ... đã tiến hành kiểm điểm cá nhân theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương gắn với kiểm điểm công tác năm 1983.

Trước khi kiểm điểm cá nhân, nhiều nơi đã sơ bộ tập hợp tình hình, phân công các đồng chí lãnh đạo gấp và gợi ý cho số cán bộ có vấn đề cần xem xét qua dư luận quần chúng, hoặc qua thư tố cáo. Đối với số cán bộ có vấn đề cần được xem xét, nhiều cấp uỷ đảng, cơ quan quản lý cán bộ đã tổ chức việc thẩm tra, xác minh có sự phối hợp giữa Uỷ ban Kiểm tra, Ban Tổ chức, các ban của Đảng và cơ quan thanh tra của Nhà nước; đã xử lý và thi hành kỷ luật một số trường hợp. Đã chú trọng rà soát trước hết số cán bộ chủ chốt thuộc

điện cấp uỷ quản lý, và chú trọng những ngành, cơ quan, đơn vị, bộ phận có quan hệ nhiều đến tiền, hàng, vật tư.

Qua những việc đã làm, thấy có một số kết quả tích cực như sau:

1. Việc rà soát, xử lý kỷ luật và kiện toàn cán bộ là công việc thường xuyên, lâu nay vẫn làm, nhưng trong đợt triển khai Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhiều nơi đã chỉ đạo một cách tích cực, tập trung hơn, nhiều vụ tồn đọng kéo dài từ lâu, lần này đã được xem xét, kết luận; đã kết hợp giữa tự phê bình, kiểm điểm của cá nhân với sự kiểm tra, rà soát của cấp trên, kết hợp giữa Uỷ ban Kiểm tra với các ban của Đảng, kết hợp giữa kiểm tra của Đảng với thanh tra của Nhà nước.

2. Lần rà soát này được tiến hành cả đối với cán bộ chủ chốt, cán bộ lãnh đạo và quản lý ở các cấp, các ngành từ trên xuống dưới. Việc xử lý, kỷ luật có nghiêm minh hơn. Trong số cán bộ, đảng viên đã bị xử lý, kỷ luật, có khá nhiều cán bộ có chức, có quyền.

3. Qua rà soát cán bộ, các cấp uỷ đánh giá cán bộ rõ hơn trước. Một số nơi đã kiên quyết thay đổi công tác những đồng chí không đáp ứng được nhiệm vụ, điều chỉnh và đề bạt cán bộ, kiện toàn được một số cơ quan, đơn vị.

Tuy nhiên, việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tư về rà soát cán bộ, còn có những thiếu sót dưới đây:

Việc rà soát cán bộ đang gặp một số khó khăn khách quan, như: còn nhiều vụ, việc tồn đọng từ trước chưa được giải quyết, trong quản lý kinh tế, trong chính sách và chế độ

kinh tế - tài chính còn có những vấn đề phải bổ sung, sửa đổi, những vụ, việc vi phạm có mối quan hệ dằng dịt giữa cá nhân với tập thể, cấp dưới với cấp trên, làm cho việc xem xét, kết luận, phân biệt đúng sai tốn nhiều thời gian và sức lực, trong khi lực lượng cán bộ kiểm tra, thanh tra ở các cấp, các ngành lại thiếu và yếu, v.v.. Nhưng khuyết điểm chủ quan là một số cấp ủy đảng và một số đồng chí lãnh đạo các cơ quan, đơn vị *đã thiếu tích cực, kiên quyết, khẩn trương chỉ đạo và thực hiện Nghị quyết Trung ương lần thứ tư về rà soát cán bộ*. Đến cuối tháng 3-1984 còn trên mười bộ, ban, tổng cục và gần mươi tỉnh uỷ chưa tiến hành tự phê bình theo nội dung Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương gắn với kiểm điểm công tác năm 1983. Khá nhiều nơi có tự phê bình nhưng chưa rà soát cán bộ hoặc làm qua loa, chưa có kết quả rõ. Đáng chú ý là trong một số cơ quan, đơn vị thuộc các ngành thương nghiệp, vật tư, xuất nhập khẩu, thuế, hải quan, vận tải, hợp tác lao động, v.v. lâu nay đã có những hiện tượng không lành mạnh, nhưng chưa tích cực tiến hành rà soát, hoặc có làm nhưng kết quả rất hạn chế. Còn không ít vụ, việc sai phạm nghiêm trọng nhưng đã bị che giấu, chưa phát hiện và làm rõ ra được, hoặc là đã phát hiện ra nhưng không được nhanh chóng kết luận và xử lý, thậm chí có vụ, việc đã bỏ qua. Trong việc giáo dục, phê bình và xử lý, vẫn còn tình trạng nể nang, gượng nhẹ, thiếu nghiêm túc đối với cán bộ có khuyết điểm, sai lầm; ngược lại ở một số ít nơi, do nội bộ mất đoàn kết nên có tình trạng thành kiến, phê bình thiếu xây dựng, hoặc thiên về dùng kỹ luật, trừng trị.

II- Ban Bí thư đã quyết định cần phải tiếp tục làm một số việc sau đây để thực hiện Nghị quyết Trung ương lần thứ tư về rà soát cán bộ.

Đồng thời với việc chấn chỉnh công tác quản lý kinh tế, lập lại trật tự trên các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, bổ sung các chính sách, chế độ cần thiết, từ đó mà có cơ sở đầy đủ để giáo dục và đánh giá cán bộ, phân rõ đúng sai; ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực một cách có hiệu quả, cần tiếp tục tăng cường rà soát cán bộ theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương và theo Chỉ thị 27 của Ban Bí thư:

1. Những nơi và những đồng chí cán bộ lãnh đạo chưa tự phê bình và kiểm điểm cá nhân năm 1983 kết hợp với nội dung Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương thì cần làm ngay, *chậm nhất là trong tháng 5 phải xong*.

2. Những nơi chưa tiến hành rà soát cán bộ hoặc còn làm dở dang thì phải làm ngay và đầy mạnh lên. Vì số vụ, việc tồn đọng khá nhiều, cho nên phải làm có trọng điểm. Mỗi cấp chỉ đạo tập trung, trước hết rà soát, làm rõ những vấn đề cần xem xét của những cán bộ chủ chốt thuộc cấp mình quản lý, chú trọng những đơn vị, cơ quan, bộ phận nắm nhiều tiền, hàng, vật tư, có vị trí quan trọng về sản xuất, kinh doanh. *Từ nay đến hết năm 1984* phải căn bản làm xong đợt này, sau đó đưa việc rà soát, đánh giá cán bộ, kiện toàn cán bộ thành nền nếp thường xuyên trong công tác quản lý cán bộ của các cấp uỷ đảng.

3. Cấp uỷ phải tổ chức sự phân công, phối hợp chặt chẽ giữa uỷ ban kiểm tra, ban tổ chức với các ban, giữa cơ quan đảng với cơ quan nhà nước, giữa cấp trên và cấp trực tiếp quản lý cán bộ cần xem xét. Cần phân loại rõ các vụ, việc và đối tượng để giải quyết, có việc thì lãnh đạo mời đương sự đến hỏi, nhắc nhở và hướng cho đương sự tự giải quyết; có việc thì các ban của Đảng phải thẩm tra, kết luận; còn những việc nghiêm trọng và phức tạp thì tuỳ tính chất của sự việc

mà do uỷ ban kiểm tra đảng hoặc thanh tra nhà nước chủ trì xem xét.

Việc rà soát, đánh giá cán bộ ở các xí nghiệp, công ty trực thuộc bộ, và tổng cục do bộ, tổng cục chịu trách nhiệm chính, gắn với trách nhiệm về quản lý cán bộ, nhưng bộ, tổng cục phải phối hợp chặt chẽ với địa phương; cấp uỷ địa phương chủ động phát hiện tình hình góp ý kiến với bộ. Khi có vấn đề cần kiểm tra, thanh tra, xử lý, kỷ luật, nếu là vấn đề về quản lý kinh tế, về công tác chuyên môn thì do bộ, tổng cục làm là chính, nếu là vấn đề về phẩm chất sinh hoạt, tư cách đảng viên, thì do cấp uỷ địa phương làm là chính. Những cán bộ, đảng viên có những vấn đề mà cấp uỷ địa phương còn đang xem xét và kết luận để xử lý thì bộ và tổng cục không được điều động đi nơi khác.

4. Việc rà soát, đánh giá cán bộ phải nhắm vào việc chấp hành đường lối, chính sách, quan điểm của Đảng, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, giữ gìn phẩm chất, đạo đức cách mạng, tức là những vấn đề tư tưởng và tổ chức cấp bách mà Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương đã nêu lên.

Trên cơ sở rà soát, kết luận rõ đúng sai, phải xử lý kỷ luật nghiêm minh đối với những cán bộ có khuyết điểm nặng, khắc phục tình trạng hữu khuynh, nể nang, nhưng cũng phải phòng ngừa thành kiến, truy chụp. Đồng thời qua công tác này mà soát xét lại quy hoạch cán bộ, phát hiện cán bộ tốt, bổ sung cán bộ dự bị, sắp xếp lại và kiện toàn cán bộ ở những nơi cần thiết, trước hết là các vị trí chủ chốt ở ngành và địa phương, các huyện, các xí nghiệp, công ty lớn, có chủ trương và biện pháp cụ thể để chấn chỉnh công tác quản lý cán bộ ở các ngành, các cấp.

5. Các ban của Trung ương cần tăng cường kiểm tra, đôn đốc các ngành, các cơ quan trong khối làm tốt công tác này. Cứ ba tháng một lần, các ban phải báo cáo về việc này cho đồng chí bí thư phụ trách khối, đồng gửi cho Ban Tổ chức Trung ương để tổng hợp. Các cấp uỷ tỉnh, thành cũng ba tháng một

lần báo cáo cho Ban Bí thư về tiến độ tiến hành và kết quả về rà soát cán bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 41-QĐ/TW, ngày 5 tháng 4 năm 1984

**Về tổ chức bộ máy và biên chế các cơ quan đảng,
đoàn thể**

Thi hành Nghị quyết số 32-NQ/TW, ngày 20-11-1980 của Bộ Chính trị, mấy năm qua song song với việc kiện toàn cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương đến cơ sở, bộ máy giúp việc của Trung ương, của các cấp uỷ đảng và của các đoàn thể đã được kiện toàn một bước và có những tiến bộ.

Tuy nhiên, tổ chức bộ máy có chỗ còn chưa hợp lý; có tình trạng chưa làm đúng chức trách đã quy định hoặc chức trách chưa rõ; có hiện tượng vừa "thừa", vừa "thiếu" cán bộ ở nhiều cơ quan nên chất lượng và hiệu lực của bộ máy còn hạn chế.

Những nguyên nhân chính của tình hình trên là: sự chỉ đạo về tổ chức chưa thật chặt chẽ; chưa theo đúng quy định của Ban Bí thư về quản lý việc lập tổ chức mới; việc tuyển dụng cán bộ nói chung chưa trên cơ sở xác định rõ chức danh và

tiêu chuẩn; một số chính sách, chế độ phục vụ cho yêu cầu kiện toàn tổ chức, tinh giản bộ máy chậm được ban hành.

Để kiện toàn tổ chức, tinh giản biên chế các cơ quan đảng, đoàn thể, Ban Bí thư quyết định một số vấn đề sau đây:

1. Về tổ chức bộ máy

Ở cấp trung ương, Bộ Chính trị đã quyết định thống nhất hai ban Kinh tế Trung ương và Phân phối lưu thông Trung ương thành một Ban Kinh tế Trung ương; duy trì và tăng cường các ban khác theo chức năng nhiệm vụ chung của các ban và nhiệm vụ cụ thể được giao cho từng ban.

Ban Dân vận Trung ương vẫn làm nhiệm vụ giúp Trung ương nghiên cứu, kiểm tra và quản lý cán bộ như đã xác định trong Quyết định số 93, ngày 17-3-1981 và Thông báo số 15-TB/TW, ngày 23-3-1983 của Ban Bí thư Trung ương. Về công tác nghiên cứu, nay xác định cụ thể như sau:

Ban Dân vận căn cứ vào đường lối, chính sách của Đảng trong từng thời gian, đề xuất với Trung ương các vấn đề cần nghiên cứu về công tác vận động quần chúng và công tác của các đoàn thể, chủ trì chuẩn bị các đề án chung về công tác dân vận, các chủ trương, chính sách đối với các tôn giáo, người Hoa và những vấn đề mà Ban Bí thư giao. Đảng đoàn các đoàn thể Công đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chuẩn bị các đề án về công tác của từng đoàn thể và về công tác công vận, thanh vận, phụ vận; Đảng đoàn Mặt trận nghiên cứu các đề án về công tác của mặt trận, về công tác đối với tư sản, trí thức là nhân sĩ, về hoạt động và sinh hoạt của các đoàn thể tổ chức theo tôn giáo.

Đối với các đề án do Đảng đoàn các đoàn thể và Mặt trận hoặc do Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chuẩn bị, Ban Dân vận có trách nhiệm giúp đỡ, phối hợp nghiên cứu và xem xét lại đề án để phát biểu ý kiến với Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Các ban, bộ và cơ quan có liên

quan cần phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể và Ban Dân vận Trung ương.

Tất cả các tỉnh uỷ, thành uỷ cần có văn phòng cấp uỷ và các ban sau đây: ban tổ chức, ban tuyên huấn, uỷ ban kiểm tra, ban kinh tế, ban nông nghiệp (ở thành phố lớn, thành uỷ có thể giao thêm một số công tác và có thể gọi là ban công tác nông thôn hoặc công tác ngoại thành).

Đối với các ban nội chính, khoa giáo, dân vận những nơi đã thành lập thì cấp uỷ phải củng cố để hoạt động thực sự. Ở những nơi chưa lập hoặc mới quyết định, nếu ban thường vụ xét thấy chưa có điều kiện cán bộ để thành lập ban thì trước mắt chỉ cần bố trí một số cán bộ giúp theo dõi, kiểm tra về công tác nội chính (do đồng chí bí thư phụ trách), hoặc về công tác dân vận (do đồng chí uỷ viên thường vụ phụ trách công tác dân vận phụ trách); công tác khoa giáo sẽ giao cho ban tuyên huấn đổi thành ban tuyên giáo, có một phó ban phụ trách. Những nơi đã lập ban, biên chế phải rất gọn nhẹ; nói chung mỗi ban từ 5 đến 10 người (do Ban Tổ chức Trung ương bàn với các ban để quy định).

Ở các thành phố lớn cần có ban công nghiệp. Ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh được thành lập ban văn hoá - văn nghệ. Việc thành lập các ban dân tộc và ban tài chính - quản trị thì theo Quyết định 38-QĐ/TW, ngày 14-5-1979 và Quyết định 04-QĐ/TW, ngày 18-9-1982 của Ban Bí thư.

Về nghiên cứu lịch sử đảng bộ, các tỉnh, thành phố nói chung chỉ cần bố trí một tổ nghiên cứu lịch sử đảng bộ gồm một số cán bộ có năng lực và có kinh nghiệm do đồng chí uỷ viên thường vụ phụ trách tuyên huấn phụ trách. Tổ này cần coi trọng sử dụng các cộng tác viên.

Ở các huyện, quận, thị xã nói chung chỉ lập văn phòng cấp uỷ, các ban tổ chức, tuyên giáo và uỷ ban kiểm tra. Đối với các công tác khác chỉ cần một số ít cán bộ giúp ban thường vụ cấp uỷ theo dõi, kiểm tra; số cán bộ này đặt trong văn phòng cấp uỷ.

Trong mỗi cơ quan cần tổ chức hợp lý các vụ, cục, tổ hoặc bộ phận theo hướng gọn nhẹ, bảo đảm chất lượng của bộ máy. Các ban của Trung ương nói chung không lập các vụ, các tổ công tác chuyên trách theo dõi địa phương. Ban Bí thư giao cho Ban Tổ chức Trung ương và Văn phòng Trung ương nghiên cứu tổ chức lực lượng cán bộ theo dõi địa phương đáp ứng yêu cầu phục vụ Ban Bí thư trên cơ sở bảo đảm tốt chức trách của cả hai cơ quan nói trên. Các ban cần coi trọng sử dụng cán bộ và các tổ chức trong bộ máy nhà nước, đoàn thể và phối hợp chặt chẽ với cơ quan khác để làm công tác nghiên cứu, không đặt ra các vụ, phòng để đơn độc nghiên cứu những vấn đề đã có cơ quan khác đảm nhiệm.

Trong các ban ở địa phương nói chung chỉ nên lập tổ hoặc nhóm công tác; trường hợp thật cần thiết mới lập phòng. Nói các cơ quan ở tập trung thì thống nhất công tác hành chính văn thư, đánh máy chữ của các ban vào văn phòng tỉnh uỷ, thành uỷ. Những nơi cơ quan còn ở phân tán thì cấp ủy cần có kế hoạch bố trí tập trung lại.

Các ban của Trung ương phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu nhiệm vụ, tổ chức, cách làm việc và biên chế cụ thể của ban cấp dưới (nếu có). Trên cơ sở đó, Ban Tổ chức Trung ương ra văn bản hướng dẫn chung cho thống nhất. Nếu có ý kiến khác nhau thì xin ý kiến đồng chí bí thư phụ trách tổ chức và đồng chí bí thư phụ trách ban.

2. Thực hiện việc xây dựng chức danh và tiêu chuẩn nghiệp vụ các chức danh của tổ chức đảng, đoàn thể

Phải trên cơ sở xây dựng chức trách, nhiệm vụ cụ thể của tổ chức để xác định cụ thể các chức danh và tiêu chuẩn nghiệp vụ từng chức danh. Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với các ban để nghiên cứu vấn đề này cho phù hợp với đặc điểm về tổ chức và hoạt động của đảng và các đoàn thể. Những chức danh trùng hợp với quy định đã có của Nhà nước như (bác sĩ, đánh máy, kế toán,...) thì áp dụng theo quy định của Nhà nước.

Trong khi chưa xây dựng được tiêu chuẩn nghiệp vụ các

chức danh, từ nay khi tuyển chọn người vào các cơ quan đảng ở trung ương và ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc để làm công tác nghiên cứu, kiểm tra, phải chọn cán bộ có chất lượng, đã kinh qua công tác lãnh đạo ở các bộ, tổng cục, ở cấp tỉnh, huyện hoặc đơn vị cơ sở quốc doanh lớn, đã tốt nghiệp các trường chính trị trung cao cấp của Đảng, có khả năng bảo đảm công tác được phân công; nếu chưa tốt nghiệp đại học thì phải qua thực tế công tác, hoạt động lâu năm trong ngành, được bồi dưỡng những vấn đề cơ bản theo chương trình trung cấp hoặc đại học. Các cán bộ khác, các nhân viên công tác cũng phải qua đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ.

3. Về định biên và quỹ lương

Ban Tổ chức Trung ương, với sự phối hợp của các ban, sẽ bổ sung, sửa đổi các bản quy định trước đây về tiêu chuẩn định mức biên chế cho các cơ quan đảng và đoàn thể theo tinh thần coi trọng chất lượng. Cần làm thí điểm để áp dụng hình thức giao khoán quỹ lương kết hợp với quản lý biên chế theo hướng khuyến khích sử dụng ít biên chế mà vẫn bảo đảm tốt nhiệm vụ.

Trước mắt, khi xác định biên chế 1984, cần rà lại chức trách để bỏ những bộ phận thừa, những bộ phận không hợp lý, làm trùng hoặc lấn lộn chức năng của cơ quan khác; nghiêm túc thực hiện các chính sách hiện hành về hưu trí, nghỉ mất sức, cho nghỉ dài hạn để chữa bệnh (đối với nhân viên, cán bộ ốm đau nhiều mà chưa phải nghỉ mất sức, hưu), thuỷến chuyển những người bố trí công tác chưa thích hợp. Cần sửa các thủ tục gây chậm trễ việc thực hiện các chính sách nói trên.

Biên chế chính thức của từng cơ quan phải định chặt chẽ sát với số người thật cần thiết cho công việc và khả năng chọn cán bộ. Các ban của Đảng lập danh sách những người thực sự đã được xác định là dôi ra để tự giải quyết là chính (trong một thời gian ngắn) với tinh thần tích cực, đồng thời thông báo cho Ban Tổ chức Trung ương (ở địa phương báo cáo cho ban tổ chức cấp ủy) để điều hoà từ nơi thừa sang nơi thiếu nếu có công tác phù hợp và để bố trí quỹ lương trong khi chưa bố trí được công tác thích hợp.

Từng ban, từng cơ quan, cấp ủy cần rà xét lại tổ chức bộ máy và biên chế của mình. Ban Tổ chức Trung ương làm việc với từng ban của Trung ương để thống nhất xác định biên chế của từng ban. Trường hợp không nhất trí thì xin ý kiến của cả đồng chí bí thư phụ trách tổ chức và đồng chí bí thư phụ trách ban để giải quyết.

4. Bổ sung thêm một số chính sách phục vụ việc tinh giản bộ máy, giảm nhẹ biên chế

Ban Tổ chức Trung ương bàn với cơ quan có trách nhiệm của Nhà nước để sớm nghiên cứu bổ sung các chính sách cụ thể đối với cán bộ về hưu, mất sức, an dưỡng, nghỉ dài hạn để chữa bệnh, cho đi học, sử dụng cán bộ ngoài biên chế (cộng tác viên), bổ sung cán bộ tăng cường cho nơi có khó khăn, tạo điều kiện cho cán bộ chuyên trách công tác đảng, công tác các đoàn thể làm việc tốt.

Đối với các ban của Trung ương cần ưu tiên tăng cường cán bộ có chất lượng, bổ sung và thực hiện tốt các chính sách, chế độ nhất là về nhà ở, về nơi làm việc, v.v. tạo điều kiện cho cán bộ hoạt động có hiệu quả. Ban Tổ chức Trung ương bàn cụ thể với Ban Tài chính - Quản trị Trung ương để giải quyết vấn đề này.

5. Cải tiến một bước cách quản lý biên chế

Trên cơ sở kiểm tra chặt chẽ việc chấp hành quy chế tổ chức, tiêu chuẩn định biên; xác định rõ chức trách, nhiệm vụ của từng tổ chức, thực hiện đúng tiêu chuẩn nghiệp vụ các chức danh, sẽ giao chỉ tiêu biên chế và quỹ lương cho từng cơ quan, từng cấp ủy để ổn định trong một thời gian vài ba năm; trừ trường hợp đặc biệt mới có điều chỉnh hằng năm.

Đối với biên chế cơ quan đảng, Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn việc xây dựng và tổng hợp kế hoạch rồi chuyển kế hoạch này sang Ban Tài chính - Quản trị Trung ương để tính quỹ lương và kinh phí hoạt động. Các thay đổi về biên chế phải có ý kiến chính thức của Ban Tổ chức Trung ương thì cơ quan tài chính mới được giải quyết tiền lương.

Giao cho Ban Tổ chức Trung ương căn cứ vào tiêu chuẩn định biên (đã thống nhất với các đoàn thể hoặc được Thường trực Ban Bí thư cho ý kiến nếu có điểm chưa nhất trí) để định tổng số biên chế của từng đoàn thể. Các đoàn thể ở trung ương căn cứ vào tiêu chuẩn định biên để xây dựng kế hoạch biên chế, tính kế hoạch tiền lương, kinh phí hoạt động và phân bổ cụ thể cho các đoàn thể cấp dưới. Việc này các đoàn thể làm việc trực tiếp với các cơ quan ngân hàng, tài chính nhà nước và ban tổ chức cấp uỷ tỉnh, thành phố theo những thủ tục do Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn. Việc xếp lương cho cán bộ của đoàn thể vẫn theo quy chế về phân công, phân cấp quản lý cán bộ của Trung ương.

Để Nhà nước bớt "bao cấp", và góp phần tinh giản bộ máy, các đoàn thể cần nghiên cứu đề đề nghị Ban Bí thư, Hội đồng Bộ trưởng phương án tự giải quyết một phần kinh phí bằng các hoạt động lập quỹ thích hợp với tính chất hoạt động của từng đoàn thể mình (như: tổ chức lao động xây dựng các công trình của chủ nghĩa xã hội; tổ chức hoạt động văn nghệ để phục vụ là chính, đồng thời có thêm thu nhập; xuất bản sách báo...). Nghiêm cấm các hình thức lạc quen hoặc kinh

doanh có tính chất đơn thuần thương mại để lập quỹ, và các hình thức khác có thể dẫn đến làm hư hỏng cán bộ và ảnh hưởng đến uy tín của các đoàn thể.

Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp tình hình các cấp uỷ, các ban của Đảng và các đoàn thể thi hành quyết định này để thường xuyên báo cáo Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THU**

Số 42-QĐ/TW, ngày 10 tháng 4 năm 1984

**Về phương hướng, nhiệm vụ, biện pháp
tăng cường công tác xuất bản**

Sau khi nghe Ban Tuyên huấn Trung ương trình bày về công tác xuất bản tám năm qua (1975 - 1983) và những vấn đề đang đặt ra cần phải giải quyết về công tác này, Ban Bí thư quyết định:

1. Các cấp uỷ đảng, các ngành và đoàn thể quần chúng, các cơ quan nhà nước, các đơn vị làm nhiệm vụ xuất bản, in và phát hành, cần quán triệt nội dung tổng kết công tác xuất bản và những phương hướng, nhiệm vụ, biện pháp tăng cường công tác xuất bản trong hai năm trước mắt và những năm 80 đã được kết luận tại Hội nghị tổng kết công tác xuất bản tháng 3-1984. Cần phấn đấu nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác xuất bản, đi sát cuộc sống và đối tượng, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, các mục tiêu kinh tế - xã hội và chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

2. Ban Tuyên huấn Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về công tác xuất bản đã

được Ban Bí thư xác định. Trước mắt, làm tốt những việc sau đây:

a) Thông qua danh mục các sách và xuất bản phẩm phục vụ những ngày kỷ niệm lớn trong hai năm 1984 - 1985 theo Nghị quyết số 17-NQ/TW, ngày 7-2-1984 của Bộ Chính trị; cùng các cơ quan hữu quan tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện kế hoạch xuất bản này.

Trong những năm 80 phải hoàn thành xuất bản các bộ sách lớn, đặc biệt chú ý những bộ sách thiết thực và có chất lượng cho cán bộ và quần chúng ở cơ sở, gắn liền với công tác giáo dục của Đảng và các phong trào cách mạng của quần chúng.

b) Làm việc với Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Công nghiệp nhẹ, Bộ Cơ khí luyện kim, v.v. để quy hoạch việc sản xuất giấy và các vật tư kỹ thuật đúng tiêu chuẩn cho sách, báo, bảo đảm Nhà nước quản lý chặt chẽ việc sản xuất và phân phối giấy trong cả nước, tăng cường ngành cơ khí ấn loát, sản xuất máy xeo giấy và phụ tùng cho ngành in, có kế hoạch nhập khẩu những vật tư, máy móc, phụ tùng cần thiết mà trong nước chưa sản xuất được.

Trong quá trình tổ chức lại việc sản xuất và quản lý vật tư ngành in, cần hướng dẫn và kiểm tra ngành xuất bản thực hiện chủ trương cân đối kế hoạch bằng bốn nguồn theo đúng chính sách của Nhà nước.

c) Cùng Bộ Văn hoá hướng dẫn, chỉ đạo việc cải tạo và sáp xếp lại ngành in trong cả nước, phân công và phân cấp hợp lý. Có kế hoạch xây dựng ngành in đồng bộ và hiện đại hoá đi đôi với việc tận dụng khả năng hiện có của ngành in.

d) Chấn chỉnh công tác phát hành trên cơ sở Nhà nước

nắm chặt các sách và xuất bản phẩm, phân phối đúng nhiệm vụ, đúng đối tượng.

Giữa Công ty xuất nhập khẩu sách báo và Công ty phát hành báo chí của Tổng cục Bưu điện, cần xác định sự phân công và phối hợp trong việc phát hành sách báo ngoại văn ở trong nước và phát hành tem ra các nước ngoài.

e) Thực hiện Nghị quyết số 36, ngày 24-2-1981 của Ban Bí thư Trung ương, về công tác tư tưởng, trong đó nêu rõ việc thống nhất quản lý ba khâu xuất bản, in, phát hành, Ban Tuyên huấn Trung ương có trách nhiệm kiến nghị với Ban Bí thư, Hội đồng Bộ trưởng về tổ chức và nhiệm vụ của cơ quan quản lý này, gắn liền hoạt động của cơ quan quản lý với sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng về công tác xuất bản.

Cần nhanh chóng xây dựng quy chế quản lý cả ba khâu xuất bản, in, phát hành, bổ sung và xây dựng những chính sách, chế độ nhằm khuyến khích sự nghiệp xuất bản phát triển: chế độ nhuận bút, chế độ bản quyền tác giả, chính sách định kỳ khen thưởng những tác phẩm có giá trị, v.v..

3. Ban Tuyên huấn Trung ương cùng với toàn ngành xuất bản tổng kết việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác xuất bản và xây dựng quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho những năm 80, bảo đảm cho tổ chức và cán bộ xuất bản ngang tầm với nhiệm vụ chính trị, xây dựng một ngành xuất bản tiên tiến xứng đáng với vị trí của nước ta và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Số 41-CT/TW, ngày 17 tháng 4 năm 1984

**Về việc chăm sóc và bồi dưỡng, sử dụng cán bộ,
công nhân, viên chức về hưu**

Từ trước tới nay, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách chế độ đối với người về hưu; các cấp, các ngành đã có nhiều cố gắng chăm lo đời sống, sức khoẻ và động viên những người về hưu tham gia vào các công tác thích hợp. Tuy nhiên, ở nhiều nơi, việc thực hiện những chính sách chế độ đã có chưa chu đáo, trong chính sách chế độ cũng còn có một số điểm chưa hợp lý.

Để làm tốt hơn nữa công tác này, Ban Bí thư lưu ý một số điểm sau đây:

1. Các cấp, các ngành cần nhận rõ chính sách đối với cán bộ, công nhân, viên chức về hưu là một bộ phận quan trọng trong chính sách của Đảng và Nhà nước, là sự thể hiện tinh nghĩa của Đảng và nhân dân đối với những người đã có quá trình cống hiến cho sự nghiệp cách mạng và xây dựng đất nước; thực hiện đầy đủ chính sách này chẳng những chỉ quan hệ đến đời sống và tình cảm của những người về hưu và phát huy tốt lực lượng đồng đảo người về hưu tiếp tục đóng góp vào sự nghiệp cách mạng, mà còn tác động tích cực

đến tư tưởng, tình cảm của những cán bộ, công nhân, viên chức đương công tác và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiện toàn tổ chức, sắp xếp bộ máy.

Mỗi cán bộ, công nhân, viên chức về hưu cần xác định đúng đắn vị trí và trách nhiệm của mình, giữ trọng phẩm chất và truyền thống cách mạng, thực hiện đúng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nêu gương tốt cho cán bộ, đảng viên và nhân dân địa phương và tuỳ theo sức khoẻ và khả năng của từng người mà tham gia các hoạt động xã hội, tiếp tục cống hiến trọn đời cho sự nghiệp cách mạng.

2. Chấp hành đúng quy định của Đảng và Nhà nước về việc cho cán bộ, công nhân, viên chức trong biên chế Nhà nước về hưu.

Khắc phục tình trạng thực hiện chế độ, thủ tục dây dưa kéo dài, không dứt khoát, không có lợi cho việc giữ gìn sức khoẻ của người đến tuổi hưu và cho việc kiện toàn tổ chức của bộ máy Đảng và Nhà nước. Mặt khác, cần khắc phục những sơ hở trong các quy định hiện hành, đưa đến tình trạng cho về hưu và nghỉ mất sức không hợp lý những công nhân kỹ thuật giỏi, cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ khá còn sức khoẻ và đang rất cần thiết cho sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hoá.

Đối với một số ít cán bộ cao cấp và trung cấp đến tuổi hưu nhưng thực sự còn sức khoẻ, có năng lực và làm việc có hiệu quả, đặc biệt là đối với một số cán bộ lãnh đạo chủ chốt các ngành trung ương và tỉnh, thành phố là những người giữ những chức vị đòi hỏi phải có quá trình tích luỹ kinh nghiệm lãnh đạo, nếu còn khả năng sức khoẻ làm việc và chưa chuẩn bị được sẵn sàng người thay thế, thì có thể giữ lại làm việc thêm một số năm. Điều quan trọng là cơ quan quản lý số cán bộ này cần xem xét kỹ về các mặt để có sự quyết định chính xác.

Đối với một số nhà khoa học và văn nghệ sĩ có tài năng và tên tuổi, một số nhân sĩ và cán bộ dân tộc tiêu biểu, tuy tuổi cao, xét cần thiết, thì vẫn giữ trong biên chế cơ quan

nhà nước hoặc đoàn thể quần chúng.

3. Chăm sóc tốt đời sống vật chất, tinh thần và sức khoẻ người về hưu.

Tạo mọi điều kiện thuận lợi và tích cực giúp đỡ người về hưu phát triển kinh tế gia đình (chăn nuôi, làm vườn, làm nghề tiểu thủ công) để vừa tăng thêm thu nhập, bảo đảm đời sống vừa có lợi cho kinh tế chung.

Các địa phương, các ngành có trách nhiệm bảo đảm bán đủ các mặt hàng theo tiêu chuẩn định lượng và tổ chức việc bán lương thực, thực phẩm, hàng công nghệ phẩm, phát triển ưu trí, khám bệnh, chữa bệnh, v.v. tiện lợi cho người về hưu, bỏ những thủ tục phiền hà. Cần uốn nắn những việc làm sai nguyên tắc ở một số nơi như ép người về hưu chuyển tiền hưu trí vào quỹ tiết kiệm, v.v.. Đì đôi với việc tổ chức tốt công tác chăm lo đời sống trong từng đơn vị dân cư, cần có chế độ ưu tiên và từng địa phương phải tổ chức chu đáo việc đưa hàng đến tận nhà và khám bệnh tại nhà cho những người về hưu là cán bộ hoạt động trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, cán bộ cao cấp, những người già yếu không có người giúp đỡ. Ở trung ương cũng như ở các địa phương, Nhà nước cần sớm xây dựng hoặc sử dụng một số diện tích nhà ở sẵn có làm nhà an dưỡng cho những người về hưu không nơi nương tựa.

Bộ Thương binh và Xã hội cần sớm đề nghị với Hội đồng Bộ trưởng sửa đổi, bổ sung chính sách ưu đãi đối với những người hoạt động trước Cách mạng Tháng Tám, kể cả cán bộ trong biên chế Đảng, Nhà nước về hưu và cán bộ, đảng viên hoạt động ở cơ sở.

Đối với những cán bộ về hưu, trước hết là đối với cán bộ hoạt động từ trước Cách mạng Tháng Tám, cán bộ hoạt động lâu năm ở miền núi, cán bộ chiến đấu ở các chiến trường xa về hưu mà chưa có nhà ở hoặc nhà ở quá chật hẹp, dột nát, thì các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương cần xem xét cụ thể để bố trí chỗ ở thoả đáng, tích cực tu sửa nhà cửa hú

hỏng (nếu ở nhà cho thuê của Nhà nước) hoặc bán cho một số nguyên vật liệu để tu sửa nhà hoặc làm nhà với mức hợp lý.

Đảng uỷ, uỷ ban nhân dân phường, xã, quận, huyện thường xuyên tổ chức việc phổ biến tình hình thời sự, đường lối, chính sách của Đảng, của Nhà nước và chủ trương công tác của địa phương cho cán bộ, công nhân, viên chức về hưu. Đối với các nghị quyết lớn của Đảng và Nhà nước, thì thành uỷ, tỉnh uỷ trực tiếp phổ biến cho cán bộ cao cấp, trung cấp về hưu. Hình thức tổ chức phổ biến, nghiên cứu phải gọn nhẹ, thiết thực. Đối với những đồng chí già yếu, ốm đau, thì phân công cán bộ, đảng viên đến tận nhà truyền đạt, không nhất thiết phải mời đến các cuộc họp để nghe phổ biến chung.

Các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, các cơ quan cũ cần tổ chức gặp những người về hưu nhân dịp những ngày lễ lớn, ngày Tết âm lịch và chú trọng thăm hỏi giúp đỡ kịp thời lúc các đồng chí có khó khăn.

Khi các đồng chí về hưu từ trần, đảng uỷ, uỷ ban nhân dân, ban liên lạc hưu trí xã, phường phải cùng gia đình tổ chức tang lễ chu đáo, thể hiện tình cảm sâu sắc, nhưng tránh phô trương, hình thức và những hủ tục lạc hậu. Nếu cán bộ thuộc diện cấp trên quản lý thì cấp uỷ đảng và uỷ ban nhân dân cấp quản lý đứng ra tổ chức hoặc hướng dẫn cho xã, phường tổ chức. Cơ quan công tác trước đây của người từ trần có trách nhiệm tham gia với cấp uỷ và uỷ ban nhân dân địa phương trong việc tổ chức tang lễ; nếu ở xa, thì cử cán bộ đến thăm hỏi và giúp đỡ gia đình về mặt vật chất nếu cần thiết.

4. Các cấp uỷ đảng, chính quyền, nhất là đảng uỷ và uỷ ban nhân dân ở cấp cơ sở, cần phát huy đầy đủ tác dụng của cán bộ về hưu và sử dụng hợp lý người về hưu tuỳ theo tình hình sức khoẻ, vốn hiểu biết, khả năng và kinh nghiệm công tác của từng người. Có thể đưa những đồng chí còn có sức khoẻ và có khả năng tham gia công tác đảng, công tác chính quyền, mặt trận, công tác quản lý hợp tác xã, công tác xã hội

ở phường, xã, tham gia hội đồng nhân dân quận, huyện, v.v. và đồng chí nào làm công tác gì được hưởng thêm trợ cấp về công tác đó theo chế độ hiện hành. Cán bộ về hưu có chuyên môn nghiệp vụ có thể giúp đỡ cho ngành chuyên môn đó của địa phương hoặc cơ quan cũ theo chế độ hợp đồng.

5. Nói chung, cán bộ, công nhân, viên chức về hưu cư trú ở phường, xã nào do cấp uỷ đảng và uỷ ban nhân dân phường, xã đó quản lý toàn diện; cấp uỷ đảng và chính quyền cơ sở có trách nhiệm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần hàng ngày, và trong phạm vi trách nhiệm của mình, thực hiện các chính sách, chế độ đã có của Đảng và Nhà nước đối với người về hưu. Các cấp trên và các ngành (như ban tổ

chức, thương binh xã hội, y tế, nội thương, lương thực, ngân hàng, thể dục thể thao...) có nhiệm vụ quản lý, chăm sóc cán bộ về hưu, thực hiện đúng những chính sách, chế độ của Đảng và Nhà nước đối với cán bộ hưu thuộc phạm vi trách nhiệm được giao, như chăm sóc sức khoẻ, chữa bệnh, trợ cấp khó khăn, trợ cấp người giúp việc, v.v..

Ban Tổ chức Trung ương giúp Ban Bí thư quản lý các đồng chí về hưu là uỷ viên Trung ương Đảng, bộ trưởng và tương đương, cán bộ cao cấp hoạt động cách mạng từ trước Tháng Tám năm 1945 và nhân sĩ trí thức tiêu biểu.

Tuỳ điều kiện cụ thể của địa phương, các tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ quy định những đối tượng do cấp mình quản lý trực tiếp và phân cấp quản lý số còn lại cho quận uỷ, huyện uỷ.

Các cấp trên cần dựa vào cấp cơ sở và cấp dưới để thường xuyên nắm chắc tình hình đời sống, sức khoẻ, yêu cầu, nguyện vọng của những cán bộ thuộc diện mình quản lý nhằm có chủ trương, biện pháp giải quyết kịp thời và thoả đáng đối với từng người trong trường hợp cần thiết.

Ban Tổ chức Trung ương cùng Bộ Thương binh và Xã hội giúp Ban Bí thư và Hội đồng Bộ trưởng theo dõi việc thực hiện và hướng dẫn cụ thể các cấp uỷ đảng, các ngành thực hiện tốt chỉ thị này.

T/M BAN Bí THU

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Số 42-CT/TW, ngày 23 tháng 4 năm 1984

CHỈ THỊ CỦA BAN Bí THU

Về việc tăng cường công tác tài chính đảng

Ba năm qua (1981 - 1983) thực hiện Chỉ thị số 88, ngày 9-4-1980 và Quyết định số 04, ngày 18-9-1982 của Ban Bí thư, công tác tài chính đảng đã đạt được một số tiến bộ: đã từng bước tăng các nguồn thu trong nội bộ đảng, bảo đảm kinh phí cần thiết phục vụ yêu cầu chi tiêu của Đảng. Nhiều cấp uỷ đã quan tâm lãnh đạo, phát huy tinh thần tự lực tự cường, tăng cường các nguồn thu trong nội bộ đảng, chi tiêu theo tinh thần tiết kiệm, tăng cường công tác quản lý, kiểm tra tài chính, tài sản.

Tuy vậy, công tác thu, chi và quản lý tài chính, tài sản của Đảng còn những khuyết điểm: chưa tích cực đẩy mạnh thu nội bộ như đảng phí, thu in và xuất bản sách báo, thu từ các cơ sở sản xuất, v.v.. Về chi, chưa thực hiện triệt để tiết kiệm. Nhiều chế độ, chính sách không được kịp thời sửa đổi cho phù hợp với yêu cầu của tình hình mới, việc chấp hành các tiêu chuẩn, chế độ còn nhiều hiện tượng tuỳ tiện, lỏng lẻo. Công tác quản lý tài chính, tài sản, vật tư còn thiếu chặt chẽ.

Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ đảng làm tốt mảng việc sau đây, nhằm tăng cường hơn nữa công tác tài chính đảng:

1. Các cấp uỷ và các đồng chí lãnh đạo các cơ quan đảng phải tăng cường chỉ đạo các mặt công tác tài chính đảng. Xây dựng kế hoạch thu chi chặt chẽ hằng năm và hằng quý. Từng bước tăng nguồn thu trong nội bộ đảng: thực hiện nghiêm túc việc thu đảng phí theo quy định mới của Ban Bí thư, tích cực thu về in và xuất bản sách báo, thu từ các cơ sở sản xuất đã có, và các khoản thu khác theo đúng chế độ mà Đảng và Nhà nước đã quy định.

Trước mắt, nguồn thu chính vẫn là trợ cấp của ngân sách nhà nước. Ngân sách nhà nước cần đáp ứng nhu cầu chi cần thiết cho sự hoạt động của Đảng. Cơ quan tài chính đảng ở trung ương cố gắng đáp ứng những nhu cầu tối thiểu của các đảng bộ địa phương, đồng thời các cấp uỷ ở địa phương cần chủ động sáng tạo trong việc xây dựng và quản lý tài chính đảng. Về ngân sách hằng năm, Trung ương chỉ khống chế tổng quỹ tiền lương; các cấp uỷ địa phương được chủ động sắp xếp các loại chi cho sát hợp với tình hình của đảng bộ và địa phương mình, tập trung chi cho những trọng điểm và những công tác trọng tâm. Phải thực hiện tiết kiệm chi một cách nghiêm ngặt; kiên quyết hoãn những khoản chi chưa cấp thiết; tránh phô trương hình thức, chống lãng phí, lạm dụng, tham ô. Hằng năm, do tiết kiệm chi tiêu, cuối năm có kết dư ngân sách, địa phương được chuyển sang chi tiêu cho công tác năm sau.

Mọi khoản thu, chi của Đảng phải phản ánh đầy đủ, kịp thời vào ngân sách của Đảng. Nghiên cứu việc để quỹ riêng để chi tiêu dưới bất cứ hình thức nào. Không dùng quỹ công để chi liên hoan, ăn uống, chiêu đãi, quà cáp, biếu xén ngoài chế độ quy định, gây ảnh hưởng không tốt trong cán bộ, nhân dân, gây tổn kém công quỹ. Hạn chế việc dùng tiền mặt để mua sắm theo giá thị trường "tự do".

2. Tăng cường quản lý các cơ sở in, xuất bản của Đảng để tăng nguồn thu cho ngân sách đảng. Đối với một số cơ sở sản

xuất mà một số địa phương đã tổ chức theo Thông tri số 139 và Quyết định số 04 của Ban Bí thư thì cần rà soát lại: những cơ sở phát triển đúng hướng, nằm trong quy hoạch, kế hoạch của địa phương, sản xuất có hiệu quả, thiết thực phục vụ các yêu cầu của cơ quan đảng, được quản lý chặt chẽ, thì tiếp tục phát triển sản xuất và tăng cường quản lý theo đúng các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước; những cơ sở không đủ các yêu cầu trên thì kiên quyết chấn chỉnh hoặc sáp xếp lại. Những địa phương không có điều kiện thì không tổ chức sản xuất; không được chuyển các xí nghiệp và cơ sở sản xuất của các ngành đã có sang cơ quan đảng.

3. Đề cao hơn nữa ý thức chấp hành chế độ, nguyên tắc chi tiêu của Đảng và Nhà nước. Các cơ quan chức năng của Đảng và Nhà nước ở trung ương phải sớm nghiên cứu sửa đổi, ban hành các chế độ, chính sách, các tiêu chuẩn, định mức chi tiêu cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay để thống nhất thực hiện. Các địa phương đơn vị không được tự đặt ra chế độ chi tiêu riêng. Những chế độ, chính sách nào thấy không còn phù hợp thì phải đề nghị trung ương xem xét sửa đổi.

Tiếp tục chuyển những khoản chi có tính chất nhà nước sang ngân sách nhà nước dài hạn.

4. Uỷ ban Kiểm tra Trung ương và uỷ ban kiểm tra các cấp uỷ phải cùng với cơ quan tài chính đảng tăng cường công tác kiểm tra tài chính, giữ gìn nghiêm kỷ luật tài chính của Đảng.

Ban Tài chính - Quản trị Trung ương có trách nhiệm giúp Ban Bí thư kiểm tra và đôn đốc việc thi hành chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG TRI
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 34-TT/TW, ngày 23 tháng 4 năm 1984

Về việc đóng đảng phí mới

Hiện nay tiền lương và thu nhập của đảng viên đã có những thay đổi, vì vậy, một số quy định cụ thể về mức đóng đảng phí trước đây không còn phù hợp. Căn cứ vào những nguyên tắc được ghi trong *Điều lệ Đảng* và trong Nghị quyết số 61 của Bộ Chính trị, được Bộ Chính trị uỷ nhiệm, Ban Bí thư quyết định thay đổi một số điểm về mức đóng đảng phí như sau:

1. Đảng viên là cán bộ, công nhân, viên chức và quân nhân hưởng chế độ lương đều phải đóng đảng phí theo tỷ lệ phần trăm (%) lương đã được quy định trong Nghị quyết 61 của Bộ Chính trị. Mức đóng đảng phí tính theo lương chính mới (hiện nay là gấp đôi). Các đảng viên có mức thu nhập cũ từ 40 đồng trở xuống, trước đóng cố định mỗi tháng 0,15 đồng, nay đóng 1% lương chính mới.
2. Đảng viên làm nghề nông, nghề cá, nghề muối, trước đóng đảng phí mỗi tháng 0,15 đồng, nay đóng 2,00 đồng. Đảng viên làm nghề thủ công, xây dựng, vận tải, khuân

vác, v.v. ở trong hợp tác xã nông nghiệp cùng hưởng công điểm với các xã viên làm nông nghiệp hoặc trong các loại hợp tác xã khác mà thu nhập thấp, lại thất thường, khó tính toán, thì đóng đảng phí mỗi tháng 2,00 đồng như đảng viên làm nghề nông.

3. Đảng viên đang phục vụ trong lực lượng vũ trang hưởng chế độ sinh hoạt phí, đảng viên là học sinh hưởng học bổng hoặc sinh hoạt phí thống nhất, đảng viên không có thu nhập của bản thân, sống dựa vào gia đình (người làm nội trợ, học sinh không có học bỗng...) trước đây mỗi tháng đóng 0,15 đồng, nay đóng 0,50 đồng.

4. Các quy định khác về đóng đảng phí không thuộc các điểm sửa đổi nói trên vẫn phải thi hành đúng như Nghị quyết 61 của Bộ Chính trị, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn cụ thể việc thi hành thông tri này.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Ngày 17-4-1984, sau khi nghe Ban Văn hóa - Văn nghệ Trung ương báo cáo về tính chất, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Hội Liên hiệp Văn học, nghệ thuật trong thời gian sắp tới, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Về tính chất, vị trí của tổ chức Liên hiệp văn học, nghệ thuật

Theo quyết định của Ban Bí thư, các hội văn học, nghệ thuật chuyên ngành đều đã họp đại hội. Tổ chức Liên hiệp Văn học, nghệ thuật sắp tới là một tổ chức có tính chất mặt trận của giới văn học, nghệ thuật cả nước, nó không phải là cấp trên của các hội văn học, nghệ thuật chuyên ngành và của các hội văn nghệ địa phương.

2. Về chức năng và nhiệm vụ

Chức năng chủ yếu của tổ chức Liên hiệp Văn học, nghệ

**THÔNG TRI
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 35-TT/TW, ngày 23 tháng 4 năm 1984

**Về vấn đề tổ chức Ủy ban Trung ương Liên hiệp
Văn học, nghệ thuật Việt Nam**

thuật là phối hợp một số hoạt động và điều hòa, cân đối những vấn đề thuộc chế độ, chính sách có tính chất chung cho các hội văn học, nghệ thuật ở trung ương và các hội văn nghệ địa phương.

Tổ chức này có những nhiệm vụ như sau:

- a) Tổ thái độ chính trị trước các sự kiện chính trị quan trọng trong nước và trên thế giới với tư cách thay mặt cho toàn giới văn học, nghệ thuật trong cả nước.
- b) Đề xuất với các cơ quan có trách nhiệm những ý kiến về chế độ, chính sách và theo dõi việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với văn nghệ sĩ.
- c) Giữ mối quan hệ phối hợp giữa các hội văn học, nghệ thuật trong một số hoạt động chung của giới văn học, nghệ thuật.
- d) Quan hệ với các tổ chức văn học, nghệ thuật tương ứng ở các nước, trước hết là ở các nước xã hội chủ nghĩa anh em.

3. Về cơ quan lãnh đạo và bộ máy giúp việc

Do tính chất vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Tổ chức Liên hiệp Văn học, nghệ thuật sắp tới như trên, từ nay tổ chức này nên đổi tên là *Ủy ban Trung ương Liên hiệp Văn học, nghệ thuật Việt Nam*.

Ủy ban gồm có đại diện các hội văn học, nghệ thuật chuyên ngành, các hội văn nghệ địa phương và một số văn nghệ sĩ tiêu biểu.

Ủy ban cử ra ban thường vụ gồm có chủ tịch, các phó chủ tịch và một số ủy viên là các chủ tịch, tổng thư ký các hội chuyên ngành trung ương và chủ tịch hai Hội Văn nghệ Thủ

đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Ủy ban được tổ chức một văn phòng với bộ máy hết sức gọn nhẹ nhằm giúp ban thường vụ thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban.

T/M BAN BÍ THƯ
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 40-TB/TW, ngày 28 tháng 4 năm 1984

Ý kiến của Bộ Chính trị về tình hình và chủ trương giải quyết khó khăn về lương thực hiện nay

Vừa qua, sau khi nghe Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng báo cáo, Bộ Chính trị đã có ý kiến nhận định về tình hình lương thực của cả nước hiện nay và đề ra một số chủ trương, biện pháp cấp bách nhằm giải quyết khó khăn đột xuất về lương thực ở miền Bắc trong những tháng giáp hạt vụ chiêm xuân này.

I- VỀ TÌNH HÌNH

Từ năm 1981 trở lại đây, mặc dù tình hình kinh tế chung có nhiều mặt mất cân đối nghiêm trọng, thiên tai liên tiếp xảy ra, chúng ta đã giành được thắng lợi đáng kể trên mặt trận nông nghiệp, trước hết về sản xuất lương thực, nhất là lúa. Sản lượng lương thực trong ba năm qua (1981 - 1983) đã tăng bình quân trên một triệu tấn quy thóc mỗi năm. Năm 1983, lần đầu tiên trong nhiều năm nay, chúng ta đã tự trang trải được nhu cầu thiết yếu về lương thực dựa vào kết

quả sản xuất, huy động và điều hòa phân phôi trong phạm vi cả nước, không phải nhập khẩu mỗi năm hàng triệu tấn gạo để tiêu dùng như những năm 1976 - 1980.

Tuy nhiên, đây mới là những thành tựu bước đầu. Cho đến nay, vấn đề lương thực vẫn chưa được giải quyết vững chắc. Với sản lượng bình quân đầu người chưa năm nào vượt quá 300 kg lương thực quy thóc. Tính chung toàn xã hội, sau khi trừ hao hụt và để giống, nếu khéo phân phôi, cũng chỉ tạm đủ ăn cho người, chưa có đủ lương thực để phát triển mạnh chăn nuôi, trồng cây công nghiệp và các ngành kinh tế khác, để tạo lập và tăng cường dần dự trữ lương thực không thể thiếu được của Nhà nước (cả trung ương và địa phương), của các hợp tác xã nông nghiệp và gia đình nông dân; càng chưa có điều kiện để xuất khẩu lương thực đổi lấy phân bón, xăng dầu, thuốc trừ sâu... phục vụ trở lại cho nông nghiệp. Vừa qua, việc xuất, nhập một số lương thực chủ yếu mang tính chất đổi hạt.

Khó khăn về lương thực của ta còn lâu dài, chủ yếu là do: diện tích đất nông nghiệp tính theo đầu người nói chung rất thấp; sản xuất nông nghiệp còn phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên, nhất là ở miền Bắc, miền Trung; khả năng của Nhà nước đầu tư thêm nhiều phân bón, xăng dầu, thuốc trừ sâu, phát triển cơ giới... để khai thác hết tiềm năng dồi dào của cả nước về lao động, đất đai, đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ và mở rộng thêm diện tích trong những năm tới còn bị hạn chế. Trong khi đó, nhu cầu lương thực của xã hội không ngừng tăng lên do dân số tiếp tục tăng mỗi năm trên một triệu người; khu vực phi sản xuất nông nghiệp ngày càng phát triển theo từng bước đi lên của xã hội trong một quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa; nhu cầu lương thực để phát triển chăn nuôi và nhiều ngành công nghiệp chế biến cũng rất lớn.

II- VỀ CHỦ TRƯỞNG

1. Lương thực là vấn đề sống còn của đất nước, là điều kiện vật chất quan trọng nhất để ổn định đời sống nhân dân, mở rộng phân công lao động xã hội, phát triển nông nghiệp toàn diện, góp phần công nghiệp hóa nước nhà, thực hiện tốt cả hai nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đây là vấn đề có tính chất chiến lược lâu dài; nhất thiết phải phát huy thuận lợi, khắc phục mọi khó khăn để giải quyết cho được. Phải coi đây là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, gian khổ của toàn Đảng, toàn dân ta, của các ngành, các cấp gắn liền với việc thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ và mục tiêu về kinh tế - xã hội cho đến năm 1990 mà Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng và Nghị quyết của các Hội nghị Trung ương gần đây đã đề ra.

Điều cần nhấn mạnh ở đây là: phải luôn luôn nấm vững nông nghiệp là nhiệm vụ hàng đầu, tập trung những cố gắng cao nhất của Nhà nước và nhân dân, của tất cả các ngành, các cấp vào mặt trận này, trong đó yêu cầu số một là giải quyết cho được vấn đề lương thực, thực phẩm, trước hết là lương thực.

Phải trên cơ sở sắp xếp lại cơ cấu kinh tế, tổ chức lại sản xuất mà có kế hoạch tăng cường đầu tư đúng mức hơn nữa về các mặt cho sản xuất nông nghiệp, trước hết là sản xuất lương thực. Cần rút kinh nghiệm thời gian qua để tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý nói chung và quản lý nông nghiệp nói riêng; thực hiện tốt các chính sách đòn bẩy kinh tế thích hợp (nhất là về khoán sản phẩm, giá cả, thu mua, tín dụng, thuế khóa, chế độ tiền lương, tiền thưởng...) nhằm động viên mạnh mẽ nhiệt tình lao động của người sản xuất, của các cán bộ quản lý và cán bộ khoa học - kỹ thuật nông nghiệp, làm cho mọi người quan tâm hơn nữa đến kết quả lao động của họ, đến năng suất, chất lượng và hiệu quả; đồng thời để cao trách nhiệm, tinh thần làm chủ tập thể và tính năng động, sáng tạo của các ngành, các địa phương và cơ sở trong sản xuất cũng như trong phân phối lưu thông lương thực. Tất cả đều nhằm không ngừng tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật

đi đôi với củng cố và hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển mạnh theo quy hoạch và kế hoạch nhà nước, phấn đấu đạt cho được mục tiêu trước mắt đưa sản lượng lương thực năm 1984 lên 18 triệu tấn và năm 1985 lên 19 - 20 triệu tấn quy thóc.

Mặt khác, phải quản lý thật chặt chẽ việc phân phối, tiêu dùng lương thực trên tinh thần triệt để tiết kiệm.

Thực hiện chủ trương *Nhà nước thống nhất quản lý lương thực*, nắm tuyệt đại bộ phận lương thực hàng hóa (trừ phần tự điều hòa trong nội bộ nhân dân ở nông thôn) để phân phối có tổ chức, theo chế độ, chính sách và kế hoạch cho các nhu cầu hợp lý của xã hội. Trên cơ sở phát triển mạnh thương nghiệp xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực thu mua, chế biến, bán buôn và bán lẻ lương thực, tiến hành quản lý, sắp xếp và cải tạo toàn ngành lương thực theo đúng Nghị quyết số 14-NQ/TW của Bộ Chính trị, mà trung ương thống nhất quản lý việc điều hòa, phân phối lương thực giữa nơi thừa và nơi thiếu trong phạm vi cả nước cũng như việc xuất, nhập khẩu lương thực với nước ngoài; từng địa phương phải ra sức phát huy đúng đắn tiềm năng tại chỗ, chủ động vươn lên tự giải quyết nhu cầu lương thực và làm tốt nghĩa vụ với trung ương.

Căn cứ vào những phương hướng trên đây, Ban Bí thư cùng Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng chỉ thị các ban, ngành trung ương có liên quan phối hợp nghiên cứu, xây dựng đề án chính sách cụ thể nhằm giải quyết vấn đề lương thực trong thời gian tới một cách cơ bản và toàn diện hơn trình Bộ Chính trị xét và quyết định trong năm 1984.

2. Trước mắt, các ngành, các địa phương cần triển khai đồng bộ, khẩn trương các biện pháp cấp bách mà Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng đã đề ra để khắc phục khó khăn, giải quyết đời sống của nhân dân trong tình hình lương thực đang hết sức khẩn trương hiện nay.

Sản lượng lương thực vụ mùa 1983 kém sút, cả nước giảm so với vụ mùa 1982 trên 70 vạn tấn quy thóc. Riêng ở miền Bắc, sản lượng vụ mùa giảm gần 50 vạn tấn; sản xuất rau màu vụ đông kém; vụ lúa chiêm xuân hiện nay lại bị rét đậm kéo dài, mạ bị chết nhiều, phải tốn thêm hàng chục vạn tấn giống để gieo lại và phải cấy, thu hoạch chậm, thời gian giáp hạt kéo dài thêm. Nhà nước huy động không đạt kế hoạch, nhưng phải bán ra nhiều hơn; cân đối lương thực ở miền Bắc vốn đã thiếu lại càng thiếu hơn. Dự trữ lương thực của Nhà nước (cả trung ương và địa phương), các hợp tác xã nông nghiệp và nông dân quá mỏng, nhiều nơi không còn. Rau màu ngắn ngày để chống đói hiện nay cũng ít. Diện thiếu đói ở nông thôn ngày càng rộng, trong đó một số không ít thiếu đói gay gắt. Giá cả lương thực trên thị trường tăng đột biến chưa từng thấy, nhất là từ sau Tết đến nay.

Tình hình trên đây là hết sức nghiêm trọng, đã và đang tác động tiêu cực đến các mặt kinh tế - đời sống - chính trị và xã hội.

Giải quyết khó khăn trên đây về lương thực hiện nay ở miền Bắc là trách nhiệm của toàn Đảng, của tất cả các ngành, các cấp trong cả nước; phải động viên mọi khả năng của Nhà nước và nhân dân để làm cho được.

Yêu cầu đề ra là trong những tháng tới phải bảo đảm cung cấp đủ tiêu chuẩn định lượng cho lực lượng vũ trang, đủ kế hoạch cho các thành phố, khu công nghiệp, các vùng sản xuất cá, muối, cây công nghiệp và tiêu thụ công tập trung có quan hệ hợp đồng với Nhà nước, đồng thời dành phần cần thiết để hỗ trợ cho nông dân thiếu ăn. Muốn thế, các cấp ủy đảng, các cơ quan chính quyền, đoàn thể ở các cấp cần phối hợp chặt chẽ thực hiện tốt những việc chính và cấp bách sau đây:

1- Ra sức đẩy mạnh sản xuất và bảo vệ sản xuất, cả lúa và màu, trên tinh thần lấy chiêm xuân bù cho mùa, lấy nơi được

bù cho nơi mất, phát triển mạnh vụ hè thu, vụ mùa sớm và vụ mùa chính vụ để cả nước đạt cho được sản lượng lương thực năm 1984: 18 triệu tấn quy thóc.

2- Giải quyết cân đối lương thực của Nhà nước một cách tích cực nhất: các tỉnh Nam Bộ và duyên hải miền Trung phải phấn đấu đạt và vượt kế hoạch huy động vụ mùa và đông xuân, khắc phục mọi khó khăn về thu gom, bao bì, bảo quản, chế biến, vận chuyển, bảo đảm kế hoạch giao nộp về trung ương để đáp ứng các nhu cầu tại chỗ và đưa ra miền Bắc đúng theo kế hoạch đã định và càng nhanh càng tốt. Ngoại thương cần thực hiện kế hoạch nhập khẩu lương thực kịp thời trong quý II theo đúng quyết định của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng. Trong năm 1984, các địa phương không được phép xuất khẩu lương thực; Nhà nước chỉ dành một số lương thực ở Nam Bộ để xuất khẩu nhằm trả nợ đến hạn cho nước ngoài mà thôi. Các ngành lương thực và giao thông vận tải phải phối hợp chặt chẽ để vận chuyển, phân phối lương thực từ miền Nam ra Bắc, từ các cảng, ga về các địa phương để bảo đảm cung cấp kịp thời cho các nhu cầu.

3- Các cấp ủy đảng và ủy ban nhân dân các tỉnh, huyện ở miền Bắc cần tập trung cán bộ về cùng các xã, các hợp tác xã ở các vùng thiếu ăn để thường xuyên nắm chắc tình hình sản xuất và đời sống thực tế của nhân dân, tổ chức thực hiện tốt các biện pháp cần thiết như sản xuất rau màu ngắn ngày, vận động nhân dân đoàn kết, tương trợ, Nhà nước hỗ trợ một phần, v.v. để bảo đảm đời sống của nhân dân trong kỳ giáp hạt, nhất thiết không để đứt bữa.

4- Lúc này hơn lúc nào hết, phải thực hiện tiết kiệm lương thực triệt để. Cân quản lý thật chặt chẽ lương thực và việc phân phối lương thực trong khu vực Nhà nước phụ trách; hạn chế đến mức thấp nhất tỷ lệ hú hao, mất mát trong các khâu bảo quản, chế biến, nhất là trong khâu vận chuyển; chống mọi hiện tượng khai man số người và tiêu chuẩn để nhận lương thực quá mức quy định. Hạn chế ăn uống lu bù ở các dịp liên hoan, hội họp, ma chay, cưới hỏi. Nghiêm cấm

nấu rượu lậu. Mọi hành động tham ô, ăn cắp, đẻ hú hỏng hoặc cố ý phá hoại lương thực lúc này đều phải coi là tội ác cần được nghiêm trị theo pháp luật.

5- Đi đôi với việc Nhà nước đẩy mạnh bán ra, tiến hành phân phối có tổ chức cho các nhu cầu hợp lý của xã hội, chủ động điều hòa lương thực giữa nơi thừa và nơi thiếu, cần tăng cường quản lý thị trường, tiến hành kiểm soát nghiêm ngặt, không cho thương nhân buôn bán lương thực, nhất là ở các thành phố lớn và khu công nghiệp tập trung, phát hiện và trừng trị kịp thời những bọn đầu cơ, tích trữ lương thực, phá rối thị trường, đấu tranh kéo dài giá thị trường xuống.

T/M BAN Bí THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 41-TB/TW, ngày 19 tháng 5 năm 1984

Ý kiến của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc công nhận chức vụ khoa học giáo sư, phó giáo sư và chuẩn bị thành lập Viện Hàn lâm khoa học Việt Nam

Ngày 23-4-1984, sau khi nghe Ban Khoa giáo Trung ương và các ngành liên quan (Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Viện Khoa học Việt Nam, Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước...) báo cáo tình hình xét duyệt chức vụ khoa học giáo sư, phó giáo sư và việc chuẩn bị thành lập Viện Hàn lâm khoa học Việt Nam, Ban Bí thư đã có những ý kiến chính như sau:

I- VỀ VIỆC CÔNG NHẬN CHỨC VỤ KHOA HỌC GIÁO SƯ VÀ PHÓ GIÁO SƯ

1. Công nhận chức vụ khoa học giáo sư, phó giáo sư là

nhằm đáp ứng yêu cầu tổ chức giảng dạy và nghiên cứu khoa học; vì vậy ở đâu có yêu cầu mới công nhận, yêu cầu đến đâu công nhận đến đó và không nên công nhận chức vụ khoa học giáo sư, phó giáo sư đối với những cán bộ lãnh đạo, quản lý không tham gia hoặc chỉ tham gia rất ít thời gian vào công tác nghiên cứu, giảng dạy (trừ những cán bộ lãnh đạo và quản lý đã được công nhận chức vụ khoa học từ lâu hay trong đợt một).

Người được công nhận chức vụ khoa học phải có đủ tiêu chuẩn cần thiết; đặc biệt chú trọng tiêu chuẩn chính trị và có công trình khoa học đóng góp có hiệu quả vào sản xuất, đời sống và quốc phòng.

Cần làm cho các cấp, các ngành và đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật hiểu rõ mục đích, yêu cầu và tiêu chuẩn công nhận chức vụ khoa học.

2. Việc mở đầu công nhận chức vụ giáo sư và phó giáo sư bằng hai đợt đặc cách là cần thiết. Rút kinh nghiệm đợt trước, đợt hai đã đạt kết quả tốt hơn. Ban Bí thư thấy nên công bố sớm kết quả công nhận đợt hai đối với những người đã được từ 50% số phiếu bầu trو lên (trừ cá biệt không bảo đảm tiêu chuẩn chính trị). Riêng đối với những đồng chí đã được xét công nhận chức vụ khoa học trong đợt này nhưng đã chuyển sang làm cán bộ lãnh đạo và quản lý, không còn tham gia công tác giảng dạy hoặc nghiên cứu khoa học tối 1/3 thời gian, thì không cần thiết phải công nhận.

Đối với một số ít cán bộ khoa học có quá trình nghiên cứu và giảng dạy tốt, tuy ở cấp trung ương mới đạt gần 50% số phiếu, nhưng ở cấp cơ sở hoặc liên ngành đạt được tỷ lệ

phiếu cao và được thủ trưởng lãnh đạo ngành đề nghị, thì có thể xem xét kỹ từng trường hợp để công nhận.

Cần tiếp tục xem xét để công nhận chức vụ khoa học cho các cán bộ giảng dạy bộ môn chủ nghĩa Mác - Lê nin ở các trường đại học.

3. Sau hai đợt đặc cách này, cần chuyển sang xem xét và công nhận chức vụ khoa học giáo sư và phó giáo sư một cách thường xuyên.

Để làm nhiệm vụ trên, cần thành lập Hội đồng Trung ương xét duyệt chức vụ khoa học trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng.

Cần rút kinh nghiệm hai đợt vừa qua để cụ thể hóa thêm một bước tiêu chuẩn và xây dựng quy chế công nhận chức vụ khoa học thường xuyên để đệ trình Hội đồng Bộ trưởng quyết định.

Các ban và các ngành có liên quan cần khẩn trương quy hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học sát với yêu cầu và khả năng phát triển kinh tế - xã hội từng ngành và từng vùng. Chú ý hơn nữa việc đào tạo, bồi dưỡng và công nhận chức vụ khoa học giáo sư, phó giáo sư đối với cán bộ nữ.

Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước cần phối hợp với các ban, ngành có liên quan nghiên cứu để đề nghị Hội đồng Bộ trưởng sớm có quyết định về tiêu chuẩn công nhận chức danh kỹ thuật cho những cán bộ kỹ thuật có tài năng và có cống hiến xứng đáng công tác trong các ngành, các cơ sở sản xuất, phục vụ đời sống và quốc phòng.

Cần sớm ban hành chế độ đãi ngộ vật chất và tinh thần đối với các cán bộ có chức vụ khoa học và chức danh kỹ thuật, tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ này làm việc tốt,

có hiệu quả và thúc đẩy việc phân bổ hợp lý lực lượng cán bộ khoa học - kỹ thuật giữa các ngành, giữa các vùng kinh tế và các địa phương.

II- VỀ VIỆC THÀNH LẬP VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC
VIỆT NAM

1. Cần xúc tiến việc chuẩn bị thành lập Viện Hàn lâm khoa học Việt Nam như đã ghi trong các Nghị quyết của Bộ Chính trị. Hết sức chú ý bảo đảm ngay từ đầu Viện Hàn lâm khoa học Việt Nam có tác dụng thiết thực trong việc huy động đội ngũ khoa học phục vụ các mục tiêu kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Các ban và các ngành có liên quan cùng với Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng xúc tiến việc chuẩn bị để có thể thành lập chính thức Viện Hàn lâm khoa học Việt Nam vào năm 1986.

3. Ban Khoa giáo Trung ương chỉnh lý lại dự thảo Nghị quyết của Bộ Chính trị về việc thành lập Viện Hàn lâm khoa học Việt Nam để trình Bộ Chính trị thông qua.

4. Để xúc tiến việc chuẩn bị thành lập Viện Hàn lâm khoa học Việt Nam, cần chỉ định một ban trù bị. Ban Khoa giáo Trung ương cùng Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu về nhân sự của ban trù bị để báo cáo Ban Bí thư xem xét trước khi Bộ Chính trị quyết định.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Về thẩm quyền thi hành kỷ luật trong Đảng
của cơ quan chính trị, uỷ ban kiểm tra đảng
và các tổ chức cơ sở đảng trong Quân đội nhân
dân Việt Nam**

Căn cứ vào quy định của *Điều lệ Đảng* ở Điều 39 về nhiệm vụ của Uỷ ban Kiểm tra các cấp và ở Điều 50 về thẩm quyền thi hành kỷ luật đối với đảng viên và tổ chức đảng,
Căn cứ vào Nghị quyết số 07-NQ/TW, ngày 15-12-1982 của Bộ Chính trị về đổi mới, hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội nhân dân Việt Nam, sự nghiệp quốc phòng và thực hiện chế độ một người chỉ huy trong quân đội,
Căn cứ vào quyết định của Bộ Chính trị về danh mục quản lý cán bộ trong quân đội thuộc diện do Bộ Chính trị và Ban Bí thư quản lý,
Ban Bí thư Trung ương Đảng quy định thẩm quyền thi hành kỷ luật trong Đảng của cơ quan chính trị, uỷ ban kiểm tra

đảng thuộc cơ quan chính trị các cấp và của các tổ chức cơ sở đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam như sau:

1. Hội đồng cơ quan chính trị các cấp trong quân đội được quyết định về kỷ luật đối với tổ chức đảng và đảng viên trong quân đội theo đúng Điều 50 của *Điều lệ Đảng*, các quy định của Ban Chấp hành Trung ương và hướng dẫn của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương.

Uỷ ban kiểm tra đảng thuộc cơ quan chính trị các cấp trong quân đội có trách nhiệm và quyền hạn trong việc thi hành kỷ luật đối với đảng viên theo đúng Điều 50 của *Điều lệ Đảng*, Nghị quyết số 07 của Bộ Chính trị và các quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Việc xét để thi hành kỷ luật những đảng viên là cán bộ thuộc danh mục quản lý của Bộ Chính trị và Ban Bí thư (ngoài các trường hợp do chi bộ quyết định theo quy định ở Điều 50) sẽ do Hội đồng Tổng cục Chính trị đề nghị với Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoặc Uỷ ban Kiểm tra Trung ương theo thẩm quyền quyết định của các cơ quan nói trên.

2. Hội đồng Tổng cục Chính trị, Hội đồng Cục Chính trị và Hội đồng Phòng Chính trị trong quân đội được quyết định các hình thức kỷ luật đối với đảng viên là cán bộ được ấn định theo danh mục kèm theo. Danh mục này sẽ được cơ quan có thẩm quyền bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với danh mục quản lý cán bộ khi có sự thay đổi.

Uỷ ban kiểm tra đảng thuộc cơ quan chính trị các cấp trong quân đội được quyết định về kỷ luật bằng hình thức khiển trách và cảnh cáo đối với đảng viên là cán bộ theo danh mục do hội đồng cơ quan chính trị cấp mình quyết định kỷ luật, nhưng không phải là uỷ viên hoặc uỷ viên dự khuyết ban chấp hành các cấp của Đảng, trên cơ sở xét đề nghị thi hành kỷ luật của cơ quan chính trị cấp dưới hoặc các tổ chức đảng (chi bộ, liên chi uỷ, đảng uỷ) nơi đảng viên đó hoạt động (nếu đảng viên đó phạm sai lầm không thuộc phạm vi thi hành kỷ luật của chi bộ). Quyết định này uỷ ban kiểm tra phải báo cáo với cơ quan chính trị cấp mình. Còn đối với các hình thức

kỷ luật cách chức, lưu đảng, khai trừ khỏi Đảng, uỷ ban kiểm tra có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ để báo cáo và đề nghị với hội đồng cơ quan chính trị quyết định theo đúng Điều 50 của *Điều lệ Đảng* và Quy định số 10-QĐ/TW, ngày 3-11-1982 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

3. Thẩm quyền thi hành kỷ luật của các tổ chức cơ sở đảng phải theo đúng quy định của *Điều lệ Đảng* và Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị.

4. Việc thi hành kỷ luật một tổ chức đảng phải theo đúng điểm 2, Điều 50 của *Điều lệ Đảng*. Việc giải tán một chi bộ hoặc một tổ chức cơ sở đảng phải do hội nghị toàn thể Hội đồng Tổng cục Chính trị xét để chuẩn y trên cơ sở đề nghị của hội đồng cơ quan chính trị cấp dưới, sau khi đã trực tiếp kiểm tra, xem xét kỹ lưỡng. Quyết định đó phải được báo cáo lên Ban Chấp hành Trung ương.

Trong trường hợp có chiến tranh, ở các vùng có chiến sự, Hội đồng Tổng cục Chính trị có thể uỷ quyền cho hội nghị toàn thể Hội đồng Cục Chính trị chuẩn y kỷ luật giải tán một chi bộ trên cơ sở đề nghị của phòng chính trị. Hội đồng Tổng cục Chính trị phải kiểm tra lại để kết luận và báo cáo lên Ban Chấp hành Trung ương. Nếu kết luận là quyết định của Hội đồng Cục Chính trị không chính xác thì Hội đồng Tổng cục Chính trị ra quyết định bác bỏ.

Chỉ giải tán một tổ chức đảng nếu tổ chức đó vi phạm những tiêu chuẩn được quy định ở Điều 50 của *Điều lệ Đảng*.

5. Việc xét kỷ luật đối với đảng viên thuộc cơ quan quân sự địa phương, bộ đội địa phương, bộ đội biên phòng là sĩ quan do cấp quân khu trao lên quản lý, cần có sự bàn bạc nhất trí giữa quân khu và tỉnh uỷ, thành uỷ trước khi quyết định hoặc báo cáo lên cấp trên quyết định. Khi có vấn đề chưa nhất trí thì báo cáo rõ những ý kiến chưa nhất trí để cấp trên xem xét quyết định.

6. Căn cứ vào quy định của *Điều lệ Đảng*, các quy định của Ban Chấp hành Trung ương và quy định này, Tổng cục

Chính trị hướng dẫn cụ thể cho cơ quan chính trị, uỷ ban kiểm tra cấp dưới và các tổ chức cơ sở của Đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**ĐẢNG VIÊN LÀ CÁN BỘ THUỘC THẨM QUYỀN
QUYẾT ĐỊNH VỀ KỶ LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG
CƠ QUAN CHÍNH TRỊ CÁC CẤP TRONG QUÂN ĐỘI
NHÂN DÂN VIỆT NAM**

(Kèm theo Quy định số 44-QĐ/TW, ngày 23 tháng 5
năm 1984 của Ban Bí thư Trung ương Đảng)

1. Hội đồng Tổng cục Chính trị

Được quyền quyết định các hình thức kỷ luật đối với đảng viên là cán bộ giữ chức vụ phó sư đoàn trưởng, phó cục trưởng (trừ phó chủ nhiệm chính trị), trung đoàn trưởng, trưởng phòng và tương đương, phó chủ nhiệm phòng chính trị, hoặc cán bộ có cấp bậc quân hàm đại tá, có mức lương tương đương.

2. Hội đồng Cục Chính trị

a) Hội đồng Cục Chính trị quân khu, đặc khu Quảng Ninh, các quân chủng, Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Kỹ thuật được quyền quyết định các hình thức kỷ luật đối với đảng viên là cán bộ giữ chức vụ phó trung đoàn trưởng, phó trưởng phòng (trừ phó chủ nhiệm chính trị) và tương đương, chủ nhiệm binh chủng các sư đoàn, hoặc cán bộ có cấp bậc quân hàm trung tá, có mức lương tương đương.

b) Hội đồng Cục Chính trị các quân đoàn, Binh đoàn 12, bộ đội biên phòng được quyền quyết định các hình thức kỷ

luật, đối với đảng viên là cán bộ giữ chức vụ tiểu đoàn trưởng, trưởng ban và tương đương hoặc cán bộ có cấp bậc quân hàm thiếu tá, có mức lương tương đương.

3. Hội đồng Phòng Chính trị

a) Hội đồng Phòng Chính trị Học viện Quân sự cao cấp, Học viện Lục quân, Học viện Chính trị - quân sự, Học viện Hậu cần, cơ quan Bộ Quốc phòng, cơ quan Bộ Tổng tham mưu, cơ quan Tổng cục Chính trị được quyền quyết định các hình thức kỷ luật đối với đảng viên là cán bộ giữ chức vụ phó trung đoàn trưởng, phó trưởng phòng (trừ phó chủ nhiệm chính trị) và tương đương hoặc cán bộ có cấp bậc quân hàm trung tá, có mức lương tương đương.

b) Hội đồng Phòng Chính trị các binh chủng, Binh đoàn 11, Binh đoàn 32, Học viện Quân y, Học viện Kỹ thuật quân sự, các trường sĩ quan lục quân 1, lục quân 2, lục quân 3, Trường sĩ quan Chính trị - quân sự, Trường 481, Tổng cục Hàng không dân dụng được quyền quyết định các hình thức kỷ luật đối với đảng viên là cán bộ giữ chức vụ tiểu đoàn trưởng, trưởng ban và tương đương hoặc cán bộ có cấp bậc quân hàm thiếu tá, có mức lương tương đương.

c) Hội đồng Phòng Chính trị các sư đoàn, Trường đại học ngoại ngữ quân sự, Trường Văn hoá quân đội, Trường Sĩ quan Tài chính quân sự, Đoàn 969 và các đơn vị tương đương được quyền quyết định các hình thức kỷ luật đối với đảng viên là cán bộ giữ chức vụ phó tiểu đoàn trưởng, phó trưởng ban và tương đương hoặc có cấp bậc quân hàm đại úy, có mức lương tương đương.

Ban Bí thư ủy cho Hội đồng Tổng cục Chính trị bổ sung cụ thể danh mục đảng viên giữ các chức vụ thuộc thẩm

quyền quyết định thi hành kỷ luật của Hội đồng Cục Chính trị và Phòng Chính trị cho ăn khớp với bản quy định về danh mục quản lý cán bộ trong quân đội khi có sự thay đổi. Việc này cần tiến hành trên cơ sở bàn bạc thống nhất với cơ quan giúp Trung ương quản lý cán bộ trong quân đội.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 44-CT/TW, ngày 7 tháng 6 năm 1984

**Về một số vấn đề cấp bách trong công tác
cán bộ nữ**

Những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, các tầng lớp phụ nữ Việt Nam đã có cống hiến vẻ vang vào thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp giải phóng dân tộc và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đưa sự nghiệp giải phóng phụ nữ tiến lên đạt được kết quả to lớn. Từ phong trào cách mạng của quần chúng phụ nữ và những thành tựu của ba cuộc cách mạng đã hình thành một đội ngũ cán bộ nữ đông đảo đang phát huy vai trò tích cực trên mọi lĩnh vực hoạt động. Đáng chú ý là lực lượng nữ cán bộ khoa học - kỹ thuật tăng nhanh, chiếm tỷ lệ khá cao: 50% trong số cán bộ có trình độ trung cấp, 30% trong số cán bộ có trình độ đại học. Sự trưởng thành của đội ngũ cán bộ nữ đánh dấu bước tiến quan trọng của việc thực hiện nam nữ bình đẳng, xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động nước ta.

Bên cạnh kết quả đáng phấn khởi như trên, tình hình cán bộ nữ thời gian gần đây có những hiện tượng đáng quan

tâm: tỷ lệ cán bộ nữ tham gia quản lý và lãnh đạo giảm sút, nhất là trong các cơ quan quản lý kinh tế, quản lý nhà nước; cán bộ nữ hiện đang giữ chức vụ lãnh đạo chủ chốt ở cấp tỉnh, thành và trung ương phần nhiều lớn tuổi nhưng diện cán bộ kế cận rất ít; tỷ lệ đảng viên nữ ở nhiều nơi cũng giảm, nhiều xã ở một số tỉnh miền Nam, ở miền núi chưa có đảng viên nữ.

Dội ngũ cán bộ nữ phát triển chậm, thiếu vững chắc và tỷ lệ cán bộ nữ trong bộ máy lãnh đạo của Đảng và Nhà nước quá thấp, không tương xứng với sự phát triển của lực lượng lao động nữ và cán bộ nữ, đã ảnh hưởng không tốt đến việc phát huy quyền làm chủ của đồng bào quần chúng phụ nữ.

Tình hình trên đây do nhiều nguyên nhân:

- Công tác cán bộ nữ cũng như công tác tổ chức cán bộ nói chung chưa theo kịp yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới.

- Nhiều cấp ủy đảng và lãnh đạo các ngành buông lỏng việc chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Đảng về công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ nữ.

Trong các cấp, các ngành còn những nhận thức quan điểm lệch lạc, chưa thấy rõ vai trò, tác dụng của cán bộ nữ trong sự nghiệp cách mạng của Đảng; còn tư tưởng phong kiến coi thường phụ nữ, đối xử thiếu công bằng với chị em từ việc nhận xét đánh giá đến sử dụng, đào tạo, đề bạt, kỷ luật; chưa thông cảm hết những khó khăn riêng của cán bộ nữ, không tích cực tạo điều kiện để chị em phát huy được khả năng trên vị trí công tác của mình. Bản thân các cấp phụ nữ cũng chưa quan tâm đúng mức đến vấn đề cán bộ nữ, và

ngay trong cán bộ nữ cũng có một số chị em còn tư tưởng hẹp hòi kèn cựa nhau.

- Đại đa số cán bộ nữ có ưu điểm cơ bản là nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm, kiên trì, chịu khó, nhưng cũng có một số chị em thiếu ý chí vươn lên, phán đấu không liên tục, bị những khó khăn trớ ngại trước mắt làm chùn bước.

Để tăng cường công tác cán bộ nữ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng của Đảng trong thời kỳ mới, Ban Bí thư yêu cầu các cấp, các ngành thực hiện tốt một số chủ trương công tác sau đây:

1. *Tạo nên một chuyển biến mạnh mẽ về quan điểm nhận thức đối với vấn đề cán bộ nữ*

Đảng ta luôn luôn đặt sự nghiệp giải phóng phụ nữ gắn liền với sự nghiệp giải phóng dân tộc và giai cấp. Trong thời kỳ mới, vấn đề giải phóng phụ nữ gắn liền với hai nhiệm vụ chiến lược, với ba cuộc cách mạng. Phụ nữ ngày nay chiếm đa số trong lực lượng quần chúng đang lao động và đấu tranh cách mạng ở khắp mọi ngành sản xuất và hoạt động xã hội, nhất là ở cơ sở. Tiếp tục thực hiện nam nữ bình đẳng, nâng cao vai trò cán bộ nữ trong quản lý kinh tế, quản lý nhà nước là một nội dung quan trọng để thật sự phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thắt chặt mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng, tăng cường Nhà nước chuyên chính vô sản.

Đảng ta kiên quyết đấu tranh xoá bỏ những tàn dư tư tưởng phong kiến và những ảnh hưởng tư tưởng phi vô sản khác trong cán bộ, đảng viên và nhân viên nhà nước, trong nhân dân kể cả trong phụ nữ, khắc phục những biểu hiện lệch lạc coi thường phụ nữ, không tôn trọng và phát huy vai trò, năng lực của cán bộ nữ, đổi xử một cách hẹp hòi, bất công đối với chị em.

Những quan điểm, chính sách của Đảng đối với phụ nữ và cán bộ nữ cần được quán triệt đến từng chi bộ, từng đảng viên. Trên cơ sở đó, mỗi cấp, mỗi ngành cần liên hệ kiểm

điểm những nhận thức tư tưởng chưa đúng và đề ra những việc làm thiết thực để tạo nên một chuyển biến rõ rệt về công tác cán bộ nữ trong vài năm tới.

2. Phương hướng tăng cường cán bộ nữ

Vấn đề cán bộ nữ phải được đặt trong việc xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ nói chung của Đảng và Nhà nước. Phải tuyển chọn cán bộ nữ từ những người ưu tú trong công nhân, nông dân, trí thức xã hội chủ nghĩa, nhất là trong công nhân, đã trải qua rèn luyện trong thực tế phong trào cách mạng của quần chúng. Phải quyết tâm và có kế hoạch cụ thể đào tạo, bồi dưỡng để chị em có đủ năng lực, phẩm chất, trên cơ sở đó mà đề bạt một cách vững chắc. Điều cần hết sức chú ý là sau khi đã đề bạt, phải tiếp tục bồi dưỡng, tạo điều kiện giúp chị em hoàn thành nhiệm vụ.

Tăng cường cán bộ nữ không phải chỉ để làm công tác vận động phụ nữ mà chính là để phát huy khả năng, trí tuệ của chị em đóng góp vào sự lãnh đạo toàn diện của Đảng và công việc quản lý của Nhà nước. Vì vậy, trong cơ cấu cấp uỷ đảng và các cơ quan quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, các đoàn thể phải có cán bộ nữ ở những vị trí chủ chốt cần thiết, nhất là ở những lĩnh vực mà cán bộ nữ có nhiều điều kiện phát huy khả năng.

Các cấp uỷ đảng, các ngành cần thực hiện mục tiêu dưới đây trong thời gian tới:

- Tăng thêm cấp uỷ viên nữ ở các cấp trong dịp đại hội đảng khoá tới. Cần tạo điều kiện để mỗi cấp đều có uỷ viên thường vụ là nữ, có cán bộ nữ trong các ban của Đảng.
- Tạo điều kiện để uỷ ban nhân dân các cấp sớm có các uỷ viên là cán bộ nữ. Ban quản lý hợp tác xã nông nghiệp, tập đoàn sản xuất nông nghiệp và những hợp tác xã tiêu thủ công nghiệp đồng nữ phải có cán bộ nữ. Ở các cơ sở kinh tế quốc doanh có đồng nữ cần có cán bộ nữ trong cơ quan quản lý. Những nơi có điều kiện, nên có cán bộ nữ làm chủ tịch hoặc phó chủ tịch uỷ ban nhân dân, chủ nhiệm hoặc phó chủ

nhiệm hợp tác xã, tập đoàn trưởng, tập đoàn phó sản xuất nông nghiệp, v.v..

- Những ngành đồng nữ và những ngành mà chức năng có quan hệ nhiều đối với vấn đề phụ nữ cần có cán bộ nữ tham gia lãnh đạo các cấp từ trung ương đến cơ sở như: y tế, giáo dục, nội thương, nông nghiệp, công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm, tài chính, ngân hàng, lao động, thương binh xã hội, văn hoá thông tin, tòa án...

- Các cục, vụ, viện, phòng, ban... có liên quan nhiều đến việc xây dựng và thực hiện chính sách như lao động, tiền lương, tổ chức cán bộ... phải có cán bộ nữ trong bộ phận lãnh đạo.

- Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân tập thể các cấp cần có cán bộ nữ tham gia bộ phận chủ chốt trong ban chấp hành và tăng thêm số nữ cán bộ chuyên trách tương xứng với tỷ lệ đoàn viên, hội viên của từng đoàn thể.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ cần phấn đấu xây dựng một đội ngũ cán bộ có lập trường tư tưởng vững vàng, có nhiệt tình và kinh nghiệm vận động quần chúng, có kiến thức về khoa học xã hội, về quản lý kinh tế, quản lý nhà nước để phát huy được chức năng nhiệm vụ của hội và giúp Đảng nghiên cứu, chuẩn bị những đề án về công tác phụ nữ.

Để thực hiện phương hướng trên đây, trước mắt, từng cấp, ban ngành rà soát lại số cán bộ nữ đương chức, có kế hoạch bồi dưỡng, giúp đỡ cụ thể đối với từng người để chị em làm việc tốt, tích cực bố trí, sắp xếp những chị em có đủ tiêu chuẩn vào những cương vị cần thiết. Nơi chưa có điều kiện đề bạt ngay thì tích cực chọn những chị em có triển vọng và có biện pháp bồi dưỡng khẩn trương. Chú ý rà soát lại lực lượng nữ cán bộ khoa học - kỹ thuật trẻ, chủ động đào tạo, bồi dưỡng những chị em có triển vọng về công tác lãnh đạo, công tác quản lý và mạnh dạn sử dụng, sớm giao nhiệm vụ

cho chị em từ lúc còn trẻ để chị em có điều kiện phát huy năng lực và trưởng thành.

3. Tích cực đào tạo, bồi dưỡng, tạo điều kiện cho cán bộ nữ hoàn thành nhiệm vụ

Để tạo điều kiện cho cán bộ nữ trưởng thành nhanh chóng và làm tốt nhiệm vụ, các cấp uỷ đảng, các ngành cần có những biện pháp thiết thực như:

- Các trường lớp đào tạo, bồi dưỡng trong nước và ngoài nước, khi chiêu sinh, cần quy định tỷ lệ nữ một cách thoả đáng; khi vận dụng tiêu chuẩn chiêu sinh đối với nữ, chủ yếu xét khả năng tiếp thu và triển vọng công tác, có thể châm chước về thâm niên và chức vụ.

Ngoài các lớp chung, nên có những hình thức đào tạo, bồi dưỡng thích hợp đối với nữ, như mở lớp riêng cho cán bộ nữ ở cơ sở, mở các lớp theo vùng, miền, khu vực... Những chị em tốt nghiệp đại học xuất sắc cần được ưu tiên tuyển chọn để đào tạo trên đại học.

- Các trường tập trung cần tổ chức nhá trẻ, lớp mẫu giáo để chị em có con nhỏ gửi cháu. Các cơ quan, đơn vị cần tạo điều kiện cho những chị em có con nhỏ đi công tác, đi học xa, như tổ chức nhá trẻ, lớp mẫu giáo trông cháu cả tuần, cả tháng.

- Đối với một số cán bộ nữ chủ chốt có triển vọng, đang gánh vác trách nhiệm nặng và đối với những cán bộ đang giữ vai trò nòng cốt ở những vùng tôn giáo, dân tộc, biên giới, cần có những biện pháp đặc biệt giúp chị em khắc phục khó khăn về sức khoẻ, gia đình, con cái, trình độ để chị em làm tốt nhiệm vụ.

- Cần có những quy định ưu tiên đối với cán bộ nữ trong việc bố trí phương tiện công tác, chữa bệnh, tham quan, nghỉ mát...

- Đi đôi với việc đào tạo, bồi dưỡng, tạo những điều kiện thuận lợi cho sự hoạt động của cán bộ nữ, cần động viên chị em nâng cao ý chí phấn đấu, vươn lên chủ động khắc phục khó khăn, nâng cao trình độ khả năng cống hiến, gắn mình với phong trào quần chúng, góp phần tích cực vào việc phát động phong trào hành động cách mạng của phụ nữ thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng.

4. Đẩy mạnh công tác phát triển đảng trong phụ nữ

Để tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng phụ nữ và mở rộng nguồn cán bộ nữ, các đảng bộ cơ sở, các chi bộ phải chú ý tăng thêm tỷ lệ đảng viên nữ và phấn đấu đến hết năm 1985 không còn cơ sở nào đồng nữ mà không có đảng viên nữ. Khi xét kết nạp đảng, cần vận dụng các quy định về trình độ văn hoá cho phù hợp với hoàn cảnh thực tế của miền núi và phía Nam.

Các chi bộ cần phân công đảng viên nữ phù hợp với hoàn cảnh của chị em. Trong việc xử lý đảng viên, phải đi sâu xem xét hoàn cảnh cụ thể của đảng viên nữ.

5. Thường xuyên tổ chức chỉ đạo chặt chẽ công tác cán bộ nữ

Các cấp uỷ đảng, các ban của Đảng, các đảng đoàn, các đồng chí lãnh đạo các ngành cần chỉ đạo phổ biến chỉ thị này đến đảng bộ cơ sở và các cơ quan, đoàn thể, có kế hoạch tuyên truyền giáo dục từ trong đảng ra ngoài quần chúng, tạo nên sự nhất trí về quan điểm nhận thức đối với công tác cán bộ nữ của Đảng. Trên cơ sở đó kiểm điểm các việc đã làm được, chưa làm được, đề ra kế hoạch cụ thể thực hiện từng việc chính nêu ra trong chỉ thị này.

Các cơ quan nhà nước cần cụ thể hoá những chủ trương đề ra trong chỉ thị này thành các quyết định của Nhà nước để bảo đảm thực hiện có hiệu quả thiết thực.

Ban Tổ chức Đảng, Ban Dân vận và Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp có trách nhiệm giúp cấp uỷ đảng tổ chức thực hiện chỉ thị này. Cần có tổ chức, phân công cán bộ chuyên trách vấn đề cán bộ nữ, theo dõi tập hợp tình hình, sơ kết rút kinh nghiệm qua từng thời gian. Đến cuối năm 1984, các tỉnh uỷ, thành uỷ, các ban, ngành báo cáo với Ban Bí thư kết quả tuyên truyền, phổ biến Chỉ thị của Ban Bí thư ở các cấp, các ngành và kế hoạch thực hiện cụ thể về đào tạo, sử dụng bồi dưỡng cán bộ nữ. Năm 1985 các cấp uỷ đảng sẽ sơ kết, rút kinh nghiệm bước đầu, tiếp tục để xuất với Trung ương những phương hướng, chủ trương cụ thể về công tác cán bộ nữ.

T/M BAN Bí THƯ
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN Bí THƯ

Số 45-CT/TW, ngày 20 tháng 6 năm 1984

Về tăng cường quan hệ hợp tác giữa các ngành và địa phương của ta với các ngành và địa phương của Lào và Campuchia

Nghị quyết của Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta *Về tăng cường đoàn kết, hợp tác toàn diện với Lào và Campuchia trong giai đoạn mới* đặt vấn đề quan hệ giữa các ngành và các địa phương của ta với bạn là một phương thức quan trọng để thực hiện quan hệ hợp tác giữa ba nước.

Trong mối quan hệ hợp tác này, so với yêu cầu mới như Nghị quyết của Bộ Chính trị, các ngành, các cấp còn phải nỗ lực hơn nữa, phải chỉ đạo thống nhất và quản lý chặt chẽ, không để xảy ra những hiện tượng tiêu cực gây ảnh hưởng xấu đến quan hệ đoàn kết hữu nghị đặc biệt giữa ta và bạn.

I- NHỮNG YÊU CẦU TRONG QUAN HỆ HỢP TÁC

1. Hợp tác giữa ngành và địa phương ta với bạn nhằm góp phần giúp bạn phát huy tiềm năng tại chỗ để đáp ứng những mục tiêu kinh tế - xã hội của bạn đề ra; góp phần vào việc xây dựng lực lượng bạn nhanh chóng trưởng thành, củng cố vững chắc liên minh đặc biệt giữa ba nước.
2. Trong quan hệ hợp tác, phải tích cực, chủ động, hết lòng giúp bạn phát huy tinh thần nỗ lực vươn lên tự đảm

đương được công việc. Luôn luôn đề phòng tư tưởng nước lớn, chống mọi biểu hiện thiếu trách nhiệm, vụ lợi, ban ơn.

3. Tuyệt đối tôn trọng độc lập, chủ quyền của bạn. Thực hiện triệt để nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi trên tinh đồng chí, và quan tâm lợi ích hợp lý của bạn.

4. Mọi công việc hợp tác phải thiết thực, có hiệu quả, có chất lượng, có trọng tâm trọng điểm, tránh hình thức, tuỳ tiện; phải bảo đảm thực hiện tốt các việc đã thoả thuận và ký kết với bạn.

5. Khuyến khích tinh thần chủ động sáng tạo của các ngành, các địa phương; đồng thời phải bảo đảm sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Trung ương Đảng và chấp hành nghiêm chỉnh các chế độ quản lý của Nhà nước ta và Nhà nước bạn.

II- NHỮNG NỘI DUNG TRONG QUAN HỆ HỢP TÁC

1. Trao đổi kinh nghiệm về các lĩnh vực công tác, các mặt quản lý của ngành, địa phương như quản lý kinh tế, kỹ thuật, quản lý xã hội, công tác xây dựng đảng, vận động quần chúng bảo vệ trị an, quốc phòng ở địa phương.

2. Giúp bạn trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công nhân lành nghề, trước hết là những ngành nghề mà bạn có yêu cầu và điều kiện.

3. Cử các chuyên gia kinh tế, kỹ thuật, quản lý nghiệp vụ chuyên môn sang giúp theo yêu cầu của bạn.

4. Hợp tác, giúp đỡ nhau về kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật theo nhiệm vụ được Trung ương Đảng hoặc Hội đồng Bộ trưởng giao theo sự ký kết giữa hai bên.

Trong quan hệ hợp tác *giữa các địa phương với nhau*, còn có một số nội dung sau đây:

- Giúp nhau trong công tác xuất - nhập khẩu, quản lý thị trường, tiêu thụ sản phẩm và từng bước mở rộng việc trao đổi hàng hoá sau khi đã làm đầy đủ nghĩa vụ đối với trung ương và phải tuân theo các quy định của Nhà nước ta và Nhà nước bạn.

- Các tỉnh có chung biên giới phải tổ chức thực hiện tốt hiệp định về quy chế biên giới, phối hợp hỗ trợ nhau củng cố cơ sở chính trị, bảo đảm an ninh, xây dựng lực lượng ở biên giới, xây dựng biên giới hoà bình hữu nghị, làm cho vùng biên giới trở thành căn cứ chiến lược của cách mạng.

- Tuỳ tình hình cụ thể và căn cứ theo yêu cầu của bạn, Hội đồng Bộ trưởng ta sẽ xét khả năng của thành phố Hồ Chí Minh và Thủ đô Hà Nội mà có thể giao cho hai địa phương trên hợp tác một số việc với một số ngành trung ương của bạn.

III- VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ vào các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, thủ trưởng các ngành và các cấp uỷ địa phương phải trực tiếp nghiên cứu những vấn đề mà bạn đề ra để có chương trình, nội dung hợp tác và biện pháp thực hiện cho sát hợp với khả năng, điều kiện của cả ta và bạn.

2. Các ngành, các địa phương ta cần chủ động và phối hợp chặt chẽ với bạn để chuẩn bị các cuộc gặp gỡ định kỳ hàng năm hoặc hai năm nhằm kiểm điểm các việc đã ký kết, trao đổi kinh nghiệm, thoả thuận chương trình hợp tác sắp tới. Trường hợp nhiều ngành, nhiều địa phương ta hợp tác với một ngành hoặc một địa phương bạn thì Uỷ ban Hợp tác kinh tế ba nước của ta phải ủy quyền cho một đơn vị chủ trì

để phối hợp chuẩn bị. Nội dung bàn và ký phải thiết thực, cụ thể, có khả năng thực hiện. Các đoàn ta sang bạn phải được quản lý chặt chẽ đúng thủ tục và các quy định của Trung ương; giảm bớt những cuộc gặp hình thức, những cuộc qua lại quá nhiều để tránh phiền hà, tốn kém. Một số trường hợp có thể uỷ nhiệm cho đại sứ hoặc đại diện kinh tế ta ký thay.

3. Phải coi công việc hợp tác này là một bộ phận quan trọng thường xuyên trong nhiệm vụ chính trị của ngành, địa phương mình. Phải coi trọng việc *làm nghĩa vụ quốc tế giúp bạn*, đồng thời thực hiện việc *hợp tác trao đổi bình đẳng, hai bên cùng có lợi*. Nội dung hợp tác phải cụ thể và phải đưa vào chương trình công tác, vào kế hoạch và ngân sách của ngành, địa phương để bảo đảm điều kiện thực hiện. Mỗi ngành, mỗi địa phương phải cử một đồng chí thứ trưởng hoặc một phó chủ tịch phụ trách và có một tổ chức gọn nhẹ giúp việc.

4. Thủ trưởng các ngành và cấp uỷ các địa phương phải chấp hành nghiêm chỉnh Chỉ thị 01, ngày 3-5-1982 của Ban Bí thư; phải có *quy hoạch chuyên gia* gửi lên Ban Tổ chức Trung ương về việc cử chuyên gia sang giúp bạn. Phải chuẩn bị chu đáo lựa chọn kỹ cán bộ, công nhân sang giúp bạn; trước khi đi, phải tổ chức học tập, giáo dục và giao nhiệm vụ rõ ràng. Các ngành và các địa phương phải phối hợp với các cơ quan ta trên đất bạn để theo dõi, quản lý lực lượng cán bộ, công nhân của mình. Trường hợp cán bộ, công nhân viên có sai phạm phải xử lý đúng và kịp thời.

5. Ba tháng, sáu tháng và hằng năm, các ngành và địa phương phải có sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm và chấp hành nghiêm chỉnh chế độ *báo cáo định kỳ* lên Trung ương Đảng và Hội đồng Bộ trưởng về việc thực hiện hợp tác và việc thực hiện các chính sách ở hậu phương đối với gia đình chuyên gia và quân tình nguyện ta. Cần kiện toàn cơ quan đại diện kinh tế, văn hoá ở Lào và Campuchia để đủ sức đôn đốc, kiểm tra các việc hợp tác đã ký kết, và cùng đại sứ quán quản lý chặt chẽ các cán bộ, nhân viên ta hoạt động trên đất

bạn, kịp thời giải quyết các khó khăn vướng mắc và xử lý các vụ vi phạm để từ những việc cụ thể củng cố thêm sự tin cậy lẫn nhau giữa bạn và ta.

6. Các trưởng đoàn hoặc tổ trưởng chuyên gia của ngành, của địa phương hiện công tác trên đất bạn phải coi trách nhiệm giúp bạn là chủ yếu (theo quy định trong Chỉ thị 01 của Ban Bí thư), còn công việc hợp tác của ngành và địa phương thì đoàn chuyên gia có trách nhiệm theo dõi và giúp bạn thực hiện tốt những điểm đã ký, đồng thời phản ánh tình hình thực hiện việc hợp tác và kiến nghị những điều cần thiết với Ban lãnh đạo Đoàn chuyên gia tại Campuchia, Ban Công tác giúp Lào và tỉnh hoặc ngành trong nước. Chuyên gia ngành và địa phương không kiêm nhiệm đại biểu cho ngành và địa phương để đàm phán ký kết với bạn trong việc hợp tác kinh tế, văn hoá.

7. Việc thanh quyết toán về kinh phí xây dựng các công trình, về chi phí cho công nhân kỹ thuật, về trao đổi hàng hoá... do các tỉnh và ngành giúp nhau phải được giải quyết song phẳng theo hiệp định đã ký và theo thể lệ quy định của nhà nước hai bên. Uỷ ban Hợp tác kinh tế, văn hoá với Lào và Campuchia có trách nhiệm nghiên cứu, hướng dẫn cụ thể, theo dõi và đôn đốc các ngành và các địa phương thực hiện cho thống nhất.

IV- MỘT SỐ QUY ĐỊNH TRONG QUAN HỆ CÔNG TÁC

1. Các ngành, các địa phương phải chấp hành nghiêm chỉnh và vận dụng tốt các nghị quyết, chỉ thị, chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước của ta và của bạn quy định về mối quan hệ này.

2. Mọi vấn đề thoả thuận giữa các ngành, các địa phương với nhau đều phải được báo cáo lên Trung ương Đảng hoặc Hội đồng Bộ trưởng.

Những vấn đề chưa có chủ trương hoặc vượt quá phạm vi quyền hạn của mình, các ngành, các địa phương phải thỉnh thị Trung ương Đảng hoặc Hội đồng Bộ trưởng trước khi thoả thuận. Các báo cáo khi gửi lên Trung ương Đảng phải đồng gửi cho Ban Công tác giúp Lào hoặc Ban lãnh đạo Đoàn chuyên gia tại Campuchia và khi gửi lên Hội đồng Bộ trưởng phải gửi cho Uỷ ban Hợp tác kinh tế, văn hoá với Lào và Campuchia; khi làm văn bản thỉnh thị Trung ương Đảng hoặc Hội đồng Bộ trưởng cũng đồng gửi cho các cơ quan nói trên.

3. Đối với những công trình cần được Trung ương hỗ trợ một phần tiền vốn, nguyên vật liệu, thiết bị... thì nhất thiết *trước khi ký* phải được sự đồng ý của các cơ quan có trách nhiệm ở trung ương qua Uỷ ban Hợp tác kinh tế, văn hoá với Lào và Campuchia.

4. Các đoàn của các ngành, địa phương sang làm việc với bạn, phải trao đổi ý kiến trước nội dung công tác của đoàn với Ban lãnh đạo Đoàn chuyên gia tại Campuchia, bộ phận đại diện của Ban Công tác giúp Lào ở Viên Chăn, hoặc đại sứ, hoặc đại diện kinh tế, văn hoá của ta tuỳ theo tính chất, nội dung công tác.

5. Tất cả các việc hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật đều phải báo cáo lên Hội đồng Bộ trưởng qua Uỷ ban Hợp tác kinh tế, văn hoá với Lào và Campuchia, Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước, để *đưa vào cân đối chung* trong kế hoạch thống nhất.

6. Uỷ ban Hợp tác kinh tế, văn hoá với Lào và Campuchia có nhiệm vụ thông báo tình hình và những thoả thuận mới giữa

ta và bạn cho các ngành, các địa phương, đồng thời có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi, hướng dẫn, góp ý kiến và tổ chức phối hợp giữa các ngành, các địa phương trong việc hợp tác, giải quyết kịp thời các yêu cầu của các ngành, các địa phương, giúp Trung ương Đảng và Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo tốt việc hợp tác.

Nhận được chỉ thị này, các ngành, các địa phương có quan hệ hợp tác với Lào và Campuchia phải tổ chức một đợt sinh hoạt trong cán bộ, đảng viên có liên quan, đổi chiếu với các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng và của Hội đồng Bộ trưởng về việc này để kiểm điểm lại toàn bộ nhiệm vụ hợp tác, đánh giá kết quả và đề ra chương trình cụ thể trong thời gian tới để làm đúng, làm tốt hơn nữa quan hệ hợp tác với bạn.

T/M BAN BÍ THƯ
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NĂM VỮNG QUY LUẬT,
ĐỔI MỚI QUẢN LÝ KINH TẾ**

(Ý kiến đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn trình bày
tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành
Trung ương Đảng, khoá V)

Ngày 3 tháng 7 năm 1984

Thưa các đồng chí,

Hội nghị Trung ương lần này bàn về vấn đề sắp xếp lại lực lượng sản xuất và đổi mới quản lý kinh tế. Đây là một vấn đề quan trọng cấp bách do cuộc sống đặt ra và đòi hỏi phải được giải quyết một cách đúng đắn để phát huy hơn nữa những thành tựu đã đạt được, sớm đưa nền kinh tế nước ta vượt qua những khó khăn trước mắt, tiếp tục tiến lên mạnh mẽ.

Không ngừng nâng cao vai trò của quản lý kinh tế để giải quyết những nhiệm vụ kinh tế - xã hội phù hợp với những quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa, của kinh tế xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của chúng ta. Nhiệm vụ được đặt ra không chỉ đối với nước ta đang còn ở trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ mà còn đặt ra cả đối với các nước xã hội chủ nghĩa anh em đang tiến bước

trong một giai đoạn cao hơn của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. May mắn năm nay, trong quá trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển, Liên Xô và các nước anh em khác đều coi hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế như là một trong những nhiệm vụ có tầm quan trọng hàng đầu để nâng cao hiệu quả sản xuất của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, khai thác theo chiều sâu những tiềm năng của đất nước và phát huy tính ưu việt của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Ở nước ta, vấn đề đổi mới cơ chế quản lý kinh tế đã được đặt ra trong chương trình của Trung ương từ đầu khoá IV, nhất là tại Hội nghị Trung ương lần thứ sáu. Đại hội lần thứ V của Đảng và các hội nghị sau đó của Trung ương khoá V đã đề ra những phương hướng cơ bản về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Đảng và Nhà nước ta đã có những cố gắng to lớn khắc phục một bước cơ chế quản lý quan liêu, bao cấp và xúc tiến việc hoàn chỉnh cơ chế quản lý mới nhằm thực hiện đúng những nguyên tắc quản lý kinh tế, vừa bảo đảm sự tập trung thống nhất quản lý của trung ương vừa mở rộng và phát huy quyền chủ động, sáng tạo của các cơ sở, các địa phương, các ngành trong sản xuất kinh doanh, thực hiện quyền làm chủ tập thể của quần chúng lao động, khuyến khích mạnh mẽ tăng năng suất lao động và hiệu quả kinh tế. Những sự đổi mới đó trong công tác quản lý kinh tế - như Hội nghị lần thứ năm của Trung ương chỉ rõ - tuy là bước đầu nhưng đã góp phần quan trọng tạo ra những tiến bộ trong tình hình kinh tế - xã hội 3 năm qua. Mặc dù vậy, nền kinh tế của ta vẫn còn nhiều khó khăn, thể hiện trên các mặt: cơ sở vật chất - kỹ thuật còn non yếu, năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả kinh tế còn thấp; trận địa xã hội chủ nghĩa có những bộ phận bị thu hẹp; trật tự trong nền kinh tế và trong xã hội có những hiện tượng hỗn loạn kéo dài; hiệu lực của bộ máy nhà nước chưa đủ mạnh.

Bên cạnh những nguyên nhân khách quan mà Trung ương đã nhiều lần chỉ rõ, chúng ta cần thấy đầy đủ những

thiếu sót chủ quan, trước hết là trong tổ chức và quản lý kinh tế. Ở lĩnh vực này, vẫn còn khá nhiều hiện tượng bảo thủ và trì trệ cũng như phân tán, cục bộ, trước hết là chưa quán triệt và cụ thể hoá đường lối của Đảng một cách đúng đắn phù hợp với tình hình của đất nước để tạo nên một cơ chế quản lý mới hợp lý hơn.

Dưới chủ nghĩa xã hội, quản lý kinh tế là phương tiện để vận dụng những quy luật khách quan đã được nhận thức nhằm đạt tới việc không ngừng nâng cao hiệu quả của từng đơn vị sản xuất - kinh doanh cũng như của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, để đạt cho được những mục tiêu kinh tế - xã hội do Đảng lãnh đạo đề ra. Thực tiễn quản lý và những sai lầm, khuyết điểm thường đối phổ biến cho thấy sự cấp bách của việc đổi mới cơ chế quản lý, đổi mới cả về hình thức và nội dung. Chúng ta không thể không xem xét một cách có hệ thống từ cơ cấu kinh tế, tổ chức sản xuất đến cơ chế kế hoạch hoá, hệ thống các chính sách kinh tế và bộ máy quản lý, để trên cơ sở đó, xác định một cơ chế quản lý thích hợp. Đây là việc không dễ dàng, nhưng nhất thiết phải làm và làm đúng, tập trung sức giải quyết cho được một số khâu then chốt. Điều kiện thuận lợi to lớn là chúng ta đã có kinh nghiệm phong phú xây dựng chủ nghĩa xã hội nói chung và quản lý kinh tế nói riêng của các nước anh em. Chúng ta cần phải tham khảo và vận dụng đúng những kinh nghiệm ấy. Song các nước anh em và nước ta đang ở hai thời kỳ khác nhau của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, và ngay cả buổi đầu của các nước anh em cũng không giống tình hình nước ta hiện nay. Vì vậy, không phải bất kỳ hình thức và phương pháp quản lý nào đã từng được áp dụng thành công ở các nước anh em cũng có thể đưa đến kết quả tốt đẹp ở nước ta. Chúng ta phải có tinh thần sáng tạo trong việc học tập kinh nghiệm của các nước, không thể sao chép máy móc những gì các nước khác đã làm và đang làm.

Để xác định và hoàn thiện một cơ chế quản lý đúng đắn, chúng ta phải tổng kết những kinh nghiệm của chính mình.

Đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, là việc chưa từng có trong lịch sử nhưng lại là một tất yếu trong thời đại mới, biết bao nhiêu vấn đề được đặt ra phải giải quyết. Quá trình phát triển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa đang đặt ra hàng loạt vấn đề về lý luận và thực tiễn cần được giải quyết, bao gồm những vấn đề xác định đường lối cách mạng và đường lối phát triển kinh tế, những động lực của sự phát triển, quản lý nhà nước, tổ chức thực tiễn, phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân. Chúng ta không thể quản lý thành công một nền kinh tế đang ở thời kỳ quá độ nếu chỉ mô phỏng kinh nghiệm quốc tế, hoặc moi tim trong sách vở những lời chỉ dẫn của các nhà kinh điển, mà không tự mình vươn lên nắm lấy vũ khí sắc bén nhất của thời đại - phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Đảng phải trang bị cho cán bộ, đảng viên những hiểu biết sâu sắc về lý luận và thực tiễn, tạo ra trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý một tư duy kinh tế đúng đắn, tức là năm vững và vận dụng đúng các quy luật kinh tế, và quan trọng hơn là các quy luật chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Nhân hội nghị này của Trung ương, trước khi đi vào giải quyết những vấn đề cụ thể của cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý, tôi muốn trình bày với các đồng chí Trung ương những vấn đề có tính chất quy luật chung ấy - những vấn đề đã được nêu lên rất cô đọng, rất súc tích trong đường lối chung và đường lối xây dựng kinh tế nhưng chưa được mọi người chúng ta nhận thức đầy đủ và vận dụng đúng đắn. Nếu không nhận rõ những quy luật chung, không quán triệt những tư tưởng cơ bản của đường lối, thì sẽ không thể có những quyết định đúng về quản lý kinh tế.

I- NHÂN DÂN LAO ĐỘNG LÀM CHỦ TẬP THẾ TIẾN HÀNH ĐỒNG THỜI BA CUỘC CÁCH MẠNG

Đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa do Đảng ta đề ra phản ánh quy luật của nước ta từ một nền kinh tế còn phô biến là sản xuất nhỏ tiến lên chủ nghĩa xã hội, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Đường lối ấy chỉ rõ nhân dân lao động làm chủ tập thể là bản chất của chế độ mới, xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động là mục tiêu bao trùm của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Nhân dân lao động làm chủ tập thể là một điều hoàn toàn mới ở nước ta cũng như ở các nước xã hội chủ nghĩa. Chính vì vậy, cho nên người ta không dễ dàng nhận thức tầm vóc lịch sử của nó. Đối với người Việt Nam chúng ta, bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước đã hun đúc cho dân tộc ta những truyền thống bền vững và quý báu: ý chí làm chủ đất nước và tinh thần cộng đồng. Nhờ những truyền thống ấy, dân tộc ta đã đứng vững mà không bị đồng hóa qua một nghìn năm thống trị của chủ nghĩa phong kiến phương Bắc; ông cha ta đã đánh thắng các cuộc chiến tranh xâm lược của hết triều đại này đến triều đại khác của các thế lực bành trướng ... Ngày nay, dưới sự chỉ đạo của chủ nghĩa Mác - Lênin, truyền thống ấy bắt gặp xu thế của thời đại, tạo thành động lực to lớn của chế độ mới, đánh thắng hai đế quốc hùng mạnh bậc nhất là Pháp và Mỹ.

Xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động là kết hợp truyền thống dân tộc với sức mạnh của thời đại.

Với tính cách là bản chất của chế độ mới và mục tiêu của cách mạng xã hội chủ nghĩa, làm chủ tập thể là kết quả tổng hợp của ba cuộc cách mạng. Nó được xây dựng trong mối quan hệ qua lại chặt chẽ với nền kinh tế mới, nền văn hoá mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

Cách mạng về quan hệ sản xuất tạo ra cơ sở kinh tế cho nhân dân lao động làm chủ tập thể: làm chủ lao động, làm chủ tư liệu sản xuất, làm chủ sản xuất, làm chủ phân phối lưu thông. Coi nhẹ cách mạng quan hệ sản xuất bất cứ ở khâu nào cũng là làm suy yếu cơ sở kinh tế của chế độ làm

chủ tập thể. Ngập ngừng trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, không coi trọng kế hoạch hoá hoặc không kế hoạch hoá đúng đắn, không phát huy quyền làm chủ sản xuất và phân phối lưu thông, không thực hiện đúng nguyên tắc phân phối theo lao động, v.v. là buông lỏng cho các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa phát triển, làm xói mòn kinh tế xã hội chủ nghĩa, khiến cho hoạt động kinh tế đi chệch phương hướng cơ bản của chủ nghĩa xã hội.

Cách mạng khoa học - kỹ thuật tạo ra cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Cuộc cách mạng này đem lại cho nhân dân lao động khả năng làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội ngày càng cao, dựng lên cái "cốt vật chất" của chế độ mới, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa nước nhà, bảo đảm cho chế độ làm chủ tập thể hoàn toàn và vĩnh viễn chiến thắng chế độ làm chủ cá thể.

Chúng ta tiến hành cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật dưới chế độ làm chủ tập thể của quần chúng lao động, có thể khai thác tốt nhất những khả năng phong phú của trí tuệ và kinh nghiệm.

Đại hội lần thứ IV của Đảng chỉ rõ phải biết kết hợp các trình độ kỹ thuật khác nhau, vừa tranh thủ kỹ thuật hiện đại vừa tận dụng tiềm năng còn có thể khai thác của kỹ thuật thủ công. Nếu chúng ta cứ bâng迷信 với lối làm ăn cũ, thiếu say sưa đi vào khoa học - kỹ thuật, thiếu quyết tâm tiến hành công nghiệp hoá, chậm đưa cách mạng khoa học - kỹ thuật vào những khâu cần thiết, thì sản xuất giảm chân tại chỗ, đời sống của người lao động khó khăn. Những nơi nào, lúc nào chúng ta không ra sức cải tiến và nâng cao các nghề thủ công và tiểu công nghiệp truyền thống, mà lại định vội vàng xoá bỏ chúng, thì lập tức chúng ta phải trả giá: lao động dư thừa không có việc làm, hàng hoá thiếu thốn, nhu

cầu bình thường của nhân dân không được đáp ứng.

Cách mạng quan hệ sản xuất kết hợp với cách mạng khoa học - kỹ thuật hình thành cơ cấu công nghiệp - nông nghiệp, cơ sở kinh tế của chế độ làm chủ tập thể.

Cách mạng tư tưởng và văn hoá xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, con người làm chủ tập thể, có năng lực và ý thức làm chủ. Buông lỏng mặt trận tư tưởng và văn hoá là phó mặc con người cho sự tiến công của các hệ tư tưởng và văn hoá tư sản, thực dân, phong kiến, tạo điều kiện cho những tư tưởng, lối sống, tâm lý, thói quen của người sản xuất nhỏ gAMAGE nhấm thành quả của chủ nghĩa xã hội và những tàn dư văn hoá cũ, những tập tục lạc hậu phục hồi trở lại, làm hư hỏng con người, kích thích chủ nghĩa ích kỷ cá nhân.

Chế độ làm chủ tập thể là một tổng thể các quan hệ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội. Nó phải được xây dựng một cách đồng bộ trong tất cả những quan hệ ấy. Vì vậy, phải tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng trong sự tác động qua lại lẫn nhau của chúng.

Chế độ làm chủ tập thể không chỉ là mục đích cuối cùng của cách mạng xã hội chủ nghĩa, mà còn là *mục tiêu hành động cách mạng hàng ngày*. Các quan hệ xã hội mới, xã hội chủ nghĩa hình thành, phát triển và chín muồi qua từng bước phát triển của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chúng ta phải kịp thời từng bước thể chế hoá những quan hệ ấy bằng những tổ chức, thiết chế, chế độ, pháp luật, quy tắc, v.v. thích hợp, nhằm bảo đảm cho nhân dân lao động luôn luôn thật sự làm chủ cuộc sống của mình. Tuỳ theo sự phát triển của ba cuộc cách mạng, chế độ làm chủ tập thể được xây dựng từng bước từ thấp đến cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện.

Được xây dựng đúng đắn, chế độ làm chủ tập thể trở thành *động lực* của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nó có sức mạnh to lớn thúc đẩy lịch sử tiến lên mà các chế độ xã hội trước đây chưa có.

Chế độ làm chủ tập thể tạo điều kiện cho nhân dân lao động làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân. Làm chủ là nắm quy luật và hành động theo đúng quy luật. Khi con người nắm được quy luật vận động của xã hội, quy luật thiên nhiên, quy luật tự duy và vận dụng những quy luật ấy vào hoạt động, tổ chức và quản lý xã hội, thì sẽ thúc đẩy tiến trình của lịch sử với những nhịp độ chưa từng thấy. Năm vững quy luật này, chúng ta hoàn toàn làm chủ được quá trình phát triển của nước ta.

Chế độ làm chủ tập thể bảo đảm cho nhân dân lao động làm chủ về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội. Chế độ mới tạo ra sức mạnh tổng hợp của ba nhân tố: sức mạnh hành động tự giác của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng, sức mạnh của tổ chức do một chính quyền tập trung cao độ tạo ra và sức mạnh những phong trào cách mạng sâu rộng của hàng chục triệu người. Chế độ làm chủ về kinh tế bảo đảm sự thống nhất giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất, làm cho lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất quyện với nhau làm một. Nó cho phép tổ chức lại ngay lập tức mấy chục triệu lao động và kết hợp sức lao động ấy với đất đai và ngành nghề theo một quy hoạch và kế hoạch hợp lý, trong phạm vi cả nước, và kết hợp với cách mạng khoa học - kỹ thuật tạo ra những lực lượng sản xuất to lớn nhằm chiến thắng nghèo nàn và lạc hậu. Làm chủ về văn hoá tạo điều kiện cho nhân dân lao động phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, nắm được những thành tựu cao của trí tuệ loài người, biến những cái đó thành sức mạnh vật chất. Như vậy, chế độ làm chủ tập thể đem lại cho nhân dân lao động ba công cụ mạnh nhất: quyền lực chính trị, sức mạnh kinh tế, sức mạnh khoa học, kỹ thuật.

Chế độ làm chủ tập thể kết hợp sức mạnh của cộng đồng với sức mạnh của cá nhân. Xã hội, gia đình và cá nhân vốn thống nhất. Chế độ xã hội có giai cấp đối lập xã hội với cá nhân và gia đình. Chế độ làm chủ tập thể làm cho cá nhân, gia đình và xã hội thống nhất lại trong một tồn tại hợp lý nhất. Nó giải phóng xã hội để giải phóng cá nhân. Nó chăm lo sự phồn vinh của xã hội vì hạnh phúc từng gia đình, từng cá nhân. Nó ràng buộc cá nhân vào trong kỷ cương của cộng đồng để đem lại cho cá nhân tự do đầy đủ. Nó kết hợp sự làm chủ của cộng đồng với sự làm chủ của cá nhân. Làm chủ của cộng đồng đem lại sức mạnh tập trung của cả nước, của từng địa phương và từng tập thể. Không có sự làm chủ ấy thì sau hơn 30 năm chiến tranh, với một nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ lại bị thiêu tai phá hoại và trong điều kiện phải thường xuyên đối phó với chiến tranh phá hoại nhiều mặt..., chúng ta sẽ không có đời sống tương đối ổn định như ngày nay. Làm chủ của cá nhân phát huy sức mạnh thể lực, trí tuệ, tài năng của những con người được giải phóng.

Chế độ làm chủ tập thể kết hợp sức mạnh của ba cấp làm chủ: trung ương, địa phương và cơ sở, tạo thành sức mạnh tổng hợp của cả nước. Làm chủ trong cả nước là điều kiện cơ bản để làm chủ ở địa phương và cơ sở. Sức mạnh của cả nước lại bắt nguồn từ các cơ sở và các địa phương. Cả nước làm chủ để tạo điều kiện phát huy quyền làm chủ của từng cơ sở và từng địa phương.

Thực tiễn cách mạng từ sau Đại hội V đến nay đem lại cho chúng ta nhiều bài học phong phú về việc xây dựng chế độ

làm chủ tập thể với tính cách vừa là mục tiêu vừa là động lực của cách mạng.

Việc thực hiện nhiều chủ trương đúng đắn trong quản lý kinh tế, với những mức độ khác nhau, đã làm nổi bật nguồn gốc sức mạnh động lực của chế độ làm chủ tập thể.

Những chủ trương ấy đều khẳng định một chân lý: nhân dân lao động giành quyền làm chủ *không phải vì một mục đích nào khác mà vì lợi ích của chính mình*. Các Mác đã diễn đạt chân lý ấy một cách sâu sắc: "Lý tưởng tách rời lợi ích là sẽ tự bối nhợ mình". Chế độ làm chủ tập thể là chế độ duy nhất thực hiện được lợi ích bền vững của nhân dân lao động theo yêu cầu của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội: thoả mãn nhu cầu vật chất và văn hoá ngày càng tăng của toàn xã hội cũng như của mỗi thành viên bằng cách không ngừng phát triển sản xuất trên cơ sở làm chủ tập thể và một nền khoa học - kỹ thuật ngày càng cao.

Trong lĩnh vực kinh tế, chế độ làm chủ tập thể hình thành *một cơ cấu lợi ích hợp lý. Đó là sự thống nhất lợi ích của xã hội, lợi ích của tập thể và lợi ích của cá nhân người lao động*, trong đó lợi ích của xã hội là tối cao và lâu dài, lợi ích của tập thể là rất quan trọng, lợi ích của cá nhân người lao động là trực tiếp. Cả ba lợi ích kết hợp lại là động lực thúc đẩy người lao động sản xuất và công tác mỗi ngày một tốt hơn. Vì vậy, trong quản lý kinh tế, phải thường xuyên kết hợp hài hòa ba lợi ích. Cần phải khắc phục khuynh hướng tập trung quan liêu, nhấn mạnh một chiều lợi ích của toàn xã hội, coi nhẹ lợi ích của cá nhân, cũng như khuynh hướng cục bộ, bản vị, phường hội, cá nhân chủ nghĩa, chỉ lo vun vén lợi ích địa phương, lợi ích tập thể, lợi ích cá nhân, làm thiệt hại đến lợi ích cả nước.

Chế độ làm chủ tập thể cũng đòi hỏi và cho phép kết hợp hài hòa lợi ích của cả nước với lợi ích từng địa phương, từng cơ sở, trong đó lợi ích của cả nước là tối cao, lợi ích của địa phương là quan trọng, lợi ích của cơ sở là trực tiếp. Sự thống nhất lợi ích của ba cấp làm chủ rõ ràng cũng là vì lợi ích của

nhân dân lao động. Sự thống nhất ấy loại trừ tệ tập trung quan liêu cũng như bệnh địa phương, cục bộ, bản vị trong việc đáp ứng lợi ích của mỗi cấp. Bảo đảm lợi ích của cả nước phải vì lợi ích của địa phương và của cơ sở. Chăm lo đúng đắn lợi ích của địa phương và của cơ sở cũng phải vì lợi ích của cả nước.

Chế độ làm chủ tập thể không chỉ bảo đảm lợi ích của nhân dân lao động mà còn *kết hợp chặt chẽ lợi ích với quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm.* Ở đâu có lợi ích thì ở đó phải có quyền hạn để bảo đảm lợi ích được thực hiện. Nhưng lợi ích và quyền hạn phải đi đôi với nghĩa vụ và trách nhiệm, cao nhất là nghĩa vụ và trách nhiệm đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Có lợi ích mà không có quyền hạn thì không có cách nào để thực hiện được lợi ích. Có lợi ích và có quyền mà không có nghĩa vụ và trách nhiệm thì sinh ra đặc quyền, đặc lợi. Trong mọi trường hợp, mối quan hệ giữa lợi ích, quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm đều phải được thể chế hóa thành chính sách, pháp luật, chế độ, quy tắc.

Để bảo đảm lợi ích của nhân dân, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, không có cách nào khác là làm chủ tập thể.

Chế độ làm chủ tập thể là một động lực tổng hợp kết hợp động lực của cách mạng và động lực của khoa học, động lực vật chất và động lực tinh thần, động lực kinh tế, động lực chính trị và động lực văn hoá, động lực tổ chức và động lực tư tưởng, động lực của sức mạnh làm chủ của công đồng kết hợp với sức mạnh làm chủ của cá nhân, của sức mạnh làm chủ ở ba cấp cơ bản, của sức mạnh dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại. *Nguồn gốc sâu xa của động lực ấy nằm trong sự thống nhất các lợi ích của chủ nghĩa xã hội.*

Công tác quản lý kinh tế phải nắm vững quan điểm làm chủ tập thể, coi đó là nguyên tắc quan trọng nhất trong quản lý kinh tế, tạo ra cho được sự *kết hợp hài hòa các lợi ích,* trên cơ sở đó, phát huy sức mạnh động lực của chế độ làm chủ tập thể trên tất cả các mặt, đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, đưa

nền kinh tế phát triển mạnh mẽ và vững chắc theo những quy luật của chủ nghĩa xã hội.

II- XÂY DỰNG CƠ CẤU KINH TẾ CÔNG - NÔNG NGHIỆP

Chế độ làm chủ tập thể có cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp, làm cơ sở vật chất, thể hiện và bảo đảm về mặt kinh tế bản chất, mục đích và động lực của nó.

Trong quá trình phát triển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, công nghiệp và nông nghiệp gắn với nhau thành một cơ cấu ngay từ đầu, các cơ sở của kinh tế trung ương cũng như kinh tế địa phương cùng phát triển trong sự chuyên môn hoá, hợp tác và liên hiệp sản xuất chặt chẽ, lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất quyện vào nhau trong một thể thống nhất, kinh tế kết hợp với quốc phòng, phân công lao động trong nước di liền với mở rộng hợp tác quốc tế. Quan hệ cơ cấu giữa công nghiệp và nông nghiệp vốn là một thực tế khách quan từ xa xưa, khi loài người ra khỏi thời kỳ hái lượm, bắt đầu trồng trọt và chăn nuôi để có ăn, có mặc. Con người làm đất bằng công cụ thô sơ nhất đã gắn liền trong một động tác sản xuất nông nghiệp và công nghiệp.

Trong tiến trình lịch sử, công nghiệp luôn luôn có tác dụng quyết định; những biến đổi về chất lượng của công nghiệp đánh dấu những bước phát triển của loài người, từ đồ đá đến đồ đồng, đồ sắt, từ các công cụ thô sơ đến máy móc đại công nghiệp. Gắn liền với công nghiệp và được sự thúc đẩy của công nghiệp để phát triển, nông nghiệp luôn luôn có vai trò trọng yếu trong việc bảo đảm các nhu cầu ăn, mặc, ở ngày càng cao của con người, cung cấp lao động, nguyên liệu và thị trường cho công nghiệp.

Các chế độ nô lệ, phong kiến và nhất là chế độ tư bản chủ nghĩa đã khiến cho cảnh kéo giãn giữa công nghiệp và nông nghiệp mở rộng, thành thị và nông thôn tách rời và đối lập

với nhau. Quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp là tồn tại khách quan, không xoá bỏ được, song quan hệ ấy diễn ra tự phát qua thị trường, với nhiều sự mâu thuẫn, bất hợp lý, và bị chế độ người bóc lột người bóp méo. Trước khi có chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, con người chưa làm chủ được quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp.

Quá trình phát triển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa là quá trình giai cấp tư sản trên đường hình thành đã tước đoạt tư liệu sản xuất của những người lao động, bóc lột nhân dân trong nước và ngoài nước, tích luỹ tiền tệ đến mức biến nó thành tư bản, đồng thời vào khoảng thời gian đó đã diễn ra cuộc cách mạng công nghiệp, dẫn đến nền đại công nghiệp cơ khí.

Từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, chúng ta chủ động gắn ngay từ đầu công nghiệp với nông nghiệp thành cơ cấu, theo đúng quy luật đã được thể hiện thành đường lối của Đảng, là ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Sự gắn bó công nghiệp và nông nghiệp thành cơ cấu chứng tỏ khả năng của công nhân và nông dân lao động nước ta cùng nhau làm chủ tập thể để xây dựng chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Công nghiệp nặng nhất thiết phải được ưu tiên phát triển, chỉ có như vậy mới hoàn thành được nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ là công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, tạo ra cái mà chúng ta thiếu nhất và cần nhất để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, là nền đại công nghiệp cơ khí đủ sức trang bị kỹ thuật hiện đại cho toàn bộ nền kinh tế, có tác dụng thúc đẩy việc xác lập và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, bồi dưỡng những con người mới phù hợp với nền sản xuất lớn hiện đại. Song, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng phải được thực hiện một

cách hợp lý, từng chặng đường tập trung vào những ngành công nghiệp nặng nào, làm công nghiệp nặng với quy mô và mức độ đến đâu, là phải dựa trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, và trong chặng đường đầu tiên, trước hết phải nhằm thúc đẩy nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, từ đó mà công nghiệp nặng có nguồn vốn, có lao động, có lương thực, thực phẩm cho công nhân, có thiết bị, nguyên liệu cho nhà máy, có thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Trong chặng đường đầu tiên hiện nay, nông nghiệp và công nghiệp nhẹ có khả năng lớn nhất về thu hút để tận dụng lao động xã hội và sử dụng đất đai cùng nhiều tài nguyên của đất nước, làm ra những sản phẩm trực tiếp thỏa mãn nhu cầu đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân. Song, mỗi bước tiến của nông nghiệp và công nghiệp nhẹ đều diễn ra dưới tác động của công nghiệp nặng, và đều nhằm tăng cường thêm cơ sở cho sự phát triển công nghiệp nặng.

Trong quan hệ giữa công nghiệp nặng với nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, vai trò ưu tiên hợp lý của công nghiệp nặng cũng như vai trò cơ sở của nông nghiệp và công nghiệp nhẹ làm điều kiện cho nhau, và sự gắn bó thành cơ cấu như vậy là quy luật tiến lên của nền kinh tế.

Trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, chúng ta phải phát huy động lực làm chủ tập thể để sử dụng hợp lý vốn quý nhất và tiềm năng kinh tế lớn nhất là lao động và đất đai, sắp xếp cho mọi người lao động đều có việc làm, mọi đất đai đều được khai thác. Chế độ làm chủ tập thể cho phép đưa ngay nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, tiến hành sản xuất và phân phối sản phẩm nông nghiệp theo kế hoạch của cả nước, tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật và ứng dụng nhiều thành quả khoa học, kỹ thuật tiên tiến trong nông nghiệp, hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và người nông dân mới. Phân bố lại lao động trong từng địa phương và trong cả nước để thâm canh, tăng vụ đi đôi với mở rộng diện tích, khai thác

cả đồng bằng, trung du, miền núi, miền biển, gắn liền chuyên môn hoá với kinh doanh tổng hợp trong nông nghiệp, phát triển mạnh cả trồng trọt và chăn nuôi, kết hợp chặt chẽ nông, lâm, ngư nghiệp, chúng ta phấn đấu trong chặng đường đầu tiên này sử dụng hết 10 triệu hécta đất nông nghiệp và 15 triệu hécta đất rừng, gieo trồng bình quân hai vụ trên đất trồng cây hàng năm, bố trí khoa học cơ cấu cây trồng và vật nuôi, để mỗi hécta đất mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất. Những kết quả thực tế mấy năm nay theo phương hướng trên đây cho chúng ta thấy rõ khả năng đưa nông nghiệp vươn lên làm tròn cả ba nhiệm vụ: bảo đảm ăn, mặc, ở cho nhân dân, đặc biệt là đủ lương thực và có dự trữ, cung ứng nguyên liệu nông sản cho công nghiệp hàng tiêu dùng, và tạo ra nguồn xuất khẩu quan trọng, gồm những mặt hàng nhiệt đới có giá trị cao của hàng triệu hécta cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày, hàng chục triệu hécta rừng, hàng ngàn cây số bờ biển và mặt biển.

Một nền nông nghiệp tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa như vậy hoàn toàn không thể do tự thân nông dân và nông nghiệp một cách đơn độc, mà nhất thiết phải là sản phẩm của cả công nhân và nông dân, của cả công nghiệp và nông nghiệp, gắn bó với nhau trong một cơ cấu hợp lý.

Phát triển nông nghiệp phải kết hợp chặt chẽ với phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng, bao gồm công nghiệp thực phẩm và các ngành công nghiệp nhẹ. Công nghiệp hàng tiêu dùng có vai trò rất quan trọng, sử dụng được nhiều lao động xã hội, qua chế biến làm tăng thêm gấp nhiều lần giá trị nông sản, tạo ra những sản phẩm cuối cùng sẵn sàng phục vụ người tiêu thụ, nhờ đó có nguồn hàng trao đổi với nông dân và kích thích sản xuất nông nghiệp, cung ứng nhiều mặt hàng xuất khẩu, giúp thu những khoản lớn cho ngân sách nhà nước, giảm bội chi, tiến tới ổn định tài chính và tiền tệ. May mắn nay, công nghiệp hàng tiêu dùng tăng chậm, những năng lực sản xuất hiện có chỉ dùng được chừng một nửa, chất lượng nhiều loại sản phẩm giảm sút, những thiếu

sót đó đang trực tiếp là trở ngại đối với việc phát triển nông nghiệp, gây thêm khó khăn cho việc Nhà nước nắm hàng và làm chủ thị trường, làm cho xuất - nhập khẩu chậm phát triển, và ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân. Ngay hiện nay, chúng ta hoàn toàn có khả năng và nhất thiết phải sớm giải quyết các vấn đề về cung ứng năng lượng và nguyên liệu, về sắp xếp lại sản xuất và đổi mới cơ chế quản lý để phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng cả chiều rộng và chiều sâu, từ công nghiệp quốc doanh trung ương và địa phương đến các ngành, nghề tiêu công nghiệp và thủ công nghiệp ở nông thôn và thành thị. Tăng được khoảng từ 20 đến 25% sản lượng hàng tiêu dùng, thì thế và lực về kinh tế của Nhà nước có sự thay đổi rõ rệt.

Trong chặng đường đầu tiên của chủ nghĩa xã hội, tập trung sức đẩy mạnh nông nghiệp, tích cực phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng, là tăng cường cơ sở cho việc xây dựng công nghiệp nặng. Mặt khác, để đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và tăng nhanh công nghiệp hàng tiêu dùng, phải luôn luôn nắm vững và phát huy vai trò ưu tiên hợp lý của công nghiệp nặng, sử dụng thật tốt các năng lực công nghiệp nặng sẵn có, xây dựng thêm nhiều cơ sở công nghiệp nặng cần thiết, cung ứng thêm điện, than, xăng dầu, phân bón, thuốc trừ sâu, hoá chất cơ bản, các loại thiết bị, máy móc, công cụ và phụ tùng, các loại vật liệu xây dựng... Phải phát triển thích đáng và nâng cao chất lượng những mặt hàng công nghiệp nặng xuất khẩu, để có thêm ngoại tệ nhập kĩ thuật và vật tư cho nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và bản thân công nghiệp nặng. Ngành giao thông vận tải phải được chấn chỉnh và tăng cường về mọi mặt, bằng cách thực hiện rộng rãi chủ trương Nhà nước và nhân dân cùng làm, để phục vụ nhanh chóng và an toàn cho sản xuất, xây dựng, quốc phòng và đời sống nhân dân. Những năm sắp tới, phải đặc biệt chú trọng đẩy mạnh công nghiệp nặng lượng, giao thông vận tải, là hai bộ phận chủ yếu của kết cấu

hạ tầng bảo đảm cho mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, đồng thời là hai khâu yếu nổi bật của nền kinh tế. Trong khi hướng công nghiệp nặng trước hết nhằm thúc đẩy nông nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng, phải xúc tiến mọi công tác chuẩn bị cần thiết, như làm luận chứng kinh tế - kỹ thuật, tranh thủ sự hợp tác và giúp đỡ của các nước anh em và các nước khác về xây dựng công nghiệp nặng, thiết kế các công trình, bồi dưỡng công nhân và cán bộ. Chúng ta phải luôn luôn chủ động, tận dụng mọi thời cơ và khả năng để bắt tay xây dựng một số công trình công nghiệp nặng then chốt, đặc biệt là cơ khí và luyện thép. Không có thép và cơ khí thì không có công nghiệp nặng, không có chủ nghĩa xã hội. Chúng ta kiên quyết làm cơ khí lớn và cơ khí nặng, đẩy mạnh khai thác dầu và khí, hết sức phấn đấu làm cho dầu khí sớm trở thành một chủ bài kinh tế, mở thêm một số nhà máy nhiệt điện và thuỷ điện tiếp theo Sông Đà, Phả Lại và Trị An, xây dựng cơ sở luyện kim nửa triệu tấn và hàng triệu tấn thép đi đôi với một số cơ sở cỡ mươi vạn tấn, phát triển luyện kim mầu, công nghiệp hoá chất và vật liệu xây dựng. Tóm lại, ngay trong chặng đường đầu tiên, từ kế hoạch 5 năm 1986 - 1990, đã bắt đầu tiến hành từng bước những công việc sẽ trở thành nội dung chủ yếu của chặng đường tiếp theo, là xây dựng hệ thống công nghiệp nặng phát triển, làm nòng cốt cho cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp hiện đại. Trong cơ cấu kinh tế, vai trò nền tảng vô cùng quan trọng thuộc về các đơn vị cơ sở. Không có cơ sở thì không có công nghiệp và nông nghiệp, không có kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, không có sự tồn tại của nền kinh tế. Đơn vị cơ sở là tiền tuyến của mặt trận kinh tế, nơi sản xuất mọi của cải vật chất, nơi tạo ra sản phẩm thặng dư và nguồn vốn tích luỹ, nơi quần chúng lao động hằng ngày trực tiếp tiến hành ba cuộc cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Trong công nghiệp, đơn vị cơ sở là xí nghiệp hoặc xí nghiệp liên hợp. Trong nền nông nghiệp tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, đơn vị cơ bản là huyện, gắn liền

với hợp tác xã. Với chừng 20 vạn dân trên diện tích chừng hai vạn hécta canh tác, huyện có vai trò quan trọng có tính lịch sử, là địa bàn thích hợp để hội tụ lực lượng từ các hợp tác xã, phân công mới lao động, sử dụng tốt đất đai, mở mang các ngành, nghề, gắn liền trồng trọt, chăn nuôi và chế biến nông sản, kết hợp lực lượng của hợp tác xã và của huyện với lực lượng từ tỉnh và trung ương đưa về, tạo ra một sức mạnh tổng hợp, phát triển kinh tế, xây dựng văn hoá, bồi dưỡng con người mới, củng cố quốc phòng, bảo đảm đời sống của nhân dân và tái sản xuất mở rộng. Theo ý nghĩa ấy, chúng ta nói chuyện vừa là cơ sở, vừa là địa phương, vừa là trung ương.

Một nhiệm vụ cơ bản của quản lý kinh tế là ra sức củng cố xây dựng tốt chừng 400 xí nghiệp lớn và tổ chức liên hiệp sản xuất trong công nghiệp, cùng với chừng 400 huyện nông - công nghiệp. Bằng cách đó, tăng nhanh sản phẩm xã hội, làm chủ tận gốc hàng và tiền, tạo ra cái cốt vững chắc cho nền kinh tế. Muốn vậy, phải tổ chức lại sản xuất thật hợp lý trong từng xí nghiệp và từng huyện, đưa khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh của từng cơ sở để đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao. Mở rộng quyền làm chủ cho cơ sở, tăng cường tính năng động, linh hoạt của cơ sở, tập trung sức của các ngành, các cấp để chỉ đạo và phục vụ cơ sở, sớm xoá bỏ những cơ sở yếu kém, sớm chuyển những cơ sở trung bình thành tiên tiến, sớm tổng kết và phổ biến kinh nghiệm của các cơ sở xuất sắc, đó là phương hướng lớn của việc đổi mới quản lý kinh tế.

Chế độ làm chủ tập thể ở ba cấp cơ bản đương nhiên dẫn đến cơ cấu kinh tế liên kết hợp lý các đơn vị cơ sở thành kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, vừa xây dựng kinh tế trung ương, vừa phát triển kinh tế địa phương, làm cho nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa nảy sinh từ toàn thân nền kinh tế, từ gốc đến ngọn.

Kinh tế trung ương bao gồm những cơ sở quan trọng nhất của cả nước, là những đơn vị đầu đàn của công nghiệp nặng, công nghiệp hàng tiêu dùng và nông nghiệp, kỹ thuật tiên tiến, quy mô lớn, giúp cho các ngành kinh tế - kỹ thuật sớm hình thành và trở nên trụ cột của nền sản xuất lớn, đi vào chuyên và tinh, vận dụng khoa học - kỹ thuật hiện đại. Tích cực củng cố những ngành kinh tế - kỹ thuật đã có và ra sức xây dựng một cách vững chắc những ngành kinh tế - kỹ thuật mới trong phạm vi cả nước, coi trọng trước hết những ngành trọng yếu, đặc biệt chú ý liên kết các ngành gần nhau và bổ sung cho nhau, nhất là liên kết công - nông nghiệp, đó là một nhiệm vụ có tính chiến lược, xét trước mắt cũng như lâu dài, đòi hỏi sự cộng tác và phối hợp chặt chẽ của các bộ cùng các cấp chính quyền tỉnh, thành và quận, huyện.

Kinh tế địa phương bao gồm các cơ sở quy mô vừa và nhỏ, các cơ sở chế biến nông sản, lâm sản, hải sản do địa phương sản xuất, các cơ sở công nghiệp nhẹ và vật liệu xây dựng có ý nghĩa địa phương, một số cơ sở làm công cụ và tư liệu sản xuất sử dụng ở địa phương. Kinh tế địa phương tận dụng mọi tài nguyên và thế mạnh tại chỗ, đạt hiệu quả khu vực cao nhất, sản xuất nhiều mặt hàng đa dạng, phụ trách phân phối và bảo đảm đời sống cho toàn bộ dân cư ở địa phương, tạo ra những màu sắc phong phú ở từng vùng cho nền kinh tế và cho xã hội, kết hợp kinh tế với quốc phòng, đảm bảo hậu cần tại chỗ, đóng góp ngày càng lớn cho sự nghiệp công nghiệp hóa nước nhà.

Bằng sự phân định hợp lý cơ cấu và sự phát triển đồng thời kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, lồng được vào nhau cả ba giai đoạn hợp tác giản đơn, công trường thủ công và đại công nghiệp cơ khí, vận dụng đúng đắn các kỹ thuật thô sơ và hiện đại, các quy mô lớn, vừa và nhỏ, kết hợp tốt chuyên môn hoá, hợp tác và liên hiệp sản xuất, tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa một cách hợp

lý nhất, chủ động nhất.

Quy luật về cơ cấu kinh tế đã được thể hiện thành đường lối trong các nghị quyết Đại hội lần thứ IV, lần thứ V của Đảng và trong nhiều nghị quyết Trung ương. Sự chậm trễ và những hiện tượng lệch lạc trong việc xây dựng cơ cấu kinh tế ấy đã gây tổn thất, làm lãng phí những năm tháng quý báu lẽ ra phải được tranh thủ khẩn trương, ràng buộc những năng lực to lớn lẽ ra phải được phát huy mạnh mẽ, gây thêm sự trì trệ trong sản xuất, sự rối ren trong phân phối, lưu thông và những hiện tượng tiêu cực trong đời sống kinh tế, xã hội.

Cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý gắn bó với nhau thành một tồn tại trong cơ cấu kinh tế quyết định cơ chế quản lý, và cơ chế quản lý phục vụ cơ cấu kinh tế, thúc đẩy sự hình thành cơ cấu kinh tế mới. Phải tích cực sắp xếp và tổ chức lại nền sản xuất xã hội, bắt đầu từ các cơ sở, bố trí cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý, nhằm vào đó và dựa trên nền tảng đó mà đổi mới cơ chế quản lý, như vậy kế hoạch nhà nước và các chính sách đòn bẩy mới phát huy được tác dụng mong muốn. Mặt khác, cần chủ động xác định cơ chế quản lý thích hợp, để vận dụng cơ chế ấy mà xây dựng cơ cấu kinh tế mới, theo đúng đường lối của Đảng. Những khâu quan trọng, những mặt yếu kém trong cơ cấu kinh tế phải là những trọng điểm về đổi mới cơ chế quản lý. Theo tinh thần đó, đổi mới quản lý kinh tế hiện nay là làm cho mọi cơ sở đều có quyền chủ động sản xuất, kinh doanh, làm cho cấp huyện có đủ quyền làm chủ để xây dựng thành công huyện nông - công nghiệp, làm cho kinh tế địa phương phát triển mạnh, các ngành kinh tế - kỹ thuật, trước mắt là các ngành then chốt như cơ khí, năng lượng, giao thông vận tải, luyện kim, hoá chất được xây dựng tích cực, các cơ sở cũng như các ngành, các địa phương đều đi nhanh vào khoa học, kỹ thuật, làm ra nhiều sản phẩm có chất lượng tốt, bảo đảm được đời sống nhân dân và có tích luỹ để công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Kế hoạch hoá phải thực sự đổi mới, hàng loạt chính sách đòn bẩy phải được kịp thời xác định và cải tiến, để xử lý tốt các mối quan hệ về sản xuất và phân phối, về thu nhập và đời sống, theo phương hướng hình thành cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp hợp lý, từ chỗ tháo gỡ những vướng mắc, khắc phục những khó khăn trước mắt, tiến lên tạo thế cân đối mới và nhịp độ phát triển cao cho nền kinh tế quốc dân.

III- KẾ HOẠCH GẮN LIỀN VỚI HẠCH TOÁN KINH TẾ VÀ KINH DOANH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Nền kinh tế thiết lập trên cơ sở công hữu tư liệu sản xuất cũng như toàn bộ chế độ xã hội chủ nghĩa ra đời một cách có kế hoạch. Vừa kế hoạch hoá sự phát triển của từng đơn vị kinh tế cơ sở, của từng địa phương và từng ngành, vừa kế hoạch hoá toàn bộ nền kinh tế quốc dân, tổ chức hợp lý mọi lực lượng lao động để sử dụng có hiệu quả mọi đối tượng lao động và tư liệu lao động, đứng trên tầm nhìn và quy mô toàn xã hội mà huy động tất cả sức mạnh vật chất và tinh thần của chế độ, tập trung hoàn thành những nhiệm vụ và đạt những mục tiêu của cả nước, đó là một đặc điểm bản chất và một ưu thế tuyệt đối của chủ nghĩa xã hội, mà chủ nghĩa tư bản không thể có được. Chế độ làm chủ tập thể tư liệu sản xuất cho phép và đòi hỏi phát huy ngay từ đầu bản chất và ưu thế ấy, kế hoạch hoá sự phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng với trình độ tự giác và chủ động ngày càng cao cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp, cũng như toàn bộ xã hội xã hội chủ nghĩa. Kế hoạch hoá như vậy bảo đảm việc xây dựng toàn diện chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hoá mới, con người mới trong một thời gian lịch sử tương đối ngắn, khiến cho xã hội tránh được những cơn khủng hoảng là căn bệnh đang ngày càng trầm trọng của hệ thống tư bản chủ nghĩa quốc tế.

Ở nước ta, trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, mặc dù nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chưa rộng khắp trong cả nước, chúng ta vẫn dựa trên quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động đã được xác lập, phát huy vai trò của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, luôn luôn nắm vững kế hoạch, coi đó là trung tâm của hệ thống quản lý kinh tế, sử dụng kế hoạch để thúc đẩy sản xuất phát triển, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của toàn xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, và tiến hành công nghiệp hoá nước nhà.

Thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội cho thấy kế hoạch hoá là một trong những vấn đề cơ bản và cấp bách, nhưng lại khó khăn và phức tạp của công cuộc vận dụng các quy luật kinh tế, phát huy những động lực nhiều mặt của chế độ mới, tạo ra nhân tố quyết định thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, tức là một năng suất lao động cao hơn chủ nghĩa tư bản.

Kế hoạch là cương lĩnh kinh tế, xã hội của Đảng. Kế hoạch nhà nước bố trí cơ cấu, những cân đối, những tỷ lệ, những chỉ tiêu kinh tế thể hiện sự lựa chọn chiến lược của nền kinh tế quốc dân. Theo tinh thần ấy, kế hoạch hoá là nắm tất cả của cải, lao động, đất đai và các tài nguyên khác, sử dụng tốt mọi cơ sở vật chất kỹ thuật và năng lực sản xuất, làm ra nhiều của cải cho xã hội. Từ những công trình xây dựng lớn huy động hàng chục vạn người và hàng tỷ đồng vốn, những xí nghiệp quốc doanh hàng mấy ngàn công nhân, cho đến hoạt động sản xuất của từng người nông dân và thợ thủ công cá thể, đều nằm trong kế hoạch hoặc được thu hút vào quỹ đạo của kế hoạch. Từ việc đáp ứng những nhu cầu to lớn về nhiều mặt của toàn xã hội, việc chuẩn bị lâu dài cho các thế hệ mai sau, đến việc bảo đảm đời sống hằng ngày cho từng gia đình, việc nuôi dạy các cháu nhỏ, việc chăm sóc các cụ già, đều được tính toán trong các cân đối của kế hoạch.

Kế hoạch phải là đòn bẩy mạnh mẽ nhất trong hệ thống đòn bẩy kinh tế, không chỉ là pháp lệnh bắt buộc, mà thực sự chứa đựng ngay trong đó một sức khuyến khích, cổ vũ to lớn

đối với các đơn vị cơ sở, các địa phương, các ngành và đối với mỗi người lao động. Như vậy, kế hoạch vừa tạo ra sức mạnh của pháp luật, của tổ chức, vừa tạo ra sức mạnh của sự khuyến khích bằng lợi ích vật chất và sự động viên tinh thần cách mạng, là công cụ sắc bén để phát huy sức mạnh tổng hợp của chế độ làm chủ tập thể trong phong trào quần chúng xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Kế hoạch phải là bản tổng hợp những phương án kinh tế - khoa học - kỹ thuật được lựa chọn chu đáo, bảo đảm đưa nhanh thành quả khoa học và tiến bộ kỹ thuật vào nền kinh tế quốc dân, tạo điều kiện và bắt buộc mọi cơ sở, mọi người lao động đều làm việc theo những tiêu chuẩn, những định mức kinh tế và khoa học - kỹ thuật tiến bộ.

Kế hoạch phải bao quát nội dung ba cuộc cách mạng, và về kinh tế, phải quán xuyến được các khâu của quá trình tái sản xuất xã hội, gắn liền sản xuất với phân phối, lưu thông và tiêu dùng, gắn liền thị trường trong nước với thị trường thế giới.

Để đạt được những yêu cầu trên đây, điều cơ bản là: phù hợp với ba cấp cơ bản làm chủ tập thể, phải xây dựng cho được ba cấp kế hoạch cơ bản, cả nước (trong đó có các ngành), địa phương và đơn vị cơ sở, mỗi cấp kế hoạch đều do cả ba cấp cùng làm chủ theo nội dung và phương pháp kế hoạch hóa thích hợp. Bao cấp kế hoạch là một tồn tại khách quan, một thực thể chính trị, kinh tế, xã hội thống nhất. Trung tâm của công tác quản lý phải được xác định là hệ thống kế hoạch từ trung ương đến cơ sở, trong đó kế hoạch cơ sở, kế hoạch huyện, kế hoạch địa phương có vai trò rất quan trọng.

Nói ba cấp kế hoạch, không phải là một kế hoạch quyết định từ một trung tâm rồi phân ra từng phần để giao xuống cho từng cấp dưới, hoặc ngược lại, từng cơ sở tùy ý xoay xở, bất chấp kế hoạch của các cấp trên. Ba cấp kế hoạch làm chủ tập thể là mỗi cấp thực sự làm chủ kế hoạch, xây dựng, cân đối, bảo vệ và thực hiện kế hoạch của mình, từng cơ sở và từng địa phương được giao rộng rãi quyền hạn để căn cứ vào

phương hướng, nhiệm vụ và những chỉ tiêu chủ yếu của cả nước, mà khai thác mọi tiềm năng của đơn vị, sản xuất, kinh doanh năng động, đạt hiệu quả cao, bảo đảm phân phối hợp lý, cải thiện đời sống của người lao động, đáp ứng nhu cầu tái sản xuất mở rộng của đơn vị, đóng góp ngày càng nhiều cho sự nghiệp công nghiệp hóa nước nhà.

Trong khi nêu bật sự cần thiết phải mở rộng quyền hạn làm chủ kế hoạch của các đơn vị cơ sở, của cấp huyện, của các địa phương và các ngành, chúng ta cũng nhấn mạnh một cách tương ứng sự cần thiết phải nâng cao trách nhiệm và nghĩa vụ của tất cả các cấp ấy, chẳng những đối với bản thân sự phát triển của đơn vị mình, đối với đời sống của những người lao động trong đơn vị, mà điều rất quan trọng là đối với sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế, đối với đời sống của nhân dân cả nước. Dù cho có quyền chủ động rộng rãi đến đâu, các đơn vị cơ sở vẫn là những tế bào và các địa phương, các ngành vẫn là những bộ phận hợp thành của một cơ thể kinh tế quốc dân thống nhất. Vì cả nước, cùng cả nước, đó là phương châm hành động không chỉ của những thành phố lớn, những ngành kinh tế then chốt, mà của cả tất cả mọi cơ sở, mọi người lao động làm chủ tập thể. Chính vì vậy, trong ba cấp kế hoạch, chúng ta nêu cao vị trí ưu tiên và tác dụng quyết định của kế hoạch cả nước. Được xây dựng từ đơn vị cơ sở nhưng không phải là số cộng đơn thuần của các kế hoạch cơ sở, kế hoạch cả nước phải xác định phương hướng, mục tiêu và những nhiệm vụ chung của toàn bộ nền kinh tế - xã hội, phải chỉ ra chính xác những ngành và những địa bàn trọng điểm để tập trung ưu tiên các lực lượng cả nước, phải thực sự tổng hợp kế hoạch của các cấp, các ngành thành các cân đối lớn, các chỉ tiêu chủ yếu và các biện pháp thực hiện. Làm hết sức mình để góp vào việc hoàn thành kế hoạch cả nước, đó là nghĩa vụ, lương tâm và vinh dự của mỗi đơn vị, mỗi người lao động làm chủ tập thể.

Trong hệ thống các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, kế hoạch hàng năm, hàng quý ở các cấp (cơ sở có thêm

kế hoạch hàng tháng, hàng tuần) giữ vai trò chủ yếu, đó là những công cụ quản lý tác chiến, phải được cơ động điều chỉnh kịp thời theo những biến động của tình hình kinh tế-xã hội. Phát hiện và tận dụng mọi khả năng, bồi dưỡng những nhân tố tích cực khi vừa xuất hiện, khắc phục những khó khăn khi mới nảy sinh, chính là nhờ sự điều chỉnh linh hoạt này. Đồng thời, kế hoạch 5 năm, có chia ra từng năm, giữ vai trò ngày càng quan trọng và thiết thực, và từng bước tiến lên trở thành hình thức kế hoạch hóa chủ yếu. Trước mắt, cần khẩn trương xây dựng kế hoạch 5 năm 1986-1990. Xác định chiến lược kinh tế - xã hội của thời kỳ quá độ và của chặng đường đầu tiên, lập quy hoạch phát triển và phân bố lực lượng sản xuất, xây dựng kế hoạch dài hạn, là những khâu cơ bản của quá trình kế hoạch hóa, cần được xúc tiến một cách nghiêm túc, để cụ thể hóa đường lối của Đảng, vận dụng các quy luật tiến lên chủ nghĩa xã hội, vạch ra triển vọng và hướng dẫn cả quá trình phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tương đối dài.

Công tác kế hoạch hóa ở tất cả các cấp phải là công tác kinh tế gắn liền với cuộc sống sinh động và thực trạng kinh tế - xã hội. Trong công tác kế hoạch hóa, phải sử dụng những hình thức phong phú để thu hút sự tham gia tích cực của đội ngũ cán bộ kinh tế và khoa học - kỹ thuật, của đông đảo nhân dân lao động, làm cho kế hoạch ở mỗi cấp thật sự là một công trình của trí tuệ tập thể.

Hạch toán kinh tế là phương pháp quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa áp dụng đối với các cơ sở và các tổ chức sản xuất, kinh doanh, từng đơn vị năm vững kế hoạch là trung tâm, thực hiện quyền làm chủ, tính toán hiệu quả kinh tế, động viên mọi lực lượng của đơn vị, phát huy mọi nhân tố tăng trưởng, khai thác mọi khả năng qua liên kết trong nước và qua xuất - nhập khẩu, để xây dựng và thực hiện kế hoạch của mình một cách tốt nhất, tự chủ về tài chính, tự trang trải mọi chi phí, có nhiều lợi nhuận, và phân phối lợi nhuận ấy một cách đúng đắn cho cả ba lợi ích, của xã hội, của đơn vị và của từng

người lao động. Không phải là hạch toán kinh tế nếu không có đủ những yếu tố nói trên, như kế hoạch, tự chủ về tài chính, phân phối thỏa đáng cho cả ba lợi ích. Muốn hạch toán kinh tế, phải có định mức, tiêu chuẩn, phải thống kê, phải tính hiệu quả đến nơi đến chốn. Hạch toán kinh tế không phải là hạch toán thương nghiệp.

Kinh doanh xã hội chủ nghĩa đối với các cơ sở, các tổ chức, các ngành sản xuất, kinh doanh chính là thực hiện chế độ hạch toán kinh tế. Kinh doanh xã hội chủ nghĩa còn bao hàm cả cách nghĩ, cách làm mới mẻ của con người làm chủ tập thể, mà đặc trưng là luôn luôn nhạy cảm về hiệu quả kinh tế. Mọi cấp quản lý, mọi người quản lý, từ Hội đồng Bộ trưởng, các đồng chí đứng đầu các ngành và các địa phương, các cán bộ tham mưu, cán bộ tác chiến trên mặt trận kinh tế, cho đến từng người lao động, mỗi người trên chức trách và công việc cụ thể của mình, đều phải thấm nhuần tư tưởng kinh doanh xã hội chủ nghĩa và biết cách kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước là tổng tham mưu về kinh doanh xã hội chủ nghĩa, và kế hoạch nhà nước chính là phương án kinh doanh xã hội chủ nghĩa của cả nước.

Kế hoạch không gắn với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa thì chỉ là sản phẩm chủ quan của những cơ quan quản lý quan liêu, xa cuộc sống; hạch toán kinh tế không lấy kế hoạch làm trung tâm thì mất đi cái bản chất, cái linh hồn của nó, không còn là hạch toán kinh tế mà chỉ là sự xoay xở phuờng hội; kinh doanh thoát ly kế hoạch cũng có nghĩa là thoát ly phuờng hướng xã hội chủ nghĩa và trở thành sự đề cao vai trò chi phối của quy luật giá trị, của thị trường.

Sử dụng những phương pháp, những hình thức kế hoạch hóa cụ thể, xác định những chính sách đòn bẩy kinh tế thỏa đáng để thực hiện việc gắn liền kế hoạch, hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa phù hợp với chặng đường đầu

tiên của thời kỳ quá độ ở nước ta là phương hướng đổi mới cơ chế quản lý và kế hoạch hóa của chúng ta.

Phương hướng ấy nhìn về lâu dài cũng như trước mắt là khắc phục bệnh quan liêu, bao cấp, khắc phục khuynh hướng chạy theo quy luật thị trường tự do, chống tệ bản位, vun vén cho những lợi ích cục bộ hẹp hòi. Phương hướng ấy là mạnh dạn mở rộng quyền hạn, lợi ích và trách nhiệm cho các cấp dưới, trước nhất là cho các đơn vị cơ sở, các xí nghiệp, cho huyện, thực sự để cho cơ sở tự chủ tài chính, thực sự nâng cao quyền chủ động sản xuất, kinh doanh cho các địa phương và các ngành. Là mạnh dạn khuyến khích đích đáng lợi ích vật chất của người lao động, xem nó là một động lực rất quan trọng trong tổng thể các động lực vật chất và tinh thần của chế độ làm chủ tập thể. Là phát huy sức mạnh của từng người, khuyến khích sáng kiến cá nhân, đi đôi với phát huy sức mạnh của tập thể.

Mở rộng sự làm chủ cho cơ sở, khuyến khích lợi ích vật chất của người lao động và giải phóng sức sáng tạo của từng người lao động đi đôi với phát huy sức mạnh của cộng đồng, làm cho quần chúng hăng hái, phấn khởi, đưa nhân dân lao động đi vào khoa học - kỹ thuật, làm ăn có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao, chọn lọc cán bộ và bồi dưỡng tài năng, tạo điều kiện thuận lợi để cho trật tự xã hội chủ nghĩa được củng cố, pháp chế và kỷ luật có hiệu lực, phát triển sản xuất, thúc đẩy phong trào cách mạng của quần chúng.

Mở rộng quyền làm chủ về kinh tế của các cấp, các ngành, rà lại điều kiện cần thiết để trung ương tập trung sức nám vững các cân đối lớn, các khâu chủ yếu của tái sản xuất xã hội, các công trình xây dựng quan trọng nhất, các sản phẩm chiến lược, các chính sách, chế độ quản lý có ý nghĩa toàn quốc. Nhà nước trung ương phải nắm vững những khâu then chốt của nền kinh tế quốc dân nhằm ba mục đích, một là để chỉ đạo phương hướng và động thái của toàn bộ nền kinh tế, hai là để đáp ứng nhu cầu mà trung ương trực tiếp phụ trách, và ba, điểm này rất quan trọng, là nắm vững

những khâu then chốt để bảo đảm mở rộng quyền làm chủ của cơ sở và của địa phương và của người lao động.

Trong điều kiện hiện nay, ở mỗi đơn vị, kế hoạch phải vận dụng được bốn nguồn khả năng vật chất là: khả năng mà đơn vị tự có, khả năng do liên kết kinh tế, khả năng do xuất - nhập khẩu và khả năng do cấp trên cung ứng. Kế hoạch phải phát huy được sức mạnh to lớn của việc ứng dụng khoa học - kỹ thuật, của việc đổi mới quản lý kinh tế, của việc thực hành triệt để tiết kiệm, và của việc khơi dậy phong trào cách mạng làm chủ tập thể của nhân dân.

IV- TIẾN HÀNH CÁCH MẠNG KHOA HỌC - KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHIỆP HÓA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật đang diễn ra rộng khắp trên thế giới, tạo ra những hệ thống máy móc tự động, những nguồn năng lượng, nguyên liệu mới, những công nghệ sản xuất, phương tiện điều khiển kinh tế, quản lý xã hội với chất lượng và hiệu quả to lớn chưa từng thấy. Cách mạng khoa học - kỹ thuật đang thâm nhập mọi lĩnh vực hoạt động và đời sống con người, mang lại những bước tiến kỳ diệu.

Khoa học đang thực sự cùng với kỹ thuật xuất hiện trong kinh tế như một lực lượng sản xuất trực tiếp. Những thành tựu khoa học - kỹ thuật không nhất thiết phải vật chất hóa thành những thiết bị, công cụ, vật tư có khi rất đắt tiền, mà một phần quan trọng được thể hiện trong sự hiểu biết tiên tiến, những quy trình hành động hợp quy luật thiên nhiên và xã hội, những cách thức sản xuất hiện đại trong công nghiệp, những biện pháp liên hoàn thâm canh tăng năng suất trong nông nghiệp, những tư tưởng mới mẻ, sáng tạo trong quản lý kinh tế. Nhiều thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật tiên tiến có thể thực hiện được ở những nước trình độ phát triển về kinh tế chưa cao.

Phát huy tính ưu việt của chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động và đội ngũ ngày càng đông đảo cán bộ khoa học - kỹ thuật với trình độ chính trị, văn hóa ngày càng được nâng cao, chúng ta có thể khai thác khả năng cực kỳ quan trọng đó của cách mạng khoa học - kỹ thuật. Chúng ta đặt cách mạng khoa học - kỹ thuật thành bộ phận then chốt của cách mạng xã hội chủ nghĩa và ra sức tạo cho nó những điều kiện vật chất, chính trị, xã hội để phát triển mạnh mẽ. Chúng ta phải nắm lấy ba loại quy luật - quy luật tự nhiên, quy luật xã hội và quy luật tư duy - và do đó, phải phát triển đồng thời cả ba loại khoa học: khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội; biến con người của xã hội mới thành con người khoa học - kỹ thuật.

Phương châm của chúng ta chỉ đạo cách mạng khoa học - kỹ thuật là nhanh chóng vươn lên làm chủ cho được những lĩnh vực khoa học và kỹ thuật cần thiết và có khả năng thực hiện với tinh thần: cái gì đất nước có nhu cầu thì ta phải làm chủ cho kỳ được. Phải phát huy năng lực sáng tạo to lớn của đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật, khuyến khích phát minh, sáng chế, lựa chọn những cái tiên tiến, chứ không đi theo con đường tiến lên từng bước, sử dụng những cái đã lạc hậu hoặc trung bình. Đi theo phương hướng này, chúng ta có thể tiếp cận với những thành tựu vào loại cao nhất, có nhiều trường hợp đi thẳng vào hiện đại. Chúng ta cũng sử dụng những thành tựu loại trung bình và vẫn còn sử dụng những phương tiện thủ công cần thiết. Song lao động thủ công làm chủ tập thể cũng nắm được và vận dụng nhiều thành tựu tiên tiến, như cách mạng sinh học, những quy trình tăng năng suất trồng trọt và chăn nuôi, những thao tác công nghệ hiện đại. Một cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật như vậy rõ ràng không thể chỉ là công việc của những người lao động trí óc, của công tác nghiên cứu ở các viện, các trường, mà cơ bản phải là sự nghiệp của quần chúng đông đảo, phải thành phong trào thường xuyên và nếp quen làm việc của hàng chục triệu người lao động.

Vai trò then chốt của cách mạng khoa học - kỹ thuật gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ là công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền đại công nghiệp cơ khí đủ sức trang bị kỹ thuật hiện đại cho nền kinh tế quốc dân, xây dựng hệ thống công nghiệp nặng, phát triển kết cấu kỹ thuật hạ tầng của nền kinh tế, đặc biệt là hệ thống giao thông vận tải. Do sự gắn liền như vậy, bước đi và cách làm của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa chính là bước đi và cách làm của cách mạng khoa học - kỹ thuật.

Trong chặng đường trước mắt, trong khi tập trung sức đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn bằng một cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý, gắn liền làm một nông nghiệp, công nghiệp nhẹ với công nghiệp nặng, cách mạng khoa học - kỹ thuật phải nhìn xa tính trước, chuẩn bị điều kiện cho chặng đường công nghiệp hóa tiếp theo.

Một trong những vấn đề lớn nhất của công nghiệp hóa là tạo ra cho được nguồn tích lũy, nhất là nguồn vốn ban đầu. Chính ở đây, cách mạng khoa học - kỹ thuật tỏ rõ sức mạnh và tác dụng của nó trong việc khai thác lao động, đất đai, rừng, biển và những tài nguyên quý hiếm, trong việc nhanh chóng tạo ra khối lượng hàng xuất khẩu lớn, chất lượng tốt, giành được tín nhiệm trên thị trường quốc tế. Cách mạng khoa học - kỹ thuật làm nảy nở và phát triển tài năng của con người làm chủ tập thể.

Trên cơ sở nắm vững quy luật cách mạng khoa học - kỹ thuật, chúng ta cần phải làm sáng tỏ những phương hướng tổng quát và xác định những sự lựa chọn về khoa học - kỹ thuật đối với từng ngành, như cách mạng sinh học, cơ khí, điện tử, năng lượng, luyện kim, hóa chất, vật liệu xây dựng, giao thông vận tải... Sự lựa chọn này phải xuất phát đầy đủ từ tiềm năng của đất nước về từng ngành và phải sử dụng thích hợp những thành tựu tiên tiến. Đối với một vài ngành có ý nghĩa quyết định, như cơ khí, trung tâm thần kinh của nền kinh tế, cần phải chú ý sự lạc hậu ở đây sẽ gây ra sự lạc hậu về kỹ thuật của tất cả các ngành, và càng

để sự lục hậu kéo dài thì càng khó khắc phục. Do đó, cần phải sớm đưa mấy ngành có ý nghĩa quyết định đi thẳng vào kỹ thuật cao nhất.

Sự lựa chọn về phương hướng khoa học - kỹ thuật phải thống nhất với sự lựa chọn về phương hướng kinh tế - xã hội. Khoa học - kỹ thuật phải tối ưu về hiệu quả kinh tế, và kinh tế phải tiên tiến về trình độ khoa học - kỹ thuật. Phương hướng này phải được thực hiện trong những chương trình tổng thể kinh tế - khoa học - kỹ thuật - xã hội, làm nòng cốt cho các kế hoạch kinh tế quốc dân.

Khoa học - kỹ thuật không chỉ là căn cứ, là cơ sở của hoạt động kinh tế - xã hội, mà còn là yêu cầu từ bên trong của các hoạt động ấy. Công tác quản lý kinh tế phải dựa các thành tựu khoa học - kỹ thuật tiên tiến vào nội dung và phương pháp kế hoạch hóa, các chính sách đòn bẩy, các hình thức tổ chức, để cho cơ chế quản lý mới vận dụng được khoa học - kỹ thuật như lực lượng sản xuất trực tiếp.

Như vậy là có hai mặt liên quan chặt chẽ với nhau: một mặt, nâng cao trình độ khoa học, kỹ thuật của quản lý, bảo đảm cho các quyết định về đầu tư, sản xuất, phân phối, lưu thông, tiêu dùng được nhanh nhạy và đúng đắn. Mặt khác, hình thành một cơ chế quản lý thực sự thúc đẩy sản xuất bằng khoa học - kỹ thuật, nhờ đó, không ngừng hoàn thiện các sản phẩm, tiết kiệm tiêu hao vật chất, đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao.

Chúng ta đã có những điều kiện thuận lợi đẩy mạnh cách mạng khoa học - kỹ thuật. Đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật đang tăng lên tương đối nhanh. Đội ngũ này gồm khoảng 85 vạn người, kể cả những cán bộ kỹ thuật trung cấp cùng với gần một triệu công nhân có nghề, sự phân bố đang được điều chỉnh theo hướng tăng cường cho cơ sở sản xuất. Nhiều cán bộ khoa học - kỹ thuật có tài năng và phẩm chất. Các tổ chức nghiên cứu và quản lý khoa học - kỹ thuật cũng phát triển nhanh, đã hình thành hệ thống từ trung ương đến

xí nghiệp, hợp tác xã; trong chín năm qua, số cơ quan nghiên cứu tăng bốn lần, số trường đại học và cao đẳng tăng hơn hai lần. Công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng kỹ thuật đã có những thành tựu đáng mừng về nông nghiệp, công nghiệp, giao thông, xây dựng và về điều tra cơ bản thiên nhiên. Hàng chục triệu người lao động ở nông thôn và thành thị, vượt qua biết bao khó khăn, đã phát huy nhiều sáng kiến đầy mạnh sản xuất, ứng dụng những thành tựu tiên tiến của cách mạng khoa học - kỹ thuật.

Năng lực khoa học - kỹ thuật của cán bộ và nhân dân ta chưa được đánh giá đúng và sử dụng tốt, kể từ việc phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của quần chúng tại chỗ, tìm ra những biện pháp khoa học - kỹ thuật cụ thể và việc tập trung những lực lượng giải quyết các vấn đề phát triển khoa học - kỹ thuật của từng ngành, cho đến việc huy động tổng hợp toàn bộ đội ngũ, cả khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội, kết hợp với trí tuệ của những người lao động, xây dựng những quy hoạch và kế hoạch tổng thể cho nền kinh tế và xã hội.

Phương pháp kế hoạch hóa, các chính sách, chế độ quản lý và cách tổ chức làm việc của chúng ta chưa khuyến khích và bắt buộc mọi người ứng dụng khoa học - kỹ thuật, thậm chí có những trường hợp từ chối tiến bộ khoa học - kỹ thuật, duy trì lối làm ăn cũ kỹ nhưng vẫn kiếm lợi vì có cơ chế bao cấp. Chính sách đối với cán bộ khoa học, cán bộ kỹ thuật, như bồi dưỡng, giáo dục, tạo điều kiện và phương tiện làm việc, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, còn nhiều chỗ chưa thỏa đáng.

Phương hướng cơ bản của việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và cả quản lý khoa học - kỹ thuật là khắc phục những khuyết điểm trên đây, làm cho cơ chế quản lý mới thực sự mở đường cho khoa học - kỹ thuật trở thành bản chất bên trong của các quyết định kinh tế và là nhân tố tăng trưởng

kinh tế; cán bộ khoa học, cán bộ kỹ thuật phải được đặt đúng vị trí của mình, nhất là được bố trí đúng ở cơ sở sản xuất, nghiên cứu, thử nghiệm, được dãi ngộ không phải chủ yếu theo bằng cấp và học vị, mà được trả lương và khen thưởng theo hiệu quả kinh tế - xã hội của lao động sáng tạo trong sản xuất và đời sống. Cơ chế đó cũng bảo đảm động viên sự tham gia của hàng chục triệu người lao động vào cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật đang diễn ra hằng ngày.

V- LÀM CHỦ PHÂN PHỐI, LUU THÔNG

Sản xuất, phân phối, lưu thông, tiêu dùng là bốn khâu cơ bản của quá trình tái sản xuất xã hội, có quan hệ biện chứng với nhau. Sản xuất là gốc, sản xuất quyết định phân phối, lưu thông và tiêu dùng. Đồng thời, là khâu nối liền sản xuất với sản xuất, nối liền sản xuất với tiêu dùng, công tác phân phối, lưu thông có tác động mạnh mẽ, nhanh nhạy đến sản xuất và đời sống.

Sản xuất quyết định lưu thông, phân phối và tiêu dùng cả về quy mô và phương thức. Chỉ có thể lưu thông, phân phối và tiêu dùng trong phạm vi sản xuất cho phép, và ứng với mỗi phương thức và trình độ phát triển sản xuất phải có phương thức phân phối, lưu thông phù hợp. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, cũng phải nắm vững cái gốc là sản xuất, chỉ có làm chủ sản xuất, đẩy mạnh sản xuất phát triển, mới có cơ sở để làm chủ phân phối, lưu thông.

Tài chính, tiền tệ, thương nghiệp, giá cả, tiền lương là những phạm trù hoạt động theo những quy luật chung của phân phối, lưu thông xã hội chủ nghĩa, mỗi phạm trù lại có quy luật riêng của nó, mà chúng ta phải phát hiện và vận dụng tốt. Song ngay trong chặng đường đầu tiên này, các quy luật về phân phối, lưu thông phải phục tùng quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội và quy luật phát triển cân đối, có

kế hoạch. Trong điều kiện nền kinh tế còn nhiều thành phần, cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa còn phức tạp, thì lưu thông, phân phối còn chịu tác động của các quy luật kinh tế của sản xuất hàng hóa nhỏ và của chủ nghĩa tư bản, và chúng ta phải luôn luôn sử dụng các công cụ phân phối để tiến hành cuộc đấu tranh, bảo đảm sự thắng lợi hoàn toàn cho chủ nghĩa xã hội. Phân phối diễn ra dưới cả hai hình thái hiện vật và giá trị. Trong chủ nghĩa xã hội, còn có sản xuất hàng hóa, cho nên, còn giá trị và quy luật giá trị, song quan hệ giữa giá trị và giá trị sử dụng đã thay đổi; giá trị sử dụng là mục đích, còn giá trị là thước đo tính toán, là phương tiện phân phối và đòn bẩy kích thích để thực hiện kế hoạch, hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Kế hoạch kinh tế - xã hội của ta đặt lên hàng đầu giá trị sử dụng và các cân đối hiện vật, đồng thời cũng coi trọng giá trị và các cân đối về giá trị.

Phân phối phải thúc đẩy sản xuất phát triển, trên cơ sở đó, phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân một cách hợp lý, bảo đảm các mối quan hệ cơ bản trong nền kinh tế, nhất là giữa thu nhập của các tầng lớp dân cư trong xã hội. Đó chính là chức năng cơ bản của *tài chính*. Từ sản xuất nhỏ tiến lên chủ nghĩa xã hội, yêu cầu tạo ra nguồn vốn ban đầu là một vấn đề chiến lược đang đặt ra hết sức gay gắt. Nguồn vốn đó là ở chỗ nắm vững và khai thác tốt các khả năng dồi dào về lao động, đất đai và tài nguyên của đất nước, những cơ sở vật chất - kỹ thuật sẵn có và mọi ngành, nghề. Đồng thời với đẩy mạnh sản xuất, việc phát triển quan hệ kinh tế với nước ngoài, đẩy mạnh xuất khẩu là con đường chủ yếu để thực hiện tích lũy xã hội chủ nghĩa. Nguồn vốn tài chính được hình thành ngay trong quá trình sản xuất vật chất diễn ra tại các đơn vị cơ sở. Muốn có nguồn vốn ngày càng tăng, phải chăm lo cho các đơn vị cơ sở hoạt động có hiệu quả theo

nguyên tắc hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Phải kiên quyết đấu tranh chống tham ô, lãng phí, chống khuynh hướng tạo vốn bằng cách đơn thuần chạy theo lợi nhuận, tùy tiện nâng giá để thu chênh lệch.

Sản xuất phải đi đôi với tiết kiệm, tiết kiệm trong sản xuất cũng như trong tiêu dùng. Phải sắp xếp tiêu dùng trong giới hạn mà sản xuất cho phép, kiên quyết thay đổi những thói quen tiêu dùng không phù hợp với trình độ phát triển của nền kinh tế và truyền thống của dân tộc.

Trong chủ nghĩa tư bản, có tiền là mua được tất cả. Trong chủ nghĩa xã hội, đồng tiền không còn vị trí như vậy, cái quyết định là sử dụng lực lượng lao động xã hội trên cơ sở làm chủ tập thể của những người lao động. Nhưng đồng tiền vẫn là phương tiện tổ chức lao động, tổ chức sản xuất, gắn lao động với đất đai để tạo ra nhiều sản phẩm; đồng tiền còn là công cụ phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân dưới hình thái giá trị, thống nhất với hình thái hiện vật. Nhà nước xã hội chủ nghĩa phải quản lý chặt chẽ *lưu thông tiền tệ*, ổn định và cung cố sức mua của đồng tiền, thu bớt tiền thừa trong lưu thông, nhất là những khối lượng tiền lớn trong tay bọn gian thương, đầu cơ, tích trữ, buôn lậu. Mặt khác, trên cơ sở làm chủ sản xuất, làm chủ thị trường, Nhà nước có thể chủ động phát hành theo kế hoạch để thúc đẩy sản xuất, phân phối lại các nguồn vốn có lợi cho các lực lượng xã hội chủ nghĩa, với điều kiện bảo đảm đồng tiền được sử dụng có hiệu quả. Ngân hàng phải điều hoà lưu thông tiền tệ, huy động vốn tiền nhàn rỗi vào kinh doanh, và bản thân ngân hàng phải là một tổ chức kinh doanh nhanh nhẹn. Thông qua nghiệp vụ kinh doanh, ngân hàng thực hiện chức năng phục vụ và kiểm soát nền sản xuất cũng như quá trình phân phối trong xã hội.

Lưu thông vật tư, hàng hoá (thương nghiệp) là lĩnh vực hoạt động kinh tế - xã hội hết sức quan trọng. Như Lenin từng nói "những người cộng sản phải học buôn bán" để biết buôn bán

văn minh, theo kiểu xã hội chủ nghĩa. Kinh doanh thương nghiệp xã hội chủ nghĩa lấy phục vụ sản xuất và đời sống người lao động làm mục tiêu hàng đầu, chứ không phải kinh doanh đơn thuần về lời lãi. Có làm như vậy mới cải tạo được thương nghiệp tư nhân, làm chủ được thị trường xã hội và giải quyết thắng lợi vấn đề "ai thắng ai" trên mặt trận phân phối lưu thông.

Làm chủ thị trường là vấn đề gay gắt nhất hiện nay của Nhà nước ta. Thị trường xã hội chủ nghĩa là quan hệ trao đổi có tổ chức, có kế hoạch giữa công nghiệp và nông nghiệp trong cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý, giữa hai giai cấp cùng làm chủ là công nhân và nông dân do Nhà nước quản lý, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Các tổ chức cung ứng và thu mua của Nhà nước phải thông qua việc ký kết hợp đồng với người sản xuất ngay từ đầu vụ, tổ chức đưa vật tư và hàng tiêu dùng về phục vụ kịp thời yêu cầu của sản xuất và đời sống, để nắm được sản phẩm ngay từ nơi sản xuất, không phải chạy theo việc tranh mua, tranh bán trên thị trường. Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa (quốc doanh và hợp tác xã mua bán) phải mở rộng mạng lưới bán lẻ đến tận phường, xã, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân mà tổ chức tốt sự phân phối phục vụ đời sống của người lao động, tuyệt đối không được thông qua bọn buôn bán đầu cơ. Chỉ có như vậy, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa mới thực sự là hậu cần của sản xuất và nội trợ của toàn dân, thực hiện đúng mục đích cơ bản của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa là đáp ứng những nhu cầu ngày càng tăng của đời sống vật chất và văn hoá của những người lao động và thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, là nguyên tắc phân phối duy nhất đúng đắn trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản.

Thị trường là nơi diễn ra cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, diễn ra cuộc đấu tranh giữa ta và địch một cách gay gắt hàng ngày, hàng giờ. Không thể làm chủ sản xuất, phân phối, lưu thông, không thể ổn định đồng tiền, giá cả và đời sống của người lao động, nếu

không làm chủ thị trường, nếu để thị trường tự do hoạt động lấn chiếm thị trường xã hội chủ nghĩa. Chúng ta chủ trương còn để năm thành phần kinh tế trong chặng đường đầu tiên của chủ nghĩa xã hội ở miền Nam là nhằm khai thác mọi tiềm năng sản xuất, tạo thêm của cải cho xã hội. Nhưng không phải trong sản xuất có bao nhiêu thành phần thì trong thương nghiệp cũng có bấy nhiêu thành phần. Ngày từ bây giờ, nhà nước xã hội chủ nghĩa phải nhanh chóng quản lý thống nhất và giao cho thương nghiệp xã hội chủ nghĩa độc quyền kinh doanh những mặt hàng có ý nghĩa lớn đối với quốc kế, dân sinh, trước hết là lương thực và những vật tư chủ yếu, những hàng tiêu dùng thiết yếu. Bằng các biện pháp kinh tế, hành chính, giáo dục kết hợp, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải vươn lên nắm đại bộ phận bán buôn, chi phối phần lớn bán lẻ để thay thế càng nhanh càng tốt thị trường tự do. Cải tạo xã hội chủ nghĩa, xoá bỏ thị trường tự do về những mặt hàng chủ yếu, thủ tiêu chợ đen, loại trừ bọn đầu cơ, buôn lậu, chống sự phá hoại của kẻ thù, xoá bỏ mọi hình thức thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, cắt đứt sự liên kết giữa tư sản thành thị với phú nông, phú thương và nông dân cá thể, đó là một tiền đề có tính quyết định, để làm chủ thị trường và giá cả. Xác định đúng chính sách giá, vận dụng chính sách hai giá và giá linh hoạt cũng là để đấu tranh đẩy lùi thị trường tự do, tiến tới làm chủ thị trường ngày càng rộng lớn và vững chắc hơn.

Trong điều kiện kinh tế hiện nay, chúng ta chủ trương còn để thị trường tự do tồn tại trong một phạm vi nhất định ở nông thôn và thành thị, làm nơi trao đổi, mua bán trực tiếp những sản phẩm chủ yếu giữa người sản xuất và người tiêu dùng, không có trung gian đầu cơ mua đi, bán lại. Các hoạt động của tiểu thương trong điều kiện còn có sản xuất tư nhân và cá thể, cần phải được tổ chức, kiểm soát chặt chẽ và phải được thay thế dần bằng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa (kể cả dịch vụ).

Giá cả là biểu hiện bằng tiền của giá trị, đồng thời phản ánh tổng hòa các mối quan hệ cơ bản về kinh tế - xã hội. Giá cả trước hết lấy giá trị làm cơ sở, thực chất của giá trị là lượng lao động xã hội cần thiết. Giá cả phải dựa trên cơ sở giá thành hợp lý, được quản lý và tính toán chặt chẽ và ngày càng đầy đủ. Giá cả phải bảo đảm cho người sản xuất có thu nhập và lợi nhuận thoả đáng, bảo đảm có tích luỹ để thực hiện tái sản xuất mở rộng cho từng cơ sở, từng địa phương, từng ngành, và cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa. Giá cả phải giải quyết đúng đắn các mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp, bảo đảm cho công nghiệp và nông nghiệp đều phát triển trong một cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý. Giá cả trong nước phải dựa trên cơ sở giá trị dân tộc và các mối quan hệ bên trong của nền kinh tế quốc dân là chủ yếu; đồng thời giá cả trong nước cũng phải có mối quan hệ với giá cả thế giới, nhằm góp phần mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài, đẩy mạnh xuất khẩu, thực hiện chính sách kinh tế đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

Giá cả phải phù hợp với sức mua của đồng tiền. Trong điều kiện còn tồn tại các thành phần kinh tế tư nhân và cá thể, giá cả nhà nước phải có tác dụng đấu tranh thu hẹp thị trường tự do. Phải chống cả hai khuynh hướng không đúng: một là, chạy theo cơ chế thị trường, lấy giá thị trường tự do làm tiêu chuẩn để định giá nhà nước, muốn thả toàn bộ hệ thống giá nhà nước trôi nổi theo giá thị trường tự do đầy rẫy những yếu tố đầu cơ, phá hoại, và chứa đựng những quan hệ phân phối tự phát; hai là, bảo thủ trì trệ, không tính đến

những biến đổi của tình hình kinh tế, tài chính, không đáp ứng những đòi hỏi khách quan của các quan hệ kinh tế - xã hội đã thay đổi. Đại bộ phận giá cả trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội phải là giá có kế hoạch, hình thành từ trong sản xuất, chứ không phải hình thành do quan hệ cung - cầu trên thị trường. Đó là hệ thống giá của chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Nhà nước ta nắm trong tay những cơ sở kinh tế then chốt và đại bộ phận sản phẩm của nền kinh tế quốc dân, hoàn toàn có thể và cần phải làm chủ giá những mặt hàng thiết yếu đối với sản xuất và đời sống. Mặt khác, trong một thời gian nhất định, để thích ứng với đồng tiền còn giảm giá và cung cầu còn mất cân đối, Nhà nước trước mắt và tạm thời cần thi hành chính sách hai giá. Bên cạnh bộ phận giá cơ bản ổn định đối với những sản phẩm chính của kinh tế quốc doanh, những hàng tiêu dùng thiết yếu cung ứng cho công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang, những vật tư và một số hàng tiêu dùng trong hợp đồng hai chiều giữa Nhà nước với nông dân và thợ thủ công, còn có một bộ phận giá được chỉ đạo linh hoạt để mở rộng kinh doanh thương nghiệp xã hội chủ nghĩa và đấu tranh với thị trường tự do, góp phần hướng dẫn và quản lý thị trường. Đó là một bước chuẩn bị để tiến tới thực hiện chính sách một hệ thống giá thống nhất, dựa trên những căn cứ hợp lý và có cơ sở ổn định vững chắc.

Vấn đề tiền lương và thu nhập phải được đặt ra và giải quyết trên cơ sở bảo đảm cho mọi người lao động phát huy quyền làm chủ tập thể trong sản xuất và đời sống, ai cũng có việc làm và làm việc với năng suất, chất lượng và hiệu quả ngày

càng cao, tạo ra cho xã hội nhiều giá trị sử dụng ngày càng tốt hơn, rẻ hơn. Tiền lương trong chủ nghĩa xã hội phải quán triệt nguyên tắc phân phối theo lao động là một yếu tố thúc đẩy sản xuất, khuyến khích người lao động đem hết sức mình sản xuất ra nhiều của cải chất lượng tốt, giá thành hạ. Tiền lương phải bảo đảm cho người lao động tái sản xuất sức lao động của mình, đủ ăn, đủ mặc, có nhà ở và nuôi được con cái. Trong điều kiện hiện nay, việc giải quyết vấn đề tiền lương không phải chỉ đơn thuần là tăng lương danh nghĩa theo sự biến động của giá cả thị trường "tự do", mà trước hết và cơ bản nhất là phải bảo đảm phân phối cho người lao động một lượng hàng tiêu dùng cần thiết hợp lý. Do đó, phải áp dụng chế độ cung ứng theo giá ổn định những mặt hàng thiết yếu cho công nhân, viên chức, làm cho bộ phận cơ bản của tiền lương thực tế không bị phụ thuộc vào giá thị trường thường xuyên biến động. Đồng thời, có một phần tiền lương còn chịu ảnh hưởng của sự thay đổi giá cả (giá của nhà nước cũng như giá thị trường "tự do"), cho nên phải định kỳ xem xét lại tiền lương và điều chỉnh phần lương biến động cho phù hợp với chỉ số giá cả và chỉ số sinh hoạt.

Làm chủ sản xuất, làm chủ thị trường nhất thiết đập tan sự phá hoại của địch, nhất thiết không để cho bọn đầu cơ, buôn lậu và thương lái gây rối trên thị trường, đó là điều kiện cần thiết để làm chủ giá cả và tiền lương, từng bước giải quyết cơ bản vấn đề giá - lương - tiền, điều tiết thu nhập của các tầng lớp dân cư cho công bằng, hợp lý, thiết thực tăng mức sống của công nhân, cán bộ, viên chức và các lực lượng vũ trang, khiến cho người ăn lương yên tâm chăm lo công

việc sản xuất, tăng năng suất lao động. Từ đó, chúng ta tạo ra những điều kiện cơ bản để ngăn chặn và đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực về kinh tế và xã hội, làm cho sản xuất phát triển, người lao động phấn khởi, đời sống lành mạnh, xây dựng nếp sống mới cho xã hội.

VI- MỞ RỘNG QUAN HỆ KINH TẾ VỚI NƯỚC NGOÀI, ĐẨY MẠNH XUẤT NHẬP KHẨU

Nước ta xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh mới của thế giới. Những đặc điểm tình hình thế giới ngày nay là: *Một là*, chủ nghĩa xã hội đã trở thành hệ thống thế giới, thành một cộng đồng quốc tế có công nghiệp hiện đại và khoa học - kỹ thuật tiên tiến; trong hệ thống đó, sự phân công và hợp tác, sự liên kết xã hội chủ nghĩa được thực hiện với quy mô ngày càng lớn.

Hai là, cả thế giới đã hình thành một thị trường với hai hệ thống thị trường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa song song tồn tại, cùng với các thị trường khu vực khác. Trong phạm vi từng loại thị trường và giữa các thị trường ấy với nhau, không chỉ có sự trao đổi buôn bán mà còn có những sự tác động kinh tế và ảnh hưởng qua lại ngày càng trực tiếp hơn.

Ba là, cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật đang phát triển mạnh, mở ra những khả năng mới của con người và tạo ra những lực lượng sản xuất mới đồ sộ chưa từng thấy. Mỗi bước đều có khả năng nắm lấy những thành tựu của cuộc cách mạng ấy, bằng những con đường tương đối ngắn, đưa nền kinh tế của mình tiến lên trình độ hiện đại.

Sự vận động đồng thời của ba nhân tố ấy tạo nên một cách khách quan mối liên hệ tất yếu về kinh tế giữa nước này với nước khác, giữa nhóm nước này với nhóm nước khác. Gắn liền việc xây dựng kinh tế trong nước với việc thiết lập và

ngày càng mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài là một hiện tượng có tính tất yếu khách quan. Mỗi dân tộc phải tự mình lớn lên, phải xây dựng lấy nền kinh tế độc lập, tự chủ, nhưng điều đó phải được hiểu là phát huy cao độ tinh thần tự lực tự cường, tận lực khai thác các khả năng bên trong và xác lập đúng đắn mối quan hệ dân tộc về kinh tế, chứ không phải là tự cô lập, khép kín. Mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài là hình thức tích cực tham gia sự phân công lao động quốc tế, là phương tiện để thực hiện sự trao đổi giá trị lao động, khai thác có hiệu quả cái mạnh của nước ngoài phục vụ việc xây dựng và phát triển kinh tế trong nước. Đổi với nước ta, chính sách mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Muốn thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa nước nhà, chúng ta phải tăng cường quan hệ kinh tế với nước ngoài để sử dụng một cách có lợi nhất những thành tựu của khoa học - kỹ thuật tiên tiến và thế mạnh của nền công nghiệp hiện đại thế giới.

Là một nước xã hội chủ nghĩa, thành viên của cộng đồng xã hội chủ nghĩa thế giới, gắn bó với các nước anh em vì cùng chung một lý tưởng, một hình thái kinh tế - xã hội, chúng ta đặt lên hàng đầu mối quan hệ hợp tác với các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế, trước hết là với Liên Xô. Đây là sự hợp tác của những người anh em, hợp tác bình đẳng, giúp đỡ lẫn nhau, cùng có lợi, sự hợp tác này là sự liên kết kinh tế xã hội chủ nghĩa, mà mục đích là thúc đẩy quá trình xích lại gần nhau về trình độ phát triển kinh tế của các nước trong cộng đồng. Nói mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại để thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa nước nhà trước hết là nói đến mối quan hệ phân công lao động về hợp tác với các nước anh em. Không có sự phân công và hợp tác đó, sẽ không sử dụng được sức mạnh tổng hợp của kinh tế xã hội chủ nghĩa thế giới. Hội nghị cấp cao mới đây của các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế đã đề ra những phương hướng cơ bản và những hình thức phong phú về hợp tác kinh tế và khoa học - kỹ thuật, đưa sự hợp tác giữa các nước

thành viên phát triển lên một trình độ mới. Hội nghị quyết định tăng cường sự giúp đỡ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa châu Âu đối với nước ta và Cuba, Mông Cổ, đó là điều kiện thuận lợi mới cho việc mở rộng quan hệ hợp tác giữa nước ta với các nước anh em.

Lào và Campuchia là hai nước xã hội chủ nghĩa láng giềng có mối quan hệ đặc biệt, có sự gắn bó lâu dài trong lịch sử với nước ta, cùng nước ta hợp thành một khu vực kinh tế đặc biệt trên bán đảo Đông Dương. Lợi ích sự phát triển của mỗi nước và của toàn khu vực đòi hỏi phải thực hiện một sự liên kết đặc biệt. Nước ta mở rộng sự nghiệp hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau về mọi mặt với Lào và Campuchia để khai thác tốt nhất tiềm năng của từng nước, vươn lên thể hiện tốt vai trò động lực trong sự liên kết này.

Chúng ta cũng sử dụng đúng mức quan hệ kinh tế với các nước khác, coi trọng việc mở rộng giao lưu với các nước độc lập dân tộc, các nước không liên kết, đồng thời khai thông con đường làm ăn với các nước tư bản chủ nghĩa, phá bỏ sự bao vây của bọn đế quốc... Cuộc đấu tranh "ai thắng ai" giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản trên phạm vi toàn thế giới không thể không bao gồm cuộc đấu tranh trên mặt trận kinh tế. Song dù muốn hay không, sự tồn tại của thị trường thế giới như là một tổng thể thống nhất cũng tất yếu dẫn đến sự thiết lập mối quan hệ kinh tế giữa nước này với nước khác.

Chiến lược kinh tế đối ngoại của nước ta phải là một chiến lược chủ động, tích cực. Phải nắm vững nhu cầu của thị trường thế giới, đề ra những chủ trương thích hợp đối với từng khu vực và từng nước, những chính sách và tổ chức đúng đắn, mạnh dạn, nhiều hình thức linh hoạt về buôn bán và hợp tác quốc tế. Xuất - nhập khẩu, hợp tác kinh tế, hợp tác khoa học - kỹ thuật, kinh doanh dịch vụ, vay tín dụng quốc tế... là những hình thức phổ biến để mở

rộng quan hệ kinh tế với các nước, trong đó, xuất khẩu (bao gồm cả các hình thức hợp tác để tạo nguồn hàng xuất khẩu) là một khâu rất quan trọng.

Xuất - nhập khẩu phải được coi là một bộ phận trọng yếu trong cơ cấu kinh tế. Để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, chúng ta phải mạnh dạn nhập những gì ta cần, trước hết là những kỹ thuật, thiết bị, máy móc, phụ tùng, vật tư; cũng phải nhập cả một bộ phận hàng tiêu dùng cần thiết cho đời sống nhân dân. Muốn nhập khẩu phải có xuất khẩu, xuất nhiều là để nhập nhiều. Vay mượn là cần thiết, nhất là trong thời kỳ đầu, nhưng có vay phải có trả. Vì vậy, phải bằng mọi cách đẩy mạnh xuất khẩu, coi xuất khẩu là một nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược.

Kim ngạch xuất khẩu của ta những năm gần đây có tăng lên chút ít nhưng chưa đáng kể, chỉ mới bằng 30% kim ngạch nhập khẩu. Cơ cấu xuất khẩu trong một thời gian dài không được cải thiện, chủ yếu vẫn tròng vào hàng nông sản, giá công hàng công nghiệp nhẹ, hàng tiêu, thủ công nghiệp. Mặt hàng xuất khẩu nói chung còn manh mún, giá trị chưa cao. Chúng ta hiểu biết còn quá ít về thị trường thế giới, thiếu những thông tin kịp thời và đáng tin cậy, thiếu sự nghiên cứu nghiêm túc. Cần phải cố gắng đến mức cao nhất để thay đổi tình hình này.

Cơ cấu kinh tế trong nước phải bảo đảm tạo ra những mặt hàng xuất khẩu chủ lực, chất lượng tốt, giá trị cao, khối lượng lớn và ổn định, có thị trường vững chắc. Chúng ta có thể mở rộng sản xuất hàng xuất khẩu bằng cách khai thác tốt những khả năng trong nước, đồng thời sử dụng các hình thức hợp tác kinh tế với nước ngoài, trước hết là với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, từ làm gia công, vay vốn đầu tư, trả bằng sản phẩm, cho đến liên kết, liên doanh.

Xuất khẩu phải thật sự trở thành nghĩa vụ của toàn dân, của mỗi ngành, mỗi địa phương, mỗi cơ sở sản xuất và cả mỗi người lao động. Cơ chế kinh tế của chúng ta phải bảo đảm mỗi người lao động một năm có thể dành khoảng một trăm ngày công cho xuất khẩu, từ thế mạnh của lao động, đất đai, ngành nghề tạo ra những nguồn xuất khẩu lớn về nông sản, thực phẩm, hàng công nghiệp. Rất có thể dành một phần ba lực lượng lao động cho sản xuất hàng xuất khẩu và tạo ra được những giá trị lớn. Có thể sử dụng hàng triệu người vào việc trồng và khai thác hàng triệu hécta cao su, chè, cà phê và các cây trồng ngắn ngày và dài ngày khác. Nếu mỗi gia đình ở nông thôn đều nuôi hai con lợn, và trong tổng số lợn nuôi được, bớt ăn, dành một phần tư cho xuất khẩu, thì mỗi năm cũng được 5 - 6 triệu con lợn bán ra nước ngoài. Đương nhiên, lợn xuất khẩu phải được nuôi dưỡng đặc biệt, để đạt những tiêu chuẩn chất lượng cần thiết.

Nhà nước phải có chính sách khuyến khích sản xuất hàng xuất khẩu, từ ưu tiên đầu tư, cung ứng lương thực, thực phẩm, các phương tiện sản xuất, cho đến ưu tiên về giá cả, định mức lợi nhuận, quyền sử dụng ngoại tệ, tiền lương và tiền thưởng.

Cơ chế quản lý xuất - nhập khẩu phải linh hoạt, vừa bảo đảm nguyên tắc Nhà nước độc quyền ngoại thương và ngoại hối, vừa cho phép các cơ sở lớn, các địa phương và các ngành được phép tiếp xúc với thị trường nước ngoài, khuyến khích đến mức cao nhất việc tăng hàng xuất khẩu. Kế hoạch hóa và quản lý chặt chẽ hoạt động xuất - nhập khẩu, thông qua xuất - nhập khẩu mà thúc đẩy toàn bộ sản xuất trong nước, đưa kỹ thuật hiện đại và phương pháp quản lý mới, đưa chất lượng và hiệu quả cao vào hoạt động kinh tế.

VII- XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA MỚI, CON NGƯỜI MỚI

Con người là vốn quý nhất của cách mạng. Hạnh phúc của con người là mục tiêu của sự nghiệp cách mạng của Đảng và

nhân dân ta. Khẩu hiệu hành động của chúng ta là tất cả vì con người, tất cả do con người. Nói xây dựng chủ nghĩa xã hội, nói quản lý kinh tế là phải nói đến con người, chủ thể và đối tượng của quản lý kinh tế.

Trước đây ý thức làm chủ đất nước, sức mạnh của mỗi con người Việt Nam yêu nước dưới sự lãnh đạo của Đảng, là nhân tố có ý nghĩa quyết định làm nên những thắng lợi vĩ đại của cách mạng và những cuộc kháng chiến chống xâm lược. Ngày nay, trong sự nghiệp đưa nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn, xây dựng chủ nghĩa xã hội, ý thức tự giác và sức mạnh của con người làm chủ tập thể càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Từ những cơ sở kinh tế nghèo nàn và lạc hậu, bị chiến tranh tàn phá nặng nề lại đang phải đương đầu với một kẻ thù mới thâm độc và xảo quyệt ở sát cạnh mình, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta càng đòi hỏi phải phát huy cao độ ý thức làm chủ, tinh thần sáng tạo của con người Việt Nam. Nhiệm vụ trung tâm của cách mạng tư tưởng và văn hóa là xây dựng nền văn hóa mới và con người mới. Con người là lực lượng sản xuất chủ yếu, tính năng động của con người có tác dụng to lớn trong sản xuất và quản lý kinh tế.

Chế độ mới, nền kinh tế mới quyết định sự hình thành nền văn hóa mới, đồng thời, nền văn hóa mới đang từng bước xây dựng cũng có tác động trực tiếp đến việc xây dựng nền kinh tế mới, hoàn thiện chế độ mới. Là sản phẩm của kinh tế, văn hóa cũng là động lực thúc đẩy kinh tế. Trong những điều kiện nhất định, văn hóa có thể đi trước để ảnh hưởng trở lại tiến trình kinh tế. Vì nói đến văn hóa, trước hết là nói đến con người. Con người vừa là sản phẩm của xã hội vừa là chủ thể xây dựng xã hội. Con người mới được hình thành và hoàn thiện, bằng kết quả tổng hợp của ba cuộc cách mạng, cũng là tác giả của ba cuộc cách mạng ấy. Sức mạnh kinh tế không thể tách rời sức mạnh văn hóa,

sức mạnh con người, và sức mạnh của văn hoá, của con người phải được hiện thực hoá trong sức mạnh kinh tế. Tách rời kinh tế với văn hoá và con người là không nắm vững quy luật phát triển kinh tế và xã hội.

Từ trong cội nguồn của nó, văn hoá là lao động. Hành vi văn hoá đầu tiên chính là lao động của con người tác động vào tự nhiên. Có lao động mới có con người, và có con người là có văn hoá. Văn hoá là biểu hiện sự gắn bó giữa người và người, làm cho con người hiểu kỹ con người, làm nảy nở những tình cảm tốt đẹp của con người trong lao động cải tạo thiên nhiên, cải tạo xã hội. Nền văn hoá cao nhất là nền văn hoá đưa con người lên vị trí làm chủ nghĩa xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân, thực hiện đạo lý "mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người". Đó là mục tiêu của sự nghiệp xây dựng nền văn hoá mới. Nội dung xã hội chủ nghĩa và tính dân tộc của nền văn hoá phải thể hiện phong phú, sinh động tư tưởng làm chủ tập thể. Nói cho cùng thì nội dung xã hội chủ nghĩa và tính dân tộc chỉ là một. Bản lĩnh của dân tộc ta, một dân tộc có truyền thống văn hiến, phải được phát huy trong chủ nghĩa xã hội, làm đẹp thêm chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội nâng cao những tinh hoa của dân tộc để thật sự hài hòa với cuộc sống Việt Nam, với đại gia đình các dân tộc anh em đã từng kề vai sát cánh trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Nền văn hoá mới phải vun đắp tình yêu Tổ quốc kết hợp với tinh thần quốc tế vô sản, gắn liền vận mệnh của dân tộc mình với vận mệnh của các dân tộc trên thế giới trong sự nghiệp bảo vệ hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Nền văn hoá ấy là nền văn hoá làm chủ tập thể.

Nền văn hoá làm chủ tập thể phát huy lên một tầm cao mới tính cộng đồng trong truyền thống dân tộc, đồng thời tạo điều kiện cho mỗi cá nhân phát triển đầy đủ tài năng và trí tuệ của mình. Con người mới, con người lao động làm chủ tập thể, yêu lao động, giàu tình thương, trọng lẽ phải là mục tiêu của nền văn hoá mới.

Lao động là phẩm chất hàng đầu của con người làm chủ tập thể, đó là lao động tự giác, sáng tạo, có ý thức trách nhiệm ngày càng cao. Chủ nghĩa xã hội đem giá trị của con người trả lại cho con người, mà sự thể hiện tập trung nhất là vai trò làm chủ trong lao động sáng tạo xây dựng cuộc sống mới. Con người làm chủ tập thể được hưởng quyền làm chủ và biết làm chủ, trước hết thể hiện trong hoạt động hàng ngày của mình đem lại hiệu quả cho xã hội, cho tập thể và cho cả bản thân mình. Làm theo năng lực và được phân phối theo lao động, đó là chân lý đơn giản, nhưng là nguyên tắc đạo đức cơ bản của chủ nghĩa xã hội.

Chỉ bằng lao động và thông qua lao động xây dựng chủ nghĩa xã hội, mới từng bước xây dựng được mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người, làm nảy nở tình thương rộng lớn, một phẩm chất cao đẹp vốn có của con người Việt Nam. Thương nước - thương nhà, thương người - thương mình là tình cảm lớn làm nên vẻ đẹp của con người, lối sống và nền văn hoá Việt Nam. Tình thương lớn ấy cần phải được bồi dưỡng và nâng lên trong các mối quan hệ của chế độ làm chủ tập thể. Một mũi tấn công độc hại của các loại kẻ thù của chủ nghĩa xã hội là làm sa đoạ, tha hoá con người, kích động những tình cảm, lối sống ích kỷ uơn hèn, thấp kém. Vì vậy, mọi người chúng ta cần phải cảnh giác trước những âm mưu nham hiểm của kẻ thù, phải ngăn chặn những ảnh hưởng độc hại, đẩy lùi và tiến tới xoá bỏ những hiện tượng tiêu cực

trong đạo đức và lối sống, nhất là tê nạn chạy theo đồng tiền và những hủ tục, mê tín, dị đoan. Phải cải tạo hoàn cảnh để cải tạo con người, và xây dựng con người để cải tạo hoàn cảnh. Công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội phải nhằm mục đích cải tạo hoàn cảnh xã hội để cải tạo con người và lối sống. Đẩy mạnh sản xuất, làm chủ thị trường, cải thiện đời sống quần chúng là tạo ra hoàn cảnh thuận lợi xây dựng con người mới, nếp sống mới. Cơ chế quản lý kinh tế phải tạo ra động lực để thúc đẩy con người tích cực cải tạo hoàn cảnh. Như Mác đã phân tích: "lợi ích được hiểu một cách đúng đắn là nguyên tắc của toàn bộ đạo đức", do đó giải quyết thoả đáng mối quan hệ hài hoà giữa các lợi ích có tác dụng sâu xa đối với sự nghiệp xây dựng lối sống và con người xã hội chủ nghĩa. Các đơn vị kinh tế tiên tiến là những nơi biết phát huy động lực thúc đẩy sản xuất, động viên tinh thần thi đua của quần chúng, đem lại hiệu quả kinh tế, xã hội cao, tạo ra được bầu không khí đoàn kết, phấn khởi. Chỉ trên cơ sở lao động tự giác và sáng tạo, đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống, thì mới có được mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người và có sinh hoạt văn hoá lành mạnh.

Con người mới yêu lao động, giàu tình thương là con người biết trọng lẽ phải, nhận thức được chân lý. Để làm chủ tiến trình xây dựng xã hội mới, người lao động không những phải thiết tha gắn bó với sự nghiệp đó, mà còn phải hiểu biết quy luật phát triển của nó. Chỉ bằng nhiệt tình, không thể đưa nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Quyền làm chủ chỉ có thể thực hiện được khi biết làm chủ và có năng lực làm chủ, nghĩa là phải nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin để vận dụng sáng tạo vào thực tiễn, phát hiện quy luật và hành động đúng quy luật, có tri thức quản lý kinh tế và biết cách quản lý kinh tế. Sự buông lỏng quản lý kinh tế, quản lý xã hội trong một số khâu quan trọng vừa qua, nguyên nhân chính cũng là do thiếu sự hiểu biết đầy đủ quy luật và sự tác động của các quy luật trong vận động kinh tế và xã hội.

Để thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế và xã hội, phải phát huy sức mạnh của tập thể và sức mạnh của mỗi người. Đó chính là từng bước thực hiện tư tưởng của Các Mác: "sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện sự phát triển tự do của mọi người". Xác lập vị trí của mỗi người trong cơ chế làm chủ tập thể, phát huy được tài năng và phẩm chất của cá nhân để thực hiện tốt quyền làm chủ của từng người lao động về nghĩa vụ và lợi ích, đó là sự bảo đảm đúng đắn sức mạnh của chế độ làm chủ tập thể. Phải tạo ra một cơ chế thể hiện rõ cá nhân, gia đình và xã hội là một tồn tại khách quan. Con người lao động làm chủ tập thể phải là hiện thân của mối quan hệ hài hoà giữa cá nhân, gia đình và xã hội. *Yêu lao động, giàu tình thương, trọng lẽ phải*, đó là những phẩm chất cơ bản cần được bồi dưỡng và hoàn thiện để cho con người có thể từng bước làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân, tiếp cận và chiếm lĩnh được *cái đúng, cái tốt và cái đẹp* của cuộc sống. *Làm chủ tập thể* chính là *cái đúng, cái tốt và cái đẹp* cao nhất mà con người đang vươn tới trong thời đại mới.

VIII- ĐÁP ỨNG NHỮNG NHU CẦU CỦA ĐỜI SỐNG VÀ QUỐC PHÒNG, AN NINH

Chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa và nền sản xuất xã hội xây dựng trên cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất tất yếu dẫn đến mục đích cơ bản và thường xuyên của sản xuất là đáp ứng ngày càng đầy đủ những nhu cầu vật chất và văn hoá của nhân dân. Để đạt được mục đích đó, sản xuất phải không ngừng phát triển trên cơ sở một nền kỹ thuật ngày càng cao, và do đó, tích luỹ để công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội cũng trở thành tất yếu. Mặt khác, phải thấy rõ rằng chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh đất nước đã giành được độc lập, tự do nhưng kẻ thù bên ngoài vẫn chưa từ bỏ âm mưu xâm lược, vẫn tiếp tục phá hoại và đe doạ chiến

tranh, cho nên những nhu cầu về quốc phòng và an ninh cũng đặt ra một cách thường xuyên và cấp bách. Hơn thế nữa, khi nào chủ nghĩa xã hội chưa giành được thắng lợi trên phạm vi toàn thế giới, khi mà trên trái đất này vẫn còn tồn tại nhiều xã hội có chế độ chính trị khác nhau, còn có chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa bành trướng, còn có chiến tranh và các nguyên nhân gây ra chiến tranh, thì việc bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm những nhu cầu về quốc phòng vẫn còn được đặt ra đối với mỗi nước.

Nâng cao đời sống, tích luỹ để xây dựng, bảo đảm quốc phòng và an ninh, đó là ba loại nhu cầu có tính khách quan, tất yếu mà mọi kế hoạch kinh tế - xã hội đều phải tính đến. Trong mỗi giai đoạn cách mạng, mỗi thời kỳ lịch sử nhất định, xuất phát từ tình hình cụ thể, có thể đặt thứ tự ưu tiên cho việc đáp ứng các nhu cầu đó một cách thoả đáng, song sẽ sai lầm nếu tuyệt đối hoá một nhu cầu, đi đến coi nhẹ hoặc bỏ qua các nhu cầu khác.

Trong chặng đường trước mắt của chủ nghĩa xã hội ở nước ta, do cơ sở vật chất - kỹ thuật còn non kém, trình độ phát triển sản xuất còn thấp, việc cùng một lúc đáp ứng cả ba nhu cầu nói trên là không dễ dàng. Mặt khác, phải thấy rõ tính chất bức thiết của cả ba loại nhu cầu đó, thấy rõ sự gắn bó chặt chẽ giữa chúng với nhau để xác định phương hướng và biện pháp giải quyết.

Sự vững vàng của đất nước trước hết là ở chỗ nhân dân sống no đủ, sống lành mạnh, nhưng nếu làm được bao nhiêu ăn tiêu hết bấy nhiêu, không chất chiu tích luỹ, không thực hiện công nghiệp hoá, thì cũng không thể có chủ nghĩa xã hội, và rốt cuộc, cũng không thể nâng cao đời sống. Và cũng sẽ không có chủ nghĩa xã hội nếu độc lập dân tộc không được giữ vững, nếu chỉ một chiều nhấn mạnh việc thoả mãn nhu cầu vật chất và văn hoá của nhân dân mà coi nhẹ, đi đến hạ thấp việc đáp ứng những nhu cầu về quốc phòng và an ninh. Thực tiễn cho thấy chúng ta có thể và nhất định phải đồng thời giải quyết cả ba loại nhu cầu nói trên. Trước đây, nhân

dân ta làm không đủ ăn, ngay cả quỹ tiêu dùng cũng phải dựa vào nước ngoài một phần. Với nhịp độ phát triển kinh tế như mấy năm gần đây, chúng ta đã dần dần làm đủ ăn và tiến tới có tích luỹ. Về quốc phòng, chúng ta đang cố gắng bảo đảm những nhu cầu thiết yếu của đời sống bộ đội.

Thu nhập quốc dân sản xuất, tính theo đầu người, tuy còn thấp, nhưng nếu biết quản lý và phân phối tốt, sử dụng tiết kiệm và hợp lý, thì vẫn có thể bảo đảm được cho nhân dân và bộ đội những nhu cầu tối thiểu, tình hình đời sống không đến nỗi căng thẳng. Chỗ yếu của ta là chưa làm chủ được thị trường và phân phối.

Phải trên cơ sở phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động mà giải quyết vấn đề đời sống. Làm chủ sản xuất phải đi liền với làm chủ phân phối. Cùng với sức mạnh của cả nước, phải phát huy sức mạnh của từng địa phương, từng cơ sở để giải quyết vấn đề đời sống. Nguyên tắc phân phối theo lao động, phải được tôn trọng và thực hiện đúng. Địa phương nào, đơn vị nào, người nào làm việc tốt hơn, có năng suất và hiệu quả cao hơn, thì địa phương đó, đơn vị đó, người đó phải có thu nhập cao hơn, được sống tốt hơn. Chủ nghĩa bình quân trong phân phối là một khuynh hướng sai lầm xa lạ với chủ nghĩa Mác - Lênin. Chúng ta phải thừa nhận tính đa dạng của cuộc sống. Đồng thời cũng phải hết sức chú trọng việc không ngừng nâng cao phúc lợi xã hội và phúc lợi tập thể là phần mà mọi người lao động và con cái họ đều được hưởng một cách bình đẳng. Việc giải quyết hợp lý các loại phúc lợi này đi liền với phân phối theo lao động sẽ tạo ra một động lực mạnh mẽ. Trong khi chăm lo chung đời sống của nhân dân cả nước, chúng ta cần đặc biệt quan tâm đến đồng bào các dân tộc ít người, ra sức phát huy những truyền thống tốt đẹp và khả năng cách mạng xã hội chủ nghĩa của đồng bào các dân tộc, khai thác những thế mạnh to lớn của trung du và miền núi để mở mang đồng bộ kinh tế, văn hoá và xã hội, từ đó nhanh chóng nâng cao trình độ phát triển và cải thiện đời sống của đồng bào các dân tộc, tăng

cường sự đóng góp của đồng bào các dân tộc đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nâng cao đời sống của nhân dân là mục đích, là quy luật cơ bản của kinh tế xã hội chủ nghĩa. Bảo đảm quốc phòng và an ninh của đất nước cũng là quy luật của đấu tranh cách mạng trong giai đoạn quá độ của thế giới. Hai loại quy luật đó chẳng những không đối lập với nhau mà, trong quá trình vận động, nếu được vận dụng đúng đắn, còn tác động thuận chiều với nhau, bổ sung cho nhau. Sức mạnh của quốc phòng, xét trên toàn cục, là sức mạnh tổng hợp của kinh tế, chính trị và quân sự. Và sức mạnh quân sự là sức mạnh của bộ đội sống tốt, được trang bị tốt, sức mạnh của một quân đội dựa chắc trên cơ sở một nền kinh tế vững mạnh, theo một đường lối chính trị và quân sự đúng đắn, sức mạnh của ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích) bố trí thích hợp trên từng địa bàn, được huấn luyện và giáo dục tốt, luôn luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu giỏi. Kết hợp kinh tế với quốc phòng và quốc phòng với kinh tế là xây dựng kinh tế và quốc phòng theo một cơ cấu hợp lý, làm cho kinh tế đủ mạnh để bảo đảm cho quốc phòng mạnh và quốc phòng mạnh để bảo vệ kinh tế, bảo đảm những điều kiện an ninh cho kinh tế phát triển. Mọi chương trình kinh tế - xã hội hằng năm và dài hạn đều phải quán triệt bốn mục tiêu do Đại hội lần thứ V của Đảng đề ra, quán triệt nhiệm vụ đấu tranh chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch.

Chiến lược cơ bản để kết hợp đúng đắn kinh tế với quốc phòng và quốc phòng với kinh tế là thực hiện đường lối chiến tranh nhân dân, xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân và xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Theo chiến lược đó, kinh tế quốc dân phải được đẩy mạnh để đáp ứng được các nhu cầu của quốc phòng và an ninh, xây dựng nền công nghiệp quốc phòng, bảo đảm hậu cần, tạo ra hậu phương vững chắc cho chiến tranh nhân dân. Các lực lượng quốc phòng và an ninh thì ngược lại, không chỉ làm tròn nhiệm vụ bảo vệ đất nước, bảo vệ an ninh cho sự nghiệp xây dựng kinh

tế, mà còn dùng một phần lực lượng lao động và cơ sở vật chất - kỹ thuật của mình trực tiếp tham gia xây dựng và phát triển kinh tế. Mỗi ngành, mỗi cấp, mỗi đơn vị đều cần đánh giá cho đúng, thấy cho hết âm mưu và những hành động phá hoại của địch, nhất là trên mặt trận kinh tế; kiên quyết áp dụng những biện pháp có hiệu lực để ngăn ngừa và chống lại sự phá hoại đó; thực hiện một cách nhất quán kế hoạch bảo vệ sản xuất, bảo vệ xí nghiệp, công trường, bảo vệ máy móc, vật tư, nguyên liệu.

Việc kết hợp kinh tế với quốc phòng và quốc phòng với kinh tế phải thực hiện trong phạm vi cả nước cũng như trên địa bàn từng vùng lãnh thổ, từng địa phương tỉnh, huyện, xã, phường. Nó phải xuyên suốt từ việc bố trí cơ cấu kinh tế - quốc phòng, phân bố lực lượng sản xuất (bao gồm cả lực lượng chiến đấu) cho đến việc hoạch định những kế hoạch cụ thể về tổ chức địa bàn chiến đấu, tổ chức hậu cần tại chỗ, thi hành chính sách bộ đội làm kinh tế và các cơ sở kinh tế làm hàng quốc phòng, chính sách an ninh nhân dân, hậu phương quân đội, v.v..

Do vị trí và hoàn cảnh đặc biệt của nước ta, quân đội ta phải duy trì một số quân thường trực đủ mạnh để làm tròn nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Sử dụng một phần thời gian và lực lượng bộ đội (lao động, máy móc, thiết bị) vào việc xây dựng kinh tế thì có thể tạo ra một năng lực sản xuất đáng kể. Thực tiễn chỉ rõ, các cơ sở công nghiệp quốc phòng có nhiều khả năng làm những mặt hàng kinh tế, có kỹ thuật cao, bao gồm cả tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng. Trừ các đơn vị trực tiếp chiến đấu, bộ đội đóng ở đâu có thể tham gia các hoạt động sản xuất, từ trồng trọt, chăn nuôi để tự cải thiện đời sống

cho đến những công trình theo kế hoạch nhà nước như trồng rừng, làm thuỷ lợi, giao thông, nhà ở. Các đơn vị bộ đội chuyên làm kinh tế có thể đảm nhiệm những công trình lớn hơn trong các ngành nông nghiệp và công nghiệp. Khi có giặc thì cầm súng đánh giặc, khi không có giặc thì huấn luyện và làm kinh tế, đó là một truyền thống dân tộc và một nét tiêu biểu trong sinh hoạt của bộ đội ta.

Làm được như vậy thì quân đông mà kinh tế vẫn mạnh, bộ đội nhiều mà vẫn ăn no, đánh thắng.

IX- XÂY DỰNG CƠ CHẾ ĐẢNG LÃNH ĐẠO, NHÂN DÂN LÀM CHỦ, NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ

Cơ chế của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý.

Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý là ba khâu gắn bó chặt chẽ với nhau thành một thể thống nhất. Đảng lãnh đạo để nhân dân làm chủ. Đó là sứ mệnh lịch sử của Đảng, đồng thời cũng là tất yếu khách quan của chế độ làm chủ tập thể. Không có sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân lao động không thực hiện được quyền làm chủ của mình. Nhân dân lao động làm chủ chủ yếu bằng nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Ba khâu của cơ chế làm chủ tập thể nằm trong một tồn tại thống nhất. Nhưng mỗi khâu lại có vị trí và chức năng riêng biệt không thể lẫn lộn. Đảng là một bộ phận trong nhân dân nhưng là bộ phận tiên tiến nhất của xã hội. Đảng lãnh đạo có nghĩa là Đảng phải đề ra đường lối, chính sách đúng đắn, phản ánh quy luật khách quan của xã hội và lợi

ích, nguyện vọng của nhân dân, và thông qua công tác tổ chức, vận động quần chúng để lôi cuốn nhân dân đi vào hành động cách mạng. Nhân dân làm chủ có nghĩa là nhân dân tự mình xây dựng và quản lý cuộc sống về mọi mặt phù hợp với yêu cầu của quy luật khách quan để thoả mãn các nhu cầu vật chất và văn hoá của mình. Nhân dân làm chủ thể hiện trong các phong trào cách mạng của quần chúng trên mọi lĩnh vực sinh hoạt xã hội. Nhà nước là người đại diện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Nhà nước quản lý có nghĩa là Nhà nước phải cụ thể hoá đường lối, chính sách của Đảng thành chế độ, chính sách, quy tắc, pháp luật của Nhà nước để hướng dẫn, tổ chức hành động cách mạng của quần chúng. Nhân dân lao động còn làm chủ tập thể bằng các đoàn thể quần chúng - các đoàn thể quần chúng giữ vai trò trọng yếu trong việc giáo dục đường lối, chính sách và ý thức làm chủ cho quần chúng, trong việc hướng dẫn quần chúng tham gia quản lý và thực hiện quyền hạn, lợi ích, trách nhiệm và nghĩa vụ của mình. Xây dựng được đúng đắn cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý thì phát huy được sức mạnh tổng hợp của tất cả các khâu của hệ thống chuyên chính vô sản, làm dấy lên được những phong trào sôi nổi của quần chúng để thực hiện thắng lợi cách mạng xã hội chủ nghĩa và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Nhân dân lao động làm chủ tập thể về mọi mặt trong cả nước. Cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý phải xuyên suốt mọi mặt, mọi ngành hoạt động của xã hội, mọi cấp quản lý, mọi địa bàn của đất nước để bảo đảm nội dung toàn diện của chế độ làm chủ tập thể.

Trong cơ chế ấy, Nhà nước giữ một vai trò và vị trí đặc biệt quan trọng. Nhà nước gắn liền mật thiết với Đảng, do Đảng lãnh đạo nhân dân xây dựng nên, chịu sự lãnh đạo thường xuyên và chặt chẽ của Đảng. Đồng thời Nhà nước là bản thân nhân dân lao động tự tổ chức lại thành cơ cấu quyền lực để thực hiện quyền làm chủ của mình. Nhà nước quản lý là thực hiện sự lãnh đạo của Đảng, và quyền làm chủ của nhân dân. Bản chất đó phải thể hiện trong tất cả những cái gì thuộc về Nhà nước, trong chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, phương thức hoạt động, lề lối làm việc của Nhà nước, cũng như trong trách nhiệm và quyền hạn, tác phong công tác và công việc của cán bộ nhà nước.

Nhà nước ta có hai chức năng gắn bó chặt chẽ với nhau: chức năng bảo vệ và chức năng tổ chức, xây dựng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước thực hiện hai chức năng ấy đều để bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Đứng trước âm mưu ... tiến hành kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt nhằm xâm phạm nền độc lập dân tộc và phá hoại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nước ta, Nhà nước ta phải không ngừng chăm lo công tác quốc phòng và an ninh, xây dựng vững mạnh các công cụ bảo vệ như quân đội, công an, tòa án, v.v. để khi cần thiết thì sử dụng sức mạnh của nhân dân chống lại và đập tan mọi mưu toan phá hoại từ bên ngoài và mọi hành vi phản cách mạng của những phần tử thù địch trong nước. Làm như thế là để bảo vệ vững chắc chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Chức năng thường xuyên và chủ yếu của Nhà nước ta là tổ chức và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thực hiện đúng chức năng này, Nhà

nước tạo nên trên đất nước ta một chế độ làm chủ tập thể vững mạnh về mọi mặt, không một kẻ thù nào có thể phá hoại được.

Nhà nước ta được xây dựng qua mấy chục năm đấu tranh vì độc lập dân tộc là một nhà nước vững mạnh về chính trị, có nhiều kinh nghiệm trong đấu tranh chính trị và quân sự. Nhưng đi vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, mà thực chất là xây dựng kinh tế thì Nhà nước ta còn có nhiều nhược điểm. Vì vậy, trong việc xây dựng cơ chế làm chủ tập thể phải đặc biệt quan tâm xây dựng Nhà nước vững mạnh để thực hiện thắng lợi đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng. Nhà nước phải là công cụ sắc bén và đắc lực của chuyên chính vô sản để phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, xây dựng thành công chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hoá mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

Đảng lãnh đạo đề ra đường lối. Người tổ chức thực hiện đường lối trong tất cả chiêu rộng và chiêu sâu của nó, để biến đường lối đó thành hiện thực trong cuộc sống là Nhà nước. Quản lý một nền kinh tế đang trong quá trình hình thành, Nhà nước phải cùng một lúc làm tốt cả hai việc: vừa tổ chức xây dựng ra đối tượng quản lý, vừa quản lý đối tượng đang được xây dựng từng bước ấy. Có làm tốt việc quản lý mới tổ chức xây dựng đúng, có tổ chức xây dựng đúng mới quản lý tốt.

Là người đại biểu quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, trong quản lý kinh tế, Nhà nước phải làm chủ tư liệu sản xuất, làm chủ đất, rừng, biển, làm chủ các cơ sở sản xuất công nghiệp và nông nghiệp đang được xây dựng ngày càng nhiều, làm chủ lực lượng lao động trong cả nước, từng địa phương, từng cơ sở, làm chủ quá trình sản xuất và tái sản xuất xã hội, phân bổ và sử dụng hợp lý lao động, kết hợp lao động với tư liệu sản xuất, làm ra ngày càng nhiều của cải vật chất, làm chủ toàn bộ sản phẩm do nền kinh tế quốc dân tạo

ra để phân phối đúng chính sách, đáp ứng nhu cầu của toàn xã hội cũng như mỗi thành viên.

Thay mặt nhân dân lao động làm chủ toàn bộ nền kinh tế, Nhà nước phải điều hành hoạt động kinh tế theo một kế hoạch và một nền pháp chế thống nhất. Muốn làm chủ nền kinh tế, Nhà nước phải thiết lập một cơ cấu tổ chức thích hợp bảo đảm Nhà nước vừa là một bộ máy quản lý hành chính - kinh tế vừa là một bộ máy quản lý sản xuất, kinh doanh. Quản lý hành chính - kinh tế và quản lý sản xuất, kinh doanh là hai mặt của công tác quản lý kinh tế của Nhà nước gắn bó mật thiết với nhau nhưng không lẫn lộn. Muốn làm tốt công tác quản lý kinh tế, Nhà nước phải kết hợp được trong nó cả hai mặt ấy của quản lý. Bộ máy nhà nước và bộ máy kinh tế phải là một với hai loại cơ quan: cơ quan quản lý hành chính, kinh tế kể từ Hội đồng Bộ trưởng, các bộ đến các uỷ ban các cấp và cơ quan sản xuất, kinh doanh gồm các cơ sở kinh tế như xí nghiệp, liên hiệp xí nghiệp, công ty, v.v.. Cơ cấu tổ chức nhà nước phải gắn với cơ cấu tổ chức kinh tế. Bộ máy nhà nước phải được tổ chức phù hợp với yêu cầu của cơ cấu kinh tế và những quy luật do cơ cấu này quyết định. Quy luật tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước phải phản ánh quy luật tổ chức và hoạt động của cơ cấu kinh tế. Không thể tuỳ tiện đặt ra tổ chức này hoặc tổ chức khác mà không xuất phát từ yêu cầu của tổ chức và hoạt động kinh tế. Đồng thời cũng tránh khuynh hướng giản đơn, không muốn lập ra những tổ chức mới khi có nhu cầu.

Nhà nước từ trung ương đến cơ sở phải được xây dựng theo đúng *Hiến pháp* để thực sự là người đại diện quyền làm chủ của nhân dân, là một Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Bộ máy ấy phải nằm ngay trong nhân dân, trong toàn bộ đời sống chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của nhân dân.

Để quản lý kinh tế đúng đắn, bộ máy nhà nước từ Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng, đến các hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân tỉnh, thành, quận, huyện, xã, phường phải được tổ chức đúng đắn với những chức năng,

quyền hạn rõ ràng, bảo đảm làm chủ về kinh tế ở ba cấp: trung ương, địa phương và cơ sở. Ở đây, phải có sự phân công nhiệm vụ, phân định quyền hạn, phân giao trách nhiệm, phân phối lợi ích rõ ràng, chính xác.

Cơ cấu kinh tế là một cơ thể sống có rất nhiều mối liên hệ ngang dọc phức tạp. Bộ máy nhà nước phải kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ, quản lý tổng hợp với quản lý theo ngành kinh tế kỹ thuật. Các bộ tổng hợp và các bộ chuyên ngành, các bộ ở trung ương và các uỷ ban nhân dân ở địa phương, trong khi thực hiện chức năng của mình, phải phối hợp chặt chẽ với nhau, bổ sung cho nhau như những bộ phận của một cơ thể thống nhất dưới sự chỉ đạo tập trung của Hội đồng Bộ trưởng. Việc quản lý hành chính - kinh tế của Hội đồng Bộ trưởng và của các bộ, cũng như của uỷ ban các cấp phải tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh phát huy được đầy đủ năng lực của mình. Nhằm mục đích ấy, phải đưa ra được những chính sách, chế độ, quy định chính xác khơi dậy được tinh thần sáng tạo của cơ sở. Mặt khác, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, trong thực tiễn hoạt động của mình, phải tích cực tham gia quản lý hành chính - kinh tế bằng cách đề xuất với Nhà nước những vấn đề thuộc về chế độ, chính sách.

Quản lý nhà nước là quản lý theo pháp luật. Một mặt phải chống lối tập trung quan liêu, mặt khác, phải giữ nghiêm pháp chế, kỷ luật, kiên quyết chống những hiện tượng vô tổ chức, vô kỷ luật, vi phạm pháp luật nhà nước. Các cơ quan và cán bộ nhà nước là người chấp hành pháp luật càng phải nghiêm chỉnh tuân thủ pháp luật.

Bộ máy nhà nước từ trung ương đến cơ sở, từ các cấp chính quyền đến các cơ quan trực tiếp quản lý sản xuất, kinh doanh phải sát thực tế và cuộc sống, nhạy cảm với cái mới, nhanh chóng phát hiện và ủng hộ sáng kiến của quần chúng, kịp thời uốn nắn những hiện tượng sai lầm, lệch lạc. Việc quản lý của Nhà nước phải sát đến từng cơ sở kinh tế, từng điểm dân cư, từng gia đình, từng người lao động, từng người

dân. Nhà nước phải bảo đảm mỗi người lao động đều có việc làm và làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả để mỗi người có mức sống ổn định, từng bước được cải thiện và góp phần tích lũy cho sự nghiệp công nghiệp hóa nước nhà. Nhà nước phải có trách nhiệm chăm lo cho người già và trẻ em.

Có cơ chế làm chủ tập thể đúng vẫn chưa đủ. Còn phải có một đội ngũ cán bộ tốt, để thực hiện đúng đắn cơ chế ấy. Cán bộ quyết định tất cả là điều đã được thực tiễn của các đơn vị điển hình tiên tiến chứng minh.

Đảng ta có một đội ngũ cán bộ được rèn luyện, thử thách qua giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ và hai cuộc kháng chiến lâu dài và bước đầu có kinh nghiệm về cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhưng nhìn chung, cán bộ ta còn thiếu kiến thức và năng lực quản lý kinh tế - xã hội. Quản lý vừa là một khoa học vừa là một nghệ thuật mà chúng ta phải học tập không chỉ trong sách vở mà chủ yếu thông qua kinh nghiệm thực tiễn, nghĩa là phải có thời gian mới học tập được. Vì vậy, một nhiệm vụ cấp bách, rất quan trọng, có ý nghĩa quyết định của công tác cán bộ là phải ra sức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý kinh tế - xã hội từ trung ương đến cơ sở, thông qua thực tiễn, tổng kết kinh nghiệm, học tập các điển hình tiên tiến.

Phẩm chất của cán bộ cũng thường xuyên là một vấn đề lớn. Cần khẳng định rằng đại đa số cán bộ ta có phẩm chất cách mạng tốt đẹp. Trong sự nghiệp xây dựng kinh tế, nhiều cán bộ đã trưởng thành và tích lũy được kinh nghiệm. Nhưng trong giai đoạn cách mạng mới, trước những thử thách mới của sự nghiệp xây dựng kinh tế trong hòa bình, một số không ít cán bộ do thiếu rèn luyện đã giảm sút ý chí chiến đấu và nhiệt tình cách mạng, phạm phải những sai lầm thuộc về đạo đức, phẩm chất như tham ô, tư lợi, vun vén cho cá nhân. Thậm chí nhiều người bị lợi ích vật chất cám dỗ đã trở nên thoái hóa, biến chất và phạm tội bóc lột, ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng. Những sai lầm này, nhất là trong hàng ngũ những cán bộ có trách nhiệm ở các cấp, xâm phạm

nghiêm trọng quyền làm chủ tập thể của quần chúng, làm thiệt hại lợi ích kinh tế, chính trị của quần chúng. Những sai lầm này đang là những trở ngại to lớn ngăn cản việc thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cơ chế làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Vì vậy, đi đôi với việc mạnh dạn đề bạt những cán bộ có năng lực và phẩm chất đã được thử thách, phải loại trừ những cán bộ đã thoái hóa, biến chất, mất hết tín nhiệm với quần chúng, đưa ra khỏi Đảng những phần tử không còn đủ tư cách đảng viên, truy tố trước pháp luật những kẻ phạm tội nghiêm trọng. Cần tổ chức cho quần chúng định kỳ tham gia ý kiến với Đảng về công tác cán bộ, phê bình, nhận xét cán bộ, nêu kiến nghị về sắp xếp và đề bạt cán bộ.

Công tác cán bộ của Đảng phải được tiến hành một cách có kế hoạch nhằm xây dựng một đội ngũ cán bộ thật sự đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng, của sự nghiệp xây dựng kinh tế, văn hóa xã hội chủ nghĩa. Phải đánh giá lại toàn diện đội ngũ cán bộ hiện có và có kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ cán bộ ấy, đào tạo đội ngũ dự bị. Phải bố trí và sử dụng cán bộ đúng với tài năng và sở trường của từng người. Phải có chính sách dài ngô đúng đắn để khuyến khích phát huy năng lực của từng người. Phát hiện những người có năng lực quản lý để đưa vào cương vị phụ trách các ngành, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, và đào tạo những chuyên gia giỏi cho từng lĩnh vực công tác.

Xây dựng đúng đắn cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý là khâu then chốt của toàn bộ công tác quản lý của chúng ta. Năm vũng khâu then chốt này, chúng ta sẽ hoàn thiện được sự lãnh đạo của Đảng, cải tiến được công tác quản lý của Nhà nước và nhất định sẽ tạo nên được những phong trào quần chúng mạnh mẽ để thực hiện thắng lợi cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

X- SỬ DỤNG LỰC LUỢNG TỔNG HỢP CỦA CÁCH MẠNG

Hội nghị lần thứ năm của Trung ương đã khẳng định rằng phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động và sử dụng lực lượng tổng hợp của cách mạng là sức mạnh to lớn của chúng ta.

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, thực hiện đường lối kháng chiến toàn dân và toàn diện, nhân dân ta có sức mạnh to lớn để chiến thắng. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, sử dụng lực lượng tổng hợp với trình độ cao hơn, nhân dân ta đã đánh thắng tên đế quốc xâm lược lớn nhất của thời đại. Sử dụng sức mạnh tổng hợp là một khoa học, một nghệ thuật cách mạng kết hợp sức mạnh của nước ta với sức mạnh của thời đại, sức mạnh quân sự với sức mạnh chính trị, kinh tế, văn hóa, sức mạnh của đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao, sức mạnh của từng người với sức mạnh của từng thôn xóm, từng huyện, từng tỉnh và của cả nước, sức mạnh của ba thứ quân, của ba vùng chiến lược và của ba mũi giáp công. Và biết sử dụng tổng hợp mọi lực lượng và mọi hình thức chiến đấu, chúng ta luôn luôn ở thế chủ động linh hoạt, giành từ thắng lợi này đến thắng lợi khác và cuối cùng giành được thắng lợi hoàn toàn.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế phổ biến là sản xuất nhỏ, Đảng ta phải sử dụng lực lượng tổng hợp của đất nước và của nền kinh tế để tạo ra sức mạnh to lớn ngay từ đầu.

Cơ sở của sức mạnh tổng hợp tồn tại khách quan trong bản thân sự vật. Mỗi liên hệ phổ biến đòi hỏi xem xét mỗi sự vật một cách toàn diện và xử lý nó trong mối quan hệ với sự vật khác. Đó là một nguyên lý mà phép biện chứng duy vật đã khẳng định. Chính là phù hợp với nguyên lý đó mà các khoa học trong thời đại ngày nay, trên cơ sở những tiến bộ đã đạt được trong giai đoạn phân tích trước đây, đang tiến tới giai đoạn tổng hợp. Xét về mặt lịch sử xã hội cũng vậy, loài người đang tiến tới thời đại làm chủ tập thể của nhân dân lao động, trong đó lịch sử diễn ra không phải tự phát mà là tự giác, đòi hỏi giải quyết mọi vấn đề phù hợp với sự vận động

tổng hợp của các loại quy luật. Cũng như xây dựng chế độ làm chủ tập thể, *vận dụng sức mạnh tổng hợp là một quy luật của thời đại*.

Đường lối cách mạng của Đảng ta phản ánh quy luật vận động tổng hợp của các loại quy luật kinh tế, xã hội và các quy luật khoa học đang chi phối quá trình cách mạng ở nước ta. Năm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa là sự vận dụng tổng hợp các quy luật về mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất, giữa cơ sở kinh tế với kiến trúc thương tàng, giữa các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, giữa sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại. Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý ngay trong chặng đường đầu tiên của chủ nghĩa xã hội là phù hợp với quan hệ tác động qua lại và kết hợp với nhau thành sức mạnh to lớn giữa công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ và nông nghiệp, giữa kinh tế trung ương, kinh tế địa phương và cơ sở, giữa kinh tế trong nước và nước ngoài, giữa kinh tế và quốc phòng. Xây dựng chế độ làm chủ tập thể là xây dựng một chế độ xã hội kết hợp hài hòa các mối quan hệ giữa làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân, giữa làm chủ về chính trị với làm chủ về kinh tế, văn hóa, xã hội, giữa làm chủ cả nước với làm chủ trong từng địa phương và cơ sở, giữa cộng đồng và cá nhân.

Đường lối chung và đường lối xây dựng kinh tế của ta phản ánh các mối quan hệ tổng hợp khách quan cho phép chúng ta tạo nên sức mạnh tổng hợp để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Tổ chức thực hiện đường lối, biến đường lối đúng đắn thành hiện thực sinh động trên đất nước ta cũng phải là sự cố gắng tổng hợp của toàn Đảng và toàn dân.

Kinh tế, nhất là nền kinh tế trong quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, vận động theo quy

luật tổng hợp. Không nắm vững và vận dụng quy luật vận động này trong khi điều hành toàn bộ nền kinh tế, cũng như trong khi giải quyết từng vấn đề cụ thể, nhất định chúng ta sẽ vấp phải những mâu thuẫn, những sự mất cân đối, thậm chí những sự rối ren, ngăn cản sự phát triển của kinh tế và cả các lĩnh vực hoạt động xã hội khác. Vì vậy, từng ngành, từng cấp, từng địa phương, từng cơ sở đều phải xuất phát từ thực tế của ngành, địa phương, và cơ sở của mình mà vận dụng tổng hợp đường lối chung và đường lối kinh tế để giải quyết các vấn đề kinh tế và các vấn đề khác một cách đồng bộ, tạo nên sức mạnh tổng hợp đưa sự nghiệp cách mạng của chúng ta tiến lên một cách năng động, linh hoạt.

Hội nghị Trung ương lần này tập trung thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng về cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý kinh tế - xã hội, giải quyết những vấn đề vừa cơ bản vừa cấp bách nhằm thực hiện cho được những mục tiêu và nhiệm vụ do Đại hội lần thứ V đề ra. Muốn giải quyết đúng những vấn đề nói trên, chúng ta cần phải nắm vững và quán triệt các quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đây là công cuộc rất mới mẻ, chúng ta phải cùng nhau thảo luận, tìm tòi, phát hiện và vận dụng các quy luật ngày càng thuần thực và có hiệu quả.

Điều quan trọng nhất là qua Hội nghị Trung ương lần này, chúng ta đạt đến sự nhất trí thật sự và nhất trí cao về nhận thức quy luật, về thấu suốt đường lối, về quan điểm và phương hướng đổi mới quản lý kinh tế, về các biện pháp quan trọng và cấp bách. Từ sự nhất trí của Trung ương, chúng ta thực hiện sự nhất trí của toàn Đảng, toàn dân. Tất cả cán bộ, đảng viên và mọi người lao động thống nhất tư

tưởng, thống nhất hành động, cùng nhau hăng hái phấn đấu theo phương hướng thống nhất, trên quan điểm thống nhất, như vậy, nhất định chúng ta sẽ chuyển biến được tình hình kinh tế - xã hội, đưa sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa tiến lên.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**PHÁT BIỂU CỦA ĐỒNG CHÍ TRƯỜNG CHINH
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA V**

Thưa Đoàn Chủ tịch,

Thưa các đồng chí Trung ương,

Nền kinh tế nước ta đang đứng trước yêu cầu bức thiết phải *đổi mới cơ chế quản lý*. Đây là một vấn đề lớn đã được ghi trong Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng. Nghị quyết đó đã chỉ rõ:

"Nền kinh tế của ta hiện nay còn nhiều thành phần, nhiều trình độ kỹ thuật, nhiều quy mô hoạt động, nhiều loại hình sản xuất, kinh doanh và đang có nhiều mâu thuẫn gay gắt. Thích ứng với nền kinh tế ấy, phải có một cơ chế quản lý năng động, có khả năng xóa bỏ tập trung quan liêu, bảo thủ, trì trệ và bao cấp tràn lan, thực hiện đúng đắn tập trung dân chủ. Cơ chế quản lý mới mà chúng ta áp dụng phải mở rộng quyền chủ động cho cơ sở, địa phương và ngành, đồng thời bảo đảm cho trung ương nắm chắc những việc, những khâu cần quản lý"¹.

¹. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1982, t.2, tr.72.

Chúng ta đã nhiều lần đề cập đến vấn đề đổi mới cơ chế quản lý, nhưng chưa lần nào đặt thành một chuyên đề nghiên cứu kỹ lưỡng về phương hướng, chủ trương và biện pháp thi hành.

Để đạt được các mục tiêu kinh tế mà Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng đã đề ra, chúng ta *đều nhất trí* rằng phải phấn đấu đẩy mạnh sản xuất, quản lý thị trường, phải nấm hàng, nấm tiền. Song làm thế nào để đẩy mạnh sản xuất, để quản lý thị trường, để nấm hàng, nấm tiền trong tay Nhà nước thì còn nhiều ý kiến phân tán và khác nhau. Lần này chúng ta nên thảo luận một cách cởi mở nhằm đi tới nhất trí thật sự về quan điểm cũng như về giải pháp để đưa nền kinh tế nước ta nhanh chóng thoát khỏi khó khăn, tiến mạnh về phía trước. Tâm *quan trọng* của Hội nghị Trung ương lần này chính là ở đó.

Sau mấy tháng khẩn trương chuẩn bị, trải qua mấy lần sửa chữa, bổ sung, dự thảo Nghị quyết trình ra Hội nghị Trung ương lần này có tiến bộ. Tôi tán thành về cơ bản nội dung của dự thảo nghị quyết. Tuy nhiên, có một số điểm như sự phân tích về những khuyết điểm của chúng ta trong quản lý kinh tế chưa thật sâu sắc, những biện pháp nêu lên chưa dứt khoát, rõ ràng... Qua ý kiến của các đồng chí Trung ương ở hội nghị này, cần tiếp tục bổ sung vào dự thảo nghị quyết.

Dưới đây, tôi không nói lại tình hình mà xin phát biểu thẳng vào những vấn đề mà hội nghị chúng ta cần giải quyết.

I- VỀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ KINH TẾ

Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương đã dành hẳn chương IV để nói về *phân cấp quản lý kinh tế*.

Trong hội nghị lần này, chúng ta lại tiếp tục cụ thể hóa thêm một bước. Tôi hoàn toàn nhất trí với chủ trương mở rộng quyền chủ động của cơ sở trong sản xuất, kinh doanh. Cơ sở là *tế bào* của nền kinh tế, là nơi người lao động tác động trực tiếp vào tư liệu lao động và đối tượng lao động để làm ra sản phẩm, sáng tạo ra giá trị vật chất và tinh thần, là tấm gương phản ánh thực trạng của nền kinh tế, phản ánh những yêu cầu của sản xuất và đời sống. Đó cũng là nơi mà các chủ trương, chính sách của Đảng được thể nghiệm trên thực tế sinh động. Từ trong thực tế đó, có thể rút ra những bài học kinh nghiệm thiết thực và bổ ích, giúp chúng ta đánh giá và hoàn chỉnh các quyết định của mình. *Cơ chế quản lý mới* hình thành từ cơ sở và trở lại phục vụ cơ sở, làm cho sản xuất ngày càng phát triển, và cơ chế quản lý ngày càng hoàn thiện hơn. Chính vì lẽ đó, cần mở rộng quyền chủ động của cơ sở trong sản xuất, kinh doanh. Đây không phải là chủ trương nhất thời, chỉ áp dụng trong hoàn cảnh khó khăn hiện nay, mà là *một vấn đề lớn thuộc chiến lược quản lý*, có tác dụng lâu dài, nhằm khai thác đến mức tối đa tiềm năng của đất nước.

Ở các nước anh em đã đi qua thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và đang xây dựng chủ nghĩa xã hội phát triển, việc cải tiến cơ chế quản lý, mở rộng quyền chủ động cho cơ sở vẫn đang là vấn đề thời sự. *Cơ chế quản lý phải được hoàn thiện không ngừng*, phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế trong từng giai đoạn.

Để mở rộng quyền chủ động của cơ sở trong sản xuất, kinh doanh, điều quan trọng bậc nhất là phải kiên quyết xóa bỏ cách quản lý theo lối quan liêu, bao cấp, chuyển hẳn sang quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Chế độ bao cấp trong những năm qua làm cho *bức tranh kinh tế* của chúng ta trở thành *giả tạo*. Nay phải tiến hành hạch toán kinh doanh *thật sự*, trước hết là phải *hạch toán giá thành*, phản ánh đầy

đủ và đúng đắn các chi phí sản xuất; xóa bỏ cách làm hình thức và nửa vời lâu nay; khôi phục tính chân thực của các hoạt động kinh tế. Phải để cho các đơn vị kinh tế, *các cơ sở chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất, kinh doanh của mình*, không trông chờ, y lại vào cấp trên (trong khi cấp trên phải làm đúng nhiệm vụ của mình đối với cơ sở); đề cao tinh thần trách nhiệm, phát huy đầy đủ tính tích cực, tính năng động, khai thác mọi khả năng từ các nguồn khác nhau để duy trì và đẩy mạnh sản xuất; tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả, bảo đảm làm ăn có lãi.

Để cơ sở có thể làm tròn *trách nhiệm nặng nề* đó, phải dành cho cơ sở *quyền hạn tương ứng*, bảo đảm lợi ích chính đáng của người lao động, của đơn vị cơ sở sản xuất, kết hợp hài hòa với lợi ích của toàn xã hội. Cơ sở phải có quyền làm chủ kế hoạch sản xuất, kinh doanh của mình, bảo đảm kế hoạch thật sự được lập từ dưới lên, không phải áp đặt từ trên dội xuống; phải thực hiện quyền tự chủ về tài chính, về giá cả, về tiêu thụ sản phẩm, về tạo vốn và sử dụng vốn, sử dụng các quỹ tiền lương, tiền thưởng, quỹ phát triển sản xuất, quyền mở rộng liên kết kinh tế nhằm khai thác các nguồn vật liệu, vật tư, quyền đổi với lao động như: tuyển dụng, sắp xếp, kể cả cho thõi việc khi cần thiết, vì lợi ích chung của cơ sở và trong khuôn khổ của pháp luật. Phải xác định quyền hạn và trách nhiệm của cơ sở trong kinh doanh xuất - nhập khẩu, tạo điều kiện cho cơ sở tiếp xúc với thị trường thế giới, được phép vay và sử dụng ngoại tệ để tiến hành sản xuất, được khuyến khích thỏa đáng khi hoàn thành vượt mức kế hoạch về xuất khẩu. Tôi tán thành rút gọn hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh (gồm 5 chỉ tiêu) như dự thảo nghị quyết đã nêu.

Bảo đảm quyền chủ động của cơ sở không phải là việc của riêng cơ sở. Trái lại, đó chính là công việc của *tất cả các ngành, các cấp, các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước* từ

trung ương đến địa phương. Các hoạt động của chúng ta phải hướng về cơ sở, bảo đảm cho nó thực hiện tốt trách nhiệm được giao, hướng dẫn, khuyến khích cơ sở phát huy đầy đủ tính năng động, sáng tạo. Phải phân biệt rõ ràng chức năng lãnh đạo, quản lý hành chính - kinh tế của bộ máy nhà nước các cấp với chức năng sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế. Nhà nước (các cấp) không bao biện, làm thay cơ sở, mà tập trung vào những vấn đề lớn có tính chất quyết định đối với nền kinh tế trong cả nước hoặc ở từng địa phương, từng khu vực; quy hoạch tổng thể trên địa bàn cả nước và ở từng địa phương, quyết định các chính sách, biện pháp lớn, thiết lập và hoàn thiện hệ thống quản lý, bảo đảm cho hoạt động của cơ sở hướng vào các mục tiêu kinh tế - xã hội đã được vạch ra; bố trí bộ máy, đào tạo cán bộ, công nhân đáp ứng các yêu cầu phát triển của nền kinh tế quốc dân, giữ vững quyền kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của cơ sở.

Nền kinh tế nước ta là *một thể thống nhất*. Không thể coi việc phân cấp giữa trung ương và địa phương, mở rộng quyền chủ động của cơ sở như một việc làm chia cắt nền kinh tế ra thành nhiều mảnh. Phải xác định mối quan hệ hợp lý giữa ngành và địa phương, bảo đảm làm tốt việc quản lý theo ngành kết hợp với quản lý theo vùng và theo lãnh thổ. Phải soát xét lại các quy chế kiểm tra, thanh tra, kiểm soát, giám sát theo hướng đơn giản, nhưng chặt chẽ, vừa bảo đảm mở rộng quyền chủ động của địa phương và cơ sở, vừa tăng cường kỷ luật quản lý, bảo đảm sự chỉ đạo tập trung, thống nhất của trung ương. Phải chống thái độ và hành vi lạm dụng, cửa quyền, gây khó khăn cho địa phương và cơ sở;

đồng thời, phải chống những hiện tượng tự do chủ nghĩa, vô tổ chức, vô kỷ luật, muốn thoát ra ngoài sự kiểm soát, giám sát của trung ương.

Phân cấp giữa trung ương và địa phương, phân giao cơ sở giữa các ngành với các tỉnh, thành phố, mở rộng quyền chủ động của cơ sở trong sản xuất, kinh doanh và bảo đảm sự tập trung, thống nhất trong chỉ đạo, quản lý của trung ương đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân là *hai mặt thống nhất của cơ chế quản lý, lấy kế hoạch làm trung tâm*, gắn kế hoạch với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, nhằm phát huy cao độ tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của quần chúng, huy động đến mức tối đa tiềm năng về đất đai, lao động, cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có để đẩy mạnh sản xuất, tạo ra nhiều sản phẩm với chất lượng tốt, đạt hiệu quả ngày càng cao.

II- VỀ VẤN ĐỀ TÀI CHÍNH, TIỀN TỆ, GIÁ CẢ, TIỀN LƯƠNG

Để cho việc phân cấp quản lý kinh tế, mở rộng quyền chủ động của cơ sở trong sản xuất, kinh doanh *trở thành hiện thực*, để thực sự chuyển sang hạch toán kinh doanh, để cho việc hạch toán giá thành bao gồm đầy đủ những chi phí cần thiết, phản ánh trung thực hoạt động sản xuất, kinh doanh, chúng ta không thể không giải quyết những vấn đề tài chính, tiền tệ, giá cả, tiền lương.

1. Trong mấy năm qua, chúng ta chủ trương phải đẩy mạnh sản xuất, quản lý thị trường, nắm hàng, nắm tiền, coi đó là tiền đề, là cơ sở để giải quyết giá và lương. Song vấn đề là

*làm thế nào để đẩy mạnh được sản xuất, để quản lý được thị trường, để nắm được hàng và tiền? Để trả lời câu hỏi đó, chúng ta phải trả lại vấn đề giá và lương. Rõ ràng là giữa hai loại vấn đề đó, có mối quan hệ nhân quả. Trong hoàn cảnh cụ thể nước ta hiện nay, giá cả, tiền lương trở thành *tiền đề* để đẩy mạnh sản xuất, thu mua, quản lý thị trường.*

Giá, lương, tiền là những vấn đề *rất cấp bách*, đang hằng ngày, hằng giờ tác động trực tiếp vào sản xuất và đời sống, trong mọi lĩnh vực, ở mọi địa phương cũng như trên phạm vi cả nước. Giải quyết các vấn đề đó không thể là công việc của từng địa phương, cơ sở, mà là việc chung của cả nước. Chúng ta đang ở trong một thời kỳ khá đặc biệt. Lê nin nói: "Trong mỗi thời kỳ đặc biệt, cần phải biết tìm cho ra cái mắt xích đặc biệt mà người ta phải đem toàn lực ra nắm lấy để giữ vững được toàn bộ cái xích và chuẩn bị để chuyển vững chắc sang mắt xích kề bên"¹. Giá, lương, tiền chính là *mắt xích đặc biệt* đang cần nắm. Đây chính là khâu nóng hổi đang biểu hiện những *mối mâu thuẫn gay gắt* trong hoạt động kinh tế - xã hội hiện nay. Có thể nói hệ thống giá cả, tiền lương, các chính sách tài chính và tiền tệ hiện hành là cái "*lô cốt*" mà tê quan liêu, bao cấp *đang cố thủ*, đồng thời cũng chính là khâu yếu mà người ta đang ra sức lợi dụng để gây nên tình trạng tự do chủ nghĩa, vô tổ chức, vô kỷ luật khá phổ biến hiện nay. Như mọi người vẫn nói "trên quan liêu nên dưới xé rào". Đây cũng là nơi diễn ra tình trạng báo cáo sai sự thật, đang lan tràn ở mọi ngành, mọi cấp.

Chúng ta cần khẳng định rằng tê quan liêu, bao cấp, tư tưởng bảo thủ, trì trệ và tình trạng tự do chủ nghĩa, vô tổ chức, vô kỷ luật hiện nay là *hai mặt của cùng một vấn đề*, trong đó quan liêu, bao cấp, bảo thủ, trì trệ là *chính*. Có kiên quyết khắc phục quan liêu, bao cấp, bảo thủ, trì trệ thì mới

¹. V.I.Lê nin: *Toàn tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1971, t.27, tr.346.

có thể ngăn chặn có hiệu quả tình trạng tự do chủ nghĩa, vô tổ chức, vô kỷ luật.

Vì vậy, để khắc phục khó khăn, giải quyết những mâu thuẫn trong nền kinh tế quốc dân hiện nay, chúng ta phải chọn khâu này để mở một *đột phá khâu*. Đánh trúng vào đó là đánh trúng vào nơi mà tê quan liêu, bao cấp đang ẩn náu, đồng thời cũng đánh trúng vào chủ nghĩa tự do, tình trạng vô tổ chức, vô kỷ luật. Những khâu đó đang *đè nặng* lên nền kinh tế nước ta; đánh trúng vào đó sẽ tạo điều kiện cho sản xuất phát triển, lập lại trật tự trong nền kinh tế quốc dân và trong đời sống xã hội, khôi phục lại phẩm chất, đạo đức, tăng cường hiệu lực của pháp luật, củng cố lòng tin của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân.

Lâu nay, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị có nhiều nghị quyết đúng đắn và quan trọng, song không được thực hiện nghiêm chỉnh. Điều đó có nhiều nguyên nhân. Một trong những *nguyên nhân quan trọng nhất* chính là do tê quan liêu, bao cấp, tư tưởng bảo thủ, trì trệ biểu hiện khá tập trung, khiến chúng ta duy trì quá lâu hệ thống giá cả, tiền lương cũng như chính sách tài chính và tiền tệ lỗi thời, hoàn toàn không thích hợp với tình hình đầy biến động trong những năm qua, trong nước cũng như trên thị trường quốc tế. Nhiều nghị quyết đã nói khá rõ ràng, đầy đủ về phân cấp quản lý kinh tế. *Nội dung cốt lõi của hạch toán kinh tế, hạch toán giá thành chính là ở giá cả, đó là thước đo hiệu quả của sản xuất, kinh doanh*. Nếu không giải quyết thích đáng vấn đề giá - lương - tiền thì nói chung không thể tiến hành sản xuất bình thường, càng không thể nói đến đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh. Trong thực tế đã xảy ra không ít trường hợp do vướng mắc về giá cả mà phải đình sản xuất hoặc sản xuất cầm chừng, do chỉ thiếu mấy chục đồng đôla để mua phụ tùng thay thế mà cả một phân xưởng phải ngừng làm việc; do giá cả định không sát, do thiếu tiền mà bỏ lỡ thời cơ thuận lợi nhất để thu mua nông sản... Vì vậy, để cho việc mở rộng quyền chủ động của cơ sở trong sản xuất, kinh doanh

không phải chỉ trên giấy tờ, mà có ý nghĩa thực tế, thì việc đầu tiên là phải có chính sách giá cả, tiền lương, tài chính, tiền tệ đúng đắn và phù hợp.

Chúng ta đã duy trì hệ thống chính sách đó quá lâu, nay mới giải quyết là chậm rồi. Nếu để càng lâu, tình hình sẽ càng trì trệ và nguy hiểm, việc giải quyết sẽ càng khó khăn. Sau đây, tôi sẽ nói rõ thêm một vài điểm cụ thể.

2. Về giá cả

Với chính sách giá hiện hành, sản xuất, kinh doanh không thể tiến hành bình thường được. Khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa, bao gồm quốc doanh và tập thể, nhất là quốc doanh, bị kìm hãm, phát triển rất chậm so với khu vực cá thể, thậm chí có chỗ bị giảm sút và đình đốn. *Chúng ta đã tự bó tay mình lại*, để cho tư thương, bọn đầu cơ buôn lậu, bọn ăn cắp, tham ô ngang nhiên hoành hành, lũng đoạn nền kinh tế quốc dân, tha hoá cán bộ, nhân viên nhà nước. Trong tình hình thị trường trong nước và trên thế giới đang trải qua nhiều biến động, chúng ta lại thiết lập một hệ thống giá *cứng nhắc và quá thấp*, coi là ổn định, thì trên thực tế đã *gây thiệt hại lớn* đến lợi ích quốc gia, đến lợi ích của giai cấp công nhân và người lao động, là đội ngũ nòng cốt của cách mạng. Chúng ta không tôn sùng, không chạy theo giá thị trường, song cũng không thể coi thường, không đếm xỉa một cách thích đáng đến sự tồn tại khách quan của nó. Thực tế đã diễn ra là: giá do chúng ta định ra *càng thấp*, khoảng cách *càng xa* với giá thị trường thì thiệt hại của Nhà nước, của giai cấp công nhân *càng lớn*. Chúng ta đã đưa đại bộ phận tiền lương vào bù lỗ ngân sách, không tính trong giá thành sản phẩm. Chúng ta đã bán vật tư với giá thấp, dưới 50% giá trị, khiến cho giá thành tính toán bị sai lệch rất xa so với thực tế, gây thiệt hại cho nhà nước mỗi năm hàng trăm tỷ đồng. Với việc bán giá thấp, chúng ta đã để mất một khối lượng lớn hàng và tiền để rồi lại phải bàn cách làm thế nào để lấy lại. Ngân sách nhà nước đã mất không hàng chục tỷ đồng tiền xăng từ 3 năm qua

khi đình chỉ bán xăng cho người tiêu dùng. Trong năm 1983, chúng ta đã phải bù lỗ đến 10 tỷ đồng về hàng xuất khẩu (!). Hạch toán kinh doanh trong tình hình đó đã mất hết ý nghĩa thực tế. Việc định khâu hao cơ bản thấp khiến các nhà máy không có khả năng đổi mới thiết bị và áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, làm cho chúng chẳng những không phát triển được mà ngày càng hư hỏng, mòn mỏi đi.

Đó là những việc làm *phi kinh tế không thể chấp nhận được!* Đã đến lúc phải chấm dứt tình trạng "làm ít lỗ ít, làm nhiều lỗ nhiều, càng sản xuất, kinh doanh càng lỗ" hoàn toàn trái với nguyên tắc hạch toán kinh tế. Vì vậy, phải thay đổi cách nghĩ, cách nhìn và thay đổi chính sách của chúng ta. Trong lãnh đạo kinh tế, phải coi trọng những quy luật kinh tế của thời kỳ quá độ, thiết thực nhất là của chặng đường đầu tiên hiện nay. Chỉ có như vậy, chúng ta mới tránh được nguy cơ suy sụp của nền kinh tế và tài chính.

Xuất phát từ nhận định: chúng ta hiện đang mới ở *chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, nền kinh tế còn nhiều thành phần, sản xuất hàng hoá nhỏ còn là phổ biến thì dù muốn hay không, chúng ta cũng phải thừa nhận sự tồn tại *khách quan của giá thị trường*, đó là *giá thực tế* mà cả xã hội đang phải sống hàng ngày với nó; việc mua, bán, trao đổi dù theo cách nào, bất cứ ở đâu cũng đều đang lấy nó *làm chuẩn để đo lường và so sánh*. Trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ ở Liên Xô, giá cả của các xí nghiệp, công ty, giá bán lẻ của Nhà nước đều không giữ được ổn định mà phải tăng theo giá thị trường tự do.

Lênin nói: "Để khỏi bị thị trường tự do đánh bại, để khỏi bị nền thương nghiệp tự do này đánh bại, thì chúng ta phải hiểu biết nó một cách kỹ càng, phải thi đấu với nó và phải đánh bại nó bằng chính con bài của nó, bằng chính công cụ của nó"¹.

¹. V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.43, tr.357.

Trong tình hình hiện nay, khi sản xuất chưa phát triển, hàng hoá trong tay Nhà nước còn ít, chưa đủ để khống chế thị trường, chúng ta phải quyết định chính sách giá cả đúng đắn và phù hợp để có thể duy trì và đẩy mạnh sản xuất, nấm hàng, nấm tiền, từng bước chiếm lĩnh thị trường xã hội. Chúng ta không thể tiến hành cuộc đấu tranh bằng cách phủ nhận, bác bỏ giá thị trường rồi tự định ra giá theo ý muốn chủ quan của mình. Làm như vậy cuối cùng chỉ có Nhà nước là bị thiệt, chênh lệch giá càng cao thì thiệt hại càng nhiều. Chúng ta phải dùng chính con bài, chính công cụ của nền thương nghiệp tự do để đánh bại nó như Lenin đã chỉ rõ. Việc cải thiện đời sống của công nhân, của những người ăn lương *nhất thiết phải được thực hiện*, song không phải bằng cách bán giá thấp mà chính là thông qua tiền lương, là điều tôi sẽ nói rõ ở đoạn sau. Phải gắn chính sách giá với thực tế sản xuất và đời sống, tạo ra cơ chế giá linh hoạt, phù hợp với thực tế, đủ sức đối phó với mọi biến động của tình hình.

Từ năm 1960, chúng ta đã thi hành *chính sách một giá*. Trải qua hơn 20 năm, tình hình có nhiều biến đổi, song do những điều kiện khách quan của chiến tranh và nhất là do những khuyết điểm chủ quan trong nhận thức, chúng ta đã không xử lý thích đáng và kịp thời, để lưu hành quá lâu một hệ thống nhiều loại giá, gây rối loạn, tiêu cực trong kinh tế, kìm hãm sản xuất, cản trở thu mua, gây rất nhiều khó khăn trong đời sống. Nay đã đến lúc bức thiết phải sửa chữa. Tuy nhiên, để tránh gây ra biến động đột ngột, tôi tán thành trước mắt thi hành *chính sách hai giá*, coi đó là một bước tiến so với tình trạng nhiều giá hiện nay. Song, tôi đề nghị coi chính sách hai giá là một *giải pháp tạm thời, một bước quá độ*; cần khẩn trương chuẩn bị *trở lại hệ thống một giá*, khôi phục tính chân thực của nền kinh tế, của sản xuất, kinh doanh và đời sống. Làm việc này tất nhiên có khó khăn, có thể có cả những hậu quả xấu; song chúng ta không thể vì thế mà chần chừ, do dự, kéo dài mãi tình trạng hiện nay. Chúng

ta buộc phải chấp nhận một điều xấu ít để tránh điều còn xấu hơn.

3. Về tiền lương

Tiền lương hiện nay đang trở thành *một trong những vấn đề nóng bỏng nhất* cần phải giải quyết. Đó không phải chỉ là vấn đề của đời sống, mà *trước hết* đó là vấn đề của *sản xuất*. Tiền lương của người lao động hiện nay chỉ đủ sống 10 ngày (và đang có xu hướng giảm hơn nữa), kể cả khi được cung cấp đủ các mặt hàng định lượng. Trong trường hợp không cung cấp đủ hoặc cung cấp chậm các mặt hàng đó, đời sống của người lao động càng khó khăn. Trong tình hình đó, yêu cầu đẩy mạnh sản xuất, tăng năng suất và chất lượng lao động là *không thực tế*. Dự thảo nghị quyết lần này vẫn *chưa đưa ra được lời giải đáp* nào về cuộc sống của người lao động trong 20 ngày còn lại.

Ít lâu nay, chúng ta thường xếp tiền lương vào phạm trù phân phối lưu thông. Song theo phân tích của Mác, tiền lương trước hết là *một yếu tố của quá trình sản xuất và tái sản xuất*. Nó chỉ trở thành yếu tố tiêu dùng sau khi người lao động nhận được phần giá trị lao động tất yếu của mình dưới hình thức tiền hay hiện vật. Chính do *sự hiểu lầm này*, tiền lương đã không được hạch toán đầy đủ trong giá thành, mà còn bị coi là một yếu tố tiêu dùng, một thứ trợ cấp xã hội mang nặng tính bình quân, muốn trả bao nhiêu hoặc trì hoãn bao lâu cũng được. Cách nói: phải tạo tiền đề như phát triển sản xuất, quản lý thị trường, nấm hàng, nấm tiền, tạo ra quỹ hàng hoá rồi mới có cơ sở để tăng lương, *thực chất là tách tiền lương ra khỏi quá trình sản xuất*. Rõ ràng là *không có lao động tất yếu thì không thể có lao động thặng dư*. Nếu làm không đủ ăn thì ngay cả tái sản xuất giản đơn cũng không thực hiện được.

Lý luận và thực tiễn đã chứng tỏ rằng chúng ta phải xếp tiền lương vào phạm trù sản xuất, coi tiền lương là *một trọng điểm đầu tư: đầu tư vào lao động sống, tiềm năng quý nhất của chúng ta*. Giải quyết đúng đắn vấn đề tiền lương chính

là tác động trực tiếp vào sản xuất, khuyến khích người lao động hăng hái làm việc, tạo ra nhiều sản phẩm, giảm bớt tiêu cực, giảm bớt thất thoát hàng hoá của Nhà nước.

Mác đã chỉ ra rằng: tốc độ tăng tiền lương phải thấp hơn tốc độ tăng năng suất lao động (nếu không thì ta sẽ bóc ngắn cắn dài). Điều đó hoàn toàn đúng trong những điều kiện bình thường. Song chúng ta đang ở trong điều kiện đặc biệt, không bình thường, điều kiện bụng người lao động lép kẹp. Trong điều kiện đó, phải vận dụng một luận đề khác cũng của Mác: tiền lương của người lao động là giá trị sức lao động của người đó, được đo bằng *giá trị các tư liệu sinh hoạt cần thiết cho bản thân và gia đình anh ta*.

Hệ thống tiền lương thiết lập lần đầu tiên từ năm 1960 đã phản ánh tương đối đúng đắn luận đề trên đây của Mác. Song, từ đó đến nay, tình hình thay đổi nhiều, kết quả là tiền lương ngày càng đi xa và đến nay thì đã *sai hẳn luận đề đó*.

Giữa giá cả và tiền lương có *mối quan hệ chặt chẽ*. Đối với những người ăn lương, vấn đề *không phải là ở bản thân việc định giá cao hay thấp* mà chủ yếu là *ở tiền lương thực tế, ở khả năng thanh toán* của người đó đối với những nhu cầu sinh hoạt. Trong điều kiện hiện nay, chưa thể bãi bỏ chế độ cung cấp, còn phải duy trì một thời gian, song phải thay đổi giá cung cấp hiện nay để hạn chế những mặt tiêu cực phát sinh từ các khâu do việc định giá thấp. Làm như vậy cũng là vừa duy trì chế độ cung cấp, vừa khắc phục phần nào tính bao cấp trong tiền lương.

Trong đợt điều chỉnh giá cuối năm 1981, *khuyết điểm chính* của chúng ta *không phải là ở chỗ nâng giá hàng loạt mặt hàng, mà chính là ở chỗ đã không điều chỉnh tiền lương một cách tương ứng*; lẽ ra cả hai việc *phải làm đồng bộ và thích đáng*. Sau đó, giá tiếp tục tăng, tiền phát hành ngày càng nhiều, nhưng chúng ta đã quá chậm trễ và "nhỏ giọt", "chắp vá" trong việc điều chỉnh tiền lương, khiến cho mức sống của

công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang ngày càng giảm sút, ảnh hưởng lớn đến sản xuất, đến toàn bộ đời sống xã hội, đến đạo đức, pháp luật, tâm tư, tình cảm, lòng tin của cán bộ, đảng viên. Mọi người đều phải xoay xở để sống, tệ nạn tiêu cực phát triển, chúng ta đứng trước nguy cơ tha hoá đội ngũ giai cấp công nhân và người lao động. Có thể coi đây là một *khuyết điểm lớn nhất* của chúng ta trong đợt điều chỉnh giá đó.

Hiện nay, mức sống tối thiểu của công nhân không đủ để họ lao động sản xuất bình thường, chưa nói đến lao động với cường độ cao. Vậy thì cần đặt vấn đề ngược lại: *hãy lo cho công nhân sống khá hơn một chút để họ có đủ sức lao động tám tiếng mà làm ra sản phẩm nhiều hơn*. Giải quyết tiền lương lúc này *chính là giải quyết sản xuất*, đồng thời cứu lấy giai cấp công nhân. Giải quyết tiền lương cũng chính là nhằm mục đích quản lý thị trường, nắm hàng, nắm tiền trong tay Nhà nước. Việc giải quyết vấn đề này đã trở nên bức thiết, không thể trì hoãn mãi được nữa.

Thực tế diễn ra là, trong khi chúng ta còn đang do dự, chưa quyết tâm giải quyết thì các ngành, các địa phương và cơ sở không chờ quyết định của Trung ương, từ lâu đã tự động "xé rào", định ra các chính sách, thể lệ, quy định riêng với hàng trăm cách, mỗi nơi mỗi vẻ, gây nên tình trạng hỗn loạn. Những bất hợp lý về thu nhập đã đến mức quá phổ biến và quá nhiều, khiến *quy luật phân phối theo lao động bị phá vỡ, nguyên tắc trung dân chủ trong quản lý bị vi phạm nghiêm trọng*.

Căn cứ vào tình hình thực tế, tôi đề nghị Trung ương quyết định phải khẩn trương lập lại trật tự trong tiền lương, thiết lập *một hệ thống tiền lương mới* thật sự nhằm bảo đảm tái sản xuất sức lao động của công nhân, viên chức, siết chặt được kỷ luật lao động, khôi phục được các định mức và đơn

giá đúng đắn, tăng được năng suất và hiệu quả, giảm được các tệ nạn tiêu cực, loại trừ nguy cơ tha hoá của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Tôi cũng tán thành trước mắt thi hành một số biện pháp như đã nêu trong dự thảo nghị quyết, song chỉ có thể coi đó là *giải pháp tam thời*, áp dụng trong một thời gian tương đối ngắn mà thôi.

4. Với chính sách giá và lương hiện hành, chúng ta không thể quản lý tốt được thị trường, không thể nắm được hàng và tiền vào tay Nhà nước

Nông dân, thợ thủ công không muốn bán sản phẩm cho Nhà nước, vì giá mua của ta quá thấp; họ tìm cách bán ra thị trường tự do, trong đó một phần bán trực tiếp cho người tiêu dùng, nhưng *phần lớn là bán cho tư thương*. Nông dân nói Nhà nước "mua như cướp, bán như cho" chính là ở chỗ do ta định giá mua và bán quá thấp. Còn vật tư hàng hoá bán lại cho nông dân thì do giá quá thấp nên bị lợi dụng, *rời vào tay* những người khác. Nông dân bị thiệt, không phấn khởi sản xuất. Theo báo cáo tháng 4 của Văn phòng Trung ương, có nơi đến 50% hàng đối lưu với nông dân bị nhân viên thương nghiệp ăn chặn.

Chênh lệch giá được triệt để khai thác bằng mọi cách, và dù bằng cách nào thì rốt cuộc cũng là *rút từ trong túi của Nhà nước* mà thôi. Các cơ sở, xí nghiệp giữ hàng lại để phân phối với giá "nội bộ", thường hiện vật, để đối lưu lấy nông sản cải thiện cho công nhân, viên chức...

Để có thể duy trì hoạt động, hầu hết các cơ quan đều buộc phải tìm cách mua hàng với giá thấp để cải thiện, giảm bớt khó khăn cho cán bộ, công nhân. Đây là một thực tế.

Các cơ quan thương nghiệp nắm trong tay hàng hoá để *bán lẻ* cho người tiêu dùng, nhưng nhân viên trong ngành đã *tuồn một khối lượng hàng hoá không nhỏ theo lối bán buôn cho tư thương, cho bọn đầu cơ trực lợi*. Nguy cơ hơn nữa là ở nhiều nơi, chính bộ máy lãnh đạo, chính tổ chức đảng lại là người chỉ huy việc làm đó. Báo cáo tháng 4-1984 của Văn

phòng Trung ương (ngày 4-5-1984) nói về kết quả bước đầu kiểm tra đội ngũ cán bộ, đảng viên trong ngành phân phối, lưu thông ở một số địa phương. Qua đó thấy tình hình *thật đáng lo ngại*: hiện tượng tiêu cực như tuồn hàng cho tư thương, phân phối nội bộ, ăn chặn của dân, ăn cắp, tham ô... khá phổ biến.

Nguyên việc chúng ta chỉ trả lương đủ sống 10 ngày (và hiện nay đang có xu hướng giảm xuống hơn nữa) mà tất cả mọi người đều vẫn xoay xở để sống được cả thì có thể hình dung tình trạng rối loạn trong xã hội đến mức nào! Nhiều người phải tự điều chỉnh cuộc sống, tự điều chỉnh thu nhập bằng cách bán tem phiếu cho con phe; đem hàng được cung cấp, được mua giá nội bộ, được thưởng hiện vật... bán ra thị trường.

Trên đây, tôi mới chỉ kể ra một số sự việc phổ biến, còn hàng trăm cách khác, từ nhiều nguồn khác làm thất thoát hàng nhà nước ra bên ngoài, cuối cùng đều tập trung vào tay tư thương. Tất cả những điều đó diễn ra hàng ngày, cộng với tệ tham ô, ăn cắp vật tư, hàng hoá của Nhà nước thì *thử hỏi một khối lượng sản phẩm hàng hoá lớn đến chừng nào được tuồn ra thị trường* (có khoảng 50 - 70% hàng hoá của Nhà nước ở ngoài thị trường). Và chúng ta làm sao quản lý được thị trường, *còn hàng đâu mà nắm?* Thực tế mấy năm qua đã chứng tỏ chúng ta làm việc đó không đạt được kết quả như mong muốn. Với cơ chế giá và lương hiện nay, chúng ta không điều hành nổi việc nắm hàng do quy luật giá cả phát huy tác dụng ngoài ý muốn của chúng ta. Tôi chủ trương Nhà nước phải nắm hàng, nắm tiền. Vấn đề là cách làm. Để nắm được hàng, tiền, chúng ta phải thi hành nhiều biện pháp đồng bộ, đặc biệt là *cơ chế thu mua*, bao gồm *giá, tổ chức và phương thức thu mua*. Nếu định giá đúng, có phương thức đúng và tổ chức thu mua đúng thì có thể ngăn chặn được tư thương tranh mua với Nhà nước, ta sẽ nắm được hàng.

Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị có chủ trương, Hội đồng Bộ trưởng có quyết định về quản lý thị trường, nhưng

người thực hiện thì không thể là ai khác ngoài đội ngũ cán bộ thuế, cán bộ và chiến sĩ công an. Chúng ta không bảo đảm được cuộc sống của họ mà lại giao cho họ nhiệm vụ hằng ngày phải tiếp xúc, phải đấu tranh trên thị trường với tư thương, với bọn đầu cơ, buôn lậu có trăm phương ngàn cách để mua chuộc họ, thì một bộ phận không nhỏ bị mua chuộc, thoái hoá, bị "vô hiệu hoá" là điều khó tránh. Như vậy, những anh chị em này chẳng những không ngăn chặn được mà còn trở thành kẻ tiếp tay, bảo vệ tư thương trốn tránh sự kiểm soát của Nhà nước, dung dưỡng bọn buôn lậu, đầu cơ, phá hoại nền kinh tế. Tôi không bào chữa cho những khuyết điểm của anh em đó, song những hiện tượng khá phổ biến này khiến chúng ta không thể không băn khoăn, suy nghĩ về trách nhiệm của chúng ta trước tình hình đó.

Vì vậy, đã đến lúc chúng ta *phải có cách làm khác*. Phải giải quyết đúng vấn đề giá và lương thì mới có thể *phân biệt được số đông* người lao động bản chất là tốt, do hoàn cảnh thúc bách mà phải làm những việc mà chính họ không muốn làm, với số ít những kẻ thoái hoá, biến chất thực sự trong các cơ quan nhà nước cũng như bọn buôn lậu, đầu cơ, phe phẩy chuyên nghiệp mà *bản chất là xấu xa*. Phải tách số ít này ra khỏi đồng đảo quần chúng và giáng những đòn quyết định vào hang ổ của chúng.

Có giải quyết vấn đề giá và lương một cách đúng đắn, phù hợp với thực tế khách quan thì chúng ta mới có thể đẩy mạnh được sản xuất, nấm được hàng, quản lý được thị trường, mới có điều kiện để lập quỹ hàng hoá và làm cho nó ngày một tăng.

5. Về tài chính và tiền tệ

Do sức ép của nhu cầu chi tiêu, mấy năm nay, chúng ta phải liên tục bội chi tiền mặt *một cách bị động*; mức bội chi ngày một tăng; riêng 6 tháng đầu năm nay đã trên 8 tỷ, cả năm có thể tới 15 - 16 tỷ, tăng rất nhiều so với dự kiến. Tuy đã phát hành đến mức như vậy mà vẫn không đủ tiền để bảo đảm

các khoản chi. Với tốc độ tăng giá hiện nay, mức độ phát hành bị động lâu nay *không phù hợp nữa*.

Nay đã đến lúc chúng ta phải xem xét vấn đề *với một cách nhìn mới*. Để khôi phục tính chân thật của các hoạt động kinh tế, để bảo đảm các nhu cầu chi tiêu cho sản xuất, xây dựng, thu mua..., trong đó cả vấn đề điều chỉnh lương (theo quan điểm nhìn nhận tiền lương là thuộc *phạm trù sản xuất* như ở trên tôi đã trình bày), chúng ta cần giành *chủ động* trong *phát hành*.

Chủ động phát hành là phù hợp với *tình hình thực tế*, khi chúng ta phải điều chỉnh các quan niệm về giá cả như đã nói ở trên, khi *đơn vị tiền tệ* thực tế đã thay đổi từ lâu. Chủ động phát hành *thực chất* là điều tiết toàn xã hội, theo ý nghĩa nào đó cũng tương đương với việc Nhà nước *giành lại một phần giá trị tinh bần tiền* vào tay mình (riêng những người ăn lương sẽ được bù đắp bằng cách điều chỉnh thu nhập). Như vậy, chúng ta sẽ có điều kiện để giành chủ động trong thu mua ngay từ vụ mùa, có tiền để đầu tư cho sản xuất và xây dựng, giao thông vận tải, cho khai hoang, cho việc điều chỉnh lương của công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang để bảo đảm tái sản xuất và duy trì mọi hoạt động bình thường.

Chủ động phát hành sẽ không tránh khỏi những đảo lộn nhất định. Nắm chắc điều đó là để vững tâm trong lúc tiến hành; không vì ngại đảo lộn mà không dám làm, tự bó tay mình lại, tiếp tục ở trong tình trạng bị động như hiện nay và sẽ càng bị động nhiều hơn nữa, để cho tình hình tiếp tục xấu đi. Chúng ta phải chuẩn bị lực lượng và biện pháp để đối phó với những tình huống sẽ xảy ra, kể cả sẵn sàng đối phó với những tình huống mà chúng ta chưa lường hết. Nhiều đồng chí lo ngại rằng tiền phát hành nhiều thì giá sẽ càng lên. Điều đó không tránh khỏi. Vấn đề là phải dự kiến đầy đủ mức độ tăng giá khi phát hành. Chúng ta không bao giờ đặt vấn đề đơn thuần giải quyết giá, lương, tiền. Chủ động phát hành phải kết hợp chặt chẽ với việc thi hành các chính sách

và biện pháp khác về kinh tế, tư tưởng, tổ chức và hành chính, tạo ra hệ thống đồng bộ nhằm đầu tư phát triển theo chiều sâu để đẩy mạnh sản xuất, duy trì được kỷ luật lao động, tăng được năng suất và hiệu quả, từ đó mà kìm bớt tốc độ tăng giá, tiến tới làm cho giá cả có xu hướng ổn định dần. Những chính sách và biện pháp mạnh mẽ về giá, lương, tiền cùng hàng loạt chính sách và biện pháp về các mặt khác, cộng với việc tăng cường hiệu lực điều hành của bộ máy nhà nước và sự chủ động, sáng tạo của các địa phương, cơ sở, sẽ tạo điều kiện cho sản xuất phát triển, nền kinh tế đi dần vào thế ổn định trong một số năm. Đến lúc đó, chúng ta sẽ tiến hành một cuộc cải cách tiền tệ sâu rộng, làm kiên quyết và mau lẹ, với những chính sách thích hợp để ổn định nền tài chính quốc gia.

Phát hành phải dựa trên *tính toán kỹ, có kế hoạch chủ động*, không làm tuỳ tiện; chọn cách thức và thời điểm thích hợp trong mỗi đợt phát hành; song cũng không quá dè dặt, khi cần không dám quyết định, bỏ lỡ thời cơ. Phải rà soát kỹ lại đầu tư xây dựng cơ bản, dồn sức vào các trọng điểm; sắp xếp lại sản xuất theo hướng ưu tiên tập trung phát triển chiều sâu để nhanh chóng phát huy hiệu quả của các cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có; hết sức tiết kiệm, xác định đầy đủ các nguồn thu và ráo riết huy động; mở rộng tín dụng; điều chỉnh tỷ giá hối đoái, điều chỉnh giá cả để giảm thiệt hại của Nhà nước; tính đúng giá thành để tiến tới xoá bỏ bù lỗ trong sản xuất, kinh doanh, kể cả trong xuất - nhập khẩu; điều chỉnh tiền lương để bảo đảm tái sản xuất sức lao động... Sau khi tính toán kỹ lưỡng, cân đối mọi khoản thu chi, cuối cùng xem xét còn cần bao nhiêu nữa để lập kế hoạch chủ động phát hành. Chúng ta có thể tham khảo kinh nghiệm của Liên Xô về vấn đề này.

Xuất phát từ nhận thức rằng đây là một cuộc chiến đấu rất gian khổ trên mặt trận kinh tế, chúng ta chấp nhận đương đầu với những khó khăn mới; có chủ trương *nhiết quán, đồng bộ* về giá, lương, tài chính, tiền tệ, *hướng vào mục tiêu phát*

triển sản xuất, đẩy mạnh thu mua, tăng cường cuộc đấu tranh chiếm lĩnh thị trường, khôi phục lại các giá trị tinh thần và đạo đức, củng cố lòng tin, tạo ra cục diện mới, *chống lại sức ỳ*, phát huy cao độ tính năng động của nền kinh tế, cả trong nông nghiệp, công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, trong phân phối lưu thông, trong văn hoá, xã hội, y tế, giáo dục cũng như trong mọi mặt khác.

*

* * *

Thưa các đồng chí,

Đảng ta đã khẳng định rằng từ sau ngày giải phóng miền Nam, cả nước ta bước vào *thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* và đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ đó. Chúng ta đi từ một nền kinh tế mà sản xuất nhỏ còn là phổ biến tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa; nền kinh tế đang còn nhiều thành phần (miền Bắc ba thành phần, miền Nam năm thành phần); cơ sở vật chất - kỹ thuật nghèo nàn, lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá hơn 30 năm đến nay vẫn đang phải đương đầu với kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt... Bên cạnh mặt thuận lợi là có sự giúp đỡ của Liên Xô, của các nước xã hội chủ nghĩa anh em trong Hội đồng tương trợ kinh tế và của các nước tiền bối khác, chúng ta cũng đang phải đương đầu với những khó khăn do chính sách cấm vận, bao vây và phá hoại của đế quốc Mỹ và... Những đặc điểm đó nói lên tính chất phức tạp và những nhiệm vụ nặng nề mà chúng ta phải giải quyết trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

So với nhiều nước xã hội chủ nghĩa anh em khi bước vào thời kỳ quá độ, *diễn xuất phát* của chúng ta *thấp hơn rất nhiều*. Trong chặng đường đầu tiên hiện nay, những quy luật của chủ nghĩa xã hội đã bắt đầu phát huy tác dụng, nhưng còn bị hạn chế, đồng thời những quy luật của nền tiểu sản xuất hàng hoá đang tồn tại và ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh tế - xã hội nước ta.

Những quy luật này đang đồng thời tác động như một hệ thống vào nền kinh tế và đời sống xã hội, vừa bổ sung cho nhau, lại vừa kiểm chế lẫn nhau, thể hiện cuộc đấu tranh quyết liệt giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Đó là một khía cạnh của *tình hình khách quan*, do đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội - nhất là trong *chặng đường đầu tiên* của thời kỳ ấy ở nước ta - *quy định*.

Tôi đề nghị dựa trên cơ sở bài của đồng chí Tổng Bí thư gửi các đồng chí Trung ương tại hội nghị này mà tổ chức việc nghiên cứu hệ thống các quy luật đang tác động trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, để nắm vững và vận dụng đúng đắn các quy luật đó. Quản lý kinh tế chính là vận dụng các *quy luật khách quan* vào hoàn cảnh cụ thể để điều chỉnh các hoạt động kinh tế một cách có hiệu quả nhất, nhằm đạt các mục tiêu kinh tế - xã hội đã được đề ra. Rõ ràng là chúng ta không thể *bắt chấp quy luật khách quan* đang tồn tại và phát huy tác dụng trong chặng đường đầu tiên này. Phải *nắm vững và vận dụng đúng đắn những quy luật đó*; không để nó trói buộc mình, song cũng không thể làm trái quy luật để nó quật lại.

Chúng ta cần chống khuynh hướng chủ quan, nóng vội, muốn sớm kết thúc thời kỳ quá độ, nhanh chóng đi vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội hoàn chỉnh, thể hiện ở tư tưởng coi thường quy luật giá trị, phủ nhận sự tồn tại khách quan của quan hệ hàng hoá, thị trường, muốn xoá bỏ càng nhanh càng tốt các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa trong khi các điều kiện làm cơ sở cho sự tồn tại của chúng *vẫn còn* (tức là nền tiểu sản xuất hàng hoá là phổ biến, tiểu thủ công nghiệp còn chiếm đến gần một nửa giá trị tổng sản lượng công nghiệp), trong khi các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa đang còn phải phấn đấu để từng bước chiếm lĩnh trận địa, chưa đủ sức chiếm lĩnh toàn bộ ngay một lúc, mà còn đòi hỏi một thời gian nữa - mặc dù ta đã có nhà nước chuyên chính vô sản với toàn bộ cơ chế của nó.

Chúng ta phải tiếp tục công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa; phải nắm vững mục đích, phương châm *kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng, lấy xây dựng làm đích*. Xoá bỏ cái cũ là một việc khó, song xây dựng cái mới còn khó hơn.

Ví dụ: cách xoá bỏ thị trường tự do về lương thực tốt nhất là thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải tích cực vươn lên chiếm lĩnh thị trường lương thực, thay thế vai trò của tư thương.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị Trung ương lần này rất quan trọng. Nó bàn và giải quyết những vấn đề then chốt và nóng bỏng về kinh tế và đời sống, nhằm thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động và đạt những mục tiêu do Đại hội lần thứ V của Đảng đã đề ra.

Sau khi được Ban Chấp hành Trung ương thông qua nghị quyết hội nghị, đề nghị Bộ Chính trị chỉ đạo việc nghiên cứu, lập phương án cụ thể để thi hành càng nhanh càng tốt.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

LỜI KẾT THÚC
HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHOÁ V

Ngày 10 tháng 7 năm 1984*

Thưa các đồng chí,

Sau một tuần làm việc khẩn trương, hôm nay Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương đã hoàn thành công việc. Đây là lần đầu tiên Trung ương ta bàn chuyên về cải tiến quản lý kinh tế, đánh dấu một bước trưởng thành mới của Đảng ta trong công tác lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta nói chung và lãnh đạo kinh tế nói riêng.

Hội nghị đã tập trung bàn vấn đề đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ở các đơn vị cơ sở sản xuất, kinh doanh và một số vấn đề cấp bách trong công tác phân phối, lưu thông. Đó là những vấn đề nóng bỏng phải giải quyết nhằm xoá bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, bảo thủ, trì trệ, đồng thời khắc phục tình trạng tự do chủ nghĩa, vô tổ chức, vô kỷ luật; phát huy mạnh mẽ chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở cả ba cấp, nhất là ở cấp cơ sở; động viên tinh

* Do đồng chí Trường Chinh trình bày (B.T).

thân phán khởi, tính năng động và sức sáng tạo của quần chúng để khai thác tiềm năng của đất nước, đưa nền kinh tế nước ta phát triển nhanh, mạnh và vững chắc hơn, với năng suất, chất lượng và hiệu quả ngày càng cao.

Đề án đưa ra hội nghị lần này được chuẩn bị khá công phu. Các đồng chí Uỷ viên Trung ương đã tích cực tham gia ý kiến vào việc chuẩn bị dự thảo nghị quyết của hội nghị. Trong hội nghị, các đồng chí đã thẳng thắn trình bày rõ ý kiến của mình, thảo luận sôi nổi, cởi mở với tinh thần trách nhiệm cao. Tinh thần và phong cách làm việc đó khiến cho Hội nghị Trung ương lần này mang tính chiến đấu rõ rệt, làm sáng tỏ được nhiều vấn đề, nâng cao được sự đoàn kết, nhất trí của Trung ương trên cơ sở nghị quyết. Có thể có một số ít vấn đề còn ý kiến khác nhau giữa đồng chí này và đồng chí khác. Nhưng không sao. Cuộc sống và kinh nghiệm sẽ giúp ta nhận thức và giải quyết đúng đắn những vấn đề đó.

Thưa các đồng chí,

Nghị quyết Hội nghị Trung ương đã được nhất trí thông qua. Điều quan trọng nhất sau hội nghị là chúng ta phải nhanh chóng triển khai việc thực hiện nghị quyết. Các ngành, các cấp, từ trung ương đến địa phương và cơ sở, phải nêu cao quyết tâm tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương.

Ngay sau hội nghị, chúng ta phải kiên quyết phấn đấu để đến năm 1985 cơ bản ổn định tình hình kinh tế - xã hội, thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược và bốn mục tiêu mà Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng đã đề ra, lập thành tích đón chào Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI.

Đây là nghị quyết đòi hỏi chúng ta phải nhanh chóng đi vào hành động. Việc nghiên cứu để thấu suốt nghị quyết là quan trọng, song điều quan trọng hơn nữa là phải thể hiện sự thấu suốt đó bằng hành động thực tiễn, bằng chương trình phấn đấu thực hiện nghị quyết ở tất cả các cấp, các ngành, các

đoàn thể quần chúng, các cơ sở, xí nghiệp, cơ quan, nông, lâm trường, hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, các viện nghiên cứu, các trường học, bệnh viện, v.v..

Dưới sự lãnh đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Hội đồng Bộ trưởng phải lập chương trình hành động cụ thể, tăng cường công tác kiểm tra việc thi hành nghị quyết. Phải chỉ đạo các ban của Đảng, các cơ quan nghiên cứu nhanh chóng định ra các chính sách, chế độ, biện pháp cụ thể để thực hiện nghị quyết. Cần chọn vài ba tỉnh, thành phố để tiến hành thí điểm. Từ đó rút kinh nghiệm để phổ biến đến các địa phương khác và chỉ đạo thực hiện trong cả nước.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương đã thành công tốt đẹp.

Chúc các đồng chí Uỷ viên Trung ương, các đồng chí phụ trách các ban, ngành, thành uỷ, tỉnh uỷ dự hội nghị dồi dào sức khoẻ, chỉ đạo tốt việc thực hiện nghị quyết trong phạm vi mình phụ trách; bằng việc làm của mình, các đồng chí sẽ nêu gương sáng cho cán bộ, đảng viên trong việc nghiêm chỉnh thi hành Nghị quyết Trung ương.

Thay mặt hội nghị, tôi tỏ lời khen ngợi các bộ phận phục vụ đã tận tụy làm việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ, góp phần vào thành công của hội nghị.

Tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG (KHOÁ V)**

**Về những nhiệm vụ cấp bách trong công tác
cải tiến quản lý kinh tế**

**I- TÌNH HÌNH QUẢN LÝ KINH TẾ HIỆN NAY
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG CẢI TIẾN QUẢN LÝ KINH TẾ
NHỮNG NĂM TRƯỚC MẮT**

1. Thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng, những năm qua, nhân dân ta đã vượt qua nhiều khó khăn, đạt được những thành tựu quan trọng trong việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Nông nghiệp, nhất là sản xuất lương thực, có bước tiến bộ đáng kể; công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải đều có chuyển biến tích cực. Kim ngạch xuất khẩu tăng khá, tuy còn rất thấp so với nhu cầu nhập khẩu.

Tình hình kinh tế nước ta đã vượt qua những thử thách

gay gắt, bước đầu khắc phục tình trạng sút kém trong những năm 1979 - 1980, song còn rất nhiều khó khăn và mất cân đối lớn. Tình hình đó bắt nguồn sâu xa từ một nền kinh tế kém phát triển trải qua chiến tranh lâu dài, lại phải đương đầu với kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt..., và chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới; mặt khác do có nhiều khuyết điểm trong bố trí cơ cấu kinh tế, tổ chức sản xuất, cơ chế quản lý và trong chỉ đạo điều hành.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương (khoá IV), Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V, và tiếp theo là Nghị quyết của các Hội nghị lần thứ ba, thứ tư, thứ năm Ban Chấp hành Trung ương đã đề ra nhiệm vụ cải tiến công tác quản lý theo hướng mở rộng quyền chủ động, sáng tạo cho cơ sở và địa phương, dưới sự quản lý tập trung thống nhất của trung ương về những mặt cơ bản, khuyến khích mạnh mẽ người lao động hăng hái sản xuất.

Dưới ánh sáng của các nghị quyết của Đảng và dựa trên những kinh nghiệm thực tế phong phú của những điển hình tốt xuất hiện ở các địa phương, các ngành và các cơ sở, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng nhằm cải tiến một số mặt trong quản lý kinh tế có tác động tích cực đến sản xuất, kinh doanh. Nổi bật nhất là chính sách khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong nông nghiệp, chính sách mở rộng quyền chủ động sản xuất, kinh doanh và kế hoạch hóa ở các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, chính sách xuất - nhập khẩu... Công tác kế hoạch hóa bắt đầu được sửa đổi theo hướng xây dựng và cân đối kế hoạch từ cơ sở, chú trọng phát huy khả năng của

các ngành, các địa phương; một số chính sách, chế độ về phân phối, lưu thông đã được cải tiến một bước; công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa sau một thời gian bị buông lỏng có tiến bộ rõ; sự phân cấp giữa trung ương, địa phương, cơ sở và việc kiện toàn cấp huyện đang được xúc tiến. Đội ngũ cán bộ được sắp xếp lại một bước; công tác bồi dưỡng cán bộ về kiến thức quản lý được chú trọng hơn.

Thực tế chứng minh rằng, trong điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay, thấu suốt và cụ thể hoá đường lối đúng đắn của Đảng bằng một *cơ cấu kinh tế hợp lý* và một *cơ chế quản lý thích hợp, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở từng cơ sở, từng địa phương, từng ngành, động viên được sức mạnh tổng hợp của cả nước*, thì chúng ta có khả năng tạo ra một chuyển biến mạnh mẽ trong đời sống kinh tế - xã hội.

2. Tuy nhiên, những tiến bộ và chuyển biến trong quản lý kinh tế chưa đồng đều, chưa mạnh mẽ, chưa cơ bản. Công tác quản lý kinh tế còn nhiều khuyết điểm và nhược điểm, trong đó có những mặt kéo dài và nghiêm trọng, không được cải tiến kịp thời phù hợp với tình hình mới.

Việc *sắp xếp lại cơ cấu kinh tế và tổ chức lại sản xuất* làm chậm, kéo dài tình trạng phân tán, chồng chéo, chia cắt.

Việc *phân công* giữa các cơ quan trung ương và *phân cấp quản lý* kinh tế giữa trung ương, địa phương và cơ sở, việc xây dựng kinh tế huyện và kiện toàn cấp huyện làm chậm và chưa thật gắn với cơ sở.

Cơ chế quản lý còn mang nặng tính chất quan liêu, bao cấp; còn nhiều gò bó đối với cơ sở và địa phương, chưa phát huy mạnh mẽ tính chủ động, sáng tạo của cơ sở và địa phương;

đồng thời chưa bảo đảm sự quản lý tập trung, thống nhất cần thiết của trung ương.

Kế hoạch chưa làm tốt vai trò là trung tâm của hệ thống quản lý, chưa thực hiện tốt các chủ trương về cải tiến kế hoạch hoá, như: xây dựng từ cơ sở, từ địa phương và từ các ngành lên, dựa trên cơ sở tiến bộ khoa học - kỹ thuật, cân đối từ bốn nguồn khả năng; gắn kế hoạch hiện vật với kế hoạch tài chính, gắn kế hoạch với hạch toán kinh tế và các chính sách đòn bẩy, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, với các lĩnh vực văn hoá, xã hội. Kế hoạch nhà nước vừa chưa có tính pháp lệnh nghiêm ngặt, vừa chưa khuyến khích tính năng động, sáng tạo của ngành, địa phương và cơ sở.

Hạch toán kinh tế mang tính chất hình thức, không phản ánh đúng thực chất hiệu quả của sản xuất, kinh doanh, phục vụ.

Nhiều chính sách, nhất là các chính sách giá, lương, tài chính, tín dụng... mang nặng tính chất bao cấp, cứng nhắc, không phù hợp với thực tế; chưa gắn trách nhiệm với quyền hạn, nghĩa vụ với lợi ích của người lao động cũng như của từng đơn vị, từng ngành, từng địa phương; chưa khuyến khích mạnh mẽ tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả, còn lãng phí nghiêm trọng. Trên lĩnh vực phân phối, lưu thông, có nhiều thiếu sót và yếu kém, nhất là buông lỏng cải tạo và quản lý thị trường; thị trường xã hội chủ nghĩa chậm mở rộng và củng cố; thị trường tự do và chợ đen phát triển hỗn loạn. Giá cả thoát ly giá trị, biến động tự phát; hệ thống tiền lương có nhiều bất hợp lý; tài chính thiếu hụt nghiêm trọng, đồng tiền liên tục mất giá.

Bộ máy quản lý nặng nề, quan liêu và kém hiệu lực. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm không được phân định rõ ràng; có quá nhiều đầu mối và cấp trung gian không cần thiết, biên chế hành chính và phi sản xuất quá lớn. Công tác bố trí, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ chậm được cải tiến.

Pháp chế xã hội chủ nghĩa không nghiêm, nhiều luật lệ kinh tế chậm được bổ sung. Chế độ trách nhiệm, nhất là trách nhiệm cá nhân, và chế độ kỷ luật không được chấp hành nghiêm túc; nhiều nguyên tắc, chế độ làm việc không được tôn trọng; nhiều hiện tượng tiêu cực phát triển.

Những khuyết điểm nói trên là biểu hiện của *tệ quan liêu, bao cấp, bảo thủ, trì trệ* trong cơ chế quản lý kinh tế, và *tình trạng phân tán, cục bộ, vô tổ chức, vô kỷ luật*. Những khuyết điểm ấy hoàn toàn trái với đường lối của Đảng ta, với bản chất của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, hạn chế việc phát huy những tiềm năng và những khả năng hiện thực của đất nước, gây cản trở cho sản xuất và kinh doanh, cho việc củng cố và phát triển quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, cải thiện đời sống của nhân dân lao động, gây thiệt hại cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Có những khuyết điểm đó là do: chưa đánh giá đầy đủ tình hình kinh tế - xã hội, chưa nắm vững những đặc điểm của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội; chậm cụ thể hoá đường lối kinh tế thành những chính sách, chế độ quản lý đúng đắn; thiếu sự nhất trí sâu sắc ở các cấp trong một số chủ trương phát triển kinh tế và quản lý kinh tế; chỉ đạo thực hiện còn kém, chưa sát thực tế,

không tập trung, đồng bộ; thiếu kiên quyết, kém năng động; kỷ luật chấp hành nghị quyết không nghiêm; thiếu kiểm tra, thanh tra chặt chẽ; chậm tổng kết kinh nghiệm; chưa làm tốt việc giáo dục cán bộ, đảng viên và việc sắp xếp, bồi dưỡng cán bộ quản lý kinh tế.

Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Hội đồng Bộ trưởng có trách nhiệm về các khuyết điểm nói trên. Đồng thời, mỗi Uỷ viên Trung ương Đảng, mỗi ngành, mỗi cấp đều có phần khuyết điểm và trách nhiệm của mình. Theo tinh thần của các nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V), các ngành, các cấp, các cơ sở cần nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình, khắc phục cho được những khuyết điểm ấy.

3. Nhằm thực hiện bốn mục tiêu kinh tế - xã hội của những năm 80 do Đại hội lần thứ V của Đảng đề ra, phương hướng và yêu cầu chủ yếu của việc cải tiến quản lý kinh tế trong thời gian tới là:

a) Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thực hiện ba cấp cùng làm chủ, động viên sức mạnh tổng hợp của cả nước nhằm khai thác tốt nhất các tiềm năng, đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh với *năng suất, chất lượng, hiệu quả* ngày càng cao.

Tăng cường các cơ sở công nghiệp (xí nghiệp, xí nghiệp liên hợp và liên hiệp các xí nghiệp) và các huyện gắn với hợp tác xã.

Cơ chế quản lý kinh tế mới phải thấu suốt *nguyên tắc tập trung dân chủ, lấy kế hoạch làm trung tâm, gắn kế hoạch với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa*.

Mở rộng quyền chủ động, sáng tạo, xác lập quyền tự chủ tài chính của các đơn vị sản xuất, kinh doanh, mở rộng quyền chủ động của các địa phương dưới sự quản lý tập trung thống nhất của trung ương, gắn chặt nghĩa vụ với lợi ích, trách nhiệm với quyền hạn ở mỗi ngành, mỗi cấp và trong từng đơn vị cơ sở.

Tiếp tục thực hiện việc *phân công, phân cấp hợp lý* giữa trung ương và địa phương (tỉnh, thành phố, huyện, quận); xây dựng và kiện toàn các ngành kinh tế - kỹ thuật; kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ; đẩy mạnh *xây dựng huyện và kiện toàn cấp huyện*.

b) *Củng cố và phát triển thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa*, bảo đảm vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh; đẩy mạnh cải tạo kết hợp với xây dựng, kiên quyết chống các hiện tượng tiêu cực, chống sự phá hoại của địch, phát triển sản xuất gắn liền với bảo vệ sản xuất, giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh quyết liệt giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, giữa ta và địch; thiết lập trật tự xã hội chủ nghĩa trong kinh tế và xã hội theo đường lối của Đảng.

c) *Tiếp tục cải tiến công tác phân phôi, lưu thông một cách tích cực và vững chắc, thiết lập trật tự xã hội chủ nghĩa trong phân phôi, lưu thông*.

Trên cơ sở *phát triển sản xuất là gốc* và đẩy mạnh *cải tạo xã hội chủ nghĩa*, tích cực củng cố và mở rộng *thương nghiệp xã hội chủ nghĩa*; tăng cường quản lý thị trường; xoá bỏ tư sản thương nghiệp, loại trừ chợ đen; xoá bỏ thị trường tự do về

những mặt hàng do Nhà nước độc quyền kinh doanh. Điều chỉnh kịp thời các chính sách *giá cả, tiền lương, tài chính, tiền tệ*, thực hiện thống nhất hài hoà ba lợi ích, vận dụng đúng đắn nguyên tắc phân phối theo lao động, phù hợp với tình hình thực tế, phục vụ tốt hơn sản xuất, kinh doanh xã hội chủ nghĩa; ổn định và từng bước cải thiện *đời sống* của người lao động, nhất là công nhân, cán bộ, lực lượng vũ trang; đồng thời chăm lo *tích luỹ* cho công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quốc phòng và an ninh.

d) *Chấn chỉnh bộ máy quản lý, nâng cao năng lực tổ chức thực hiện*, phục vụ đắc lực cho cơ sở. Từ phân định rõ và kết hợp tốt chức năng quản lý nhà nước về hành chính - kinh tế và quản lý sản xuất, kinh doanh, mà quy định rõ nhiệm vụ và quyền hạn của từng đơn vị và từng người; kiện toàn và tinh giản bộ máy, sáp xếp lại đội ngũ cán bộ, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, chế độ kỷ luật và chế độ trách nhiệm.

4. Trước mắt, phải tạo ra một chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý kinh tế, tập trung giải quyết hai loại vấn đề sau đây:

- *Một là, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tính chủ động, sáng tạo và mọi khả năng của các cơ sở*, tổ chức lại sản xuất, từng bước xây dựng cơ chế quản lý mới, phân công, phân cấp quản lý đúng đắn.

- *Hai là, giải quyết một số vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông, đặc biệt là các lĩnh vực thị trường - giá - lương - tiền*, nhằm phục vụ tốt cơ sở, đồng thời giải quyết đúng đắn các mối quan hệ phân phối trong nền kinh tế quốc dân.

Hai mặt đó là một thể thống nhất, phục vụ lẫn nhau, tạo điều kiện và tiền đề cho nhau.

II- CẢI TIẾN QUẢN LÝ CÁC ĐƠN VỊ CƠ SỞ

A- Sắp xếp và tổ chức lại sản xuất

1. Theo phương hướng *cơ cấu kinh tế* mà Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng đã vạch ra, cần khẩn trương sáp xếp lại các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

Tập trung những điều kiện sản xuất trong nước, tích cực huy động các khả năng nhập khẩu, triệt để tiết kiệm (trước hết là tiết kiệm điện, xăng dầu, than, nguyên liệu...) để sản xuất những sản phẩm trọng yếu nhất, ưu tiên cho những cơ sở quốc doanh quan trọng có điều kiện sản xuất ổn định, có hiệu quả kinh tế cao nhất.

Trong năm 1984, cần xác định *danh mục những sản phẩm trọng yếu* của nền kinh tế quốc dân và *danh mục những cơ sở sản xuất cần được ưu tiên*. Theo đó, các bộ, các địa phương cùng với cơ sở sáp xếp lại các xí nghiệp quốc doanh trung ương và địa phương, khắc phục tình trạng phân tán, chia cắt, chồng chéo. Những cơ sở không có điều kiện sản xuất theo nhiệm vụ thiết kế cần được giúp đỡ chuyển hướng sản xuất, thay đổi phương án sản phẩm, nhằm duy trì và sử dụng có lợi nhất các năng lực sản xuất hiện có. Kiên quyết giải thể những cơ sở không có khả năng bảo đảm sản xuất có hiệu quả, thua lỗ kéo dài.

Trên cơ sở *phân vùng quy hoạch nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp trong cả nước*, đẩy mạnh việc xây dựng *quy hoạch của từng huyện*, tạo ra cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp thích hợp; đối với các huyện trọng điểm phải hoàn thành quy hoạch trong năm 1984.

Tiếp tục củng cố và tăng cường các *hợp tác xã, tập đoàn sản xuất nông nghiệp*; kiện toàn và nâng cao chất lượng các *nông, lâm trường, các quốc doanh đánh cá*; sáp xếp lại và kiện toàn các cơ sở quốc doanh dịch vụ - kỹ thuật phục vụ

nông, lâm, ngư nghiệp; ổn định phương hướng sản xuất, quy mô và tổ chức hợp lý; tạo điều kiện cho hợp tác xã và nông, lâm trường vừa bảo đảm nhiệm vụ sản xuất chính, vừa phát triển sản xuất tổng hợp, mở mang ngành nghề, thực hiện chuyên môn hoá theo ngành và theo quy hoạch vùng. Đẩy mạnh xây dựng các hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng nhằm hỗ trợ và phục vụ các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất nông nghiệp và phục vụ đời sống. Trong năm 1985, cơ bản hoàn thành công cuộc hợp tác hoá ở Nam Bộ với các hình thức thích hợp.

2. *Kiện toàn các tổ chức liên hiệp sản xuất* với hình thức và quy mô phù hợp với điều kiện tích tụ và chuyên môn hoá sản xuất cũng như trình độ và điều kiện quản lý. Kiện toàn và xây dựng các liên hiệp xí nghiệp toàn quốc ở những ngành có điều kiện và có yêu cầu tổ chức liên hiệp thống nhất trong cả nước (như: hàng không, đường sắt, vận tải viễn dương, bưu điện, v.v..). Ở các ngành khác thì tuỳ theo điều kiện và yêu cầu cụ thể mà tổ chức những xí nghiệp liên hợp, liên hiệp các xí nghiệp địa phương và khu vực hoặc tổ hợp nông - công nghiệp. Các tổ chức liên hợp phải là tổ chức sản xuất - kinh doanh, thực hiện hạch toán kinh tế và quyền tự chủ tài chính. Tiến hành thí điểm những hình thức liên hiệp khoa học - sản xuất ở những nơi có điều kiện thích hợp.

Phát triển *các quan hệ hợp tác liên doanh, liên kết* đa dạng giữa các cơ sở kinh tế trung ương và địa phương trên cùng một địa bàn, giữa các địa phương, giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa các thành phần kinh tế, trong đó kinh tế quốc doanh phải làm tốt vai trò nòng cốt.

Trong liên kết giữa đơn vị sản xuất nguyên liệu với công nghiệp, phải bảo đảm sự hài hoà về lợi ích giữa người sản xuất nguyên liệu, cơ sở chế biến, và tích luỹ cho ngân sách, trong đó cần chú ý thích đáng đến lợi ích của cơ sở sản xuất nguyên liệu.

3. Khẩn trương thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương về *phân cấp quản lý kinh tế, xây*

dựng huyện và tăng cường cấp huyện, làm tốt việc phân cấp trên các lĩnh vực kế hoạch hoá, tài chính, thương nghiệp, xuất - nhập khẩu.

Việc *phân giao các cơ sở* cho ngành hay địa phương (tỉnh, huyện) trực tiếp quản lý phải lấy *hiệu quả kinh tế* làm tiêu chuẩn hàng đầu.

Việc phân cấp quản lý và phân giao cơ sở phải làm xong về cơ bản trong năm 1984 đổi với những địa bàn trọng điểm và hoàn thành trong năm 1985, có chuẩn bị chu đáo về mọi mặt trên cơ sở xem xét đầy đủ các điều kiện cụ thể của từng trường hợp. Chú ý đến những đặc điểm và yêu cầu của các thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh. Cơ quan bàn giao cơ sở phải tạo điều kiện cho cơ quan tiếp nhận quản lý tốt. Cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm bảo đảm các cơ sở thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, nhất là về giao nộp sản phẩm và các khoản nộp ngân sách.

Ban Bí thư và Hội đồng Bộ trưởng tăng cường chỉ đạo các ngành, các cấp phối hợp chặt chẽ trong công tác *xây dựng huyện*, tạo điều kiện cho cấp huyện trực tiếp chỉ đạo các cơ sở sản xuất, thu mua, cung ứng vật tư - kỹ thuật, thương nghiệp, dịch vụ, tín dụng, giao thông vận tải, tổ chức đời sống vật chất và văn hoá trên địa bàn huyện, kết hợp kinh tế với quốc phòng, bảo đảm an ninh, trật tự.

B- Cải tiến cơ chế quản lý các đơn vị cơ sở sản xuất

1. *Đổi mới xí nghiệp công nghiệp quốc doanh*

a) *Về kế hoạch hoá*

Mở rộng quyền hạn và trách nhiệm của xí nghiệp trong công tác kế hoạch hoá, bảo đảm kế hoạch thực sự được xây dựng từ cơ sở, dưới sự hướng dẫn của cấp trên, phù hợp với phương hướng và cân đối chung của nền kinh tế quốc dân. *Kế hoạch sản xuất - kỹ thuật - tài chính của xí nghiệp là một thể thống nhất* được cân đối từ bốn nguồn (bao gồm nguồn nhà nước cung ứng và các nguồn khác do xí nghiệp tự khai thác).

Những *chỉ tiêu pháp lệnh* áp dụng đối với các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh gồm có:

- Giá trị sản lượng hàng hoá thực hiện (có phần cho xuất khẩu).
- Sản phẩm giao nộp (có phần cho xuất khẩu) theo chỉ tiêu chất lượng quy định trong hợp đồng.
- Mức giảm giá thành.
- Lợi nhuận và các khoản nộp ngân sách.
- Những vật tư chủ yếu do nhà nước cung ứng.

Các chỉ tiêu pháp lệnh được xây dựng trên cơ sở kế hoạch của xí nghiệp đăng ký từ đầu năm kế hoạch.

Đối với phần sản phẩm trong chỉ tiêu pháp lệnh được cân đối bằng nguồn vật tư do xí nghiệp tự kiếm thì xí nghiệp được hạch toán giá thành theo giá vật tư thực mua, được sử dụng một phần sản phẩm (đã được ghi trong kế hoạch) để đổi lưu lấy vật tư cho sản xuất, và được hưởng tỷ lệ lợi nhuận cao hơn so với phần sản phẩm được cân đối bằng nguồn vật tư do nhà nước cung ứng, để trích lập các quỹ xí nghiệp.

Nhà nước cho phép và khuyến khích xí nghiệp khai thác mọi tiềm năng để sản xuất thêm các sản phẩm ngoài chỉ tiêu pháp lệnh.

b) Về cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm

Các cơ quan cung ứng phải bảo đảm cung ứng vật tư, năng lượng cho xí nghiệp theo kế hoạch và hợp đồng, đúng số lượng, chất lượng, thời gian, địa điểm và giá chỉ đạo; hai bên ký hợp đồng phải nghiêm chỉnh thực hiện hợp đồng; bên nào vi phạm thì phải bồi thường thiệt hại và chịu phạt. Xí nghiệp phải giao nộp sản phẩm đầy đủ theo kế hoạch nhà nước và hợp đồng đã ký kết. Nếu tổ chức tiêu thụ không nhận theo đúng hợp đồng và kế hoạch nhà nước, thì theo quyết định của trọng tài kinh tế, xí nghiệp được quyền tiêu thụ cho

những cơ quan, xí nghiệp khác. *Nghiêm cấm các xí nghiệp và các cơ quan, cơ sở kinh tế tự ý nâng giá, bán sản phẩm, vật tư ra thị trường tự do.*

Nhà nước phải sớm ban hành các quy định chặt chẽ về *hợp đồng kinh tế*; thi hành nghiêm túc chế độ quyết toán thực hiện hợp đồng, nâng cao vai trò của *trọng tài kinh tế* trong quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế.

c) Về chế độ tự chủ tài chính của xí nghiệp

Khi giao nộp sản phẩm, các xí nghiệp được thanh toán bằng giá bán buôn xí nghiệp dựa trên giá thành được duyệt và có lợi nhuận thoả đáng. Sửa đổi định mức lợi nhuận và thể thức tính lợi nhuận nhằm làm cho phần lợi nhuận xí nghiệp được hưởng chỉ phụ thuộc vào quy mô phát triển sản xuất, năng suất và hiệu quả của xí nghiệp.

Để lại cho xí nghiệp một phần quỹ khấu hao cơ bản và một tỷ lệ lợi nhuận cao hơn hiện nay, để xí nghiệp có khả năng khôi phục tài sản cố định, tiến hành đầu tư chi tiêu sâu và bổ sung vốn lưu động.

Xí nghiệp được vay ngân hàng vốn đầu tư xây dựng cơ bản và vốn lưu động, có thể vay cả vốn ngoại tệ.

Trên cơ sở quy định mới về lợi nhuận xí nghiệp, xác định lại các quỹ xí nghiệp, gắn việc lập các quỹ xí nghiệp với hiệu quả hoạt động của xí nghiệp; không hạn chế mức tối đa quỹ tiền thưởng, nhưng khi quỹ tiền thưởng vượt quá mức quy định thì phải trích nộp theo tỷ lệ luỹ tiến vào ngân sách nhà nước.

Cải tiến *chế độ thu quốc doanh* theo hướng bảo đảm nguồn thu cố định vào ngân sách đối với từng loại sản phẩm mà giá thành và giá bán buôn xí nghiệp đã được xác định, không

phụ thuộc vào mức giá thành do xí nghiệp thực hiện hàng năm.

Bổ sung những quy định nhằm tập trung vào ngân sách nhà nước tuyệt đại bộ phận những khoản thu do chênh lệch giá theo chính sách của Nhà nước, trong đó phần lớn phải nộp cho ngân sách trung ương.

d) Về hạch toán giá thành

Từng bước hạch toán đầy đủ tiền lương, khấu hao cơ bản, giá trị vật tư nhập khẩu vào giá thành. *Những khoản phạt do vi phạm hợp đồng, những khoản lỗ và những khoản chi khác do thiếu sót về quản lý không được hạch toán vào giá thành mà phải do nguồn lợi nhuận của xí nghiệp trang trải.* Quy định phân biệt các loại giá bán buôn xí nghiệp nhằm khuyến khích ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, tiết kiệm vật tư, năng lượng, nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo sản phẩm mới, hạn chế các sản phẩm có chất lượng kém. Khuyến khích sản xuất phụ tùng, dịch vụ sửa chữa. Đối với những vật tư do xí nghiệp tự kiểm (không thuộc danh mục nhà nước độc quyền kinh doanh), xí nghiệp được hạch toán vào giá thành theo giá thực mua và được hưởng giá bán buôn xí nghiệp cao hơn, đủ bù đắp chi phí thực tế hợp lý và có lãi.

d) Về lao động, tiền lương và tiền thưởng

Cải tiến kế hoạch hóa quỹ lương trên cơ sở định mức và đơn giá được tính toán có căn cứ và được duyệt. Xí nghiệp được nhận tiền lương theo mức độ hoàn thành chỉ tiêu giá trị sản lượng hàng hoá thực hiện và sản phẩm giao nộp. Vận dụng phổ biến *chế độ khoán sản phẩm, thực hiện hạch toán đến tổ, đội sản xuất*. Cải tiến chế độ tiền thưởng, đặc biệt chú trọng chế độ thưởng về nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm vật tư, áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, phát minh, sáng chế, v.v.. Giao cho giám đốc xí nghiệp quyền lựa chọn và áp dụng các hình thức trả lương và thưởng theo chính sách và chế độ nhà nước, kể cả đối với cán bộ quản lý và cán bộ khoa học - kỹ thuật của xí nghiệp. Giao cho giám đốc xí nghiệp

quyền quản lý quỹ lương, gắn việc trả lương với kết quả lao động của mỗi người.

Mở rộng quyền hạn và trách nhiệm của giám đốc xí nghiệp trong việc tuyển dụng, đào tạo, sắp xếp và cho thôi việc đối với người lao động. Thực hiện chế độ *hợp đồng lao động*, xác định rõ trách nhiệm và quyền hạn giữa người lao động và xí nghiệp.

Trên cơ sở các nguyên tắc và chủ trương quản lý đối với xí nghiệp công nghiệp nêu trên, Hội đồng Bộ trưởng quy định cơ chế quản lý phù hợp đối với các đơn vị kinh tế quốc doanh trong các ngành và lĩnh vực khác, như xây dựng, vận tải, nông, lâm, ngư nghiệp, kể cả các xí nghiệp trong quốc phòng, an ninh, và trong các lĩnh vực văn hoá, giáo dục, xã hội, v.v..

2. Đối với hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp

Dưới sự chỉ đạo của chính quyền huyện và xã, đại hội xã viên quyết định kế hoạch của hợp tác xã. Nhà nước thông qua các chính sách đòn bẩy, cung ứng vật tư, kỹ thuật, hợp đồng kinh tế, các hình thức tổ chức liên kết, liên doanh để chỉ đạo các hợp tác xã xây dựng kế hoạch.

Chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh giao cho hợp tác xã gồm hai loại, thể hiện trong hợp đồng kinh tế được ký từ đầu vụ:

- Khối lượng sản phẩm hợp tác xã bán cho nhà nước theo chất lượng và giá cả được xác định trong hợp đồng kinh tế (trong đó có phần dành cho xuất khẩu).

- Các điều kiện vật chất (năng lượng, vật tư, nguyên liệu, máy móc, dịch vụ...) nhà nước cung ứng cho hợp tác xã theo số lượng, chất lượng, giá cả, địa điểm, thời gian quy định và tiền ứng trước.

Hợp tác xã phải làm đầy đủ các nghĩa vụ về nộp thuế, thực hiện chế độ kế toán theo pháp luật nhà nước, chịu sự kiểm tra của cơ quan tài chính, ngân hàng nhà nước trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ.

Các cơ quan cung ứng vật tư, các cơ sở dịch vụ kinh tế - kỹ thuật phục vụ nông nghiệp và các hợp tác xã phải thực hiện

nghiêm chỉnh các hợp đồng đã ký, trong đó ghi rõ các hình thức khuyến khích vật chất và bồi thường thiệt hại.

Cần tổng kết công tác tổ chức quản lý hợp tác xã, đặc biệt chú ý tiếp tục hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động; tăng cường sở hữu tập thể, củng cố các đội cơ bản, các đội hay tổ chuyên khâu; đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng; có chính sách đai ngộ thích đáng các cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ gắn với kết quả sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã.

Trên cơ sở các nguyên tắc và chủ trương về cơ chế quản lý đối với hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, Hội đồng Bộ trưởng quy định cơ chế quản lý phù hợp với các hợp tác xã trong các ngành nghề khác, như lâm nghiệp, ngư nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, xây dựng, vận tải.

III- MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẤP BÁCH VỀ PHÂN PHỐI, LƯU THÔNG

Hiện nay tình hình sản xuất còn rất khó khăn, nhiều mặt mất cân đối, nhất là lương thực, năng lượng, vật tư; cán cân thanh toán quốc tế thâm hụt nặng; ngân sách nhà nước bội chi lớn; tiền lạm phát nhiều; thị trường tự do còn quá rộng; giá cả biến động mạnh; đời sống của nhân dân lao động, trước hết là công nhân, cán bộ và lực lượng vũ trang còn nhiều khó khăn; quan hệ về thu nhập giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội rất bất hợp lý.

Trước tình hình ấy, việc cải tiến công tác phân phối, lưu thông phải nhằm những *mục tiêu* sau đây:

- Thúc đẩy phát triển sản xuất với năng suất, chất lượng và hiệu quả ngày càng cao.

- Ổn định và từng bước cải thiện đời sống của nhân dân lao động, trước hết là công nhân, cán bộ và lực lượng vũ trang; điều tiết hợp lý thu nhập của các tầng lớp dân cư.

- Củng cố nền tài chính quốc gia, bảo đảm dự trữ nhà nước, từng bước tích luỹ cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

- Thiết lập trật tự xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực phân phối, lưu thông.

Để đạt được các mục tiêu đó, trên lĩnh vực phân phối, lưu thông trong một số năm trước mắt, cần tiến hành đồng thời hai loại công việc:

Một mặt, trên cơ sở phát triển sản xuất, phải *đẩy mạnh thu mua năm nguồn hàng và mở rộng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa; tích cực cải tạo và quản lý chặt chẽ thị trường tự do*; cấm tư thương kinh doanh những mặt hàng do nhà nước thống nhất quản lý; chống đầu cơ, buôn lậu; loại trừ chợ đen.

Mặt khác, phải khẩn trương điều chỉnh các chính sách về *giá cả, tiền lương, tài chính, tiền tệ* cho phù hợp với tình hình kinh tế - tài chính đã thay đổi và chưa ổn định, nhằm phục vụ tốt hơn sản xuất, kinh doanh xã hội chủ nghĩa và đời sống của người lao động.

Chính sách phân phối phải giải quyết đúng đắn các mối quan hệ cơ bản của nền kinh tế quốc dân, quán triệt nguyên tắc *phân phối theo lao động*, xoá bỏ chế độ bao cấp, làm cho người lao động hăng hái sản xuất, kết hợp hài hoà *các loại lợi ích*: lợi ích của toàn xã hội, của tập thể và của người lao động; lợi ích của trung ương, của địa phương và của cơ sở.

1. Về quản lý thị trường và thương nghiệp

Các ngành và các địa phương phải khẩn trương, nghiêm túc thi hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 14 của Bộ Chính trị và các nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng về cải tạo thương nghiệp

tư doanh và quản lý thị trường. Những công việc cấp bách phải làm ngay là:

Tiến hành ngay trong năm 1984 và thực hiện xong trong năm 1985 việc *nhà nước thống nhất quản lý và kinh doanh* lương thực và vật tư chiến lược, hàng công nghiệp thiết yếu do quốc doanh sản xuất hoặc gia công và hàng nhập khẩu. Đối với các nông, lâm, hải sản quan trọng ở những vùng sản xuất tập trung, cũng phải cơ bản làm xong trong năm 1985 việc nhà nước thống nhất quản lý và kinh doanh.

Triển khai trong năm 1984 các kế hoạch *cải tạo, sắp xếp và quản lý thị trường*, nhất là ở những thành phố lớn, như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ.

Tiến hành khẩn trương và hoàn thành sớm việc *xoá bỏ tư sản thương nghiệp*. Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải tích cực chiếm lĩnh thị trường ở những vùng tập trung nông sản hàng hoá; tuyệt đối không để tư thương tranh mua với nhà nước.

Đẩy mạnh huy động lương thực và các nông sản khác. Trước hết phải tận thu thuế, thu nợ, làm tốt việc thu mua theo hợp đồng hai chiều, ngoài ra mới mua theo giá thoả thuận. Dựa vào hợp đồng hai chiều chủ yếu là tư liệu sản xuất; nơi nào người sản xuất có nhu cầu thì đưa thêm một phần hàng tiêu dùng thiết yếu, kể cả lương thực. Không dùng hàng công nghiệp để đổi trực tiếp hoặc bù thêm vào giá mua nông, lâm, thuỷ sản.

Phân bổ ranh mạch bốn quỹ hàng hoá: quỹ hàng cung cấp cho công nhân, cán bộ và lực lượng vũ trang; quỹ hàng đổi lưu theo hợp đồng hai chiều; quỹ hàng xuất khẩu; quỹ hàng bán lẻ cho các nhu cầu xã hội. Quỹ vật tư, hàng hoá dành cho thu mua được phân bố trên kế hoạch theo mặt hàng thu mua, theo ngành và theo địa phương, tương ứng với khối lượng nông, lâm, thuỷ sản phải mua.

Uỷ ban nhân dân huyện có trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo việc ký kết hợp đồng giữa các tổ chức thu mua với người sản xuất, bảo đảm các bên ký kết thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng; bên nào vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại và chịu phạt theo quyết định của trọng tài kinh tế.

Ra sức củng cố và phát triển mạng lưới *thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán* đến tận cơ sở. Cải tiến cơ chế quản lý đối với các cơ sở cung ứng vật tư, thương nghiệp, lương thực; xây dựng tốt đội ngũ cán bộ, nhân viên về phẩm chất và nghiệp vụ. Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải thực hiện đúng phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa, tích cực phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Cải tiến các chính sách, chế độ về thuế, tín dụng, chiết khấu... để phát triển mạnh hợp tác xã mua bán.

Sắp xếp lại hệ thống tổ chức *cung ứng vật tư, vận tải, thương nghiệp*; tập trung nhiệm vụ cung ứng các loại vật tư thông dụng vào Bộ Vật tư; xoá bỏ những cấp, những khâu trung gian không cần thiết, bảo đảm quá trình lưu thông vật tư, hàng hoá hợp lý theo con đường ngắn nhất từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Mở rộng hình thức "đại lý" và các hình thức quá độ khác có kiểm soát chặt chẽ trong thương nghiệp, vật tư và vận tải.

Đẩy mạnh việc xây dựng và tăng cường các công ty kinh doanh của huyện do cấp huyện quản lý. Công ty vật tư huyện làm chức năng cung ứng vật tư nông nghiệp và đại lý cung ứng các vật tư thông dụng khác trên địa bàn huyện. Công ty thương nghiệp huyện làm chức năng thu mua và bán lẻ trên địa bàn huyện, đồng thời làm đại lý thu mua và bán lẻ một số mặt hàng thuộc phạm vi kinh doanh của các ngành khác. Ở các vùng sản xuất tập trung hàng xuất khẩu, công ty ngoại thương huyện làm nhiệm vụ trực tiếp thu mua nông sản xuất khẩu. Công ty lương thực huyện làm chức năng huy động và kinh doanh lương thực.

2. Về giá cả

- *Khẩn trương điều chỉnh hệ thống giá cả nhà nước một cách có kế hoạch vững chắc làm cho giá cả ngày càng phản ánh đầy đủ hơn hao phí lao động xã hội cần thiết và phù hợp với sức mua của đồng tiền, góp phần giải quyết đúng đắn những mối quan hệ cơ bản, nhất là quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa tích luỹ và tiêu dùng, giữa trong nước và ngoài nước.*

Trước mắt, cần thi hành chính sách hai loại giá một cách nhất quán: bên cạnh hệ thống giá ổn định (giá bán buôn trong kinh tế quốc doanh, giá cung cấp cho những người ăn lương, giá mua và bán theo hợp đồng hai chiều...), có bộ phận giá được chỉ đạo linh hoạt (giá thoả thuận trong thu mua, giá kinh doanh thương nghiệp trong bán lẻ) để đấu tranh với thị trường tự do, tăng cường nắm hàng, chủ động điều tiết cung - cầu.

Trên cơ sở phát triển sản xuất, tăng cường lực lượng hàng hoá trong tay nhà nước, mở rộng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa; xoá bỏ đầu cơ, buôn lậu; thu hẹp và quản lý chặt chẽ thi trường tự do, giảm dần và đi đến chấm dứt lạm phát không lành mạnh, căn bản cân đối được hàng - tiền và cung - cầu về những mặt hàng thiết yếu nhất, tiến tới thi hành chính sách *một mức giá thống nhất*.

- *Tính đủ và đưa dần các chi phí cần thiết vào giá thành sản phẩm*, trước hết là tiền lương, sau đó là khấu hao cơ bản và giá vật tư nhập khẩu. Các ngành, các cấp, các cơ sở có trách nhiệm hạch toán giá thành chân thực và chính xác, phấn đấu hạ giá thành và phí lưu thông, loại bỏ ngay những chi phí bất hợp lý, bất hợp lệ.

Điều chỉnh từng bước *giá bán buôn vật tư* đối với tư liệu sản xuất và dịch vụ kỹ thuật.

- Trên cơ sở xác định chi phí sản xuất hợp lý và lãi thoả đáng để khuyến khích sản xuất nông nghiệp, nhất là lương thực, hàng xuất khẩu, cây công nghiệp quan trọng, mà xem xét

điều chỉnh giá thu mua trong hợp đồng hai chiều, bảo đảm tỷ giá hợp lý giữa nông, lâm, thuỷ sản và hàng công nghiệp. *Giá thoả thuận* áp dụng cho phần thu mua ngoài hợp đồng được chỉ đạo linh hoạt trong khung giá quy định theo vùng, theo thời vụ, theo tính chất quan trọng của mặt hàng, có tính đến tình hình giá cả thị trường, trên cơ sở loại bỏ các yếu tố đầu cơ và cấm tư thương tranh mua với nhà nước.

Xác định lại *giá kinh doanh*, *giá thu mua hàng tiêu công nghiệp và thủ công nghiệp*, bảo đảm cho người sản xuất bù đắp được chi phí và có thu nhập thoả đáng.

- Xác định hệ thống *giá bán lẻ mới của nhà nước*. *Điều chỉnh giá cung cấp* lên bằng mức giá bán lẻ mới ổn định của nhà nước và đưa khoản chênh lệch giá đó vào tiền lương. Ngoài quỹ hàng cung cấp, quỹ hàng đối lưu theo hợp đồng hai chiều và một số mặt hàng thuộc diện chính sách xã hội (như thuốc chữa bệnh, sữa cho trẻ em, giấy viết cho học sinh...), quỹ hàng hoá bán lẻ còn lại của thương nghiệp quốc doanh được bán theo *giá kinh doanh thương nghiệp*; giá này được chỉ đạo linh hoạt để đấu tranh với thị trường tự do, góp phần điều tiết cung - cầu. Việc điều chỉnh và thi hành hệ thống giá bán lẻ phải gắn liền với việc củng cố tổ chức thương nghiệp và cải tiến phương thức hoạt động thương nghiệp, bảo đảm bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng, nghiêm cấm việc tuồn hàng của nhà nước ra thị trường tự do, chống đầu cơ mua đi bán lại để thu chênh lệch giá.

- Việc điều chỉnh giá phải làm kiên quyết và thận trọng, đồng bộ với các biện pháp về tài chính, tiền tệ, tiền lương, thương nghiệp và quản lý thị trường, thể hiện trong các phương án liên ngành; phải lường hết các hệ quả và tác động

về mặt kinh tế - xã hội để có kế hoạch chủ động đối phó. Nhà nước phải tăng cường quản lý giá, đồng thời thực hiện phân công, phân cấp quản lý giá hợp lý để bảo đảm giá cả được quyết định mau lẹ kịp thời, không ảnh hưởng đến sản xuất và lưu thông hàng hoá. Nghiêm cấm các ngành, các cấp định giá sai chế độ, tuỳ tiện nâng giá hoặc ép giá để tăng thu nhập bất hợp lệ. Đề cao kỷ luật và bí mật nhà nước về giá; tăng cường kiểm tra, thanh tra nhà nước và lập lại trật tự trên lĩnh vực giá cả.

3. Về tiền lương

Bộ Chính trị khẩn trương xem xét và thông qua phương án toàn diện cải tiến một bước chế độ tiền lương, làm cho tiền lương thật sự bảo đảm tái sản xuất sức lao động của người ăn lương, bảo đảm quan hệ hợp lý giữa các ngành nghề và tính thống nhất của chế độ tiền lương trong cả nước, bảo đảm thực hiện phân phối theo lao động.

Trong một số năm trước mắt, tiền lương phải bao gồm hai phần: phần tiền lương ổn định được bảo đảm bằng chế độ cung cấp những mặt hàng thiết yếu theo giá ổn định, và phần tiền lương biến động được bảo đảm bằng phụ cấp đắt đỏ theo chỉ số giá sinh hoạt từng thời gian ở từng khu vực. Trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất và tăng cường thu mua nấm nguồn hàng trong tay nhà nước, dành riêng quỹ hàng hoá và tổ chức tốt việc cung cấp, bảo đảm phần tiền lương ổn định chiếm 70% tiền lương của công nhân, cán bộ.

Trong khi chuẩn bị cải tiến chế độ tiền lương, phải bảo đảm cung cấp cho công nhân, cán bộ và lực lượng vũ trang các mặt hàng thiết yếu theo đúng tiêu chuẩn, chất lượng và thời gian quy định; hạn chế bù tiền thay cung cấp hiện vật, nhất là đối với lương thực và thực phẩm. Đối với bộ phận công nhân, viên chức hiện có mức thu nhập quá thấp, nhất là cán bộ, nhân viên trong khu vực hành chính, sự nghiệp và lực

lượng vũ trang, Hội đồng Bộ trưởng cần áp dụng ngay các biện pháp tích cực và thích hợp về cung cấp hiện vật hoặc phụ cấp bằng tiền. Định lại các mức ăn ca ba và giữa ca, bồi dưỡng độc hại, bảo đảm tiêu chuẩn hiện vật theo quy định.

4. Về tài chính và tiền tệ

- Khẩn trương xây dựng chính sách tài chính quốc gia phù hợp với chặng đường hiện nay của thời kỳ quá độ, bảo đảm các mối quan hệ cơ bản trong nền kinh tế quốc dân, nhất là giữa tích luỹ và tiêu dùng, giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội.

Phải thực hiện tăng thu và tiết kiệm chi một cách triệt để nhằm hạn chế bội chi và tiến tới cân bằng thu - chi ngân sách nhà nước.

Thực hiện nghiêm chỉnh Pháp lệnh về thuế nông nghiệp và thuế công, thương nghiệp. Tiếp tục làm tốt việc phát hành công trái. Thể chế hoá phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm, trung ương và địa phương cùng làm" trong xây dựng và trong sự nghiệp giáo dục, văn hoá và y tế.

Phân bổ và sử dụng hợp lý các nguồn vốn trong nước và ngoại tệ. Tập trung vốn đầu tư cơ bản cho các công trình trọng điểm, coi trọng đầu tư chiều sâu, sớm đưa các công trình vào sử dụng. Tổ chức thực hiện có kết quả rõ rệt các nghị quyết của Đảng và Chính phủ về chế độ tiết kiệm trên cơ sở những tiêu chuẩn, định mức ràng buộc; hạn chế chi tiêu cho các nhu cầu về quản lý hành chính; kiên quyết chấm dứt tình trạng lãng phí, phô trương hình thức về hội họp, tiếp khách, liên hoan, quà biếu.

Tiếp tục hoàn thiện chế độ phân cấp quản lý tài chính và ngân sách. Thủ trưởng và kế toán trưởng xí nghiệp, cơ quan phải chịu trách nhiệm vật chất về mọi vi phạm các chính sách, chế độ tài chính.

- Năm vững và điều hòa lưu thông tiền tệ, hạn chế lạm phát để củng cố sức mua của đồng tiền bằng những chính sách kinh tế - tài chính thích hợp và các biện pháp quản lý đồng

bộ, kiên quyết. Trước mắt phải làm ngay những việc *cấp bách*: chỉ đạo chặt chẽ giá cả; cấm tuỳ tiện nâng giá thu mua để tranh mua, nhất là mua hàng xuất khẩu; cấm tuỳ tiện nâng giá bán vật tư và hàng tiêu dùng để thu chênh lệch giá; quản lý chặt chẽ lao động và tiền lương, trả lương tương ứng với năng suất, chất lượng và sản lượng; tiết kiệm chi tiêu mọi mặt, chống lãng phí, chi tiêu bừa bãi, nhất là chi tiêu bằng tiền mặt; quản lý chặt chẽ vốn xây dựng cơ bản; tất cả các ngành, các cấp phải nghiêm chỉnh chấp hành chế độ quản lý tài chính và tiền mặt, cấm lập quỹ đen và "toạ chí" ngoài chế độ.

Trên cơ sở tính toán chặt chẽ các khoản thu - chi mà có kế hoạch phát hành tiền một cách chủ động cho đầu tư phát triển sản xuất có hiệu quả sớm và cho thu mua nấm nguồn hàng.

- *Thực hiện chính sách tín dụng tích cực*; mở rộng phạm vi và cải tiến phương pháp tín dụng phù hợp với cơ chế quản lý mới. Điều chỉnh hợp lý lãi suất tiền gửi và tín dụng ngân hàng. Ngân hàng cần cải tiến phương thức hoạt động, xoá bỏ những thủ tục phiền hà để phục vụ nhanh nhẹn các yêu cầu của sản xuất, kinh doanh; đồng thời tăng cường kiểm soát bằng đồng tiền, bảo đảm hiệu quả của vốn tín dụng. Việc thực hiện chế độ quản lý tiền mặt và chế độ tín dụng phải là một tiêu chuẩn để xét công nhận hoàn thành kế hoạch và trích lập các quỹ của xí nghiệp, công ty. Phân biệt rành mạch và thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước và chức năng kinh doanh của ngân hàng. Tiếp tục mở rộng mạng lưới ngân hàng cơ sở; phát triển và củng cố hợp tác xã tín dụng và các hình thức tín dụng khác ở nông thôn và thành thị.

- *Sửa đổi chế độ quản lý ngoại hối*, nhằm tập trung mọi nguồn vốn ngoại tệ vào quỹ ngoại hối của nhà nước và tài khoản ngoại tệ ở ngân hàng ngoại thương. Nghiêm trị những hoạt động đầu cơ, kinh doanh mua bán và lưu hành trái phép ngoại tệ ở trong nước.

5. Về quản lý xuất, nhập khẩu

Phát triển và cải tiến quan hệ kinh tế với nước ngoài, đặc biệt là với Liên Xô và các nước khác trong Hội đồng tương trợ kinh tế, phù hợp với những văn kiện được thông qua ở Hội nghị cấp cao các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế ở Mátxcơva.

Ưu tiên bảo đảm các điều kiện sản xuất, vật tư - kỹ thuật cần thiết, dành quỹ vật tư, hàng hoá thích đáng, trong đó có phần vật tư, hàng hoá nhập khẩu, để *phục vụ sản xuất và thu mua hàng xuất khẩu* theo kế hoạch nhà nước. Đẩy mạnh xuất khẩu tại chỗ bằng cách phát triển du lịch, dịch vụ hàng không, cung ứng tàu biển, v.v..

Trên cơ sở thực hiện nguyên tắc nhà nước độc quyền ngoại thương và ngoại hối, trung ương thống nhất quản lý ngoại thương, thống nhất quản lý vận tải xuất, nhập khẩu; *khuyến khích các địa phương, các ngành và các đơn vị cơ sở đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu và xuất khẩu*. Mọi hoạt động xuất, nhập khẩu, dù là của trung ương hay của địa phương, của các đơn vị cơ sở, đều phải chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Ngoại thương.

- *Kế hoạch sản xuất và giao nộp hàng xuất khẩu được nhà nước giao thành chỉ tiêu pháp lệnh* cho các ngành, các địa phương và các đơn vị cơ sở; phần vượt chỉ tiêu pháp lệnh, các ngành, các địa phương và các đơn vị cơ sở được đưa vào kế hoạch xuất khẩu của mình. Cho phép các ngành, các địa phương và các đơn vị cơ sở lập quỹ ngoại tệ, vay vốn ngoại tệ để đầu tư chi tiêu sâu và mở rộng sản xuất, nhập vật tư phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu và hàng tiêu dùng thiết yếu, trên cơ sở bảo đảm hiệu quả kinh tế cao và khả năng trả nợ đúng hạn. Các ngành, các địa phương và các đơn vị cơ sở sử dụng số ngoại tệ thu được chủ yếu để nhập những thiết bị lẻ, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất; trong trường hợp cần thiết được phép nhập một tỷ lệ nhất định hàng tiêu dùng thiết yếu mà trong nước không có khả năng sản xuất; không được nhập hàng xa xỉ.

Cải tiến chế độ thu bù chênh lệch ngoại thương; nghiên cứu áp dụng thuế nhập khẩu và trợ giá hàng xuất; giải quyết thoả đáng tỷ giá kết hối đối với phần ngoại tệ địa phương trích nộp cho trung ương.

- *Sắp xếp lại và tăng cường các tổ chức kinh doanh xuất - nhập khẩu có tính chất toàn quốc, cũng như của các ngành và các địa phương. Thống nhất kinh doanh xuất - nhập khẩu những mặt hàng hoặc nhóm hàng quan trọng trong cả nước vào một đầu mối thông qua các tổ chức xuất - nhập khẩu có tính chất liên doanh, liên kết giữa trung ương và địa phương và giữa các địa phương với nhau.*

IV- CẢI TIẾN QUẢN LÝ Ở CÁC NGÀNH, CÁC CẤP NHẰM TĂNG CƯỜNG PHỤC VỤ VÀ QUẢN LÝ CƠ SỞ

1. Cải tiến công tác kế hoạch hoá

Hội đồng Bộ trưởng phải khẩn trương làm tốt việc cụ thể hoá đường lối thành chiến lược kinh tế - xã hội trình Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương xem xét và quyết định; xây dựng những chương trình mục tiêu trọng yếu; quyết định những phương án kinh tế - kỹ thuật quan trọng; chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch, tổng hợp và cân đối kế hoạch của các ngành, các địa phương; xây dựng và nắm vững những cân đối chủ yếu về hiện vật và giá trị nhằm bảo đảm cho trung ương thông qua kế hoạch mà chi phối vững chắc quá trình phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

Các thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật phải là cơ sở để xây dựng kế hoạch và thực sự trở thành một nội dung chủ yếu của kế hoạch, kế hoạch khoa học - kỹ thuật phải trở thành bộ phận hữu cơ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Các bộ, tổng cục có trách nhiệm xây dựng *kế hoạch toàn ngành* phù hợp với trình độ phát triển và đặc điểm của

từng ngành; bảo đảm cho kế hoạch được thực sự xây dựng và tổng hợp từ cơ sở do bộ trực tiếp quản lý cũng như từ các cơ sở cùng ngành do các địa phương và các bộ khác trực tiếp quản lý. Kế hoạch ngành phải đặc biệt xem trọng các mặt: đầu tư xây dựng cơ bản để hình thành ngành trong phạm vi cả nước; áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và những định mức kinh tế - kỹ thuật tiến bộ; cung ứng những vật tư chủ yếu và phân phối những sản phẩm chủ yếu thuộc danh mục do trung ương thống nhất quản lý; sản xuất hàng xuất khẩu...

Mở rộng quyền hạn và trách nhiệm của tỉnh, thành phố trong việc xây dựng và chỉ đạo thực hiện *kế hoạch kinh tế - xã hội toàn diện của địa phương* gồm cả phần kế hoạch do địa phương phụ trách đối với các cơ sở trung ương đóng tại địa phương; tạo điều kiện cho các tỉnh, thành phố tự giải quyết đến mức cao nhất việc xây dựng cơ cấu kinh tế địa phương, phát huy tiềm năng lao động, đất đai, mở mang ngành nghề, cung ứng cho đời sống dân cư trong địa phương và cân đối được về mặt giá trị giữa các sản phẩm do địa phương điều động cho trung ương và các vật tư, hàng hóa của trung ương đưa về địa phương. Xúc tiến việc *xây dựng kế hoạch lãnh thổ* phù hợp với trình độ phát triển kinh tế của các vùng và trình độ quản lý của các ngành và của các địa phương.

Kế hoạch *tỉnh* phải thể hiện *cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp tỉnh*, bao gồm cả các cơ sở kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, gồm những cơ sở công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, trạm trại có tác dụng đối với cả tỉnh hoặc nhiều huyện.

Kế hoạch *huyện* phải thể hiện *cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp huyện* được xây dựng theo quy hoạch cụ thể của từng huyện (nông - công nghiệp, nông - lâm - công nghiệp, nông - ngư - công nghiệp, v.v.) gồm những cơ sở công nghiệp quốc

doanh, nông trường, lâm trường, trạm trại trực tiếp phục vụ cho sản xuất trong huyện, nằm gọn trên địa bàn huyện, các hợp tác xã nông nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, xây dựng, vận tải, v.v..

Kế hoạch của các ngành, các địa phương phải thể hiện phương châm "Trung ương và địa phương cùng làm", "Nhà nước và nhân dân cùng làm", và các hoạt động liên doanh, liên kết giữa các địa phương với nhau hoặc giữa địa phương với các ngành trung ương.

Hội đồng Bộ trưởng phải cải tiến phương pháp kế hoạch hoá, thể hiện phương châm và chủ trương kế hoạch hoá của Đảng phù hợp với điều kiện thực tế của đất nước.

2. Ban hành, bổ sung hoặc sửa đổi một số chính sách, chế độ quản lý

Ban hành pháp lệnh về chế độ *kế toán và thống kê nhà nước áp dụng bắt buộc* cho tất cả các đơn vị thuộc các thành phần kinh tế tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh, chú trọng các chỉ tiêu về năng suất, chất lượng, hiệu quả. Thực hiện nghiêm ngặt chế độ kỷ luật và trách nhiệm, tăng cường *kiểm tra và thanh tra tài chính* của nhà nước, song phải đơn giản về thủ tục, tránh gây trở ngại đến hoạt động bình thường của cơ sở trong sản xuất, kinh doanh. Nâng cao trình độ tổng kết và phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của các xí nghiệp, liên hiệp các xí nghiệp và các địa phương.

Cải tiến các *chính sách, chế độ về lao động* theo hướng xoá bỏ cơ chế bao cấp, thực hiện phân bố lại lực lượng lao động, gắn nghĩa vụ với lợi ích của xí nghiệp và của người

lao động. Ban hành và thực hiện tốt *pháp lệnh về lao động nghĩa vụ* của thanh niên và *nghĩa vụ lao động công ích* của công dân.

Tiếp tục hoàn thiện các chính sách, chế độ quản lý *khoa học - kỹ thuật*, chế độ kế hoạch hoá khoa học - kỹ thuật; bổ sung chính sách khuyến khích về vật chất và tinh thần đối với những thành tựu khoa học - kỹ thuật, sáng chế, phát minh, cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm vật tư, nguyên liệu. Đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn hoá, kiểm tra chất lượng sản phẩm của nhà nước.

3. Từ nay đến cuối năm 1985, phải hoàn thành về cơ bản việc tinh giản bộ máy quản lý nhà nước đang quá cồng kềnh, có nhiều đầu mối và tầng nấc trung gian. Thu gọn một số bộ, tổng cục; tinh giản bộ máy của Đảng và các đoàn thể quần chúng các cấp; điều chỉnh những chỗ chưa hợp lý trong sự phân công giữa các bộ; nâng cao chất lượng hoạt động của các bộ và cơ quan chức năng; phân rõ trách nhiệm giữa các cơ quan liên quan. Khắc phục tình trạng chậm trễ, chồng chéo, thiếu đồng bộ trong quan hệ công tác với cấp dưới.

Tiếp tục cụ thể hoá và thể chế hoá chủ trương "Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ, Nhà nước quản lý". Tăng cường *pháp chế nhà nước xã hội chủ nghĩa và kỷ luật nhà nước*. Tiến hành các biện pháp đồng bộ để chống quan liêu lạm dụng chức quyền, tham nhũng; thực hiện thưởng phạt nghiêm minh, kịp thời trên tinh thần cấp trên làm gương cho cấp dưới, trong Đảng làm gương cho người ngoài Đảng.

Cải tiến và nâng cao hiệu lực chỉ đạo và tổ chức điều hành của Hội đồng Bộ trưởng, tăng cường sự chỉ đạo, kiểm tra đôn

đốc của Ban Bí thư, bảo đảm thực hiện kịp thời và nghiêm túc các nghị quyết của Trung ương Đảng.

Thực hiện *chế độ thủ trưởng* trong các cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan quản lý sản xuất, kinh doanh theo hướng xác định rõ trách nhiệm cá nhân trong quản lý kinh tế, đồng thời xây dựng và thực hiện chế độ làm việc tập thể đối với các vấn đề quan trọng của cơ quan và đơn vị; củng cố *hội đồng bộ* ở các bộ và cơ quan ngang bộ; lập *hội đồng xí nghiệp* bên cạnh giám đốc xí nghiệp.

4. Về công tác cán bộ

Quy định rõ quy trình và có tổ chức bảo đảm tuyển chọn cán bộ một cách có căn cứ khoa học, đánh giá cán bộ một cách đúng đắn, căn cứ vào phẩm chất, đạo đức và năng lực thực hiện cơ chế quản lý mới. Trên cơ sở đó, sắp xếp, tăng cường đội ngũ cán bộ quản lý chủ chốt ở các cấp, các ngành kinh tế, trong các cơ quan quản lý nhà nước, nhất là *ở huyện và ở các tổ chức sản xuất, kinh doanh*; khuyến khích và sử dụng đúng cán bộ tốt và giỏi, kiên quyết thay thế những cán bộ không đảm đương được nhiệm vụ được giao.

Lựa chọn và cử những cán bộ có phẩm chất, đạo đức, có năng lực quản lý và kinh doanh, làm giám đốc xí nghiệp và công ty quan trọng; làm bí thư và chủ tịch huyện.

Nâng cao chất lượng bồi dưỡng cán bộ về quản lý nhà nước và quản lý kinh tế. Các trường đại học và trung học chuyên nghiệp đào tạo cán bộ kinh tế, kỹ thuật phải đưa nội dung quản lý kinh tế vào chương trình giảng dạy, chú ý tuyển chọn những cán bộ và người lao động tiên tiến ở cơ sở.

*
* * *

Để bảo đảm thực hiện tốt Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng, dưới sự lãnh đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Hội đồng Bộ trưởng phải có chương trình cụ thể, tổ chức thực hiện nghị quyết, nhằm vào những điểm chủ yếu dưới đây:

- Làm thấu suốt nghị quyết này trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, đạt được sự *nhất trí cao*, bảo đảm sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong toàn Đảng, trong tất cả các ngành, các cấp cho đến cơ sở, trước hết trong các cơ quan lãnh đạo.
- Khẩn trương *cụ thể hóa các chủ trương, biện pháp* đã ghi trong nghị quyết thành các chỉ thị của Đảng, các quyết định của Nhà nước, các kế hoạch, phương án, chương trình mục tiêu có biện pháp đồng bộ.
- Cải tiến *lề lối làm việc*, thực hiện đúng các quy trình về chuẩn bị và ra quyết định; sử dụng và phát huy các cơ quan chuyên môn của Đảng và của Nhà nước trong việc nghiên cứu, chuẩn bị các chủ trương, chính sách và trong việc tổ chức thực hiện; phân công, phân nhiệm rõ ràng cho từng tổ chức và cá nhân, định rõ thời hạn hoàn thành từng việc; chỉ đạo trọng điểm và làm thủ việc thực hiện những chủ trương quan trọng; tăng cường giáo dục, nâng cao phẩm chất, đạo đức và năng lực hoạt động của cán bộ, đảng viên; chú trọng kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nghị quyết, kịp thời sơ kết, tổng kết, khen thưởng và thi hành kỷ luật, nhằm khuyến khích và phổ biến các kinh nghiệm tốt, việc làm tốt và ngăn ngừa những khuyết điểm, lệch lạc. Thực hiện

nghiêm túc chế độ kiểm điểm kết quả thi hành các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương.

- Động viên *phong trào cách mạng của quần chúng*, đẩy mạnh phong trào *thi đua xã hội chủ nghĩa* phát triển sản xuất và thực hành tiết kiệm, tích cực bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, kiên quyết chống các hoạt động phá hoại của địch và các mặt tiêu cực trong xã hội. Tạo điều kiện thuận lợi để các đoàn thể theo chức năng của mình mà động viên, giáo dục, tổ chức quần chúng tham gia thiết thực vào công tác quản lý ở các cấp, các ngành, nhất là ở cơ sở.

Toàn Đảng, toàn dân ta, phát huy ý chí tự lực tự cường và tinh thần làm chủ tập thể của nhân dân lao động, hãy ra sức khắc phục các khuyết điểm trong công tác quản lý kinh tế, quyết tâm phấn đấu thực hiện tốt Nghị quyết của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng, thi đua đẩy mạnh sản xuất và cải tiến công tác phân phối, lưu thông, thực hiện thắng lợi kế hoạch nhà nước năm 1984, chuẩn bị tốt kế hoạch nhà nước năm 1985, quyết tâm hoàn thành kế hoạch 5 năm 1981 - 1985, thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội mà Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng đã đề ra.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THU
LÊ DUẨN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THU

Số 46-CT/TW, ngày 11 tháng 7 năm 1984

Về việc phổ biến và tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng

Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã quyết định những nhiệm vụ cấp bách trong công tác quản lý kinh tế nhằm thực hiện thắng lợi những mục tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội V đề ra.

Nghị quyết Trung ương lần này chỉ ra phương hướng cải tiến cơ chế quản lý kinh tế, trước hết là cải tiến quản lý các đơn vị cơ sở và giải quyết các vấn đề cấp bách của lưu thông, phân phối, từng bước xây dựng cơ chế quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Việc quán triệt và thực hiện nghị quyết của Trung ương phải tổ chức chu đáo, có hiệu quả. Công tác tuyên truyền, giải thích nghị quyết phải đi đôi với các hoạt động thực tiễn, động viên cán bộ, đảng viên và quần chúng hành động thiết thực.

1. Trong việc phổ biến và tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ sáu, cần chú ý những vấn đề sau đây:

a) Làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân *nhận thức sâu và nhất trí cao* với Trung ương về đánh giá tình hình cơ bản kinh tế - xã hội, về phương hướng, nhiệm vụ, biện pháp sắp xếp lại cơ cấu kinh tế, cải tiến quản lý kinh tế nhằm tiếp tục xoá bỏ cơ chế quản lý hành chính, quan liêu, bao cấp, đồng

thời khắc phục tình trạng phân tán, cục bộ, vô tổ chức, vô kỷ luật, xây dựng cơ chế quản lý mới đúng đắn, phù hợp với đường lối cách mạng và đường lối kinh tế của Đảng. Nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần chủ động, sáng tạo, ý thức tổ chức và kỷ luật của từng ngành, địa phương, đơn vị trong việc chấp hành nghị quyết của Trung ương, khắc phục những quan điểm và hành động trái với tinh thần nghị quyết, những hiện tượng tiêu cực trong đời sống kinh tế và xã hội.

b) Trên cơ sở quán triệt sâu sắc Nghị quyết Trung ương, các cấp, các ngành, các đơn vị cơ sở phải *xác định chương trình hành động thiết thực* để thực hiện Nghị quyết. Đối với một số việc quan trọng, cấp bách, phải có những biện pháp cụ thể triển khai nhanh chóng, xác định người chịu trách nhiệm chính về tổ chức thực hiện và định rõ thời gian hoàn thành nhằm thúc đẩy thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1984 và năm 1985.

c) Từ nay đến hết năm 1985, phải tạo ra được một sự *chuyển biến mạnh mẽ* trong hoạt động thực tiễn quản lý kinh tế ở mọi ngành, mọi cấp, đặc biệt là ở các đơn vị cơ sở và trong lĩnh vực phân phối, lưu thông, nhằm phát huy những thành tựu đã đạt được, nhanh chóng đưa nền kinh tế nước ta thoát khỏi tình trạng khó khăn trước mắt, để tiếp tục tiến lên.

2. Để đạt được những yêu cầu nói trên, cần phải nắm vững nội dung toàn diện của nghị quyết và bài phát biểu quan trọng của đồng chí Lê Duẩn tại Hội nghị Trung ương lần này, chú ý một số quan điểm sau đây:

a) Quán triệt hơn nữa quan điểm *làm chủ tập thể*, coi đó là nguyên tắc quan trọng nhất trong công tác quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa, thực hiện ba cấp cùng làm chủ, kết hợp sức mạnh làm chủ tập thể và sức mạnh làm chủ của từng người lao động. Phải nắm vững phương châm kết hợp hài hoà ba lợi ích làm động lực thúc đẩy tinh thần hăng hái lao động sản xuất và công tác, trong đó lợi ích chính đáng của người lao động được khuyến khích thích đáng, gắn liền lợi ích với nghĩa vụ, trách nhiệm với quyền hạn.

Cơ chế quản lý mới nhằm phát huy quyền làm chủ tập thể và tinh thần chủ động sáng tạo của các đơn vị kinh tế cơ sở, khai thác tốt nhất các khả năng, làm chủ sản xuất, phân phối, lưu thông, đời sống.

b) Cơ chế mới khẳng định nguyên tắc lấy *kế hoạch làm trung tâm*, công cụ chủ yếu để quản lý kinh tế - xã hội, *kế hoạch gắn với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa*. Kế hoạch không chỉ là pháp lệnh bắt buộc mà còn thể hiện những đòn bẩy kích thích tinh thần hăng hái lao động sản xuất của tập thể và cá nhân những người lao động. Ba cấp làm chủ thể hiện trong ba cấp kế hoạch là một chủ trương lớn của Đảng ta. Mỗi cấp dựa trên mục tiêu cơ bản của cả nước, dựa vào bốn nguồn vật tư để chủ động khai thác các khả năng kinh tế và thế mạnh của mình. Phải nắm vững nội dung cải tiến công tác kế hoạch hóa là mở rộng quyền hạn và trách nhiệm của cơ sở và địa phương trong công tác kế hoạch hóa; việc quy định các chỉ tiêu pháp lệnh, khi xây dựng cũng như khi thực hiện kế hoạch phải sử dụng đúng đắn các đòn bẩy kinh tế, các quan hệ hàng - tiền. Thực hiện những phương pháp, hình thức, chính sách gắn liền kế hoạch với hạch toán và kinh doanh xã hội chủ nghĩa là một phương hướng lớn để đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Việc giải quyết một số vấn đề cấp bách về lưu thông, phân phối thể hiện bản chất và những nguyên tắc quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa trong tình hình cụ thể trước mắt nhằm mục đích đẩy mạnh sản xuất, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, đấu tranh chống khuynh hướng tư bản chủ nghĩa và sự phá hoại của địch.

c) Chấp hành nghiêm chỉnh *nguyên tắc tập trung dân chủ* trong việc xây dựng cơ chế quản lý mới, mở rộng quyền chủ động sản xuất, kinh doanh của các đơn vị cơ sở, các địa phương phải gắn liền với việc tăng cường sự tập trung đúng mức và cần thiết của trung ương. Phải thấm nhuần quan điểm: sức mạnh của cả nước bắt nguồn từ cơ sở và địa phương, trên cơ sở phát huy đầy đủ sức mạnh làm chủ của cơ

sở và địa phương để tích tụ tập trung cho cả nước và sức mạnh của cả nước là *điều kiện cơ bản* để phát huy quyền làm chủ ở địa phương và cơ sở; lợi ích của xã hội là lợi ích tối cao, làm chủ của địa phương và cơ sở phải củng cố và tăng cường sự làm chủ của cả nước.

Muốn quán triệt nguyên tắc này phải đồng thời khắc phục cả hai khuynh hướng tập trung quan liêu và phân tán, cục bộ.

d) *Sử dụng sức mạnh tổng hợp* nhằm khai thác mọi khả năng hiện thực và tiềm tàng của đất nước: sử dụng tốt lao động, đất đai và các tài nguyên khác, cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có; sử dụng tốt các thành phần kinh tế trong sản xuất, lấy quốc doanh làm nòng cốt; huy động mọi nguồn vốn, kinh nghiệm, kỹ thuật; chú ý đầy đủ khả năng của hoạt động kinh tế đối ngoại. Để tạo nên sức mạnh tổng hợp đó trong quản lý kinh tế - xã hội, cần mở rộng liên kết kinh tế giữa các ngành, các địa phương và cơ sở bằng cách vận dụng nhiều hình thức thích hợp; thực hiện tốt chủ trương cân đối kế hoạch từ bốn nguồn...

d) Phương hướng đổi mới cơ chế quản lý phải lấy *năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế làm mục đích, tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả của cơ chế quản lý kinh tế*. Hiệu quả kinh tế bao gồm phát triển lực lượng sản xuất gắn liền với củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất; làm chủ sản xuất gắn liền với làm chủ phân phối, lưu thông, sử dụng các thành phần kinh tế trong sản xuất đồng thời với đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, xoá bỏ tư sản thương nghiệp, củng cố và mở rộng thị trường xã hội chủ nghĩa, tăng cường kiểm kê kiểm soát, nhà nước nắm được hàng và tiền.

3. Nghị quyết của Trung ương cần được *nhanh chóng truyền đạt* để kịp quán triệt trong việc xây dựng kế hoạch nhà nước năm 1985 và chuẩn bị kế hoạch 5 năm 1986 - 1990 từ đơn vị cơ sở lên. Phải đồng thời triển khai nhiều hình thức tuyên truyền: sử dụng rộng rãi hệ thống báo cáo viên các cấp, và các phương tiện thông tin đại chúng; chỉ đạo chặt chẽ hội

nghị các cấp nghiên cứu và thảo luận chương trình thực hiện nghị quyết ở các ngành và các địa phương.

Sau Hội nghị Trung ương, các đồng chí Uỷ viên Trung ương, bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ, bộ trưởng, trưởng ban thông báo nhanh chóng nghị quyết cho các đồng chí thường vụ cấp uỷ và lãnh đạo bộ, ban, để bộ phận chủ chốt của các ngành, các địa phương dựa vào nội dung nghị quyết mà đề ra ngay chương trình hành động thực hiện nghị quyết.

Ban Bí thư triệu tập hội nghị cán bộ, bồi dưỡng cho một số cán bộ lãnh đạo tỉnh, thành, bộ, ban (các đồng chí phụ trách kinh tế và tuyên huấn) để các đồng chí này về giúp cấp uỷ và lãnh đạo các bộ, các ban làm tốt việc truyền đạt và chỉ đạo thực hiện nghị quyết.

Sau khi đã chuẩn bị chương trình hành động cụ thể, các tỉnh uỷ, thành uỷ triệu tập hội nghị cán bộ lãnh đạo chủ chốt tỉnh, thành, huyện, quận để phổ biến nghị quyết, bàn kế hoạch thực hiện. Huyện uỷ, quận uỷ cũng triệu tập hội nghị với thành phần tương tự và cử cán bộ về giúp cơ sở phổ biến nghị quyết trong nội bộ Đảng, phát động quần chúng thi đua thực hiện kế hoạch nhà nước.

Các bộ, các ban triệu tập hội nghị cán bộ chủ chốt của ngành để phổ biến nghị quyết và định chương trình hành động cụ thể.

Những công việc nói trên phải làm xong *trong tháng 8-1984*.

Ngoài việc tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết Trung ương, các cơ quan, các ngành làm công tác tư tưởng phải có kế hoạch nghiên cứu lý luận, góp phần xây dựng cơ chế quản lý kinh tế; tăng cường giáo dục kinh tế cho cán bộ, đảng viên và nhân dân; đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý.

Ban Bí thư cùng Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng xây dựng *chương trình thực hiện* nghị quyết của Trung ương và thông báo cho các cấp, các ngành. Các đồng chí Bí thư Trung ương và Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng phụ trách các khối

chịu trách nhiệm chỉ đạo và kiểm tra khôi phục trách và phân công phụ trách một số địa phương và ngành trọng điểm. Các cơ quan nhà nước ở trung ương phải kịp thời ban hành những chính sách, chế độ để các địa phương, các cơ sở có thể nhanh chóng biến nghị quyết của Trung ương thành hiện thực.

Đối với một số việc cấp bách cần phải thực hiện ngay, các ngành, các cấp, các cơ sở phải xác định kế hoạch tổ chức thực hiện có phân công, định trách nhiệm rõ ràng và định thời gian hoàn thành từng việc nhằm đạt được những kết quả thiết thực, tạo được khí thế thực hiện nghị quyết của Trung ương. Trong kế hoạch thực hiện, phải kết hợp các biện pháp tư tưởng, kinh tế, hành chính, tổ chức, động viên các lực lượng đảng, nhà nước, quần chúng vào hành động.

Để bảo đảm thực hiện đúng đắn, nghiêm túc nghị quyết của Trung ương, phải thực hiện chế độ *kiểm tra, kiểm soát* nghiêm ngặt của Đảng, Nhà nước, tổ chức quần chúng, kiểm tra từ trên xuống dưới và từ dưới lên trên. Mỗi cấp uỷ và mỗi ngành đều phải có kế hoạch, chương trình kiểm tra cụ thể.

Ngoài báo cáo kết quả từng việc, báo cáo hàng tháng, cuối năm 1984, các tỉnh uỷ, thành uỷ, các bộ, các ban phải sơ kết và báo cáo cho Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng kết quả thực hiện nghị quyết của Trung ương.

T/M BAN Bí THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 44-TB/TW, ngày 13 tháng 7 năm 1984

Ý kiến của Ban Bí thư về việc tiếp tục công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh Nam Bộ

Ngày 28-6-1984, Ban Bí thư đã nghe Ban Nông nghiệp Trung ương báo cáo tình hình thực hiện Chỉ thị 19-CT/TW về cải tạo nông nghiệp ở Nam Bộ và có những ý kiến chính như sau:

I- Từ sau Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng, nhất là trong thời gian gần đây, công tác điều chỉnh ruộng đất và cải tạo nông nghiệp ở các tỉnh Nam Bộ đã có những chuyển biến mới, quan trọng. Các tỉnh đã hoàn thành điều chỉnh ruộng đất ở các vùng lúa có ít diện tích và vùng lúa cao sản. Phong trào nông dân tham gia các hợp tác xã mua bán, các tổ đoàn kết sản xuất và tập đoàn sản xuất, xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa phát triển khá rộng và nhanh. Đến nay, các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp đã thu hút 45,6% nông hộ, 38% diện tích đất đai; có nơi như tỉnh Tiền Giang đã có đến trên 80% nông hộ tham gia lối làm ăn tập thể. Phần lớn tập đoàn sản xuất làm ăn tốt, đạt năng suất và sản lượng lúa cao hơn nông dân cá thể; ngành nghề bắt đầu

được phát triển trong một số tập đoàn sản xuất và hợp tác xã; những điển hình tiên tiến sản xuất giỏi, làm nghĩa vụ tốt xuất hiện ngày càng nhiều đang phát huy sức thuyết phục nông dân, kể cả trung nông, đi vào con đường làm ăn tập thể. Cán bộ quản lý tập đoàn sản xuất, hợp tác xã nông nghiệp và các cấp xã, huyện, tỉnh ngày càng có thêm kinh nghiệm trong việc kết hợp cải tạo với xây dựng nông thôn và nông nghiệp ở các vùng sản xuất lương thực. Nói chung, phong trào phát triển tốt, lành mạnh.

Sở dĩ được như vậy trước hết là nhờ chủ trương, chính sách cải tạo nông nghiệp của Đảng được cụ thể hóa trong các chỉ thị 14-CT/TW, 43-CT/TW, 57-CT/TW, 19-CT/TW là đúng đắn. Các cấp uỷ đảng, các ngành và cán bộ, đảng viên ở Nam Bộ ngày càng quán triệt sâu sắc hơn và có nhiều năng động trong việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách đã đề ra, đã tìm ra nhiều cách làm sáng tạo và linh hoạt, phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội ở Nam Bộ. Các nơi đã gắn chặt cải tạo và xây dựng trong nông nghiệp với cải tạo và xây dựng trong công, thương nghiệp; đã kết hợp phát triển rộng rãi tổ đoàn kết sản xuất, hợp tác xã mua bán (một số nơi đã bắt đầu tổ chức hợp tác xã tín dụng) với việc tổ chức nông dân đi vào con đường sản xuất tập thể với trình độ, quy mô thích hợp, từ thấp đến cao; dựa hồn vào khối đoàn kết nông dân lao động và đấu tranh với giai cấp tư sản, phú nông ở nông thôn, thực hiện tốt hơn chính sách trả hoa lợi ruộng đất để tạo điều kiện thuận lợi cho trung nông lớp trên dễ dàng tiếp thu con đường làm ăn tập thể trong bước đi ban đầu; thực hiện ngay từ đầu việc khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động; kết hợp chặt chẽ hợp tác hoá với thuỷ lợi hoá, từng bước cơ giới hoá và đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp; gắn cải tạo và xây dựng kinh tế với phát triển các sự nghiệp văn hoá, xã hội và xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho sự nghiệp tập thể hoá nông nghiệp được xúc tiến khẩn trương. Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, các đoàn thể ở

các cấp trong việc vận động và tổ chức nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể ngày càng chặt chẽ và tích cực hơn. Những thắng lợi và kinh nghiệm vừa qua chỉ rõ: *có chủ trương và cách làm đúng, lãnh đạo quyết tâm, thì các tỉnh Nam Bộ nhất định cơ bản hoàn thành hợp tác hoá nông nghiệp với hình thức tập đoàn sản xuất (thực chất là hợp tác xã quy mô nhỏ) là chủ yếu vào cuối 1985*, như Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng và các nghị quyết Hội nghị lần thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương đã đề ra.

Những thắng lợi và kinh nghiệm đó cũng chỉ rõ: thực hiện đúng đắn chủ trương của Đảng, thì nhất định ngay từ đầu, các hình thức sản xuất tập thể đã thể hiện được tính hồn hảm của mình so với lối sản xuất cá thể trên nhiều mặt kinh tế - xã hội, kể cả trên mặt trận phát triển sản xuất, thám canh, tăng năng suất, tăng thu nhập cho nông dân.

Trong khi khẳng định mặt tốt của lãnh đạo và phong trào là cơ bản, không được xem nhẹ những khuyết điểm, nhưng điểm cần phải chú ý khắc phục như: việc điều chỉnh ruộng đất và cải tạo nông nghiệp kết hợp với điều chỉnh dân cư từ nơi khác đến ở những vùng nhiều ruộng, ít người chưa làm được nhiều; các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã ở vùng lúa chỉ mới quản lý sản xuất lúa là chính, nên số lượng ngày công tham gia sản xuất tập thể và thu nhập từ kinh tế tập thể của tập đoàn viên, xã viên chưa cao; chất lượng nhiều tập đoàn sản xuất còn thấp; một số hợp tác xã có quy mô tương đối lớn chưa thể hiện được rõ tính ưu việt của quan hệ sản xuất tập thể xã hội chủ nghĩa vì trình độ phát triển sản xuất của hợp tác xã, trình độ tổ chức và quản lý kinh tế của cán bộ chưa được nâng lên kịp với yêu cầu; việc thí điểm để sáng tạo kinh nghiệm, chuẩn bị chính sách cho việc cải tạo các vùng làm vườn và cây công nghiệp mới được triển khai; ở một số địa phương, việc xây dựng kinh tế huyện, tăng cường cấp huyện còn chậm và chưa thật gắn với cải tạo và xây dựng ở cơ sở.

Cần khẳng định những kinh nghiệm và kết quả đã đạt được để vững bước tiến lên. Trong chỉ đạo, phải hết sức tránh xu hướng làm lướt, thiên về hình thức, không coi trọng chất lượng và hiệu quả; đồng thời tránh tư tưởng rập khuôn, cứng nhắc, không xuất phát từ thực tế từng vùng, từng loại hình sản xuất, kinh doanh khác nhau để có hình thức cải tạo thích hợp nhằm phát triển mạnh mẽ, vững chắc phong trào tập thể hoá nông nghiệp.

II- Để cản hoàn thành hợp tác hoá nông nghiệp với hình thức tập đoàn sản xuất là chủ yếu vào cuối năm 1985, trước hết là ở các địa bàn trọng điểm sản xuất lương thực, các tỉnh, thành ở Nam Bộ cần sơ kết, đánh giá mặt làm tốt và chưa làm tốt, nhằm thực hiện tốt hơn nữa những nội dung đã đề ra trong các chỉ thị của Trung ương.

1. Các tỉnh, thành cần có kế hoạch phù hợp tiếp tục điều chỉnh ruộng đất ở vùng bình quân diện tích cao gắn với công tác điều chỉnh dân cư, phân công lại lao động giữa các vùng, để sử dụng tốt hơn lao động và đất đai trong phạm vi toàn huyện, toàn tỉnh và toàn khu vực Nam Bộ. Những nơi đã hoàn thành điều chỉnh ruộng đất, phải kiểm tra để giải quyết những lêch lạc đã nảy sinh.

2. Phát triển rộng rãi hình thức tổ đoàn kết sản xuất ở những nơi chưa tổ chức tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp, kể cả ở những vùng sản xuất cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi, làm các ngành nghề khác; chú trọng chỉ đạo xây dựng tổ đoàn kết sản xuất cho phù hợp với đặc điểm từng vùng, từng đối tượng, và làm cho các tổ đoàn kết sản xuất có hoạt động thiết thực, có hiệu quả.

3. Nhanh chóng mở rộng hệ thống hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng ra tất cả các xã ở Nam Bộ, thu hút rộng rãi nông dân ở nông thôn vào các loại hợp tác xã này. Các hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của chính quyền cấp xã, và dựa vào các tổ đoàn kết, các tập đoàn, các hợp tác xã nông nghiệp để mở rộng mạng lưới và phạm vi hoạt động ra khắp các thôn,

nhằm thay thế tư thương, loại bỏ nạn đầu cơ, nạn cho vay nặng lãi, làm chủ thị trường nông thôn, phục vụ tốt sản xuất và đời sống của nông dân trong các thôn, xã. Các ngành thương nghiệp quốc doanh và ngân hàng tỉnh, huyện có thể uỷ thác một số công việc mua, bán, tín dụng ở nông thôn cho các hợp tác xã này và có trách nhiệm tích cực hướng dẫn nghiệp vụ, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho các hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng.

4. Tích cực củng cố các tập đoàn sản xuất và các hợp tác xã nông nghiệp, bảo đảm tính chất tập thể xã hội chủ nghĩa về mọi phương diện tổ chức sản xuất, quản lý và phân phối, bảo đảm các tập đoàn sản xuất và các hợp tác xã nông nghiệp làm ăn tốt hơn so với nông dân cá thể, chú trọng tổng kết và phát huy kinh nghiệm của các đơn vị tiên tiến, củng cố các tập đoàn mới được tổ chức và yếu kém.

Tập trung sức chuẩn bị cho việc phát triển tập đoàn mới, đặc biệt là làm tốt công tác tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy hoạch cải tạo nông nghiệp đã đề ra, làm tốt công tác quy hoạch sản xuất và xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, xây dựng nông thôn mới...

Phát triển mạnh các hình thức liên doanh giữa các tập đoàn, các liên tập đoàn để từng bước tạo ra cơ sở vật chất - kỹ thuật mới, từng bước phân công lại lao động theo hướng chuyên môn hoá kết hợp với hợp tác hoá và từng bước nâng cao trình độ quản lý của cán bộ nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp, mở rộng ngành nghề ở nông thôn tốt hơn và chuẩn bị cho việc đưa các tập đoàn sản xuất lên hợp tác xã với quy mô thích hợp khi có đủ điều kiện.

Riêng đối với các vườn cây, việc cải tạo cần tiến hành thận trọng. Ban Nông nghiệp Trung ương cùng với các tỉnh tiếp tục nghiên cứu, làm thử, rút kinh nghiệm xây dựng thành chủ trương chính sách cụ thể trình Ban Bí thư thông qua rồi mới thực hiện. Trước mắt cần khuyến khích mạnh mẽ các gia đình thâm canh các vườn cây trái và thông qua khâu thương nghiệp, tài chính để tập trung được nông sản - hàng hoá vào

tay thương nghiệp xã hội chủ nghĩa và điều tiết một phần thu nhập của các hộ có thu nhập cao.

Nên làm tốt việc quản lý và cải tạo đối với trâu bò, công cụ, máy móc nông nghiệp, các cơ sở chế biến, sửa chữa cơ khí trong nông nghiệp, đối với nghề nuôi tôm, cá trên mặt ruộng, đầm, đìa, sông rạch theo đúng các chủ trương, chính sách đã đề ra trong các chỉ thị trước của Trung ương, Ban Nông nghiệp Trung ương cần giúp đỡ các tỉnh, thành tổng kết kinh nghiệm để có hướng dẫn cụ thể cho các cơ sở.

Trong quá trình cải tạo, đi đôi với việc không ngừng củng cố và tăng cường các nông trường quốc doanh, các tập đoàn sản xuất và các hợp tác xã phải quan tâm đúng mức tới việc phát triển kinh tế gia đình của xã viên, thực hiện tốt ngay từ đầu sự liên kết, hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau giữa kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế gia đình của xã viên và kinh tế cá thể của những hộ nông dân chưa tham gia tập đoàn sản xuất, hợp tác xã nông nghiệp về các mặt phương hướng sản xuất, sử dụng lao động, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, bảo đảm vật tư, bảo hiểm sản xuất, chế biến nông sản, tiêu thụ sản phẩm... để cùng giúp đỡ lẫn nhau phát triển mạnh mẽ sản xuất, nâng cao thu nhập và đời sống của những người lao động nông nghiệp và ngày càng cung cấp nhiều nông sản - hàng hoá cho nhà nước.

5. Tích cực đào tạo bồi dưỡng *cán bộ cơ sở* và tăng cường *bộ máy cấp xã*: căn cứ vào quy hoạch hợp tác hoá, quy hoạch xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật mà có quy hoạch cán bộ cho từng xã. Cần thông qua phong trào quần chúng tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng ở nông thôn, để cho quần chúng và đảng viên giới thiệu mà đảng uỷ xã quyết định chọn những người đưa vào quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ. Tỉnh, huyện có trách nhiệm đào tạo một đội ngũ cán bộ đồng bộ làm công tác đảng, chính quyền, đoàn thể, quản lý, kỹ thuật cho các xã, thôn và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, phục vụ trong xã. Phải kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý hành chính - kinh tế, quản lý nhà nước ở

cấp xã, nhất là đối với những chức danh chủ chốt làm cho bộ máy cấp xã đủ sức chủ động chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt ba cuộc cách mạng, cải tạo và phát triển nông nghiệp, làm tốt công tác phân phối lưu thông, xây dựng nông thôn mới và bảo đảm an ninh trật tự ở nông thôn.

6. Khẩn trương triển khai *hệ thống quốc doanh sản xuất và dịch vụ* nông nghiệp trên địa bàn huyện, phát huy ngay từ đầu vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh huyện trong việc cải tạo và phát triển nông nghiệp, quản lý thị trường, tín dụng ở nông thôn.

Khẩn trương xây dựng các nông trường, lâm trường, ngư trường, trại, trại sản xuất giống cây, con cung cấp cho hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và nhân dân, sản xuất nông, lâm, thuỷ, hải sản xuất khẩu, sản xuất nguyên liệu cho công nghiệp; xây dựng các hệ thống thuỷ lợi, máy móc nông nghiệp và sửa chữa, các tổ chức bảo hiểm sản xuất đối với một số cây, con chủ yếu (lúa, lợn, trâu bò...); các cơ sở chế biến nông, lâm, thuỷ sản; phát triển nhanh thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán, ngân hàng và hợp tác xã tín dụng; xây dựng các cơ sở cần thiết cho việc phát triển giáo dục, y tế, văn hoá; hình thành những cụm kinh tế - kỹ thuật theo từng khu vực trên địa bàn huyện.

*

* * *

Các tỉnh uỷ, thành uỷ ở Nam Bộ cần thường xuyên sơ kết rút kinh nghiệm để chỉ đạo tốt hơn nữa công cuộc cải tạo kết hợp với xây dựng đối với nông nghiệp và nông thôn Nam Bộ, giúp đỡ các huyện trực tiếp chỉ đạo các cơ sở làm tốt công tác này.

Các ban, ngành, đoàn thể ở trung ương và tỉnh, thành, theo chức năng và trách nhiệm được phân công, cần triển khai tốt hơn nữa kế hoạch phục vụ công tác cải

tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nông thôn Nam Bộ.

Ban Nông nghiệp Trung ương và Bộ Nông nghiệp cần mở hội nghị cán bộ cấp tỉnh, huyện Nam Bộ và các ngành trung ương có liên quan để kiểm điểm sơ kết rút kinh nghiệm và bàn kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện thông báo này.

T/M BAN Bí THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 19-NQ/TW, ngày 17 tháng 7 năm 1984

Về quan hệ kinh tế giữa nước ta với nước ngoài

Phân thứ nhất
ĐIỂM LẠI TÌNH HÌNH

Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng và đất nước thống nhất, quan hệ kinh tế giữa nước ta với các nước đã có những phát triển mới. Cùng với việc tăng cường và mở rộng quan hệ kinh tế với Liên Xô, Lào, Campuchia và các nước anh em khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, ta đã thiết lập quan hệ kinh tế với nhiều nước dân tộc chủ nghĩa, một số nước tư bản phát triển và một số tổ chức quốc tế.

Với vốn vay, viện trợ không hoàn lại và vốn thu qua xuất khẩu, ta đã nhập được một số công trình thiết bị toàn bộ quan trọng, một khối lượng đáng kể vật tư kỹ thuật và hàng tiêu dùng thiết yếu.

Kết quả trên đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng

những cơ sở vật chất - kỹ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội và bảo đảm nhu cầu sản xuất, xây dựng và đời sống trong lúc nền kinh tế ta còn mất cân đối và gặp khó khăn rất nghiêm trọng.

Công tác kinh tế đối ngoại đã tham gia tích cực vào cỗ gánh chung nhằm làm thất bại chính sách của đế quốc Mỹ và ... bao vây và phá hoại kinh tế nước ta.

Tuy vậy, quan hệ kinh tế với các nước ngoài hệ thống xã hội chủ nghĩa từ những năm 1979-1980 đã bị thu hẹp. Đến nay trong lĩnh vực quan hệ kinh tế với nước ngoài nổi lên rõ nét nhiều khó khăn:

Dự trữ ngoại hối đã cạn. Nợ nước ngoài đến hạn không trả được. Nhập khẩu buộc phải cắt xén, không đáp ứng được nhu cầu tối thiểu của sản xuất, xây dựng và đời sống. Sự tín nhiệm quốc tế đối với ta giảm sút. Nhiều đề nghị của ta về vay nợ để nhập khẩu công trình thiết bị toàn bộ và vật tư kỹ thuật không được đáp ứng thuận lợi.

Có tình hình trên đây là vì các nước xã hội chủ nghĩa anh em chuyển mạnh từ quan hệ giúp đỡ trong chiến tranh sang quan hệ hai bên cùng có lợi, cân bằng xuất - nhập, có vay có trả trong xây dựng hoà bình; các nước tư bản phát triển hầu hết chịu áp lực của Mỹ trong việc cấm vận và bao vây kinh tế ta. Nhưng điều gây tác động mạnh nhất là xuất khẩu của ta tăng chậm, kim ngạch quá nhỏ bé, cơ cấu hàng xuất khẩu chậm được cải thiện, mặt hàng manh mún, không có những mặt hàng chủ lực lớn, có vị trí đáng kể trong nhu cầu các nước nhập hàng của ta. Chất lượng hàng thấp, chưa đạt quy cách quốc tế và không ổn định.

Xuất tăng chậm, kim ngạch quá nhỏ bé, nguyên nhân chủ yếu là trong một thời gian khá dài tư tưởng ỷ lại vào vay nợ và xin viện trợ nước ngoài rất nặng và phổ biến, không thấy sâu sắc và đầy đủ rằng xuất khẩu, tạo ra cho được nguồn hàng xuất khẩu lớn và ngày càng lớn, là vấn đề chiến lược cực kỳ quan trọng, then chốt, là tiền đề, là điều kiện tiên quyết để công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, trong những năm đầu của chặng đường ấy. Do vậy, trong kế hoạch 1976 - 1980 và 1981 - 1985, chậm xác định những mặt hàng xuất khẩu chủ lực, không ưu tiên đầu tư đúng mức cho xuất khẩu. Trong đầu tư cơ bản để phát triển hàng xuất khẩu cũng như trong việc bảo đảm các điều kiện để sản xuất hàng xuất khẩu, cần có một phần vốn và vật tư nước ngoài. Nhưng ta đã không dành tỷ lệ thích đáng vốn vay và viện trợ của nước ngoài cũng như vật tư nhập khẩu cho việc tạo ra nguồn hàng xuất khẩu.

Hàng xuất khẩu của ta, phần quan trọng và chủ yếu nhất, vẫn còn là hàng nông, lâm, thuỷ sản, một phần là hàng thủ công nghiệp và tiểu công nghiệp dùng nguyên liệu nông, lâm, thuỷ sản, và thuộc kinh tế địa phương, kinh tế tập thể và kinh tế gia đình. Nhưng nhiều chủ trương lớn, đúng đắn của Đảng nhằm phát huy tiềm năng lao động, dắt dài, ngành nghề, kính thích tính chủ động và sáng tạo của địa phương và cơ sở như: Nhà nước và nhân dân cùng làm, trung ương và địa phương cùng làm, phát triển kinh tế địa phương, lấy huyện làm địa bàn chính để tổ chức sản xuất hàng xuất

khẩu, cả nước làm hàng xuất khẩu, dành một phần ngày công lao động trong nông thôn làm hàng xuất khẩu, v.v. chậm được cụ thể hoá, hoặc còn có những vướng mắc chưa được tháo gỡ trong quá trình cụ thể hoá và tổ chức thực hiện. Chậm ban hành và thực hiện không nhất quán các chính sách khuyến khích sản xuất hàng xuất khẩu, khuyến khích người lao động làm hàng xuất khẩu.

Chậm sáp xếp lại và xây dựng hệ thống tổ chức hợp lý và đủ mạnh, thiếu nhiều tổ chức kinh doanh chuyên trách chịu trách nhiệm toàn diện về những mặt hàng xuất khẩu lớn, từ sản xuất đến xuất khẩu. Cán bộ xuất - nhập khẩu còn yếu về nghiệp vụ.

Chậm xoá bỏ cơ chế quan liêu, bao cấp, thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, chưa có chính sách và biện pháp có hiệu lực bắt buộc các tổ chức kinh tế phải xuất khẩu để tự cân đối nhu cầu nhập khẩu, có xuất và phục vụ xuất khẩu thì mới được sử dụng hàng nhập.

Ta có thị trường nước ngoài to lớn, song công tác nghiên cứu thị trường chưa sâu, hiểu thị trường còn sơ sài, công tác đấu tranh giành thị trường, giữ vững thị trường, mở rộng thị trường chưa được nhận thức đúng mức và tiến hành đến nơi đến chốn.

Việc sử dụng vốn nước ngoài đạt hiệu quả thấp. Điều này bắt nguồn trước hết từ việc bố trí chưa tốt cơ cấu kinh tế. Ngoài ra còn có những thiếu sót trong bố trí vốn đầu tư, bố trí tiến độ và quản lý thi công. Còn lãng phí lớn trong việc nhập khẩu và sử dụng vật tư kỹ thuật và

hàng tiêu dùng.

Phân thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUAN HỆ KINH TẾ VỚI NƯỚC NGOÀI TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Máy nguyên tắc lớn

Mục tiêu của công tác quan hệ kinh tế với nước ngoài từ nay đến 1990 và những năm tiếp theo là tạo ra nguồn vốn nước ngoài cần thiết để tiếp tục sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; để đáp ứng nhu cầu của tái sản xuất, xây dựng và đời sống, về vật tư kỹ thuật và hàng hoá và để trả nợ đến hạn.

Nhằm mục tiêu đó, công tác quan hệ kinh tế với nước ngoài phải thấu suốt mấy nguyên tắc lớn sau đây:

- Quan hệ kinh tế với nước ngoài là một bộ phận quan trọng trong đường lối xây dựng kinh tế của Đảng, phải phục vụ đắc lực việc thực hiện đường lối đó, phục vụ đắc lực yêu cầu xây dựng trong nước.

- Công tác quan hệ kinh tế với nước ngoài phải phục tùng và phục vụ đắc lực đường lối đổi ngoại chung của Đảng.

- Nhiệm vụ cơ bản nhất của công tác quan hệ kinh tế với nước ngoài là tạo ra nguồn vốn nước ngoài cần thiết để nhập khẩu kỹ thuật, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà. Đồng thời công tác quan hệ kinh tế với nước ngoài phải tạo nguồn vốn để nhập những vật tư kỹ thuật và hàng tiêu dùng thiết yếu mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất chưa đủ, phục vụ nhu cầu của tái sản xuất, xây

dựng và đời sống nhân dân. Một nhiệm vụ thường xuyên của công tác quan hệ kinh tế với nước ngoài là thông qua các hình thức quan hệ kinh tế với nước ngoài mà phát huy và sử dụng tốt hơn nguồn lao động và tài nguyên của đất nước, tăng giá trị ngày công lao động, tăng thu nhập quốc dân.

- Xem các nước xã hội chủ nghĩa là đối tượng ưu tiên, trong đó Liên Xô là đối tượng cơ bản và to lớn nhất, Lào và Campuchia là hai nước đồng minh đặc biệt. Trên cơ sở đó, tìm mọi cách đa phương hóa quan hệ, phá thế bao vây của chủ nghĩa đế quốc, tích cực và chủ động mở rộng quan hệ với các nước dân tộc chủ nghĩa, các nước tư bản phát triển và các tổ chức quốc tế.

- Sử dụng mọi hình thức quan hệ: vay, viện trợ, xuất- nhập khẩu (hàng hoá và phi hàng hoá), hợp tác, dịch vụ thu ngoại tệ, trong đó phải coi xuất khẩu để nhập khẩu là khâu quan trọng và quyết định nhất.

- Quan hệ giữa xuất khẩu và nhập khẩu là: xuất khẩu để nhập khẩu; nhập khẩu để phát triển kinh tế, công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, đồng thời cũng để trực tiếp mở rộng xuất khẩu.

- Giữ vững các nguyên tắc: độc lập tự chủ, bảo vệ lợi ích dân tộc, bình đẳng và cùng có lợi. Xem trọng hiệu quả, thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Năng động, linh hoạt, nhạy bén với tình hình trong nước và tình hình quốc tế.

2. Một số phương hướng lớn

- a) *Tạo một sự chuyển biến mạnh mẽ của xuất khẩu* là vấn đề quan trọng hàng đầu. Cần tăng nhanh, tăng gấp nhiều lần kim ngạch xuất khẩu để vào cuối những năm 80, gần cân bằng được kim ngạch nhập khẩu hàng lẻ và trả một phần nợ đến hạn. Hướng phấn đấu là vừa ra sức tăng nguồn hàng vừa nâng cao không ngừng chất lượng hàng xuất khẩu.

Hoàn tất việc xác định hướng phát triển nguồn hàng xuất khẩu và cơ cấu hàng xuất khẩu, căn cứ vào tiềm năng kinh tế của ta và vào nhu cầu thị trường bên ngoài. Cùng với việc phát triển các mặt hàng xuất khẩu một cách toàn diện, phải sớm tạo được các mặt hàng chủ lực có khối lượng lớn và ổn định, có chất lượng và giá trị cao, có thị trường vững chắc. Trước mắt, hướng chính là các nông, lâm sản nhiệt đới và thuỷ sản (lúc đầu vừa nguyên dạng vừa qua chế biến, tiến dần đến phần lớn là qua chế biến sâu), một số khoáng sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng công nghiệp nhẹ, hàng gia công; phấn đấu tăng dần sản phẩm công nghiệp, nhất là cơ khí.

Trong hai, ba năm tới, phải cố gắng tạo cho được một khối lượng lớn các mặt hàng có điều kiện làm nhanh, như rau quả, lạc, thuốc lá, đồ tương, đay, vừng, tôm, mực, thịt gia súc, gia cầm...

Từ nay đến năm 1990, phát triển mạnh cây công nghiệp ngắn ngày, tăng vụ, xen canh, luân canh và trồng thành vùng tập trung lớn, đồng thời tích cực phát triển cây công nghiệp dài ngày trên diện tích chuyên canh lớn.

b) *Mở rộng hợp tác kinh tế hai bên cùng có lợi* nhằm khai thác và sử dụng tốt hơn, nhanh hơn các thế mạnh của đất nước về lao động, đất đai và tài nguyên. Ưu tiên hợp tác phát triển nguồn hàng xuất khẩu để nhanh chóng tăng kim ngạch xuất khẩu, tăng khả năng trả nợ, do đó có điều kiện hơn để tiếp tục vay nợ nhập kỹ thuật, đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa. Nguyên tắc chỉ đạo quan trọng trong hợp tác là hai bên cùng có lợi, bảo đảm lợi ích dân tộc một cách đích đáng. Trên cơ sở ấy, mạnh dạn áp dụng mọi hình thức hợp tác: vay vốn đầu tư trả bằng sản phẩm; vay vật tư trước để sản xuất, trả bằng sản phẩm hoặc ngoại tệ sau; hợp tác gia công; hợp tác sản xuất; liên doanh và các hình thức khác.

Ưu tiên dành sự hợp tác cho các nước xã hội chủ nghĩa. Trong những lĩnh vực và quy mô ta định hợp tác, khả năng và yêu cầu của bạn đến đâu, ta hợp tác đến đó. Phân còn lại hợp tác với các nước dân tộc chủ nghĩa và các nước tư bản phát triển. Để khuyến khích hợp tác với các nước không phải xã hội chủ nghĩa, cần bổ sung và hoàn thiện điều lệ đầu tư đã ban hành để có tính hấp dẫn hơn, nghiên cứu xây dựng một số quy định có liên quan, tiến tới xây dựng bộ *Luật đầu tư hoành chỉnh*.

Những lĩnh vực có thể hợp tác rộng rãi là: cây công nghiệp dài ngày và ngắn ngày, khai thác và chế biến dầu khí và các khoáng sản rắn, sản xuất công nghiệp, sử dụng lao động Việt Nam tại chỗ bằng nhiều hình thức...

c) *Mở rộng các hình thức quan hệ kinh tế khác*: Cân xem xét lại chủ trương *hợp tác lao động*; tiếp tục cử chuyên gia đi nước ngoài theo hướng chú trọng chất lượng; hoàn thiện hơn nữa chính sách về kiều hối; giải quyết tốt các vấn đề cơ sở vật chất, chất lượng phục vụ, giá cả, cải tiến các thủ tục về an ninh để mở rộng du lịch; có chính sách thích hợp để đạt kết quả lớn hơn về các dịch vụ thu ngoại tệ khác như: bảo hiểm, bưu điện, hàng không, đội tàu đi biển xa, cung ứng và sửa chữa tàu biển, vớt tàu đắm; về huy động vốn ngoại tệ của người Việt sinh sống ở nước ngoài vào mục đích hợp tác kinh doanh.

d) *Quản lý chặt chẽ hơn công tác nhập khẩu*: Về công trình thiết bị toàn bộ, tập trung phục vụ tốt cho chiến lược đầu tư cơ bản bố trí cho từng thời kỳ kế hoạch nhằm xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, phát triển tiềm

năng xuất khẩu và củng cố quốc phòng. Cần xem hiệu quả là điều quan trọng nhất. Quan tâm đúng mức đầu tư chi tiêu sâu. Trước khi quyết định chủ trương nhập khẩu, nhất thiết phải làm luận chứng kinh tế - kỹ thuật và phải tổ chức xét duyệt kỹ luận chứng. Bố trí lịch khởi công hợp lý, phù hợp với năng lực xây lắp từng thời gian, không dàn hàng ngang. Việc thi công xây dựng phải tập trung, dứt điểm, bảo đảm chất lượng, tiết kiệm, chống mất mát, ăn cắp, đúng tiến độ, để đưa công trình vào sản xuất đúng kế hoạch. Phải bảo đảm đồng bộ các điều kiện về năng lượng, nguyên liệu, giao thông vận tải, v.v. cho công trình, để khi xây dựng xong là đưa vào vận hành được ngay và liên tục. Phải áp dụng chế độ hạch toán kinh tế và dùng đòn bẩy kinh tế trong đầu tư cũng như trong xây dựng. Chấn chỉnh công tác mời chuyên gia nước ngoài, duyệt chặt chẽ số lượng chuyên gia đi theo công trình thiết bị toàn bộ, phát huy đội ngũ chuyên gia kinh tế- kỹ thuật trong nước.

Về nhập hàng lẻ, cần tập trung hơn nữa vào những vật tư kỹ thuật và một số rất hạn chế hàng tiêu dùng thiết yếu nhất cho sản xuất, xây dựng và đời sống. Việc lên đơn hàng phải chặt chẽ. Phải tạo một thói quen tốt dùng hàng sản xuất trong nước, thứ gì trong nước sản xuất được thì nhất thiết không nhập. Phân phối và sử dụng phải đúng mục tiêu do kế hoạch đề ra, trong đó phải dành một phần đủ cho việc phát triển sản xuất hàng xuất khẩu theo kế hoạch. Mở rộng sản xuất trong nước, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật để dùng thiết bị, nguyên liệu, vật tư sản xuất trong nước thay cho thiết bị, nguyên liệu, vật tư nhập. Thực hành nghiêm ngặt

chính sách tiết kiệm của nhà nước. Chuyển mạnh sang chế độ hạch toán kinh tế trong việc nhập và sử dụng vật tư kỹ thuật và hàng tiêu dùng nhập.

d) *Tiếp tục tìm nguồn vay tín dụng quốc tế*: Trong suốt thời kỳ quá độ, việc vay tín dụng quốc tế để thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là cần thiết. Phải tích cực tìm nguồn vay của các nước xã hội chủ nghĩa, của các nước tư bản phát triển, các nước dân tộc chủ nghĩa và các tổ chức quốc tế. Vấn đề hàng đầu là phải sử dụng vốn vay có hiệu quả và tạo được khả năng trả nợ. Muốn vậy phải dành tỷ lệ thích đáng vốn vay để phát triển nguồn hàng xuất khẩu. Vay tín dụng dài hạn là hướng chủ yếu. Trước mắt, cần tìm mọi cách trả được một phần nợ cho các nước không phải xã hội chủ nghĩa, trước hết là các nước dân tộc chủ nghĩa. Chủ động tiến hành đàm phán để giãn nợ hoặc hoãn nợ, vay mới để trả nợ cũ.

e) *Đa phương hoá quan hệ kinh tế với các khu vực và các nước*: Phải tranh thủ mở rộng thị trường, xây dựng quan hệ kinh tế với nhiều nước và các tổ chức quốc tế, chống lại có kết quả chính sách bao vây kinh tế của đế quốc Mỹ, ... và bọn phản động quốc tế khác.

Thực hiện liên minh và hợp tác toàn diện với Liên Xô là nhân tố cực kỳ quan trọng trong việc phát triển kinh tế của nước ta từ sản xuất nhỏ lên chủ nghĩa xã hội. Phải tìm hiểu kỹ hơn, sâu hơn thị trường Liên Xô. Cải tiến cung cách làm ăn của ta, đáp ứng ngày càng tốt hơn, cao hơn yêu cầu của thị trường Liên Xô về số lượng, chủng loại, quy cách và chất lượng các mặt hàng xuất khẩu, làm cho hàng xuất khẩu của ta sang Liên Xô chiếm một vị trí đáng kể trên một số lĩnh

vực trong nền kinh tế của bạn. Phấn đấu để thực hiện sớm "Chương trình hợp tác dài hạn" mà hai bên đã ký kết, tranh thủ bạn đáp ứng những yêu cầu của ta về những hạng mục mà bạn chưa chấp nhận.

Tăng cường quan hệ đặc biệt đoàn kết và hợp tác với hai nước Lào và Campuchia anh em, hỗ trợ nhau, bổ sung cho nhau trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở mỗi nước.

Mở rộng quan hệ kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác trên các lĩnh vực thích hợp, có sự giúp đỡ lẫn nhau và cùng có lợi.

Trong quan hệ hợp tác nhiều bên với Hội đồng tương trợ kinh tế, phấn đấu tích cực và bền bỉ để tiến từ hợp tác thương mại sang phân công, chuyên môn hóa và hợp tác sản xuất.

Mở rộng và tăng cường quan hệ kinh tế với các nước đang phát triển, trước hết là Ấn Độ, các nước châu Phi và Trung Đông. Cải thiện quan hệ kinh tế với các nước ASEAN, phối hợp với cuộc đấu tranh ngoại giao làm họ xích gần ba nước Đông Dương.

Mở rộng quan hệ kinh tế với các nước tư bản phát triển, trước hết là các nước Bắc Âu, Úc và Tây Âu đang có quan hệ tốt với ta, bằng nhiều hình thức, chú trọng hình thức hợp tác hai bên cùng có lợi trong các lĩnh vực mà ta có tài nguyên. Tích cực nghiên cứu và thực hiện các hình thức hợp tác sử dụng tại chỗ nguồn lao động của ta để sản xuất hàng xuất khẩu cho nước cùng ta hợp tác hoặc cho nước thứ ba. Trên cơ sở mở rộng hợp tác, tranh thủ nhập một số công trình quan trọng kỹ thuật cao. Mở rộng quan hệ với các nước tư bản phát triển khác khi tình hình cho phép.

Mở rộng và chỉ đạo chặt chẽ hơn quan hệ kinh tế với các tổ chức quốc tế. Sử dụng tốt hơn nguồn vốn vay và viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế trong và ngoài Liên

hợp quốc, các tổ chức ngân hàng, tài chính thế giới cũng như của các tổ chức không chính phủ.

g) *Xây dựng sự tín nhiệm trong quan hệ kinh tế với các nước:* Nâng cao hiệu quả kinh tế trong hoạt động quan hệ kinh tế với nước ngoài, thực hiện nghiêm chỉnh những cam kết với các nước, làm tốt nghĩa vụ quốc tế của mình, ổn định và nâng cao chất lượng hàng xuất khẩu, nhanh chóng tạo sự chuyển biến trong cung cách làm ăn của ta để tăng tín nhiệm và xây dựng sự tín nhiệm lâu dài trong quan hệ kinh tế với các nước.

3. Một số chính sách và biện pháp lớn

Để mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài, đặc biệt là để tạo một sự chuyển biến mạnh mẽ về xuất khẩu, cần giải quyết đồng bộ một loạt chính sách và biện pháp.

Về đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu và không ngừng nâng cao chất lượng hàng xuất khẩu, cần:

a) Hoàn thành sớm quy hoạch đối với từng mặt hàng hoặc nhóm hàng xuất khẩu, trên cơ sở ấy *xây dựng kế hoạch* phát triển năm 1985 và 1986 - 1990. Nếu cần thiết thì bổ sung kế hoạch năm 1984.

b) *Đầu tư* thích đáng và đầu tư đồng bộ cho từng khâu và cho tất cả các khâu của quy trình từ sản xuất tạo nguồn hàng, thu hoạch, chế biến, kiểm tra đến bao bì đóng gói, bảo quản, kho tàng, bến cảng, vận chuyển. Ngoài phần vốn trong nước, cần ra sức tranh thủ thông qua các hình thức vay, hợp tác, v.v. để có phần vốn nước ngoài cần thiết.

c) Phải xem làm hàng xuất khẩu là *nghĩa vụ của toàn dân tộc, của mỗi cơ sở sản xuất, của mỗi gia đình, của mỗi người lao động*. Áp dụng rộng rãi hình thức trung ương và địa phương cùng làm, Nhà nước và nhân dân cùng làm. Trung ương làm ở những lĩnh vực và trong phạm vi cần thiết, ngoài ra giao trách nhiệm và khuyến khích địa phương làm. Ngoài

hình thức quốc doanh, cần sử dụng rộng rãi hình thức hợp tác xã, kinh tế gia đình và cả kinh tế cá thể (trong các lĩnh vực được chọn lọc). Lấy huyện làm địa bàn để tổ chức sản xuất và chế biến hàng xuất khẩu.

- d) Phát triển liên kết, liên doanh giữa các địa phương. Trong liên kết, liên doanh, cần phát huy tốt thế mạnh về công nghiệp, về chế biến, làm bao bì hàng xuất khẩu, về các liên hệ quốc tế, về chất xám, về vị trí địa lý của Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hải Phòng, Đà Nẵng. Bố trí một bộ phận quan trọng quân đội làm hàng xuất khẩu.
- d) Đổi với từng mặt hàng hoặc nhóm mặt hàng quan trọng, *xây dựng thành xí nghiệp liên hợp, liên hiệp xí nghiệp, hoặc tổ chức kinh tế thích hợp* phụ trách từ khâu sản xuất đến giao nộp hàng xuất khẩu, xây dựng đồng bộ cơ sở chế biến, kết cấu hạ tầng, bao bì, kho tàng, vận tải...

e) *Ưu tiên bảo đảm vật tư kỹ thuật cần thiết*, dành hàng hoá thích đáng, trong đó có phần vật tư và hàng hoá nhập khẩu, để sản xuất và thu mua hàng xuất khẩu theo chỉ tiêu kế hoạch; lập cho được quỹ vật tư và hàng hoá này, dù các nhu cầu khác của xã hội có vì thế mà bị ảnh hưởng cũng phải tạm thời chịu đựng. Nếu là vật tư và hàng hoá nhập từ các nước xã hội chủ nghĩa, thì phải trích phần cần thiết đưa vào quỹ này trước khi phân bổ cho các nhu cầu khác. Nếu là vật tư và hàng hoá nhập từ các nước tư bản chủ nghĩa, thì phải dành trước số ngoại tệ cần thiết. Cho phép các ngành, các địa phương, các đơn vị sản xuất lập quỹ ngoại tệ, vay vốn ngoại tệ của nước ngoài để nhập vật tư phục vụ việc sản xuất hàng xuất khẩu, nhưng phải bảo đảm trả được nợ. Bằng một chế độ kế hoạch hoá và cung ứng thích hợp, khắc phục tình trạng

không có người chịu trách nhiệm rõ ràng về cung ứng vật tư và hàng hoá, về kết quả của việc cung ứng, cũng như tình trạng cung ứng vật tư không đủ, không đồng bộ, không kịp thời cho cơ sở làm hàng xuất khẩu, qua quá nhiều khâu trung gian và đầu mối.

g) *Có chính sách khuyến khích* các tổ chức và người lao động sản xuất và giao nộp hàng xuất khẩu theo nguyên tắc: bù đắp tiêu hao vật chất theo định mức hợp lý trong sản xuất; thu nhập của người lao động sản xuất hàng xuất khẩu phải thích đáng, nói chung nên cao hơn thu nhập của người lao động sản xuất hàng tiêu dùng nội địa. Khen thưởng thích đáng các cơ sở sản xuất và người lao động hoàn thành và vượt mức kế hoạch sản xuất và giao nộp hàng xuất khẩu về khối lượng và chất lượng hoặc tạo được mặt hàng xuất khẩu mới. Cung ứng đủ lương thực cho người làm hàng xuất khẩu; nếu trong nước không đủ nguồn, thì phải nhập. Giải quyết thoả đáng quyền lợi của các địa phương và cơ sở làm nghĩa vụ sản xuất và giao nộp hàng xuất khẩu cho trung ương theo nguyên tắc: trung ương thu thuế bằng hiện vật hoặc ngoại tệ, phần còn lại thì thực hiện trao đổi ngang giá; có phân biệt trường hợp trung ương cân đối đủ vật tư cho sản xuất và trường hợp trung ương chỉ cung ứng một phần vật tư. Giải quyết thoả đáng tỷ giá kết toán nội bộ đối với phần ngoại tệ địa phương kết hối cho trung ương.

h) *Có chính sách giải quyết thoả đáng quan hệ giữa xuất khẩu và tiêu dùng trong nước theo tinh thần*: ưu tiên dành cho xuất khẩu; ra sức tiết kiệm tiêu dùng trong nước để xuất khẩu; dành hàng tốt để xuất khẩu; những mặt hàng quý, có giá trị cao thì dành đại bộ phận hoặc toàn bộ để xuất khẩu, kiên quyết không tiêu dùng trong nước hoặc hạn chế việc tiêu dùng trong nước ở mức thấp nhất.

i) Nhằm không ngừng *nâng cao chất lượng hàng xuất khẩu*, cần giải quyết các vấn đề xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, cung ứng năng lượng, nguyên liệu, vật tư, đào tạo công nhân và cán bộ quản lý, khuyến khích nghiên cứu và áp dụng thành tựu khoa học - kỹ thuật, chú trọng các khâu bao bì, bảo quản, kho tàng, vận tải, phương tiện vận chuyển chuyên dùng, bến cảng, v.v.. Có chính sách thưởng và phạt đích đáng, tăng cường kiểm tra chất lượng thật nghiêm túc, chặt chẽ và có hiệu quả. Có biện pháp cho người sản xuất tiếp xúc để biết rõ đòi hỏi của thị trường.

Về quản lý và tổ chức xuất nhập khẩu và quan hệ kinh tế với nước ngoài, cần:

a) Cụ thể hoá một cách sát hợp nguyên tắc *tập trung dân chủ và nguyên tắc nhà nước độc quyền ngoại thương, trung ương thống nhất quản lý ngoại thương* trong công tác kinh tế đối ngoại và xuất nhập khẩu.

Về cơ chế kế hoạch hoá, thực hiện chế độ *ba cấp cơ bản làm chủ kế hoạch xuất nhập khẩu*. Tất cả các ngành, các cấp đều phải có kế hoạch xuất nhập khẩu. Chỉ tiêu sản xuất và giao nộp hàng xuất khẩu cho trung ương là pháp lệnh, là nghĩa vụ ưu tiên của tất cả các ngành, các cấp, tất cả các tổ chức kinh tế, các cá nhân, và phải được cân đối về vật tư và về các điều kiện sản xuất khác theo bốn nguồn khả năng. Phần không nằm trong chỉ tiêu pháp lệnh thì các ngành và các địa phương được đưa vào kế hoạch của ngành và địa phương. Trong trường hợp trung ương yêu cầu địa phương giao nộp thêm ngoài chỉ tiêu pháp lệnh, thì địa phương được khuyến khích một cách thích đáng. Bãi bỏ quy định hiện hành về quyền xuất khẩu duy nhất của trung ương đối với một số mặt hàng của kinh tế địa phương.

Sắp xếp lại và tăng cường các tổ chức kinh doanh xuất - nhập khẩu có tính chất toàn quốc. Tiếp tục chuyển giao nhiệm vụ kinh doanh xuất - nhập khẩu cho các ngành sản xuất hàng xuất khẩu, để Bộ Ngoại thương tập trung làm tốt hơn nữa nhiệm vụ thống nhất quản lý nhà nước đối với tất cả mọi hoạt động và mọi tổ chức xuất - nhập khẩu trong cả nước. Bộ Ngoại thương giữ lại và trực tiếp quản lý một số tổ chức kinh doanh xuất - nhập khẩu thật cần thiết.

Mở rộng quyền kinh doanh xuất - nhập khẩu cho tất cả các tỉnh và thành phố. Các địa phương có thể và nên liên hiệp với nhau theo nguyên tắc tự nguyện và quản lý dân chủ.

Đối với những mặt hàng hoặc nhóm hàng quan trọng, cần thống nhất kinh doanh xuất - nhập khẩu vào một đầu mối trong cả nước bằng cách thành lập các tổ chức xuất - nhập khẩu có tính chất liên doanh, liên kết giữa trung ương và địa phương và giữa các địa phương với nhau. Trên một thị trường, chỉ một đại diện của ta mua và bán với nước ngoài, chấm dứt tình trạng nhiều ngành, nhiều địa phương tranh mua tranh bán ở trong nước cũng như ở nước ngoài.

Mọi hoạt động ngoại thương đặt dưới sự quản lý thống nhất của Bộ Ngoại thương.

b) *Xoá bỏ cơ chế quan liêu bao cấp, thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.*

Phân biệt rõ chức năng quản lý nhà nước với chức năng quản lý kinh doanh. Thành lập một cách phổ biến trong các xí nghiệp, xí nghiệp liên hiệp, liên hiệp xí nghiệp của trung ương, tỉnh, thành phố, huyện có sản xuất hàng xuất khẩu, các công ty, tổng công ty chuyên trách kinh doanh xuất - nhập khẩu có quyền tự chủ tài chính, hạch toán kinh tế độc lập.

Gắn hoạt động xuất với hoạt động nhập một cách thích hợp, thực hiện tự cân đối xuất - nhập ở các ngành, các cấp, ở những mức độ khác nhau.

Xác định chế độ trách nhiệm của công ty, xí nghiệp chủ đầu tư đối với các công trình thiết bị toàn bộ và các công trình hợp tác với nước ngoài.

c) Phương thức hoạt động của các cơ quan *ngân hàng, tài chính, vật giá*, các chính sách và thể lệ về vay tín dụng, về cấp phát vốn, về giá, về *an ninh* cần được soát xét lại, bổ sung, có những sửa đổi cần thiết để phục vụ tốt hơn công tác quan hệ kinh tế với nước ngoài.

d) Tăng cường *Bộ Ngoại thương* về mọi mặt (tổ chức, cán bộ, phương pháp hoạt động, quyền hạn và trách nhiệm...) để làm tốt chức năng thống nhất quản lý nhà nước đối với công tác xuất - nhập khẩu. Ở các bộ, các địa phương có nhiều vấn đề hợp tác kinh tế với nước ngoài, cần có bộ máy và cán bộ chuyên trách giúp bộ trưởng, chủ tịch tỉnh chỉ đạo và quản lý công tác này.

Chấn chỉnh *Uỷ ban Quan hệ kinh tế với nước ngoài* hoạt động như một hội đồng đặc trách giúp Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo và quản lý công tác quan hệ kinh tế với nước ngoài.

Cần có bộ máy giúp việc đú mạnh để làm tròn nhiệm vụ.

Tổ chức *Viện Nghiên cứu quan hệ kinh tế thế giới* trực thuộc Uỷ ban Quan hệ kinh tế với nước ngoài để giúp Trung ương Đảng và Chính phủ kịp thời nắm chắc tình hình quan hệ kinh tế quốc tế, làm cơ sở cho việc xây dựng các chủ trương và chính sách về quan hệ kinh tế với nước ngoài.

- Tăng cường *phối hợp* giữa công tác quan hệ kinh tế với nước ngoài với công tác ngoại giao và công tác an ninh.

Tăng cường đúng mức các *tổ chức của ta ở nước ngoài* làm công tác quan hệ kinh tế với nước ngoài.

d) Công tác quan hệ kinh tế với nước ngoài đòi hỏi một *đội ngũ cán bộ* đồng bộ từ trên xuống dưới, có phẩm chất chính trị và có năng lực. Để có đội ngũ đó, cần có biện pháp nâng cao trình độ của số cán bộ hiện có, đồng thời có kế hoạch đào tạo đủ số cán bộ cần thiết cho những năm tới bằng nhiều hình thức, bằng mở lớp học cũng như bằng tổng kết kinh nghiệm, bằng đào tạo trong nước và đào tạo ở nước ngoài.

4. Tổ chức thực hiện

Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng có trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức việc thực hiện nghị quyết này có kết quả.

Cần xây dựng một kế hoạch hành động cụ thể, giao trách nhiệm rõ ràng, kiểm tra đôn đốc thấu đáo. Có đề án giải

quyết đến nơi đến chốn từng loại vấn đề, trước hết là những vấn đề quan trọng và cấp bách nhất, cần có sự chỉ đạo tập trung dứt điểm.

Trên cơ sở hoàn thành các chương trình đối với từng lĩnh vực quan hệ kinh tế với nước ngoài, nhất là đối với từng mặt hàng hoặc nhóm mặt hàng xuất khẩu chủ lực, Hội đồng Bộ trưởng cần xây dựng xong trong quý III năm 1984 kế hoạch phát triển quan hệ kinh tế với nước ngoài cho năm 1985 và các năm 1986 - 1990. Trong kế hoạch cần ghi rõ vốn đầu tư và quỹ vật tư và hàng hoá cần thiết.

Điều quan trọng là xây dựng tổ chức và bố trí cán bộ để thực hiện kế hoạch. Cần hoàn thành sớm việc phân cấp cho địa phương. Xây dựng những tổ chức kinh doanh phụ trách sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm. Sắp xếp lại và kiện toàn hệ thống kinh doanh xuất - nhập khẩu.

Việc sắp xếp tổ chức cần được tiến hành tích cực, khẩn trương nhưng có chuẩn bị chu đáo, có bước đi vững chắc, không gây ra những gián đoạn không tốt đối với những công việc và dịch vụ đang tiến hành.

Căn cứ vào những nguyên tắc đã nêu trong nghị quyết này, cần tổ chức việc nghiên cứu để sớm bổ sung, sửa đổi và ban hành các chính sách, chế độ, thể lệ và quy định cần thiết.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG Bí THU
LÊ DUẨN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THU**

Số 47-CT/TW, ngày 6 tháng 8 năm 1984

**Về tăng cường quản lý việc phát hành, lưu giữ,
thu hồi tài liệu, văn kiện của Đảng**

Mấy năm gần đây, việc phát hành, thu hồi, lưu giữ tài liệu, văn kiện của các cấp ủy đảng có tiến bộ, đã góp phần cải tiến và nâng cao chất lượng công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng.

Song, công tác quản lý tài liệu, văn kiện của Đảng chưa thật tốt, còn thiếu các quy chế, quy trình chặt chẽ; còn nhiều sơ hở trong việc giữ gìn bí mật các tài liệu, văn kiện của Đảng. Một số đồng chí trong các cấp ủy đảng và cán bộ lãnh đạo các ban, các ngành chưa coi trọng công tác tài liệu, văn kiện của Đảng, ít đi sâu nghiên cứu, chỉ đạo; chưa thấy rõ việc cải tiến và nâng cao chất lượng công tác tài liệu, văn kiện là một biện pháp thiết thực để cải tiến sự lãnh đạo, nâng cao trình độ tổ chức, điều hành của cấp ủy đảng.

Trong tình hình mới, công việc của các cấp ủy đảng ngày càng nhiều, các mối quan hệ về lãnh đạo, chỉ đạo ngày càng phát triển, công tác tài liệu, văn kiện của Đảng cần phải được tổ chức tốt hơn, hợp lý hơn, có nền nếp và từng bước

nâng cao trình độ khoa học, để phục vụ tốt hơn công tác lãnh đạo của Đảng.

Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy đảng, các ban, các ngành thực hiện tốt một số việc sau đây:

1. Nâng cao chất lượng tài liệu, văn kiện của Đảng, đồng thời giảm bớt công văn, giấy tờ trong các cơ quan đảng

Tài liệu, văn kiện của Đảng là kết quả của quá trình lãnh đạo tập thể của cấp ủy đảng, thể hiện đường lối, chính sách, chủ trương của Đảng, là công cụ, phương tiện thực hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng. Cho nên tài liệu, văn kiện của Đảng phải rõ ràng, chính xác, được chuẩn bị tốt cả về nội dung và hình thức, phải được phát hành, sử dụng, bảo quản, lưu giữ theo chế độ rất chặt chẽ, nghiêm ngặt.

Từng cấp ủy đảng, từng ban, ngành phải xem xét, phân tích các tài liệu, văn kiện đã phát hành và đã nhận được trong vài năm gần đây, để rút kinh nghiệm và cải tiến công tác văn thư của cấp ủy và ban, ngành, làm cho mọi tài liệu, văn kiện chính thức của Đảng đều là những văn bản có giá trị, có chất lượng. Các tài liệu, văn kiện quan trọng của Đảng phải tập trung quản lý thống nhất vào văn phòng cấp ủy.

Việc gửi các tài liệu, văn kiện phải căn cứ vào quyền hạn, trách nhiệm của cấp ủy, của ban, ngành và căn cứ vào nội dung, yêu cầu cụ thể của từng công việc để bảo đảm cho tài liệu, văn kiện được chuyển nhanh chóng đến đúng nơi giải quyết, đúng người thực hiện, không bỏ sót những nơi cần thiết, nhưng hết sức tránh trùng, thừa.

Các cấp ủy đảng, các ban, các ngành cấp trên phải làm gương cho cấp dưới về việc giảm bớt công văn giấy tờ, nhất là các giấy tờ có nội dung chung chung, không thiết thực, không có tác dụng thực tế đối với hoạt động của cấp dưới, của cơ sở.

Ban Bí thư giao cho Văn phòng Trung ương Đảng cùng với các ban có liên quan xây dựng và trình Ban Bí thư duyệt, ban hành *Quy chế công tác tài liệu, văn kiện của Đảng* để thực hiện thống nhất trong các cơ quan đảng.

2. Chỉ đạo chặt chẽ việc giữ gìn tài liệu, văn kiện của Đảng

Tất cả các tài liệu, văn kiện của Đảng, nhất là các tài liệu mật, phải được đăng ký, thống kê, sắp xếp thành hồ sơ đầy đủ và bảo quản nghiêm ngặt, không được để thất lạc, mất mát, làm lộ bí mật của Đảng và Nhà nước. Các đồng chí thường trực cấp ủy cần trực tiếp và thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra công việc quản lý tài liệu của Đảng. Mỗi cấp ủy cần cử cán bộ trong văn phòng cấp ủy chuyên trách công tác tiếp nhận, thu hồi, bảo quản tài liệu của Trung ương Đảng. Phải quản lý chặt chẽ tài liệu, văn kiện quan trọng của Đảng, đồng thời phải tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu, sử dụng các tài liệu, văn kiện đó khi cần thiết.

Các cấp ủy đảng, các ban, ngành, kể cả các đồng chí ủy viên Trung ương Đảng, phải trả lại đủ và đúng thời hạn các tài liệu mật của Trung ương có quy định thu hồi. Văn phòng Trung ương có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra và hướng dẫn việc bảo quản, thu hồi, thiêu hủy các tài liệu, văn kiện của Trung ương.

Việc sao chép, truyền đạt, trưng bày, trích dẫn, công bố các tài liệu, văn kiện của Đảng phải theo đúng nguyên tắc về bảo vệ bí mật của Đảng và Nhà nước. Các cơ quan đảng, nhà nước, các đoàn thể quần chúng chỉ được sao chụp, công bố tài liệu, văn kiện của Trung ương Đảng sau khi được Ban Bí thư đồng ý. Đối với các tài liệu, văn kiện của các đảng bộ địa phương, phải được sự đồng ý của ban thường vụ cấp ủy.

Cần tăng cường các điều kiện vật chất và kỹ thuật cho công tác bảo mật tài liệu, văn kiện của Đảng, chủ động phòng chống có hiệu quả mọi thủ đoạn của kẻ địch đánh cắp bí mật của Đảng và Nhà nước ta.

Sáu tháng một lần, văn phòng các cấp ủy đảng, văn

phòng các ban, các ngành phải kiểm tra, đối chiếu toàn bộ tài liệu, văn kiện đã gửi đi và nhận được, nhất là đối với tài liệu mật. Qua kiểm tra, cần rút kinh nghiệm để cải tiến, bổ sung các chế độ, các quy định về quản lý tài liệu, văn kiện của Đảng.

3. Bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị tư tưởng và nghiệp vụ của cán bộ, nhân viên làm công tác tài liệu, văn kiện của Đảng

Cán bộ, nhân viên làm công tác đối với tài liệu, văn kiện của cấp ủy đảng phải là những người có phẩm chất chính trị tốt, tuyệt đối trung thành, tin cậy, có kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ và am hiểu hoạt động của cấp ủy đảng. Các cấp ủy đảng cần kiện toàn bộ phận văn thư, lưu trữ trong văn phòng cấp ủy, chú ý thường xuyên bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác tài liệu, văn kiện về chính trị, tư tưởng, tạo điều kiện cho các đồng chí đó học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Trong phạm vi khả năng cho phép, cần từng bước tăng cường cho văn phòng cấp ủy các thiết bị kỹ thuật cần thiết đối với công tác văn thư, lưu trữ, trước hết là các thiết bị về đánh máy, in, sao, bảo quản tài liệu.

Văn phòng Trung ương Đảng chịu trách nhiệm giúp Ban Bí thư theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện chỉ thị này.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

T/M BAN BÍ THU

VÕ CHÍ CÔNG

Căn cứ vào các điều 35, 36 và các quy định của *Điều lệ Đảng*, Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương,

Ban Bí thư quyết định quy chế làm việc của các đảng ủy, chi ủy ở các đơn vị cơ sở nói trên như sau:

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 48-QĐ/TW, ngày 8 tháng 9 năm 1984

Về quy chế làm việc của các đảng ủy, chi ủy ở các xí nghiệp và đơn vị cơ sở kinh tế thuộc khu vực nhà nước

Để bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng, đề cao chế độ trách nhiệm, xây dựng nếp làm việc cách mạng và khoa học, nâng cao sức chiến đấu và hiệu quả lãnh đạo và kiểm tra của tổ chức cơ sở đảng ở các xí nghiệp và đơn vị cơ sở kinh tế quốc doanh,

Để thực hiện và phát huy đúng cơ chế "Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ tập thể, Nhà nước quản lý" trong điều kiện cụ thể của các đơn vị cơ sở kinh tế quốc doanh và bảo đảm thực hiện tốt quy định của *Điều lệ Đảng* về chức năng kiểm tra của tổ chức cơ sở đảng đối với hoạt động của cơ quan quản lý và của người thủ trưởng,

Phân một

CHỨC TRÁCH, NHIỆM VỤ CỦA CÁC ĐẢNG ỦY, CHI ỦY

I- VỊ TRÍ, CHỨC TRÁCH VÀ NHIỆM VỤ CHUNG

Điều 1: Các đảng ủy (hoặc chi ủy cơ sở) ở các đơn vị cơ sở kinh tế quốc doanh (xí nghiệp, công ty, công trường, nông trường, lâm trường, cơ sở cung ứng vật tư, cửa hàng, v.v.) căn cứ vào nhiệm vụ, chức trách của tổ chức cơ sở đảng và nhiệm vụ của đảng ủy, chi ủy, căn cứ vào các điều 35, 36, 37 và các quy định của *Điều lệ Đảng* để tiến hành mọi công tác của mình.

Các đảng bộ cơ sở, các đảng ủy, chi ủy phải thật sự là hạt nhân lãnh đạo chính trị trong tập thể quần chúng lao động ở đơn vị cơ sở và là người kiểm tra có hiệu quả hoạt động của cơ quan quản lý và của người thủ trưởng, bảo đảm cho đường lối, chính sách, các nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước được quán triệt và thực hiện nghiêm chỉnh.

Điều 2: Các đảng ủy (chi ủy) phải bằng công tác lãnh đạo và kiểm tra của mình tác động mạnh mẽ đến việc nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị cơ sở trong sản xuất, kinh doanh, phục vụ, thúc đẩy ba cuộc cách mạng, bảo đảm sự thống nhất giữa ba lợi ích: lợi ích của Nhà nước, của tập thể và của người lao động, trong đó lợi ích của Nhà nước là cao nhất.

Phải chỉ đạo sự phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức trong đơn vị, bảo đảm cho cơ sở thật sự là nơi Đảng, Nhà nước và quần chúng kết hợp thành một cơ cấu chặt chẽ để hoàn thành với hiệu quả cao các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, thực hiện tốt chế độ quản lý xí nghiệp xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa và khắc phục mọi hành vi làm sai đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tham ô, lãng phí, cửa quyền, vi phạm quyền làm chủ tập thể của công nhân, viên chức; lãnh đạo và giáo dục quần chúng; rèn luyện, sàng lọc và phát triển đảng viên; tuyên truyền và cất nhắc cán bộ.

II- NHỮNG NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Đối với việc xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội của đơn vị

Điều 3: *Lãnh đạo, giáo dục đảng viên và quần chúng quán triệt đường lối, chính sách, tham gia xây dựng kế hoạch và thi đua thực hiện kế hoạch:*

a) Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm *xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch* trên cơ sở phát huy quyền làm chủ tập thể của công nhân, viên chức tham gia xây dựng và giám sát việc thực hiện kế hoạch. Đảng ủy phải "lãnh đạo đảng viên và quần chúng tham gia xây dựng kế hoạch trước khi cấp trên có thẩm quyền quyết định"(1)¹⁾.

Để làm tốt việc đó, đảng ủy phải nắm chắc tình hình, lắng nghe ý kiến của đảng viên và quần chúng, giáo dục đảng viên và quần chúng nắm vững đường lối, quan điểm và các chính sách của Đảng, "chỉ ra cho đảng viên và quần chúng thấy rõ những khả năng tiềm tàng của đơn vị, phát

¹⁾ Những chữ đánh dấu ngoặc kép có dấu (1) là trích trong Điều lệ Đảng, có dấu (2) là trích trong Nghị quyết Đại hội V.

hiện những sáng kiến, kể cả về kinh tế - kỹ thuật của quần chúng, chỉ rõ những yếu tố mới về tinh thần, về chính sách, về tổ chức, v.v. cần được phát huy để thể hiện được tính tích cực và tính khoa học trong việc xây dựng kế hoạch, bảo đảm cho đường lối, chính sách của Đảng được thể hiện trong kế hoạch"(1).

b) Đảng ủy (chi ủy) phải lãnh đạo chặt chẽ *phong trào thi đua* trong đơn vị nhằm đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao. "Phải lãnh đạo quần chúng làm tốt nghĩa vụ công dân và trách nhiệm đối với đơn vị, phát huy kinh nghiệm sáng tạo của quần chúng, động viên quần chúng phát huy sáng kiến, phát hiện và khai thác tốt các tiềm năng về lao động, vật tư sẵn có, áp dụng các thành quả khoa học kỹ thuật và kinh nghiệm tiên tiến vào sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, thực hành tiết kiệm, bảo vệ công và của tập thể, chống lãng phí, tham ô"(2).

Nhằm vào chỉ tiêu kế hoạch nhà nước của đơn vị, đảng ủy, chi ủy ra nghị quyết xác định mục tiêu, yêu cầu, nội dung của phong trào thi đua để thống nhất lãnh đạo phong trào. Phải lãnh đạo các tổ chức quần chúng phối hợp chặt chẽ với thủ trưởng theo một chương trình hành động thống nhất; kiểm tra, đôn đốc từng tổ chức chủ động đề ra các hình thức, biện pháp phát động quần chúng.

Phải lãnh đạo tổ chức đảng và đảng viên nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên, ra sức thi đua và vận động quần chúng thi đua phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật lao động và các chế độ quản lý về mọi mặt.

Trong việc khen thưởng, thi đua, đảng ủy phải coi trọng lãnh đạo về tiêu chuẩn, bảo đảm đúng chính sách, dân chủ và công bằng. Việc đề nghị thưởng danh hiệu chiến sĩ thi đua, anh hùng, tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa và huân chương phải được đảng ủy hoặc ban thường vụ kiểm tra.

Điều 4: Kiểm tra thủ trưởng và cơ quan quản lý trong việc xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch.

Đảng ủy có "trách nhiệm kiểm tra hoạt động của cơ quan quản lý và của người thủ trưởng"(1) trước hết trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch của đơn vị.

1. "Người thủ trưởng có trách nhiệm báo cáo dự án kế hoạch để đảng ủy góp ý kiến và đề xuất các vấn đề xét cần thiết với cấp trên, trước khi cấp trên có thẩm quyền quyết định". Đảng ủy "không quyết định các chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch và các biện pháp kinh tế - kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ thuộc trách nhiệm quản lý của người thủ trưởng"(2); nhưng người thủ trưởng phải nghiêm chỉnh nghiên cứu những ý kiến của đảng ủy và tiếp thu những ý kiến đúng để bổ sung vào dự án kế hoạch và bổ khuyết các thiếu sót (nếu có); khi báo cáo lên cấp trên có thẩm quyền xét duyệt kế hoạch, giám đốc phải báo cáo những ý kiến của đảng ủy mà mình chưa nhất trí.

Trong khi thảo luận kế hoạch, đảng ủy chú trọng xem xét kỹ phương hướng phát triển của đơn vị, chỉ ra những khả năng khai thác các nguồn khả năng để xây dựng kế hoạch từ cơ sở lên một cách tích cực và hiện thực, góp ý kiến về những biện pháp bảo đảm các chỉ tiêu, kế hoạch.

2. Tập thể đảng ủy (hoặc ban thường vụ) có quyền kiểm tra hoạt động của người thủ trưởng và cơ quan quản lý ở bất kỳ khâu công tác nào xét cần thiết bằng nhiều cách như: yêu cầu người thủ trưởng, các cán bộ phụ trách các phòng, ban chuyên môn, các phân xưởng, hoặc tổ đội, v.v. báo cáo; cử đại diện dự các cuộc hội nghị xét cần trong đơn vị; phân công đảng ủy viên trực tiếp nắm tình hình; thành lập các tổ (hoặc tiểu ban kiểm tra), đưa vào các chi bộ, đảng viên và các tổ chức quần chúng trong đơn vị.

Nội dung kiểm tra cần tập trung vào các vấn đề trọng yếu nhất trong sản xuất, kinh doanh (hoặc công tác chuyên môn) của đơn vị như: kiểm tra việc xây dựng kế hoạch; việc bảo đảm thực hiện kế hoạch đúng thời hạn; việc bảo đảm chất lượng sản phẩm; việc áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất; hiệu quả kinh tế, chính trị của việc thực hiện các biện pháp quản lý; việc chấp hành các chế độ quản lý, chế độ giao nộp sản phẩm cho nhà nước; việc thực hiện các chính sách tiết kiệm, bảo hộ lao động, giá cả, tiền lương, tiền thưởng, chế độ phúc lợi, chính sách lao động nữ; việc tổ chức đời sống và bảo đảm quyền làm chủ tập thể của công nhân, viên chức, v.v.. Ở các đơn vị thương nghiệp, vận tải, cung ứng vật tư còn phải chú trọng kiểm tra tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ khách hàng; việc chấp hành các nội quy mua bán, các quy chế về vận chuyển, bảo quản hàng hóa, việc phục vụ nhân dân, phục vụ sản xuất, v.v..

3. Để bảo đảm thực hiện kế hoạch của đơn vị đã được cấp trên xét duyệt, người thủ trưởng phải báo cáo với đảng ủy những chủ trương, biện pháp tổ chức thực hiện kế hoạch để đảng ủy thảo luận, xem xét và ra nghị quyết theo chức trách

của mình; nghị quyết của đảng ủy xác định rõ trách nhiệm của đảng bộ, nêu lên những vấn đề mấu chốt về tổ chức chỉ đạo mà người thủ trưởng cần lưu ý nghiên cứu để giải quyết, uốn nắn các chủ trương và việc làm trái với nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước (nếu có), và quyết định các chủ trương, biện pháp lãnh đạo công tác tư tưởng, công tác tổ chức, công tác quần chúng mà đảng bộ cần tập trung sức thực hiện nhằm đảm bảo hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch. Đồng thời cũng có thể đề đạt với cấp trên những vấn đề mình thấy cấp trên cần xem xét nếu có.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch, người thủ trưởng, theo chế độ định kỳ (hằng tháng, quý, v.v.) hoặc đột xuất phải báo cáo với đảng ủy, chi ủy (hoặc ban thường vụ đảng ủy) về tình hình thực hiện kế hoạch đã qua và các mặt công tác trong đơn vị, các chủ trương, biện pháp mới, kẽ cản về kinh tế - kỹ thuật, để đảng ủy kiểm tra, góp ý kiến cải tiến công tác và trên cơ sở đó mà lãnh đạo các mặt công tác của đảng, của đoàn thể quần chúng nhằm đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ kế hoạch của đơn vị.

5. Qua kiểm tra, đảng ủy (chi ủy) "chỉ ra các ưu điểm, khuyết điểm trong công tác của đơn vị, nêu ra các vấn đề xét cần thiết giúp cho người thủ trưởng nghiên cứu để phát huy hoặc bổ khuyết và đấu tranh chống các mặt tiêu cực, uốn nắn những việc làm trái với nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước, tạo điều kiện phát huy sức mạnh tổng hợp của đơn vị và nâng cao hiệu quả quản lý của người thủ trưởng"(1). Khi đánh giá ưu điểm, khuyết điểm về việc được kiểm tra, cần chú trọng chỉ rõ những nguyên nhân, về trách

nhiệm của tổ chức và của cá nhân, về quan triệt đường lối, chính sách, quan điểm, về tư tưởng, tổ chức, quản lý... và cả về công tác đảng, công tác quần chúng.

Điều 5: Lãnh đạo và kiểm tra công tác quốc phòng, an ninh và công tác bảo vệ trong đơn vị.

- Đảng ủy thường xuyên giáo dục cho cán bộ, công nhân viên chức về tinh thần cảnh giác cách mạng, ý thức giữ gìn bí mật quốc gia, chống mọi hoạt động chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch và đấu tranh giữa hai con đường; khắc phục những nhận thức mơ hồ, những quan điểm sai trái với đường lối, chính sách của Đảng.

Lãnh đạo phong trào quần chúng bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, làm tốt nghĩa vụ quân sự, xây dựng lực lượng dự bị, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội.

Lãnh đạo việc xây dựng các đơn vị tự vệ, lực lượng bảo vệ. Đề xuất ý kiến và kiểm tra sự chỉ đạo của thủ trưởng đối với hoạt động của các lực lượng này.

- Phải giáo dục, lãnh đạo và kiểm tra chặt chẽ công tác bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, việc chấp hành pháp luật Nhà nước và thực hiện bốn chế độ do Nhà nước ban hành: chế độ trách nhiệm, chế độ kỷ luật, chế độ bảo vệ của công, chế độ phục vụ nhân dân.

Điều 6: Lãnh đạo và kiểm tra việc tổ chức đời sống của cán bộ công nhân, viên chức.

- Đảng ủy phải thường xuyên chăm lo việc tổ chức đời sống vật chất, văn hóa của cán bộ, công nhân, viên chức; lãnh đạo Công đoàn và Đoàn Thanh niên kịp thời đề xuất ý kiến với

đảng ủy và người thủ trưởng, các chủ trương biện pháp về ổn định và cải thiện đời sống và tích cực vận động quần chúng thực hiện.

- Kiểm tra thủ trưởng, cơ quan quản lý và tổ chức quần chúng thực hiện đúng đắn các chính sách, chế độ đối với cán bộ, công nhân, viên chức nhất là về tiền lương, tiền thưởng, việc thực hiện chế độ cung cấp những mặt hàng thiết yếu, việc thực hiện các chế độ phúc lợi khác và việc tổ chức kinh tế phụ gia đình, bảo đảm đúng nguyên tắc, chính sách, pháp luật. Nếu thấy quyết định của cấp trên có chỗ chưa phù hợp thì đề nghị lên cấp trên hoặc yêu cầu người thủ trưởng báo cáo lên cấp trên để bổ sung, sửa đổi.

2. Về lãnh đạo phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, xây dựng và phát huy vai trò của các tổ chức quần chúng

Điều 7: Về phát huy quyền làm chủ tập thể của cán bộ, công nhân, viên chức.

- Đảng ủy thống nhất lãnh đạo công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong quần chúng, làm quán triệt đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước (trực tiếp với quần chúng hoặc thông qua bộ máy chính quyền và các đoàn thể quần chúng), đề ra các chủ trương, biện pháp nâng cao ý thức và năng lực làm chủ tập thể của quần chúng, phát huy vai trò của các đoàn thể theo đúng chức năng của từng tổ chức, làm cho các đoàn thể thật sự là trường học xã hội chủ nghĩa, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

- Lãnh đạo và kiểm tra công đoàn, kiểm tra thủ trưởng và cơ quan quản lý thực hiện *Luật công đoàn*, và nghị định của Hội đồng Bộ trưởng về chế độ bảo đảm quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của công nhân, viên chức, nhất là chế độ công nhân, viên chức tham gia công tác quản lý.

- Lãnh đạo tốt công việc của hội nghị công nhân, viên chức. Định kỳ lấy ý kiến của quần chúng trong đơn vị phê bình sự

lãnh đạo của tổ chức đảng, sự quản lý của giám đốc, phê bình cán bộ, đảng viên, góp ý kiến vào việc kết nạp đảng viên mới và việc lựa chọn, giới thiệu người vào cấp ủy.

Điều 8: Lãnh đạo công tác vận động quần chúng, xây dựng củng cố các đoàn thể quần chúng, các tập thể lao động.

- Không ngừng nâng cao giác ngộ chính trị cho cán bộ, công nhân, viên chức; đánh giá đúng mức về những thành tích và khuyết điểm của đơn vị, tạo ra không khí cởi mở, tin cậy trong quần chúng.

- Lãnh đạo việc xây dựng Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh về mọi mặt, kiện toàn các ban chấp hành; định kỳ nghe các ban chấp hành báo cáo và cho ý kiến.

- Lãnh đạo xây dựng các phòng, ban, các tổ, đội lao động, các tập thể công nhân, cán bộ ở từng phân xưởng, bộ phận, trở thành những tập thể lao động có tính tự giác cách mạng và tính năng động cao, có tính kỷ luật chặt chẽ, biết lao động có hiệu quả, biết tự tổ chức tốt đời sống và có nếp sống văn minh, đấu tranh chống tiêu cực.

3. Về chăm lo xây dựng tổ chức đảng về mọi mặt

Điều 9: Xây dựng các chi bộ đảng vững mạnh, trong sạch.

Quán triệt đường lối, các nghị quyết của Đảng trong cán bộ, đảng viên, ra sức nâng cao sức chiến đấu của chi bộ theo yêu cầu xây dựng đảng bộ, chi bộ "vững mạnh, trong sạch".

- Hết sức coi trọng rèn luyện phẩm chất, nâng cao năng lực của mọi đảng viên, làm tốt công tác đảng, quản lý tốt đảng viên, phân công đảng viên làm công tác đảng, công tác quần chúng, công tác xã hội.

- Kịp thời kiểm tra những vụ đảng viên vi phạm điều lệ kỷ luật Đảng, pháp luật Nhà nước; giữ gìn nghiêm

chỉnh kỷ luật của Đảng, biểu dương cán bộ, đảng viên ưu tú, giáo dục, thi hành kỷ luật đối với đảng viên phạm sai lầm, kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người không còn đủ tư cách đảng viên.

- Thường xuyên lãnh đạo việc giữ gìn và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, tiến hành tự phê bình và phê bình. Bảo đảm cho chi bộ thật sự là nơi quán triệt và bàn biện pháp thi hành đường lối và các nghị quyết của Đảng, nơi giáo dục, rèn luyện đảng viên, kiểm tra công tác của đảng viên, giúp cho đảng viên làm tốt công tác được giao và biết tuyên truyền, vận động quần chúng, biết giải đáp những câu hỏi do quần chúng đề ra.

Các chi ủy, chi bộ ở các phòng, ban kỹ thuật, nghiệp vụ trong bộ máy của đơn vị cơ sở kinh tế quốc doanh làm chức năng như một chi ủy, chi bộ cơ quan theo Quyết định số 34-QĐ/TW, ngày 10-1-1984 của Ban Bí thư.

Điều 10: Xây dựng các đảng ủy, chi ủy (và đảng ủy bộ phận nếu có).

- Các đảng ủy, chi ủy, đảng ủy bộ phận phải giữ vững nguyên tắc sinh hoạt đảng, không ngừng tăng cường đoàn kết, nhất trí trong đảng ủy và trong đảng bộ.

Các đảng ủy bộ phận, chi ủy, chi bộ tiến hành công tác dưới sự lãnh đạo của đảng ủy cơ sở và làm đúng chức năng lãnh đạo và kiểm tra trong phạm vi bộ phận (phân xưởng, ca, v.v.) mình có trách nhiệm.

Những vấn đề nhất thiết phải đưa ra bàn ở hội nghị toàn thể đảng ủy là: kiểm tra việc xây dựng và thực hiện phương hướng phát triển của đơn vị, nhiệm vụ kế hoạch nhà nước dài hạn, hàng năm, kể cả việc cụ thể hóa thành các kế hoạch hàng quý, sáu tháng; chương trình và nội dung công tác ba

tháng, sáu tháng, hàng năm của đảng bộ; việc thi hành các nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các chỉ thị, nghị quyết quan trọng của cấp ủy cấp trên, nghị quyết của đại hội đảng bộ; việc quyết định đề bạt, cách chức cán bộ thuộc danh mục do đảng ủy có thẩm quyền quyết định; chuẩn bị đại hội đảng bộ và các vấn đề mà *Điều lệ Đảng*, chỉ thị của cấp trên quy định hoặc đa số đảng ủy viên yêu cầu phải đưa ra hội nghị toàn thể.

- Giữa hai kỳ hội nghị đảng ủy, *ban thường vụ* thay mặt đảng ủy để tiến hành mọi công tác của đảng ủy; chuẩn bị các kỳ họp của đảng ủy; tổ chức chỉ đạo thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của đảng ủy. Ban thường vụ phải báo cáo trước đảng ủy về công việc đã làm trong các phiên họp thường kỳ của đảng ủy và các vấn đề khác khi xét cần thiết theo yêu cầu của đảng ủy.

- *Bí thư* đảng ủy chủ trì công việc chung của đảng bộ, đảng ủy và các kỳ họp của đảng ủy và ban thường vụ; nắm trọng tâm công tác trong từng thời gian, những khâu trọng yếu có tính chất quyết định tới việc hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị; trực tiếp nắm an ninh chính trị, quân sự; cùng phó bí thư chuẩn bị các kỳ họp của ban thường vụ và chỉ đạo tốt việc thi hành các quyết định của đảng bộ, đảng ủy; tổ chức tốt việc phối hợp thống nhất các hoạt động của Đảng, chính quyền, các đoàn thể trong đơn vị; phải coi trọng công tác xây dựng đảng, công tác cán bộ.

- *Phó bí thư* đảng ủy thay mặt bí thư khi vắng và làm trách nhiệm được đảng ủy phân công.

- *Mỗi cấp ủy viên* phải tham gia sinh hoạt tập thể cấp ủy một cách đều đặn và có chất lượng. Phải gương mẫu tham gia sinh hoạt chi bộ và nghiêm chỉnh thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy đảng, cơ quan cấp trên và của đảng ủy; trong công việc hàng ngày phải theo đúng cương vị công tác được giao trong bộ máy sản xuất, kinh doanh, nghiệp vụ hoặc trong tổ chức của đảng, của đoàn thể quần chúng ở đơn

vị để tiến hành công tác, không lấy danh nghĩa cấp ủy viên nếu không được ủy nhiệm.

4. Về thẩm quyền trong công tác cán bộ

Điều 11: Nguyên tắc chung.

Toàn bộ công tác cán bộ ở đơn vị cơ sở kinh tế đặt dưới sự lãnh đạo và kiểm tra của đảng ủy. Đảng ủy phải nắm chắc công tác cán bộ và có quy hoạch cán bộ; quyền hạn của đảng ủy trong việc lựa chọn, đề bạt cán bộ do Trung ương quy định (theo Điều 36 của *Điều lệ*). Thủ trưởng có trách nhiệm và quyền hạn đối với công tác cán bộ theo quy định về phân công, phân cấp quản lý cán bộ.

Điều 12: Thẩm quyền cụ thể.

- Đảng ủy (hoặc ban thường vụ đối với một số việc do đảng ủy ủy nhiệm) quyết định việc điều động, đề bạt, cách chức, xếp lương, cử đi học những cán bộ thuộc danh mục do đảng ủy quản lý theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ của cấp trên (hiện nay về cán bộ kinh tế là: quản đốc, phó quản đốc, trưởng phó phòng, ban...). Thủ trưởng có trách nhiệm đề nghị với đảng ủy và ra quyết định về mặt nhà nước.

Đối với cán bộ thuộc quyền quyết định của cấp trên (hiện nay là giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng) thì đảng ủy hoặc thường vụ đảng ủy và thủ trưởng có trách nhiệm nhận xét, góp ý kiến và kiến nghị với cấp trên trong việc bổ trí, đề bạt, thi hành kỷ luật, xếp lương, v.v.. Việc lấy ý kiến của cấp ủy địa phương đối với các chức vụ nói trên phải theo quy định của Trung ương về quản lý cán bộ.

- Đối với diện cán bộ trên đây, thủ trưởng đơn vị (hoặc ban tổ chức, các đoàn thể, nếu là cán bộ công tác đảng, công tác đoàn thể) có trách nhiệm lấy ý kiến của Công đoàn, Đoàn

Thanh niên, nhận xét, đề nghị với đảng ủy và thực hiện các chính sách đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ theo quy định về quản lý cán bộ.

Đối với việc chia tách, sáp nhập các phân xưởng, phòng, ban thủ trưởng phải lấy ý kiến của đảng ủy trước khi quyết định hoặc báo cáo lên cấp trên có thẩm quyền quyết định.

- Đối với số cán bộ khác (như đội trưởng, đội phó sản xuất...) thì thủ trưởng quyết định sau khi lấy ý kiến nhận xét của chi ủy, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, v.v. nơi người cán bộ làm việc và của cán bộ có trách nhiệm khác theo quy định của Nhà nước.

Công nhân, viên chức (ngoài diện do đảng ủy và cấp trên quản lý) được cử đi học, đi nước ngoài hoặc buộc thôi việc do thủ trưởng quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước. Các trường hợp trên đây nếu là bí thư chi bộ, đảng ủy viên, thư ký công đoàn bộ phận, bí thư chi đoàn thanh niên thì trước khi ra quyết định thủ trưởng cần báo cáo và được sự nhất trí của thường vụ đảng ủy.

Đảng ủy thực hiện quyền kiểm tra của mình đối với các quyết định của thủ trưởng đối với cán bộ, công nhân.

5. Đảng ủy đối với cấp trên

Điều 13: Về đóng góp ý kiến với cấp trên: Đảng ủy chấp hành nghiêm chỉnh nhiệm vụ thứ 5 của tổ chức cơ sở đảng đã được quy định ở Điều 35 của *Điều lệ Đảng* về việc thảo luận tham gia ý kiến vào việc quyết định các vấn đề về đường lối, chính sách chung của Đảng và về việc tập hợp ý kiến, kinh nghiệm, sáng tạo của quần chúng để phản ánh lên cấp trên. Cấp trên phải bảo đảm phát huy dân chủ nội bộ, nghiên cứu kỹ và trả lời các kiến nghị của đảng ủy.

Nếu thấy cấp uỷ hoặc cơ quan quản lý cấp trên của đơn

vị có những quy định chưa phù hợp với đường lối, chính sách của Đảng, với nguyên tắc quản lý hoặc với tình hình thực tế của đơn vị thì đảng uỷ có trách nhiệm đề nghị với cấp trên xem xét sửa đổi. Trường hợp cần thiết thì báo cáo với tổ chức đảng cấp trên hoặc Ban Bí thư Trung ương Đảng bằng cách trực tiếp hoặc qua các ban của Đảng.

Điều 14: Về quan hệ với cấp uỷ, cơ quan quản lý cấp trên và với chính quyền địa phương.

- Đảng uỷ chịu sự lãnh đạo của cấp uỷ cấp trên về các mặt công tác của mình. Nếu tổ chức cơ sở đảng trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ (trực thuộc Trung ương) thì cấp uỷ quận, huyện, thị nơi đơn vị đóng chỉ đạo các cấp uỷ cơ sở đó trong việc chấp hành các chính sách nghĩa vụ, pháp luật được thực hiện ở địa phương, công tác vận động quần chúng, công tác quốc phòng, giữ gìn an ninh, trật tự ở địa phương. Điều này được áp dụng cả đối với các đảng uỷ được giao quyền như của một huyện uỷ đối với việc kết nạp đảng viên và thi hành kỷ luật đảng viên.

- Đảng uỷ liên hệ với bộ trưởng (hoặc thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị) theo quy định của Ban Bí thư trong Thông tri số 13-TT/TW, ngày 13-9-1982 về việc thành lập hội đồng bộ.

Phân hai

**BẢO ĐẢM CHẾ ĐỘ THỦ TRƯỞNG QUẢN LÝ
VÀ CHẾ ĐỘ LÀM CHỦ TẬP THỂ CỦA CÔNG NHÂN,
VIÊN CHỨC TRONG ĐƠN VỊ**

1. Về bảo đảm quyền hạn của người thủ trưởng

Điều 15: Bảo đảm quyền quản lý của người thủ trưởng.

- Thủ trưởng đơn vị là người được nhà nước bổ nhiệm, thay mặt nhà nước quản lý đơn vị, là người chỉ huy cao nhất và chịu trách nhiệm trước nhà nước và trước cấp trên trực tiếp về mọi mặt hoạt động, về kết quả sản xuất, kinh doanh, về việc bảo vệ đơn vị và về đời sống của công nhân, cán bộ, viên chức.

Trong đơn vị cơ sở, phải thực hiện chế độ thủ trưởng nhưng trong cách làm việc giữa thủ trưởng và các đồng chí có trách nhiệm về các vấn đề có liên quan phải có chế độ làm việc tập thể, phải định rõ trách nhiệm từng người theo quy định và hướng dẫn chung của Nhà nước. Thủ trưởng phát huy và tôn trọng vai trò của hội đồng xí nghiệp và của các hội đồng khác trong đơn vị theo quy định của Hội đồng Bộ trưởng.

- Các mệnh lệnh chỉ huy của thủ trưởng phải được mọi cán bộ, công nhân, viên chức trong đơn vị nghiêm chỉnh chấp hành. Đảng viên phải gương mẫu thực hiện và vận động quần chúng thực hiện.

Thủ trưởng phải là người biết quản lý, có tinh thần trách nhiệm và có tính đảng cao; nắm vững đường lối, chính sách của Đảng, tôn trọng vai trò của tổ chức đảng, quyền làm chủ tập thể của công nhân, viên chức; quan tâm đến công tác tư tưởng, công tác tổ chức, biết dựa vào tổ chức đảng, vào đoàn thể để thúc đẩy việc hoàn thành kế hoạch với hiệu quả cao nhất.

- Thủ trưởng chịu sự kiểm tra của đảng uỷ, chi uỷ theo quy định của *Điều lệ Đảng* và các điều đã được cụ thể hoá trong Quy chế này.

Công tác kiểm tra của đảng uỷ phải thể hiện được tính nguyên tắc là kiên quyết, bảo đảm cho đường lối và các nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước được thực hiện nghiêm chỉnh, phải khuyến khích tính chủ động, sáng tạo và tính năng động; đồng thời kiên quyết ngăn chặn những hoạt động không đúng đắn của thủ trưởng và cơ quan quản lý; phải nhằm phát triển kinh nghiệm sáng tạo của đảng viên và quần chúng và ngăn chặn, sửa chữa những khuyết điểm, sai lầm, tăng cường sự nhất trí trong đảng bộ và đơn vị.

- Thủ trưởng chịu trách nhiệm về các quyết định về kinh tế - kỹ thuật, về chấp hành các chế độ, chính sách, v.v. thuộc phạm vi quyền hạn quản lý của mình, và phải chịu trách nhiệm trước cấp trên và trước đảng bộ về thái độ tiếp thu của mình đối với ý kiến của đảng uỷ.

Đối với các quyết định của đảng uỷ uốn nắn những việc làm trái với nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước (như lập quỹ đen, không thực hiện đúng chế độ giao nộp sản phẩm cho nhà nước, báo cáo sai sự thật về công tác, về hạch toán giá thành, về thành tích của đơn vị, v.v.), thủ trưởng phải chấp hành.

Đối với những khuyết điểm về kinh tế - kỹ thuật do đảng uỷ phát hiện nếu thủ trưởng không kịp thời tiếp thu sửa chữa, đảng uỷ báo cáo lên cơ quan có trách nhiệm của đảng và nhà nước cấp trên để giải quyết.

Cấp trên phải có thái độ rõ để kết luận và giải quyết vấn đề do đảng uỷ đề ra. Nếu cơ quan quản lý cấp trên vẫn không chấp nhận mà đảng uỷ vẫn cho ý kiến của mình là đúng thì đảng uỷ cần báo cáo lên cấp uỷ, chính quyền cấp trên hoặc với Ban Bí thư Trung ương và Hội đồng Bộ trưởng.

2. Về bảo đảm quyền làm chủ tập thể của công nhân, viên chức

Điều 16: *Bảo đảm quyền hạn của hội nghị công nhân, viên chức.*

Dưới sự lãnh đạo của đảng uỷ, công đoàn cùng với thủ trưởng triệu tập hội nghị đại biểu công nhân viên chức (hoặc hội nghị toàn thể) để tham gia và giám sát công tác quản lý theo đúng *Luật công đoàn* và quyết định của Hội đồng Bộ trưởng. Phải bảo đảm cho hội nghị công nhân, viên chức và ban thường trực của hội nghị hoạt động thiết thực với chất lượng cao, chống hình thức.

Thủ trưởng phải tôn trọng quyền của hội nghị công nhân, viên chức nhất là trong việc xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội của đơn vị, trong việc tham gia xây dựng các chính sách được áp dụng ở đơn vị, và trong việc kiến nghị về cán bộ theo đúng luật và quy định của Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 17: *Thủ trưởng với các đoàn thể quần chúng trong việc bảo đảm quyền làm chủ tập thể bằng đoàn thể.*

Dưới sự lãnh đạo của đảng uỷ, Ban Chấp hành Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có trách nhiệm cùng với thủ trưởng bảo đảm phát huy đúng đắn quyền làm

chủ tập thể của công nhân, viên chức trong xây dựng và thực hiện kế hoạch, trong phân phối, trong tổ chức đời sống và mọi hoạt động quản lý của đơn vị theo đúng luật pháp và quy định của Nhà nước.

- *Thủ trưởng* phải thực hiện các mối quan hệ với Công đoàn, Đoàn Thanh niên theo đúng luật và quy định của Nhà nước; phải tôn trọng vai trò của các đoàn thể, phối hợp chặt chẽ trong công tác và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của cán bộ Công đoàn, Đoàn Thanh niên.

- *Ban Chấp hành Công đoàn phải:*

+ Giáo dục, tổ chức, phát động quần chúng thi đua thực hiện kế hoạch của đơn vị theo chương trình, biện pháp về kinh tế - kỹ thuật của thủ trưởng đơn vị.

+ Đề cao tinh thần cộng tác chặt chẽ, chủ động, sáng tạo trong việc đóng góp ý kiến với thủ trưởng; phải giúp đỡ và giám sát thủ trưởng và cơ quan quản lý thi hành đúng đắn các chế độ lao động, các biện pháp nâng cao tay nghề, trình độ văn hoá, và việc tổ chức tốt đời sống của công nhân, viên chức. Chú trọng làm tốt công tác nữ công.

Tham gia xây dựng đảng: giới thiệu công nhân, cán bộ ưu tú với đảng để tổ chức việc xem xét bồi dưỡng và kết nạp những người xứng đáng vào đảng.

- *Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh* phải theo đúng điều lệ của Đoàn, chương 8 của *Điều lệ Đảng* và các quy định của Nhà nước về quan hệ với thủ trưởng, để tổ chức giáo dục, rèn luyện, vận động thanh niên làm tốt trách nhiệm của Đoàn là người đại diện cho quyền làm chủ tập thể của thanh niên ở cơ sở, là cánh tay đặc lực và đội hậu bị tin cậy của Đảng. Đoàn phải làm tốt trách nhiệm xây

dựng đảng, bồi dưỡng giới thiệu đoàn viên ưu tú vào Đảng và làm tròn trách nhiệm của mình đối với Đội Thiếu niên Tiền phong và các tổ chức thanh niên ngoài Đoàn.

Trong công tác nói trên, đặc biệt là trong việc tổ chức vận động thanh niên làm nòng cốt trong sản xuất, công tác, làm xung kích dẫn đầu trong việc thực hiện ba cuộc cách mạng, đột phá giải quyết các khó khăn trong đơn vị, thủ trưởng phải lắng nghe ý kiến của Đoàn, có kế hoạch phối hợp chặt và tạo điều kiện cho Đoàn làm tròn trách nhiệm.

Phân ba

VỀ CÁC CHẾ ĐỘ CÔNG TÁC

Điều 18: Chế độ sinh hoạt.

Đảng uỷ, chi uỷ phải định chế độ sinh hoạt của mình và chỉ đạo chặt chẽ sinh hoạt và hoạt động của chi bộ, tổ đảng theo đúng các nguyên tắc, quy định của *Điều lệ Đảng*.

Đề cao kỷ luật sinh hoạt chi bộ đối với mọi đảng viên.

Điều 19: Chế độ quản lý đảng viên và tổ chức đảng.

- Đảng uỷ, chi uỷ thực hiện chế độ quản lý đảng viên về mọi mặt theo quy định của trung ương.

Mỗi đảng viên, ngoài công tác chuyên môn, được phân công làm công tác đảng, công tác quần chúng hoặc công tác xã hội khác và phải báo cáo với chi bộ, chi uỷ hoặc tổ đảng về kết quả thực hiện.

- Mỗi năm một lần chi uỷ, chi bộ nhận xét đảng viên, đảng uỷ nhận xét chi bộ, theo tiêu chuẩn "vững mạnh, trong sạch" trên cơ sở tự phê bình và phê bình.

Điều 20: Chế độ tự phê bình và phê bình.

- Đảng uỷ, chi uỷ phải gương mẫu thực hiện tự phê bình và phê bình thường xuyên và theo định kỳ sáu tháng, hằng năm. Nghiêm cấm mọi hiện tượng lôi kéo, vây cánh, bày đặt khuyết điểm, tô vẽ ưu điểm không có cho người khác.

- *Sáu tháng một lần*, gắn với kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch kinh tế, chuyên môn, đảng uỷ, chi uỷ tự phê bình, tổ chức phê bình từ dưới lên và lấy ý kiến của quần chúng phê bình đảng viên.

Điều 21: Chế độ học tập.

Đảng uỷ định chế độ học tập của đảng uỷ viên và của đảng viên; bảo đảm thực hiện tốt chương trình huấn luyện, giáo dục đảng viên, đảng viên dự bị.

Điều 22: Chế độ kiểm tra việc thi hành nghị quyết và sơ kết, tổng kết công tác.

- Đảng uỷ, chi uỷ định chương trình kiểm tra việc chấp hành nghị quyết của đảng uỷ, chi uỷ, chi bộ.

- Chi bộ sơ kết công tác ba tháng, sáu tháng, một năm; đảng uỷ cơ sở sơ kết công tác sáu tháng, tổng kết công tác hằng năm và sau một công tác quan trọng.

Điều 23: Chế độ báo cáo.

Đảng uỷ, chi uỷ cơ sở phải chấp hành chế độ báo cáo thường lệ hằng tháng, ba tháng, một năm và đột xuất với cấp uỷ cấp trên và phải định kỳ thông báo tình hình chung và báo cáo công việc đã làm cho các chi bộ. Báo cáo phải trung thực, chính xác.

Phần bốn

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24: Các đảng uỷ, chi uỷ, thủ trưởng và cơ quan quản lý ở các đơn vị cơ sở kinh tế quốc doanh và cán bộ, đảng viên trong đơn vị phải nghiên cứu quán triệt và chấp hành bản quy chế này. Đảng uỷ phải cụ thể hoá các chế độ cần thiết cho sát với đơn vị mình.

Các cấp uỷ tỉnh, thành phố và cấp uỷ cấp trên của cơ sở đảng có trách nhiệm nghiên cứu, chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện.

Ban Tổ chức Trung ương chủ trì và cùng với các ban có liên quan giúp Ban Bí thư thống nhất quản lý việc thực hiện quy chế này.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 37-TT/TW, ngày 28 tháng 9 năm 1984

Về việc tăng cường lãnh đạo công tác trọng tài kinh tế

Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã nêu rõ: phải nâng cao vai trò của trọng tài kinh tế trong quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế.

Ngày 17-4-1984, Hội đồng Bộ trưởng đã ra nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức cơ quan trọng tài kinh tế các cấp bộ, tỉnh, huyện.

Để phát huy hiệu lực của cơ quan trọng tài kinh tế các cấp trong công tác quản lý kinh tế hiện nay, Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ đảng và các ngành quản lý kinh tế thực hiện tốt những việc sau đây:

1. Trong khi quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương, cần lãnh đạo tốt việc nghiên cứu Nghị định số 62, ngày 17-4-1984 của Hội đồng Bộ trưởng trong các cấp uỷ, các cơ quan chính quyền, các tổ chức kinh tế để nắm vững nội dung công tác trọng tài kinh tế, hợp đồng kinh tế.

2. Các cấp uỷ đảng tăng cường lãnh đạo, thường xuyên kiểm tra công tác trọng tài kinh tế và hợp đồng kinh tế ở địa phương, phát huy chức năng cơ quan trọng tài kinh tế trong việc ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế. Thường trực cấp uỷ cần định kỳ nghe cơ quan trọng tài kinh tế báo cáo về công tác này.

3. Khẩn trương kiện toàn cơ quan trọng tài kinh tế theo tinh thần Nghị định số 62 của Hội đồng Bộ trưởng, bổ sung đủ cán bộ làm công tác này, trước hết là chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng trọng tài và trọng tài viên các cấp. Cần chọn những cán bộ có phẩm chất chính trị, có năng lực và kinh nghiệm quản lý kinh tế, có hiểu biết về pháp luật, đảm đương được nhiệm vụ quản lý công tác hợp đồng kinh tế và giải quyết được những vụ tranh chấp và vi phạm hợp đồng kinh tế.

Ban Nội chính Trung ương phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương có trách nhiệm theo dõi, giúp cơ quan trọng tài kinh tế Nhà nước thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Về việc nâng cao sức chiến đấu, chất lượng
lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng ở đơn vị kinh tế
quốc doanh**

Chấp hành Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, nhiều tổ chức cơ sở đảng ở các xí nghiệp và đơn vị kinh tế quốc doanh đã có những chuyển biến tiến bộ về nhiều mặt, góp phần tích cực vào việc khắc phục khó khăn trong sản xuất, kinh doanh, ổn định đời sống, thúc đẩy việc hoàn thành kế hoạch nhà nước. Số đảng bộ đạt danh hiệu "đảng bộ vững mạnh, trong sạch" ngày càng tăng.

Tuy nhiên, tiến bộ chưa đều và chưa mạnh; tỷ lệ đảng bộ vững mạnh, trong sạch còn thấp; còn nhiều đơn vị cơ sở yếu kém; ở những nơi đó chất lượng thực hiện kế hoạch thấp, kỷ luật lao động và quản lý tài sản xã hội chủ nghĩa lỏng lẻo. Tình hình trên có những nguyên nhân khách quan; song nguyên nhân chính về công tác đảng là: chức năng lãnh đạo và kiểm tra, nhất là chức năng kiểm tra, của tổ chức cơ sở đảng theo quy định của Điều lệ Đảng chưa được cụ thể hóa và được bảo đảm về tổ chức; việc xây dựng đội ngũ của Đảng

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 49-CT/TW, ngày 29 tháng 9 năm 1984

trong công nhân chưa được coi trọng, chưa gắn với xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh; việc xây dựng đội ngũ bí thư và cán bộ chuyên trách làm công tác đảng, công tác quần chúng ở nhiều cơ sở chưa được đặt đúng với vị trí và tầm quan trọng của nó. Sự chỉ đạo của cấp trên chưa được tăng cường đúng mức.

Cần khắc phục các thiếu sót chính trên đây để đạt một sự chuyển biến cơ bản trong việc kiện toàn tổ chức cơ sở đảng.

1. Thực hiện đúng chức năng lãnh đạo và kiểm tra của tổ chức cơ sở đảng

Trong điều kiện hiện nay, song song với việc tăng cường vai trò của tổ chức cơ sở đảng thật sự là hạt nhân lãnh đạo chính trị của Đảng ở cơ sở, cần thực hiện đúng quy định của *Điều lệ Đảng* về chức năng kiểm tra của tổ chức cơ sở đảng đối với hoạt động của cơ quan quản lý và của người thủ trưởng. Đây là một chức năng cơ bản của tổ chức cơ sở đảng ở đơn vị kinh tế quốc doanh, một khâu trọng yếu trong việc bảo đảm chức năng lãnh đạo kinh tế - xã hội của Đảng, bảo đảm cho đường lối, chính sách và các nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước được quán triệt, và được thực hiện một cách nghiêm chỉnh ở đơn vị cơ sở. Phải nâng cao được trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo của người thủ trưởng và cơ quan quản lý, đồng thời phát huy được trí tuệ và kinh nghiệm sáng tạo của cán bộ, đảng viên và công nhân, viên chức, ngăn chặn những việc làm trái với nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước và khắc phục kịp thời các biểu hiện tiêu cực ở cơ sở.

Vai trò lãnh đạo của các đảng uỷ, chi uỷ không phải ở chỗ quyết định thay những công việc thuộc trách nhiệm và quyền hạn của người thủ trưởng và cơ quan quản lý, mà là làm tốt chức năng lãnh đạo và kiểm tra, làm tốt công tác cán bộ, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, công tác quần chúng và xây dựng đảng bộ, nhằm hoàn thành kế hoạch nhà nước với năng suất, chất lượng, hiệu quả cao.

Cần tổ chức một đợt sinh hoạt trong các chi bộ để nghiên cứu quán triệt các điều 35, 36 của *Điều lệ Đảng* và bản quy chế làm việc của các đảng uỷ, chi uỷ ở các đơn vị kinh tế quốc doanh. Các cấp uỷ tỉnh, thành, quận, huyện, thị, các cán bộ lãnh đạo các ngành phải nghiên cứu kỹ bản quy chế. Các tỉnh uỷ, thành uỷ cần trực tiếp bồi dưỡng quy chế đó cho các bí thư và giám đốc, thư ký công đoàn và bí thư đoàn thanh niên ở các đơn vị cơ sở lớn.

2. Xây dựng đội ngũ của Đảng gắn với xây dựng giai cấp công nhân, xây dựng Công đoàn và Đoàn Thanh niên vững mạnh

Tiếp tục nâng cao chất lượng đảng viên một cách có kế hoạch và kiên quyết đưa người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi đảng theo các nghị quyết, chỉ thị đã có của Trung ương.

Xây dựng đội ngũ đảng viên trong giai cấp công nhân, trước hết là trong công nhân trực tiếp sản xuất, là một vấn đề có tính nguyên tắc thuộc về đường lối, quan điểm trong công tác xây dựng đảng, là một yêu cầu bức thiết để kiện toàn cơ sở đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ trong giai cấp công nhân và để cải thiện thành phần xã hội của Đảng. Phương hướng chính về phát triển đảng ở các đô thị, khu công nghiệp, đơn vị kinh tế quốc doanh là nhằm vào công nhân trực tiếp sản xuất.

Các tỉnh uỷ, thành uỷ cần tiến hành và chỉ đạo các quận uỷ, huyện uỷ tiến hành những đợt kiểm tra và uốn nắn việc phát triển đảng trong công nhân. Nắm vững tiêu chuẩn kết nạp đảng viên mới, bảo đảm chất lượng, chú trọng bồi dưỡng những công nhân có lập trường chính trị kiên định, vững

vàng trước khó khăn và thử thách, có khả năng đi đầu, lôi cuốn được quần chúng công nhân trong đấu tranh để tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm, thực hiện cơ chế quản lý mới, khắc phục khó khăn trong sản xuất, đời sống và đấu tranh chống tiêu cực. Chủ trọng những công nhân nhiều đời, có tay nghề khéo và công nhân nữ.

Khắc phục thiên hướng hạ thấp tiêu chuẩn đảng viên, hẹp hòi trong việc đánh giá phẩm chất của công nhân, hoặc sợ trách nhiệm, quy "liên quan chính trị" không đúng. Cần phổ biến cho mọi đảng viên trong chi bộ những trường hợp phạm tiêu chuẩn chính trị không được kết nạp vào Đảng theo Quyết định số 12-QĐ/TW của Ban Bí thư để chấp hành đúng.

Cần có kế hoạch phát triển đảng và điều chỉnh lực lượng đảng viên bảo đảm các khâu quan trọng trong dây chuyền sản xuất, các tổ đội sản xuất quan trọng đều có đảng viên, tổ đảng hoặc chi bộ (ở miền Nam mới ít đảng viên thì phân xưởng có tổ đảng rồi tiến tới có chi bộ). Khi điều chỉnh phải cân nhắc các mặt nghề nghiệp, hiệu suất công tác và thu nhập của đảng viên. Cấp trên phải hướng dẫn, kiểm tra và tổng hợp kế hoạch phát triển đảng của cơ sở để xem xét, chỉ đạo nhưng không được giao cho từng đảng bộ cơ sở chỉ tiêu cụ thể buộc phải kết nạp trong từng thời gian.

Việc tăng cường kết nạp những công nhân trực tiếp sản xuất vào Đảng phải được tiến hành trên cơ sở phát động phong trào quần chúng làm chủ tập thể ở cơ sở, tạo ra nhiều điển hình tập thể và cá nhân tiên tiến, nâng cao chất lượng tổ chức và hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, xây dựng công đoàn và giai cấp công nhân vững mạnh bằng các biện pháp đồng bộ: giáo dục, kinh tế, hành chính, tổ chức. Phải gắn liền với cuộc đấu tranh kiên quyết ngăn

ngừa, khắc phục các mặt tiêu cực, như tệ tham ô, lăng phí, hối lộ, tuồn hàng của Nhà nước ra ngoài, lập quỹ đen, lấy của công để chia nhau, v.v..

Các đảng uỷ phải xây dựng vững chắc Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm nòng cốt trong các phong trào quần chúng, tổ chức cho đảng viên giúp đỡ đoàn viên, tăng cường giáo dục lý tưởng cộng sản cho thanh niên, làm cho Đoàn thật sự là cánh tay đắc lực và đội hậu bị tin cậy của đảng bộ. Mọi đảng viên phải làm công tác vận động quần chúng.

3. Xác định đúng và nâng cao vai trò của bí thư; kiện toàn đội ngũ bí thư, đội ngũ cốt cán và cán bộ chuyên trách công tác đảng, công tác quần chúng ở cơ sở

a) Trên cơ sở kiện toàn tổ chức và phát huy vai trò lãnh đạo tập thể của cấp uỷ, cần xác định đúng vị trí và trách nhiệm của bí thư đảng uỷ cơ sở, khắc phục khuynh hướng xem nhẹ dân đến bối trí bí thư không đủ năng lực, không chăm lo bồi dưỡng, đào tạo và quản lý đội ngũ bí thư. Chức năng kiểm tra của đảng uỷ, chi uỷ đối với hoạt động của giám đốc và cơ quan quản lý đòi hỏi phải nâng cao trình độ, năng lực và chất lượng lãnh đạo của bí thư và của đảng uỷ lên ngang tầm của nhiệm vụ quản lý kinh tế trong đơn vị cơ sở trong tình hình mới. Bí thư đảng phải là người tuyệt đối trung thành với Đảng, nhất trí và kiên quyết đấu tranh để bảo vệ đường lối của Đảng, có lập trường kiên định trong đấu tranh giữa hai con đường, phải biết vận dụng tốt đường lối chính sách ấy, có kinh nghiệm về công tác đảng, công tác quần chúng, có kiến thức về quản lý kinh tế, về ngành nghề,

có hiểu biết về khoa học - kỹ thuật cần thiết. Cũng cần kiện toàn đội ngũ giám đốc gồm những cán bộ có phẩm chất chính trị tốt, có tính đảng cao, có năng lực quản lý giỏi, có hiểu biết về công tác đảng, công tác quần chúng, dám quyết đoán, không ỷ lại, nhưng biết dựa vào tổ chức đảng, tổ chức quần chúng để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Ban Tổ chức Trung ương cùng với Ban Tuyên huấn, Ban Công nghiệp, Ban Kinh tế Trung ương nghiên cứu để quy định chương trình bồi dưỡng bí thư theo hướng nói trên và phân công, phân cấp đào tạo, bồi dưỡng bí thư, hướng dẫn các cấp uỷ lập quy hoạch cán bộ dự bị đào tạo bí thư đảng uỷ trong kế hoạch 5 năm 1986 - 1990. Nguồn đào tạo bí thư hiện nay chủ yếu là trong cán bộ lãnh đạo (đảng, đoàn thanh niên, công đoàn, cơ quan quản lý) ở cơ sở; đồng thời coi trọng bồi dưỡng, đào tạo từ thấp lên cao; từ những công nhân ưu tú có triển vọng.

Từ nay đến 1985 - 1986, các bí thư đảng uỷ phải được bồi dưỡng các mặt kiến thức cần thiết, nhất là kiến thức về quản lý kinh tế, về xây dựng đảng và về công tác của người bí thư. Trước mắt, Ban Tổ chức Trung ương và Ban Tuyên huấn Trung ương bàn với các cơ quan có liên quan để mở một số lớp thí điểm bồi dưỡng bí thư đảng uỷ. Cần tiếp tục rà soát lại đội ngũ bí thư và cán bộ chủ chốt ở cơ sở để thay đổi ngay những người không đủ tiêu chuẩn theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm của Ban Chấp hành Trung ương.

b) *Xác định lại biên chế và có kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác đảng, công tác quần chúng.*

Biên chế cán bộ chuyên trách công tác đảng ở cơ sở phải căn cứ vào số lượng đảng viên, số lượng công nhân, tính chất và tầm quan trọng của từng đơn vị cơ sở để quy định; số chuyên trách công tác của công đoàn và đoàn thanh niên chủ yếu căn cứ vào số lao động của đơn vị hoặc số lượng đoàn viên và thanh niên. Cần chú trọng thích đáng đến đặc điểm

của một số đơn vị hoạt động lưu động, phân tán.

Những đơn vị có từ 50 đảng viên và 400 cán bộ, công nhân viên, hoặc có trên 30 đảng viên, nhưng có số lượng công nhân đông từ 600 trở lên thì cần bố trí bí thư đảng uỷ chuyên trách. Trường hợp đảng viên ít hơn nhưng công nhân đông, và trường hợp có vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng (theo hướng dẫn chung của Ban Tổ chức Trung ương), cấp uỷ có thể bố trí bí thư đảng uỷ chuyên trách. Bí thư đảng uỷ cơ sở không kiêm làm giám đốc và nói chung không nên kiêm phó giám đốc.

Chỉ tiêu cụ thể để xác định số cán bộ chuyên trách công tác đảng, công tác công đoàn và đoàn thanh niên do Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn dựa vào các quy định trên. Các bộ, tổng cục phải sẵn sàng cung cấp cán bộ đáp ứng yêu cầu của cấp uỷ địa phương để đào tạo cán bộ chuyên trách công tác đảng, công tác đoàn thể ở các đơn vị kinh tế trực thuộc bộ, tổng cục và phải làm trách nhiệm đã được Ban Bí thư quy định đối với tổ chức cơ sở đảng ở các đơn vị trực thuộc theo Thông tri số 13-TT/TW.

c) *Cần có chính sách, chế độ đúng với bí thư và cán bộ chuyên trách công tác đảng, công tác quần chúng ở cơ sở theo hướng sau đây:*

Trong khi chưa cải tiến cơ bản chế độ tiền lương, bí thư đảng, thư ký công đoàn, bí thư thanh niên được xếp lương cơ bản theo thang lương giám đốc (đối với bí thư), phó giám đốc (đối với thư ký công đoàn), phó giám đốc hoặc trưởng phòng (đối với bí thư thanh niên). Các trưởng ban chuyên trách (nếu có) của đảng uỷ xếp theo lương trưởng phòng. Trường hợp bố trí cán bộ chưa tương xứng thì phải có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo, điều động để bố trí lại cho đúng.

Các cán bộ chuyên trách khác hưởng theo lương cán sự, chuyên viên. Cần giữ chế độ dành giờ làm công tác đảng,

công tác đoàn thể cho cán bộ không chuyên trách và có chế độ phụ cấp đối với một số trường hợp cần thiết, theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

Giám đốc có trách nhiệm bảo đảm nơi làm việc của đảng ủy, công đoàn, đoàn thanh niên và cung cấp những phương tiện làm việc, đi lại cần thiết cho công tác đảng, đoàn thể quần chúng theo chế độ do Ban Tổ chức Trung ương thống nhất với Ban Tài chính - Quản trị Trung ương để hướng dẫn.

Căn cứ vào quy định trên đây, Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng các chế độ cụ thể, sau đó các cơ quan có trách nhiệm của Hội đồng Bộ trưởng như Bộ Tài chính, Ngân hàng ra quyết định về mặt nhà nước.

Ở những đơn vị cơ sở có tiêu chuẩn bí thư chuyên trách, nếu các đồng chí giữ chức vụ quản lý được cử làm bí thư đảng uỷ thì cơ quan quản lý có thẩm quyền cấp trên phải cử người khác thay. Khi thôi làm bí thư, nếu không bị thi hành kỷ luật từ cách chức trở lên thì vẫn giữ nguyên lương và bố trí công tác thích hợp. Các cấp uỷ cấp trên và đơn vị cơ sở phải có trách nhiệm đầy đủ bảo vệ các đồng chí bí thư và các cán bộ trung thực dám đấu tranh chống tiêu cực. Phải chống mọi biểu hiện cơ hội, bè phái, gây mất đoàn kết.

Lương và chế độ bán cung cấp của cán bộ chuyên trách công tác đảng, công tác đoàn thể do cấp uỷ quản lý cán bộ quyết định theo chính sách. Cán bộ chuyên trách công tác đảng, đoàn thể được lĩnh tiền thưởng theo chế độ do nhà nước quy định như đối với cán bộ quản lý xí nghiệp cùng đơn vị và báo cáo lên cấp uỷ cấp trên biết. Nếu đơn vị làm sai chính sách, chế độ mà đảng uỷ không kiểm tra phát hiện thì phải chịu trách nhiệm trước cấp trên và đảng bộ.

Bộ Tài chính sẽ quy định thủ tục để xí nghiệp thực hiện chế độ thưởng và một số chế độ bán cung cấp xét cần thiết như

ăn trưa, nhà ở và trang bị trong nhà (bàn ghế, giường, tủ, thuốc men...) đối với cán bộ chuyên trách công tác đảng, công tác đoàn thể trong đơn vị tính vào quỹ xí nghiệp.

4. Kiện toàn tổ chức, cải tiến sự chỉ đạo của cấp trên

Các tỉnh uỷ, thành uỷ, quận uỷ, huyện uỷ phải kiện toàn các ban có nhiệm vụ giúp cấp uỷ chỉ đạo công tác xây dựng đảng trong các xí nghiệp và đơn vị kinh tế quốc doanh, chú trọng chỉ đạo cụ thể đối với từng loại cơ sở; xí nghiệp công nghiệp, xây dựng, vận tải, thương nghiệp, vật tư, v.v. nhất là những cơ sở quan trọng về quản lý hàng hoá, vật tư. Các ban của Trung ương làm trách nhiệm đối với cơ sở theo Quy chế số 05-NQ/TW do Ban Bí thư ban hành.

Ở các liên hiệp các xí nghiệp và đơn vị kinh tế tương tự nói chung không thành lập đảng bộ toàn liên hiệp. Các tổ chức cơ sở đảng ở các xí nghiệp thuộc liên hiệp, trực thuộc cấp uỷ (tỉnh, huyện, v.v.) nơi đơn vị đóng. Trường hợp các xí nghiệp trong liên hiệp (hoặc đơn vị tương tự) về cơ bản nằm gọn trong phạm vi một thành phố hoặc ở gần nhau ở trong phạm vi một tỉnh mà có điều kiện liên hệ thuận lợi thì tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc trung ương có thể cho phép thành lập đảng uỷ liên hiệp xí nghiệp là cấp trên của các tổ chức cơ sở đảng trong liên hiệp. Đảng uỷ liên hiệp xí nghiệp thực hiện quyền kiểm tra đối với hoạt động của giám đốc, tổng giám đốc và cơ quan quản lý liên hiệp xí nghiệp (tương tự như chức năng kiểm tra của một đảng uỷ cơ sở đối với giám đốc xí nghiệp) và lãnh đạo công tác của các tổ chức đảng trực thuộc.

Cấp uỷ tỉnh, thành có thể thành lập hội đồng các bí thư cơ sở trong liên hiệp (nếu các cơ sở trực thuộc ở trong phạm vi một tỉnh) để trao đổi ý kiến về công tác lãnh đạo và kiểm tra của tổ chức cơ sở đảng, bàn biện pháp phối hợp hành động nhằm bảo đảm nhiệm vụ của liên hiệp, và trao đổi kinh nghiệm trên các mặt công tác xây dựng đảng, công tác tổ

chức, công tác quân chung. Chủ tịch hội đồng bí thư do cấp uỷ quyết định thành lập hội đồng quyết định. Nơi không lập hội đồng bí thư thì cấp uỷ có thể uỷ nhiệm cho đồng chí bí thư đảng uỷ xí nghiệp hoặc một đồng chí trong cấp uỷ triệu tập hội nghị các bí thư cơ sở toàn liên hiệp, hoặc ở từng khu vực để làm việc trên. Trường hợp liên hiệp xí nghiệp có cơ sở ở nhiều tỉnh, thì tỉnh uỷ, thành uỷ nơi cơ quan liên hiệp đóng tại đó thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương và các tỉnh uỷ nơi có các xí nghiệp đóng để quyết định việc thành lập hội đồng bí thư hoặc định chế độ hội nghị các bí thư.

Hình thức hội đồng các bí thư hoặc hội nghị các bí thư cũng có thể được áp dụng đối với các công trường ở đó có nhiều đơn vị đến phục vụ một thời gian ngắn mà tổ chức đảng không giao về đảng bộ công trường.

Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với các Ban Công nghiệp, Ban Kinh tế, Ban Tuyên huấn và Uỷ ban Kiểm tra Trung ương để có kế hoạch thi hành chỉ thị này.

Chỉ thị này được phổ biến đến các chi bộ đảng.

T/M BAN BÍ THU'

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THU**

Số 47-QĐ/TW, ngày 6 tháng 10 năm 1984

Về tổ chức đảng trong ngành đường sắt

Căn cứ vào Điều 11 của *Điều lệ Đảng* và chủ trương của Trung ương về tổ chức đảng ở liên hiệp các xí nghiệp, quy định của Hội đồng Bộ trưởng về hoạt động của ngành đường sắt theo quy chế của một liên hiệp các xí nghiệp, Xét cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, tính chất hoạt động hiện nay của các công ty vận tải đường sắt khu vực và các đơn vị cơ sở thuộc Tổng cục Đường sắt,

BAN Bí THU TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

1. Bỏ quyết định thành lập Đảng bộ Đường sắt theo ngành dọc; do đó giải thể Đảng uỷ Tổng cục Đường sắt.
2. Chuyển các đảng bộ Công ty Vận tải đường sắt khu vực 1, 2, 3, 4, 5 và các đảng bộ trực thuộc Đảng uỷ Đường sắt về thuộc đảng bộ tỉnh, thành phố nơi cơ quan các công ty và đơn vị đó đóng.

Ban Tổ chức Trung ương cùng với các cấp uỷ địa phương căn cứ vào các nguyên tắc tổ chức của Đảng, các quy định của Trung ương và tính chất hoạt động của từng công ty, từng

đơn vị cơ sở, để giải quyết các vấn đề cụ thể về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức đảng nói trên.

3. Việc bàn giao các tổ chức đảng trực thuộc Đảng uỷ Đường sắt về các đảng bộ địa phương phải được tiến hành nhanh gọn, chậm nhất đến 15-11-1984 phải xong, nhưng chu đáo, không được để ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch của ngành.

Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm cùng các cơ quan có liên quan đôn đốc, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện.

4. Đảng uỷ Tổng cục Đường sắt, các Tỉnh uỷ Hải Hưng, Nghệ Tĩnh, Quảng Nam - Đà Nẵng, Thành uỷ Hà Nội và Thành uỷ thành phố Hồ Chí Minh, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Công nghiệp Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương thi hành quyết định này.

T/M BAN Bí THU

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 49-QĐ/TW, ngày 22 tháng 10 năm 1984

Về tổ chức lễ tang khi cán bộ cao cấp từ trần

Để việc tổ chức lễ tang khi cán bộ cao cấp từ trần bảo đảm đúng chính sách cán bộ của Đảng và Nhà nước, thể hiện được tính chất trang nghiêm, giản dị, tỏ lòng thương mến đối với đồng chí đã khuất và tránh phô trương hình thức, gây lãng phí, Ban Bí thư Trung ương Đảng quy định như sau:

A- QUỐC TANG

Lễ quốc tang dành cho các đồng chí đứng đầu Đảng và Nhà nước, do Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Hội đồng Bộ trưởng đứng ra tổ chức. Lễ quốc tang gồm một số việc chính sau đây:

- Có thông cáo đặc biệt của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng, Quốc hội và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc với nội dung cần nêu rõ những nét chính về thân thế, sự nghiệp của đồng chí từ trần và lời kêu gọi...

- Thành lập uỷ ban lễ tang nhà nước gồm các đồng chí

đứng đầu Đảng và Nhà nước, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể quần chúng (danh sách uỷ ban lễ tang nhà nước do Bộ Chính trị quyết định).

- Nghi thức cả nước để tang do Hội đồng Bộ trưởng quy định và công bố.

- Chương trình lễ quốc tang do uỷ ban lễ tang nhà nước quy định và công bố.

- Linh cữu quàn tại Hội trường Ba Đình.

- Thi hài mai táng tại Nghĩa trang Mai Dịch.

- Các bản thông cáo đặc biệt, danh sách uỷ ban lễ tang nhà nước, nghi thức cả nước để tang, chương trình lễ quốc tang, tiểu sử và ảnh đồng chí từ trần đều đăng toàn bộ trên báo *Nhân dân*, *Quân đội nhân dân* và các báo khác. Đồng thời dài phát thanh và vô tuyến truyền hình đều đưa đầy đủ các tư liệu trên và tường thuật các hoạt động lễ tang trên đài.

- Chi tiết việc tổ chức lễ quốc tang do uỷ ban lễ tang nhà nước quy định cụ thể.

B- LỄ TANG NHÀ NƯỚC

Lễ tang nhà nước dành cho các đồng chí đang giữ các chức vụ: Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, các đồng chí trong Ban Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc, do Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Hội đồng Bộ trưởng đứng ra tổ chức. Lễ tang nhà nước gồm một

số việc chính sau đây:

1. Có thông cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng, Quốc hội và Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc. Tuỳ từng đồng chí mà đặt thông cáo dưới danh nghĩa của tất cả các tổ chức trên hoặc một số tổ chức cho phù hợp. Trong thông cáo sẽ tùy trường hợp cụ thể mà nói tóm tắt thân thế, sự nghiệp của đồng chí từ trần.

2. Thành lập ban lễ tang nhà nước gồm các đồng chí đại diện Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Hội đồng Bộ trưởng, Hội đồng Nhà nước, Quốc hội và Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc. Danh sách ban lễ tang do Ban Bí thư quyết định.

3. Linh cữu quàn tại Hội trường Ba Đình.

4. Thi hài mai táng tại Nghĩa trang Mai Dịch.

5. Các bản thông cáo, danh sách ban lễ tang nhà nước, chương trình lễ tang, tiểu sử và ảnh của đồng chí từ trần đều đăng trên trang nhất báo *Nhân dân*, *Quân đội nhân dân* và đưa tin trên đài phát thanh và vô tuyến truyền hình. Các hoạt động chính của lễ tang được đăng và tường thuật trên báo, đài.

6. Chi tiết việc tổ chức lễ tang do ban lễ tang nhà nước quy định.

C- LỄ TANG ĐỐI VỚI CÁN BỘ CAO CẤP TỪ TRẦN

Lễ tang đối với cán bộ cao cấp từ trần dành cho các đồng chí đang giữ các chức vụ sau đây: uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, trưởng ban của Trung ương Đảng, bộ trưởng và chủ nhiệm các uỷ ban ngang bộ, trung tướng đến

đại tướng trong lực lượng vũ trang, bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ và đặc khu uỷ trực thuộc Trung ương, chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, người đứng đầu các tổ chức quần chúng như Công đoàn, Thanh niên, Phụ nữ.

Việc tổ chức lễ tang do đồng chí phụ trách cơ quan hoặc cấp uỷ địa phương nơi cán bộ đang công tác chịu trách nhiệm tiến hành, gồm một số việc chính sau đây:

1. Về đưa tin buồn: Nếu đồng chí từ trần công tác chính ở bộ, ban, ngành trung ương hoặc ở cấp uỷ, chính quyền địa phương nào thì bộ, ban, ngành trung ương hoặc cấp uỷ, chính quyền địa phương đó đứng ra đưa tin buồn cùng với danh nghĩa của các tổ chức mà đồng chí đó tham gia. Trường hợp đồng chí từ trần là Uỷ viên Trung ương Đảng thì việc đưa tin buồn trước hết lấy danh nghĩa của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, rồi tiếp đến danh nghĩa các tổ chức khác mà đồng chí đó tham gia.

2. Ban lễ tang gồm các cán bộ lãnh đạo của cơ quan hoặc cấp uỷ địa phương.

3. Nơi quàn thi hài đồng chí từ trần nếu ở Hà Nội thì quàn tại hội trường cơ quan, nếu ở địa phương thì quàn tại hội trường của tỉnh, thành phố.

4. Báo *Nhân dân* đăng trên trang nhất tin buồn có kèm theo tiểu sử tóm tắt và ảnh. Báo địa phương hoặc báo của ngành có thể đăng toàn bộ nội dung và chương trình hoạt động lễ tang.

Đối với các đồng chí thứ trưởng, phó ban và các chức vụ tương đương khi từ trần, việc tổ chức lễ tang do cơ quan đồng

chí đang công tác chịu trách nhiệm. Báo *Nhân dân* đăng tin buồn trên trang nhất (không đăng ảnh và tiêu sử).

5. Nơi mai táng: những đồng chí đã kinh qua hoặc đương giữ những chức vụ sau đây, nếu từ trần ở Hà Nội thì mai táng tại Nghĩa trang Mai Dịch:

- Các đồng chí uỷ viên Trung ương Đảng, bộ trưởng, trưởng ban, chủ nhiệm uỷ ban ngang bộ, trung tướng đến đại tướng trong lực lượng vũ trang.

- Các đồng chí thứ trưởng, phó ban, tổng cục trưởng (kể cả đương chức và về hưu) đã từng giữ các chức vụ xứ uỷ viên, bí thư tỉnh uỷ trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

- Cán bộ tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1935 trở về trước, đã từng giữ các chức vụ khu uỷ viên, bí thư tỉnh uỷ, thiếu tướng lực lượng vũ trang, trong thời gian kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và hoạt động liên tục cho đến khi về hưu, không phạm sai lầm nghiêm trọng.

- Một số nhà khoa học, nhân sĩ, văn nghệ sĩ và anh hùng có nhiều cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đã được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh.

Những đồng chí thuộc các đối tượng trên nếu từ trần ở các địa phương ngoài Hà Nội thì thi hài mai táng tại nghĩa trang liệt sĩ của tỉnh hoặc thành phố.

Những cán bộ không thuộc bốn đối tượng trên nếu từ trần ở Hà Nội thì mai táng tại khu cán bộ của nghĩa trang Văn Điện, còn ở các tỉnh thì mai táng tại nghĩa trang của địa phương do địa phương định.

D- ĐẠI BIỂU ĐẾN VIẾNG VÀ NGƯỜI ĐỌC LỜI ĐIẾU

Việc quy định các đoàn đại biểu của các ngành trung ương, các địa phương, đơn vị đến viếng cũng như người đọc lời điếu trong lễ quốc tang và lễ tang nhà nước, do uỷ ban lễ tang nhà nước hoặc ban lễ tang nhà nước quy định cụ thể. Đối với lễ tang của cán bộ cao cấp từ trần thực hiện như sau:

- Nếu người từ trần là thủ trưởng của bộ, ban, ngành trung ương thì các cơ quan cùng cấp nếu ở gần nên cử đại biểu đến viếng, cùng vòng hoa mang danh nghĩa của cơ quan mình. Trường hợp Ban Chấp hành Trung ương Đảng cần đến viếng thì có vòng hoa của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và có đồng chí trong Ban Bí thư thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng đến viếng. Ngoài vòng hoa và đại diện của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, có thể có một số đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước đến viếng với tư cách cá nhân.

- Người đọc lời điếu trong lễ tang của cán bộ cao cấp từ trần do thủ trưởng cơ quan, đơn vị đồng chí từ trần đọc, trường hợp đồng chí từ trần là thủ trưởng cơ quan, đơn vị thì đồng chí được uỷ quyền thay đồng chí đã mất đọc, hoặc do đồng chí phụ trách cấp trên trực tiếp đọc. Nếu đồng chí từ trần là uỷ viên Trung ương Đảng phụ trách một địa phương, hoặc đơn vị ở xa trung ương, thì xét cần thiết, Ban Bí thư sẽ cử một đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương Đảng đến dự lễ tang và đọc lời điếu.

E- MỘT SỐ ĐIỂM CẦN CHÚ Ý KHI THỰC HIỆN QUY ĐỊNH NÀY

- Đối với các cán bộ đã kinh qua các chức vụ trên khi từ

trần, thì căn cứ vào thành tích cống hiến của từng đồng chí
để quyết định tổ chức lễ tang.

- Đối với cán bộ cao cấp hiện đang công tác trong lực lượng
vũ trang, dựa theo quy định này để tổ chức lễ tang cho phù
hợp.

Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng có trách nhiệm thể chế hoá
về mặt nhà nước việc tổ chức lễ tang khi cán bộ cao cấp từ
trần. Ban Tổ chức Trung ương giúp Ban Bí thư hướng dẫn cụ
thể việc thực hiện quy định này.

T/M BAN BÍ THU'

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THU'**

Số 50-CT/TW, ngày 22 tháng 10 năm 1984

**Về việc kiện toàn và nâng cao chất lượng
các đơn vị quốc doanh sản xuất và dịch vụ -
kỹ thuật trong mặt trận nông nghiệp**

I

Kinh tế quốc doanh trong nông, lâm, ngư nghiệp bao gồm *hệ thống quốc doanh sản xuất* (nông trường, lâm trường, quốc doanh đánh cá, liên hiệp sản xuất, chế biến...) và *hệ thống quốc doanh dịch vụ - kỹ thuật* (công ty, trạm trại, trung tâm làm chุc năng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học - kỹ thuật cũng như phục vụ sản xuất) đến nay đã có cơ sở vật chất - kỹ thuật tương đối lớn và hiện đại, có đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật và cán bộ quản lý đông đảo, tích luỹ được nhiều kinh nghiệm quý báu; đã có những đóng góp quan trọng trong sản xuất, nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất.

Ba năm qua, cùng với những thắng lợi chung của mặt trận nông nghiệp, các đơn vị quốc doanh sản xuất và dịch vụ - kỹ thuật đã có những chuyển biến bước đầu: sản lượng một số cây, con chủ yếu đạt và vượt kế hoạch; số đơn vị làm ăn thua lỗ giảm dần, các đơn vị làm ăn có hiệu quả với những hình thức và cách làm mới ngày càng nhiều, nhất là một số quốc doanh thuỷ sản, một số đơn vị quốc doanh sản xuất và dịch vụ - kỹ thuật bước đầu đã tìm ra cơ chế hoạt động gắn được trách nhiệm, quyền hạn và lợi ích kinh tế với kết quả sản xuất của các hợp tác xã và kinh tế gia đình, tạo ra được bước chuyển biến nhanh cả cho kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể và kinh tế gia đình.

Tuy nhiên, nhiều đơn vị *quốc doanh sản xuất* trong mặt trận nông nghiệp còn có những yếu kém như: kết quả sản xuất kinh doanh chưa tương xứng với năng lực sản xuất đã được trang bị. Năng suất các loại cây, con và năng suất lao động còn thấp. Sức lao động của công nhân và gia đình họ chưa được sử dụng tốt. Đất đai, mặt nước, các cơ sở vật chất - kỹ thuật còn lãng phí lớn. Vốn đầu tư được thu hồi chậm trong khi vốn rừng, vườn cây, đàn gia súc, máy móc, thiết bị và tài sản cố định khác bị suy giảm, có nơi ở mức nghiêm trọng. Các nông, lâm trường và xí nghiệp sản xuất chưa có được một nguồn vốn tự có thỏa đáng. Nhiều công trình hợp tác với nước ngoài đạt hiệu quả thấp. *Hệ thống quốc doanh dịch vụ* còn mang nặng tính chất hành chính, bao cấp. Hoạt động khoa học - kỹ thuật phục vụ cơ sở sản xuất còn chắp vá, phân tán, chồng chéo, thiếu phân công hợp tác, thiếu tác động một cách đồng bộ để đưa nhanh tiến bộ khoa học - kỹ

thuật vào sản xuất; chưa liên kết chặt với kinh tế tập thể và kinh tế gia đình; chưa gắn được kết quả hoạt động dịch vụ - kỹ thuật với sản xuất, kinh doanh của các cơ sở sản xuất tới sản phẩm cuối cùng.

Nhìn chung, các đơn vị quốc doanh thuộc cả hai hệ thống có tiềm năng lớn nhưng chuyển biến còn chậm, chưa đều và chưa cơ bản, *chưa đóng được vai trò chủ đạo* đối với kinh tế tập thể, kinh tế gia đình. Việc củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của khu vực quốc doanh có ý nghĩa to lớn và cấp bách đối với toàn bộ mặt trận nông nghiệp.

II

Để chấp hành các nghị quyết Trung ương về "Kiện toàn và nâng cao chất lượng các nông trường, lâm trường, các quốc doanh đánh cá" cũng như "các cơ sở quốc doanh dịch vụ - kỹ thuật phục vụ nông lâm ngư nghiệp", thực sự tạo chuyển biến mạnh mẽ cho các đơn vị quốc doanh trong mặt trận nông nghiệp, Ban Bí thư yêu cầu các ngành, các cấp quan triệt và làm tốt một số nội dung chủ yếu sau đây:

1. Kinh tế quốc doanh có vai trò và vị trí trọng yếu trong quá trình đưa nông nghiệp tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Các đơn vị quốc doanh là một hệ thống cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đối với nông thôn, nông nghiệp. *Lực lượng quốc doanh trong mặt trận nông nghiệp, nhất là hệ thống quốc doanh dịch vụ - kỹ thuật đã được xây dựng trên địa bàn huyện, có vị trí hết sức quan trọng trong quá trình cải tạo và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, hoàn thiện "khoán sản phẩm", củng cố các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất cũng như phát triển mạnh và đúng hướng kinh tế gia đình.*

Phương hướng, mục tiêu chung của việc kiện toàn và nâng cao chất lượng của các đơn vị quốc doanh sản xuất và quốc doanh dịch vụ - kỹ thuật là *nhanh chóng nâng cao năng*

suất, chất lượng, hiệu quả, làm cho quốc doanh trở thành lực lượng giữ vai trò chủ đạo trong mặt trận nông nghiệp. Sắp xếp lại một bước cơ cấu sản xuất, kinh doanh; áp dụng rộng rãi các hình thức liên doanh, liên kết với kinh tế tập thể và kinh tế gia đình; nhanh chóng đổi mới cơ chế quản lý, xoá bỏ quan liêu, bao cấp, chuyển mạnh sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa, gắn chặt cơ quan nghiên cứu khoa học và dịch vụ - kỹ thuật với cơ sở; quan tâm thoả đáng đến lợi ích người lao động và đơn vị cơ sở kết hợp với tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, tạo ra một khí thế lao động mới trong toàn bộ cán bộ, công nhân.

2. Những nội dung và biện pháp lớn để kiện toàn và nâng cao chất lượng hệ thống các đơn vị quốc doanh sản xuất

a) Trên cơ sở xác định đúng đắn *nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh chủ yếu*, cần chú trọng tổ chức sản xuất theo hướng tổng hợp. Các lâm trường quốc doanh, theo điều kiện và khả năng cụ thể, cần kết hợp sản xuất nông - ngư nghiệp, ngược lại các nông trường phải có kế hoạch kinh doanh rừng và nuôi cá. Các quốc doanh ngư nghiệp tuỳ theo điều kiện cụ thể từng nơi, có thể được giao thêm một số diện tích để tận dụng lao động và vật tư tại chỗ tiến hành sản xuất, tự giải quyết một phần nhu cầu bức thiết về gỗ, cùi, rau quả và chăn nuôi. Các ngành chủ quản, các địa phương và nông, lâm trường, xí nghiệp đánh cá cần có kế hoạch cụ thể để sử dụng có hiệu quả mọi loại đất đai, mặt nước và cơ sở vật chất - kỹ thuật khác. Những diện tích đất đai, mặt nước mà các đơn vị quốc doanh không có khả năng sản xuất, kinh doanh có hiệu quả cần giao lại cho các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất. Những diện tích nằm trong quy hoạch trồng cây dài ngày nhưng chưa trồng ngay cần tổ chức tốt việc trồng cây ngắn ngày hoặc cho hợp tác xã, tập đoàn sản xuất mượn để trồng cây ngắn ngày. *Không được để hoang hoá đất đai có khả năng canh tác dưới mọi hình thức*. Cần kiểm kê và có *biện pháp xử lý, điều chỉnh* ngay những trang thiết bị, máy móc thừa, "chờ thanh lý" hoặc

đang được sử dụng một cách lãng phí, kém hiệu quả cho những đơn vị cơ sở có nhu cầu hợp lý hơn.

Các nông trường, lâm trường và quốc doanh đánh cá cần tổ chức tốt các hoạt động dịch vụ - kỹ thuật; đẩy mạnh liên doanh, liên kết với kinh tế tập thể và kinh tế gia đình nhằm vừa mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh của các đơn vị quốc doanh một cách có hiệu quả, vừa thúc đẩy sản xuất của kinh tế tập thể, kinh tế gia đình phát triển, vừa góp phần xây dựng các vùng sản xuất nông, lâm sản hàng hoá tương đối lớn với hiệu quả cao và ổn định.

Đẩy mạnh cách mạng khoa học - kỹ thuật lên một bước mới, trong đó hết sức quan tâm đến *các biện pháp sinh học*. Các đơn vị quốc doanh phải tạo ra được những mô hình canh tác tiến bộ, hiệu quả cao. Phải lợi dụng tốt các điều kiện môi trường, sinh thái để tổ chức sản xuất một cách có lợi nhất.

Những đơn vị quốc doanh có quy mô quá lớn, nhiệm vụ sản xuất quá phức tạp, sản xuất, kinh doanh gấp nhiều khăn, hiệu quả kém cần được điều chỉnh lại về quy mô hoặc phương hướng, nhiệm vụ cho hợp lý hơn. Kiên quyết giải thể những đơn vị quốc doanh không có khả năng bảo đảm sản xuất có hiệu quả, thua lỗ kéo dài; chuyển diện tích đất đai, mặt nước của những cơ sở ấy cho hợp tác xã hoặc tập đoàn sản xuất quản lý.

b) Nhanh chóng đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, chuyển mạnh các đơn vị quốc doanh sản xuất trong mặt trận nông nghiệp sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Về công tác kế hoạch: Vận dụng nguyên tắc "bảo đảm quyền lãnh đạo tập trung, thống nhất của trung ương, đồng thời mở rộng quyền chủ động của các ngành, các địa phương và cơ sở, đặc biệt là trong sản xuất, kinh doanh".

Dựa vào phương hướng sản xuất đã được duyệt, và khối lượng đầu tư của Nhà nước hằng năm và 5 năm, hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh phải được đổi mới theo hướng gọn và phù hợp

với đặc điểm của các đơn vị quốc doanh nông, lâm, ngư nghiệp. Các bộ chủ quản trình Hội đồng Bộ trưởng quy định cụ thể danh mục sản phẩm và số lượng các chỉ tiêu pháp lệnh cho các cơ sở sản xuất cũng như cho các cơ quan cung ứng vật tư. Đối với những sản phẩm thuộc diện chỉ tiêu pháp lệnh, các đơn vị cơ sở có trách nhiệm thực hiện đầy đủ. Các cơ sở quốc doanh được quyền quyết định kế hoạch sản xuất - kỹ thuật - tài chính của đơn vị mình. Khuyến khích các đơn vị quốc doanh tận dụng đất đai, mặt nước, các phụ phẩm, phế phẩm, cũng như nguồn lao động tại chỗ, mở rộng liên doanh, liên kết nhằm phát triển sản xuất, nâng cao đời sống cho cán bộ, công nhân, tăng thêm của cải cho xã hội. *Khối lượng sản phẩm này thuộc quyền quản lý, sử dụng của các đơn vị sản xuất, và theo đúng các chính sách của Nhà nước.*

Tăng cường công tác hạch toán kinh tế, chuyển nhanh các đơn vị quốc doanh sản xuất sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Các đơn vị sản xuất quốc doanh phải vừa làm tròn nghĩa vụ đóng góp để tăng nguồn tích luỹ tập trung của Nhà nước, vừa tích cực tăng nhanh nguồn vốn tự có của mình để bảo đảm không ngừng tái sản xuất mở rộng. Khẩn trương cai tiến chế độ thu quốc doanh đối với các đơn vị nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng khuyến khích phát triển sản xuất, tăng cường hơn nữa khả năng tích luỹ vốn cho cơ sở. Khuyến khích các đơn vị tăng cường khai thác, sử dụng các nguồn vốn vào mục đích phát triển sản xuất, kể cả vay ngân hàng, vay vốn của tập thể và vốn nhàn rỗi của cán bộ, công nhân. Cần cắt bỏ mọi khoản bù lỗ, "chi ngoài giá thành", trong thời gian ngắn nhất (những trường hợp đặc biệt do Hội đồng Bộ trưởng quy định riêng).

Các đơn vị quốc doanh cơ sở *được quyền quyết định số lượng và chất lượng lao động* của đơn vị mình một cách hợp lý, áp dụng các hình thức tổ chức, sử dụng lao động linh hoạt, có hiệu quả, như gia công giao khoán một số sản phẩm, công đoạn, diện tích đất đai và mặt nước cho gia đình cán bộ, công nhân, cho xã viên hợp tác xã theo hợp đồng; *được quyền thuê*

lao động thời vụ lúc yêu cầu sản xuất khẩn trương. Cần ưu tiên tuyển chọn và bố trí công việc làm cho con em cán bộ, công nhân cũng như số thanh niên đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự vào các nông, lâm trường, xí nghiệp.

Hoàn thiện một bước hệ thống các định mức kinh tế - kỹ thuật, xác định hợp lý và ổn định trong từng thời gian nhất định năng suất, sản lượng các loại cây, con cũng như số lượng, chất lượng các loại công việc một cách cụ thể, *áp dụng rộng rãi cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động* kể cả đối với cây trồng, con nuôi có chu kỳ kinh tế dài. Thực hiện khoán đồng bộ cả chi phí sản phẩm, dụng cụ nhỏ, bảo hộ lao động và có chế độ thưởng tiết kiệm thoả đáng cho người lao động. *Những sản phẩm không thuộc chỉ tiêu pháp lệnh*, người lao động nhận khoán có thể được hưởng hoặc phải bù 100% sản phẩm vượt hoặc hụt mức khoán. Những sản phẩm vượt khoán thuộc diện *thống nhất quản lý của Nhà nước*, Nhà nước mua với giá cả thoả đáng nhằm bảo đảm cho người và đơn vị nhận khoán có lợi ích kinh tế bằng hoặc cao hơn nhận khoán cây, con không thuộc chỉ tiêu pháp lệnh.

Việc sử dụng sản phẩm để liên kết kinh tế, tự cân đối phần vật tư sản xuất không được Nhà nước cung ứng phải được thể hiện vào kế hoạch và được cơ quan chủ quản thông qua.

Khuyến khích và tạo điều kiện để các cơ sở quốc doanh sản xuất *trực tiếp tham gia xuất khẩu* ngoài chỉ tiêu pháp lệnh giao nộp. Cho phép và tạo điều kiện để các đơn vị quốc doanh, dưới sự quản lý và kiểm soát của chính quyền địa phương, và chấp hành chính sách thuế như mậu dịch quốc doanh, được tổ chức các quầy hàng bán các loại sản phẩm tươi sống thuộc phần kế hoạch tự làm tại các thị trấn, thị xã, thành phố phục vụ cho nhu cầu của nhân dân.

c) *Tổ chức chỉ đạo phát triển mạnh mẽ kinh tế gia đình cán bộ, công nhân.* Các nông, lâm trường, xí nghiệp cần giúp đỡ

cán bộ, công nhân phát triển kinh tế gia đình theo tinh thần Chỉ thị 35-CT/TW của Ban Bí thư. Cần có kế hoạch cụ thể chăm lo đời sống mọi mặt cho cán bộ, công nhân, nhất là đối với các đơn vị cơ sở ở những vùng xa xôi.

3. Đối với các đơn vị quốc doanh dịch vụ - kỹ thuật

Các đơn vị quốc doanh dịch vụ - kỹ thuật như công ty, trạm, trại cần đổi mới hoạt động theo phương hướng và nội dung cơ bản trên đây, nhưng căn cứ vào đặc điểm cụ thể của mỗi loại dịch vụ - kỹ thuật mà vận dụng cho thích hợp:

a) Khẩn trương kiện toàn các tổ chức quốc doanh dịch vụ từ trung ương đến cơ sở theo nguyên tắc xây dựng hệ thống chuyên ngành mạnh và thông suốt, gắn ngành với địa phương thành một hệ thống thống nhất. Kiên quyết xoá bỏ các khâu trung gian không cần thiết. Tiến hành phân công, phân cấp một cách cụ thể, phù hợp với đặc điểm từng ngành, *trước hết cần tập trung kiện toàn và nâng cao chất lượng các cơ sở quốc doanh dịch vụ - kỹ thuật trên địa bàn huyện*.

Tuỳ theo quy mô sản xuất, đặc điểm kinh tế - kỹ thuật và trình độ quản lý ở từng huyện mà kiện toàn tổ chức các quốc doanh dịch vụ cho thích hợp. Riêng về các trạm, trại dịch vụ - kỹ thuật, ngành nông nghiệp có thể hình thành ở các huyện hai trung tâm chính là: *trung tâm dịch vụ cây trồng* bao gồm trạm giống cây, cung ứng phân hoá, bảo vệ thực vật, có sự liên kết với công ty hoặc trạm thuỷ nông, trạm máy kéo; *trung tâm dịch vụ chăn nuôi* gồm các trại giống con, trạm thụ tinh nhân tạo, cơ sở chế biến cung ứng thức ăn gia súc, trạm thú y. Các trung tâm này chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch hoạt động của các cơ sở dịch vụ thành một kế hoạch thống nhất để liên kết với các cơ sở sản xuất. Cần bố trí cán bộ đồng bộ đến từng cụm kinh tế - kỹ thuật huyện, cũng như các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất trọng điểm, gắn với các *kỹ thuật viên cơ sở* thành một mạng lưới thống nhất trên từng địa bàn cụ thể, có chương trình hoạt động, trách nhiệm và lợi ích chung.

b) Áp dụng rộng rãi các *hình thức phân công và liên kết*

kinh tế - kỹ thuật giữa quốc doanh, tập thể và kinh tế gia đình nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp cùng phát triển sản xuất theo hướng "Nhà nước và nhân dân cùng làm", "Trung ương và địa phương cùng làm"; thông qua đó mà thực hiện vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh. Quốc doanh dịch vụ - kỹ thuật cần phấn đấu tác động có hiệu quả cao đối với những khâu then chốt, những công đoạn chủ yếu trong quy trình sản xuất.

Các đơn vị quốc doanh dịch vụ - kỹ thuật trên địa bàn huyện cần cụ thể hoá nội dung và kế hoạch hoạt động hằng năm của mình thành những hợp đồng kinh tế - kỹ thuật cụ thể với các hợp tác xã, các tập đoàn sản xuất, các hộ gia đình xã viên. Trên cơ sở thoả thuận của hai bên theo hợp đồng và kết quả thực tế của sản xuất, cho phép các tổ chức dịch vụ - kỹ thuật thu một tỷ lệ nhất định khối lượng sản phẩm tăng theo thoả thuận trong hợp đồng. Hạn chế, đi đến thay đổi kiểu thu "phí" chỉ căn cứ vào khối lượng công việc thực hiện riêng của các trạm, trại quốc doanh. Đồng thời, thông qua hợp đồng, các trạm, trại kỹ thuật phải chịu trách nhiệm vật chất về những tổn thất do hoạt động không tốt của các trạm, trại, công ty gây ra cho cơ sở sản xuất.

Khuyến khích các đơn vị quốc doanh dịch vụ liên kết với các viện, trường để thu hút lực lượng khoa học - kỹ thuật và phương tiện vật chất vào phục vụ sản xuất theo một kế hoạch chung và liên kết với các cơ sở sản xuất, xuất khẩu nông, lâm, thuỷ sản để tự trang trải một phần những khó khăn về phụ tùng, vật tư nhập khẩu. Nhanh chóng khắc phục mọi sự tách rời, mâu thuẫn giữa các chuyên ngành

dịch vụ - kỹ thuật, giữa kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể và kinh tế gia đình; giữa quốc doanh trung ương và quốc doanh địa phương.

c) Các đơn vị quốc doanh dịch vụ - kỹ thuật cần tích cực tạo điều kiện để chuyển từ chế độ "lấy thu bù chi" sang *hạch toán kinh tế*; hình thành từng bước nguồn vốn tự có của từng trạm, trại và trong toàn ngành, tạo cơ sở không ngừng mở rộng quy mô kinh doanh - phục vụ.

Cân chống kiểu kinh doanh đơn thuần, cửa quyền đối với cơ sở sản xuất; đồng thời khắc phục tư tưởng trông chờ ỷ lại vào vốn sự nghiệp - khoa học theo kiểu bao cấp, không tính đến hiệu quả của kinh tế. Nâng cao trách nhiệm và lợi ích vật chất của cá nhân cũng như các trạm, trại, công ty đối với kết quả sản xuất. Khuyến khích thoả đáng các cán bộ kỹ thuật đóng góp có hiệu quả vào sản xuất, chế biến nông, lâm, hải sản.

Căn cứ vào các chủ trương, phương hướng trên đây, các ngành tổng hợp như Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước, tài chính, ngân hàng, vật giá, lao động cùng với các ngành sản xuất thuộc khối nông nghiệp khẩn trương xây dựng những chính sách cụ thể để bảo đảm thi hành tốt chỉ thị này.

Bộ Nông nghiệp, Bộ Lâm nghiệp, Bộ Thuỷ lợi, Bộ Thuỷ sản, Tổng cục Cao su cùng các ngành liên quan tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, cán bộ nghiệp vụ cho các cơ sở quốc doanh sản xuất và quốc doanh dịch vụ - kỹ thuật.

Ban Nông nghiệp Trung ương, các ngành trong khối nông nghiệp cùng với Ban Tuyên huấn Trung ương có kế

hoạch

tuyên truyền, giáo dục, phát động một phong trào cách mạng, phấn đấu làm chuyển biến mạnh mẽ toàn bộ khu vực quốc doanh nông, lâm, ngư nghiệp và thuỷ lợi, kể cả quốc doanh trung ương và quốc doanh thuộc các địa phương.

T/M BAN Bí THƯ
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 51-CT/TW, ngày 25 tháng 10 năm 1984

**Về việc tăng cường lãnh đạo cuộc vận động
thực hiện nếp sống mới, bài trừ hủ tục, mê tín,
dị đoan, xoá bỏ tệ nạn xã hội, quét sạch văn hoá
phản động, đổi trùy**

Cuộc vận động xây dựng nếp sống mới mấy năm qua đã được phát triển trong cả nước. Nhiều tỉnh và thành phố đã có những việc làm thiết thực để đẩy mạnh cuộc vận động; bước đầu hình thành một số nghi thức mới trong đám cưới, đám ma, cải tạo phong tục, tập quán cũ, xây dựng phong tục, tập quán mới, xây dựng gia đình văn hoá mới.

Nhưng đến nay, cuộc vận động xây dựng nếp sống mới chưa được đều khắp, đồng bộ, đạt kết quả còn thấp. Các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể ở nhiều nơi chưa lãnh đạo chặt chẽ và chưa thực sự chăm lo tổ chức nếp sống mới, xây dựng phong tục, tập quán mới, thiếu cảnh giác đối với những thủ đoạn phá hoại của địch trên mặt trận tư tưởng, văn hoá, xã

hội, chưa có sự phối hợp giữa các ngành và các địa phương để làm tốt công tác này ở cơ sở.

Nếp sống cũ, phong tục, tập quán cũ vẫn còn phổ biến; văn hoá phản động, đồi truy chưa bị quét sạch; gần đây các hủ tục, mê tín, dị đoan và các tệ nạn xã hội khác lại đang phát triển ở một số địa phương.

Xây dựng nếp sống mới, bài trừ hủ tục, mê tín, dị đoan, là một bộ phận quan trọng của cách mạng tư tưởng và văn hoá nhằm xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, con người làm chủ xã hội, có nếp sống lành mạnh, tiến bộ, văn minh. Cuộc vận động xây dựng nếp sống mới gắn với cuộc đấu tranh chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch. Sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng đối với công tác này phải được tăng cường, từ các cơ quan ở trung ương đến các đơn vị cơ sở, xã, phường và quận, huyện.

Trước mắt, các cấp, các ngành, các đoàn thể cần thực hiện những biện pháp cụ thể tập trung vào một số việc cấp bách sau đây:

1. Xây dựng và phổ biến nhanh một số mô hình thích hợp về nếp sống mới trong lễ cưới, lễ tang, ngày giỗ, ngày kỷ niệm.

Kiên quyết bài trừ hủ tục, mê tín, dị đoan.

2. Xây dựng nếp sống trật tự, văn minh.

Chống các tệ nạn xã hội: ăn cắp, cờ bạc, nấu rượu lậu và thuốc phiện, đĩ điểm.

3. Xoá bỏ tàn dư các loại văn hoá thực dân mới đồi truy, phản động.

Những việc nói trên cần được chỉ đạo tiến hành rộng khắp ở các địa phương, trước hết ở những thành phố lớn.

Những biện pháp cần phải thực hiện là:

1. Phát động phong trào quần chúng rộng rãi, nâng cao vai trò làm chủ tập thể của nhân dân trong việc xây dựng nếp sống mới. Cuộc vận động này phải được đẩy mạnh từ các đơn vị cơ

sở, phường và xã, lôi cuốn mọi người, mọi lực lượng tham gia dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, các chi bộ đảng và sự quản lý chặt chẽ của các cấp chính quyền.

2. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng ở các cấp đối với công tác này.

- Các cấp uỷ đảng có chương trình công tác trong từng thời gian nhằm đạt được những yêu cầu cụ thể của cuộc vận động này, gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương, của đơn vị.

- Mỗi cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh phải nêu gương chấp hành các quy định của Đảng và Nhà nước, nêu gương về nếp sống mới, chống mê tín, dị đoan, bài trừ hủ tục, coi đây là một tiêu chuẩn cụ thể của đảng viên, đoàn viên. Nghiêm khắc phê bình và thi hành kỷ luật của Đảng, của Đoàn đối với những đảng viên, đoàn viên sai phạm trong vấn đề này.

- Thực hiện các biện pháp giáo dục trong đảng và quần chúng đồng thời với việc thi hành nghiêm ngặt pháp luật của Nhà nước. Xử lý kịp thời các vụ vi phạm pháp luật.

3. Các cơ quan thông tin, tuyên truyền, báo chí, văn hoá, nghệ thuật có nhiệm vụ thường xuyên giới thiệu những điển hình tiên tiến, những mô hình về nếp sống mới, tập quán mới, gây thành dư luận xã hội, ủng hộ và làm theo cái mới văn minh, tiến bộ, phê phán, chống lại những cái lạc hậu, những nọc độc văn hoá thực dân mới, những tàn dư văn hoá phong kiến.

4. Ngành văn hoá có vai trò quan trọng hàng đầu trong

cuộc vận động xây dựng nếp sống mới, cần xây dựng và giới thiệu những mô hình về nếp sống xã hội, nếp sống gia đình, nếp sống cá nhân; hướng dẫn những nghi thức mới trong việc cưới, việc tang, ngày giỗ, ngày hội, kiến nghị với Nhà nước bổ sung luật lệ về xây dựng nếp sống mới.

Ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương có trách nhiệm giúp Ban Bí thư theo dõi, kiểm tra việc thi hành chỉ thị này.
Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ đảng.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG TRI
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 38-TT/TW, ngày 25 tháng 10 năm 1984

**Về việc khen thưởng Huân chương Sao Vàng,
Huân chương Hồ Chí Minh và Huân chương
Độc lập**

Hiện nay, trong đội ngũ cán bộ của Đảng, nhiều đồng chí đã có quá trình hoạt động cách mạng lâu năm, có nhiều thành tích trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Theo quyết định của Bộ Chính trị, Đảng và Nhà nước ta sẽ xét tặng thưởng huân chương cao (Huân chương Sao Vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập) cho các đồng chí có thành tích xứng đáng.

Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy đảng, các ngành tiến hành nghiên cứu để đề nghị tặng thưởng huân chương cao cho cán bộ. Trước hết là xét khen thưởng cho những cán bộ đã tham gia hoạt động cách mạng trước tháng 8-1945 và những cán bộ hoạt động liên tục ở chiến trường miền Nam mà hiện nay tuổi cao, đã về hưu hoặc sắp đến tuổi về hưu.

Tiêu chuẩn để xét tặng thưởng huân chương cao là phải căn cứ vào thành tích cống hiến, thời gian tham gia hoạt động cách mạng và những chức vụ đã kinh qua của mỗi cán bộ (có bản tiêu chuẩn kèm theo).

Đối với cán bộ công tác ở các cơ quan trung ương (kể cả cán bộ đã về hưu), tập thể trưởng, phó ban, hội đồng bộ và tổng cục chịu trách nhiệm xem xét và đề nghị; đối với cán bộ công tác ở địa phương, kể cả cán bộ đã về hưu, thì ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ và đặc khu uỷ chịu trách nhiệm xem xét và đề nghị. Đối với các cán bộ nguyên là uỷ viên Trung ương Đảng và bộ trưởng, Ban Tổ chức Trung ương chịu trách nhiệm nghiên cứu và đề nghị.

Từ nay, việc xét khen thưởng huân chương cao sẽ tiến hành thường xuyên. Riêng năm 1985 sẽ xét khen thưởng trong các ngày lễ lớn (ngày kỷ niệm thành lập Đảng 3-2; ngày giải phóng miền Nam 30-4; ngày sinh Hồ Chủ tịch 19-5 và ngày quốc khánh 2-9).

Việc khen thưởng huân chương cao cho cán bộ có ý nghĩa rất quan trọng nên cần có sự chỉ đạo chặt chẽ của cấp uỷ địa phương và các ngành trung ương để bảo đảm chính xác, công bằng và bảo đảm tương quan chung trong đội ngũ cán bộ của địa phương, của ngành và của cả nước.

Yêu cầu các ngành trung ương và các cấp uỷ địa phương tiến hành khẩn trương việc này và báo danh sách đề nghị khen thưởng về Ban Bí thư (qua Ban Tổ chức Trung ương) để kịp xét duyệt và tổ chức trao tặng vào các ngày lễ lớn của năm 1985. Ban Tổ chức Trung ương và Viện Huân chương có kế hoạch hướng dẫn việc thực hiện thông tri này.

T/M BAN BÍ THƯ
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**TIÊU CHUẨN
KHEN THƯỞNG HUÂN CHƯƠNG BẬC CAO**

(Kèm theo Thông tri số 38-TT/TW
ngày 25 tháng 10 năm 1984 của Ban Bí thư)

I- HUÂN CHƯƠNG SAO VÀNG

Cán bộ tham gia cách mạng từ năm 1935 về trước, hoạt động liên tục, đã giữ các chức vụ lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước. Có cống hiến lớn đối với dân tộc.

II- HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

a) Cán bộ tham gia cách mạng từ năm 1935 về trước, hoạt động liên tục, có nhiều thành tích, không phạm sai lầm, khuyết điểm lớn, đã từng giữ một trong các chức vụ như: xứ uỷ viên, bí thư tỉnh uỷ, thường vụ khu uỷ, bí thư tỉnh uỷ trở lên.

b) Cán bộ tham gia cách mạng trước tháng 8-1945 hoạt động liên tục, có nhiều cống hiến đối với dân tộc, không phạm sai lầm, khuyết điểm lớn, đã từng giữ một trong các chức vụ như bí thư, phó bí thư hoặc thường vụ xứ uỷ, bí thư hoặc phó bí thư khu uỷ, uỷ viên Trung ương Đảng, trưởng ban Trung ương Đảng, bộ trưởng trước 30-4-1975.

c) Cán bộ tham gia hoạt động ở chiến trường miền Nam suốt thời kỳ chống Mỹ, có nhiều thành tích, không phạm sai

lầm, khuyết điểm lớn, đã từng giữ một trong các chức vụ như: thường vụ khu uỷ, trưởng ban ngành của Trung ương Cục hoặc các chức vụ tương đương trở lên trước ngày 30-4-1975.

III- HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP

1. Huân chương Độc lập hạng Nhất

a) Cán bộ tham gia cách mạng từ năm 1935 về trước, hoạt động liên tục, có thành tích, không phạm sai lầm, khuyết điểm lớn, đã từng giữ một trong các chức vụ như: phó bí thư tỉnh uỷ, thứ trưởng, phó ban hoặc các chức vụ tương đương.

b) Cán bộ tham gia cách mạng trước 8-1945, hoạt động liên tục, có thành tích, không phạm sai lầm, khuyết điểm lớn, đã từng giữ một trong các chức vụ như: xứ uỷ viên, khu uỷ viên, bí thư tỉnh uỷ hoặc các chức vụ tương đương.

c) Cán bộ tham gia hoạt động ở chiến trường miền Nam suốt thời kỳ chống Mỹ, có thành tích, không phạm sai lầm, khuyết điểm lớn, đã từng giữ một trong các chức vụ như: khu uỷ viên, bí thư tỉnh uỷ, phó ban Trung ương Cục hoặc các chức vụ tương đương trước ngày 30-4-1975.

2. Huân chương Độc lập hạng Nhì

a) Cán bộ tham gia cách mạng từ năm 1935 về trước, hoạt động liên tục, có thành tích, không phạm sai lầm, khuyết điểm lớn, đã kinh qua cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh và chức vụ tương đương cấp tỉnh.

b) Cán bộ tham gia cách mạng trước 8-1945, hoạt động liên tục, có thành tích, không phạm sai lầm khuyết điểm lớn,

đã từng giữ một trong các chức vụ như: phó bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ trực thuộc trung ương, thứ trưởng, phó ban hoặc các chức vụ tương đương.

c) Cán bộ tham gia hoạt động ở chiến trường miền Nam suốt thời kỳ chống Mỹ, có thành tích, không phạm sai lầm, khuyết điểm lớn, đã từng giữ một trong các chức vụ như: tỉnh uỷ viên, bí thư huyện uỷ, phó ban, ngành cấp khu hoặc các chức vụ tương đương trước ngày 30-4-1975.

d) Cán bộ tham gia cách mạng từ tháng 8-1945, hoạt động liên tục, có thành tích, không phạm sai lầm, khuyết điểm lớn, đã từng giữ một trong các chức vụ sau đây: khu uỷ viên, bí thư tỉnh, thành uỷ, đặc khu trực thuộc trung ương, bộ trưởng trước ngày 30-4-1975.

3. Huân chương Độc lập hạng Ba

a) Cán bộ tham gia cách mạng từ năm 1935 về trước, hoạt động liên tục, có thành tích, không phạm sai lầm, khuyết điểm lớn.

b) Cán bộ tham gia cách mạng trước tháng 8-1945, hoạt động liên tục, có thành tích, không phạm sai lầm, khuyết điểm lớn, đã kinh qua các chức vụ lãnh đạo tương đương cấp tỉnh.

c) Cán bộ tham gia hoạt động ở chiến trường miền Nam suốt thời kỳ chống Mỹ, có thành tích, không phạm sai lầm, khuyết điểm lớn, đã từng giữ chức vụ huyện uỷ viên hoặc các chức vụ tương đương trước ngày 30-4-1975.

*

* * *

Bản tiêu chuẩn này dùng làm căn cứ để xét khen thưởng cho cán bộ tham gia hoạt động cách mạng trước tháng 8-1945 và cán bộ hoạt động ở chiến trường miền Nam (không phổ biến rộng rãi ra ngoài và trên báo chí).

Đối với cán bộ trong quân đội đã tham gia hoạt động cách mạng trước tháng 8-1945 và cán bộ đã chiến đấu liên tục ở miền Nam suốt thời kỳ chống Mỹ thì dựa vào tiêu chuẩn trên để vận dụng khen thưởng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 52-CT/TW, ngày 11 tháng 11 năm 1984

**Về việc công bố, lấy ý kiến của nhân dân
về *Phần các tội phạm* của *Bộ luật Hình sự***

Sau khi có *Hiến pháp* mới của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã đồng ý cho xây dựng *Bộ luật Hình sự*. Bộ luật này gồm hai phần: *Phần chung* và *Phần các tội phạm*. *Phần chung* của *Bộ luật Hình sự* quy định những cơ sở của trách nhiệm hình sự, những nguyên tắc chung về xác định các tính chất của tội phạm, nguyên tắc xử lý các hành vi phạm tội, v.v. đã được Quốc hội thông qua sơ bộ tại kỳ họp tháng 6-1983, sau đó đã được công bố và nhân dân đã góp nhiều ý kiến. *Phần tội phạm* quy định về các tội phạm cụ thể và về hình phạt đối với mỗi tội, đã được Bộ Chính trị cho ý kiến; tại kỳ họp tháng 6-1984, Quốc hội đã thông qua sơ bộ và giao cho Hội đồng Nhà nước công bố để nhân dân tham gia ý kiến. Sau đó bản dự thảo sẽ được chỉnh lý và trình xin ý kiến Bộ Chính trị vào đầu năm 1985 để có thể đưa ra Quốc hội thảo luận, thông qua chính thức trong năm 1985 toàn bộ *Bộ luật Hình sự* của Nhà nước ta.

Việc công bố bản dự thảo *Phần các tội phạm* của *Bộ luật Hình sự* nhằm lấy ý kiến đóng góp của cán bộ và nhân dân là

một dịp giáo dục ý thức pháp luật trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, làm cho mọi người thấy rõ hơn thế nào là tội phạm hình sự và các hình phạt đối với những hành vi phạm tội, tạo nên sự nhất trí cao giữa Nhà nước và nhân dân cùng tôn trọng và thi hành nghiêm chỉnh pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, bảo đảm thực hiện việc quản lý xã hội, quản lý kinh tế theo pháp luật.

Hội đồng Nhà nước có kế hoạch công bố *Phần các tội phạm* của *Bộ luật Hình sự*. Các cấp, các ngành cần cứ vào kế hoạch đó, tổ chức việc lấy ý kiến của các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội và nhân dân (kể cả trong quân đội), báo cáo bằng văn bản về kết quả thu thập ý kiến gửi Hội đồng Nhà nước và Hội đồng Bộ trưởng trước ngày 31-1-1985 để tổng hợp, báo cáo với Bộ Chính trị.

Ban Tuyên huấn Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Bộ Tư pháp cùng với Văn phòng Quốc hội và Hội đồng Nhà nước có kế hoạch hướng dẫn cụ thể việc giới thiệu, đăng báo, đọc trên đài phát thanh và truyền hình toàn văn bản dự thảo *Phần tội phạm* của *Bộ luật Hình sự*.

Các tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương cử một đồng chí uỷ viên thường vụ họp bàn với đại diện Mặt trận Tổ quốc, uỷ ban nhân dân và sở tư pháp để thống nhất kế hoạch hướng dẫn các ngành, các cấp, kể cả lực lượng vũ trang ở địa phương, thảo luận; cử ra bộ phận cán bộ theo dõi, thu thập ý kiến đóng góp của nhân dân đối với bản dự thảo, để tổng hợp thành bản báo cáo của tỉnh, thành gửi lên Trung ương.

Các ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương và Tổng cục Chính trị của quân đội, trong phạm vi quản lý của mình, cần phân công cán bộ theo dõi, thu thập ý kiến đóng góp của các đơn vị trong ngành mình, để viết báo cáo theo kế hoạch chung. Ban Bí thư yêu cầu các cấp, các ngành lãnh đạo chặt chẽ để việc công bố lấy ý kiến của nhân dân về bản dự thảo *Bộ luật*

Hình sự của Nhà nước trong dịp này thu được những kết quả thiết thực.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 49-TB/TW, ngày 4 tháng 10 năm 1984

Kết luận của Ban Bí thư Về "vụ máy bay TU.134A số 108"

Ngày 2-10-1984, Ban Bí thư (có mặt các đồng chí Lê Đức Thọ, Võ Chí Công, Nguyễn Đức Tâm, Trần Kiên) đã nghe các đồng chí lãnh đạo Tổng cục Hàng không dân dụng và đại diện Bộ Quốc phòng báo cáo về vụ chiếc máy bay TU.134A số 108 bị Liên Xô giữ tại Tasken trong chuyến bay sang Liên Xô để sửa chữa.

Sau khi thảo luận, Ban Bí thư đã kết luận như sau:

1. Tổ lái máy bay TU.134A số 108 đã mang trái phép một số lượng hàng có giá trị khá lớn và một số ngoại tệ (đôla Mỹ và rúp). Đây rõ ràng là một vụ buôn lậu.

Vì mục đích buôn lậu, để trốn tránh kiểm soát, một số người trong tổ lái đã dùng thủ đoạn giấu hàng vào nhiều bộ phận trong máy bay, ở cả bộ phận máy móc điều khiển, vi phạm

nghiêm trọng các nguyên tắc kỹ thuật bảo đảm an toàn cho máy bay.

2. Cơ quan lãnh đạo Tổng cục Hàng không dân dụng đã buông lỏng quản lý, không kiểm tra máy bay trước khi lên đường, không kiểm tra và quản lý chặt chẽ cán bộ, nhân viên trong tổng cục, để nhiều người dính líu vào vụ buôn lậu này, không bảo đảm chấp hành các nguyên tắc, kỷ luật đối với chuyến bay.

3. Đây là một vụ phạm pháp nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu trong ngành hàng không dân dụng, trong quân đội và nhân dân ta, lại xảy ra trên đất bạn, ảnh hưởng xấu đến uy tín của Đảng, Nhà nước và quân đội ta.

Để giữ gìn kỷ luật của Đảng, kỷ luật quân đội và pháp luật Nhà nước, nhằm kiên quyết ngăn ngừa và khắc phục các hiện tượng tiêu cực, cần phải xử lý nghiêm minh những người sai phạm nặng trong vụ này.

Về chủ trương giải quyết vụ này, Ban Bí thư quyết định:

1. Giao cho Bộ Quốc phòng chỉ đạo các cơ quan quân pháp (Viện Kiểm sát quân đội, Toà án quân sự) khởi tố hình sự vụ này, bắt giữ để điều tra, truy tố và xét xử những người phạm pháp nghiêm trọng (trong khi bắt giữ để điều tra, cần cho ăn ở tử tế).

Đối với những người phạm khuyết điểm không nặng, không đến mức phải truy tố thì Bộ Quốc phòng và Tổng cục Chính trị xem xét để thi hành kỷ luật của Đảng và của quân đội.

2. Cơ quan lãnh đạo Tổng cục Hàng không dân dụng phải nghiêm túc tiến hành việc kiểm điểm và xem xét kỷ những cán bộ, nhân viên vi phạm trong vụ này, phối hợp với cơ quan quân pháp trong việc truy tố những người phạm pháp,

* Để bạn đọc tiện theo dõi, chúng tôi xếp tài liệu này trước Thông báo số 52-TB/TW (B.T).

thi hành kỷ luật thích đáng những người phạm khuyết điểm. Phải rút kinh nghiệm về vụ này để giáo dục sâu sắc cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kỹ thuật, khắc phục tình trạng buông lỏng quản lý và những hiện tượng tiêu cực trong ngành hàng không dân dụng.

Các đồng chí lãnh đạo Tổng cục Hàng không dân dụng cần tự kiểm điểm, nêu rõ khuyết điểm và trách nhiệm của mình trong vụ này.

3. Bộ Nội vụ có trách nhiệm điều tra, xem xét để xử lý thích đáng những người ngoài quân đội trực tiếp tham gia vào vụ buôn lậu này. Đối với những người phạm pháp nghiêm trọng, cần truy tố trước pháp luật. Bộ Quốc phòng và Tổng cục Hàng không dân dụng cần chuyển cho Bộ Nội vụ những tài liệu cần thiết về việc này.

Bộ Nội vụ và Bộ Quốc phòng cần phối hợp chặt chẽ để tìm ra những đầu mối buôn lậu trong và ngoài nước, và nghiêm trị bọn cầm đầu.

4. Uỷ ban Kiểm tra Trung ương và Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Bộ Quốc phòng và Tổng cục Chính trị trong việc xem xét và thi hành kỷ luật của Đảng đối với những cán bộ quân đội thuộc diện Trung ương quản lý và những cán bộ, đảng viên ngoài quân đội phạm khuyết điểm trong vụ này.

5. Bộ Quốc phòng, Tổng cục Hàng không dân dụng cần làm xong những việc nói ở điểm 1 và điểm 2 trong thời hạn một tháng kể từ ngày nhận thông báo này; đầu tháng 11-1984 báo cáo kết quả cho Ban Bí thư.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

T/M BAN BÍ THU'

VÕ CHÍ CÔNG

THÔNG BÁO

Số 52-TB/TW, ngày 11 tháng 12 năm 1984

**Ý kiến của Ban Bí thư về việc giải quyết
"vụ máy bay TU. 134A số 108"**

Ngày 6-12-1984, sau khi nghe Uỷ ban Kiểm tra Trung ương, Bộ Quốc phòng, Uỷ ban Kiểm tra Tổng cục Chính trị, Bộ Nội vụ báo cáo việc thi hành quyết định của Ban Bí thư (Thông báo số 49-TB/TW, ngày 4-10-1984) về "vụ máy bay TU. 134A số 108", Ban Bí thư đã có ý kiến như sau:

1. Sau hai tháng tiến hành công tác điều tra hình sự, công tác chính trị, tư tưởng và kiểm điểm trong nội bộ cấp chỉ huy, đảng uỷ và đảng bộ cơ sở Tổng cục Hàng không dân dụng, các ngành có trách nhiệm đã làm rõ được nội dung và tính chất nghiêm trọng của vụ buôn lậu này. Ban Bí thư đồng ý với đề nghị của Bộ Quốc phòng kết thúc công tác điều tra hình sự về "vụ máy bay TU. 134A" và đưa 10 bị can ra truy tố trước Toà án quân sự để xử lý về mặt pháp luật.

Bộ Nội vụ tiếp tục làm sáng tỏ một số đối tượng liên quan để kịp thời giao cho Cục Điều tra hình sự của Bộ Quốc phòng xử lý như việc truy bắt Trần Văn Hải đang lẩn trốn trong nước, cùng với cơ quan quản lý Nguyễn Anh Tuấn gọi ngay Nguyễn Anh Tuấn đang học ở Liên Xô về để làm rõ mối quan hệ buôn bán với Trần Văn Sửu.

Các cơ quan có trách nhiệm phải tiếp tục tiến hành đến nơi đến chốn các công việc khác, như tiếp tục kiểm điểm, xem xét trách nhiệm của các cán bộ lãnh đạo Tổng cục Hàng không dân dụng, của Đảng uỷ và Đảng bộ Tổng cục Hàng không; kiểm điểm và xem xét kỷ luật đối với một số cán bộ khác trong quân đội, giáo dục và xem xét kỷ luật những lưu học sinh và lao động Việt Nam ở Liên Xô có liên quan đến vụ buôn lậu này.

Đối với những cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương và Uỷ ban Kiểm tra Tổng cục Chính trị cần phối hợp chuẩn bị tốt cho Ban Bí thư xem xét, quyết định.

2. Những công việc được tiến hành vừa qua nhân "vụ máy bay TU. 134A" đã cho thấy rõ tình trạng buôn bán không chính đáng trong ngành hàng không dân dụng đã kéo dài từ lâu và hết sức nghiêm trọng, do lãnh đạo và quản lý ngành hàng không rất lỏng lẻo, công tác đảng, công tác chính trị, tư tưởng trong ngành hàng không bị buông lỏng trong một thời gian dài; dẫn đến những hậu quả rất xấu đối với phẩm chất chính trị của nhiều cán bộ, đảng viên và nhân viên Tổng cục Hàng không dân dụng.

Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị phải nhân "vụ máy bay TU.134A" mà làm rõ và chấm dứt cho được tệ buôn bán không chính đáng và buôn lậu trong ngành hàng không dân dụng; tìm ra nguyên nhân yếu kém trong công tác lãnh đạo, quản lý; khẩn trương chấn chỉnh và tăng cường công tác chính trị, tư tưởng, củng cố tổ chức đảng và các đơn vị của Tổng cục Hàng không dân dụng trong sạch, vững mạnh; bảo đảm cho ngành hàng không dân dụng thực sự là một tổ chức tuyệt đối tin cậy của Đảng và quân đội.

Ban Tổ chức Trung ương, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Bộ Quốc phòng và Tổng

cục Chính trị trong việc khẩn trương kiện toàn ngành hàng không dân dụng.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 53-CT/TW, ngày 28 tháng 11 năm 1984

Về tăng cường công tác quần chúng của Đảng

Trong thời gian qua, công tác quần chúng của Đảng đã có bước phát triển mới. Nhiều địa phương và cơ sở đã coi trọng công tác vận động quần chúng, tạo được những phong trào hành động cách mạng của quần chúng, đem lại nhiều thành tích đáng kể trong việc thực hiện các nhiệm vụ chung của Đảng và các chương trình kinh tế - xã hội của địa phương.

Nhưng, nhìn chung công tác quần chúng chưa đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Phong trào cách mạng của quần chúng chưa mạnh, chưa đều, hiệu quả còn thấp, nhiều nơi chưa có phong trào.

Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng đã nêu rõ ý nghĩa quan trọng của công tác quần chúng trong giai đoạn mới, nhưng nhiều tổ chức đảng và cấp uỷ đảng chưa nhận thức đúng và còn coi nhẹ, chưa nắm chắc tình hình diễn biến tư tưởng của quần chúng, chưa giải quyết kịp thời những vấn đề cấp thiết quần chúng đặt ra, chưa phát huy tốt chức năng của các đoàn thể, các tổ chức chính quyền, các lực lượng vũ trang và sự phối hợp giữa các tổ chức của hệ thống chuyên chính vô sản trong công tác quần chúng. Nhiều cán bộ, đảng viên xa rời quần chúng, không làm hoặc không biết làm công tác quần chúng, mất tác dụng lãnh đạo quần chúng, một số cán bộ, đảng viên đã thoái hoá, biến chất làm ảnh hưởng xấu đến mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng.

Nhiều cấp chính quyền nặng về dùng biện pháp hành chính, nhẹ công tác vận động quần chúng, chậm đổi mới cơ chế quản lý, đã hạn chế quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao

động, chưa biết dựa vào các đoàn thể và tạo điều kiện thuận lợi cho các đoàn thể hoạt động. Tình trạng quan liêu, mệnh lệnh, của quyền, thiếu ý thức phục vụ nhân dân, còn khá phổ biến.

Hoạt động của các đoàn thể chậm được đổi mới, chưa gắn chặt với cuộc sống, chưa đáp ứng yêu cầu và nguyện vọng chính đáng của quần chúng. Tổ chức cơ sở của các đoàn thể chưa thu hút được rộng rãi quần chúng, có nơi không hoạt động. Bộ máy tổ chức và đội ngũ cán bộ làm công tác vận động quần chúng nói chung yếu và không ổn định.

Để khắc phục tình hình trên và tăng cường hơn nữa công tác quần chúng của Đảng, cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

1. Làm cho toàn Đảng, toàn hệ thống chuyên chính vô sản quán triệt sâu sắc quan điểm quần chúng và công tác quần chúng của Đảng trong giai đoạn mới

Đại hội lần thứ V của Đảng đã chỉ rõ: "Trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, và hiện nay khi cách mạng nước ta đang làm hai nhiệm vụ chiến lược, tầm quan trọng của công tác quần chúng chẳng những không giảm bớt mà còn tăng thêm". Phải không ngừng tăng cường mối liên hệ chặt chẽ giữa Đảng với quần chúng, đó là truyền thống và sức mạnh của Đảng ta. Coi nhẹ công tác quần chúng là trái với đường lối, quan điểm của Đảng, dẫn đến quan liêu, xa rời quần chúng, mất cảnh giác với địch, làm yếu sức mạnh của Đảng và Nhà nước chuyên chính vô sản.

Cần nhận thức rõ nhiệm vụ công tác quần chúng của Đảng trong giai đoạn mới là thực hiện và phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, thực hiện thắng lợi "hai nhiệm vụ chiến lược", "ba cuộc cách mạng", xây dựng thành công chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hoá mới và con người mới xã hội chủ nghĩa, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Quyền làm chủ tập thể là sự thống nhất giữa quyền lợi và nghĩa vụ của nhân dân lao động trong mọi lĩnh vực hoạt

động. Mọi nhiệm vụ cách mạng đều nhằm đưa lại đời sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân, và phải được tiến hành thông qua phong trào cách mạng của quần chúng; phải vừa giáo dục, tổ chức, động viên quần chúng phát triển kinh tế, văn hoá, cải thiện đời sống, củng cố an ninh, quốc phòng, vừa tích cực đấu tranh chống tiêu cực, chống địch phá hoại, lôi kéo, chia rẽ quần chúng.

Quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động phải được thực hiện bằng sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chuyên chính vô sản trên cơ sở cụ thể hoá và thể chế hoá cơ chế "Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý". Toàn Đảng phải làm công tác quần chúng và phải lãnh đạo tất cả các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể tiến hành công tác quần chúng thực hiện các nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước.

Công tác quần chúng phải tiến hành từ cơ sở, phải đi sâu vào từng loại hình cơ sở, từng đối tượng quần chúng. Đi sát cơ sở, đi sát quần chúng, hoà mình vào quần chúng, gắn bó với quần chúng phải là phong cách làm việc của mọi cán bộ, đảng viên, mọi công nhân, viên chức. Các tổ chức đảng và cấp uỷ đảng phải thường xuyên làm cho toàn thể cán bộ, đảng viên thấu suốt những quan điểm nói trên trong mọi mặt hoạt động và công tác của Đảng, chính quyền và các đoàn thể.

2. Phát huy quyền làm chủ tập thể, sử dụng sức mạnh tổng hợp, đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng trên mọi lĩnh vực

Quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động phải được thể hiện bằng phong trào cách mạng. Các phong trào đều phải đạt được hiệu quả thiết thực trên ba mặt: về kinh tế - xã hội và an ninh - quốc phòng; về giáo dục, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; về tăng cường cơ sở chính trị,

xây dựng tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể vững mạnh. Cần khắc phục những thiên hướng lệch lạc chỉ nặng về mặt này, mà coi nhẹ mặt khác. Trên cơ sở quán triệt đường lối, chủ trương của Trung ương và xác định đúng đắn mục tiêu và chương trình kinh tế - xã hội của địa phương và đơn vị, các cấp uỷ đảng và tổ chức cơ sở đảng cần định hướng cho phong trào hành động cách mạng của quần chúng tập trung vào những khâu trọng yếu trong từng thời gian. Phải vừa đẩy mạnh sản xuất, vừa hết sức chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của quần chúng, kết hợp hài hoà các mặt lợi ích, thực hiện Nhà nước và nhân dân cùng làm nhưng chống lạm dụng. Phải thực sự tôn trọng quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thực hiện tốt khẩu hiệu: dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, trong sản xuất, phân phối cũng như trong tất cả các công tác có quan hệ trực tiếp đến quần chúng. Cấp uỷ đảng phải chỉ đạo các cơ quan chính quyền và các đoàn thể phối hợp chặt chẽ với nhau phát huy sức mạnh tổng hợp, đẩy mạnh phong trào hành động cách mạng của quần chúng sôi nổi trên mọi lĩnh vực; kịp thời phát hiện những nhân tố mới, những điển hình tiên tiến trên từng lĩnh vực, từng địa bàn để nhanh chóng nhân rộng ra.

Trong năm 1985, các địa phương cần chú ý đẩy mạnh phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa, đưa nhanh tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, phấn đấu hoàn thành thắng lợi kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1985. Cần tạo cho được sự tiến bộ mới về mặt chăm sóc đời sống các tầng lớp nhân dân lao động trên các địa bàn dân cư, đồng thời đấu tranh có hiệu quả xoá bỏ tình

trạng vi phạm quyền làm chủ của quần chúng và khắc phục những hiện tượng tiêu cực.

3. Cải tiến và nâng cao trình độ chỉ đạo công tác quần chúng của các tổ chức đảng và cấp uỷ đảng

Các tổ chức đảng và cấp uỷ đảng phải thường xuyên nắm chắc tình hình đời sống và tư tưởng của các tầng lớp nhân dân. Cần tổ chức điều tra, nghiên cứu để phát hiện và có chủ trương giải quyết những vấn đề quần chúng đặt ra. Từ nay, đặt thành nền nếp (tỉnh, thành và quận, huyện ba tháng một lần, cơ sở mỗi tháng một lần) cấp ủy đảng nghe các ban đảng, các ngành chính quyền, các đoàn thể báo cáo tình hình quần chúng và công tác quần chúng. Hàng năm, các cấp uỷ đảng dành thời gian bàn sâu và ra các quyết định về công tác quần chúng. Nghiêm túc thực hiện các chỉ thị của Ban Bí thư về công tác mặt trận, công tác dân tộc, công tác tôn giáo, công tác người Hoa, công tác cán bộ nữ, v.v.. Đặc biệt chú trọng công tác vận động công nhân và vận động thanh niên. Cấp uỷ phải thường xuyên kiểm tra trách nhiệm và sự phối hợp giữa các ngành chính quyền và các đoàn thể về công tác quần chúng. Thực hiện chế độ các cán bộ chủ chốt của Đảng, chính quyền định kỳ gặp gỡ quần chúng ở cơ sở, nghe quần chúng phát biểu ý kiến về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Tất cả đảng viên đều nhất thiết phải tham gia công tác đoàn thể và công tác xã hội ở nơi công tác và cư trú. Mỗi đảng viên phải làm công tác tuyên truyền vận động quần chúng, bản thân gương mẫu trong lao động, công tác và đời sống và quan hệ tốt với quần chúng. Phải coi công tác quần chúng là một tiêu chuẩn để xét tư cách đảng viên

và đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh. Các cơ quan tuyên huấn, văn hoá, thông tin đại chúng phải nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, giáo dục, giải đáp kịp thời những vấn đề của quần chúng, sát với từng đối tượng.

Cấp uỷ đảng cần bồi dưỡng trình độ công tác quần chúng cho cán bộ, đảng viên bằng các hình thức như tập huấn, sơ kết, tổng kết, trao đổi kinh nghiệm, v.v.. Trường đảng các cấp phải có chương trình bài giảng về công tác quần chúng. Để tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng đối với công tác quần chúng, mỗi cấp uỷ từ tỉnh, thành đến quận, huyện và cơ sở đều phải có đồng chí uỷ viên thường vụ trực tiếp phụ trách công tác dân vận.

4. Nâng cao trách nhiệm của các tổ chức chính quyền đối với công tác quần chúng

Các tổ chức chính quyền phải nêu cao ý thức phục vụ nhân dân, tích cực đổi mới cách quản lý, cách làm việc để phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, thu hút được đông đảo nhân dân tham gia xây dựng và quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Các ngành chính quyền phải dựa vào các đoàn thể, phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể trong việc giáo dục, tổ chức, động viên quần chúng thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật nhà nước, xây dựng và thực hiện kế hoạch nhà nước từ cơ sở. Các cơ quan, xí nghiệp phải nghiêm túc thực hiện chế độ công nhân, viên chức tham gia quản lý, phát huy vai trò của Công đoàn và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong việc tham gia xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội, sắp xếp lại sản xuất, cải tiến quản lý kinh tế. Các cơ quan có quan hệ trực tiếp hàng ngày với nhân dân phải nghiêm túc thực hiện bốn chế độ đã quy định,

coi trọng ý kiến của nhân dân, khắc phục thói hách dịch, cửa quyền, vô trách nhiệm. Cần phối hợp chặt chẽ giữa công tác thanh tra nhà nước với thanh tra nhân dân, phát huy vai trò của các đoàn thể trong việc kiểm tra công việc của chính quyền, đấu tranh khắc phục có hiệu quả những hiện tượng vi phạm quyền làm chủ và lợi ích của quần chúng.

Các cơ quan dân cử (Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp) cần phát huy đầy đủ chức năng của mình như *Hiến pháp* đã quy định, quan hệ chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể với đồng đảo cử tri để thu thập được nhiều ý kiến của nhân dân rồi yêu cầu các cơ quan có trách nhiệm giải quyết kịp thời và có hiệu quả những vấn đề nhân dân đề xuất; mặt khác, cần tăng cường việc giáo dục, phổ biến pháp luật trong nhân dân, làm cho nhân dân thông suốt các chủ trương, chính sách, luật pháp của Nhà nước. Tích cực nghiên cứu để sớm ban hành *Luật Thanh niên*, *Luật Lao động*, bổ sung *Luật Công đoàn*, *Luật Hôn nhân gia đình*... Phối hợp chặt chẽ các cơ quan công an, kiểm sát, toà án, thanh tra nhà nước với các đoàn thể để đấu tranh ngăn ngừa tình trạng vi phạm pháp luật.

5. Phát huy vai trò và chức năng của các đoàn thể. Tích cực củng cố tổ chức cơ sở của các đoàn thể và mở rộng các hình thức tập hợp rộng rãi các tầng lớp quần chúng

Các cấp uỷ đảng cần lãnh đạo chặt chẽ hoạt động của các đoàn thể, gắn chặt việc xây dựng các đoàn thể vững mạnh với công tác xây dựng đảng. Phải phát huy tính tích cực, sáng tạo của các đoàn thể trong việc thực hiện các nhiệm vụ cách mạng, tôn trọng tính chủ động của các đoàn thể trong việc xây dựng tổ chức của mình. Các cấp uỷ đảng phải bố trí những cấp uỷ viên và cán bộ có uy tín, có năng lực phụ trách

các đoàn thể.

Để phát huy vai trò và chức năng của mình, các đoàn thể phải ra sức đổi mới nội dung và phương thức hoạt động sát hợp với từng đối tượng quần chúng, đáp ứng được những nhiệm vụ cách mạng và những yêu cầu bức thiết của các tầng lớp nhân dân, khắc phục và tránh lối làm việc hành chính quan liêu, hình thức chủ nghĩa. Phải hướng mạnh về cơ sở, làm cho tổ chức cơ sở của các đoàn thể hoạt động năng động, thiết thực, tập hợp được rộng rãi các tầng lớp quần chúng. Phát triển nhiều cơ sở vững mạnh, thu hẹp diện yếu kém. Đặc biệt chú trọng xây dựng và củng cố tổ chức các đoàn thể ở các thành phố, các vùng dân tộc, nhất là ở các tỉnh biên giới phía Bắc, vùng tập trung tôn giáo, người Hoa. Cần mở rộng các hình thức tổ chức quần chúng theo nghề nghiệp, theo nhu cầu đời sống và sinh hoạt văn hoá để thu hút rộng rãi quần chúng vào các hoạt động xã hội thiết thực do đoàn thể chính trị làm nòng cốt.

Các cấp uỷ đảng và cơ quan chính quyền cần tích cực tạo điều kiện, tăng cường các phương tiện cho các đoàn thể hoạt động. Mặt khác, các đoàn thể cần xây dựng quỹ của mình bằng các hoạt động sản xuất, dịch vụ, các hoạt động văn hoá, thể thao... để đáp ứng một phần kinh phí hoạt động.

6. Tăng cường công tác cán bộ làm công tác vận động quần chúng

Đội ngũ cán bộ dân vận và đoàn thể có vai trò quan trọng đối với việc thực hiện nhiệm vụ công tác quần chúng của Đảng, cũng là một nguồn quan trọng cung cấp cán bộ cho Đảng và chính quyền. Các cấp uỷ đảng phải coi trọng việc xây dựng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân vận và các đoàn thể. Cân bối dưỡng, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ hiện có, tích cực chuẩn bị đội ngũ kế cận, nhanh chóng hình thành đội ngũ cán bộ chủ chốt có năng lực. Tiêu chuẩn cán bộ làm công tác quần chúng là: những người ưu tú được tuyển lựa trong phong trào quần chúng, có lập trường, quan điểm chính trị vững vàng, có phẩm chất, đạo đức trong sáng, có

kiến thức nhất định về văn hoá, khoa học, về quản lý kinh tế, quản lý xã hội, có năng lực giáo dục, tổ chức và động viên quần chúng hành động cách mạng. Bên cạnh đội ngũ cán bộ chuyên trách thật cần thiết, cần có chính sách và biện pháp mở rộng đội ngũ cán bộ không chuyên trách. Tích cực xây dựng và ổn định lâu dài đội ngũ cán bộ, cốt cán làm công tác tôn giáo, công tác vận động người Hoa.

Cần nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo và bồi dưỡng cán bộ của các trường đoàn thể, nhất là các trường ở trung ương và các tỉnh, thành phố.

Các cấp uỷ đảng cần quan tâm chăm sóc, đào tạo, bồi dưỡng và quản lý tốt đội ngũ cán bộ làm công tác vận động quần chúng, vừa động viên tinh thần, vừa có chế độ, chính sách hợp lý, tạo điều kiện vật chất thuận lợi cho sự hoạt động của cán bộ dân vận và các đoàn thể.

Để thực hiện chỉ thị này, trong dịp kỷ niệm lần thứ 55 ngày thành lập Đảng, các tổ chức đảng và cấp uỷ đảng, các cấp chính quyền và các đoàn thể cần kiểm điểm, khẳng định những mặt tiến bộ, những nhân tố mới, nêu ra những thiếu sót và nguyên nhân và có chủ trương, biện pháp cụ thể cải tiến và tăng cường công tác quần chúng của Đảng ở các ngành, các cấp.

Ban Dân vận và Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm giúp Ban Bí thư hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THU

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

LỜI KHAI MẠC
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ V)*

Thưa các đồng chí,

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần này sẽ thảo luận và ra nghị quyết về hai vấn đề:

- Kế hoạch nhà nước năm 1985;
- Đầu mạnh xây dựng huyện.

Năm 1985 là năm kết thúc kế hoạch nhà nước 5 năm 1981 - 1985, cũng là năm chuẩn bị cho kế hoạch nhà nước 5 năm 1986 - 1990. Phải phấn đấu thực hiện bốn mục tiêu kinh tế - xã hội và đạt được các chỉ tiêu chủ yếu do Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng đề ra, khắc phục cho được tình trạng trì trệ, đưa nền kinh tế đi vào thế ổn định và phát triển đúng đường lối, chủ trương của Đảng.

Về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế dài hạn và kế hoạch nhà nước 5 năm 1986 - 1990, Bộ Chính trị đang xúc tiến việc chuẩn bị để kịp trình ra Hội nghị lần thứ tám

* Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ bảy (khoá V) họp từ ngày 11 đến ngày 17-12-1984 bàn về phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch nhà nước năm 1985; công tác xây dựng và tăng cường cấp huyện. Lời khai mạc do đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn trình bày (B.T).

Ban Chấp hành Trung ương sẽ họp vào giữa năm 1985. Vì vậy, nhiều vấn đề kinh tế có ý nghĩa chiến lược, lâu dài, chưa thể đưa ra bàn lân này.

Trong Hội nghị lần thứ bảy, chúng ta sẽ tập trung thảo luận về *kế hoạch nhà nước năm 1985*. Chủ yếu cần bàn về những giải pháp phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, sử dụng lao động, đất đai để phát triển nông nghiệp thật mạnh mẽ, giải quyết một bước vững chắc vấn đề lương thực và mở mang nhanh diện tích một số cây công nghiệp quan trọng; tìm giải pháp sử dụng có hiệu quả số xí nghiệp mới hoàn thành xây dựng và tận dụng công suất các thiết bị, máy móc để đẩy nhanh nhịp độ phát triển công nghiệp. Đồng thời luôn luôn suy nghĩ tìm cách để xây dựng công nghiệp nặng, nhằm thực hiện từng bước cơ cấu công - nông nghiệp hiện đại, coi đó là vấn đề then chốt trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Theo đề nghị của nhiều đồng chí Ủy viên Trung ương, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng đã làm báo cáo sơ kết việc thi hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu. Đề nghị các đồng chí xem xét và cho ý kiến trong khi thảo luận phương hướng, nhiệm vụ của năm 1985, làm rõ hơn nữa những biện pháp nhằm thực hiện thắng lợi những chủ trương về *chấn chỉnh phân phôi lưu thông*, đặc biệt là vấn đề quản lý và làm chủ thị trường. Riêng về vấn đề *lương*, Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng sẽ trình phương án cải tiến tiền lương sắp tới để các đồng chí Trung ương góp ý kiến. Song, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương sẽ không ra nghị quyết về giá và lương, mà ủy nhiệm cho Bộ Chính trị căn cứ

vào ý kiến của các đồng chí ở hội nghị này để xem xét và quyết định các vấn đề cụ thể trong phương án đó.

Tình hình kinh tế - xã hội trước mắt còn rất nhiều khó khăn. Nhưng với những quyết định đúng đắn của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng, với những nhân tố tích cực đã được tạo ra và đang không ngừng phát triển ở các địa phương và các ngành, chúng ta nhất định phải làm chuyển biến được tình hình, tạo được bầu không khí chính trị lành mạnh, đoàn kết nhất trí để thiết thực chuẩn bị đón mừng Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng sẽ họp trong năm 1986.

Về vấn đề *xây dựng huyện*, trải qua một thời gian thực hiện, đến nay các cấp và các ngành ngày càng nắm vững và quán triệt ý nghĩa chiến lược của vấn đề này trong toàn bộ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nhiều huyện đã làm khá tốt và chúng ta đã có được những kinh nghiệm bước đầu trong việc xây dựng cơ cấu nông - công nghiệp ở huyện. Đã đến lúc Ban Chấp hành Trung ương có thể thông qua một nghị quyết chuyên đề để đẩy mạnh công tác xây dựng huyện hơn nữa, coi đó là một vấn đề quan trọng trong việc đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, đồng thời là một trong những biện pháp có hiệu lực bảo đảm thực hiện thắng lợi kế hoạch nhà nước 1985 và kế hoạch nhà nước 5 năm 1986 - 1990.

Hội nghị chúng ta cần làm việc khẩn trương, thẳng thắn tự phê bình và phê bình, dân chủ thảo luận để đi đến nhất trí cao trên những quyết định quan trọng.

Với ý thức trách nhiệm đầy đủ của các đồng chí Uỷ viên Trung ương, nhất định hội nghị chúng ta sẽ thành

công tốt đẹp.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**BÁO CÁO
SƠ KẾT VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG**

I- CÔNG TÁC TRIỂN KHAI VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã quyết định những chủ trương quan trọng về cải tiến công tác quản lý kinh tế và giải quyết một số vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông.

Để thực hiện thắng lợi nghị quyết quan trọng này nhằm tạo nên sự chuyển biến mới mạnh mẽ, cơ bản, vững chắc hơn và làm đà cho những năm sau, Ban Bí thư đã chỉ đạo khẩn trương việc truyền đạt, phổ biến nội dung nghị quyết ở các cấp, các ngành và tuyên truyền rộng rãi tinh thần nghị quyết trong nhân dân, tạo ra sự nhất trí trong toàn Đảng về các chủ trương cải tiến quản lý kinh tế.

Ban Bí thư và Hội đồng Bộ trưởng đã có chương trình hành động để cụ thể hóa và tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương, đã phối hợp chỉ đạo việc xây dựng một số chủ trương, chính sách kinh tế quan trọng.

Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành nhiều chính sách, quy định cụ thể về cải tiến quản lý kinh tế, đồng thời tích cực và khẩn trương giải quyết các công việc cấp bách về lương thực, vật tư, năng lượng, khắc phục khó khăn đột xuất do thiên tai gây ra (hạn, lụt, bão), phấn đấu làm chủ một bước thị trường, giá cả và ổn định đời sống nhân dân, trước hết là đời sống cán bộ, công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang.

Tính đến nay (tháng 11-1984), qua năm tháng triển khai việc thực hiện nghị quyết, Hội đồng Bộ trưởng và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng đã xử lý trên một nửa chương trình hành động, ban hành khoảng 20 văn bản chính sách, chế độ mới về quản lý kinh tế; trên 10 chuyên đề quan trọng đã được đưa ra thảo luận nhưng chưa ban hành được văn bản và còn phải nghiên cứu hoàn chỉnh tiếp.

Các ngành, các địa phương đều có chương trình hành động (một nửa tổng số bộ, uỷ ban nhà nước, tổng cục và địa phương có gửi báo cáo lên Hội đồng Bộ trưởng) và đã ban hành một số chủ trương cụ thể vận dụng tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết Trung ương áp dụng trong phạm vi ngành và địa phương. Việc triển khai thực hiện nghị quyết ở các ngành then chốt, các địa bàn quan trọng và một số cơ sở trọng điểm được các Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng phụ trách lĩnh vực trực tiếp chỉ đạo.

Một số chủ trương, chính sách đã được triển khai thực hiện:

Về sắp xếp lại sản xuất và phân cấp quản lý kinh tế

- Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng đã xác định danh mục những sản phẩm trọng yếu của nền kinh tế quốc dân và những cơ sở sản xuất cần được ưu tiên để có cơ sở tiến hành việc sắp xếp lại sản xuất công nghiệp.

- Một số ngành trung ương đã có phương án sắp xếp lại các ngành sản xuất: thuốc lá, đường, rau quả xuất khẩu, thuỷ sản, sành, sứ, thuỷ tinh, chế biến cao su, xây dựng cơ bản trong ngành thuỷ lợi.

- Sắp xếp lại sản xuất công nghiệp trên ba địa bàn quan trọng: Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng. Hướng trọng tâm trước mắt là sắp xếp các ngành: cơ khí, đóng tàu, sản xuất xe đạp, dệt, chế biến thực phẩm, vật liệu xây dựng, đồ nhựa, cao su...

- Đang hoàn chỉnh các đề án sắp xếp lại hệ thống nông trường, lâm trường quốc doanh. Đã tiến hành phân giao một số nông trường và lâm trường cho địa phương (Kiên Giang, Nghệ Tĩnh). Bộ Nông nghiệp chuyển một số vụ, cục thành các công ty hoạt động theo phương thức kinh doanh, hạch toán kinh tế để giảm nhẹ một phần bộ máy hành chính và gắn chỉ đạo khoa học - kỹ thuật với sản xuất.

- Đẩy mạnh công tác xây dựng quy hoạch kinh tế - xã hội ở cấp huyện để xúc tiến việc tổ chức lại sản xuất trong nông, lâm nghiệp. Đã có 65 huyện điểm hoàn thành công tác quy hoạch.

- Đã ban hành quyết định phân cấp cho tỉnh, huyện về quản lý lương thực, phân cấp cho huyện về quản lý thương nghiệp, vật tư.

- Đã chuẩn bị phương án sắp xếp lại hệ thống các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và cơ quan nghiên cứu khoa học.

- Một số địa phương, dựa theo tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết 6, đã chủ động thực hiện thí điểm việc sắp xếp lại sản xuất và kinh tế địa phương như thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Vĩnh Phú, Hà Nam Ninh, Bắc Thái, v.v..

Về cải tiến công tác quản lý nói chung và ở cơ sở

- Đã ban hành nghị quyết về đổi mới công tác kế hoạch hoá (có tính chất như quy chế mới tạm thời về công tác kế hoạch hoá).

- Nghị quyết về cải tiến quản lý công nghiệp quốc doanh.

Một số bộ đang áp dụng thí điểm trong một số xí nghiệp lớn như than, dệt, chế biến chè, giấy. Một số địa phương

cũng thí điểm ở một số xí nghiệp địa phương (Hải Phòng, Vĩnh Phú, Quảng Nam - Đà Nẵng và một số tỉnh phía Nam).

- Quyết định về một vấn đề cấp bách trong ngành giao thông vận tải.

- Nghị quyết về cải tiến quản lý công tác xây dựng cơ bản.

- Nghị quyết về tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý nông trường quốc doanh.

- Nghị quyết về tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý lâm trường quốc doanh.

- Quy định về tổ chức và hoạt động liên kết trong kinh tế.

- Đang hoàn chỉnh đề án sắp xếp lại và tăng cường công tác xuất - nhập khẩu.

- Đang hoàn chỉnh đề án thể chế hoá vai trò của các đoàn thể quần chúng (công đoàn, thanh niên, phụ nữ) tham gia quản lý nhà nước.

Ngoài những chủ trương, chính sách nói trên, Hội đồng Bộ trưởng còn ban hành nhiều quyết định về các vấn đề cụ thể khác. Hội đồng Bộ trưởng đang chỉ đạo việc chuẩn bị và hoàn chỉnh khẩn trương các đề án còn lại trong chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương, nhằm thực hiện đồng bộ các biện pháp cần thiết để tháo gỡ sự gò bó của cơ chế quản lý quan liêu, bao cấp, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển.

Ban Bí thư và các ban của Trung ương đã tham gia ý kiến với Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng và các bộ trong sự chuẩn bị các chủ trương, chính sách nói trên. Ban Bí thư đã ra chỉ thị về vấn đề tăng cường lãnh đạo nâng cao chất lượng các đơn vị quốc doanh trong nông nghiệp, chỉ thị về nâng cao

chất lượng lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng trong các đơn vị kinh tế quốc doanh.

Về phân phối lưu thông

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương về nhiệm vụ cải tiến phân phối, lưu thông được thể hiện tập trung trước hết vào công tác cải tạo và quản lý thị trường, điều chỉnh giá cả, nấm hàng, nấm tiền nhằm mục tiêu làm chủ thị trường, giá cả, lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa trên mặt trận phân phối, lưu thông.

Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng đã phân công một số đồng chí Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng trực tiếp chỉ đạo việc thực hiện Nghị quyết ở năm địa bàn trọng điểm: Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Quảng Nam - Đà Nẵng, Cần Thơ để tạo sự chuyển biến trên các địa bàn lớn, phát huy ảnh hưởng đến các địa phương trong vùng và để rút kinh nghiệm xây dựng chính sách.

Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng đã quyết định một số chủ trương quan trọng:

- Danh mục những mặt hàng nhà nước thống nhất quản lý.
- Chỉ thị tiếp tục cải tạo và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp.
- Quyết định điều chỉnh giá thu mua trong nghĩa vụ và giá thoả thuận đổi với một số loại nông sản, giá kinh doanh thương nghiệp đổi với một số hàng tiêu dùng; giá bán buôn công nghiệp đổi với một số sản phẩm quốc doanh bị lỗ.
- Xúc tiến việc điều tra lại giá thành một số sản phẩm chủ yếu trong nông nghiệp và công nghiệp.
- Chỉ đạo nghiên cứu và bàn bạc nhiều lần chủ trương cải tiến một bước chế độ tiền lương. Để giảm bớt khó khăn trong đời sống, từ đầu quý III năm 1984, Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành một chế độ phụ cấp đắt đỏ tạm thời.
- Chỉ đạo chặt chẽ việc bảo đảm cung cấp các mặt hàng thiết yếu cho đời sống người ăn lương.

- Về tài chính, tiền tệ đã ban hành chỉ thị về những biện pháp cần thiết để giảm bội chi tiền mặt; chỉ đạo việc tập trung các nguồn thu, chống thất thu thuế, đẩy mạnh cuộc vận động mua công trái.

- Đang hoàn chỉnh đề án cải tiến quản lý ngoại hối và xác định lại tỷ giá kết hối ngoại tệ.

II- MỘT SỐ KẾT QUẢ BUỚC ĐẦU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 6

Nghị quyết 6 tính từ khi ban hành đến nay đã bốn tháng, nhưng không kể thời gian phổ biến và quán triệt đến cơ sở, thời gian thực tế thi hành còn rất ngắn.

Song, có thể sơ bộ nhận định việc thực hiện nghị quyết đạt kết quả bước đầu tương đối tốt. Những tư tưởng và nội dung cơ bản của Nghị quyết 6 đáp ứng đúng yêu cầu và phù hợp với tình hình thực tế. Tinh thần chủ động, sáng tạo của các ngành, địa phương và nhất là của cơ sở được phát huy mạnh, ý thức tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sản xuất, kinh doanh được đề cao. Nghị quyết đã gây không khí phấn khởi, tin tưởng và khuyến khích cơ sở và người lao động đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh. Qua kiểm tra một số địa phương và cơ sở, sản xuất phát triển rõ rệt, hiệu quả kinh tế tăng, lưu thông, phân phối được quản lý tốt hơn và có chuyển biến bước đầu. Trong các ngành và các địa phương, xuất hiện thêm nhiều nhân tố mới, nhiều mô hình cải tiến quản lý sản xuất, kinh doanh theo tinh thần Nghị quyết 6 khá tốt.

Việc vận dụng nghị quyết vào thực tế sản xuất, kinh doanh đã có một số chuyển biến tích cực bước đầu.

Sản xuất công nghiệp trong quý III năm 1984 so với cùng kỳ năm 1983 tăng với tốc độ cao¹. Nói riêng tháng 10-1984,

¹. Theo số liệu ban đầu của Tổng cục Thống kê, tốc độ tăng khoảng trên 20%. Tổng cục đang thẩm tra lại.

giá trị sản lượng so với bình quân tháng quý III tăng 12,6%, sản xuất hàng tiêu dùng tăng 14,6%; một số ngành sản xuất có chuyển biến mạnh, xây dựng cơ bản các công trình trọng điểm trong quý III cũng tăng khá.

Trong việc cải tiến quản lý, vấn đề phát huy vai trò chủ động về kế hoạch được các xí nghiệp rất chú trọng; nhưng việc ban hành các quy chế cụ thể về đổi mới kế hoạch hoá chậm nên chưa tháo gỡ được những mắc mưu cho cơ sở. Theo tinh thần Nghị quyết của Trung ương, nhiều xí nghiệp đã xét lại phương án sản phẩm, xây dựng lại kế hoạch sản xuất trên cơ sở hợp đồng tiêu thụ sản phẩm, sắp xếp lại tổ chức sản xuất và bộ máy gián tiếp, cải tiến dây chuyền công nghệ nhằm đẩy mạnh sản xuất với tốc độ cao hơn và nâng cao hiệu quả kinh tế. Nhiều nơi đã tạo ra mặt hàng mới có giá trị, đáp ứng đúng nhu cầu sản xuất và đời sống và có khả năng xuất khẩu, như thành phố Hải Phòng, Hà Nam Ninh, Vĩnh Phú, Hà Sơn Bình, Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng với việc cải tiến quản lý xí nghiệp, việc sắp xếp lại sản xuất theo ngành cũng được chú trọng. Hình thức nhóm sản phẩm được phát triển trong phạm vi địa bàn địa phương, một số nhóm đã hình thành từ trước được củng cố một bước, như ngành dệt (Nam Định), tàu, sàlan (Hải Phòng), dệt, cơ khí (thành phố Hồ Chí Minh), chè và rau quả hộp (Vĩnh Phú), sản xuất xe đạp, sắm, lốp (Hà Nội).

Phương thức liên kết kinh tế để giải quyết khó khăn về nguyên liệu, vật tư có chiều hướng tăng mạnh và nổi rõ ở ngành công nghiệp chế biến liên kết với nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp. Một số xí nghiệp đã tự cân đối được 25 - 45% vật tư, nguyên liệu sản xuất. Việc liên kết giữa sản xuất với tổ chức khoa học - kỹ thuật đang được thí điểm trong ngành da, sản xuất xe đạp (Hà Nội).

Chế độ trả lương khoán sản phẩm được áp dụng phổ biến và có được cải tiến, tức là thực hiện việc khoán tới mọi loại lao động, kể cả lao động gián tiếp và cán bộ quản lý; lương khoán và tiền thưởng được gắn với kết quả sản xuất, năng suất, chất lượng. Một số địa phương chủ động thí điểm việc cải tiến quản lý tương đối toàn diện, tức là gắn năng suất, hiệu quả sản xuất với việc trả lương mới (đưa bù giá vào lương và quản lý chế độ cung cấp hiện vật) và trả tiền thưởng như ở Vĩnh Phú (Xí nghiệp giấy Lửa Việt)... Kết quả bước đầu có ý nghĩa rất tích cực: thúc đẩy sản xuất, bảo đảm chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động... Nhưng do thiếu những điều kiện ổn định sản xuất, thiếu những quy định thống nhất và thiếu sự hướng dẫn, kiểm tra chặt chẽ nên mức thu nhập thực tế của cán bộ, công nhân (cả lương và thưởng, phụ cấp dưới nhiều hình thức) ở các địa phương, các cơ sở rất không đều, có nơi quá chênh lệch.

Về phân phối, lưu thông, do được chỉ đạo cụ thể, chặt chẽ hơn trước nên cũng đã đạt một số tiến bộ rõ rệt.

Việc nấm hàng đạt kết quả khá. Về hàng nông sản, thực phẩm, tính đến tháng 10-1984 đã nấm được 96,9% kế hoạch cả năm. Những mặt hàng thiết yếu như thịt lợn, trâu, bò, đậu xanh, lạc, mía, thuốc lá, cói, đay, rau, v.v. huy động cho Nhà nước đều tăng hơn trước; trong đó, lương thực, thịt, đường, thuốc lá được huy động với kết quả cao nhất từ trước đến nay. Việc nấm hàng công nghệ đạt 90,2% kế hoạch cả năm; quý IV, sản xuất công nghiệp thường có nhịp độ cao hơn, do đó, quỹ hàng còn có triển vọng tăng hơn.

Cùng với nâng cao ý thức trách nhiệm về nghĩa vụ giao nộp sản phẩm cho Nhà nước, cơ chế mua bán hai giá (giá ổn định của Nhà nước và giá kinh doanh thương nghiệp) và việc tích cực vận dụng chính sách khoán theo lao động trong ngành thương nghiệp đã tạo ra chuyển biến tốt trong

việc nấm hàng, tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho việc làm chủ thị trường và giá cả. Từ quý III đến nay, nói chung giá cả thị trường tương đối ổn định, không bị biến động lớn, mặc dù Nhà nước chi một số lượng tiền mặt đáng kể vào phụ cấp đắt đỏ (50 - 70% lương) cho các đối tượng hưởng lương và cứu trợ cho những vùng bị thiên tai nặng. Cán bộ, công nhân, viên chức và các lực lượng vũ trang nói chung được bảo đảm cung cấp các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu và đời sống ít bị biến động.

Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa ở phần lớn các địa phương đều có phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động, có ý thức vươn lên giữ vai trò chủ đạo thị trường xã hội, đã có nhiều cơ sở cửa hàng trở thành những mô hình thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, là những kinh nghiệm rất có giá trị về cải tiến công tác quản lý thương nghiệp và thị trường. Cùng với việc phát triển nhanh các cơ sở kinh doanh của mậu dịch quốc doanh, nói chung các địa phương đã chú trọng phát triển hệ thống hợp tác xã mua bán ở cơ sở phường, xã, thị trấn... Nhiều hợp tác xã đã kết hợp tốt cả mua và bán, đã phát huy tác dụng tích cực trong việc phục vụ sản xuất, phục vụ đời sống nông dân, hỗ trợ cho mậu dịch quốc doanh trong hoạt động kinh doanh cũng như trong việc quản lý thị trường.

Hoạt động dịch vụ của quốc doanh và hợp tác xã ăn uống, may mặc, cắt tóc đang có chiều hướng phát triển mạnh, có nhiều cơ sở dịch vụ hoạt động tốt, cạnh tranh được đối với tư nhân, gây ảnh hưởng tốt cho kinh doanh xã hội chủ nghĩa, và là nguồn thu quan trọng cho ngân sách địa phương.

Việc phát triển hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa được kết hợp chặt chẽ với việc cải tạo tư thương và sáp xếp

lại thị trường, sáu tháng cuối năm 1984, công tác cải tạo tư thương và sáp xếp thị trường đã có chuyển biến đáng kể. Kết hợp chặt chẽ các biện pháp kinh tế, hành chính, giáo dục các địa phương đã tiến hành cải tạo và quản lý thương nghiệp tư nhân với nhiều hình thức quá độ thích hợp và có hiệu quả tốt (hợp tác, liên doanh, đại lý...). Trên nhiều ngành hàng chính (lương thực, thịt, cá, ăn uống...), nhiều nơi đang từng bước loại trừ tư sản thương nghiệp và những tư thương tương đối lớn; sáp xếp, sử dụng những người buôn bán nhỏ gắn với sáp xếp lại các ngành hàng và các chợ. Nhiều ngành và tỉnh đã xây dựng các ngành hàng quan trọng như lương thực (bao gồm cả phân phôi, xay xát, chế biến), thịt, vải, thuốc lá, thuốc chữa bệnh, vật tư... Nói chung việc cải tạo tư thương thực hiện tương đối thuận lợi, nhanh, có hiệu quả tốt; thị trường có tổ chức được mở rộng một bước rõ rệt.

Ở năm thị trường trọng điểm do Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng trực tiếp chỉ đạo, đã đạt kết quả tốt về các mặt cải tạo cũng như xây dựng, phát huy ảnh hưởng rõ đến sản xuất và đời sống, ở các địa phương khác, do quy mô của thị trường tương đối nhỏ, và do các tỉnh uỷ và uỷ ban nhân dân tỉnh lãnh đạo chặt chẽ, năng động, chủ động, việc làm chủ thị trường và giá cả cũng có nhiều tiến bộ.

III- NHỮNG NHƯỢC ĐIỂM VÀ KHUYẾT ĐIỂM

Những chuyển biến về sản xuất và phân phôi, lưu thông là tương đối rõ, nhưng thật sự mới có ý nghĩa bước đầu. Bên cạnh những kết quả đã đạt được, cũng bộc lộ nhiều mặt còn yếu kém.

Thiếu sót lớn nhất là việc xây dựng và ban hành các chủ trương, chính sách cụ thể, các quy định về cải tiến quản lý ngành còn chậm, sự chỉ đạo chưa được đồng bộ, do đó cơ chế quản lý mới chưa phát huy được tác động mạnh, còn cản trở việc phát huy quyền chủ động, nhất là của cơ sở.

Việc sắp xếp lại sản xuất, phân công, phân cấp quản lý, liên kết kinh tế... là những chủ trương lớn đã được quyết định từ lâu, trong thời gian qua đã bước đầu được thực hiện ở một số ngành, địa phương, nhưng nói chung triển khai cũng chậm.

Ở các địa phương, việc phân công, phân cấp của tỉnh cho huyện cũng chưa được đúng mức.

Về phân phối lưu thông, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa có bước phát triển mới nhưng lực lượng vẫn còn yếu, phương thức kinh doanh đổi mới chậm, hợp tác xã mua bán bắt đầu được chú ý phát triển và củng cố nhưng chưa rộng khắp và hoạt động còn yếu. Lực lượng tư thương còn lớn và ở nhiều nơi, còn nắm một phần bán buôn; thị trường tự do còn rất rộng. Tệ đầu cơ, buôn lậu, tuồn hàng hoá của Nhà nước ra ngoài chưa được ngăn chặn một cách cơ bản.

Giá cả nói chung được giữ tương đối khá, song ở một số địa phương, có lúc còn biến động đáng kể, ngay cả đối với một số mặt hàng quan trọng như gạo, tôm, hàng xuất khẩu... (thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh phía Nam).

Thuế công, thương nghiệp thu có khá hơn trước, nhưng còn thất thu nhiều. Bởi chi ngân sách cũng như tiền mặt rất lớn. Đến nay chưa có những hình thức, biện pháp có hiệu quả để nắm tiền và quản lý chặt tiền mặt nhằm hạn chế ảnh hưởng tiêu cực đến giá cả, đời sống và tăng nguồn vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh.

Nói chung, sự chuyển biến thể hiện rõ ở địa phương và cơ sở; việc đổi mới tổ chức quản lý sản xuất, kinh doanh ở nhiều ngành trung ương còn yếu, chậm, chưa đáp ứng kịp yêu cầu; cách quản lý quan liêu, cứng nhắc, gò bó vẫn còn nặng. Đối với công nghiệp địa phương, vai trò quản lý nhà nước của ngành trung ương chưa có chuyển biến.

Do ảnh hưởng của việc bước đầu cải tiến quản lý, sắp xếp lại sản xuất, kinh doanh theo tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết 6 ở các cơ sở và địa phương, thực tế đang làm nổi bật hơn

mâu thuẫn giữa yêu cầu phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả với sự hoạt động của một số ngành như: than, cung ứng vật tư, điện, tài chính, ngân hàng, giá cả, kế hoạch...

Công tác tổ chức, cán bộ, tuy được xác định là vấn đề then chốt và quyết định, nhưng thực tế chưa làm được bao nhiêu, chưa có phương án triển khai cụ thể việc thực hiện theo tinh thần Nghị quyết 6, kể cả trong những lĩnh vực, những ngành quan trọng.

Công tác kiểm tra, đi sát cơ sở, tuy làm nhiều hơn trước, nhưng thiếu sơ kết, tổng kết, thiếu những kết luận rõ ràng và kịp thời về những sáng kiến, kinh nghiệm của các địa phương, các ngành và cơ sở.

Sự phối hợp giữa Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng chặt chẽ hơn trước, nhưng sự phối hợp giữa các ban kinh tế của Đảng với các bộ, tổng cục của Hội đồng Bộ trưởng chưa thật tốt.

IV. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT ĐỂ THÚC ĐẨY VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 6

- Chỉ đạo chặt chẽ và khẩn trương việc ban hành các chính sách, chế độ quản lý, tổ chức cụ thể để có hệ thống đồng bộ các đòn bẩy, biện pháp bảo đảm việc thực hiện đầy đủ và có hiệu quả cao nội dung nghị quyết. Đặc biệt chú ý ban hành các văn bản pháp quy về các vấn đề còn tồn tại, và các văn bản hướng dẫn việc thực hiện các chủ trương lớn: đổi mới kế hoạch hoá, cải tiến quản lý xí nghiệp theo cơ chế hạch toán và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, tổ chức lại sản xuất, liên kết kinh tế, phân công, phân cấp quản lý, phân giao cơ sở sản xuất, kinh doanh, v.v..

- Tiếp tục chỉ đạo chặt chẽ việc thực hiện một số nhiệm vụ cấp bách trước mắt về phân phối, lưu thông: phát triển thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, cải tạo công, thương nghiệp tư nhân, quản lý thị trường, kiên quyết chống đầu cơ, buôn

lậu, loại trừ chợ đen; cải tiến tiền lương, điều chỉnh giá cả, cải tiến công tác tài chính - ngân hàng, tăng cường quản lý tài chính và quản lý tiền mặt, giảm bội chi ngân sách và tiền mặt đến mức thấp nhất; xây dựng phương án đồng bộ giá - lương - tài chính - tiền tệ.

- Kiên quyết tiến hành việc chấn chỉnh tổ chức, bộ máy và bố trí đúng cán bộ. Theo tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết 6, soát xét lại hệ thống tổ chức, biên chế và đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt trong các lĩnh vực quan trọng, các đơn vị kinh tế, các cơ sở sản xuất, kinh doanh lớn (xí nghiệp, huyện, liên hiệp xí nghiệp, công ty, bộ, tổng cục...). Có thái độ xử lý nghiêm minh, kịp thời với mọi trường hợp sai phạm nghiêm trọng.

- Về mặt chỉ đạo, cần có biện pháp cụ thể tăng cường vai trò quản lý nhà nước của các ngành ở trung ương, đồng thời với việc phát huy mạnh mẽ tính chủ động, năng động, sáng tạo của địa phương và cơ sở. Tổ chức tốt hơn nữa việc phối hợp giữa Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng, giữa các ban của Trung ương và các bộ, tổng cục.

- Tăng cường giáo dục tư tưởng, tạo cơ sở cho việc thống nhất tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và thống nhất hành động từ các ngành trung ương đến cơ sở, làm cho các chủ trương về cải tiến quản lý kinh tế được chấp hành nghiêm chỉnh.

- Tăng cường công tác nghiên cứu để tiếp tục làm sáng tỏ lý luận, quan điểm, tư tưởng mới trong quản lý kinh tế; quán triệt những chính sách lớn về quản lý kinh tế.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc. Phát hiện các ưu điểm, sáng kiến cần phổ biến và các thiếu sót, lêch lạc để uốn nắn kịp thời. Chú trọng tổng kết kinh nghiệm các mô hình tiên tiến để hoàn chỉnh các chế độ tổ chức, quản lý cụ thể, thống nhất, nhằm tạo ra sự phát triển đồng đều, mạnh mẽ, vững chắc.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

LỜI BẾ MẠC
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ V)

Ngày 17 tháng 12 năm 1984*

Thưa các đồng chí,

Hội nghị lần thứ bảy của Ban Chấp hành Trung ương chúng ta đã làm việc khẩn trương, sôi nổi và đạt kết quả tốt.

Hội nghị đã nhất trí đánh giá tình hình kinh tế - xã hội năm 1984, một năm có rất nhiều khó khăn, do địch hoạ, thiên tai, do thiếu thốn về các điều kiện vật chất - kỹ thuật; mặc dầu như vậy, đất nước ta vẫn tiếp tục thế đi lên vững chắc trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta thực sự vui mừng thấy Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương đã nhanh chóng tạo ra tinh thần phấn khởi mới và sức mạnh mới, phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa và tính chủ động,

* Chúng tôi chưa xác minh được người trình bày (B.T).

sáng tạo của toàn Đảng, toàn dân, của các cấp, các ngành, đặc biệt là của cơ sở, để vượt qua khó khăn, tạo ra những chuyển biến mới trên mặt trận kinh tế.

Năm 1985 là năm kết thúc kế hoạch 5 năm 1981 - 1985 và là năm chuẩn bị bước vào thời kỳ kế hoạch 5 năm 1986 - 1990. Hội nghị Trung ương chúng ta đã nhất trí là phải tiếp tục phấn đấu rất cao để năm 1985 sẽ là một năm có chuyển biến mạnh mẽ trên mọi mặt sản xuất và đời sống, quốc phòng và an ninh, chuyển biến mạnh mẽ trong công tác tổ chức và cán bộ, công tác quần chúng và công tác xây dựng đảng, nhằm hoàn thành thắng lợi kế hoạch nhà nước năm 1985, thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội mà Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng đã đề ra và tích cực chuẩn bị kế hoạch 5 năm 1986 - 1990.

Như đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn đã phát biểu khi khai mạc hội nghị: Năm 1985 chúng ta phải sử dụng lao động, đất đai, rừng, biển và mọi phương tiện lao động khác tốt hơn, có hiệu quả hơn nhằm phát triển nông nghiệp mạnh mẽ hơn, giải quyết một bước vững chắc vấn đề lương thực, mở thêm diện tích cây công nghiệp; đồng thời đẩy nhanh nhịp độ phát triển công nghiệp, phấn đấu phát triển mạnh công nghiệp hàng tiêu dùng, đồng thời coi trọng phát triển công nghiệp nặng nhằm thực hiện cơ cấu công - nông nghiệp hiện đại.

Để làm những việc kể trên, phải rất coi trọng tăng cường đến mức cao nhất xuất - nhập khẩu, phải xuất để nhập cho được những vật tư và thiết bị cần thiết cho sự nghiệp vô cùng quan trọng ấy.

Hội nghị Trung ương coi những chỉ tiêu của kế hoạch mà 1985 đề ra trong báo cáo của Hội đồng Bộ trưởng là những chỉ tiêu tối thiểu, phải phấn đấu thực hiện mức cao hơn. Chúng ta tin rằng với những nhân tố tích cực mới, với tinh thần chủ động, sáng tạo của các địa phương, các ngành, các cơ sở trong cả nước được cổ vũ, thúc đẩy mạnh mẽ bởi các nghị quyết đúng đắn của Hội nghị lần thứ sáu và lần thứ bảy

của Ban Chấp hành Trung ương; ra sức phát huy những nguồn khả năng to lớn của hàng vạn cơ sở sản xuất và kinh doanh, của 400 huyện, của tất cả các địa phương và các ngành, chúng ta hoàn toàn có khả năng làm được nhiều hơn và tốt hơn như dự kiến kế hoạch đã trình bày ở hội nghị.

Hội nghị Trung ương chúng ta nhất trí phải chuyển hẳn từ cơ chế quan liêu, bao cấp sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa theo đúng tinh thần và nội dung Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương. Thay đổi cơ chế quản lý là vấn đề rất rộng lớn, rất phức tạp, nhưng chúng ta đã có một số kinh nghiệm tốt, năm 1985 chúng ta quyết tâm tổ chức cách làm việc tốt hơn, khẩn trương hơn để thực hiện cho bằng được.

Ban Chấp hành Trung ương đã quyết định phải giải quyết một cách đồng bộ vấn đề giá - lương - tiền và sẽ có một hội nghị Trung ương bàn chuyên đề về vấn đề này. Đó là quyết định có ý nghĩa hết sức quan trọng, bởi vì vấn đề giá - lương - tiền quan hệ trực tiếp đến tất cả các mặt: phát triển sản xuất, cải tiến quản lý kinh tế, bảo vệ Tổ quốc, chăm lo đời sống nhân dân. Vấn đề này phải được chuẩn bị rất khẩn trương và chu đáo để giải quyết một cách kịp thời, đúng đắn, vững chắc.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị Trung ương đã thông qua hai nghị quyết quan

trọng về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1985 và về xây dựng huyện. Yếu tố cơ bản để bảo đảm thực hiện thắng lợi các nghị quyết đó trước hết là phải biến được sự nhất trí của Hội nghị Trung ương lần này thành sự nhất trí và lòng tin sâu sắc của các cấp, các ngành, của cán bộ, đảng viên, của chiến sĩ và đồng bào cả nước, tăng cường sự đoàn kết, thống nhất của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta chung quanh Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn kính mến.

Phải đoàn kết, thống nhất cả trong nhận thức và trong hành động. Sự đoàn kết, thống nhất phải được thể hiện rõ rệt bằng việc tiếp thu, quán triệt và tổ chức tốt việc thực hiện nghị quyết của Trung ương, biến nghị quyết thành hành động cách mạng, thành phong trào quần chúng sôi nổi, thành những kết quả thực tế trong việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng, đập tan mọi hành động phá hoại của địch, đồng thời luôn luôn nâng cao cảnh giác, sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống, thực sự tạo ra bước chuyển biến trong mọi mặt hoạt động của Đảng và Nhà nước từ trung ương đến cơ sở. Bằng những nỗ lực mới và những tiến bộ mới, những thắng lợi mới, chúng ta sẽ thiết thực chào mừng những ngày lễ lớn của Đảng ta và dân tộc ta trong năm 1985 và thiết thực chuẩn bị Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng.

Chúc sức khoẻ các đồng chí Trung ương và tất cả các đồng chí.

Chúc thắng lợi trong sự nghiệp vĩ đại của chúng ta.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BÁY
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
(KHOÁ V)**

Số 22-NQ/TW, ngày 20 tháng 12 năm 1984

**Về phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch kinh tế -
xã hội năm 1985**

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương họp từ ngày 11 đến ngày 17-12-1984, sau khi nghe báo cáo của Hội đồng Bộ trưởng và thảo luận về tình hình thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1984 và phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch nhà nước năm 1985, đã quyết định những vấn đề chủ yếu như sau:

I- TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 1984

Năm 1984, với tinh thần phấn đấu dũng cảm, kiên cường của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, mặc dù thiên tai xảy ra ở hầu khắp các miền đất nước, bọn... đầy mạnh các hoạt động quân sự lấn chiếm ở biên giới..., đồng thời ráo riết tăng

cường hoạt động chiến tranh phá hoại nhiều mặt, nồng lượng, vật tư nhập khẩu và ngoại tệ khó khăn hơn các năm trước, chúng ta đã vượt qua những thử thách gay gắt và tiếp tục vững bước đi lên. Chúng ta đã đánh bại một bước kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, giữ vững an ninh chính trị, bảo vệ vững chắc biên giới phía bắc, tạo ra những tiến bộ và chuyển biến mới đáng phấn khởi trên mặt trận kinh tế.

Trong cả nước, sản xuất nông nghiệp tiếp tục đà phát triển tốt, sản lượng lương thực tăng hơn năm 1983 (là¹⁾ 30 vạn tấn; các mặt chăn nuôi, cây công nghiệp, nuôi trồng, khai thác thuỷ sản, nghề rừng đều phát triển khá. Giá trị sản lượng công nghiệp tăng 7,5%; công nghiệp quốc doanh, nhất là quốc doanh trung ương, có tiến bộ rõ, một số sản phẩm công nghiệp quan trọng tăng khá so với năm 1983.

Ngành giao thông, vận tải đã cố gắng vận chuyển các mặt hàng quan trọng, tích cực phát triển các phương tiện vận tải thuỷ, bộ, mỏ đường miền núi, xây dựng cầu, đường; khối lượng vận chuyển tăng khá.

Xây dựng cơ bản đã tập trung hơn cho những công trình trọng điểm nhà nước, nhiều công trình đạt được tiến độ thi công, đưa vào sử dụng đúng thời hạn, phát huy được hiệu quả vốn đầu tư.

Công tác thu mua, nắm hàng có tiến bộ rõ, nhất là thu mua lương thực và nông sản. Kim ngạch xuất khẩu tăng, tuy mức tăng còn chậm.

Công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố và mở rộng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, tăng cường quản lý thị trường được chỉ đạo kiên quyết và tập trung đã có những chuyển biến mới ở các thành phố lớn và nhiều địa phương trong cả nước.

Công tác khoa học - kỹ thuật, các hoạt động giáo dục, văn hoá, y tế, xã hội đều có cố gắng và tiến bộ.

¹⁾ Chúng tôi thêm vào (B.T).

Nét nổi bật là trong sáu tháng cuối năm 1984, những cải tiến bước đầu trong cơ chế quản lý kinh tế theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương, thể hiện ở một số chủ trương, chính sách mới ban hành, đã có tác dụng kích thích sản xuất, làm nảy nở nhiều nhân tố mới, nhiều điển hình tốt trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp cũng như trong các hoạt động phân phối, lưu thông, nhất là về cải tạo và quản lý thị trường, cải tiến và sửa đổi phương thức sản xuất, kinh doanh. Nghị quyết 6 của Trung ương, với sự nhất trí rất cao của toàn Đảng, đang đi vào cuộc sống, khơi dậy và phát huy mạnh mẽ tính chủ động, sáng tạo, trách nhiệm và quyền hạn của cả ba cấp cùng làm chủ, thúc đẩy sự chuyển biến các hoạt động kinh tế từ quan liêu, bao cấp sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa; từ tình trạng ỷ lại, thụ động sang khí thế tự lực, tự cường, chủ động và năng động, mở ra những triển vọng tốt đẹp để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1985 và những năm tới.

Tuy nhiên, nền kinh tế nước ta hiện nay vẫn đang còn nhiều khó khăn và mất cân đối lớn; tình hình kinh tế - xã hội chưa ổn định; nhịp độ phát triển kinh tế năm 1984 chậm hơn những năm 1981 - 1983. Sản xuất nông nghiệp còn chưa vững chắc; sản xuất công nghiệp phát triển không đều, năng suất, chất lượng và hiệu quả đều thấp, tiêu hao vật tư, năng lượng ngày càng lớn, giá thành tăng hơn các năm trước. Giá cả, thị trường vẫn diễn biến phức tạp, bội chi ngân sách và bội chi tiền mặt quá nhiều. Đời sống của nhân dân, nhất là của cán bộ, công nhân, các lực lượng vũ trang, còn nhiều khó khăn và không ổn định. Các hiện tượng tiêu cực trong kinh tế và xã hội chưa được ngăn chặn có hiệu quả.

Tình hình trên có nhiều nguyên nhân. Những nguyên nhân khách quan vẫn là cơ sở vật chất - kỹ thuật quá yếu, năng lượng, vật tư, ngoại tệ thiếu nghiêm trọng; thiên tai xảy ra nhiều; kẻ địch tăng cường phá hoại nhiều mặt. Nhưng có nhiều khuyết điểm chủ quan, nổi bật là:

- Những khuyết điểm trong cơ chế quản lý kinh tế và kế hoạch hoá tuy đã khắc phục được một bước, nhưng tệ quan liêu, bao cấp, tư tưởng bảo thủ, trì trệ vẫn còn nặng; việc sửa đổi, bổ sung các chính sách cũ không còn phù hợp, cũng như việc ban hành các chính sách mới còn chậm, nhất là về các vấn đề giá cả, tiền lương, tiền tệ. Việc sắp xếp lại sản xuất chưa làm được bao nhiêu. Công tác kế hoạch hoá chưa được thật sự đổi mới, chưa phát huy được các nguồn khả năng rất phong phú của các địa phương, các ngành và của cơ sở, và cũng chưa lường hết các khó khăn, có những cân đối thiếu vững chắc.

- Công tác tổ chức, cán bộ chuyển chậm, chưa kịp thời kiện toàn những tổ chức yếu kém, chậm giải quyết việc sắp xếp tổ chức, tinh giản bộ máy, bố trí cán bộ ở các ngành, các địa phương và cơ sở trọng yếu không đáp ứng được các yêu cầu cải tiến và xây dựng cơ chế quản lý mới. Chưa xử lý thật nghiêm và kịp thời đối với những người tham ô, lãng phí, vô trách nhiệm, gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản của Nhà nước, tính mạng của nhân dân; chưa đấu tranh kiên quyết để khắc phục những biểu hiện kém ý thức tổ chức và kỷ luật, cục bộ, địa phương chủ nghĩa.

- Công tác chỉ đạo, điều hành, tuy đã được nhấn mạnh trong nhiều nghị quyết của Trung ương và đang được từng bước cải tiến, song vẫn còn là khâu yếu. Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo còn thiếu tập trung, kiên quyết; thiếu theo dõi chặt chẽ và tổng kết kịp thời những sáng tạo mới, những kinh nghiệm phong phú của các địa phương và cơ sở; chưa tổ chức tốt việc nghiên cứu về chính sách kinh tế để giải quyết kịp thời các vấn đề nóng bỏng, cấp bách đã nêu trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương.

II- VỀ NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 1985

Năm 1985 là năm kết thúc kế hoạch 5 năm 1981 - 1985, đồng thời chuẩn bị cho kế hoạch 5 năm 1986 - 1990, phải là

năm có những chuyển biến tích cực và mạnh mẽ trong tình hình kinh tế - xã hội và trong phong trào cách mạng của quần chúng cả nước.

Phải phấn đấu thực hiện cho được bốn mục tiêu kinh tế - xã hội và các chỉ tiêu chủ yếu của Đại hội V, đưa nền kinh tế đi vào thế ổn định và phát triển đúng đường lối, chủ trương của Đảng. Phải khẩn trương xúc tiến các công việc chuẩn bị cho kế hoạch 5 năm 1986 - 1990, như: tổng kết việc thực hiện kế hoạch 5 năm 1981 - 1985, đề ra chiến lược kinh tế dài hạn, chuẩn bị về đầu tư xây dựng cơ bản; phối hợp kế hoạch với các nước trong Hội đồng đồng tương trợ kinh tế, với Lào và Campuchia; xây dựng và phát huy cơ chế quản lý mới để thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển nền kinh tế quốc dân; chuẩn bị tốt về tổ chức và cán bộ.

Kế hoạch nhà nước năm 1985 phải quán triệt hơn nữa tư tưởng chỉ đạo và nội dung của Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V, của các nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu, lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương, mà quan trọng nhất là:

- Kế hoạch năm 1985 phải tiếp tục xem *mặt trận sản xuất nông nghiệp là hàng đầu*, trước hết là sản xuất *lương thực, thực phẩm*. Phải phát triển mạnh hơn nữa *hàng tiêu dùng* trong nước và *hàng xuất khẩu*, đồng thời tăng cường các *cơ sở công nghiệp nặng* then chốt phục vụ nông nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng, bảo đảm phát triển cơ cấu công - nông nghiệp, làm cho công nghiệp ngày càng có tác dụng thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

- Phải xem việc ổn định và cải thiện một bước *đời sống nhân dân*, trước hết là đời sống của cán bộ, công nhân, bộ đội, công an, là mục tiêu thứ nhất, đồng thời phải phấn đấu tăng thêm *tích luỹ* để tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

- Kiên quyết hoàn thành về cơ bản nhiệm vụ *cải tạo xã hội chủ nghĩa đổi mới nông nghiệp* ở Nam Bộ và đổi mới *đông thương nghiệp* tư doanh trong cả nước với những hình thức,

bước đi thích hợp, củng cố và tăng cường khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa. Trong công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa, phải nắm vững phương châm: cải tạo kết hợp với xây dựng, lấy xây dựng làm chính.

- Kết hợp tốt hơn kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, *bảo đảm yêu cầu củng cố quốc phòng và an ninh*, đấu tranh có hiệu quả làm thất bại cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, tăng cường toàn diện các tỉnh, huyện biên giới phía Bắc, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống.

- Tiếp tục *cải tiến cơ chế quản lý* bằng cách đề ra càng sớm càng tốt những chính sách và biện pháp cụ thể, để chuyển hẳn từ cách quản lý quan liêu, bao cấp sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, phát huy mạnh mẽ quyền chủ động và tính sáng tạo của các cấp, các ngành, nhất là của cơ sở; đồng thời khắc phục tình trạng tự do, vô tổ chức, vô kỷ luật; coi năng suất, chất lượng, hiệu quả là tiêu chuẩn hàng đầu để đánh giá các hoạt động sản xuất, kinh doanh và chính sách quản lý. Cần có những quy định phân biệt rõ chức năng quản lý hành chính - kinh tế của cơ quan nhà nước các cấp với chức năng kinh doanh của các đơn vị kinh tế.

- Thực hiện bằng được trong năm 1985 trên phạm vi cả nước quyết định của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương về việc *Nhà nước làm chủ thị trường*, thống nhất quản lý lương thực, các vật tư chiến lược và các hàng hoá thiết yếu, loại trừ chợ đen, đầu cơ, buôn lậu; giải quyết đồng bộ và vững chắc những vấn đề cấp bách về *giá cả, tiền lương, tài chính, tiền tệ*.

- Phải thực sự đổi mới kế hoạch hoá. Trong việc *bố trí kế hoạch, phải bảo đảm tính hiện thực và vững chắc*, dựa trên cơ sở cân đối với điều kiện vật chất hiện có, *tích cực khai thác bốn nguồn khả năng*. Hết sức tập trung vào các trọng điểm, đồng thời phát triển cân đối giữa các ngành, các vùng, các cơ sở, *phấn đấu đạt tốc độ phát triển và hiệu quả kinh tế*

cao hơn. Muốn vậy phải phát huy ý chí tự lực, tự cường, khơi dậy mạnh mẽ *phong trào cách mạng và tinh thần làm chủ tập thể* của nhân dân lao động, của cán bộ, đảng viên, của các ngành, các địa phương, các cơ sở; động viên sức mạnh tổng hợp của Nhà nước và nhân dân, khuyến khích các cơ sở, địa phương, ngành nỗ lực khai thác tốt nhất các tiềm năng về lao động, đất đai, ngành nghề, cơ sở vật chất sẵn có, mở rộng hợp tác, liên kết kinh tế, tăng cường xuất, nhập khẩu để bảo đảm sự cân đối giữa mục tiêu và biện pháp.

Kế hoạch phải được xây dựng theo tinh thần triệt để thực hành *tiết kiệm*, mau chóng áp dụng các thành tựu *khoa học - kỹ thuật*; hết sức xem trọng các chỉ tiêu về số lượng cũng như chất lượng, tăng nhanh sản lượng; *nâng cao hiệu quả đầu tư, nâng suất lao động và chất lượng sản phẩm*.

Sau đây là mấy vấn đề chủ yếu và cấp bách cần giải quyết:

1. Về sản xuất nông nghiệp

Năm 1985, *lương thực vẫn là trọng tâm số một*, quyết định sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội. Phấn đấu hết sức để đạt sản lượng 19 triệu tấn lương thực quy thóc. Hướng chính là thâm canh, tăng năng suất, tăng vụ, đồng thời mở thêm diện tích trồng cây lương thực ở những nơi có điều kiện và mở rộng đến đâu thâm canh đến đó, xây dựng các vùng lúa và màu cao sản, tích cực phát triển thuỷ lợi và giải quyết vấn đề sức kéo để đưa hệ số sử dụng đất canh tác lên cao hơn, nhất là ở Nam Bộ.

Đối với sự chỉ đạo của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng, các ngành trung ương, trước hết là các bộ Nông nghiệp, Lương thực, Ngoại thương, Ngân hàng Ngoại thương phải cùng các địa phương tìm mọi biện pháp có hiệu lực về sản xuất cũng như về xuất - nhập khẩu, để bảo đảm cung cấp đủ và kịp thời phân bón, thuốc trừ sâu và những vật tư cần thiết khác cho sản xuất lương thực, trước hết là cho những vùng trọng điểm lúa.

Cùng với sản xuất lúa, phải đồng thời phát triển mạnh màu, đưa tỷ trọng màu lên cao hơn nữa; xây dựng các vùng màu tập trung ở các tỉnh trung du và miền núi, có chính sách và biện pháp đồng bộ và toàn diện (giống, gieo trồng, phòng trừ sâu bệnh, thu hoạch, chế biến, bảo quản, vận chuyển, tiêu thụ) đối với vùng màu.

Đi đôi với việc khai thác các điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh sản xuất lương thực ở đồng bằng sông Cửu Long, cần tập trung sức hơn nữa tăng nhanh sản lượng lương thực ở miền Bắc, nhất là ở đồng bằng sông Hồng, để giải quyết vững chắc vấn đề lương thực và ổn định đời sống của nhân dân trên phạm vi cả nước.

Trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất, phải làm thật tốt công tác *huy động lương thực*, có chủ trương, chính sách đúng đắn bảo đảm cho Nhà nước nắm được tuyệt đại bộ phận lương thực hàng hoá, nhằm thực hiện cho được chính sách *Nhà nước thống nhất quản lý và kinh doanh lương thực*. Kiên quyết thu đủ thuế và nợ, thu công dịch vụ bằng hiện vật, mở rộng thu mua theo hợp đồng hai chiều. Đối với phần lương thực và nông sản hàng hoá còn lại, Nhà nước mua trực tiếp với nông dân theo giá thoả thuận.

Bảo đảm vững chắc lượng thực cho lực lượng vũ trang, cho các khu công nghiệp và các thành phố lớn là trách nhiệm chung của cả nước. Để kịp thời giải quyết những khó khăn trước mắt về lương thực ở miền Bắc, phải tăng cường huy động lương thực trên tất cả các vùng, tập trung mọi phương tiện vận chuyển gạo từ miền Nam ra. Mọi việc xuất khẩu lương thực phải do Bộ Lương thực thống nhất quản lý và phải do Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng quyết định. Phải hết sức tiết kiệm lương thực, giảm hao hụt, mất mát, chống tham ô và thu hẹp diện bao cấp lương thực, kiên quyết bài trừ tệ nấu rượu lậu, hạn chế chăn nuôi bằng lúa gạo.

Bổ sung, sửa đổi các chính sách về thu mua, giá cả đối với vùng trồng cây công nghiệp để khuyến khích đẩy mạnh trồng cây công nghiệp ngắn ngày, nhất là đậu tương, lạc, đỗ,

vừng, thuốc lá, mía, đay..., tăng nhanh nông sản xuất khẩu và nguyên liệu cho công nghiệp.

Về *cây công nghiệp dài ngày* (caosu, cà phê, chè,...) trước hết tập trung đầu tư để thăm canh trên diện tích đã có, đồng thời mở rộng diện tích trồng mới, thực hiện phương châm "lấy ngắn, nuôi dài", khuyến khích mạnh mẽ các tỉnh, huyện, hợp tác xã, gia đình tìm các hình thức tổ chức lao động thích hợp để phát triển cây công nghiệp với hiệu quả kinh tế cao, chi phí ít tốn kém mà tăng nhanh được diện tích và sản lượng.

- Phát triển mạnh *chăn nuôi* để bảo đảm nhu cầu thực phẩm, phân bón và xuất khẩu. Bằng các biện pháp phát triển các cơ sở tuyển chọn và cung cấp giống tốt, các cơ sở chế biến thức ăn, mạng lưới thú y, khôi phục và phát triển các trại chăn nuôi tập thể, quốc doanh, tổ chức phục vụ tốt và khuyến khích mạnh mẽ chăn nuôi gia đình, nhất là ở các vùng đai thực phẩm quanh các thành phố, khu công nghiệp và trên tuyến biên giới phía Bắc.

- Về *thuỷ sản*, đẩy mạnh đánh bắt cá biển, tích cực phát triển diện tích nuôi tôm, cá nước lợ, tận dụng và thăm canh diện tích nuôi cá nước ngọt ở khắp các vùng, phát triển nuôi trồng các thuỷ sản khác có giá trị xuất khẩu cao ở những nơi có điều kiện.

- Về *lâm nghiệp*, tiếp tục tìm mọi biện pháp về chính sách và về tổ chức để nhanh chóng phủ xanh đất trống, đồi trọc, trồng và tái sinh rừng theo phương hướng nông - lâm kết hợp và chặn đứng nạn phá rừng, thực hiện nhanh việc giao đất và giao rừng cho hợp tác xã và nông dân, kết hợp với công tác định canh, định cư.

Ban hành những chính sách mới để khuyến khích nghề rừng, thu hút thêm nhiều lao động làm nghề rừng; hết sức tiết kiệm gỗ, tận thu cành, ngọn. Thống nhất quản lý chế biến gỗ vào ngành lâm nghiệp.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế *khoán sản phẩm*, khắc phục tình trạng khoán trắng, hình thành cơ chế quản lý hợp tác xã

nông nghiệp hoàn chỉnh. Phát triển nhanh các cơ sở vật chất - kỹ thuật và các công ty dịch vụ kỹ thuật trên địa bàn huyện. Đẩy mạnh việc xây dựng và củng cố các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp, thủy sản ở miền Nam, căn bản hoàn thành hợp tác hoá nông nghiệp ở Nam Bộ vào cuối năm 1985.

2. Về công nghiệp

Phải khai thác mọi nguồn khả năng về vật tư, thiết bị, khoa học - kỹ thuật, vốn (kể cả tranh thủ vốn bên ngoài), phấn đấu đạt *tốc độ phát triển công nghiệp cao hơn năm 1984*. Đó là một nhiệm vụ trọng yếu trước mắt nhằm tăng thêm sản phẩm phục vụ sản xuất, xuất khẩu và đời sống, tạo điều kiện để ổn định thị trường, giá cả, tài chính và đời sống nhân dân. Tăng thêm đầu tư và có những chính sách khuyến khích, thúc đẩy phát triển mạnh công nghiệp thực phẩm và hàng tiêu dùng thiết yếu; tập trung tiền vốn, vật tư và có chính sách hợp lý để nhanh chóng khôi phục và phát triển sản xuất than đang ở trong tình trạng giảm sút, phát triển ngành điện, đẩy mạnh thăm dò và khai thác dầu khí, phát triển cơ khí, luyện kim, vật liệu xây dựng, hoá chất, nhất là phân bón và thuốc trừ sâu.

Nâng cao hệ số sử dụng công suất của các cơ sở quốc doanh, đồng thời tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật, tạo thêm nguồn nguyên liệu, củng cố hệ thống quản lý, bổ sung các chính sách khuyến khích, giúp đỡ để phát triển mạnh sản xuất *tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp*. Tổ chức tốt việc liên kết, liên doanh, khai thác các khả năng sẵn có để mở rộng sản xuất.

Ban hành gấp hệ thống định mức tiêu hao vật tư và các chính sách khuyến khích tiết kiệm vật tư, kiên quyết khôi

phục lại định mức tiêu hao vật tư của những năm 1975 - 1976. Bằng các biện pháp kinh tế, tổ chức và hành chính... phấn đấu nâng cao *chất lượng sản phẩm*, nhất là chất lượng hàng xuất khẩu; chấm dứt tình trạng chất lượng sản phẩm đang giảm sút nghiêm trọng.

3. Về giao thông vận tải và bưu điện

Áp dụng cơ chế kinh doanh xã hội chủ nghĩa để huy động đến mức cao nhất năng lực các loại phương tiện vận tải đường sông, đường biển, đường bộ, đường sắt, có chính sách khuyến khích các cơ sở tập thể vận tải thô sơ; triệt để tiết kiệm xăng, dầu; bảo đảm đáp ứng nhu cầu tối thiểu của kinh tế, quốc phòng và việc đi lại của nhân dân.

Cần tăng cường đầu tư cho giao thông, vận tải và xây dựng cầu trúc hạ tầng (đường sá, cầu cống, kho tàng, bến cảng...), nâng cao năng lực giao thông, vận tải ở các tỉnh biên giới phía Bắc, ở đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên.

Nâng cao chất lượng và tăng cường các hoạt động thông tin bưu điện phục vụ sản xuất, đời sống và an ninh, quốc phòng.

4. Về xây dựng cơ bản

Vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 1985 bố trí bằng mức năm 1984 và phải được sử dụng có hiệu quả hơn. Muốn vậy, phải sắp xếp lại theo thứ tự ưu tiên được cân nhắc kỹ lưỡng, bảo đảm cân đối vật tư vững chắc và phù hợp với khả năng quản lý thi công. Kiên quyết đình hoãn các công trình chưa thật cấp thiết và chậm mang lại hiệu quả. Phải đặc biệt coi trọng *đầu tư chiều sâu*, bổ sung và đồng bộ hoá để tận dụng những

công suất hiện có, khắc phục tình trạng lãng phí trong xây dựng cơ bản; rất coi trọng bảo đảm chất lượng công trình. Trung ương khuyến khích các địa phương tự tạo thêm nguồn vốn cho xây dựng cơ bản, nhưng phải tăng cường quản lý, kiểm soát và hướng dẫn, đưa xây dựng cơ bản của các địa phương vào kế hoạch của Nhà nước, bảo đảm cân đối vật tư trong cả nước, không để những vật tư chủ yếu bị sử dụng phân tán một cách tự phát.

5. Về kinh tế đối ngoại và xuất - nhập khẩu

Năm 1985 phải tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết số 19 của Bộ Chính trị về quan hệ kinh tế giữa nước ta với nước ngoài. Phấn đấu tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu, bảo đảm chất lượng hàng xuất khẩu để giữ được tín nhiệm quốc tế và mở rộng được thị trường xuất khẩu; thực hiện đầy đủ các cam kết với các nước; nâng cao hiệu quả kinh tế của công tác xuất - nhập khẩu.

Phải tăng cường đầu tư cho những mặt hàng xuất khẩu quan trọng; trước mắt, tập trung vốn đầu tư và thương tiện vật chất để hình thành các mặt hàng xuất khẩu chủ lực, như lạc, thuốc lá, rau quả, cao su, cà phê, chè, tôm, v.v.. Nhanh chóng sửa lại tỷ giá hối đoái và bổ sung kịp thời các chính sách thu mua, hợp đồng hai chiều, giá cả, tín dụng,... nhằm khuyến khích mạnh sản xuất và thu mua các mặt hàng xuất khẩu chủ lực.

Tiếp tục sắp xếp lại các tổ chức và hoạt động xuất khẩu, có chính sách khuyến khích mạnh các ngành, các địa phương (kể cả các huyện), các cơ sở kinh doanh xuất - nhập khẩu dưới sự quản lý thống nhất về mặt nhà nước của Bộ Ngoại thương và Ngân hàng Ngoại thương, theo một quy chế phù hợp với tinh thần Nghị quyết 19 của Bộ Chính trị. Cải tiến

sự hoạt động của hệ thống ngoại thương nhằm giải quyết các dịch vụ ngoại thương nhanh chóng, nhạy bén.

Hội đồng Bộ trưởng và các ngành kinh tế phải xúc tiến việc nghiên cứu các phương án mở rộng hợp tác kinh tế với các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế và tranh thủ vốn bên ngoài theo Nghị quyết của Hội nghị cấp cao các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế ở Mátxcơva.

Mở rộng thiết thực và có hiệu quả sự liên kết kinh tế giữa ba nước Đông Dương.

Nghiên cứu ban hành luật đầu tư mới để mở rộng hợp tác và tranh thủ tín dụng của các nước xã hội chủ nghĩa và các nước khác cũng như của các tổ chức kinh tế quốc tế. Có chính sách rộng rãi hơn để thu hút thêm nguồn vốn từ bên ngoài như kiều hối, du lịch, dịch vụ, xuất khẩu lao động - kỹ thuật.

Phải tìm mọi biện pháp giải quyết cho được các khoản nợ nước ngoài đã đến hạn mà không thể trì hoãn.

6. Về phân phối - lưu thông

Giá cả - tiền lương - tài chính, tiền tệ là những vấn đề nóng bỏng, liên quan trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh, phải được giải quyết một cách đồng bộ và khẩn trương để làm cơ sở cho việc đổi mới kế hoạch hóa, thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, lập lại trật tự trong phân phối, lưu thông, ổn định đời sống của công nhân, cán bộ, nhân viên nhà nước và các lực lượng vũ trang. Đây là một vấn đề hết sức phức tạp, cần tiến hành tích cực nhưng thận trọng. Ban Chấp hành Trung ương giao cho Bộ Chính trị lập một tiểu ban nghiên cứu tổng hợp về giá - lương - tiền, chuẩn bị rất khẩn trương để Ban Chấp hành Trung ương họp bàn chuyên đề vào cuối quý I-1985.

Trước mắt, trong khi chờ đợi phương án giải quyết đồng bộ về giá - lương - tiền, Nhà nước cần có những biện pháp thích đáng bảo đảm đời sống, hết sức cố gắng cung cấp đủ và kịp thời cho bộ đội, công an và công nhân, cán bộ các mặt hàng theo tiêu chuẩn định lượng, thiết thực chăm lo đời sống anh

chị em, nhất là trong dịp Tết Nguyên đán sắp tới. Về giá cả, tiếp tục thực hiện các quyết định của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương, các ngành, các cấp và cơ sở sản xuất - kinh doanh phải tìm mọi biện pháp để duy trì và phát triển sản xuất, nghiêm chỉnh chấp hành kỷ luật giá của Nhà nước; nghiêm cấm việc lợi dụng chênh lệch giá để kiếm lãi bất hợp pháp; cơ quan vật giá nhà nước phải đi sát thực tế, xử lý kịp thời các vướng mắc về giá cả trong việc thu mua nguyên liệu, vật tư và tiêu thụ sản phẩm của các cơ sở, các cấp, các ngành.

Điều có ý nghĩa quyết định trước mắt là Nhà nước phải tiếp tục tăng cường quản lý và làm chủ thị trường, mở rộng hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa; đặc biệt là kiên quyết thực hiện việc *Nhà nước độc quyền kinh doanh vật tư chiến lược, thống nhất quản lý lương thực và hàng tiêu dùng thiết yếu*.

Ngành *thương nghiệp* phải vươn lên nắm toàn bộ khâu bán buôn, đại bộ phận khâu bán lẻ và dịch vụ, quản lý chặt chẽ các quỹ vật tư, hàng hoá của Nhà nước.

Ngành *tài chính* và các cấp chính quyền địa phương phải có sự chuyển biến vượt bậc trong việc tăng nhanh các nguồn thu ngân sách, tận thu thuế nông nghiệp, thuế công, thương nghiệp, thu nợ, bảo đảm các nhu cầu chi tiêu hợp lý của nền kinh tế quốc dân; phấn đấu giảm đến mức thấp nhất bởi chi ngân sách. Phải nâng lãi suất, định lại thời hạn công trái và sửa đổi cách tổ chức phát hành công trái để động viên được mạnh hơn.

Phải khẩn trương xây dựng, bổ sung các chính sách tài chính và cải tiến công tác quản lý tài chính của Nhà nước để thực hiện đúng đắn chế độ hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền tự chủ tài chính của cơ sở, thúc đẩy phát triển sản xuất.

Ngân hàng phải chuyển mạnh sang cơ chế kinh doanh xã hội chủ nghĩa, nhanh chóng cải tiến các chế độ, chính sách, thủ tục tín dụng và thanh toán; phát triển mạnh các hợp tác xã

tín dụng và các hình thức tín dụng khác, nâng lãi suất tiền gửi tiết kiệm, và sửa đổi các thể thức gửi tiền vào, rút tiền ra, bảo đảm sự thuận tiện cho nhân dân khi gửi tiền tiết kiệm, nhằm thu hút cho được phần lớn tiền dư thừa trong xã hội, hạn chế đến mức thấp nhất việc phát hành tiền để chi tiêu tài chính.

Phải thể chế hoá phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm, trung ương và địa phương cùng làm", không để cho mỗi nơi quy định chế độ huy động sức dân một cách tuỳ tiện. Chấm dứt tình trạng làm ăn không có hiệu quả, lãng phí, tham ô, chi tiêu tuỳ tiện trong sản xuất, kinh doanh cũng như trong hành chính, sự nghiệp và trong sinh hoạt. Thực hiện nghiêm ngặt công tác kiểm tra chi tiêu tài chính và chi tiền mặt, bao gồm ngoại tệ; khen thưởng thích đáng những đơn vị, cá nhân làm tốt; đồng thời thi hành kỷ luật nghiêm minh đối với những đơn vị và cá nhân vi phạm nghiêm trọng chế độ tài chính của Nhà nước.

7. Tiếp tục thực hiện chủ trương phân bố lực lượng lao động và dân cư trên phạm vi cả nước theo quy hoạch và kế hoạch hợp lý. Phải tiếp tục đẩy mạnh việc điều động lao động cho những khu kinh tế mới trong nội địa từng tỉnh, vào miền Nam, Tây Nguyên và đến các tỉnh miền núi và biên giới phía Bắc. Cần làm tốt các khâu chuẩn bị và có những chính sách, biện pháp cụ thể bảo đảm đời sống cho những người di xây dựng các vùng kinh tế mới.

Tìm mọi cách *giải quyết công việc* cho những người chưa có việc làm; bảo đảm các điều kiện sản xuất và đời sống của những người lao động, đồng thời tăng cường quản lý và kỷ luật để mọi người trong bộ máy nhà nước, trong các cơ sở quốc doanh và tập thể *làm đủ 8 giờ, làm có năng suất, có hiệu quả*. Phải kiên quyết tinh giản bộ máy, giảm biên chế và khống chế quỹ lương. Đối với khu vực sản xuất, kinh doanh, phải sắp xếp và tổ chức lại sản xuất, lấy năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất, kinh doanh làm chính.

Phát triển mạnh nghề rừng, nghề cá, chăn nuôi, thủ công nghiệp và tiểu công nghiệp, kinh tế gia đình, để thu hút thêm lao động xã hội, sử dụng thêm lao động ngoài giờ ở các thành phố, thị xã, khu công nghiệp.

Có kế hoạch và biện pháp tích cực để hạn chế tỷ lệ tăng dân số năm 1985 không quá 2%. Khẩn trương ban hành chính sách dân số.

8. Về khoa học - kỹ thuật

Nhanh chóng ứng dụng rộng rãi những thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật đã được kết luận là đúng vào sản xuất và đời sống. Đẩy mạnh việc thực hiện các chương trình nghiên cứu khoa học trọng điểm cấp nhà nước, chú trọng các đề tài phục vụ nông nghiệp, các ngành công nghiệp chủ yếu, giao thông, vận tải, xây dựng. Tăng cường hợp tác, liên kết giữa các cơ quan nghiên cứu khoa học - kỹ thuật với các cơ sở sản xuất, đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ khoa học - kỹ thuật. Có chính sách sử dụng cán bộ khoa học - kỹ thuật hợp lý và có hiệu quả hơn; tăng cường cán bộ khoa học và kỹ thuật cho huyện và cơ sở.

Cần đặc biệt coi trọng công tác tiêu chuẩn hoá, đo lường và kiểm tra chất lượng sản phẩm; thể chế hoá việc quản lý chất lượng sản phẩm, có chế độ thưởng, phạt thích đáng về chất lượng hàng hoá.

Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản, công tác dự báo dài hạn phục vụ việc xây dựng quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1986 - 1990 và các năm sau.

9. Về văn hoá, xã hội

Thực hiện tốt chương trình cải cách giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt coi trọng giáo dục chính trị, đạo đức, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục quốc phòng, kết hợp chặt chẽ học tập với lao động sản xuất.

Trong việc tuyển sinh vào các trường trung học chuyên nghiệp và đại học, cần chú trọng hơn nữa các ngành giáo dục, y tế, kinh tế, nông - lâm nghiệp, các ngành công nghiệp chủ yếu, các trường đại học và trung học quân sự, đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển của các tỉnh miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long. Làm tốt công tác đào tạo chuyên tu và tại chức. Tiếp tục sắp xếp mạng lưới các trường đại học, trung học và dạy nghề. Kế hoạch đào tạo cán bộ khoa học - kỹ thuật và công nhân phải đi đôi với kế hoạch sử dụng sát với các mục tiêu kinh tế - xã hội, phục vụ yêu cầu phân công lao động ở từng địa phương và trong cả nước.

Chú trọng đào tạo công nhân kỹ thuật cho các ngành điện, than, cơ khí, vật liệu xây dựng, hoá chất, sản xuất hàng xuất khẩu và giao thông vận tải. Mở rộng việc đào tạo ngắn hạn trong các trung tâm dạy nghề ở thành phố, quận, huyện, thị xã nhằm thu hút lực lượng thanh niên chưa có việc làm vào học nghề, theo hình thức "Nhà nước và nhân dân cùng làm" để phát triển ngành nghề ở thành phố và nông thôn.

Đẩy mạnh các hoạt động văn hoá và nghệ thuật, thông tin và tuyên truyền nhằm tăng cường công tác tư tưởng, động viên phong trào thi đua lao động sản xuất và thực hành tiết kiệm, sẵn sàng chiến đấu chống mọi âm mưu phá hoại của địch, xây dựng nếp sống mới xã hội chủ nghĩa, đấu tranh chống hủ

tục, mê tín, dị đoan và các tệ nạn xã hội, bài trừ văn hoá đồi trụy, phản động.

Phát triển rộng rãi phong trào thể dục, thể thao, nhất là trong thanh niên, thiếu niên.

Củng cố tốt mạng lưới y tế hiện có, đẩy mạnh công tác vệ sinh phòng dịch, phòng bệnh. Ngành y tế phải thống nhất quản lý các dược liệu quan trọng, đẩy mạnh sản xuất thuốc chữa bệnh, tăng giường bệnh và mở rộng chữa bệnh ngoại trú cho nhân dân.

Bổ sung và thực hiện tốt các chính sách chăm sóc đời sống thương binh, gia đình liệt sĩ, những người có công với cách mạng, công nhân và cán bộ về hưu.

10. Kết hợp kinh tế với quốc phòng

Động viên sức mạnh của cả nước, bảo đảm các nhu cầu cần thiết cho quân đội để nâng cao sức chiến đấu và trình độ sẵn sàng chiến đấu, đặc biệt ưu tiên cho những nhu cầu của bộ đội ở các tuyến trước. Cải tiến phương thức cung cấp, tăng số lượng hàng chế biến, để bộ đội nhận được hàng hoá đúng số lượng, chất lượng, thời gian, địa điểm.

Cùng với việc quân đội đẩy mạnh lao động sản xuất để cải thiện đời sống và tự giải quyết một phần nhu cầu về sinh hoạt, cần có quy hoạch từng bước xây dựng và tăng cường nền công nghiệp quốc phòng, đồng thời tích cực huy động một bộ phận năng lực công nghiệp quốc phòng, vận tải quân sự và nhân lực của quân đội tham gia xây dựng kinh tế, sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, xây dựng cầu đường... Bộ Quốc phòng, Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước, các ngành, các cấp có liên quan cần xác định nhiệm vụ, chỉ tiêu,

giải quyết các yêu cầu về vốn đầu tư, vật tư, chế độ quản lý; bảo đảm cho bộ đội khi làm nhiệm vụ kinh tế được hưởng các chế độ, chính sách do Nhà nước ban hành, khuyến khích tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng và hiệu quả kinh tế.

III- VỀ TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Hội đồng Bộ trưởng cần có những biện pháp thật tích cực, đồng bộ để thực hiện cho được các phương hướng, nhiệm vụ và chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch nhà nước năm 1985 theo tinh thần nghị quyết này.

1. Trước hết, Hội đồng Bộ trưởng phải tiếp tục và nhanh chóng cụ thể hoá, thể chế hoá nội dung Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu và hội nghị lần này của Trung ương bằng cách sửa đổi và ban hành gấp một số chính sách và chế độ quản lý kinh tế, nhằm khắc phục quan liêu, bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, thật sự mở rộng quyền chủ động của địa phương và cơ sở, đồng thời bảo đảm sự quản lý tập trung, thống nhất của trung ương trong phạm vi cả nước.

Các bộ, các địa phương phải soát lại những chế độ, quy định hiện có, kiến nghị với Hội đồng Bộ trưởng hoặc tự mình ban hành trong phạm vi thẩm quyền cho phép những chính sách, chế độ mới thích hợp, trước hết là các chính sách liên quan tới hoạt động sản xuất, kinh doanh của cơ sở, như thuế, lợi nhuận, các khoản trợ cấp, thưởng, phạt, giá cả, tiền lương...

Đối với một số chính sách cụ thể, các địa phương có thể làm thử ở một số ít đơn vị cơ sở, nhưng phải chỉ đạo chặt chẽ và tổng kết kịp thời rồi kiến nghị để Trung ương có quyết định chính thức.

Các cấp, các ngành phải nghiêm chỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy của Trung ương về công

tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, coi đó là một trong những biện pháp quan trọng nhất để bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kế hoạch nhà nước năm 1985 và các năm sau.

Phải tăng cường hơn nữa hệ thống thông tin bảo đảm cho Trung ương nắm nhanh và đúng tình hình cơ bản của các ngành, địa phương, cơ sở; ngăn ngừa và khắc phục tệ báo cáo sai sự thật; cung cấp kịp thời cho các ngành, địa phương, cơ sở những thông tin cần thiết về kinh tế - kỹ thuật trong nước và ngoài nước.

2. Thi hành những biện pháp triệt để và nghiêm ngặt về thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, ngăn chặn và đẩy lùi các biểu hiện tiêu cực trong mọi lĩnh vực

Thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí là một vấn đề có ý nghĩa to lớn về kinh tế và xã hội, là một chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, là biện pháp quan trọng để giữ gìn phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên, nhân viên nhà nước. Phải có kế hoạch tổ chức chỉ đạo cụ thể, gây thành phong trào quần chúng rộng rãi, tạo ra sự chuyển biến và kết quả rõ rệt trong tất cả các cấp, các ngành, các đơn vị cơ sở.

Trong sản xuất và kinh doanh, phải chú trọng tiết kiệm năng lượng, vật tư, nguyên liệu bằng chế độ định mức nghiêm ngặt, quản lý chặt chẽ giá thành và phí lưu thông. Trong khu vực hành chính, phải hết sức hạn chế chi tiêu về hội họp, tiếp khách.

Các cấp bộ đảng, chính quyền, đoàn thể từ trung ương đến cơ sở phải tăng cường lãnh đạo đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội, phát huy những nhân tố tích cực, lối sống trong sạch, cần kiệm, giản dị, văn minh;

chống lối sống xa hoa, đồi trụy, chạy theo đồng tiền, mê tín, dị đoan.

3. Cải tiến mạnh mẽ công tác tổ chức và cán bộ là biện pháp có tính chất quyết định

Trong năm 1985, phải làm xong việc sáp xếp lại bộ máy nhà nước, cắt bỏ những bộ phận tổ chức chồng kẽm không có tác dụng; kiên quyết tinh giản bộ máy hành chính từ trung ương đến cơ sở; không đặt thêm những tổ chức trùng lắp làm phình bộ máy và biên chế. Cải tiến cách làm việc, điều chỉnh chức năng của một số ngành cho phù hợp với yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý.

Trong sáu tháng đầu năm 1985, phải kiện toàn xong khung cán bộ lãnh đạo của những ngành kinh tế trọng yếu, của một số địa phương (tỉnh, huyện) và những cơ sở sản xuất - kinh doanh quan trọng. Phải có cách nhìn mới để đánh giá đúng phẩm chất và năng lực cán bộ; khẩn trương huấn luyện và đào tạo cán bộ nhằm đáp ứng yêu cầu xoá bỏ bao cấp, chuyển sang hạch toán kinh doanh; nhanh chóng phát hiện, sử dụng, đề bạt những cán bộ đã được đào tạo và rèn luyện, có cách nghĩ, cách làm thích hợp với cơ chế quản lý mới; kiên quyết thay đổi những cán bộ lãnh đạo và quản lý bảo thủ, thiếu năng lực và kém phẩm chất.

Phải cải tiến sự phân công, phân cấp về quản lý cán bộ và quy trình, thủ tục về nhận xét, sáp xếp, bố trí cán bộ; gắn chặt công tác tổ chức, cán bộ với việc chỉ đạo, điều hành các hoạt động kinh tế - xã hội.

Phải xử lý nhanh chóng và dứt điểm tình trạng mất đoàn kết kéo dài trong một số cơ quan lãnh đạo Đảng và chính quyền; nghiêm khắc thi hành kỷ luật của Đảng và Nhà nước đối với những cán bộ, nhân viên phạm khuyết điểm nghiêm trọng.

4. Tăng cường công tác giáo dục chính trị, công tác quần chúng của Đảng để động viên mạnh mẽ phong trào cách mạng của quần chúng, làm cho mỗi người hiểu rõ tình hình chung của đất nước, hiểu rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình, từ đó mà chủ động, hăng hái lao động sản xuất và thực hành tiết kiệm, sẵn sàng cùng Đảng và Nhà nước khắc phục mọi khó khăn, kiên quyết đấu tranh chống mọi hiện tượng tiêu cực trong Đảng, trong bộ máy nhà nước và trong xã hội, quyết tâm tạo ra bước chuyển biến mới trong tình hình kinh tế - xã hội. Muốn vậy, phải tạo cho được động lực cách mạng trên cơ sở nâng cao tinh thần yêu nước, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa ba phần lợi ích, gắn chặt lợi ích với trách nhiệm và nghĩa vụ.

Cần nghiên cứu và ban hành những quy chế cụ thể để thực hiện tốt cơ chế "Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ, Nhà nước quản lý"; cải tiến sự lãnh đạo và cách làm việc của các cấp uỷ đảng, kiện toàn về tổ chức, cán bộ và nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước từ trung ương đến cơ sở.

5. Tăng cường sự chỉ đạo thực hiện kế hoạch nhà nước

Những chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch nhà nước năm 1985 được trình bày ở Hội nghị Trung ương lần này xem là *mức tối thiểu*. Sau Hội nghị Trung ương, Hội đồng Bộ trưởng phải chỉ đạo ngay các ngành, các địa phương, các cơ sở tiếp tục nghiên cứu và xây dựng kế hoạch từ cơ sở lên, khai thác thêm các nguồn khả năng, bổ sung cân đối kế hoạch một cách tích cực hơn và vững chắc hơn.

Trong sự chỉ đạo thực hiện kế hoạch, cần coi trọng các loại biện pháp kinh tế, hành chính, pháp luật, giáo dục, nhưng phải lấy biện pháp kinh tế làm chính. Các cơ quan của Đảng và Nhà nước ở trung ương phải, một mặt, nhanh chóng cụ thể hoá và thể chế hoá các quyết định của Ban Chấp hành Trung ương thành các chính sách, chế độ cụ thể để hướng

dẫn các cấp thi hành, mặt khác, phải đi sát các địa phương và cơ sở, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát từ trên xuống và giám sát từ dưới lên, theo sát những cách làm mới, những sáng kiến của bên dưới, kịp thời phổ biến và phát huy những kinh nghiệm tốt và uốn nắn những khuyết điểm, có kết luận kịp thời và rõ ràng về những việc đúng, sai; sơ kết, tổng kết đầy đủ việc thực hiện các chủ trương, chính sách quan trọng đã đề ra.

Phải tiếp tục tăng cường và cải tiến công tác chỉ đạo, điều hành của Ban Bí thư và Hội đồng Bộ trưởng, thực hiện tốt sự phối hợp hành động của các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước, các đoàn thể nhân dân, gắn chặt các hoạt động kinh tế, văn hoá với công tác tư tưởng và công tác tổ chức, làm cho sự lãnh đạo của Đảng, công tác quản lý của Nhà nước luôn thống nhất, ăn khớp, nhạy bén và có hiệu lực cao.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng tin rằng với tinh thần và khả năng của ba cấp cùng làm chủ, với những kinh nghiệm quý báu đã thu được trong quá trình thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương và thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1984, với ý thức trách nhiệm và cố gắng mới của các cấp, các ngành để khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, cải tiến công tác quản lý, toàn Đảng, toàn dân ta nhất định sẽ thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1985, tạo điều kiện thuận lợi cho bước phát triển mới trong kế hoạch 5 năm 1986 - 1990, thiết thực chuẩn bị Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG Bí THƯ

LÊ DUẨN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
(KHOÁ V)**

Số 23-NQ/TW, ngày 20 tháng 12 năm 1984

**Về công tác xây dựng huyện và tăng cường
cấp huyện**

I

Thi hành Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ IV, lần thứ V, Nghị quyết các Hội nghị lần thứ ba, lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương và Chỉ thị số 33 của Bộ Chính trị, công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện trong những năm qua đã từng bước được đẩy mạnh. Các huyện đều có những tiến bộ về đổi mới cơ chế quản lý, thực hiện chế độ khoán sản phẩm, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật. Nhiều huyện đã đạt được những thành tích quan trọng về phát triển nông nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp, xây dựng cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm tốt an ninh quốc phòng; tinh thần làm chủ tập thể của nhân dân lao động được phát huy, năng lực chỉ đạo của cấp huyện và cơ sở

được tăng cường một bước. Ở khắp các vùng, đã xuất hiện một số huyện tiên tiến, có nhiều kinh nghiệm tốt. Đó vừa là thành quả chung của nền kinh tế, vừa là kết quả bước đầu của công tác xây dựng huyện. Thực tế đã chứng minh: chủ trương xây dựng huyện là đúng đắn, nội dung và phương pháp xây dựng huyện ngày càng rõ, sự lãnh đạo và tổ chức thực hiện của Trung ương và của các tỉnh, các ngành, nhất là của các huyện ngày càng có hiệu quả.

Tuy vậy, nhìn chung công tác xây dựng huyện tiến triển chưa đều, còn nhiều huyện chưa có chuyển biến rõ về sản xuất và đời sống, chưa phát huy được đầy đủ tính chủ động, sáng tạo của địa phương và tinh thần làm chủ tập thể của nhân dân lao động, còn nặng tư tưởng trông chờ, y lại ở cấp trên. Có một số cấp uỷ đảng ở địa phương và một số ngành ở trung ương chưa nhận rõ vị trí trọng yếu của công tác xây dựng huyện, chưa nắm vững nội dung xây dựng cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp trên địa bàn huyện, xây dựng huyện phải phát triển toàn diện và gắn liền với cơ sở; sự chỉ đạo của Ban Bí thư và Hội đồng Bộ trưởng chưa chặt chẽ, chậm rút kinh nghiệm, chậm giải quyết những vướng mắc, khó khăn của cấp huyện và cơ sở, nhất là về chính sách cụ thể, về xây dựng cơ cấu kinh tế, tổ chức sản xuất, cơ chế quản lý, tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ.

II

Các cấp, các ngành cần quán triệt hơn nữa vị trí hết sức trọng yếu, có ý nghĩa chiến lược của công tác xây dựng huyện trong toàn bộ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Phải xây dựng cho được cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp hoặc nông - lâm - công nghiệp, lâm - nông - công nghiệp, nông - ngư - công nghiệp... trên địa bàn huyện với nội dung sát hợp với từng vùng; phát triển nông nghiệp toàn diện, tập

trung, chuyên canh, từng bước đi lên theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Khai thác có hiệu quả tiềm năng lao động, đất đai, ngành nghề và cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có, gắn chặt nông nghiệp với công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến nông - lâm - thuỷ sản; gắn chặt sản xuất với phân phối, lưu thông, bảo đảm cho kinh tế huyện phát triển hài hoà từ khâu sản xuất đến chế biến, tiêu thụ theo quy hoạch, kế hoạch của huyện và gắn với quy hoạch và kế hoạch chung của tỉnh, của cả nước.

Phải củng cố, tăng cường các đơn vị sản xuất, kinh doanh ở cơ sở, thực hiện sự hợp tác liên kết kinh tế giữa các đơn vị sản xuất, kinh doanh, giữa kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể và kinh tế gia đình, bảo đảm cho kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo. Ở những nơi chưa hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đổi với nông nghiệp, phải lãnh đạo, hướng dẫn kinh tế cá thể hoạt động theo đúng chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước. Phát triển kinh tế phải đi đôi với tổ chức tốt đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, xây dựng con người mới, nông thôn mới xã hội chủ nghĩa, bảo đảm vững chắc an ninh, quốc phòng ở từng cơ sở và trên địa bàn huyện.

Phải có *cơ chế quản lý* bảo đảm cho huyện và cơ sở thực sự làm chủ được sản xuất, phân phối lưu thông, chăm lo đời sống nhân dân, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tốt; tạo điều kiện cần thiết cho huyện và cơ sở phát huy được tinh thần tự lực, tự cường, tính chủ động, sáng tạo, bảo đảm cho cấp huyện thực sự vừa là cấp quản lý hành chính - kinh tế và xã hội một cách toàn diện, vừa là cấp kế hoạch và ngân sách. Phải kết hợp chặt chẽ giữa quản lý theo ngành và quản lý theo lãnh thổ trên địa bàn huyện. Xây dựng huyện mạnh phải đi đôi với xây dựng tinh mạnh và xây dựng ngành mạnh.

Phải phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phát động phong trào thi đua sôi nổi giữa các cơ sở ở từng huyện, giữa các huyện với nhau, tiến lên xây dựng huyện vững mạnh trong cả nước.

Từ nay đến năm 1990, phấn đấu *xây dựng trên 400 huyện phát triển toàn diện*, trước hết là các huyện trọng điểm, các huyện có vị trí trọng yếu về kinh tế, quốc phòng, nhằm những yêu cầu cụ thể sau đây:

Một là, lao động, đất đai, ngành nghề và các cơ sở vật chất - kỹ thuật trên địa bàn huyện được sử dụng có hiệu quả, sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ và vừa phát triển với tốc độ nhanh; cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp được xây dựng hợp lý, sát với điều kiện từng vùng. Trên cơ sở phát triển sản xuất, đáp ứng nhu cầu về lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng cho nhân dân, làm tốt công tác thu mua, giao nộp sản phẩm cho Nhà nước, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và sản phẩm cho xuất khẩu.

Hai là, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong sản xuất cũng như trong phân phối, lưu thông được củng cố và hoàn thiện.

Ba là, đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân được cải thiện một bước.

Bốn là, an ninh, quốc phòng vững mạnh.

Năm là, tổ chức đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng cấp huyện và cơ sở đều vững mạnh, đội ngũ cán bộ có phẩm chất, có năng lực.

Để thực hiện mục tiêu nói trên, cần làm tốt những công tác lớn sau đây:

1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng và bổ sung quy hoạch huyện, công tác tổ chức sản xuất, phân cấp, phân giao cơ sở cho huyện

Làm xong quy hoạch tổng thể, quy hoạch các ngành và một bộ phận quan trọng quy hoạch ở cơ sở của các huyện trong năm 1985. Đối với các huyện trọng điểm của tỉnh, phải làm xong quy hoạch cho tất cả các ngành và một bộ phận quy hoạch cơ sở vào quý II-1985. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Ủy ban Phân vùng kinh tế Trung ương cùng với Ban Xây dựng huyện Trung ương và các tỉnh, các ngành hướng dẫn cụ thể các huyện chủ động làm tốt quy hoạch huyện và cơ sở, gắn với tổng sơ đồ của tỉnh.

Việc xây dựng và thực hiện quy hoạch phải tập trung vào phát triển nông nghiệp toàn diện, đẩy mạnh sản xuất lúa, màu, phát triển cây công nghiệp, chăn nuôi, kết hợp phát triển nông nghiệp với lâm nghiệp, ngư nghiệp, bảo đảm nhu cầu nhiều mặt cho đời sống nhân dân trong huyện và tăng nhanh sản phẩm hàng hoá, nhất là nông sản xuất khẩu, nông sản chế biến. Tuỳ theo điều kiện từng nơi mà đẩy mạnh xây dựng các cơ sở công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp phục vụ cho sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, các cơ sở chế biến nông, lâm, thuỷ sản, sản xuất hàng tiêu dùng, phục vụ cho xây dựng cơ bản, giao thông, vận tải, thông tin bưu điện. Chú trọng mở rộng ngành nghề trong các hợp tác xã nông nghiệp, gia đình xã viên, xây dựng các hợp tác xã chuyên doanh và các xí nghiệp quốc doanh huyện. Kết hợp chặt chẽ giữa quy hoạch sản xuất với quy hoạch phân phối, lưu thông; giữa quy hoạch kinh tế với quy hoạch văn hoá, giáo dục, y tế, thể dục, thể thao, sinh đẻ có kế hoạch; giữa quy hoạch kinh tế - xã hội với quy hoạch xây dựng pháo đài quân sự huyện và bảo đảm an ninh trật tự trong huyện.

Đẩy mạnh việc tổ chức sản xuất đối với cây trồng, vật nuôi, ngành nghề trong các hợp tác xã, nông, lâm trường và nâng

dần lên phạm vi huyện, khắc phục tình trạng hợp tác xã tự làm, tự lo một cách riêng biệt.

Xúc tiến việc phân công lao động hợp lý ở từng cơ sở và trên địa bàn huyện, tổ chức và huy động lao động phục vụ cho sản xuất và xây dựng cơ bản, tổ chức tốt việc điêu lao động đi và tiếp thu lao động đến.

Trong việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, cần chú trọng giải quyết tốt vấn đề thuỷ lợi, sức kéo, giống, phòng trừ sâu bệnh, thú y, cung ứng vật tư, sản xuất nông cụ, sửa chữa cơ khí, năng lượng, chế biến và bảo quản nông - lâm - thuỷ sản, giao thông, vận tải...; chú trọng kết hợp với xây dựng thị trấn huyện, xây dựng các cụm kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới.

Hoàn thành việc phân cấp quản lý và phân giao cơ sở cho huyện. Nơi nào chưa làm xong trong năm 1984 thì phải làm xong trong quý I-1985, chú trọng đổi mới các mặt còn lại như cá, muối, vận tải, giao đất, giao rừng, nông trường, lâm trường, công ty lương thực, công ty thương nghiệp, công ty vật tư tổng hợp... Việc phân cấp quản lý, phân giao cơ sở phải đi đôi với xác định quyền hạn, trách nhiệm và giải quyết hợp lý lợi ích giữa cấp trên và cấp dưới, phải đạt hiệu quả thiết thực, tránh kéo dài hoặc làm lướt.

2. Đẩy mạnh việc hoàn thành hợp tác hoá nông nghiệp, củng cố và hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất mới

Hoàn thành về cơ bản công cuộc hợp tác hoá nông nghiệp ở Nam Bộ trong năm 1985 bằng hình thức chủ yếu là tập đoàn sản xuất. Phát huy hơn nữa vai trò của huyện đối với hợp tác xã và tập đoàn sản xuất, nhất là những nơi còn yếu kém. Việc củng cố, tăng cường các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất cần tiến hành theo hướng mở rộng sản xuất kinh doanh tập thể, tăng cường sở hữu tập thể, nâng cao thu nhập từ kinh tế tập thể, phát triển kinh tế gia đình. Gắn việc củng cố và

hoàn thiện chế độ khoán mới với việc khuyến khích và nâng cao hiệu lực điều hành của ban quản lý hợp tác xã, của đội sản xuất, đội lao động chuyên khâu, khuyến khích thích đáng người lao động, gán trách nhiệm và hưởng thụ của mọi người lao động với sản phẩm cuối cùng.

Chú trọng củng cố và phát huy các cơ sở quốc doanh sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp trực thuộc huyện, tăng cường mối quan hệ hợp tác liên kết với các cơ sở quốc doanh thuộc tỉnh và trung ương nằm trên địa bàn huyện.

Kết hợp việc củng cố và phát huy các trạm, trại, cửa hàng với từng bước tổ chức và phát huy các công ty kinh doanh do cấp huyện trực tiếp quản lý, như công ty vật tư tổng hợp, công ty thương nghiệp tổng hợp, công ty lương thực, công ty ngoại thương, các công ty dịch vụ kỹ thuật, v.v.; mở rộng sự hợp tác liên kết giữa các cơ sở phục vụ với các cơ sở sản xuất, từng bước hình thành các tổ chức liên doanh, liên hiệp theo cây trồng, vật nuôi, ngành nghề và theo từng khâu trên địa bàn huyện.

3. Đẩy mạnh công tác phân phối lưu thông, thực hiện tốt việc cải tạo và làm chủ thị trường huyện

Làm tốt việc thu mua, nắm tuyệt đại bộ phận hàng hoá nông - lâm - thuỷ sản và hàng tiêu thủ công nghiệp, củng cố và phát triển mạnh thương nghiệp xã hội chủ nghĩa (cả quốc doanh và hợp tác xã mua bán), tăng cường sự trao đổi và hợp đồng trong kế hoạch, quản lý chặt chẽ thị trường có tổ chức; đổi với thị trường "tự do", chỉ còn lại sự trao đổi trực tiếp giữa người sản xuất và người tiêu dùng.

Mở rộng hệ thống ngân hàng và hợp tác xã tín dụng, thu hút phần lớn tiền lưu thông trong xã hội; cải tiến việc quản lý tiền mặt, bảo đảm yêu cầu mở rộng sản xuất, kinh doanh của huyện. Gắn liền sự hoạt động của hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng với hợp tác xã sản xuất; thực hiện quyên hạn của cấp huyện theo quyết định phân cấp quản lý giá của Nhà nước. Tổ chức tốt việc liên kết kinh doanh ngoài diện,

ngoài mức kế hoạch giữa các cơ sở sản xuất với tổ chức thương nghiệp huyện, có sự phân chia lợi ích thỏa đáng giữa các bên.

Dựa vào đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, công nghiệp và tổ chức tốt phân phối, lưu thông mà tạo ra điều kiện mới để từng bước cải thiện đời sống nhân dân trong huyện, đáp ứng những nhu cầu bức thiết về ăn, mặc, ở, đi lại, học tập, sức khoẻ..., tăng cường xây dựng các cơ sở phúc lợi tập thể, nâng cao sinh hoạt văn hoá và tinh thần, xây dựng lối sống mới, con người mới xã hội chủ nghĩa ở nông thôn.

4. Trên cơ sở làm tốt công tác quy hoạch và từng bước thực hiện quy hoạch, tiến hành việc xây dựng kế hoạch từ cơ sở lên, thực sự bảo đảm quyền chủ động của cơ sở

Trong việc xây dựng kế hoạch, phải chú trọng phát huy tốt nhất tiềm năng hiện có, mở rộng việc liên kết kinh tế giữa các cơ sở trong huyện, giữa các huyện trong tỉnh và thuộc các tỉnh khác, đưa việc hợp tác liên kết vào hợp đồng và kế hoạch của huyện, của tỉnh. Bộ Ngoại thương và cấp tỉnh cần giúp huyện phát triển - nhập khẩu để có thêm vật tư - kỹ thuật. Kiên quyết khắc phục tình trạng giao kế hoạch gò ép từ trên xuống. Các cơ quan nhà nước ở trung ương và tỉnh cần có biện pháp bảo đảm cân đối vật tư và tiền lương ứng với số sản phẩm đã được ghi thành chỉ tiêu pháp lệnh theo hợp đồng được ký kết.

5. Tăng cường xây dựng pháo đài quân sự và an ninh trên địa bàn huyện

Kết hợp kinh tế với quốc phòng, xây dựng thế trận làm chủ của chiến tranh nhân dân, tổ chức lực lượng lao động

sản xuất đồng thời là lực lượng quốc phòng, bảo đảm chiến đấu và hậu cần tại chỗ, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự xã hội. Làm tốt việc giáo dục chính trị, tư tưởng về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, quản lý quân dự bị, xây dựng mạng lưới an ninh nhân dân vững mạnh, trong sạch về chính trị và tổ chức.

Trước mắt, cần tập trung sức của cả nước kết hợp với việc phát huy cao độ tinh thần tự lực, tự cường của các địa phương, khẩn trương xây dựng các huyện ở sáu tỉnh biên giới phía Bắc, nhất là 31 huyện, thị biên giới và các huyện kế cận có đủ sức về mọi mặt cùng bộ đội chủ lực bảo vệ vững chắc vùng biên giới trong mọi tình huống.

6. Xây dựng đảng bộ huyện vững mạnh; tiếp tục kiện toàn bộ máy nhà nước và các đoàn thể quần chúng, tăng cường đội ngũ cán bộ; tăng cường sự lãnh đạo của Ban Bí thư và Hội đồng Bộ trưởng

Để bảo đảm tốt công tác xây dựng huyện, trước hết cần tăng cường sự lãnh đạo của huyện uỷ, tích cực xây dựng đảng bộ huyện vững mạnh gắn với xây dựng đảng bộ xã và đảng bộ các loại cơ sở khác trong sạch vững mạnh; phát huy chức năng quản lý của uỷ ban nhân dân và vai trò của hội đồng nhân dân các cấp huyện, xã và các tổ chức quần chúng. Cán bộ chủ chốt của huyện uỷ và đảng uỷ, chi uỷ cơ sở phải thật sự là những cán bộ có phẩm chất tốt và có năng lực lãnh đạo; kiên quyết thay đổi những cán bộ yếu kém.

Tổ chức tốt bộ máy của uỷ ban nhân dân huyện theo hướng gọn nhẹ, có chất lượng. Củng cố và phát huy các phòng, ban, giải quyết tốt mối quan hệ giữa uỷ ban nhân dân huyện với các đơn vị sản xuất, kinh doanh. Tăng cường đội

ngũ cán bộ chủ chốt của uỷ ban nhân dân, các phòng, ban và các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Xây dựng và thực hiện quy hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ huyện và cơ sở nhằm chủ động giải quyết cán bộ ngay ở địa phương. Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với các ngành, các tỉnh và các huyện làm xong việc bố trí cán bộ chủ chốt ở các huyện trong năm 1985, trước hết là ở các huyện trọng điểm. Có chính sách khuyến khích cán bộ về công tác ở huyện và cơ sở. Ban Bí thư và Hội đồng Bộ trưởng cần chỉ đạo tất cả các ngành trung ương, các tỉnh, thành nâng cao trách nhiệm và thực hiện tốt các công tác lớn về xây dựng huyện; trước hết tập trung xây dựng các huyện trọng điểm, đồng thời khẩn trương chỉ đạo và hướng dẫn công tác xây dựng huyện đối với tất cả các huyện trong cả nước.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG Bí THƯ

LÊ DUẨN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THU**

Số 54-CT/TW, ngày 17 tháng 12 năm 1984

**Kỷ niệm lần thứ 40 chiến thắng
chủ nghĩa phátxít**

Nghị quyết của Bộ Chính trị số 17-NQ/TW về tổ chức những ngày kỷ niệm lớn trong hai năm 1984 - 1985 đã gắn những ngày lễ lớn nhất trong nước với kỷ niệm lần thứ 40 ngày chiến thắng chủ nghĩa phátxít (9-5-1945 – 9-5-1985), và chỉ rõ có chiến thắng chủ nghĩa phátxít Hitle và chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản thì mới có thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và những thắng lợi vĩ đại tiếp theo của cách mạng Việt Nam.

Thực hiện Nghị quyết nói trên, chúng ta phải tổ chức trọng thể và có tính quần chúng rộng rãi lễ kỷ niệm chiến thắng chủ nghĩa phátxít nhằm nêu cao ý nghĩa thắng lợi:

1. Chiến thắng chủ nghĩa phátxít là chiến thắng lịch sử lớn nhất của thế kỷ XX sau Cách mạng Tháng Mười, sự cống hiến to lớn và quyết định của nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên đối với thắng lợi này. Nhân dân Liên Xô và quân đội Xôviết,

dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô, dựa vào sức mạnh vô địch của chế độ mới, đã chiến đấu vô cùng anh dũng đập tan quân đội phátxít xâm lược và cứu loài người khỏi ách thống trị của chúng. Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, các dân tộc và các liên minh chống phátxít đã tham gia cuộc chiến đấu vĩ đại này và cùng với Liên Xô chiến thắng oanh liệt kẻ thù hung bạo của loài người.

2. Thắng lợi này đánh dấu một bước ngoặt lịch sử có tính toàn cầu: bảo vệ nhà nước đầu tiên của chủ nghĩa xã hội, làm suy yếu một bộ phận quan trọng của chủ nghĩa đế quốc, thay đổi so sánh lực lượng, tạo ra điều kiện thuận lợi cho một cao trào cách mạng mới tiến công vào chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, tiền đế của ba dòng thác cách mạng hiện nay. Nhờ thắng lợi này, nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, đã kịp thời tổng khởi nghĩa, thiết lập chính quyền cách mạng trong cả nước.

3. Mục đích của cuộc kỷ niệm này là nhằm nâng cao tinh thần cảnh giác của nhân dân trước nguy cơ chiến tranh thế giới mới do đế quốc Mỹ đang ráo riết chuẩn bị, tăng cường đoàn kết với Liên Xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa, đấu tranh bảo vệ hòa bình.

Trong công tác tuyên truyền:

- Bằng những tài liệu sinh động, nêu cao tính ưu việt và thành tựu của chủ nghĩa xã hội hiện thực, sự hợp tác có hiệu quả của các thành viên cộng đồng xã hội chủ nghĩa trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Tuyên truyền về kết quả của Hội nghị kinh tế cấp cao các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế (6-1984) và về bản *Tuyên bố chung Bảo vệ hòa bình và hợp tác kinh tế thế giới*.

- Biểu thị lòng biết ơn sâu sắc nhân dân Liên Xô và Đảng Cộng sản Liên Xô đã hy sinh to lớn trong cuộc đấu tranh chống phátxít vì Tổ quốc mình và vì loài người tiến bộ, trong đó có nhân dân Việt Nam. Nhân dân ta quyết tâm đem hết sức mình góp phần vào cuộc đấu tranh bảo vệ hòa bình, nhất là tiến hành cuộc chiến đấu anh dũng chống bọn ... lấn chiếm lãnh thổ của mình, bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á.
- Các đoàn thể cần tiến hành đợt tuyên truyền về cuộc kỷ niệm này gắn liền với những ngày kỷ niệm lớn của nước ta trong năm 1985.

- Các viện nghiên cứu, các trường đảng và đoàn thể, các trường đại học cần tổ chức các cuộc hội nghị khoa học về những bài học lịch sử của cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa phátxít, về tình hình quốc tế hiện nay và cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa để quốc chạy đua vũ trang, bảo vệ hòa bình thế giới.

- Các báo cáo viên tổ chức rộng rãi các cuộc nói chuyện.
- Các cơ quan văn hoá, văn học, nghệ thuật, điện ảnh, xuất bản cần có kế hoạch hoạt động cụ thể về những ngày kỷ niệm trong nước và quốc tế.
- Tổ chức mítinh kỷ niệm trọng thể ở Hà Nội và ở các tỉnh, thành phố.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 55-CT/TW, ngày 20 tháng 12 năm 1984

**Về việc lãnh đạo cuộc bầu cử hội đồng nhân dân
và uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố và đặc khu
trực thuộc Trung ương nhiệm kỳ 1985 - 1989**

Cuộc bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương sẽ tiến hành vào ngày 21-4-1985.

Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ đảng tỉnh, thành và đặc khu:

1. Lãnh đạo cuộc bầu cử theo đúng luật và các văn bản hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền phải tạo điều kiện để nhân dân lao động thực hiện đầy đủ quyền làm chủ tập thể của mình trong việc lựa chọn những đại biểu xứng đáng vào hội đồng nhân dân - cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương; lãnh đạo việc lựa chọn những người có năng lực, có uy tín trong hội đồng nhân dân để bầu vào uỷ ban nhân dân.

a) Trong nhiệm kỳ mới này, cần được tăng cường số *đại biểu* hội đồng nhân dân là công nhân ưu tú ở các khu công

nghiệp tập trung, những người tiêu biểu cho lực lượng sản xuất mới ở các công trường, nông trường, các hợp tác xã, các tập đoàn sản xuất nông nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp... những cán bộ khoa học - kỹ thuật, trí thức xã hội chủ nghĩa có phẩm chất và năng lực. Ở những nơi có đồng bào dân tộc, cần có số đại biểu thích đáng là người dân tộc ít người. Đại biểu là nữ, là thanh niên cần có khoảng 30% trong hội đồng nhân dân. Số đại biểu là đảng viên không nên chiếm quá 60%; số đại biểu cũ được tái cử không chiếm quá nửa tổng số đại biểu hội đồng nhân dân của nhiệm kỳ mới.

Căn cứ vào tiêu chuẩn đại biểu đã được luật quy định và cơ cấu hội đồng nhân dân đã được xác định, các cấp uỷ đảng cần lãnh đạo chặt chẽ Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân hướng dẫn các tập thể nhân dân lao động ở cơ sở lựa chọn những người tiêu biểu nhất để giới thiệu ra ứng cử.

b) Về *thành viên uỷ ban nhân dân* nhiệm kỳ mới, cấp uỷ đảng cần lựa chọn những cán bộ đã tỏ ra vững vàng trong việc thực hiện các nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, có kiến thức và năng lực về quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội. Chủ trọng tăng cường thành phần công nhân, thành phần nữ, cán bộ khoa học - kỹ thuật, cán bộ là người dân tộc ít người (ở những nơi có dân tộc ít người). Bộ phận thường trực uỷ ban nhân dân phải gồm những người tiêu biểu về phẩm chất cách mạng và năng lực quản lý, có trình độ thông hiểu pháp luật; trong đó người dự kiến bầu làm uỷ viên thư ký phải nắm vững các thể thức và thủ tục hành chính nhà nước.

Trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn nói trên, cần soát xét lại lực lượng cán bộ nữ, cố gắng chọn một nữ làm phó chủ tịch uỷ ban nhân dân.

Những đồng chí chủ tịch, phó chủ tịch tuổi cao, đau yếu nhiều hoặc năng lực và phẩm chất kém, không đủ tín nhiệm, thì để nghỉ hoặc chuyển công tác khác. Có một số đồng chí tuy khóa bầu cử này vẫn giữ lại, nhưng có thể đến đại hội đảng bộ tỉnh, thành năm 1986 bầu cấp uỷ mới sẽ phân công lại; trong trường hợp này cần có dự kiến những đồng chí nào đến 1986 sẽ đảm nhiệm chức vụ này để đưa vào tham gia hội đồng nhân dân lần này.

2. Cần rút kinh nghiệm các cuộc bầu cử hai cấp huyện, xã và tương đương vừa qua để có kế hoạch bảo đảm cho cuộc bầu cử sắp tới được thực sự dân chủ, đúng luật. Phải lắng nghe và tôn trọng ý kiến của nhân dân, của cán bộ, đảng viên ở nơi cư trú và nơi công tác của những người được giới thiệu ra ứng cử; giải quyết tốt những kiến nghị, tố cáo, khiếu nại của cử tri. Kiên quyết không đưa những người kém năng lực, kém phẩm chất, tham ô, vụ lợi, cửa quyền, ức hiếp quần chúng... vào hội đồng nhân dân. Phải chống mọi biểu hiện gò ép hoặc buông lỏng sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng đối với công tác này. Cấp uỷ cần chú trọng lãnh đạo việc kiểm điểm nhiệm kỳ của hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân để tạo thuận lợi cho việc lựa chọn giới thiệu người ra ứng cử.

Để giúp cấp uỷ trong công tác lãnh đạo bầu cử, cần thành lập sớm ban chỉ đạo bầu cử, do đồng chí bí thư hoặc phó bí thư trực tiếp phụ trách.

3. Nhân dịp này, các tỉnh uỷ, thành uỷ và đặc khu uỷ cần rút kinh nghiệm về công tác lãnh đạo của cấp uỷ đảng đối với hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân, đề ra biện pháp tăng

cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chính quyền, khắc phục tình trạng buông trôi lãnh đạo hoặc bao biện công việc của cơ quan nhà nước.

Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Ban Tổ chức của Chính phủ giúp Ban Bí thư và Hội đồng Bộ trưởng hướng dẫn, kiểm tra các địa phương xây dựng cơ cấu, thành phần hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân phù hợp với tiêu chuẩn và cơ cấu đã được quy định.

Về chức vụ chủ tịch uỷ ban nhân dân, các ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ cần cân nhắc kỹ, có dự kiến rồi làm việc với Ban Tổ chức Trung ương để Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng xét duyệt, chậm nhất là vào trung tuần tháng 3-1985.

T/M BAN BÍ THU

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THU

Số 40-TT/TW, ngày 27 tháng 12 năm 1984

Về "Huy hiệu Đảng tặng các đảng viên lâu năm"

Để ghi nhớ công lao hoạt động cách mạng của các đảng viên lâu năm, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 55 ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Bí thư quyết định tặng thưởng huy hiệu Đảng cho các đảng viên có từ 40 năm tuổi đảng trở lên. Thực hiện chủ trương trên, Ban Bí thư quy định việc làm huy hiệu và phân công các ban, ngành như sau:

1. Huy hiệu làm bằng chất liệu bền, đẹp và trang trọng.
2. Huy hiệu có hai loại: một loại có con số 40 để tặng các đảng viên có 40 năm tuổi đảng trở lên, một loại có con số 50 để tặng các đảng viên có 50 năm tuổi đảng trở lên.
3. Giao cho Viện Huân chương và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm làm huy hiệu theo hình mẫu vẽ đã được Ban Tổ chức chung những ngày kỷ niệm lớn của Trung ương duyệt.
4. Số lượng huy hiệu cần làm, giấy chứng nhận và quản lý huy hiệu, hướng dẫn các cấp thực hiện việc tặng huy hiệu cho những đảng viên có đủ tiêu chuẩn, do Ban Tổ chức Trung ương chịu trách nhiệm.

5. Những chất liệu quý để làm huy hiệu đề nghị Hội đồng Bộ trưởng cấp phát.

Kinh phí về việc làm huy hiệu do ngân sách đảng chi. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương chịu trách nhiệm về việc này.

T/M BAN BÍ THU
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

MỤC LỤC

TRANG

- <i>Lời giới thiệu tập 45</i>	V	
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 32-CT/TW, ngày 10 tháng 1 năm 1984, về tăng cường công tác quản lý báo chí	1	
- Quyết định của Ban Bí thư, số 34-QĐ/TW, ngày 10 tháng 1 năm 1984, về quy chế làm việc của đảng uỷ, chi uỷ cơ quan	8	
- Quyết định của Ban Bí thư, số 35-QĐ/TW, ngày 16 tháng 1 năm 1984, về một số vấn đề cải tiến công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ tại Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc	23	
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 33-CT/TW, ngày 16 tháng 1 năm 1984, tăng cường công tác bảo vệ Đảng trong tình hình mới	30	
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 34-CT/TW, ngày 17 tháng 1 năm 1984, tăng cường kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng	38	
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 35-CT/TW, ngày 18 tháng 1 năm 1984, về việc khuyến khích và hướng dẫn phát triển kinh tế gia đình	43	
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 36-CT/TW, ngày 6 tháng 2 năm 1984, về việc lãnh đạo cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân hai cấp huyện, xã và tương đương	50	
- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 17-NQ/TW, ngày 7 tháng 2 năm 1984, về tổ chức những ngày kỷ niệm lớn trong hai năm 1984 - 1985	54	
- Quyết định của Ban Bí thư, số 37-QĐ/TW, ngày 8 tháng 2 năm 1984, quy chế làm việc của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương	57	
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 37-CT/TW, ngày 9 tháng 2 năm 1984, về việc tổ chức thực hiện những thoả thuận giữa hai Bộ Chính trị Việt Nam - Lào	67	
- Thông báo, số 32-TB/TW, ngày 13 tháng 2 năm 1984, ý kiến của Ban Bí thư về việc mở Đại hội đại biểu Hội Liên hiệp Nông dân toàn quốc lần thứ I	71	
- Thông báo, số 33-TB/TW, ngày 14 tháng 2 năm 1984, quyết định của Bộ Chính trị về việc thống nhất Ban Kinh tế Trung ương và Ban Phân phối lưu thông Trung ương	73	
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 38-CT/TW, ngày 20 tháng 2 năm 1984, về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh tra	75	
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 39-CT/TW, ngày 10 tháng 3 năm 1984, về việc tổ chức kỷ niệm lần thứ 55 ngày thành lập Công đoàn Việt Nam	79	
- Hướng dẫn của Ban Bí thư, số 39-QĐ/TW, ngày 12 tháng 3 năm 1984, quy chế làm việc của các cấp uỷ tỉnh, thành phố, huyện, quận, thị	81	
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 40-CT/TW, ngày 13 tháng 3 năm 1984, kỷ niệm lần thứ 30 ngày chiến thắng Điện Biên Phủ và lần thứ 40 ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam	98	
- Quyết định của Ban Bí thư, số 40-QĐ/TW, ngày 27 tháng 3 năm 1984, thực hiện cơ chế lãnh đạo mới của Đảng đối với quân đội và chế độ một người chỉ huy	102	
- Thông báo, số 36-TB/TW, ngày 3 tháng 4 năm 1984, ý kiến của Ban Bí thư về việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về rà soát cán bộ	103	
- Quyết định của Ban Bí thư, số 41-QĐ/TW, ngày 5 tháng 4 năm 1984, về tổ chức bộ máy và biên chế các cơ quan đảng, đoàn thể	109	
- Quyết định của Ban Bí thư, số 42-QĐ/TW, ngày 10 tháng 4 năm 1984, về phương hướng, nhiệm vụ, biện pháp		

tăng cường công tác xuất bản	117
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 41-CT/TW, ngày 17 tháng 4 năm 1984, về việc chăm sóc và bồi dưỡng, sử dụng cán bộ, công nhân, viên chức về hưu	120
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 42-CT/TW, ngày 23 tháng 4 năm 1984, về việc tăng cường công tác tài chính đảng	126
- Thông tri của Ban Bí thư, số 34-TT/TW, ngày 23 tháng 4 năm 1984, về việc đóng đảng phí mới	130
- Thông tri của Ban Bí thư, số 35-TT/TW, ngày 23 tháng 4 năm 1984, về vấn đề tổ chức Uỷ ban Trung ương Liên hiệp Văn học, nghệ thuật Việt Nam	132
- Thông báo, số 40-TB/TW, ngày 28 tháng 4 năm 1984, ý kiến của Bộ Chính trị về tình hình và chủ trương giải quyết khó khăn về lương thực hiện nay	135
- Thông báo, số 41-TB/TW, ngày 19 tháng 5 năm 1984, ý kiến của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc công nhận chức vụ khoa học giáo sư, phó giáo sư và chuẩn bị thành lập Viện Hàn lâm khoa học Việt Nam	143
- Quy định của Ban Bí thư, số 44-QĐ/TW, ngày 23 tháng 5 năm 1984, về thẩm quyền thi hành kỷ luật trong Đảng của cơ quan chính trị, Uỷ ban Kiểm tra Đảng và các tổ chức cơ sở đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam	147
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 44-CT/TW, ngày 7 tháng 6 năm 1984, về một số vấn đề cấp bách trong công tác cán bộ nữ	154
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 45-CT/TW, ngày 20 tháng 6 năm 1984, về tăng cường quan hệ hợp tác giữa các ngành và địa phương của ta với các ngành và địa phương của Lào và Campuchia	163
- Nắm vững quy luật, đổi mới quản lý kinh tế (Ý kiến đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn trình bày tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khoá V), ngày 3 tháng 7 năm 1984	170
- Phát biểu của đồng chí Trường Chinh tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khoá V	245
- Lời kết thúc Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khoá V, ngày 10 tháng 7 năm 1984	270
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương (khoá V), về những nhiệm vụ cấp bách trong công tác cải tiến quản lý kinh tế	274
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 46-CT/TW, ngày 11 tháng 7 năm 1984, về việc phổ biến và tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng	309
- Thông báo, số 44-TB/TW, ngày 13 tháng 7 năm 1984, ý kiến của Ban Bí thư về việc tiếp tục công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh Nam Bộ	316
- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 19-NQ/TW, ngày 17 tháng 7 năm 1984, về quan hệ kinh tế giữa ta với nước ngoài	325
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 47-CT/TW, ngày 6 tháng 8 năm 1984, về tăng cường quản lý việc phát hành, lưu giữ, thu hồi tài liệu, văn kiện của Đảng	344
- Quyết định của Ban Bí thư, số 48-QĐ/TW, ngày 8 tháng 9 năm 1984, về quy chế làm việc của các đảng uỷ, chi uỷ ở các xí nghiệp và đơn vị cơ sở kinh tế thuộc khu vực nhà nước	349
- Thông tri của Ban Bí thư, số 37-TT/TW, ngày 28 tháng 9 năm 1984, về việc tăng cường lãnh đạo công tác trọng tài kinh tế	372
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 49-CT/TW, ngày 29 tháng 9 năm 1984, về việc nâng cao sức chiến đấu, chất lượng lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng ở đơn vị kinh tế quốc doanh	374
- Quyết định của Ban Bí thư, số 47-QĐ/TW, ngày 6 tháng 10 năm 1984, về tổ chức đảng trong ngành đường sắt	385
- Quyết định của Ban Bí thư, số 49-QĐ/TW, ngày 22 tháng 10 năm 1984, về tổ chức lễ tang khi cán bộ cao cấp từ trần	

- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 50-CT/TW, ngày 22 tháng 10 năm 1984, về việc kiện toàn và nâng cao chất lượng các đơn vị quốc doanh sản xuất và dịch vụ - kỹ thuật trong mặt trận nông nghiệp 394
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 51-CT/TW, ngày 25 tháng 10 năm 1984, về việc tăng cường lãnh đạo cuộc vận động thực hiện nếp sống mới, bài trừ hủ tục, mê tín, dị đoan, xoá bỏ tệ nạn xã hội, quét sạch văn hoá phản động, dồi truy 406
- Thông tri của Ban Bí thư, số 38-TT/TW, ngày 25 tháng 10 năm 1984, về việc khen thưởng Huân chương Sao Vàng, Huân chương Hồ Chí Minh và Huân chương Độc lập 410
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 52-CT/TW, ngày 11 tháng 11 năm 1984, về việc công bố, lấy ý kiến của nhân dân về *Phân các tội phạm* của Bộ luật Hình sự 416
- Thông báo, số 49-TB/TW, ngày 4 tháng 10 năm 1984, kết luận của Ban Bí thư, về "vụ máy bay TU.134A số 108" 419
- Thông báo, số 52-TB/TW, ngày 11 tháng 12 năm 1984, ý kiến của Ban Bí thư về việc giải quyết "vụ máy bay TU.134A số 108" 422
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 53-CT/TW, ngày 28 tháng 11 năm 1984, về tăng cường công tác quần chúng của Đảng 425
- Lời khai mạc Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V) 435
- Báo cáo sơ kết việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương 439
- Lời bế mạc Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V), ngày 17 tháng 12 năm 1984 454
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V), số 22-NQ/TW, ngày 20 tháng 12 năm 1984, về phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1985 458
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V), số 23-NQ/TW, ngày 20 tháng 12 năm 1984, về công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện 484
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 54-CT/TW, ngày 17 tháng 12 năm 1984, kỷ niệm lần thứ 40 chiến thắng chủ nghĩa phàtxít 495
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 55-CT/TW, ngày 20 tháng 12 năm 1984, về việc lãnh đạo cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương nhiệm kỳ 1985 - 1989 498
- Thông tri của Ban Bí thư, số 40-TT/TW, ngày 27 tháng 12 năm 1984, về "Huy hiệu Đảng tặng các đảng viên lâu năm" 502